



Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ CÁC NGUỒN VỐN KHÔNG THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN TỈNH ĐỒNG NAI ĐIỀU CHỈNH

ĐVT: Triệu đồng

PHẦN A - KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025				
TT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025 (theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 25/6/2025)	Kiến nghị điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 điều chỉnh
	TỔNG SỐ(I+II)	131.539.982	9.888.400	141.428.382
I	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	111.046.143		111.164.543
1	Vốn ngân sách tập trung	22.730.120		22.730.120
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất (gồm 7.500 tỷ đồng được giao từ đầu kỳ trung hạn và 3.100 tỷ bổ sung trong kỳ trung hạn)	41.497.632		41.497.632
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	13.550.415		13.550.415
4	Ngân sách trung ương thường vượt dự toán thu ngân sách năm 2021	1.000.000		1.000.000
5	Bội chi ngân sách địa phương	3.117.500		3.117.500
6	Nguồn kết dư giai đoạn 2016-2020 chuyển sang	238.174		238.174
7	Nguồn thu vượt XSKT năm 2022, 2023	882.293		882.293
8	Nguồn khai thác dầu khí	15.000.000		15.000.000
9	Nguồn Quỹ sắp xếp doanh nghiệp	383.270		383.270
10	Nguồn vốn khác (từ nguồn vốn cấp huyện trước ngày 01/7/2025)	12.646.739	118.400	12.765.139
II	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	20.493.839		30.263.839
1	Vốn trong nước	17.984.655	9.770.000	27.754.655
2	Vốn nước ngoài	2.509.184		2.509.184
a	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (giai đoạn 1)	2.032.600		2.032.600
b	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)	268.900		268.900
c	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước	207.684		207.684
PHẦN B - NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KHÁC (KHÔNG THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025)				
TT	Nguồn vốn	Nguồn vốn đầu tư công khác	Kiến nghị điều chỉnh	Nguồn vốn đầu tư công khác
	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	13.351.867	-8.569.640	4.782.227
I	Vốn trong nước	3.470.214		4.670.574
1	Vốn chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội	1.500.000		1.500.000
2	Vốn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021	586.000		586.000
3	Vốn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2024	0	1.200.000	1.200.000
4	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	11.154.214		1.384.574
a	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	794.233		794.233
b	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	10.111		10.111
c	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	579.870	360	580.230
d	Nguồn dự phòng chung tương ứng với nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022	9.770.000	-9.770.000	0
II	Vốn nước ngoài	111.653		111.653
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	111.653		111.653
TỔNG CỘNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ CÁC NGUỒN VỐN KHÔNG THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN TỈNH ĐỒNG NAI MỚI (A+B)				
	TỔNG SỐ (A+B)	144.891.849	1.318.760	146.210.609

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tất toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quỹ sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng nguồn				36.439.958	11.410.028	17.207.214	20.208	4.499.469	919.769	2.000.000	383.270	
A	Tổng số giao chi tiết				32.866.053	11.410.028	13.633.309	20.208	4.499.469	919.769	2.000.000	383.270	
A.1	Thực hiện dự án												-
I	Giao thông												-
I.1	Dự án chuyển tiếp												
1	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn song hành QL1A từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo; ngân sách tỉnh 70% TMDT)	TB	2018-2021	106.500	12.500	12.500	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 03
2	Đường song hành phía Đông quốc lộ 20 huyện Thống Nhất (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	TN	2018-2023	214.700	45.800	45.800	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 04
3	Nâng cấp tuyến đường Suối Chồn - Bàu Cối, thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) (ngân sách thị xã chi bồi thường 15,9 tỷ đồng)	LK	2018-2022	136.700	9.989	9.989	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 02
4	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây (từ Hương lộ 10 đến ĐT769), kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do huyện Thống Nhất thực hiện)	TN	2017-2021	160.152	5.000	5.000	0	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
5	Nâng cấp hạ tầng khu hành chính huyện Long Thành (5 tuyến đã xong giải phóng mặt bằng có dự toán là 70 tỷ đồng)	LT	2017-2022	514.738	57.425	57.425	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 05
6	Đường qua khu đô thị mới từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong	LK	2019-2021	131.234	12.000	12.000	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 02
7	Dự án Kè sông Vàm Mương - Lòng Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	NT	2019-2022	35.136	16.308	16.308							Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
8	Dự án cải tạo đường Hùng vương – thành phố Long Khánh (ngân sách tỉnh 50%)	LK	2020-2024	254.207	71.592	71.592							Ban Quản lý dự án khu vực 02
9	Dự án đầu tư Xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán (kể cả chi phí BTGPMB do UBND huyện Định Quán làm chủ đầu tư)	ĐQ	2020-2024	139.552		33.588	0	0					-
	Trong đó												-
a	Dự án đầu tư Xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện				33.294	33.294							Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
b	Dự án đầu tư Xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán thực hiện				294	294	0	0					Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Định Quán

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quỹ sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
10	Đường Xuân Mỹ đi Bảo Bình	CM	Tối đa 3 năm	101.830	69.490	59.282	0	10.208					Ban Quản lý dự án khu vực 08
11	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường xung quanh hồ Cầu Dầu, thành phố Long Khánh	LK	Tối đa 3 năm	38.568	12.000	12.000	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 02
12	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Hồ Thị Hương (đoạn giao Quốc lộ 1 đến đoạn giao đường Hồng Thập Tự), thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) (NST hỗ trợ 100% chi phí xây lắp)	LK	Tối đa 3 năm	29.600	10.500	10.500	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 02
13	Dự án đường Hùng Vương nối dài, thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú	TP	2019-2023	91.564	119.000	55.180	34.820		13.823	15.177			Ban Quản lý dự án khu vực 11
14	Dự án xây dựng đường Nguyễn Du thị trấn Tân Phú	TP	2019-2023	128.700	49.518	46.378	3.140	0					Ban Quản lý dự án khu vực 11
15	Đường đê bao Đồng Hiệp, huyện Tân Phú	TP	2020-2022	26.092	8.015	8.015	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 11
16	Dự án Mở rộng đường từ Quốc lộ 20 vào Trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMBT)	TN	Tối đa 3 năm	11.500	1.000	1.000	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 04
17	Dự án Tuyến đường Bình Lộc – Tín Nghĩa, thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMBT)	LK	2020-2022	79.668	10.000	10.000	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 02
18	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc)	XL-ĐQ	2019-2025	886.629		59.103	353.422	0	2.100	0		0	-
	Trong đó												-
a	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện				159.500	40.000	119.500						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
b	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Xuân Lộc thực hiện				172.002	0	172.002	0					Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc
c	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán thực hiện				83.123	19.103	61.920	0	2.100				Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Định Quán
19	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 (kể cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH	2020-2025	783.000		62.333	438.382	0					-
	Trong đó												-
a	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện				144.644	47.262	97.382						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
b	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố thực hiện				356.071	15.071	341.000	0					Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Biên Hòa

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
20	Xây dựng cầu Vàm Cái Sứt trên đường Hương lộ 2 nối dài	BH	2020-2025	494.600	144.707	72.596	72.111						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
21	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư), gồm chi phí bồi thường do huyện Vĩnh Cửu thực hiện	VC	Tối đa 5 năm	671.200		24.002	178.539	0					-
	Trong đó												-
a	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện				115.129	7.011	108.118	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
b	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Vĩnh Cửu thực hiện				87.412	16.991	70.421	0					Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Vĩnh Cửu
22	Dự án đường Hương lộ 7, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	Tối đa 5 năm	143.270	51.312	51.312	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 09
23	Dự án đường Hương lộ 9, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	Tối đa 5 năm	169.990	57.000	57.000	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 09
24	Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	2020-2025	1.340.000	812.792	275.600	537.192	0					Ban Quản lý dự án khu vực 01
25	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ Nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi, thành phố Long Khánh	LK	2021-2023	96.500	54.600	54.600	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 02
26	Nâng cấp mở rộng đường 765 đoạn từ Km5+500 đến Km10+000	XL	2017-2021	120.791	3.300	3.300	0	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
27	Xây dựng nâng cấp, mở rộng đường Đỗ Văn Thi xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa (NST thực hiện phần xây lắp)	BH	2018-2022	122.057	1.972	1.972	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 01
28	Dự án Nút giao thông giữa đường ĐT 765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát), huyện Xuân Lộc (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	XL	Tối đa 3 năm	45.698	4.000				4.000				Ban Quản lý dự án khu vực 07
29	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Trãi, thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) (NST 50% + NSH 50%)	LK	Tối đa 3 năm	55.991	10.000				10.000				Ban Quản lý dự án khu vực 02

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quỹ sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
30	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)	ĐQ	2020-2025	297.932					169.560				-
	Trong đó:												
a	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện			297.932	59.008				59.008				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
b	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán do UBND huyện Định Quán thực hiện bồi thường				110.552				110.552				Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Định Quán
31	Dự án nâng cấp đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km5+600 huyện Tân Phú và Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)	TP+ĐQ	2020-2025	114.660									-
	Trong đó												
a	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km5+600 huyện Tân Phú và Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện			114.660	22.521				22.521				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
b	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km5+600 huyện Tân Phú và Định Quán do UBND huyện Định Quán thực hiện bồi thường			13.419	11.726				11.726				Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Định Quán
c	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km5+600 huyện Tân Phú và Định Quán do UBND huyện Tân Phú thực hiện bồi thường				9.097				9.097				Ban Quản lý dự án khu vực 11
1.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025												-
1	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn, thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 5 năm	3.247.000	1.619.668	333.757	971.193		33.018	31.700		250.000	Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Biên Hòa
2	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	Tối đa 5 năm	1.146.000	1.060.708	500.000	256.137	0	304.571				Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Biên Hòa
3	Dự án xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	2021-2025	614.100	203.897	45.578	158.319	0					Ban Quản lý dự án khu vực 01
4	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	Tối đa 4 năm	110.330	71.331	70.331	1.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 03

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
5	Dự án đường ven Sông Cái từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn, thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 6 năm	573.905	183.583	70.000	113.583	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
6	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	Tối đa 6 năm	1.506.539	439.201	213.337	225.864	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
7	Dự án Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ, thành phố Long Khánh	LK	2021-2023	30.100	24.081	24.081	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 02
8	Dự án Đường một chiều từ chân đồi lên đỉnh đồi núi Cúi (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMDT)	TN	Tối đa 3 năm	12.000	4.723	4.723	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 04
9	Dự án Đường nối Cụm công nghiệp Phú Túc đi Tỉnh lộ 763 (ngân sách tỉnh 50%)	ĐQ	Tối đa 5 năm	96.110	42.778	42.778	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 10
10	Dự án Đường ven Sông Đồng Nai, huyện Định Quán (NST 100% xây lắp)	ĐQ	Tối đa 3 năm	61.250	30.000	30.000	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 10
11	Dự án nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Xuân Lập, thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% chi phí xây dựng)	LK	Tối đa 3 năm	83.056	48.000	46.500	1.500	0					Ban Quản lý dự án khu vực 02
12	Dự án xây dựng đường 25C, đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1), huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch	LT-NT	2022-2025	647.061		1.007	148.395				434.224		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
	trong đó												
a	Dự án xây dựng đường 25C, đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1), huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch				82.007	1.007	31.000				50.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
b	Dự án xây dựng đường 25C, đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1), huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch, do Nhơn Trạch thực hiện bồi thường				268.894						268.894		Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch
c	Dự án xây dựng đường 25C, đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1), huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch, do Long Thành thực hiện bồi thường				232.725		117.395				115.330		Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Thành
13	Dự án Mở rộng đường Lý Thái Tổ, huyện Định Quán (ngân sách tỉnh 50%)	ĐQ	Tối đa 5 năm	124.000	22.700	22.700	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 10
14	Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	59.200		35.600	43.500	0					-
	Trong đó:												-
a	Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện				36.300	35.600	0	0	700				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
b	Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất do UBND huyện Thống Nhất thực hiện bồi thường				39.472	0	39.472	0					Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Thống Nhất
c	Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất do UBND huyện Cẩm Mỹ thực hiện bồi thường				4.028		4.028						Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Cẩm Mỹ
15	Dự án đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), thị trấn Trảng Bom (ngân sách tỉnh 50%)	TB	Tối đa 3 năm	68.022	42.530	33.530	0	0	9.000				Ban Quản lý dự án khu vực 03
16	Đường Vành đai thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	ĐQ	Tối đa 4 năm	239.000	182.000	64.025	97.975	0	20.000				Ban Quản lý dự án khu vực 10
17	Nâng cấp mở rộng Đường Hương lộ 15, huyện Vĩnh Cửu	VC	2022-2025	539.000	343.780	1.000	292.780	0	50.000				Ban Quản lý dự án khu vực 09
18	Dự án Nâng cấp đường vào di tích lịch sử văn hóa Căn cứ Khu ủy miền Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 4 năm	93.830	78.655	78.655	0	0					Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
19	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp, khoảng 52,7 tỷ)	BH	2021-2025	137.732	46.400	46.400	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 01
20	Dự án Đường tránh ngã tư Dầu Giây, huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 5 năm	99.244	75.741	55.741	20.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 04
21	Đoạn 2 (từ đầu đường số 9 đến Hương lộ 19) thuộc Dự án đường 25 C giai đoạn 1 (đoạn từ Hương lộ 19 đến đường 319), huyện Nhon Trach (trước đây là Đường 25C huyện Nhon Trạch, đoạn còn lại)	NT	Tối đa 5 năm	1.264.000	1.214.200	729.113	380.530	10.000	70.000	24.557			Ban Quản lý dự án khu vực 06
22	Dự án Đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú	TP	Tối đa 4 năm	150.135	113.924	31.424	82.500	0					Ban Quản lý dự án khu vực 11
23	Đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú (NST100%)	TP	Tối đa 4 năm	193.435	151.502	52.271	88.231			11.000			Ban Quản lý dự án khu vực 11
24	Đường song hành Quốc lộ 20, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km0+195 đến Km1+795), huyện Thống Nhất (NST100%)	TN	Tối đa 4 năm	199.000	155.400	100.400	55.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 04
25	Đường song hành Quốc lộ 1, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km1830+820 đến Km1832+400), huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 4 năm	183.000	145.000	121.000	24.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 04
26	Mở rộng mặt đường, bố trí làn xe chuyển hướng tại 02 nút giao Quốc lộ 1 - Hùng Vương (điểm bến xe Long Khánh và điểm công viên tượng đài), thành phố Long Khánh (ngân sách thành phố Long Khánh thực hiện bồi thường)	LK	Tối đa 4 năm	212.400	31.155	25.323	5.832	0					Ban Quản lý dự án khu vực 02
27	Đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	189.220	25.884	25.884	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 08
28	Đường ấp 4 xã Sông Nhạn đi xã lộ 25, huyện Cẩm Mỹ	CM	2022-2025	41.981	40.150	31.850	0			8.300			Ban Quản lý dự án khu vực 08

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
29	Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Hàm Nghi), thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	Tối đa 4 năm	160.413	146.453	87.754	36.500	0	22.199				Ban Quản lý dự án khu vực 02
30	Nâng cấp đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	Tối đa 3 năm	70.310	42.112	40.462	1.650	0					Ban Quản lý dự án khu vực 02
31	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Trung tâm huyện Nhon Trạch đến đường Quách Thị Trang), huyện Nhon Trạch (NST100%)	NT	Tối đa 4 năm	639.040	462.400	291.400	171.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 06
32	Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương - đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc (Km5+000 đến Km27+400), huyện Nhon Trạch (NST100%, không có bồi thường)	NT	Tối đa 4 năm	157.767	147.400	141.400	6.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 06
33	Đường Bùi Thị Xuân, huyện Long Thành (NST 100%)	LT	Tối đa 4 năm	161.500	141.572	47.643	64.929	0	29.000				Ban Quản lý dự án khu vực 05
34	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhon Trach ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhon Trạch (NST100%)	LT-NT	Tối đa 4 năm	1.493.043	600.016	985	77.351	0	201.680		320.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
35	Dự án nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ Km0+000 đến Km7+500, huyện Nhon Trạch	NT	2022-2024	48.740	33.928	33.928	0	0					Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
36	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú (NST 50%)	XL	Tối đa 4 năm	479.640	183.496	66.400	27.096		90.000	0			Ban Quản lý dự án khu vực 07
37	Đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo, huyện Nhon Trạch	NT	Tối đa 4 năm	1.298.901	517.129	1.839	447.516	0	67.774				Ban Quản lý dự án khu vực 06
38	Dự án đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh	LK	Tối đa 4 năm	1.458.382	292.884	219.884	65.000	0	8.000				Ban Quản lý dự án khu vực 02
39	Đầu tư tuyến đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP. Long Khánh (NST100%)	CM-LK	Tối đa 4 năm	462.270		70.405	184.909	0					-
	trong đó												
a	Đầu tư tuyến đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP. Long Khánh			462.175	175.805	70.405	105.400						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
b	Tiêu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện đường Xuân Quế đi Long Khánh, đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ				52.808		52.808						Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Cẩm Mỹ
c	Tiêu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện đường Xuân Quế đi Long Khánh, đoạn qua địa bàn thành phố Long Khánh				26.701		26.701						Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Khánh
40	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT. 774B (Tà Lài - Trà Cỏ) (NST100%)	TP-DQ	Tối đa 4 năm	852.060	63.515	6.100	57.415	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai

[illegible]

[illegible]

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tất toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
a	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư				41.097	41.097	0	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
b	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện				118.800	118.000	800						Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Biên Hòa
3	Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp 1 ra rạch Bà Kỳ, huyện Nhơn Trạch	NT	Đến 2022	33.302	12.860	12.860							Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
4	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành	LT	2019-2025	584.830	139.156	139.156	0	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
5	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí BTGPMB do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH	Theo tiến độ Hiệp định	6.610.252	38.615	28.500	10.115	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
6	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân, huyện Định Quán	ĐQ	2019-2021	39.953	21.000	21.000	0	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
7	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh)	LK	2019-2021	26.981	708	708	0	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
8	Dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	14.991	3.963	3.963	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 08
9	Dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	14.999	3.816	3.816	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 08
10	Dự án Cấp nước sạch cho 03 xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định	ĐQ	Tối đa 5 năm	65.062	56.352	56.352							Ban Quản lý dự án khu vực 10
IV.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025												-
1	Tuyến thoát nước đường số 2 (từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến Hương lộ 19), huyện Nhơn Trạch (NST100%)	NT	Tối đa 4 năm	216.200	177.000	75.000	102.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 06
2	Hệ thống thoát nước ấp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	Tối đa 4 năm	88.920	70.809	70.809	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 03
3	Dự án xây dựng một số hạng mục thuộc Tiểu dự án trạm xử lý nước thải số 1, thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	10.000	7.500	7.500	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 01
4	Dự án Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm San, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây huyện Cẩm Mỹ (chuyển chủ đầu tư)	CM	Tối đa 5 năm	87.000	1.549	1.549	0	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
5	Dự án xây dựng tuyến thoát nước mưa từ khu dân cư Kim Oanh qua khu tái định cư Bình Sơn ra suối Ông Trữ tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành (NST 50%, phần còn lại do Công ty CPĐTPT Thuận Lợi 50%)	LT	Tối đa 4 năm	91.426	7.631	6.507	1.124	0					Ban Quản lý dự án khu vực 05
6	Dự án xây dựng Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Xuân Bảo - Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ (chuyển hình thức đầu tư khác)	CM	Tối đa 3 năm	49.998	979	979	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 08

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quỹ sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
7	Dự án Hệ thống thoát nước Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ ra Suối Cả, huyện Cẩm Mỹ	CM	2023-2026	102.963	4.618	100	4.518	0					Ban Quản lý dự án khu vực 08
8	Trạm bơm áp 3 xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	TP	Tối đa 3 năm	41.923	32.065	32.065	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 11
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản												-
V.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021												
1	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách TW hỗ trợ 105 tỷ)	ĐQ	2017-2022	258.244	106.000	96.000	10.000	0					Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
2	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	ĐQ	2020-2025	454.601	104.867	104.867	0						Ban Quản lý dự án khu vực 10
3	Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre	LK	2017-2021	131.018	18.000	18.000	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 02
4	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa- dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA	BH	2017-2025	373.172		73.965	0	0					-
	Trong đó:												-
a	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa				64.434	64.434							Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
b	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện				10.144	9.531	0	0	613				Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Biên Hòa
5	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	53.897	36.500	31.000	5.500	0					Ban Quản lý dự án khu vực 04
6	Trạm bơm áp 7 Phú Tân huyện Định Quán	ĐQ	2018-2021	49.604	19.772	19.772	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 10
7	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	LK	Tối đa 3 năm	55.900	9.966	9.966	0	0					Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Nạo vét Rạch mọi xã Bình Hoà	VC	2019-2022	69.336	45.761	44.861	900	0					Ban Quản lý dự án khu vực 09
9	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cài (Ngân sách thành phố Long Khánh chi bồi thường)	LK	2020-2025	544.659	195.000	145.000	0	0	50.000				Ban Quản lý dự án khu vực 02

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
10	Dự án xây dựng một số hạng mục tiếp theo bổ sung dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi tinh Đồng Nai giai đoạn 2014-2020	ĐN	2020-2023	29.119	23.001	19.000		0	4.001				Chi cục Kiểm lâm
11	Trạm bơm Đắc Lua	TP	2020-2025	131.058	147.892	139.392	8.500	0					Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
12	Nạo vét và gia cố kè bờ suối Quán Thủ, huyện Long Thành	LT	Tối đa 3 năm	55.101	14.403	14.403	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 05
13	Dự án phát triển lâm nghiệp của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, giai đoạn 2016-2020	TP	Tối đa 3 năm	15.639	5.283				5.283				Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú
14	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020	ĐN	2019-2021	27.795	15.945				15.945				Chi cục Kiểm lâm
V.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025												-
1	Dự án xây dựng 06 Nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát rừng	VC	Tối đa 3 năm	11.800	11.400	0	11.400	0					Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
2	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú	TP	Tối đa 4 năm	134.455	111.760	81.760	30.000	0					Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
3	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Sông Mây, huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 3 năm	59.770	55.000	34.670	20.330	0					Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
4	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc	XL	2022-2025	89.774	75.020	36.020	39.000	0					Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
5	Nạo vét Suối Sắn Máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	BH	Tối đa 4 năm	376.999	11.479	4.814	1.121	0	5.544				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
6	Dự án Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C), huyện Nhơn Trạch (ngân sách huyện Nhơn Trạch thực hiện bồi thường)	NT	Tối đa 4 năm	207.315	152.023	120.223	31.800	0					Ban Quản lý dự án khu vực 06
7	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cái Cầu (suối Xiệp) đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước thị trấn Dĩ An và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp tỉnh Bình Dương (chuyển chủ đầu tư từ UBND thành phố Biên Hoà sang Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh)	BH	Tối đa 3 năm	163.110	128.110	80.000	48.110	0					Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
8	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù Lao Phố), thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 4 năm	350.788	100.150	10.150	90.000	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
9	Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Trạm xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp đến cầu An Hào phường An Bình thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 4 năm	201.643	74.897	42.320	32.577	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quỹ sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
10	Dự án Hệ thống thoát nước chống ngập úng xung quanh Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Long Thành	LT	Tối đa 4 năm	92.987	21.750	21.750	0	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
11	Gia cố bờ sông Đồng Nai, đoạn qua khu vực xã Tân An và Thiện Tân (khu vực chùa Phô Đà và đình con Tân An), huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 4 năm	144.632	65.474	65.474	0	0					Ban Quản lý dự án khu vực 09
12	Dự án chống sạt lở tại khu vực dài tường niệm các chiến sỹ đặc công 113	BH-TB	Tối đa 3 năm	37.800	7.900		7.900						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
V	An ninh và trật tự, an toàn xã hội												-
V.1	Dự án chuyển tiếp												-
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2025	654.000	618.929	573.928	45.001	0					Công an tỉnh Đồng Nai
2	Nâng cấp Hệ thống Hội nghị truyền hình Công an tỉnh	BH	2021-2023	8.732	8.259	8.259	0	0					Công an tỉnh Đồng Nai
V.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025				0								
1	Nhà tạm giữ công an huyện Xuân Lộc (NST100%)	XL	Tối đa 3 năm	36.000	36.001	13.301	22.700	0					Công an tỉnh Đồng Nai
2	Xây dựng 05 kho vật chứng cho Công an tỉnh Đồng Nai (gồm các huyện Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, thành phố Long Khánh và Phòng PC10)	ĐN	Tối đa 3 năm	29.428	21.700	21.700	0	0					Công an tỉnh Đồng Nai
3	Dự án đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021-2025	ĐN	Tối đa 5 năm	988.000	430.933	180.933	250.000	0			0		Công an tỉnh Đồng Nai
4	Xây dựng Đồn Công an cảng hàng không quốc tế Long Thành	LT	Tối đa 3 năm	44.900	35.275	28.275	7.000	0					Công an tỉnh Đồng Nai
5	Xây dựng cơ sở làm việc của lực lượng Cảnh sát giao thông đường thủy thuộc Công an tỉnh	LT	Tối đa 3 năm	59.385	55.461	40.461	15.000	0					Công an tỉnh Đồng Nai
VI	Quốc phòng												-
VI.1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025												
1	Dự án Quốc phòng ĐA2		2020-2025	125.000	36.260	36.260	0	0					Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
2	Dự án xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An Ninh của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai	VC	2017-2022	199.963	1.598	1.598	0	0					Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
3	Dự án V1			536.700	451.777		221.464		194.000	36.313			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
4	Dự án đầu tư trang thiết bị kiểm soát, khống chế thiết bị bay không người lái trong đảm bảo an ninh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	ĐN	Tối đa 3 năm	25.930	23.755	278	0	0	23.477				Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
5	Dự án SCH			170.200	95.699	35.700	53.514		6.485				Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
6	Dự án do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai làm chủ đầu tư tại Quyết định số 1633/QĐ-BQP ngày 24/4/2024 của Bộ Quốc phòng			287.141	146.671		106.230		40.441				Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
7	Dự án Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán	ĐQ	Tối đa 5 năm	91.092	43.659				43.659				Ban Quản lý dự án khu vực 10
VI.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025												-
1	Dự án Xây dựng bổ sung một số công trình của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai	BH	Tối đa 4 năm	221.102	220.999	160.616	60.383	0					Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
VII	Khoa học công nghệ												-
VII.1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025												-
1	Dự án nâng cấp, kết nối liên thông phần mềm giao dịch bảo đảm phục vụ công tác quản lý nhà nước	BH	Tối đa 3 năm	3.500	1.448	1.448	0	0					Sở Tư Pháp
2	Trung tâm chiếu xạ Sở Khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70% khoảng 130 tỷ)	CM	Tối đa 4 năm	187.635	70.000	0	70.000	0					Sở Khoa học và Công nghệ
VIII	Môi trường												-
VIII.1	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025												-
1	Dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ Đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát)	BH	2021-2025	109.175	105.230	80.220	25.010						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Dự án Gia cố sạt lở bờ sông Đồng Nai đoạn ấp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1)	TP	2022-2025	62.677	30.042	30.042	0	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
3	Dự án nạo vét và kè 2 bờ suối Reo (kênh thoát nước 5 xã Kiệm Tân), huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 4 năm	299.854	173.500	13.500	160.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 04
IX	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp												
IX.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021												
1	Xây dựng Trường THPT Chu Văn An	BH	2016-2021	139.015	6.150				6.150				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường nội bộ, vỉa hè, mương thoát nước và sân khu dạy học Trường Đại học Đồng Nai	BH	2020-2022	10.528	7.700				7.700				Trường Đại học Đồng Nai
3	Dự án sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Vĩnh Cửu, huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2022	23.662	900				900				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
4	Sửa chữa cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Sông Ray, Cẩm Mỹ	CM	2016-2021	52.093	868				868				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
IX.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025												
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện và hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Cao đẳng công nghệ cao (NST100%)	LT	Tối đa 3 năm	12.995	10.699				10.699				Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai
2	Dự án đầu tư xây dựng mới Hội trường biểu diễn kết hợp khối 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn - Trường Trung cấp Nghệ thuật Đồng Nai (thay thế cho dự án sửa chữa, cải tạo Ký túc xá (cũ) thành 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn, làm mới sân, đường, điện tổng thể Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Đồng Nai)	BH	Tối đa 3 năm	36.360	27.550				27.550				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
3	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống điện cho Trường Đại học Đồng Nai - cơ sở III tại thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	11.130	6.323				6.323				Trường Đại học Đồng Nai

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4	Dự án sửa chữa, cải tạo một số công trình Trường Đại học Đồng Nai - cơ sở 1	BH	Tối đa 3 năm	9.112	5.628				5.628				Trường Đại học Đồng Nai
5	Dự án cải tạo, làm mới một số hạng mục Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai (cơ sở 2)	NT	Tối đa 3 năm	14.900	13.633				13.633				Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai
6	Dự án đầu tư xây dựng mới khối lớp học 03 tầng của Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai	LT	Tối đa 3 năm	14.983	14.500				14.500				Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai
7	Dự án cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh Trường phổ thông Dân tộc nội trú đạt chuẩn quốc gia	TB	Tối đa 4 năm	152.062	139.417	13.984			125.433				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
8	Xây dựng mới Trường THPT Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 4 năm	170.514	96.950	2.051	33.949		60.950				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
9	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các hạng mục công trình của Bệnh viện Quân y 7B (NST hỗ trợ 10 tỷ)	BH	Tối đa 3 năm	12.000	10.000				10.000				Bệnh viện Quân y 7B
10	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	42.911	39.212	18.212	7.583		13.417				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
X	Công nghệ thông tin (chuyển đổi số)												
X.1	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025												
1	Dự án Xây dựng phần mềm quản lý đầu tư công và kế hoạch lựa chọn nhà thầu	BH	Tối đa 3 năm	17.446	16.006		16.006						Sở Tài chính
2	Dự án Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS phục vụ phát triển đô thị thông minh	BH	Tối đa 3 năm	14.975	4.100		4.100						Sở Xây dựng
3	Dự án Xây dựng Trung tâm điều hành tác chiến quản lý an ninh trật tự		Tối đa 4 năm	796.921	708.973	250.000	105.074		86.899	133.730		133.270	Công an tỉnh Đồng Nai
4	Dự án Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giai đoạn 2023 - 2028	BH	Tối đa 4 năm	120.000	103.346		2.750		100.596				Sở Khoa học và Công nghệ
5	Dự án Xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	4.460	4.200		4.200						Sở Tư pháp
6	Nâng cấp và phát triển hạ tầng Công nghệ thông tin của Ban Quản lý các Khu công nghiệp phục vụ chuyển đổi số	BH	Tối đa 3 năm	4.456	4.300		4.300						Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế
7	Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	15.000	14.919		14.919						Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế
8	Dự án Triển khai hệ thống Tư vấn khám chữa bệnh từ xa	BH	Tối đa 3 năm	20.165	18.400		18.400						Sở Y tế
9	Dự án Đầu tư thiết bị đầu cuối công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số ngành Y tế Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	24.925	22.800		22.800						Sở Y tế
10	Dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan Đảng tỉnh Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	20.000	19.500		19.500						Văn phòng Tỉnh ủy
11	Dự án Đầu tư Hệ thống bộ đàm công nghệ số Công an tỉnh Đồng Nai	ĐN			27.100		27.100						Công an tỉnh Đồng Nai
12	Dự án Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của Sở Công thương	BH	Tối đa 3 năm	2.500	2.343		43		2.300				Sở Công thương

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
13	Hệ thống thông tin ngành kế hoạch và đầu tư giai đoạn 1 (trừ lĩnh vực đầu tư công) (kể cả hoàn ứng trước)	BH	Tối đa 3 năm	19.759	17.483		17.483						Sở Tài chính
14	Dự án Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	BH	Tối đa 3 năm	9998	8.998		8.998						Sở Nông nghiệp và Môi trường
15	Dự án Đầu tư thư viện số cho các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 1	ĐN	Tối đa 3 năm	19.795	17.815		17.815						Sở Giáo dục và Đào tạo
16	Dự án Triển khai Bệnh án điện tử - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	52791	47.511		47.511						Sở Y tế
17	Dự án Triển khai Bệnh án điện tử - Bệnh viện Đa khoa Thống nhất	BH	Tối đa 3 năm	42432	38.188		38.188						Sở Y tế
18	Dự án Triển khai Bệnh án điện tử - Bệnh viện Nhi Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	42773	38.495		38.495						Sở Y tế
19	Dự án Triển khai Bệnh án điện tử - Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	34426	30.983		30.983						Sở Y tế
XI	Y tế												
XI.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021												
1	Khởi điều trị bệnh viện Thống Nhất	BH	2017-2021	600.000	225.779				225.779				Bệnh viện đa khoa Thống Nhất
2	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa	BH	2019-2025	11.940	3.761				3.761				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
3	Trạm Y tế xã Bảo Quang - thị xã Long Khánh	LK	2019-2025	11.597	3.400				3.400				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
4	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	TP	2019-2021	16.443	9.227				9.227				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
5	Trạm Y tế xã Mã Đà - huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2021	15.246	768				768				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
6	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	28.271	16.820				16.820				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
7	Dự án xây dựng khu khám và thẩm mỹ Bệnh viện Da liễu Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	30.841	3.525				3.525				Bệnh viện Da liễu Đồng Nai
8	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	2019-2025	30.648	12.270				12.270				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
9	Cải tạo, nâng cấp, làm mới một số hạng mục đã xuống cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	14.591	12.000				12.000				Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
10	Xây dựng mới Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai	XL	2018-2022	300.000	7.646				7.646				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
11	Bổ sung trang thiết bị Trạm Y tế xã Xuân Đông huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	4.050	3.490		3.490						Ban Quản lý dự án khu vực 08
XI.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025												
1	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Bắc huyện Xuân Lộc	XL	Tối đa 3 năm	10.730	4.400	0	400		4.000				Ban Quản lý dự án khu vực 07

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Định huyện Xuân Lộc	XL	Tối đa 3 năm	13.050	7.230		2.800		4.430				Ban Quản lý dự án khu vực 07
3	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Hiệp huyện Xuân Lộc	XL	Tối đa 3 năm	12.440	7.200		2.300		4.900				Ban Quản lý dự án khu vực 07
4	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bảo Hòa huyện Xuân Lộc	XL	Tối đa 3 năm	12.060	4.400		400		4.000				Ban Quản lý dự án khu vực 07
5	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Gia Ray huyện Xuân Lộc	XL	Tối đa 3 năm	9.600	6.300		2.300		4.000				Ban Quản lý dự án khu vực 07
6	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế phường Hòa Bình thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	1.881	1.770		1.770						Ban Quản lý dự án khu vực 01
7	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế phường Quang Vinh thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	2.984	2.820		2.820						Ban Quản lý dự án khu vực 01
8	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế phường Tân Vạn thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	2.967	3.170		3.120		50				Ban Quản lý dự án khu vực 01
9	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế phường Thanh Bình thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	2.435	2.290		2.290						Ban Quản lý dự án khu vực 01
10	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Long Hưng thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	6.116	6.815		6.765		50				Ban Quản lý dự án khu vực 01
11	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Bửu Long thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	4.853	5.190		5.140		50				Ban Quản lý dự án khu vực 01
12	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Tân Hòa thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	5.115	4.840		840		4.000				Ban Quản lý dự án khu vực 01
13	Xây dựng Trạm Y tế phường Long Bình thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	9.460	8.900		8.750		150				Ban Quản lý dự án khu vực 01
14	Xây dựng Trạm Y tế phường Tân Hiệp thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	7.249	12.250		6.650		5.600				Ban Quản lý dự án khu vực 01
15	Xây dựng Trạm Y tế phường Trảng Dài thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	10.130	10.880		10.730		150				Ban Quản lý dự án khu vực 01
16	Dự án Xây dựng Trạm Y tế xã Lộ 25, huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	8.582	8.300		3.100		5.200				Ban Quản lý dự án khu vực 04
17	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú	TP	Tối đa 3 năm	2.986	2.500		2.500						Ban Quản lý dự án khu vực 11
18	Dự án Nâng cấp và cải tạo Trạm y tế xã Phú Cường huyện Định Quán	ĐQ	Tối đa 3 năm	6.055	4.850		3.350		1.500				Ban Quản lý dự án khu vực 10
19	Dự án Nâng cấp và cải tạo Trạm y tế thị trấn Định Quán huyện Định Quán	ĐQ	Tối đa 3 năm	6.042	7.900		5.400		2.500				Ban Quản lý dự án khu vực 10
20	Dự án Xây mới Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 4 năm	467.563	89.350		50.000		39.350				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
21	Dự án Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Thanh huyện Tân Phú	TP	Tối đa 03 năm	7.870	4.700		100		4.600				Ban Quản lý dự án khu vực 11
22	Trạm Y tế xã Phú Trung - huyện Tân Phú	TP	Tối đa 3 năm	8.539	7.394				7.394				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
23	Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 3 năm	13.009	7.856				7.856				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
24	Trạm Y tế xã Bình Hòa - huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 3 năm	9.630	9.400		9.400		0				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
25	Trạm Y tế Phường Thống Nhất - Tp. Biên Hòa,	BH	2021-2025	8.544	5.640				5.640				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
26	Trạm Y tế Phường Bình Đa - Tp. Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	7.566	6.084				6.084				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
27	Trạm Y tế phường An Hòa - Tp. Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	9.688	5.698				5.698				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
28	Xây mới Khối 2 tầng Trung tâm y tế huyện Long Thành	LT	2021-2025	12.611	10.290				10.290				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
29	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	CM	2021-2025	92.447	78.879	2.762			76.117				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
30	Xây dựng mới Trạm y tế xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	14.200	8.050				8.050				Ban Quản lý dự án khu vực 08
31	Xây dựng mới Trạm y tế xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	11.763	8.551		100		8.451				Ban Quản lý dự án khu vực 08
32	Xây dựng mới Trạm y tế xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	13.900	7.850				7.850				Ban Quản lý dự án khu vực 08
33	Xây dựng mới Trạm y tế xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	14.900	9.000				9.000				Ban Quản lý dự án khu vực 08
34	Dự án đầu tư trang thiết bị y tế cần thiết để phục vụ cho công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	14.993	14.248				14.248				Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
35	Cải tạo 04 Trạm y tế tại xã Phú Đông, xã Phú Hội, xã Phú Thạnh, xã Vĩnh Thanh huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 3 năm	10.900	9.910				9.910				Ban Quản lý dự án khu vực 06
36	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Sơn huyện Tân Phú	TP	Tối đa 3 năm	9.800	2.018				2.018				Ban Quản lý dự án khu vực 11
37	Cải tạo, sửa chữa 04 Trạm y tế tại phường Xuân An, phường Xuân Thanh, phường Xuân Bình, phường Phú Bình thành phố Long Khánh	LK	Tối đa 3 năm	12.840	7.700				7.700				Ban Quản lý dự án khu vực 02
38	Dự án Nâng cấp, sửa chữa hệ thống sân đường, hàng rào, mương thoát nước, vỉa hè Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	13.380	6.750				6.750				Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
39	Dự án Nâng cấp, cải tạo Phòng khám đa khoa khu vực Phú Lý và Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu (cơ sở 2) tỉnh Đồng Nai (vốn TW 20 tỷ)	VC	2024-2026	26.000	820				820				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
40	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Long Giao huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	12.580	11.900		11.900						Ban Quản lý dự án khu vực 08
41	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Bảo huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	12.400	14.000	2.000	11.800		200				Ban Quản lý dự án khu vực 08
42	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Thừa Đức huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	10.846	538		0		538				Ban Quản lý dự án khu vực 08

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
43	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Đường huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	8.730	6.888	4.700			2.188				Ban Quản lý dự án khu vực 08
44	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Quế huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	10.180	700				700				Ban Quản lý dự án khu vực 08
45	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bảo Bình huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	13.340	12.000		11.800		200				Ban Quản lý dự án khu vực 08
46	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Tân An huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 3 năm	8.960	7.600				7.600				Ban Quản lý dự án khu vực 09
47	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Vĩnh An huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 3 năm	9.700	8.600				8.600				Ban Quản lý dự án khu vực 09
48	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Sông Nhạn huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	9.769	7.700				7.700				Ban Quản lý dự án khu vực 08
49	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Quảng Tiến huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 3 năm	7.696	7.000				7.000				Ban Quản lý dự án khu vực 03
50	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Tây Hòa huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 3 năm	8.782	7.900				7.900				Ban Quản lý dự án khu vực 03
51	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Đông Hòa huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 3 năm	8.264	7.400				7.400				Ban Quản lý dự án khu vực 03
52	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Sông Thao huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 3 năm	7.852	7.051				7.051				Ban Quản lý dự án khu vực 03
53	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Sông Trầu huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 3 năm	7.779	7.000				7.000				Ban Quản lý dự án khu vực 03
54	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Cây Gáo huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 3 năm	7.328	6.600				6.600				Ban Quản lý dự án khu vực 03
55	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Hưng Thịnh huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 3 năm	9.284	8.100				8.100				Ban Quản lý dự án khu vực 03
56	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bình Minh huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 3 năm	6.966	6.300				6.300				Ban Quản lý dự án khu vực 03
57	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế thị trấn Trảng Bom huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 3 năm	899	802				802				Ban Quản lý dự án khu vực 03
58	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Hố Nai 3 huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 3 năm	996	918				918				Ban Quản lý dự án khu vực 03
59	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã An Viễn huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 3 năm	1.061	951				951				Ban Quản lý dự án khu vực 03
60	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Đồi 61 huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 3 năm	1.416	1.269				1.269				Ban Quản lý dự án khu vực 03
61	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Bắc Sơn huyện Trảng Bom	TB	Tối đa 3 năm	893	803				803				Ban Quản lý dự án khu vực 03
62	Xây dựng Trạm Y tế xã Gia Tân 2 huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	6.372	5.450				5.450				Ban Quản lý dự án khu vực 04
63	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Gia Tân 3 huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	1.689	1.500				1.500				Ban Quản lý dự án khu vực 04

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
64	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Gia Kiệm huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	1.225	1.200				1.200				Ban Quản lý dự án khu vực 04
65	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Xuân Thiện huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	2.266	1.950				1.950				Ban Quản lý dự án khu vực 04
66	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Long Thành huyện Long Thành	LT	Tối đa 3 năm	10.927	1.450		1.000		450				Ban Quản lý dự án khu vực 05
67	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bình Sơn huyện Long Thành	LT	Tối đa 3 năm	10.204	9.000				9.000				Ban Quản lý dự án khu vực 05
68	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Tam An huyện Long Thành	LT	Tối đa 3 năm	9.176	8.300				8.300				Ban Quản lý dự án khu vực 05
69	Cải tạo, sửa chữa 07 Trạm y tế xã Cẩm Đường, xã Bàu Cạn, xã Tân Hiệp, xã Phước Bình, xã Phước Thái, xã An Phước, xã Long Phước huyện Long Thành	LT	Tối đa 3 năm	19.741	16.000				16.000				Ban Quản lý dự án khu vực 05
70	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Long Tân huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 3 năm	8.405	7.100				7.100				Ban Quản lý dự án khu vực 06
71	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Hiệp Phước huyện Nhơn Trạch (đối ứng vốn chương trình phục hồi kinh tế)	NT	Tối đa 3 năm	10.504	8.975				8.975				Ban Quản lý dự án khu vực 06
72	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phước Thiện huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 3 năm	10.525	8.651				8.651				Ban Quản lý dự án khu vực 06
73	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Núi Tượng huyện Tân Phú	TP	Tối đa 3 năm	11.170	10.500		10.400		100				Ban Quản lý dự án khu vực 11
74	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Điền huyện Tân Phú	TP	Tối đa 3 năm	9.283	7.729				7.729				Ban Quản lý dự án khu vực 11
75	Cải tạo, sửa chữa 03 Trạm Y tế tại xã Phú Ngọc, xã Túc Trưng, xã Gia Canh huyện Định Quán	ĐQ	Tối đa 3 năm	10.000	8.710		0		8.710				Ban Quản lý dự án khu vực 10
76	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Tâm huyện Xuân Lộc	XL	Tối đa 3 năm	1.105	718				718				Ban Quản lý dự án khu vực 07
77	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Hưng huyện Xuân Lộc	XL	Tối đa 3 năm	944	682				682				Ban Quản lý dự án khu vực 07
78	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Thọ huyện Xuân Lộc	XL	Tối đa 3 năm	1.105	816				816				Ban Quản lý dự án khu vực 07
79	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Thành huyện Xuân Lộc	XL	Tối đa 3 năm	1.163	779				779				Ban Quản lý dự án khu vực 07
80	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Phú huyện Xuân Lộc	XL	Tối đa 3 năm	1.182	780				780				Ban Quản lý dự án khu vực 07
81	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Hòa huyện Xuân Lộc	XL	Tối đa 3 năm	994	623				623				Ban Quản lý dự án khu vực 07
82	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Bửu Hòa thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	4.233	3.400				3.400				Ban Quản lý dự án khu vực 01
83	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Hiệp Hòa thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	2.327	1.735				1.735				Ban Quản lý dự án khu vực 01

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
84	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Hồ Nai thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	2.522	1.964		0		1.964				Ban Quản lý dự án khu vực 01
85	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Tam Hòa thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	2.541	65				65				Ban Quản lý dự án khu vực 01
86	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Tam Phước thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	2.262	2.250		2.191		59				Ban Quản lý dự án khu vực 01
87	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Tân Biên thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	2.000	2.000		1.946		54				Ban Quản lý dự án khu vực 01
88	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Tân Phong thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	2.330	1.903				1.903				Ban Quản lý dự án khu vực 01
89	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Tân Tiến thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	1.680	1.041				1.041				Ban Quản lý dự án khu vực 01
90	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Tân Mai thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	2.369	62				62				Ban Quản lý dự án khu vực 01
91	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Suối Tre thành phố Long Khánh	LK	Tối đa 3 năm	10.580	6.500				6.500				Ban Quản lý dự án khu vực 02
92	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Xuân Tân thành phố Long Khánh	LK	Tối đa 3 năm	11.000	1.100		1.000		100				Ban Quản lý dự án khu vực 02
93	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Đông huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	4.050	2.100				2.100				Ban Quản lý dự án khu vực 08
94	Sửa chữa, cải tạo, di dời một số hạng mục của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	14.990	13.108				13.108				Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai
XII	Văn hóa - xã hội												
XII.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021												
1	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	BH	2018-2022	146.000	37.704				37.704				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Làng Văn hoá Đồng bào Choro xã Bảo Vinh	LK	2018-2022	73.000	29.776				29.776				Ban Quản lý dự án khu vực 02
3	Công viên cây xanh thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh)	LK	2017-2021	62.976	2.000				2.000				Ban Quản lý dự án khu vực 02
4	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu đồng bào dân tộc xã Phú Sơn	TP	2019-2021	2.869	1.206				1.206				Ban Quản lý dự án khu vực 11
5	Dự án xây dựng Hội trường Trung tâm tổ chức sự kiện huyện Tân Phú	TP	2020-2022	22.112	8.221				8.221				Ban Quản lý dự án khu vực 11
6	Xây dựng hệ thống hàng rào sân, đường dạo bộ kết hợp tập thể dục thể thao của người dân xung quanh Sân vận động tỉnh	BH	Tối đa 3 năm	11.265	5.611				5.611				Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
7	Xây dựng đường dây trung thế, nâng cấp đường dây hạ thế ngầm, MCCB đảm bảo đáp ứng cho trạm biến áp 1.000KVA tại Sân vận động tỉnh hệ thống hàng rào sân, đường dạo bộ kết hợp tập thể dục thể thao	BH	2020-2022	12.795	6.400				6.400				Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
8	Dự án đầu tư mới 01 xe truyền hình màu lưu động theo chuẩn HD cho Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai (NST tối đa 25 tỷ đồng, phần còn lại thuộc nguồn vốn của Đài)	BH	2020-2022	35.000	20.000				20.000				Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai
9	Xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục còn lại của Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Tân Phú (tên cũ là Khu văn hóa thể dục thể thao huyện Tân Phú, NST đầu tư xây lắp + thiết bị, phần còn lại ngân sách huyện Tân Phú (mặt sân, hàng rào quanh sân, đường chạy, khu nhảy cao, nhảy xa...))	TP	2018-2022	49.860	8.500				8.500				Ban Quản lý dự án khu vực 11
XII.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025												
1	Sửa chữa cải tạo Sân vận động tỉnh	BH	Tối đa 3 năm	11.769	8.334				8.334				Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
2	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	14.940	10.659				10.659				Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai
3	Dự án Nhà thi đấu đa năng huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	69.800	1.753		1.000		753				Ban Quản lý dự án khu vực 08
4	Sửa chữa, làm mới một số hạng mục tập luyện thuộc Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	BH	Tối đa 3 năm	14.470	12.985				12.985				Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
5	Dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc cơ sở 1 của Trung tâm Văn hoá - Điện ảnh Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	3.800	3.622				3.622				Trung tâm Văn hoá - Điện ảnh Đồng Nai
6	Dự án xây dựng Trụ sở làm việc Báo Đồng Nai	BH	2018-2022	26.281	14.351				14.351				Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai
7	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu đồng bào dân tộc xã Phú Bình	TP	Tối đa 3 năm	15.000	14.500		14.470		30				Ban Quản lý dự án khu vực 11
8	Di dời, bố trí ổn định dân cư khu vực Đồng 4, ấp 5, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 3 năm	149.274	118.546				118.546				Ban Quản lý dự án khu vực 09
9	Dự án Trùng tu, tôn tạo di tích đền thờ Quốc tổ Hùng Vương, xã Phú Sơn, huyện Tân Phú	TP	Tối đa 3 năm	7.340	6.100		1.690		4.410				Ban Quản lý dự án khu vực 11
10	Dự án xây dựng tượng đài Thanh niên xung phong tại Công viên văn hóa Sông Ray	CM	Tối đa 3 năm	19.840	5.247		247		5.000				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
11	Dự án trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, camera, sản xuất chương trình cho 02 studio truyền hình (Studio 3 và 4) (ngân sách tỉnh 20 tỷ đồng)	BH	Tối đa 3 năm	25.443	14.429		5.000		9.429				Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai
12	Dự án xây dựng đường dây và trạm biến áp cấp nguồn cho Trụ sở làm việc Báo Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	1.950	1.395		0		1.395				Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai
XIII	Các dự án chỉ được bố trí vốn thi công khi khu đất lợi thế trên địa bàn thực hiện hoàn thành các công việc có liên quan đảm bảo cho việc tổ chức đấu giá đất				0								-

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Dự án đường Quang Trung và đường Lê Đại Hành đầu nối ra đường ĐT.768 nối dài và đường ĐT.762, huyện Vĩnh Cửu (02 khu đất khoảng 33,6ha trên địa bàn huyện)	VC	Tối đa 4 năm	315.025	8.000	0	8.000						Ban Quản lý dự án khu vực 09
XIV	Các dự án thực hiện theo Đề án khai thác quỹ đất				0								-
1	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành (đề án)	CM-XL-LT	Tối đa 6 năm	1.762.000	575.000	0	402.500	0			172.500		Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
2	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769 (đề án)	TN-LT	Tối đa 6 năm	3.423.400	700.000	0	490.000	0			210.000		Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
3	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp tuyến đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh (đề án)	ĐQ-TN-CM-LT-LK	Tối đa 6 năm	3.341.000	700.000	0	490.000	0			210.000		Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
XV	Đối ứng vốn ngân sách tỉnh đối với các dự án trung ương đầu tư trên địa bàn												-
1	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh (vốn tỉnh đối ứng khoảng 50% đoạn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 15/4/2022)	NT	2023-2026	3.868.000		42.602	1.149.356	0					-
	Trong đó												
a	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai			2.584.000	1.114.196	0	959.927	0	154.269				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
b	Dự án thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai (có vốn TW 856 tỷ)			1.284.000	428.000	42.602	189.429	0	41.417	154.552			Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch
2	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (giai đoạn 1) (đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai vốn tỉnh đối ứng khoảng 50% chi phí bồi thường đoạn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 24/5/2022; Nghị quyết số 59/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội).	BH-LT	2023-2026	2.648.000		1.501.565	101.029	0			470.000		
	Trong đó												
a1	Tiêu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 1 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ Cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu giai đoạn 1 (NST 50% TMĐT), đoạn qua địa bàn thành phố Biên Hòa				1.588.025	952.567			165.458		470.000		Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quỹ sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
a2	Tiêu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 1 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ Cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu giai đoạn 1 (NST 50% TMĐT), địa bàn huyện Long Thành				300.025	300.025							Ban Quản lý dự án khu vực 05
b	Tiêu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ Cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu giai đoạn 1 (NST 50% TMĐT)				1.089.626	248.973	101.029		285.184	454.440			Ban Quản lý dự án khu vực 05
XVI	Kinh phí lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch (VB 2465/UBND-KT ngày 08/3/2019)				0	0	0	0					
1	Lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050				6.800	6.800							Sở Tài chính
XVII	Bố trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch (kể cả các dự án thuộc giai đoạn 2016-2020) (chi tiết dự án theo kế hoạch hằng năm)				180.853	126.801	0	0	54.052				-
XVIII	Hoàn trả vốn Bội chi năm 2018				76.137	76.137	0	0					Sở Tài chính
XIX	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai	BH		150.000	150.000	30.000	0	0	120.000				Liên minh Hợp tác xã tỉnh
XX	Bố trí 03 chương trình mục tiêu quốc gia (trong đó dự kiến Chương trình dân tộc thiểu số, miền núi là 365 tỷ) (chi tiết dự án theo kế hoạch hằng năm)				900.000		900.000						
A.2	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư												Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phù hợp với chuyên môn
I	Các dự án chỉ được bố trí vốn thi công khi khu đất lợi thế trên địa bàn thực hiện hoàn thành các công việc có liên quan đảm bảo cho việc tổ chức đấu giá đất												
1	Dự án Đường Vành đai Long Giao, huyện Cẩm Mỹ (giai đoạn 1) (07 khu đất khoảng 185ha trên địa bàn huyện)	CM	Tối đa 4 năm	725.900	10.100	100	10.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 08
2	Dự án Đường N1 huyện Cẩm Mỹ (05 khu đất khoảng 23,67ha trên địa bàn huyện)	CM	Tối đa 4 năm	167.468	5.100	100	5.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 08
3	Dự án Đường Vành đai thành phố Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu (02 khu đất khoảng 111,3ha trên địa bàn huyện)	VC	Tối đa 4 năm	1.056.000	10.100	100	10.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 09
4	Dự án xây dựng tuyến đường D5, đường N3 thuộc Hạ tầng Trung tâm xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu (01 khu đất khoảng 39,863ha trên địa bàn huyện)	VC	Tối đa 4 năm	296.405	10.052	52	10.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 09

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
5	Dự án nâng cấp mở rộng đường Ngô Quyền, thành phố Long Khánh (02 khu đất khoảng 42ha trên đường Ngô Quyền, thành phố Long Khánh)	LK	Tối đa 4 năm	462.931	1.700	100	1.600	0					Ban Quản lý dự án khu vực 02
II	Các dự án thực hiện theo Đề án khai thác quỹ đất												
1	Dự án Đường Vũ Hồng Phô (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường ĐT.769), thị trấn Long Thành, huyện Long Thành (02 khu đất khoảng 23,5ha trên địa bàn huyện)	LT	Tối đa 4 năm	376.393	13.477	77	13.400	0					Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành (đề án)	CM-XL-LT	Tối đa 6 năm	2.549.350	21.590	2.948	18.642						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
3	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769 (đề án)	TN-LT	Tối đa 6 năm	2.770.661	24.300	2.500	21.800						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
4	Dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh (đề án)	ĐQ-TN-CM-LT-LK	Tối đa 6 năm	4.701.825	23.564	2.996	20.568						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
III	Các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư, bố trí vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025, dự kiến bố trí vốn thực hiện dự án giai đoạn 2026-2030												
1	Đường Thừa Đức đi thị xã Long Khánh	CM	Tối đa 4 năm	789.562	17.577	1.900	15.677	0					Ban Quản lý dự án khu vực 08
2	Đường Xuân Đường - Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	780.898	17.000	1.000	16.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 08
3	Đường Vành đai 2, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	Tối đa 4 năm	1.858.000	10.000	1.000	9.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 02
4	Nâng cấp đường Xuân Bắc - Thanh Sơn đoạn từ Km2+100-Km18+100 và đoạn từ km33+783 (cầu số 2) đến Km54+183), huyện Xuân Lộc, Định Quán, Vĩnh Cửu (NST100%)	XL-ĐQ-VC	Tối đa 4 năm	935.910	2.952	170	2.782	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
5	Đầu tư xây dựng đường 25C Đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19) đến đường Liên Cảng (NST100%)	NT	Tối đa 4 năm	875.780	18.907	1.407	17.500	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
6	Đường Trảng Bom - Thanh Bình, huyện Trảng Bom, NST 100%	TB	2022-2025	1.039.494	17.920	1.000	16.920	0					Ban Quản lý dự án khu vực 03
7	Xây dựng hầm chui qua cầu Hóa An để nối đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trị, thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 4 năm	310.000	6.665	1.153	5.512	0					Ban Quản lý dự án khu vực 01
8	Đường từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu, thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 5 năm	1.545.000	16.426	1.326	15.100	0					Ban Quản lý dự án khu vực 01
9	Nâng cấp đường Bảo Hòa - Long Khánh (100% NST)	XL	Tối đa 4 năm	266.740	5.259	0	5.259	0					Ban Quản lý dự án khu vực 07

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
10	Đường Phước Bình-Bầu Cạn-Cầm Đường (NST 100%)	LT	Tối đa 4 năm	620.860	16.996	1.000	15.996	0					Ban Quản lý dự án khu vực 05
11	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Sông Thao - Bầu Hàm, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB	Tối đa 4 năm	213.050	9.754	1.154	8.600	0					Ban Quản lý dự án khu vực 03
12	Dự án Đường Lò Gạch - cầu Nước Trong (từ Quốc lộ 51 đến khu công nghiệp Long Đức) (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT	Tối đa 4 năm	753.246	12.900	0	12.900	0					Ban Quản lý dự án khu vực 05
13	Dự án chỉnh trang lát gạch vỉa hè, trồng cây xanh, xây hào kỹ thuật dọc Quốc lộ 20, huyện Thống Nhất (ngân sách tỉnh 50% tổng mức đầu tư)	TN	2023-2026	308.491	5.743	0	5.743	0					Ban Quản lý dự án khu vực 04
14	Dự án xây dựng, cải tạo một số tuyến đường đảm bảo tổ chức giao thông tại vị trí giao cắt giữa đường ven sông Cái với đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh	BH	2023-2026	187.507	5.400	0	5.400	0					Ban Quản lý dự án khu vực 01
15	Dự án khu tái định cư tại thị trấn Dầu Giây huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 4 năm	564.052	26.923	0	26.923						Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
16	Xây dựng các tuyến đường trong nội bộ Khu 1 - Khu đô thị thương mại dịch vụ Biên Hòa 1	BH	Tối đa 4 năm	318.138	5.000	0	5.000						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
17	Xây dựng Trung tâm Khoa học và Công nghệ và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường - Chất lượng	BH	2022-2025	44.860	2.597	0	2.597	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
18	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên	TB	2022-2025	221.511	4.009	509	3.500	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
19	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	LT	2020-2024	291.664	1.842	412	1.430	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
20	Dự án tuyến thu gom về trạm xử lý nước thải số 1, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 5 năm	99.570	2.155	655	1.500	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
21	Tuyến thoát nước hạ lưu đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường 25C), huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 4 năm	149.530	52.500	0	52.500	0					Ban Quản lý dự án khu vực 06
22	Dự án Chính trang đô thị, kê bờ, nạo vét và kiên cố hoá Suối Rét, thành phố Long Khánh (Ngân sách thành phố Long Khánh khoảng 15 tỷ xây dựng đường nội bộ)	LK	Tối đa 4 năm	488.722	16.800	100	16.700	0					Ban Quản lý dự án khu vực 02
23	Dự án Hồ Gia Ui 2, huyện Xuân Lộc	XL	2020-2024	332.900	3.000	0	3.000	0					Ban Quản lý dự án khu vực 07
24	Dự án xây dựng mới đập dâng Long An, huyện Long Thành	LT	Tối đa 3 năm	43.550	4.001	413	3.588	0					Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
25	Dự án Nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 5 năm	459.620	16.000	500	15.500	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
26	Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Tân Trạch, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC	Tối đa 4 năm	504.865	16.288	788	15.500	0					Ban Quản lý dự án khu vực 09

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
27	Dự án Bờ bao ngăn lũ sông La Ngà, huyện Tân Phú	TP	Tối đa 4 năm	148.148	3.670	1.670	2.000	0					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
28	Dự án xây dựng kiên cố hóa đoạn từ lý trình Km6+692 đến lý trình Km8+592 tuyến kênh T0 và đoạn từ lý trình Km0+108 đến lý trình Km1+077 tuyến kênh T2 suối Nước Trong, huyện Long Thành	LT	Tối đa 4 năm	150.000	6.375	675	5.700						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
29	Dự án chỉnh trang đô thị, xây kè bảo vệ nguồn nước đầu nguồn hồ Núi Le, huyện Xuân Lộc	XL	Tối đa 4 năm	287.180	7.666	2.166	5.500	0					Ban Quản lý dự án khu vực 07
30	Dự án nâng cấp sửa chữa cơ sở 2 trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	12.660	1.500		1.450		50				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
31	Trạm Y tế xã Phước Tân - Tp. Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	9.291	9.000		9.000		0				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
32	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Định Quán	ĐQ	Tối đa 3 năm	13.400	10.000		10.000		0				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
33	Dự án Nhà lưu niệm Tỉnh ủy Lâm thời Biên Hòa tại xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 3 năm	24.170	1.000		1.000						Ban Quản lý dự án khu vực 09
34	Xây dựng và sửa chữa khối dự phòng của Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	34.710	710		710		0				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
IV	Các dự án khác												Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phù hợp với chuyên môn
1	Dự án xây dựng đường ĐT 769E (đoạn từ cảng hàng không quốc tế long thành đến đường ĐT 770B).	LT-CM	Tối đa 4 năm	1.406.351	18.100	0	15.100	0	3.000				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Dự án đường trục chính N12 – thị trấn Dầu Giây	TN	Tối đa 4 năm	553.035	2.600	0	2.600	0					-
3	Dự án hệ thống thoát nước ngoài hàng rào cửa xả số 1 Khu công nghiệp Dầu Giây	TN	Tối đa 4 năm	173.151	1.100	0	1.100	0					Ban Quản lý dự án khu vực 04
4	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú An huyện Tân Phú	TP	Tối đa 3 năm	13.240	100		100		0				-
5	Dự án nâng cấp, mở rộng Trạm Y tế xã Phú Thịnh huyện Tân Phú	TP	Tối đa 3 năm	9.410	100		100		0				-
6	Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Đồng Nai	BH	Tối đa 4 năm	208.610	3.100	3.000	100	0					Công an tỉnh Đồng Nai
7	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773	CM-XL-LT			1.385	1.385	0	0					Sở Xây dựng
8	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.772 (Trảng Bom - Xuân Lộc) (NST100%)	TB-XL			6	6	0	0					Sở Xây dựng
9	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769	TN-LT			1.252	1.252	0	0					Sở Xây dựng
10	Dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT.770B	ĐQ-TN-CM-LT-LK			1.797	1.797	0	0					Sở Xây dựng

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
11	Dự án xây dựng cầu thay phà cát lái theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT				4.673		4.673						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
12	Dự án đường Vành đai 4				20.000		20.000						Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phù hợp với chuyên môn
13	Dự án Xây dựng hệ thống quản lý điều hành, tác nghiệp và Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai	BH			100		100						
14	Đường gom dân sinh cao tốc Tp.HCM-Long Thành-Dầu giầy (100% NST)	LT			100	0	100	0					-
15	Nâng cấp đường Hương lộ 21 (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT			100	0	100	0					-
16	Đường Bung Môn (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT			100	0	100	0					-
17	Đường Long Phước - Phước Thái (NST)	LT			100	0	100	0					-
18	Nâng cấp, mở rộng đường Bùi Văn Hòa (đoạn từ ngã tư Tam Hiệp đến nút giao tuyến tránh Quốc lộ 1, thành phố Biên Hòa)	BH			100	0	100	0					-
19	Dự án kè và đường ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến cầu Ghềnh	BH			100	0	100	0					-
20	Dự án kè và đường ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến giáp ranh tỉnh Bình Dương	BH			100	0	100	0					-
21	Đường quan Hồ Núi Le (NST 100%)	XL			100	0	100	0					-
22	Đường quanh núi Chứa Chan, huyện Xuân Lộc, NST100%	XL			100	0	100	0					-
23	Đường Trương Công Định, huyện Xuân Lộc, NST100%	XL			100	0	100	0					-
24	Tuyến Quốc lộ 1 tránh nội ô thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK			100	0	100	0					-
25	Nâng cấp, cải tạo đường Điều Xiển, xã Bầu Trám (NST 100%)	LK			100	0	100	0					-
26	Đường song hành Quốc lộ 20 phía tây	TN			100	0	100	0					-
27	Dự án Lát đá vỉa hè qua các khu dân cư dọc Quốc lộ 20, đoạn qua 5 xã Kiệm Tân (NST50%)	TN			100	0	100	0					-
28	Nâng cấp đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ QL1 đến giao với đường Võ Nguyên Giáp, TP BH và huyện TB	LT-BH-TB			100	0	100	0					-
29	Xây dựng mới tuyến đường ĐT 768B, TP BH và huyện Vĩnh Cửu	BH-VC			100	0	100	0					-
30	Kè và đường ven sông Đồng Nai từ Cầu Hóa An đến cầu Ghềnh	BH			100	0	100	0					-

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
31	Kè và đường ven sông Đồng Nai từ Cầu Hóa An giáp tỉnh Bình Dương (thuộc phường Hóa An và Tân Hạnh)	BH			100	0	100	0					-
32	Đường Ven hồ Trị An, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC			100	0	100	0					-
33	Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Láng Nguyên, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC			100	0	100	0					-
34	Trạm bơm TaRua xã Suối Nho, huyện Định Quán (100%NST)	ĐQ			100	0	100	0					-
35	Trạm bơm Đồng Hiệp	TP			100	0	100	0					-
36	Hồ chứa nước Suối Đá, xã Núi Tượng	TP			100	0	100	0					-
37	Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu, huyện Trảng Bom (NST100%)	TB			100	0	100	0					-
38	Cải tạo, chỉnh trang Trung tâm hành chính huyện và xây dựng Trụ sở Trung tâm hành chính công huyện Trảng Bom	TB			100	0	100	0					-
39	Đường Hương Lộ 12 (Đường Bà Ký) (NST 100%)	LT			100	0	100	0					-
40	Dự án tuyến đường Vành đai 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường ĐT.769	TB-LT			100	0	100	0					-
41	Dự án đường chuyên dùng Phước Bình	LT			100	0	100	0					-
42	Đường Mã Vôi, xã Bảo Hòa, NST100%	XL			100	0	100	0					-
43	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Khánh	LK			100	0	100	0					
44	Dự án kè và đường ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến cầu Ghềnh (thuộc phường Bửu Hòa và Hóa An):				100	0	100	0					
45	Dự án kè và đường ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến tỉnh Bình Dương.				100	0	100	0					
46	Hồ chứa nước Sông Ray 2				100	0	100	0					
47	Hồ chứa nước Suối Cà				100	0	100	0					
48	Hồ chứa nước Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ				100	0	100	0					
49	Dự án nhà thi đấu đa năng kết hợp quảng trường thành phố Long Khánh (BTGPMB từ nguồn vốn thành phố Long Khánh)	LK			800		800		0				
50	Xây dựng tượng đài Thanh niên xung phong	TB			100		100		0				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
51	Trùng tu, tôn tạo di tích mộ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh Thiên địa hội, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa	BH			100		100		0				
52	Xây dựng nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Trung đoàn 4	XL			100		100		0				
53	Trung tâm y tế thành phố Biên Hòa	BH			100		100		0				

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
54	Bổ sung trang thiết bị Trạm Y tế xã Vĩnh Tân huyện Vĩnh Cửu	VC			10		10		0				
55	Bổ sung trang thiết bị Trạm Y tế xã Thiện Tân huyện Vĩnh Cửu	VC			10		10		0				
56	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Dầu Giây huyện Thống Nhất	TN			10		10		0				
57	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bàu Hàm 2 huyện Thống Nhất	TN			10		10		0				
58	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Hưng Lộc huyện Thống Nhất	TN			10		10		0				
59	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Quang Trung huyện Thống Nhất	TN			10		10		0				
60	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Gia Tân 1 huyện Thống Nhất	TN			10		10		0				
61	Bổ sung trang thiết bị Trạm Y tế xã Tân Hiệp	LT			10		10		0				
62	Bổ sung trang thiết bị Trạm Y tế xã Phước Bình huyện Long Thành	LT			10		10		0				
63	Bổ sung trang thiết bị Trạm Y tế xã Phước Thái huyện Long Thành	LT			10		10		0				
64	Bổ sung trang thiết bị Trạm Y tế xã An Phước huyện Long Thành	LT			10		10		0				
65	Bổ sung trang thiết bị Trạm Y tế xã Long Phước huyện Long Thành	LT			10		10		0				
66	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Đại Phước huyện Nhơn Trạch	NT			10		10		0				
67	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Hữu huyện Nhơn Trạch	NT			10		10		0				
68	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Thanh huyện Tân Phú	TP			10		10		0				
69	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Hàng Gòn thành phố Long Khánh	LK			10		10		0				
70	Sửa chữa Trường THPT năng khiếu, thể thao	BH			10		10		0				
71	Trùng tu tôn tạo di tích mộ Đoàn Văn Cự	BH			10		10		0				
72	Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai				100		100						Sở Giáo dục và Đào tạo
73	Cơ sở dữ liệu các tổ chức hành nghề hỗ trợ tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai				100		100						Sở Tư pháp
74	Nâng cấp và phát triển hạ tầng Sở Tư pháp phục vụ chuyển đổi số				100		100						Sở Tư pháp
75	Dự án Xây dựng Trung tâm THDL ngành Y tế				100		100						Sở Y tế
76	Đầu tư phát triển hạ tầng Bộ CHQS tỉnh phục vụ chuyển đổi số				100		100						Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
77	Nâng cấp hệ thống quản lý ngành Nội vụ tỉnh Đồng Nai				100		100						Sở Nội vụ
78	Xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử thống Kho lưu trữ điện tử				100		100						Sở Nội vụ
79	Dự án đầu tư xây dựng cầu Mã Đà				35.000	35.000							Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
80	Dự án đường Hương lộ 2 nối dài, đoạn từ cầu Vàm Cái Sứt đến nút giao cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây				2.000		2.000						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
81	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.767 (đường Nhà máy nước Thiện Tân)				2.000		2.000						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
82	Dự án đường dẫn từ cầu Mã Đà đến đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh				5.000		5.000						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
83	Dự án Đường liên xã Bình Minh đi xã Trảng Bom				177		177						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
84	Dự án Trụ sở kiểm dịch y tế quốc tế tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành				1.500				1.500				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
85	Dự án thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận Đồng Nai thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh				5.000	5.000							Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
B	Dự phòng chưa phân bổ chi tiết				3.573.905		3.573.905						
	Trong đó:												
I	Dự kiến phân bổ cho cấp nước sạch khi đủ hồ sơ				300.000		300.000						
II	Dự kiến phân bổ cho nông nghiệp khi đủ hồ sơ				465.000		465.000						
III	Dự kiến phân bổ cho khoa học công nghệ khi đủ hồ sơ				300.000		300.000						
IV	Dự kiến phân bổ cho môi trường khi đủ hồ sơ				670.000		670.000						
V	Dự kiến phân bổ cho ngành văn hóa - xã hội khi đủ hồ sơ				693.400		693.400						
VI	Dự kiến phân bổ cho ngành giáo dục khi đủ hồ sơ				186.000		186.000						
VII	Dự kiến phân bổ cho công tác chuyển đổi số, đô thị thông minh ...khi đủ hồ sơ				53.377		53.377						
VIII	Dự kiến phân bổ cho y tế khi đủ hồ sơ				213.980		213.980						

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD (địa danh cũ)	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch trung hạn 2021-2025							Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
						NSTT	Đất	NSTT Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023	Bội chi	Quý sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
XI	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 còn lại cho các lĩnh vực còn lại khi đủ hồ sơ (kể cả các dự án còn thiếu nguồn so với kế hoạch trung hạn đã giao)				692.148		692.148						

Phụ lục III.1
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lấy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMĐT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			TỔNG CỘNG (A+B+C)				3.907.692	
A			Dự án/nhiệm vụ mới thuộc giai đoạn 2021-2025					
1	7-Giáo dục	7714961	Trường mầm non Tân Hạnh	57/NQ-HĐND ngày 24/8/2028	52.878	15.072	28.500	Ban Quản lý dự án khu vực 01
2	7-Giáo dục	7273036	Trường THCS Tân Phong	2972/QĐ-UBND ngày 20/8/2015	147.405	106.870	28.485	Ban Quản lý dự án khu vực 01
3	7-Giáo dục	7694918	Xây dựng mới 12 phòng học Trường tiểu học Trần Văn Ôn	1991/QĐ-UBND ngày 23/4/2018	15.000	4.830	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
4	7-Giáo dục	7686283	Xây dựng khu hiệu bộ Trường tiểu học An Hòa	2498/QĐ-UBND ngày 02/07/2019	10.000	2.028	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
5	7-Giáo dục	7577927	Xây dựng hoàn chỉnh Trường mầm non Long Bình	2499/QĐ-UBND ngày 02/07/2019	9.000	1.600	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
6	7-Giáo dục	7873111	Trường tiểu học Tam Phước 1	6539/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	14.857		13.050	Ban Quản lý dự án khu vực 01
7	7-Giáo dục	7866886	Trường tiểu học Tam Phước 3	4473/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	13.766		12.180	Ban Quản lý dự án khu vực 01
8	7-Giáo dục	7866887	Trường tiểu học Phù Đồng	2740/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	28.984		24.550	Ban Quản lý dự án khu vực 01
9	7-Giáo dục	7866884	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	2762/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	47.561		41.650	Ban Quản lý dự án khu vực 01
10	7-Giáo dục	7866885	Trường tiểu học Tân Mai 1	4472/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	13.803		12.460	Ban Quản lý dự án khu vực 01
11	7-Giáo dục	7868399	Xây dựng hoàn chỉnh Trường THCS Tam Phước	5474/QĐ-UBND ngày 07/8/2021	59.730		48.750	Ban Quản lý dự án khu vực 01
12	7-Giáo dục	7858641	Trường THCS Hòa Bình (giai đoạn 2)	5132/QĐ-UBND ngày 24/12/2019	24.000		16.500	Ban Quản lý dự án khu vực 01
13	7-Giáo dục	7855012	Trường tiểu học Tân Mai 2	2739/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	45.000		33.100	Ban Quản lý dự án khu vực 01
14	7-Giáo dục	7889405	Xây dựng thêm 18 phòng học + các phòng bộ môn + các phòng hỗ trợ học tập + phòng họp Trường tiểu học Trịnh Hoài Đức	10130/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	34.443		29.767	Ban Quản lý dự án khu vực 01
15	7-Giáo dục	7889397	Xây dựng thêm 12 phòng học Trường tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	9093/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	13.546		12.200	Ban Quản lý dự án khu vực 01
16	7-Giáo dục	7889402	Xây dựng thêm 12 phòng học Trường tiểu học Chu Văn An	5862/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	14.113		11.380	Ban Quản lý dự án khu vực 01
17	7-Giáo dục	7889398	Xây dựng thêm 08 phòng học bộ môn Trường tiểu học Nguyễn Huệ	6540/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	14.955		14.480	Ban Quản lý dự án khu vực 01
18	7-Giáo dục	7889400	Xây dựng thêm 15 phòng học + các phòng hỗ trợ học tập Trường tiểu học Võ Thị Sáu	7225/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	22.638		18.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
19	7-Giáo dục	7889408	Xây dựng mới khối 4 phòng học, phòng họp, phòng hỗ trợ học tập và các công trình phụ trợ Trường tiểu học Tân Phong A	7218/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	9.561		7.800	Ban Quản lý dự án khu vực 01
20	7-Giáo dục	7891690	Xây dựng thêm 12 phòng học và các công trình phụ trợ Trường tiểu học Nguyễn Thị Sáu	7219/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	14.982		11.170	Ban Quản lý dự án khu vực 01
21	7-Giáo dục	7889404	Xây dựng thêm 9 phòng học + 6 phòng học bộ môn và các công trình phụ trợ Trường tiểu học An Hảo	5476/QĐ-UBND ngày 7/8/2021	19.408		16.100	Ban Quản lý dự án khu vực 01
22	7-Giáo dục	7891691	Xây dựng mới khối 12 phòng học + các phòng hỗ trợ học tập Trường tiểu học Long Bình Tân	5180/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	22.632		18.350	Ban Quản lý dự án khu vực 01
23	7-Giáo dục	7889410	Xây dựng thêm 09 phòng học + các phòng hỗ trợ học tập Trường tiểu học Phan Bội Châu	5480/QĐ-UBND ngày 07/8/2021	14.986		10.430	Ban Quản lý dự án khu vực 01
24	7-Giáo dục	7889399	Xây dựng thêm 9 phòng học + hội trường Trường tiểu học Tân Cang	7213/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	11.544		11.850	Ban Quản lý dự án khu vực 01
25	7-Giáo dục	7889401	Xây dựng thêm 12 phòng học Trường tiểu học Hà Huy Giáp	5481/QĐ-UBND ngày 07/8/2021	14.907		11.220	Ban Quản lý dự án khu vực 01

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lấy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
26	7-Giáo dục	7274853	Cải tạo, hoàn chỉnh trường tiểu học Trần Văn Ôn	3982/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	11.700	9.338		Ban Quản lý dự án khu vực 01
27	7-Giáo dục	7687484	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	1158a/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	143.200	54.604	58.250	Ban Quản lý dự án khu vực 01
28	7-Giáo dục	7713101	Trường THCS Phước Tân 3	4468/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	115.000	29.919	36.800	Ban Quản lý dự án khu vực 01
29	7-Giáo dục	7658050	Trường tiểu học Tân Phong	127/NQ-HĐND ngày 3/10/2017	103.000	1.401	52.027	Ban Quản lý dự án khu vực 01
30	7-Giáo dục	7658046	Trường mẫu giáo Tân Phong	57/NQ-HĐND ngày 24/8 /2018	56.000	754	34.800	Ban Quản lý dự án khu vực 01
31	7-Giáo dục	7889403	Trường mầm non Tân Phong	7221/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	39.400		40.540	Ban Quản lý dự án khu vực 01
32	7-Giáo dục	7889406	Xây dựng mới khối 09 phòng học + các phòng hỗ trợ học tập Trường tiểu học Nguyễn Du	167/QĐ-UBND ngày 15/01/2022	14.998		12.850	Ban Quản lý dự án khu vực 01
33	7-Giáo dục	7889407	Xây dựng thêm 24 phòng học + 04 phòng học bộ môn và các phòng hỗ trợ học tập Trường tiểu học Bình Đa	7224/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	44.455		40.700	Ban Quản lý dự án khu vực 01
34	7-Giáo dục	7889409	Xây dựng thêm 24 phòng học và khối hiệu bộ Trường tiểu học Tam Phước 2	7223/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	41.749		42.100	Ban Quản lý dự án khu vực 01
35	7-Giáo dục	7915500	Xây dựng thêm các phòng học bộ môn và hội trường Trường THCS Ngô Gia Tự	5139/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	20.646		18.250	Ban Quản lý dự án khu vực 01
36	7-Giáo dục	8005494	Xây dựng, cải tạo Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh	4248/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	24.383		21.700	Ban Quản lý dự án khu vực 01
37	7-Giáo dục	8014952	Xây dựng, cải tạo Trường THCS Nguyễn Công Trứ	4249/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	28.765		21.550	Ban Quản lý dự án khu vực 01
38	7-Giáo dục	8007975	Xây dựng, cải tạo Trường THCS Lý Tự Trọng	4250/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	26.680		22.170	Ban Quản lý dự án khu vực 01
39	7-Giáo dục	8012157	Xây dựng, cải tạo Trường THCS Long Bình	4241/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	25.584		21.530	Ban Quản lý dự án khu vực 01
40	7-Giáo dục	7971506	Xây dựng hoàn chỉnh Trường tiểu học Nguyễn Thái Học	52/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	65.498		17.450	Ban Quản lý dự án khu vực 01
41	7-Giáo dục	7012503	Xây dựng trường THCS Tân Hạnh	114/NQ-HĐND ngày 27/11/2020	93.453	48.930	46.640	Ban Quản lý dự án khu vực 01
42	7-Giáo dục	8007976	Xây dựng, cải tạo Trường tiểu học Lê Thị Vân	4242/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	14.996		13.530	Ban Quản lý dự án khu vực 01
43	7-Giáo dục	8010656	Nâng cấp Trường THCS Trảng Dài	4251/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	43.474		39.510	Ban Quản lý dự án khu vực 01
44	7-Giáo dục	7658049	Trường tiểu học Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa	127/NQ-HĐND ngày 03/10/2017	116.900	317	100.468	Ban Quản lý dự án khu vực 01
45	7-Giáo dục	8029308	Xây dựng, cải tạo Trường mầm non Tân Mai (cơ sở 1)	4240/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	23.341		10.110	Ban Quản lý dự án khu vực 01
46	7-Giáo dục	8012158	Xây dựng, cải tạo Trường mầm non Tân Hòa	4245/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	25.846		15.300	Ban Quản lý dự án khu vực 01
47	7-Giáo dục	7850703	Trường mầm non Tân Vạn	96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019	75.300		33.040	Ban Quản lý dự án khu vực 01
48	7-Giáo dục	7705597	Trường tiểu học Hóa An 2	54/NQ-HĐND ngày 12/7/2018	90.000	515	51.826	Ban Quản lý dự án khu vực 01
49	7-Giáo dục	7012530	Trường THCS Ngô Nhơn Tịnh	124/NQ-HĐND ngày 20/9/2017	104.300	28.640	33.657	Ban Quản lý dự án khu vực 01
50	7-Giáo dục	7778313	Mở rộng Trường THCS Hòa Hưng	3151/QĐ-UBND ngày 19/8/2019	14.500	669	9.102	Ban Quản lý dự án khu vực 01
51	7-Giáo dục	7656946	Trường tiểu học Phan Đăng Lưu	114/NQ-HĐND ngày 27/11 /2020	77.400	33.838	2.470	Ban Quản lý dự án khu vực 01
52	7-Giáo dục	7775959	Trường tiểu học Long Bình Tân 2	79/NQ-HĐND ngày 24/7/2019	90.000	620	2.550	Ban Quản lý dự án khu vực 01

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lấy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
53	7-Giáo dục	7656943	Trường tiểu học Long Bình 1	127/HĐND ngày 03/10 /2017	199.031	1.731	16.765	Ban Quản lý dự án khu vực 01
54	7-Giáo dục	8014696	Trường tiểu học Quang Vinh	68/NQ-HĐND ngày 20/12/2022	77.341		10.900	Ban Quản lý dự án khu vực 01
55	17-Giao thông	7103195	Xây dựng mới đường nối từ đường Nguyễn Ái Quốc đến đường nối Phan Đình Phùng - Cây Chàm, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa	114/2020/NQ-HĐND ngày 24/11/2020	30.000	16.503	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực 01
56	17-Giao thông	7658052	Xây dựng đường kết nối vào 2 khu tái định cư Tân Phong 1, Tân Phong 2	QB 4334/QĐ-UBND ngày 28/09/2017	15.000	11.999	200	Ban Quản lý dự án khu vực 01
57	17-Giao thông	7658044	Nâng cấp, cải tạo nút giao đường Trương Định - Trương Quyền	5124/QĐ-UBND ngày 17/11/2017	19.430	13.645	1.600	Ban Quản lý dự án khu vực 01
58	17-Giao thông	7571520	Đường D9 (đoạn từ Nguyễn Văn Hoa đến đường Võ Thị Sáu) phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa	1044/QĐ-UBND ngày 28/3/2016	53.100	4.173	31.300	Ban Quản lý dự án khu vực 01
59	17-Giao thông	7755158	Cải tạo vỉa hè đường 30/4 (đoạn từ công trường Sông phố đến Vườn Mít)	1070/QĐ-UBND ngày 01/04/2019	40.000	557	31.930	Ban Quản lý dự án khu vực 01
60	17-Giao thông	7708225	Mở rộng vỉa hè đường Võ Thị Sáu	54/NQ-HĐND ngày 12/7/2018	150.000	81.365	48.500	Ban Quản lý dự án khu vực 01
61	17-Giao thông	7709739	Hạ tầng khu nhà ở tập thể Dệt Thống Nhất	3824/QĐ-UBND ngày 17/08/2018	7.400	2.769	1.600	Ban Quản lý dự án khu vực 01
62	17-Giao thông	7005579	Xây dựng nâng cấp mở rộng đường Đỗ Văn Thi xã Hiệp Hòa thành phố Biên Hòa	3073/SKHĐT-XDCB ngày 27/11/2015	122.057	62.243	350	Ban Quản lý dự án khu vực 01
63	17-Giao thông	7539328	Cải tạo vỉa hè đường Lê Thánh Tôn	755/QĐ-UBND ngày 02/04/2015	9.100	3.145	3.650	Ban Quản lý dự án khu vực 01
64	17-Giao thông	7192806	Đường vào trường mầm non Tân Tiến và trường TH Tân Tiến A	2391/QĐ-UBND ngày 18/05/2018	45.000	25.013	17.200	Ban Quản lý dự án khu vực 01
65	17-Giao thông	7019570	Xây dựng mới đường vào trường THCS Tân Hiệp, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa	7218/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	11.600	6.760	2.720	Ban Quản lý dự án khu vực 01
66	17-Giao thông	7019564	Nâng cấp đường nối từ QL 15 sang QL1 (đường Lưu Văn Viết) phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa	QĐ số 5805/QĐ-UBND ngày 22/12/2017	132.482	81.465	39.300	Ban Quản lý dự án khu vực 01
67	17-Giao thông	7774113	Xử lý tình trạng ngập nước cục bộ trên QL51 và vòng xoay công 11	2954/QĐ-UBND ngày 12/3/2018	82.000	1.099	15.700	Ban Quản lý dự án khu vực 01
68	17-Giao thông	8050190	Sửa chữa, cải tạo hệ thống thoát nước dọc tuyến đường Bùi Trọng Nghĩa, phường Trảng Dài	1896/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	13.917		11.250	Ban Quản lý dự án khu vực 01
69	17-Giao thông	7660685	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương (giai đoạn 1), thành phố Biên Hòa	94/QĐ-UBND ngày 11/01/2017	137.732	1.230	50.106	Ban Quản lý dự án khu vực 01
70	17-Giao thông	7682330	Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực QL51 và khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân	2954/QĐ-UBND ngày 12/3/2018	88.580	15.057	65.086	Ban Quản lý dự án khu vực 01
71	17-Giao thông	7785985	Gia cố bờ sông khu vực trụ T9 cầu Bửu Hòa	96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019	215.000	405	1.415	Ban Quản lý dự án khu vực 01
72	17-Giao thông	782837	Xây dựng đường nối từ đường Võ Thị Sáu sang đường Hưng Đạo Vương	96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019	123.500	100	34.260	Ban Quản lý dự án khu vực 01
73	17-Giao thông	7881708	Nâng cấp cải tạo nút giao đường Nguyễn Du với đường N4 phường Bửu Long	106/NQ-HĐND ngày 31/08/2020	10.822		9.060	Ban Quản lý dự án khu vực 01
74	17-Giao thông	7875719	Đường D23 theo quy hoạch phường Tân Biên (đường vào khu tập thể nhà máy dệt Thống Nhất)	106/NQ-HĐND ngày 31/08/2020	22.617		5.350	Ban Quản lý dự án khu vực 01
75	17-Giao thông	7889403	Đường kết nối đường Huỳnh Văn Nghệ và đường ven sông Đồng Nai (đường Nguyễn Bình Khiêm nối dài)	19/NQ-HĐND ngày 03/08/2021	51.757		7.100	Ban Quản lý dự án khu vực 01
76	17-Giao thông	7915677	Đường nối từ khu dân cư phục vụ tái định cư phường Tam Hiệp 9,4ha ra đường Trần Quốc Toàn	19/NQ-HĐND ngày 03/08/2021	65.000		35.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
77	17-Giao thông	8005495	Đường theo quy hoạch D8 tại phường Quang Vinh	59/NQ-HĐND ngày 13/10/2022	42.818		6.160	Ban Quản lý dự án khu vực 01

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lấy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
78	9-Quản lý nhà nước	7752216	Công viên B5	4467/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	39.500	793	28.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
79	9-Quản lý nhà nước	7610764	Trung tâm dịch vụ hành chính công		365.617	151.846	139.300	Ban Quản lý dự án khu vực 01
80	9-Quản lý nhà nước	7776888	Bảo tồn, tôn tạo khu lăng mộ Trịnh Hoài Đức	79/NQ-HĐND ngày 24/07/2019	170.247	12	14.280	Ban Quản lý dự án khu vực 01
81	9-Quản lý nhà nước	7658051	Xây dựng và mở rộng chợ Hòa An	5177/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	91.201	12.400	47.494	Ban Quản lý dự án khu vực 01
82	9-Quản lý nhà nước	8016764	Trụ sở bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố Biên Hòa và Trụ sở Ban Tiếp công dân thành phố	68/NQ-HĐND ngày 20/12/2022	91.091		1.510	Ban Quản lý dự án khu vực 01
83	35-Hạ tầng Tái định cư	7110996	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phường Tân Biên 0,9ha	114/NQ-HĐND ngày 27/11/2020	26.500	4.322	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực 01
84	35-Hạ tầng Tái định cư	7658047	Khu dân cư phục vụ TĐC Quang Vinh 0,4ha	36/NQ-HĐND ngày 18/12/2021	47.300	10.689	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực 01
85	35-Hạ tầng Tái định cư	7012270	Xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề gốm sứ Tân Hạnh		239.728	225.999		Ban Quản lý dự án khu vực 01
86	35-Hạ tầng Tái định cư	7708087	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phường Tân Hiệp 4,07ha		53.000	9.043	3.500	Ban Quản lý dự án khu vực 01
87	35-Hạ tầng Tái định cư	7571527	Xây dựng hạ tầng khu dân cư phục vụ TĐC xã Tân Hạnh (4,2ha)	2970/QĐ-UBND ngày 20/8/2015	110.004	35.240	74.500	Ban Quản lý dự án khu vực 01
88	35-Hạ tầng Tái định cư	7775076	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Thống Nhất và Tân Mai, thành phố Biên Hòa	3536/QĐ-UBND ngày 05/6/2025	1.054.531	88.710	959.014	Ban Quản lý dự án khu vực 01
89	35-Hạ tầng Tái định cư	7660013	Khu dân cư phục vụ TĐC Tân Vạn	127/NQ-HĐND ngày 03/10/2017	174.821	1.104	109.784	Ban Quản lý dự án khu vực 01
90	35-Hạ tầng Tái định cư	7685374	Khu dân cư phục vụ TĐC phường Thống Nhất	96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019	80.000	35.341	34.410	Ban Quản lý dự án khu vực 01
91	35-Hạ tầng Tái định cư	7660014	Khu dân cư phục vụ TĐC phường Bửu Hòa	143/NQ-HĐND ngày 06/11/2017	85.000	25.418	47.757	Ban Quản lý dự án khu vực 01
92	35-Hạ tầng Tái định cư	7708087	Khu dân cư phục vụ TĐC phường Tam Hiệp (quy mô 6,2 ha)	54/NQ-HĐND ngày 12/7/2018	436.483	1.699	293.620	Ban Quản lý dự án khu vực 01
93	35-Hạ tầng Tái định cư	7711974	Khu dân cư phục vụ TĐC phường Bình Đa (quy mô 3 ha)	54/NQ-HĐND ngày 12/07/2018	183.942	56.698	96.921	Ban Quản lý dự án khu vực 01
94	18-Thoát nước	7601042	Nạo vét suối Bà Bọt	6082/QĐ-UBND ngày 05/10/2016	20.100	16.466	600	Ban Quản lý dự án khu vực 01
95	18-Thoát nước	7601040	Nạo vét suối Tân Mai	6085/QĐ-UBND ngày 05/10/2016	45.100	35.100	2.300	Ban Quản lý dự án khu vực 01
96	18-Thoát nước	7601037	Nạo vét suối Linh	6084/QĐ-UBND ngày 05/10/2016	50.000	6.380	37.000	Ban Quản lý dự án khu vực 01
97	17-Giao thông		Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông tổ 5, khu phố 9, phường Tam Hiệp		4.220		4.050	UBND phường Tam Hiệp
98	17-Giao thông		Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tại khu phố 4A, phường Tân Hòa		9.799		9.300	UBND phường Hố Nai
99	9-Quản lý nhà nước		Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND phường Long Bình Tân		15.000		14.500	UBND phường Long Hưng
100	9-Quản lý nhà nước		Trụ sở Công an phường Phước Tân		8.000		7.300	UBND phường Phước Tân
101	9-Quản lý nhà nước		Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự phường Tân Mai		3.300		3.150	UBND phường Tam Hiệp
102	9-Quản lý nhà nước		Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự phường Tân Hạnh		3.280		3.050	UBND phường Biên Hòa
103	9-Quản lý nhà nước		Xây dựng Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự phường Tân Biên		4.234		4.170	UBND phường Long Bình
104	9-Quản lý nhà nước		Xây dựng Nhà đoàn thể phường Tân Tiến		3.750		3.700	UBND phường Tam Hiệp
105	9-Quản lý nhà nước		Đầu tư, nâng cấp Trụ sở làm việc UBND phường Long Bình		15.000		2.000	UBND phường Long Bình
106	9-Quản lý nhà nước		Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc UBND phường Quang Vinh		13.500		1.700	UBND phường Trăn Biên
107	9-Quản lý nhà nước		Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND phường Bửu Hòa		15.000		3.480	UBND phường Biên Hòa
108	9-Quản lý nhà nước		Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Tân Vạn		4.859		4.740	UBND phường Biên Hòa
109	9-Quản lý nhà nước		Xây dựng mới trụ sở Ban Chỉ huy quân sự thành phố Biên Hòa		93.941		85.300	Ban Quản lý dự án khu vực 01

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lấy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
110	9-Quản lý nhà nước		Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao và học tập cộng đồng phường Bửu Hòa		10.000		8.750	UBND phường Biên Hòa
111	9-Quản lý nhà nước		Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa	146/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	9.663		8.200	Ban Quản lý dự án khu vực 01
112	9-Quản lý nhà nước		Bến xe Phước Tân (Bến xe Biên Hòa 2)	4191/QĐ-UBND ngày 14/9/2018	45.000		8.800	Ban Quản lý dự án khu vực 01
113	9-Quản lý nhà nước		Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Tân Hòa		6.200		5.900	UBND phường Hồ Nai
114	17-Giao thông		Cải tạo, nâng cấp tuyến đường quanh nghĩa trang Giáo xứ Bùi Vĩnh, thuộc tổ 14, khu phố 4 phường Tam Hiệp	204/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	946		950	UBND phường Tam Hiệp
115	17-Giao thông		Cải tạo, sửa chữa nâng cấp đoạn mương thoát nước, đường nhựa liên tổ 38,43,47 khu phố 3 phường Trảng Dài	290/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	495		450	UBND phường Trảng Dài
116	9-Quản lý nhà nước		Sửa chữa Bộ phận một cửa và Hội trường UBND phường Phước Tân	352/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	930		900	UBND phường Phước Tân
117	9-Quản lý nhà nước		Sửa chữa Trụ sở UBND phường Tân Mai	141a/QĐ-UBND ngày 08/9/2023	980		1.000	UBND phường Tam Hiệp
118	9-Quản lý nhà nước		Sửa chữa Trụ sở UBND phường Hòa An	218/QĐ-UBND ngày 08/9/2023	2.100		2.050	UBND phường Biên Hòa
119	9-Quản lý nhà nước		Sửa chữa nhà văn hóa khu phố Tân Cang	420/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	900		450	UBND phường Phước Tân
120	9-Quản lý nhà nước		Sửa chữa trụ sở UBND phường Tam Hòa	162/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	890		860	UBND phường Tam Hiệp
121	9-Quản lý nhà nước		Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường và Ban chỉ huy quân sự phường Bửu Long	24/QĐ-UBND ngày 26/2/2023	820		800	UBND phường Trần Biên
122	9-Quản lý nhà nước		Xây dựng Nhà văn hoá khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa	1190/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	1.446		758	UBND phường Trần Biên
123	9-Quản lý nhà nước		Sửa chữa Nhà Văn hóa khu phố Long Khánh 1	327/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.230		700	UBND phường Tam Phước
124	9-Quản lý nhà nước		Sửa chữa Nhà Văn hóa khu phố Long Khánh 3	326/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.100		685	UBND phường Tam Phước
125	9-Quản lý nhà nước		Xây dựng Nhà văn hóa khu phố Tân Mai, phường Phước Tân	112/QĐ-UBND ngày 3/3/2023	2.740		1.370	UBND phường Phước Tân
126	9-Quản lý nhà nước		Sửa chữa Nhà văn hóa khu phố Tân Lập	419/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	949		475	UBND phường Phước Tân
127	9-Quản lý nhà nước		Sửa chữa, cải tạo Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng phường Tam Phước	233/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	1.760		1.600	UBND phường Tam Phước
128	9-Quản lý nhà nước		Sửa chữa, cải tạo Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng phường Long Bình Tân	325/QĐ-UBND ngày 11/9/2024	2.700		50	UBND phường Long Hưng
129	9-Quản lý nhà nước		Sửa chữa, cải tạo Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng phường Bình Đa	320/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	2.400		50	UBND phường Tam Hiệp
B			Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025 (dự kiến bố trí vốn thực hiện dự án thuộc giai đoạn 2026-2030)		0			
1	7-Giáo dục	7968872	Trường tiểu học Trảng Dài 4	4247/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	228.544		460	Ban Quản lý dự án khu vực 01
2	7-Giáo dục	8022455	Xây dựng, cải tạo Trường mầm non Long Bình Tân	4240/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	33.752		1.050	Ban Quản lý dự án khu vực 01
3	7-Giáo dục	8028323	Xây dựng, cải tạo Trường tiểu học Nguyễn Tri Phương	4244/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	23.152		400	Ban Quản lý dự án khu vực 01
4	7-Giáo dục	8028322	Xây dựng, cải tạo Trường tiểu học Phan Chu Trinh	4247/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	21.018		400	Ban Quản lý dự án khu vực 01
5	7-Giáo dục	8026680	Xây dựng, cải tạo Trường THCS Hoàng Diệu	4246/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	44.484		400	Ban Quản lý dự án khu vực 01
6	17-Giao thông	7711973	Đường vào trường THPT Nam Hà	3742/QĐ-UBND ngày 14/08/2018	10.953	163	170	Ban Quản lý dự án khu vực 01
7	17-Giao thông	7915268	Xây dựng đường D10 tại phường Quang Vinh	19/NQ-HĐND ngày 03/08/2021	40.247		410	Ban Quản lý dự án khu vực 01
8	17-Giao thông	7891177	Chỉnh trang hành lang suối Linh	4469/QĐ-UBND ngày 18/08/2020	30.000		130	Ban Quản lý dự án khu vực 01

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lấy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
9	17-Giao thông	7931277	Đầu tư xây dựng đường liên khu phố 3,4 phường Long Bình, TP. Biên Hòa	28/NQ-HĐND ngày 04/11/2021	125.179		580	Ban Quản lý dự án khu vực 01
10	17-Giao thông	8132568	Nâng cấp, mở rộng cầu Ông Gia, đường Trần Quốc Toàn, phường An Bình, thành phố Biên Hòa	6253/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	12.111		10	Ban Quản lý dự án khu vực 01
11	17-Giao thông	8132569	Xây dựng cầu Bà Bọt, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa	6252/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	10.999		210	Ban Quản lý dự án khu vực 01
12	9-Quản lý nhà nước	7719164	Cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực hồ điều hòa	62/NQ-HĐND ngày 13/10/2022	35.100	204	260	Ban Quản lý dự án khu vực 01
13	9-Quản lý nhà nước	7776887	Cải tạo hoàn chỉnh Sân banh Biên Hòa	4469/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	158.660	2.200	1.100	Ban Quản lý dự án khu vực 01
14	9-Quản lý nhà nước	8101547	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa	1992/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	12.099		150	Ban Quản lý dự án khu vực 01
15	35-Hạ tầng Tái định cư	7871590	Hạ tầng Khu dân cư, thương mại và tái định cư 6,3ha phường Bửu Long	96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019	383.822		670	Ban Quản lý dự án khu vực 01
16	35-Hạ tầng Tái định cư		Hạ tầng Khu tái định cư 7,4ha Bửu Long	96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019	242.524		220	Ban Quản lý dự án khu vực 01
17	35-Hạ tầng Tái định cư	7876145	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại phường Tân Biên 5,8ha (dự án 2)	106/NQ-HĐND ngày 31/8/2020	154.517		520	Ban Quản lý dự án khu vực 01
18	35-Hạ tầng Tái định cư	7881709	Khu dân cư phục vụ tái định cư 2, phường Hiệp Hòa	106/NQ-HĐND ngày 31/8/2020	91.026		170	Ban Quản lý dự án khu vực 01
19	35-Hạ tầng Tái định cư	7915267	Hạ tầng khu tái định cư 2 phường Long Bình Tân	19/NQ-HĐND ngày 03/8/2021	38.033		870	Ban Quản lý dự án khu vực 01
20	35-Hạ tầng Tái định cư	7915266	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư 2 tại phường Tân Hiệp	19/NQ-HĐND ngày 03/8/2021	29.367		210	Ban Quản lý dự án khu vực 01
21	35-Hạ tầng Tái định cư	8148473	Xây dựng hạ tầng khu dân cư và tái định cư phường Trảng Dài	68/NQ-HĐND ngày 20/12/2022	154.037		120	Ban Quản lý dự án khu vực 01
22	19-Công nghệ thông tin	8151247	Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh thành phố Biên Hòa	1895/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	17.393		160	Ban Quản lý dự án khu vực 01
23	17-Giao thông		Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Văn Tò nối dài tại khu phố 1 phường An Hòa	105/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	1.400		400	UBND phường Long Hưng
24	17-Giao thông		Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đường Tân Lập, khu phố 8, phường Tam Hiệp	309/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	3.800		100	UBND phường Tam Hiệp
25	17-Giao thông		Cải tạo, nâng cấp đường hẻm 738 Phạm Văn Thuận, Khu phố 7 - 8, phường Tam Hiệp	273/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	4.300		100	UBND phường Tam Hiệp
26	17-Giao thông		Cải tạo, sửa chữa tuyến đường và xây dựng hệ thống thoát nước của hẻm 1464, khu phố Long Khánh 1, phường Tam Phước	381/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	1.890		100	UBND phường Tam Phước
27	17-Giao thông		Cải tạo, sửa chữa tuyến đường và xây dựng hệ thống thoát nước của đường hẻm 80, phường Tam Phước	380/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	820		50	UBND phường Tam Phước
28	17-Giao thông		Đầu tư hệ thống thoát nước đường Phạm Văn Thuận (Từ hẻm chùa Long Quan Tự đến điểm tiếp giáp mương cuối chợ Tân Mai)	272/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	830		50	UBND phường Tam Hiệp
29	17-Giao thông		Sửa chữa, nâng cấp mặt đường và đầu tư hệ thống thoát nước đường giao thông khu dân cư khu phố 7 và khu phố 7A, phường Long Bình	552/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	4.890		100	UBND phường Long Bình
30	17-Giao thông		Nâng cấp Tuyến đường nối từ đường Huỳnh Mẫn Đạt tại phường Hóa An đến đoạn tiếp giáp đường Bùi Thị Xuân thuộc phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.	408/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	14.780		100	UBND phường Biên Hòa
31	9-Quản lý nhà nước		Xây dựng Văn phòng khu phố 5 phường Tân Tiến	66/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	1.400		200	UBND phường Tam Hiệp
32	9-Quản lý nhà nước		Xây dựng Văn phòng khu phố 2 phường Tân Phong	56/QĐ-UBND ngày 21/1/2021	1.200		300	UBND xã Tân Triều
33	9-Quản lý nhà nước		Sửa chữa Trụ sở UBND phường Tân Vạn	364/QĐ-UBND ngày 9/12/2024	2.300		50	UBND phường Biên Hòa

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lấy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
34	9-Quản lý nhà nước		Sửa chữa Trụ sở làm việc UBND phường An Bình	515/QĐ-UBND ngày 9/12/2024	2.400		50	UBND phường Trần Biên
35	9-Quản lý nhà nước		Đầu tư lắp đặt hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông tại 19 phường, xã trên địa bàn thành phố Biên Hòa	6294/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	20.000		40	Ban Quản lý dự án khu vực 01
C			CÁC DỰ ÁN HỦY (LOẠI BỎ)					
1	17-Giao thông	7713159	Xây dựng tuyến phố đi bộ tại phường Thống Nhất, TP Biên Hòa				100	Ban Quản lý dự án khu vực 01
2	17-Giao thông	7713160	Xây dựng đường Nguyễn Văn Hoa phường Thống Nhất, TP Biên Hòa				100	Ban Quản lý dự án khu vực 01
3	17-Giao thông	7758587	Đường giao thông dọc suối Sắn Máu				100	Ban Quản lý dự án khu vực 01
4	17-Giao thông	7755736	Đường vào trường tiểu học Long Bình 1					Ban Quản lý dự án khu vực 01
5	17-Giao thông	7876144	Đường nối từ đường ven sông Cái đến đường Võ Thị Sáu				60	Ban Quản lý dự án khu vực 01
6	35-Hạ tầng Tái định cư	7769661	Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Bình Đa 2				100	Ban Quản lý dự án khu vực 01
7	7-Giáo dục	7068795	Trường THCS Tân Biên				100	Ban Quản lý dự án khu vực 01
8	35-Hạ tầng Tái định cư	7574334	XD hạ tầng khu dân cư phục vụ TĐC Tân Phong 2 (13.294,4m2)				30100	Ban Quản lý dự án khu vực 01
9	35-Hạ tầng Tái định cư	7801705	Hạ tầng khu tái định cư phường Thống Nhất và Tân Mai 2, thành phố Biên Hòa				800	Ban Quản lý dự án khu vực 01
10	7-Giáo dục	7705597	Trường tiểu học Long Bình 2				300	Ban Quản lý dự án khu vực 01
11	7-Giáo dục	7713100	Trường tiểu học Trảng Dài 3				200	Ban Quản lý dự án khu vực 01
D			TRẢ NỢ QUYẾT TOÁN				74.300	

Phụ lục III.2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			TỔNG CỘNG (A+B+C)		5.044.276	275.694	1.670.769	
A			Dự án/nhiệm vụ chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		1.308.450	275.694	275.972	
1	7-Giáo dục	7774641	Trường Mầm non Hoa Hồng (chuẩn QG 2018)	1413/QĐ-UBND ngày 11/8/2017	27.747	8.000	8.956	Ban Quản lý dự án khu vực 02
2	7-Giáo dục	7845688	Sửa chữa trường THCS Xuân Lập	1467/QĐ-UBND ngày 08/10/2020	4.227	1.445	2.300	Ban Quản lý dự án khu vực 02
3	7-Giáo dục	7714746	Trường Tiểu học Hòa Bình (Hạng mục: Xây mới khu hiệu bộ; Xây mới 12 phòng học, Xây mới nhà vệ sinh, trang bị bàn ghế 02 chỗ ngồi; Cải tạo, sửa chữa dây phòng học cũ; xây nhà bảo vệ, tường rào giáp trường mẫu giáo Hòa Mĩ.	2198/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	29.184	25.295	957	Ban Quản lý dự án khu vực 02
4	7-Giáo dục	7651548	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Số 1722/QĐ-UBND ngày 01/8/2019	18.676	8.652	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực 02
5	7-Giáo dục	7737405	Nâng cấp sửa chữa trường THCS Hàng Gòn	2493/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	16.662	8.000	4.200	Ban Quản lý dự án khu vực 02
6	7-Giáo dục	7758554	Xây dựng trường TH Bảo Vinh	2507/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	25.237	9.000	12.924	Ban Quản lý dự án khu vực 02
7	7-Giáo dục	7774642	Trường Mầm non Vành Khuyên, xã Bầu Trám	835/QĐ-UBND ngày 17/7/2020	13.568	7.700	3.789	Ban Quản lý dự án khu vực 02
8	11- An ninh	7849679	Xây dựng Trụ sở Công an P. Xuân An	2223/QĐ-UBND ngày 17/11/2020	13.006	7.150	4.424	Ban Quản lý dự án khu vực 02
9	9- QLNN	7851695	Xây dựng trụ sở UBND phường Xuân Lập	2224/QĐ-UBND ngày 17/11/2020	14.526	3.100	9.750	Ban Quản lý dự án khu vực 02
10	9- QLNN	7845686	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Chi cục thi hành án dân sự TP Long Khánh	1466/QĐ-UBND ngày 08/10/2020	1.730	800	600	Ban Quản lý dự án khu vực 02
11	9- QLNN	7848174	Xây mới Trụ sở làm việc và Hội trường UBND xã Bình Lộc	2196/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	14.899	3.956	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
12	17-Giao thông	7848173	Đầu tư, mở rộng Đường song hành với đường 21/4 và hệ thống cây xanh cách ly, phường Suối Tre	1599/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	20.108	8.100	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
13	17-Giao thông	7758552	Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa (Ngân sách tỉnh 50%+ vốn ngân sách TP 50%)	154/TB-HĐND ngày 13/3/2019	79.920	5.500	19.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
14	17-Giao thông	7767138	Nâng cấp tuyến đường Hồ Thị Hương (đoạn giao QL1 đến đoạn giao đường Hồng Thập Tự) - NS tỉnh phần XL	1156 /QĐ-UBND ngày 19/4/2019	29.600	1.900	401	Ban Quản lý dự án khu vực 02
15	17-Giao thông	7583859	Cải tạo nâng cấp đường Suối Chôn - Bầu Cối, thành phố Long Khánh	338/HĐND-VP ngày 24/6/2016	136.700		1.772	Ban Quản lý dự án khu vực 02
16	17-Giao thông	7356059	Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương (NS tỉnh 50%, NSTP 50%)	36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	254.207	20.150	81.145	Ban Quản lý dự án khu vực 02
17	17-Giao thông	7723114	Nâng cấp đường Nguyễn Trãi (NS tỉnh 50%, NSTP 50%)	3634/QĐ-UBND ngày 18/10/2018	55.991	5.970	17.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
18	14-Văn hóa	7849681	Nhà văn hóa ấp Cây Da	1145/QĐ-UBND ngày 27/8/2020	1.380	1.000	200	Ban Quản lý dự án khu vực 02
19	14-Văn hóa	7783408	Sửa chữa trụ sở làm việc Nhà văn hóa Thiểu Nhi	2505 30/10/2019	5.260	3.776	747	Ban Quản lý dự án khu vực 02
20	14-Văn hóa	7876138	Cải tạo khuôn viên di tích Tòa hành chính tỉnh Long Khánh	849/QĐ-UBND ngày 22/7/202	1.162	700	300	Ban Quản lý dự án khu vực 02
21	20- Thủy lợi	7323489	Chống ngập úng khu vực Suối Cái, TP. Long Khánh (vốn ngân sách tỉnh; ngân sách thành phố chi trả chi phí GPMB)	169/NQ-HĐND ngày 16/7/2015; 509/QĐ-UBND ngày 08/2/2021	544.659	145.500	87.007	Ban Quản lý dự án khu vực 02
B			Dự án/nhiệm vụ mới thuộc giai đoạn 2021-2025		2.928.210	-	1.378.577	Ban Quản lý dự án khu vực 02
1	7-Giáo dục	7851694	Trường TH Xuân Trung	2197/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	47.692		42.404	Ban Quản lý dự án khu vực 02

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	7-Giáo dục	7849682	Trường MN Tuổi Thơ, xã Bình Lộc (xây mới cơ sở chính)	14/QĐ-UBND ngày 11/01/2021	34.088		27.232	Ban Quản lý dự án khu vực 02
3	7-Giáo dục	7908414	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm giáo dục nghề nghiệp-GD thường xuyên (cơ sở chính)	14/QĐ-UBND ngày 11/01/2021	4.695		4.066	Ban Quản lý dự án khu vực 02
4	7-Giáo dục	7910327	Xây dựng Trường TH Nguyễn Du (hạng mục 8 phòng học và phòng chức năng)	1460/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	6.549		6.127	Ban Quản lý dự án khu vực 02
5	7-Giáo dục	7849683	Xây dựng trường MN Ánh Dương (vị trí Trường Tiểu học Bảo Vinh cũ)	1464/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	14.143		12.300	Ban Quản lý dự án khu vực 02
6	7-Giáo dục	7985322	Trường Mầm non An Lộc phân hiệu Núi Tung (hạng mục xây các phòng học và phòng chức năng)	2382/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	25.899		24.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
7	7-Giáo dục	7949678	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Hồ Thị Hương, phường Xuân Bình	1278/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	40.918		37.725	Ban Quản lý dự án khu vực 02
8	7-Giáo dục	7940887	Xây dựng trường MN Sen Hồng, phường Suối Tre	837/QĐ-UBND ngày 16/6/2022	29.899		27.900	Ban Quản lý dự án khu vực 02
9	7-Giáo dục	7940887	Trường MN Hoa Sen, phường Bàu Sen	1248/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	36.742		31.825	Ban Quản lý dự án khu vực 02
10	7-Giáo dục	7910330	Xây dựng Trường TH Nguyễn Huệ (hạng mục các phòng học và phòng chức năng; sân nền)	1517/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	26.046		24.356	Ban Quản lý dự án khu vực 02
11	7-Giáo dục	7849678	Xây dựng trường Tiểu học Lê Văn Tám	1372/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	22.237		19.392	Ban Quản lý dự án khu vực 02
12	7-Giáo dục	8013408	Xây dựng trường TH Lê Lợi (Phân hiệu Cáp Rang), Phường Suối Tre	2378/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	18.685		16.334	Ban Quản lý dự án khu vực 02
13	7-Giáo dục	8013409	Xây dựng Trường tiểu học Xuân Lập. Hạng mục: 18 phòng học, các phòng chức năng và phòng đa năng; Cải tạo, sửa chữa khối dãy phòng 3 tầng; Cải tạo sân nền, hàng rào.	87/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	56.521		49.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
14	7-Giáo dục	8042114	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở 02 (Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên).	457/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	8.193		5.350	Ban Quản lý dự án khu vực 02
15	11- An ninh	7952852	Xây dựng Trụ sở công an phường Xuân Lập	1277/NQ-HĐND ngày 11/7/2022; 894/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	6.784		6.695	Ban Quản lý dự án khu vực 02
16	11- An ninh	7940002	Xây dựng Trụ sở công an phường Suối Tre	1279/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	12.153		11.250	Ban Quản lý dự án khu vực 02
17	11- An ninh	8013412	Xây dựng Trụ sở Công an thành phố các hạng mục: (Hội trường, phòng chức năng, Trụ sở làm việc của Đội Cảnh sát giao thông, trật tự và nâng cấp sửa chữa nhà tạm giữ của công an thành phố).	2376/QĐ-UBND ngày 30/11/2022; 1937/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	36.186		35.200	Ban Quản lý dự án khu vực 02
18	11- An ninh	8096877	Sửa chữa Trụ sở Công an các phường, xã: Xuân Bình, Bàu Sen, Hàng Gòn.	827/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	3.475		2.800	Ban Quản lý dự án khu vực 02
19	10- Quốc Phòng	7908416	Nâng cấp, sửa chữa BCHQS thành phố (hạng mục sửa chữa công, tường rào, xây mới 03 phòng chức năng)	1462/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	3.255		2.882	Ban Quản lý dự án khu vực 02
20	10- Quốc Phòng	8042113	Sửa chữa Ban Chỉ huy quân sự phường Xuân An.	467/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	3.469		1.905	Ban Quản lý dự án khu vực 02
21	10- Quốc Phòng	8042115	Nâng cấp, sửa chữa Ban Chỉ huy Quân sự thành phố	522/QĐ-UBND ngày 13/7/2023; 1521/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	28.987		487	Ban Quản lý dự án khu vực 02
22	10- Quốc Phòng	8098745	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Bàu Trám	772/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	2.715		2.050	Ban Quản lý dự án khu vực 02
23	10- Quốc Phòng	8098736	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự phường Xuân Hòa	1016/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	2.123		1.200	Ban Quản lý dự án khu vực 02
24	9- QLNN	7910329	Xây dựng trụ sở Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thành phố Long Khánh	1413/QĐ-UBND ngày 28/9/2011	3.010		1.516	Ban Quản lý dự án khu vực 02

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
25	9- QLNN	7908407	Sửa chữa Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Long Khánh (Hạng mục: Hội trường, sửa chữa nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước, chiếu sáng trong khuôn viên và thay thế hệ thống âm thanh, máy chiếu, loa các hội trường)	1413/QĐ-UBND ngày 28/9/2011	3.010		2.800	Ban Quản lý dự án khu vực 02
26	9- QLNN	7922109	Sửa chữa Trụ sở UBND xã Bảo Quang	1463/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	3.604		3.385	Ban Quản lý dự án khu vực 02
27	9- QLNN	7929036	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Thành ủy Long Khánh. Hạng mục: Mương thoát nước, tường rào, nhà công vụ, lối đi nội bộ, sân vườn.	2258/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	6.194		5.676	Ban Quản lý dự án khu vực 02
28	9- QLNN	7940886	Sửa chữa Trụ sở UBND phường Xuân Trung	690/QĐ-UBND ngày 19/5/2022	5.709		5.251	Ban Quản lý dự án khu vực 02
29	9- QLNN	8013410	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Khối vận thành phố Long Khánh	2286/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	8.047		7.099	Ban Quản lý dự án khu vực 02
30	9- QLNN	8013411	Nâng cấp, sửa chữa UBND Phường Phú Bình	2377/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	7.415		7.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
31	9- QLNN	8042849	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.	456/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	11.601		9.588	Ban Quản lý dự án khu vực 02
32	9- QLNN	8042798	Xây dựng trụ sở làm việc UBND phường Bàu Sen	521/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	14.993		13.950	Ban Quản lý dự án khu vực 02
33	9- QLNN	8091940	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc UBND xã Bàu Trâm	773/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	8.414		6.900	Ban Quản lý dự án khu vực 02
34	9- QLNN	8091950	Sửa chữa Trụ sở UBND phường Xuân Tân	771/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	1.573		1.350	Ban Quản lý dự án khu vực 02
35	9- QLNN	8096868	Xây dựng Kho lưu trữ, nhà Truyền thống và trang thiết bị tại Trụ sở Thành ủy	940/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	6.580		1.321	Ban Quản lý dự án khu vực 02
36	9- QLNN	8098750	Xây dựng Trụ sở làm việc UBND phường Suối Tre	923/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	23.487		325	Ban Quản lý dự án khu vực 02
37	9- QLNN	8098748	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Chính trị thành phố	1017/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	5.752		159	Ban Quản lý dự án khu vực 02
38	15- Phát Thanh	8096431	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Đài truyền thanh thành phố	926/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	4.064		2.348	Ban Quản lý dự án khu vực 02
39	1 - Xã hội	7940001	Sửa chữa một số hạng mục tại Đền thờ liệt sỹ	1280/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	2.159		1.867	Ban Quản lý dự án khu vực 02
40	2 - Xã hội	8096870	Nâng cấp, cải tạo Đài Tờ Quốc ghi công và hàng rào trong Nghĩa trang liệt sĩ Long Khánh	921/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	8.844		7.100	Ban Quản lý dự án khu vực 02
41	3 - Xã hội	8096871	Nâng cấp, sửa chữa Đền thờ Liệt sỹ thành phố Long Khánh	938/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	7.204		5.200	Ban Quản lý dự án khu vực 02
42	17-Giao thông	7910328	Xây dựng đường N5-D4-N3 (giai đoạn 1) theo quy hoạch (chủ trương nhà nước đầu tư xây dựng nhân dân hiến đất và cây trồng, vật kiến trúc trên đất)	1461/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	11.332		9.595	Ban Quản lý dự án khu vực 02
43	17-Giao thông	7783412	Nâng cấp đường Quốc lộ 1 đi Xuân Lập (NS tính CPXL)	158/NQ-HĐND ngày 12/7/2019; 03/NQ-HĐND ngày 20/4/2023	83.056		28.183	Ban Quản lý dự án khu vực 02
44	17-Giao thông	7922110	Đầu tư XD đường giao thông và công viên cây xanh dọc tuyến đường Huỳnh Văn Nghệ, P. Xuân An	1476/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	66.204		58.457	Ban Quản lý dự án khu vực 02
45	17-Giao thông	7935511	Đường Phạm Lạc, phường Xuân Thanh	2296/QĐ-UBND ngày 03/12/2020; 837/QĐ-UBND ngày 30/5/2024	79.968		68.573	Ban Quản lý dự án khu vực 02
46	17-Giao thông	7848175	Đầu tư xây dựng tuyến đường Thổ Lùn (giai đoạn 2) xã Bàu Trâm	1345/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	35.348		22.257	Ban Quản lý dự án khu vực 02
47	17-Giao thông	7845689	Nâng cấp tuyến đường Võ Duy Dương	1104/QĐ-UBND ngày 09/8/2021	78.219		15.617	Ban Quản lý dự án khu vực 02

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
48	17-Giao thông	7848176	Đường CMT 8 nối dài, thành phố Long Khánh và hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường giao thông khu phức hợp phường Xuân an, Xuân Hòa, thành phố Long Khánh	81/NQ-HĐND ngày 28/7/2022	1.294.000		5.700	Ban Quản lý dự án khu vực 02
49	17-Giao thông	7852273	Mở rộng mặt đường, bố trí làn xe chuyển hướng tại 02 nút giao Quốc lộ 1 - Hùng Vương (điểm bến xe Long Khánh và điểm công viên tượng đài), thành phố Long Khánh (ngân sách thành phố Long Khánh thực hiện bồi thường)	14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	212.400		110.143	Ban Quản lý dự án khu vực 02
50	17-Giao thông	8072996	Xây dựng tuyến đường Xuân Lập - Hàng Gòn	1500/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	33.101		12.266	Ban Quản lý dự án khu vực 02
51	17-Giao thông	8101483	Cải tạo, phân luồng giao thông khu vực xung quanh Công viên Bìa Chiến thắng, phường Xuân An	388/QĐ-UBND ngày 02/4/2024	13.113		12.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
52	17-Giao thông	8101503	Ngầm hóa hệ thống đường dây điện hạ thế, trung thế trên đường CMT8 (đoạn giao Hùng Vương với Nguyễn Thị Minh Khai)	917/QĐ-UBND ngày 24/6/2023	24.277		22.320	Ban Quản lý dự án khu vực 02
53	17-Giao thông	8101468	Nâng cấp đường số 2, phường Xuân Bình	928/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	3.165		2.420	Ban Quản lý dự án khu vực 02
54	17-Giao thông	8101467	Lắp đặt đèn tín hiệu giao thông tại 03 nút giao đường Hồ Thị Hương - 9 Tháng 4; nút giao Hồ Thị Hương - Nguyễn Trãi và nút giao Nguyễn Thị Minh Khai - Nguyễn Trãi	918/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	4.190		2.710	Ban Quản lý dự án khu vực 02
55	17-Giao thông	8128225	Nâng cấp, mở rộng đường 9 tháng 4, phường Xuân Thanh (nay thuộc phường Xuân An)	2043/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	187.313		50.591	Ban Quản lý dự án khu vực 02
56	17-Giao thông	8132149	Nâng cấp tuyến đường Hồng Thập Tự, phường Xuân Trung (nay thuộc phường Xuân An) (Đoạn đầu tuyến giáp đường Hùng Vương cuối tuyến giáp đường Hồ Thị Hương)	1863/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	16.457		13.300	Ban Quản lý dự án khu vực 02
57	17-Giao thông	8132147	Xây dựng cầu tổ 10 khu phố Phú Mỹ, phường Xuân Lập	1938/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	6.625		3.200	Ban Quản lý dự án khu vực 02
58	17-Giao thông	8132145	Xây dựng cầu Thiện Mỹ, ấp Bàu Cối, xã Bảo Quang	1938/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	6.355		3.650	Ban Quản lý dự án khu vực 02
59	14-Văn hóa	7908412	Xây mới nhà văn hóa ấp 18 gia đình	306/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	1.847		1.638	Ban Quản lý dự án khu vực 02
60	14-Văn hóa	7908409	Xây mới nhà văn hóa ấp Ruộng Tre	305/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	1.469		1.254	Ban Quản lý dự án khu vực 02
61	14-Văn hóa	7908410	Xây mới nhà văn hóa ấp Lác Chiểu	304/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	1.569		1.461	Ban Quản lý dự án khu vực 02
62	14-Văn hóa	7908408	Xây mới nhà văn hóa ấp Thọ An	303/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	1.904		1.857	Ban Quản lý dự án khu vực 02
63	14-Văn hóa	7908415	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa ấp Bàu Cối	302/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	1.540		1.338	Ban Quản lý dự án khu vực 02
64	14-Văn hóa	7908413	Nâng cấp, sửa chữa trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Bảo Quang	301/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	2.629		2.200	Ban Quản lý dự án khu vực 02
65	14-Văn hóa	7908411	Xây mới Nhà văn hóa ấp Hàng Gòn	396/QĐ-UBND ngày 29/4/2021	1.884		1.675	Ban Quản lý dự án khu vực 02
66	14-Văn hóa	7951519	Xây mới Nhà văn hóa ấp Đồi Riu, xã Hàng Gòn	469/QĐ-UBND 06/5/2021	2.534		2.390	Ban Quản lý dự án khu vực 02
67	14-Văn hóa	7951518	Xây mới Nhà văn hóa ấp Tân Phong, xã Hàng Gòn	470/QĐ-UBND ngày 06/5/2021	1.937		1.616	Ban Quản lý dự án khu vực 02
68	14-Văn hóa	7971617	Xây mới Nhà văn hóa ấp Bàu Sầm, xã Bàu Trâm	1335/QĐ-UBND ngày 14/7/2022	2.154		1.850	Ban Quản lý dự án khu vực 02

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
69	14-Văn hóa	7974094	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa ấp Bàu Trâm, xã Bàu Trâm	1336/QĐ-UBND ngày 14/7/2022	1.553		1.433	Ban Quản lý dự án khu vực 02
70	14-Văn hóa	7974093	Nâng cấp, sửa chữa trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Bàu Trâm	475/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	3.791		3.136	Ban Quản lý dự án khu vực 02
71	14-Văn hóa	7971618	Đặt bảng ghi dấu Di tích địa điểm Căn cứ thị ủy Long Khánh tại xã Bàu Trâm	705/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	1.789		1.550	Ban Quản lý dự án khu vực 02
72	14-Văn hóa	8019762	Nâng cấp, sửa chữa Nhà Văn hóa khu phố 03, phường Xuân Hòa	2379/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	572		511	Ban Quản lý dự án khu vực 02
73	14-Văn hóa	8042801	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa khu phố Nông Doanh	465/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	565		398	Ban Quản lý dự án khu vực 02
74	14-Văn hóa	8042800	Xây dựng Nhà văn hóa khu phố Cẩm Tân	466/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	1.636		1.494	Ban Quản lý dự án khu vực 02
75	14-Văn hóa	8042802	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa Học tập Cộng đồng phường Xuân Tân	475/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	3.791		3.021	Ban Quản lý dự án khu vực 02
76	14-Văn hóa	8042110	Xây mới Nhà Văn hóa khu phố Cấp Rang, phường Suối Tre	499/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	2.309		2.070	Ban Quản lý dự án khu vực 02
77	14-Văn hóa	8042112	Xây mới Nhà Văn hóa khu phố Suối Tre, phường Suối Tre	497/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	2.240		1.820	Ban Quản lý dự án khu vực 02
78	14-Văn hóa	8042111	Xây mới Nhà Văn hóa khu phố Núi Tung, phường Suối Tre	500/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	2.633		1.944	Ban Quản lý dự án khu vực 02
79	14-Văn hóa	8096437	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập Cộng đồng phường Bàu Sen	919/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	7.378		5.900	Ban Quản lý dự án khu vực 02
80	14-Văn hóa	8096438	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa thể thao – Học tập cộng đồng phường Xuân Lập	920/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	7.111		5.400	Ban Quản lý dự án khu vực 02
81	14-Văn hóa	8101482	Lắp đặt Bảng chỉ dẫn và cải tạo, chỉnh trang khu vực trước khuôn viên Di tích Mộ Cụ Thạch Hàng Gòn	916/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	4.744		4.698	Ban Quản lý dự án khu vực 02
82	26- Viễn thông	8091944	Hệ thống wifi công cộng tại 04 vị trí: Tượng đài chiến thắng, Công viên Phố đi bộ phường Xuân An, Chợ Long Khánh, Công viên phường Xuân Trung	834/QĐ-UBND ngày 29/5/2024	2.198		1.875	Ban Quản lý dự án khu vực 02
83	18-Cấp nước, thoát nước	7928118	Xây dựng mương thoát nước và kè mương tại tuyến đường số 1, ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn	395/QĐ-UBND ngày 29/4/2021	4.467		4.238	Ban Quản lý dự án khu vực 02
84	18-Cấp nước, thoát nước	7928119	Xây mới và nâng cấp sửa chữa mương thoát nước các tuyến đường 2,3,4,6,7,8,10,11 tại khu dân cư Cù Bì, ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn	471/QĐ-UBND ngày 06/5/2021	4.481		4.291	Ban Quản lý dự án khu vực 02
85	18-Cấp nước, thoát nước	8050718	Cải tạo vỉa hè, xây dựng hệ thống thoát nước và ngầm hóa hệ thống cấp viễn thông, điện đường Nguyễn Văn Cù (đoạn giao Quang Trung đến Trần Phú).	2384 /QĐ-UBND ngày 30/11/2022	49.024		37.635	Ban Quản lý dự án khu vực 02
86	18-Cấp nước, thoát nước	8101253	Nâng cấp, cải tạo hệ thống mương thoát nước trên đường Trần Quang Diệu, phường Xuân Bình	927/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	3.101		2.860	Ban Quản lý dự án khu vực 02
87	18-Cấp nước, thoát nước	8101500	Nâng cấp hệ thống thoát nước khu dân cư tổ 08 - 10, ấp 01, xã Bình Lộc	939/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	3.751		3.200	Ban Quản lý dự án khu vực 02
88	18-Cấp nước, thoát nước	8101254	Nâng cấp hệ thống thoát nước trên tuyến số 1,2,3,5 khu dân cư ấp 01 và đường Lê A (đoạn từ hẻm 332 đến hẻm 338), xã Bình Lộc	941/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	3.403		3.020	Ban Quản lý dự án khu vực 02
89	28- Quy hoạch	8059362	Lập Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Xuân Tân				471	Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Long Khánh

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
90	17-Giao thông	8098751	Xây dựng sân đường công viên thể thao Bình Lộc	1010/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	997		993	UBND phường Bình Lộc
91	17-Giao thông	8101252	Xây dựng tuyến đường tổ 5 đi tổ 3, ấp Lác Chiểu	397/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	750		748	UBND Phường Bảo Vinh
92	9- QLNN	8101251	Cải tạo cảnh quan khuôn viên trước UBND xã Bảo Quang	895/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	250		248	UBND Phường Bảo Vinh
93	17-Giao thông	8098752	Tuyến đường nội đồng tổ 03 đi cánh đồng Háp, phường Bảo Vinh	982/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	1492		1.300	UBND Phường Bảo Vinh
94	17-Giao thông	8098753	Tuyến đường nội đồng tổ 27A đi đến tổ 23 cánh đồng Ruộng Lớn, phường Bảo Vinh	983/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	1492		850	UBND Phường Bảo Vinh
95	17-Giao thông	8100591	Đường nội đồng ruộng Dầu đi cánh đồng ruộng Dầu, ấp Bàu Trâm, xã Bàu Trâm	976/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	3639		2.500	UBND phường Long Khánh
96	17-Giao thông	8100598	Đường nội đồng ruộng 9 Mẫu đi cánh đồng ruộng 9 Mẫu, ấp Bàu Sầm, xã Bàu Trâm	977/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	5263		3.170	UBND phường Long Khánh
97	17-Giao thông	8100872	Đường nội đồng tổ 04 ấp Ruộng Tre đi cánh đồng Ruộng Tre, xã Bảo Quang	979/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	14949		12.500	UBND Phường Bảo Vinh
98	17-Giao thông	8100873	Đường nội đồng tổ 09 ấp Ruộng Tre đi cánh đồng Ruộng Tre, xã Bảo Quang	980/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	1253		950	UBND Phường Bảo Vinh
99	17-Giao thông	8100874	Đường nội đồng tổ 01 ấp 18 Gia đình đi cánh đồng Háp, xã Bảo Quang	981/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	5004		4.000	UBND Phường Bảo Vinh
100	20- Thủy lợi	8042116	Kê gia cố, chống thấm và sạt lở cho trụ điện 33B03 tuyến đường dây 500KV Vĩnh Tân – Sông Mây trong khu vực hồ chứa nước Suối Tre	516/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	3.103		2.184	Ban Quản lý dự án khu vực 02
101	20- Thủy lợi	7941570	Nâng cấp sửa chữa đập Sân Bay, xã Bàu Trâm	2069/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	891		807	Ban Quản lý dự án khu vực 02
102	20- Thủy lợi	7941571	Nâng cấp sửa chữa đập Lác Chiểu, xã Bảo Quang	2070/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	885		801	Ban Quản lý dự án khu vực 02
103	35- Nhiệm vụ khác		BỔ TRÍ VỐN HỖ TRỢ CÁC XÃ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH THEO HÌNH THỨC XÃ HỘI HÓA				28.315	
104	35- Nhiệm vụ khác		BỔ TRÍ VỐN THANH TOÁN CÔNG TRÌNH SAU THẨM TRA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN VÀ CÁC CÔNG TRÌNH CẤP BÁCH				21.721	
105	35- Nhiệm vụ khác		Vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác vay				44.000	
106	35- Nhiệm vụ khác		HỖ TRỢ QUỸ NÔNG DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH				5.000	
107	35- Nhiệm vụ khác		NGUỒN VỐN CỦA CÁC DỰ ÁN KHÔNG SỬ DỤNG HẾT BỊ HỦY ĐƯA VÀO KẾT DƯ HÀNG NĂM				3.107	
108	35- Nhiệm vụ khác		NGUỒN DỰ PHÒNG CHỨA PHÂN BỐ				30.115	
109	35- Nhiệm vụ khác		NGUỒN DỰ PHÒNG (10%)				97.471	
110	35- Nhiệm vụ khác		NGUỒN DỰ PHÒNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CỦA TỈNH				62.554	
111	35- Nhiệm vụ khác		NGUỒN DỰ PHÒNG THU TIỀN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA				10.130	

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
112	35- Nhiệm vụ khác		NGUỒN DỰ PHÒNG VỐN TỈNH KHEN THƯỞNG XÃ ĐẠT NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU (nguồn xổ số kiến thiết)				11	
113	35- Nhiệm vụ khác		NGUỒN VỐN TỈNH HỖ TRỢ CÁC XÃ ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC XÃ HỘI HÓA				20.561	
C			Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025 (dự kiến bổ trí vốn thực hiện dự án thuộc giai đoạn 2026-2030)		807.616		16.220	
1	17-Giao thông	8128224	Nâng cấp đường Nguyễn Trung Trực (Đoạn 1: đầu tuyến giao đường Hồ Thị Hương, điểm cuối tuyến giáp Khu tái định cư Bảo Vinh), phường Xuân Trung (nay thuộc phường Xuân An)	2043/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	108.558		510	Ban Quản lý dự án khu vực 02
2	17-Giao thông	8128223	Nâng cấp đường Trần Nhân Tông, phường Bảo Vinh	2043/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	165.549		510	Ban Quản lý dự án khu vực 02
3	7-Giáo dục	8016452	Xây dựng trường MN Xuân Thanh, phường Xuân Thanh	1646/QĐ-UBND ngày 24/10/2021	44.787		100	Ban Quản lý dự án khu vực 02
4	17-Giao thông	7949800	Chỉnh trang đô thị, kè bờ nạo vét và kiên cố hóa Suối Rết, thành phố Long Khánh (NSTP khoảng 15 tỷ xây dựng đường nội bộ)	5358/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	488.722		15.000	Ban Quản lý dự án khu vực 02
5	17-Giao thông		Nạo vét Suối Hoa Sen đoạn thượng lưu cánh đồng Ruộng Vườn (đoạn từ cầu Hòa Bình đến cầu Xuân Thanh)	978/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	3091		100	UBND phường Long Khánh

Phụ lục III.3
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc điều chỉnh)		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			TỔNG CỘNG (A+B+C)		5.005.052	973.038	3.455.300	
A			Dự án/nhiệm vụ chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		1.477.879	973.038	568.391	
1	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7765728	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Sông Mây	2933/QĐ-UBND 27/06/2019	12.330	8.500	2.791	Ban Quản lý dự án khu vực 03
2	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7780937	Cải tạo, nâng cấp Trường Mầm non Ánh Dương	103/NQ-HĐND 15/07/2019	46.080	13.561	18.900	Ban Quản lý dự án khu vực 03
3	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7749652	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Quảng Biên	1247/QĐ-UBND 25/03/2019	14.795	9.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
4	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7783407	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương	4521/QĐ-UBND 26/09/2019	19.744	11.000	6.557	Ban Quản lý dự án khu vực 03
5	9. QLNN	7171402	Xây mới nhà ở giáo viên - cán bộ, công chức tại xã Bàu Hàm	4679/QĐ-UBND 02/10/2019	3.327	2.000	1.000	UBND xã Bàu Hàm
6	14. Văn hóa	7735404	Trung tâm văn hóa và tổ chức sự kiện huyện Trảng Bom	97/NQ-HĐND 14/12/2018	93.788	26.236	37.088	Ban Quản lý dự án khu vực 03
7	17. Giao thông	7579606	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Hoàng)	6601/QĐ-UBND 08/09/2021	70.529	46.875	23.250	Ban Quản lý dự án khu vực 03
8	17. Giao thông	7732079	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến QL1A - Đường song hành Nguyễn Hữu Cánh)	903/QĐ-UBND 01/04/2016	7.946	317	7.073	Ban Quản lý dự án khu vực 03
9	17. Giao thông	7334372	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba đường Trảng Bom - Cây Gáo)		105.818	66.774	77.449	Ban Quản lý dự án khu vực 03
10	17. Giao thông	7674076	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	114/NQ-HĐND 12/11/2019	306.267	213.861	66.318	Ban Quản lý dự án khu vực 03
11	17. Giao thông	7592855	Đường 29/4 (đoạn trước Nông trường Cao su)	1573/QĐ-UBND 29/04/2020	11.625	61	11.256	Ban Quản lý dự án khu vực 03
12	17. Giao thông	7867765	Thoát nước, vỉa hè đường 30/4 (đoạn từ đường 29/4 đến đường 3/2) và đường Hoàng Việt	4628/QĐ-UBND 06/10/2020	6.648	2.800	3.200	Ban Quản lý dự án khu vực 03
13	17. Giao thông	7791606	Đường C2 - Suối Rét	4585/QĐ-UBND ngày 27/09/2019	9.590	4.400	2.700	Ban Quản lý dự án khu vực 03
14	17. Giao thông	7173516	Đường mương 2 cánh đồng 3 xã Sông Thao	5219/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	4.869	2.000	2.829	UBND xã Bàu Hàm
15	17. Giao thông	7171402	Đường ấp Tân Hoa - Tân Hợp (đoạn tiếp giáp đường 3/2 đến tiếp giáp đường Cây Đa)	4826/QĐ-UBND ngày 09/10/2019	4.994	2.200	2.280	UBND xã Bàu Hàm
16	17. Giao thông	7171402	Đường Định Canh - Định Cư	4469/QĐ-UBND ngày 28/09/2020	6.377	2.800	2.600	UBND xã Bàu Hàm
17	17. Giao thông	7171402	Đường Cây Táo	4829/QĐ-UBND ngày 09/10/2019	4.893	2.100	1.750	UBND xã Bàu Hàm
18	17. Giao thông	7173527	Đường đê bao cánh đồng Sông Mây (đường Sông Mây 9)	4546/QĐ-UBND ngày 06/10/2020	5.046	2.300	2.300	UBND xã Bình Minh
19	17. Giao thông	7173527	Đường liên ấp An Chu - Tân Thành	4547/QĐ-UBND ngày 06/10/2020	8.531	4.515	2.900	UBND xã Bình Minh
20	17. Giao thông	420200034	Đường vào cụm làng nghề xã Bình Minh	4346/QĐ-UBND ngày 17/09/2019	5.759	2.780	1.980	UBND xã Bình Minh
21	17. Giao thông	420200034	Đường số 66 ấp Tân Bắc	4347/QĐ-UBND ngày 17/09/2019	4.693	2.270	1.400	UBND xã Bình Minh

TT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc điều chỉnh)		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
22	17. Giao thông	7173515	Đường giáp ranh 02 xã Giang Điền - Bình Minh (Nhánh 1)	4678/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	3.663	1.261	1.200	UBND xã Trảng Bom
23	17. Giao thông	7173515	Đường Đoàn Kết II, xã Giang Điền	4584/QĐ-UBND ngày 27/09/2019	4.858	2.000	1.750	UBND xã Trảng Bom
24	17. Giao thông	7173515	Đường ranh 9 (Đường tổ 9 - ấp Xây dựng)	4583/QĐ-UBND ngày 27/09/2019	4.983	2.100	1.300	UBND xã Trảng Bom
25	17. Giao thông	7173528	Đường cuối ấp Đồng Hải nối qua ấp Lộ Đức	4827/QĐ-UBND ngày 09/10/2019	3.144	1.300	1.200	UBND phường Hồ Nai
26	17. Giao thông	7173539	Đường nội đồng ấp Quảng Hòa	3583/QĐ-UBND ngày 07/08/2019	4.354	1.568	1.300	UBND xã Trảng Bom
27	17. Giao thông	7173518	Đường tổ 2 - 3, ấp 7, xã Sông Trầu	3856/QĐ-UBND ngày 23/08/2019	4.884	2.100	1.880	UBND xã Trảng Bom
28	17. Giao thông	7173518	Đường ấp 2, xã Sông Trầu	4712/QĐ-UBND ngày 13/10/2020	4.390	2.000	1.950	UBND xã Trảng Bom
29	17. Giao thông	7173518	Đường liên thôn ấp 4 - xã Sông Trầu	4831/QĐ-UBND ngày 09/10/2019	4.989	2.050	1.900	UBND xã Trảng Bom
30	17. Giao thông	7791605	Đường liên ấp Lộc Hòa - An Hòa	4677/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	8.906	3.329	2.780	Ban Quản lý dự án khu vực 03
31	17. Giao thông	7173530	Đường Tây Hòa đi ấp Thuận Trường xã Sông Thao	3427/QĐ-UBND ngày 31/07/2019	5.294	2.100	1.930	UBND xã Hưng Thịnh
32	17. Giao thông	7781045	Đường nội đồng Bà Dông đi khu chăn nuôi tập trung Đồi Quán về Đồi Nam	5208/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	24.966	10.084	8.202	Ban Quản lý dự án khu vực 03
33	17. Giao thông	7173537	Đường liên tổ 2 - 8 ấp Tân Hưng	2746/QĐ-UBND ngày 19/06/2019	4.468	1.750	1.550	UBND xã An Viễn
34	17. Giao thông	7173537	Các nhánh đường GTNT ấp Tân Thịnh	5132/QĐ-UBND ngày 23/10/2019	4.955	1.800	1.600	UBND xã An Viễn
35	17. Giao thông	7867766	Cải tạo, mở rộng đường D12	4627/QĐ-UBND ngày 06/10/2020	6.016	2.700	2.780	Ban Quản lý dự án khu vực 03
36	17. Giao thông	7836978	Mương thoát nước dọc tuyến đường Bình Minh - Giang Điền (đoạn từ giáp đường sắt đến cầu Giang Điền)	4602/QĐ-UBND ngày 30/09/2019	25.732	15.813	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
37	17. Giao thông	7765729	Đường 30/4 - xã Bàu Hàm	6603/QĐ-UBND ngày 08/09/2021	73.460	30.000	39.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
38	17. Giao thông	7574935	Dự án xây dựng cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh				22.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
39	35. Dự án khác		Nhóm thanh toán cho các dự án thi công hoàn thành năm trước chuyển sang		535.168	464.733	187.448	
B			Dự án/nhiệm vụ mới thuộc giai đoạn 2021-2025		3.527.173	0	2.879.848	
1	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7931961	Cải tạo, nâng cấp Trường Mẫu giáo Hoa Sen	1183/QĐ-UBND ngày 29/03/2021	5.874	0	5.118	Ban Quản lý dự án khu vực 03
2	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7891174	Nâng cấp trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai (trường Tiểu học - THCS Trần Quốc Tuấn sau khi sáp nhập)	1053/QĐ-UBND ngày 19/03/2021	23.946	0	17.470	Ban Quản lý dự án khu vực 03
3	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7914137	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	52/NQ-HĐND ngày 06/08/2021	93.753	0	91.732	Ban Quản lý dự án khu vực 03
4	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7940892	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	10197/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	10.525	0	8.502	Ban Quản lý dự án khu vực 03
5	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7940893	Nâng cấp Trường Tiểu học Ngũ Phúc	10197/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	14.951	0	12.927	Ban Quản lý dự án khu vực 03
6	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7899928	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Hòa Bình	2245/QĐ-UBND ngày 19/05/2021	8.254	0	8.253	Ban Quản lý dự án khu vực 03

TT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc điều chỉnh)		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
7	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7914138	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Lê Văn Tám	4013/QĐ-UBND ngày 19/07/2021	14.577	0	14.572	Ban Quản lý dự án khu vực 03
8	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7940894	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Cao Bá Quát	10197/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	6.501	0	6.482	Ban Quản lý dự án khu vực 03
9	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7955589	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Trung Tâm	10190/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	9.776	0	9.772	Ban Quản lý dự án khu vực 03
10	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7696222	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Tân Lập	4561/QĐ-UBND ngày 29/08/2024	14.973	0	19.744	Ban Quản lý dự án khu vực 03
11	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7899936	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Nguyễn Công Trứ	2238/QĐ-UBND ngày 19/05/2021	8.956	0	13.056	Ban Quản lý dự án khu vực 03
12	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7905926	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	2237/QĐ-UBND ngày 19/05/2021	4.992	0	3.567	Ban Quản lý dự án khu vực 03
13	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7965690	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học An Viễn	5813/QĐ-UBND ngày 10/06/2022	9.063	0	9.062	Ban Quản lý dự án khu vực 03
14	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7965686	Nâng cấp trường THCS Minh Đức	5026/QĐ-UBND ngày 19/04/2022	26.320	0	26.320	Ban Quản lý dự án khu vực 03
15	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7965688	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Đồi 61	5780/QĐ-UBND ngày 08/06/2022	10.109	0	10.109	Ban Quản lý dự án khu vực 03
16	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7965691	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học An Bình	5777/QĐ-UBND ngày 07/06/2022	7.170	0	7.170	Ban Quản lý dự án khu vực 03
17	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7965689	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Diên Hồng	5027/QĐ-UBND ngày 19/04/2022	29.978	0	29.978	Ban Quản lý dự án khu vực 03
18	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7914593	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Trung Vương	6221/QĐ-UBND ngày 24/08/2021	14.524	0	14.523	Ban Quản lý dự án khu vực 03
19	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7965685	Cải tạo, nâng cấp Trường Mẫu giáo Tân Thành	286/QĐ-UBND ngày 20/11/2020	4.959	0	2.614	Ban Quản lý dự án khu vực 03
20	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8007747	Trường tiểu học Tân Bình tại khu tái định cư Bình Minh	9146/QĐ-UBND ngày 21/09/2022	61.973	0	61.952	Ban Quản lý dự án khu vực 03
21	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8003801	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Đình Bộ Lĩnh	5024/QĐ-UBND ngày 19/04/2022	10.176	0	10.175	Ban Quản lý dự án khu vực 03
22	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7965687	Nâng cấp Trường Tiểu học Tân Bình	5775/QĐ-UBND ngày 07/06/2022	25.243	0	25.238	Ban Quản lý dự án khu vực 03
23	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8034348	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Kim Đồng	1713/QĐ-UBND ngày 16/05/2023	36.656	0	26.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
24	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8034345	Nâng cấp Trường Tiểu học Bình Minh	1712/QĐ-UBND ngày 16/05/2023	7.840	0	7.370	Ban Quản lý dự án khu vực 03
25	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8028664	Nâng cấp trường Tiểu học Trần Quý Cáp	1722/QĐ-UBND ngày 16/05/2023	24.473	0	24.473	Ban Quản lý dự án khu vực 03
26	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8070645	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Đức Trí	1716/QĐ-UBND ngày 16/05/2023	14.981	0	14.979	Ban Quản lý dự án khu vực 03
27	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8028665	Nâng cấp Trường Tiểu học Nguyễn Thái Bình	4587/QĐ-UBND ngày 04/09/2024	27.938	0	26.895	Ban Quản lý dự án khu vực 03
28	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7914594	Nâng cấp Trường Tiểu học Trần Phú	5282/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	33.617	0	25.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
29	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8045532	Xây mới Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm tại tổ 7, ấp 5, xã Sông Trầu	3147/QĐ-UBND ngày 31/07/2023	85.211	0	31.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
30	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8020734	Xây thêm một số hạng mục giai đoạn 2 Trường THCS Võ Nguyên Giáp	4241/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	29.816	0	22.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03

TT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc điều chỉnh)		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
31	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8099164	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Cây Diệp	3443/QĐ-UBND ngày 22/07/2024	11.111	0	10.629	Ban Quản lý dự án khu vực 03
32	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8085324	Xây bậc tiểu học của trường THCS Võ Thị Sáu (cơ sở tại ấp 1, xã Sông Trầu)	1796/QĐ-UBND ngày 22/04/2023	33.224		25.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
33	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8085322	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Trường mẫu giáo Tân Lập	1880/QĐ-UBND ngày 26/04/2024	11.890		10.709	Ban Quản lý dự án khu vực 03
34	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8115176	Sửa chữa trường THCS Nguyễn Bá Ngọc tại ấp Tân Hưng và xây mới phân hiệu tiểu học của Trường Nguyễn Bá Ngọc tại ấp Tân Phát, xã Đồi 61	24/NQ-HĐND ngày 18/10/2024	77.335	0	22.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
35	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8096172	Trường Tiểu học - THCS Sông Mây	09/NQ-HĐND ngày 31/05/2024	108.516		24.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
36	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8096171	Trường Tiểu học - THCS Minh Đức	08/NQ-HĐND ngày 31/05/2024	141.605		35.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
37	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8133272	Nâng cấp, cải tạo trường Mẫu giáo Quảng Tiến	5945/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	20.555		13.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
38	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8132738	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường Tiểu học Cao Bá Quát	5943/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	12.000		8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
39	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8153068	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Lý Tự Trọng	2425/QĐ-UBND ngày 12/05/2025	13.237		10.600	Ban Quản lý dự án khu vực 03
40	7. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	8153066	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Đinh Tiên Hoàng	2424/QĐ-UBND ngày 12/05/2025	15.404		12.900	Ban Quản lý dự án khu vực 03
41	9. QLNN	0	Xây dựng bổ sung một số hạng mục Trung tâm dịch vụ công ích huyện	1143/QĐ-UBND ngày 25/03/2021	4.459	0	3.792	Ban Quản lý dự án khu vực 03
42	9. QLNN	7965742	Nhà Công an xã Đồi 61	6361/QĐ-UBND ngày 11/07/2022	7.896	0	7.761	Ban Quản lý dự án khu vực 03
43	9. QLNN	7923278	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên trụ sở Huyện ủy	7575/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	5.982	0	5.200	Ban Quản lý dự án khu vực 03
44	9. QLNN	0	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên, nâng cấp trụ sở HĐND-UBND huyện Trảng Bom	1831/QĐ-UBND ngày 23/04/2024	12.879		10.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
45	10. Quốc phòng	7899927	Sửa chữa hội trường lớn Ban Chỉ huy quân sự huyện	1184/QĐ-UBND ngày 29/03/2021	2.091	0	1.689	Ban Quản lý dự án khu vực 03
46	10. Quốc phòng	7899927	Xây mới kho quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ Công an huyện	6496/QĐ-UBND ngày 20/07/2022	1.620	0	1.700	Ban Quản lý dự án khu vực 03
47	10. Quốc phòng	7899927	Xây mới nhà ăn, nhà bếp Ban chỉ huy quân sự huyện	2244/QĐ-UBND ngày 19/05/2021	3.795	0	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
48	10. Quốc phòng	7899927	Xây nhà nghỉ cán bộ Ban Chỉ huy quân sự huyện	10321/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	8.370	0	5.165	Ban Quản lý dự án khu vực 03
49	10. Quốc phòng	8085319	Nhà xã đội xã Cây Gáo	1795/QĐ-UBND ngày 22/04/2024	7.942		7.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
50	10. Quốc phòng	8034344	Nhà Xã đội xã Đồi 61	1794/QĐ-UBND ngày 22/04/2024	6.477	0	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
51	11. An ninh và trật tự, an toàn xã hội	7004692	Xây mới nhà tầng thư Công an huyện	1185/QĐ-UBND ngày 29/03/2021	9.829	0	7.795	Ban Quản lý dự án khu vực 03
52	11. An ninh và trật tự, an toàn xã hội	7004692	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục trong khuôn viên trụ sở Công an huyện		14.990	0	13.800	Ban Quản lý dự án khu vực 03
53	12. Văn hóa Thông tin	8133273	Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - Viên thông trên địa bàn huyện Trảng Bom	5955/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	13.000		8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
54	17. Giao thông	7171403	Đường số 9 (giai đoạn 2)	1071/QĐ-UBND ngày 22/03/2021	4.773	0	4.579	UBND xã An Viễn

TT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc điều chỉnh)		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
55	17. Giao thông	7891119	Đường Định canh Định cư (giai đoạn 2)	1078/QĐ-UBND ngày 22/03/2021	8.738	0	8.193	Ban Quản lý dự án khu vực 03
56	17. Giao thông	7923276	Đường Bắc Hòa - Phú Sơn giáp ranh TP. Biên Hòa	2885/QĐ-UBND ngày 02/07/2021	14.953	0	12.698	Ban Quản lý dự án khu vực 03
57	17. Giao thông	7173534	Đường số 33 ấp Tân Bình (giáp khu TĐC đến đường Bắc Hòa - Phú Sơn)	1073/QĐ-UBND ngày 22/03/2021	6.823	0	5.948	UBND xã Bình Minh
58	17. Giao thông	7173514	Đường tổ 8 ấp Tân Lập 1 (Đường vào trại gà ông Dũng)	1072/QĐ-UBND ngày 22/03/2021	3.672	0	3.724	UBND xã Bàu Hàm
59	17. Giao thông	7891125	Đường khu suối 1 Cầu Ghi	1075/QĐ-UBND ngày 22/05/2021	10.482	0	7.690	Ban Quản lý dự án khu vực 03
60	17. Giao thông	7897202	Xây mới hệ thống mương thoát nước và cải tạo mặt đường tuyến đường Đồng Hòa 7Km	1068/QĐ-UBND ngày 22/03/2021	8.054	0	7.935	Ban Quản lý dự án khu vực 03
61	17. Giao thông	7891116	Đường Ranh 3	2762/QĐ-UBND ngày 30/06/2021	9.707	0	8.978	Ban Quản lý dự án khu vực 03
62	17. Giao thông	7173515	Đường vào chùa Toàn Giác	1079/QĐ-UBND ngày 22/03/2021	4.342	0	4.127	UBND xã Tráng Bom
63	17. Giao thông	7173528	Đường D3 (đoạn từ đường D1 nối với đường D4, Cụm công nghiệp SXVL xã Hồ Nai 3)	1145/QĐ-UBND ngày 25/03/2021	4.453	0	3.610	UBND phường Hồ Nai
64	17. Giao thông	7891124	Đường chùa Long Hưng - Hưng Lộc - QL1A	1052/QĐ-UBND ngày 19/03/2021	11.406	0	9.266	Ban Quản lý dự án khu vực 03
65	17. Giao thông	7891123	Đường nội đồng văn phòng ấp Hưng Phát - Hưng Bình 1	1051/QĐ-UBND ngày 19/03/2021	12.314	0	11.338	Ban Quản lý dự án khu vực 03
66	17. Giao thông	7891122	Đường nội đồng xã Quảng Tiến (Đoạn từ đường sắt đến giáp ranh xã Giang Điền)	1081/QĐ-UBND ngày 22/03/2021	10.756	0	9.145	Ban Quản lý dự án khu vực 03
67	17. Giao thông	7173516	Đường khu vực làng dân tộc Chơ ro	1077/QĐ-UBND ngày 22/03/2021	6.781	0	6.351	UBND xã Bàu Hàm
68	17. Giao thông	7891121	Đường ấp 6 đi khu dân cư Phú An Lành	998/QĐ-UBND ngày 17/03/2021	19.535	0	16.839	Ban Quản lý dự án khu vực 03
69	17. Giao thông	7173530	Đường Tây Hòa - Đồi 61	1074/QĐ-UBND ngày 22/03/2021	2.380	0	2.125	UBND xã Hưng Thịnh
70	17. Giao thông	7891117	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương)	894/QĐ-UBND ngày 01/04/2016	54.835	0	15.866	Ban Quản lý dự án khu vực 03
71	17. Giao thông	7891120	Đường Hai Bà Trưng (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường D6)	1001/QĐ-UBND ngày 17/03/2021	17.735	0	11.100	Ban Quản lý dự án khu vực 03
72	17. Giao thông	7173510	Đường chợ Trường An đi Lô 42	1003/QĐ-UBND ngày 17/03/2021	6.228	0	6.054	UBND xã Bàu Hàm
73	17. Giao thông	7171399	Đường vào khu chăn nuôi tập trung (Đồi Quân - An Viễn)	1066/QĐ-UBND ngày 22/03/2021	6.535	0	5.682	UBND xã Hưng Thịnh
74	17. Giao thông	7899929	Nâng cấp tuyến đường nội đồng số 2, ấp 4, xã An Viễn	2246/QĐ-UBND ngày 19/05/2021	4.973	0	4.400	Ban Quản lý dự án khu vực 03
75	17. Giao thông	7899924	Đường Cây Táo (giai đoạn 2)	2249/QĐ-UBND ngày 19/05/2021	10.400	0	9.462	Ban Quản lý dự án khu vực 03
76	17. Giao thông	7899926	Đường số 58, ấp Tân Bắc	2247/QĐ-UBND ngày 19/05/2021	3.356	0	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
77	17. Giao thông	7940903	Đường tổ 7, đường Suối Tiên - Sông Trầu - ra đoạn 3	10189/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	4.969	0	3.950	Ban Quản lý dự án khu vực 03
78	17. Giao thông	7899930	Đường liên xã Đồi 61 - Trung Hòa - Tây Hòa (đoạn qua xã Đồi 61)	2241/QĐ-UBND ngày 19/05/2021	11.372	0	9.700	Ban Quản lý dự án khu vực 03

TT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc điều chỉnh)		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
79	17. Giao thông	7899935	Đường nội đồng Hưng Bình - Hưng Long (phía nam QL1A)	5809/QĐ-UBND ngày 10/06/2022	7.630	0	6.800	Ban Quản lý dự án khu vực 03
80	17. Giao thông	7940896	Đường C2 ấp Thuận An đến giáp ranh xã Tây Hòa	10193/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	23.095	0	20.320	Ban Quản lý dự án khu vực 03
81	17. Giao thông	7940897	Đường nội đồng cánh đồng 1 ấp Thuận Trường	2949/QĐ-UBND ngày 06/07/2021	4.338	0	3.760	Ban Quản lý dự án khu vực 03
82	17. Giao thông	7940898	Đường Tây Hòa - Trung Hòa	10240/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	10.391	0	6.800	Ban Quản lý dự án khu vực 03
83	17. Giao thông	7940899	Đường hẻm Lê Duẩn, tổ 6, KP4	2863/QĐ-UBND ngày 01/07/2021	4.500	0	3.800	Ban Quản lý dự án khu vực 03
84	17. Giao thông	7940900	Đường hẻm 3/2, KP4 (cạnh công ty may Đồng Tiền cũ)	2759/QĐ-UBND ngày 30/06/2021	1.800	0	1.600	Ban Quản lý dự án khu vực 03
85	17. Giao thông	7940901	Đường Lương Thế Vinh (đoạn từ đường Lê Lai đến đường Lý Thường Kiệt)	5530/QĐ-UBND ngày 26/05/2022	5.640	0	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
86	17. Giao thông	7923277	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Lý Nam Đế)	4699/QĐ-UBND ngày 04/08/2021	7.975	0	5.675	Ban Quản lý dự án khu vực 03
87	17. Giao thông	7914136	Đường Lê Lai (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Lý Nam Đế)	2761/QĐ-UBND ngày 30/06/2021	7.975	0	5.300	Ban Quản lý dự án khu vực 03
88	17. Giao thông	7940904	Hệ thống thoát nước đường 2 tháng 9 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường 30 tháng 4)	10194/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	3.322	0	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
89	17. Giao thông	7940906	Đường vào trại gà ấp Trường An	10199/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	4.992	0	7.050	Ban Quản lý dự án khu vực 03
90	17. Giao thông	7899934	Đường Bàu Cá đi đường Suối Thác	2239/QĐ-UBND ngày 19/05/2021	4.986	0	3.660	Ban Quản lý dự án khu vực 03
91	17. Giao thông	7940907	Đường Bàu Cá đi Đồi 61	10195/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	8.211	0	7.600	Ban Quản lý dự án khu vực 03
92	17. Giao thông	7899932	Đường Bàu Cùm đi đường 19/5	7232/QĐ-UBND ngày 23/08/2022	14.982	0	22.696	Ban Quản lý dự án khu vực 03
93	17. Giao thông	7899925	Đường tổ 7 - tổ 9 ấp Tân Lập 1 (giai đoạn 2)	2248/QĐ-UBND ngày 19/05/2021	7.693	0	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
94	17. Giao thông	7923275	Đường ấp Thuận Trường đến giáp ranh xã Tây Hòa	4700/QĐ-UBND ngày 04/08/2021	12.723	0	9.297	Ban Quản lý dự án khu vực 03
95	17. Giao thông	7914592	Đường nội đồng đoạn từ đường 19/5 đi đường ĐT762	6232/QĐ-UBND ngày 25/08/2021	11.707	0	10.888	Ban Quản lý dự án khu vực 03
96	17. Giao thông	7899931	Đường liên thôn ấp 4 đi ấp 1	2243/QĐ-UBND ngày 19/05/2021	2.854	0	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
97	17. Giao thông	7899933	Đường Đồng Hòa - Trung Hòa đi Đồi Nam	2240/QĐ-UBND ngày 19/05/2021	4.983	0	4.635	Ban Quản lý dự án khu vực 03
98	17. Giao thông	7905927	Đường Trung Hòa - Tây Hòa	2275/QĐ-UBND ngày 26/05/2021	4.977	0	3.300	Ban Quản lý dự án khu vực 03
99	17. Giao thông	7965692	Đường ấp Trà Cỏ (Cạnh công ty Ý Thiên)	5773/QĐ-UBND ngày 07/06/2022	4.073	0	2.700	Ban Quản lý dự án khu vực 03
100	17. Giao thông	7965693	Đường ấp 1 đi ấp 3	4701/QĐ-UBND ngày 04/08/2021	8.066	0	5.760	Ban Quản lý dự án khu vực 03
101	17. Giao thông	7914135	Đường Đình Quang Ân	2760/QĐ-UBND ngày 30/06/2021	14.723	0	13.205	Ban Quản lý dự án khu vực 03
102	17. Giao thông	7635140	Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa)	3269/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	68.022	0	27.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03

TT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc điều chỉnh)		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
103	17. Giao thông	7914595	Sửa chữa đường Độc Lập (đoạn đầu)	6044/QĐ-UBND ngày 23/08/2021	4.584	0	3.450	Ban Quản lý dự án khu vực 03
104	17. Giao thông	7992272	Đường Suối Dinh đi Suối Dầu	14536/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	14.884	0	11.782	Ban Quản lý dự án khu vực 03
105	17. Giao thông	8003752	Nâng cấp, sửa chữa đường giáp ranh QL1A đến nghĩa địa Bắc Hòa và đoạn nối đường sắt, xã Bắc Sơn	15887/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	8.646	0	7.300	Ban Quản lý dự án khu vực 03
106	17. Giao thông	8003755	Đường tổ 10 nối Vĩnh An (đường vào khu nghĩa địa xã Cây Gáo)	15888/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	12.218	0	9.400	Ban Quản lý dự án khu vực 03
107	17. Giao thông	8003761	Đường nối (từ đường D3 với đường D4 của cụm công nghiệp-dịch vụ Hưng Thuận)	15886/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	14.538	0	13.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
108	17. Giao thông	8003759	Đường nội đồng Suối Đá - cầu Công An	15872/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	21.369	0	21.368	Ban Quản lý dự án khu vực 03
109	17. Giao thông	7634017	Đường nội đồng ấp Thuận Trường	1054/QĐ-UBND ngày 08/04/2016	6.640	0	7.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
110	17. Giao thông	8003760	Đường nội đồng Sông Trầu đi Tây Hòa (Đường 20 xã Sông Trầu)	15885/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	13.891	0	11.770	Ban Quản lý dự án khu vực 03
111	17. Giao thông	8003756	Đường tổ 8, ấp An Hòa	15869/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	8.375	0	6.100	Ban Quản lý dự án khu vực 03
112	17. Giao thông	8003758	Đường Tân Thành đi Trường An	15851/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	5.893	0	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
113	17. Giao thông	8003757	Đường tổ 6 đi đường Cây Si ấp Trung Tâm	15858/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	9.673	0	7.200	Ban Quản lý dự án khu vực 03
114	17. Giao thông	8034346	Nâng cấp đường số 29, ấp Trà Cỏ	1699/QĐ-UBND ngày 15/05/2023	14.810	0	13.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
115	17. Giao thông	8029136	Nâng cấp các tuyến đường ngõ xóm thuộc ấp Trường An và ấp Trung Tâm, xã Thanh Bình	1723/QĐ-UBND ngày 16/05/2023	5.514	0	3.300	Ban Quản lý dự án khu vực 03
116	17. Giao thông	8028663	Sửa chữa mặt đường, xây dựng hệ thống mương thoát nước các tuyến đường trong khu dân cư kiểu mẫu xã Sông Thao	1724/QĐ-UBND ngày 16/05/2023	14.231	0	12.800	Ban Quản lý dự án khu vực 03
117	17. Giao thông	8040540	Nâng cấp mặt đường, mương thoát nước đường Tây Hòa 04	2002/QĐ-UBND ngày 06/06/2023	10.395	0	9.800	Ban Quản lý dự án khu vực 03
118	17. Giao thông	8029137	Nâng cấp đường Yên Thế, ấp Thái Hòa	1674/QĐ-UBND ngày 15/04/2023	10.227	0	9.284	Ban Quản lý dự án khu vực 03
119	17. Giao thông	7591784	Đường 3/2 (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Văn Linh)	897/QĐ-UBND ngày 01/04/2016	42.175	0	19.400	Ban Quản lý dự án khu vực 03
120	17. Giao thông	8003750	Via hè đường Trần Quang Khải (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Hùng Vương)	15998/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	4.650	0	3.100	Ban Quản lý dự án khu vực 03
121	17. Giao thông	8003751	Nâng cấp mặt đường và mương thoát nước đường Bùi Thị Xuân, KP2	15871/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	3.981	0	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
122	17. Giao thông	8003754	Đường Trần Nhân Tông	15870/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	9.404	0	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
123	17. Giao thông	8003753	Đường Vườn Ngò	15997/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	46.586	0	42.384	Ban Quản lý dự án khu vực 03
124	17. Giao thông	8045531	Xử lý ngập úng tại điểm giao giữa đường Trường Chinh và đường 3 tháng 2 tại thị trấn Trảng Bom	3402/QĐ-UBND ngày 17/08/2023	18.648		17.200	Ban Quản lý dự án khu vực 03
125	17. Giao thông	8029135	Sửa chữa mặt đường, xây dựng mương thoát nước dọc đường Suối Dinh	4628/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	14.689	0	13.194	Ban Quản lý dự án khu vực 03

TT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc điều chỉnh)		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
126	17. Giao thông	8034341	Via hè, mương thoát nước đường Phạm Văn Thuận	5241/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	5.594	0	4.300	Ban Quản lý dự án khu vực 03
127	17. Giao thông	8065138	Hệ thống mương thoát nước tổ 8, ấp Tân Thịnh, xã Đồi 61	5242/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	23.499		20.200	Ban Quản lý dự án khu vực 03
128	17. Giao thông	8085325	Xây dựng nút giao thông đường Nguyễn Huệ, đường D8 Khu dân cư đầu nối với QL1A	1798/QĐ-UBND ngày 22/04/2024	12.443		10.700	Ban Quản lý dự án khu vực 03
129	17. Giao thông	8087949	Cải tạo, chỉnh trang đường 29/4 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Trần Phú)	2214/QĐ-UBND ngày 17/05/2024	43.761		43.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
130	17. Giao thông	8087983	Cải tạo, chỉnh trang đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền)	2137/QĐ-UBND ngày 10/05/2024	57.711		51.749	Ban Quản lý dự án khu vực 03
131	17. Giao thông	8105917	Đường D1 (trục dọc khu trung tâm dịch vụ KCN Bàu Xéo)	4581/QĐ-UBND ngày 30/08/2024	48.115	0	30.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
132	17. Giao thông	8132733	Đường vào trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm tại tổ 7, ấp 5, xã Sông Trầu	5968/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	3.474	0	2.800	Ban Quản lý dự án khu vực 03
133	17. Giao thông	8132734	Cải tạo, chỉnh trang đường Trường Chinh	5939/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	26.920		18.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
134	17. Giao thông	8132732	Xây dựng hệ thống thoát nước chống ngập khu vực ngã tư Tân Lập và ấp Tân Lập 2	5961/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	24.329		15.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
135	17. Giao thông	8132735	Đường tổ 8, ấp Quảng Hòa	6243/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	12.041		11.090	Ban Quản lý dự án khu vực 03
136	17. Giao thông	8132736	Đường số 6, liên ấp xã Bàu Hàm	6241/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	10.796		10.536	Ban Quản lý dự án khu vực 03
137	17. Giao thông	8132737	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT ấp Tân Hưng	6242/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	14.992		13.708	Ban Quản lý dự án khu vực 03
138	17. Giao thông	8143935	Xử lý sạt lở và xây dựng đường Lý Nam Đế đoạn còn lại	985/QĐ-UBND ngày 07/03/2025	14.468		9.600	Ban Quản lý dự án khu vực 03
139	17. Giao thông	8153070	Cải tạo mương thoát nước dọc đường Trảng Bom - Cây Gáo (đoạn từ cầu số 6 đến cầu số 10)		19.939		17.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
140	30. Cấp vốn điều lệ		Kinh phí ủy thác cho vay đối tượng hộ nghèo và đối tượng chính sách cho Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện			0	42.000	
141	30. Cấp vốn điều lệ		Kinh phí bổ sung nguồn Quỹ hỗ trợ nông dân huyện (của Hội Nông dân huyện)			0	5.000	
142	35. Dự án khác	0	Lắp đặt màn hình Led và trang trí đèn Led một số vị trí trên địa bàn thị trấn Trảng Bom	12786/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	7.463	0	3.300	Ban Quản lý dự án khu vực 03
143	35. Dự án khác	8070414	Công viên cây xanh Khu 6 ấp Bàu Cá	5283/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	9.138	0	7.100	Ban Quản lý dự án khu vực 03
144	35. Dự án khác	0	Công viên cây xanh tại xã Bình Minh	3138/QĐ-UBND ngày 27/06/2024	9.204		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
145	35. Dự án khác	8105918	Tổng thể chỉnh trang cảnh quan khu vực Bờ Hồ		46.961	0	32.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
146	35. Dự án khác		Thay thế đèn Led tiết kiệm sử dụng công nghệ quản lý chiếu sáng thông minh trên địa bàn huyện	946/QĐ-UBND ngày 07/03/2025	20.000	0	16.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
147	35. Dự án khác	0	Khu tái định cư tại xã Sông Trầu		122.720	0	110.850	Ban Quản lý dự án khu vực 03
148	35. Dự án khác	0	Khu tái định cư tại xã Cây Gáo	27/NQ-HĐND ngày 16/12/2022	223.245	0	200.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
149	35. Dự án khác	0	Khu tái định cư tại xã Bắc Sơn	10/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	144.221	0	151.500	Ban Quản lý dự án khu vực 03
150	35. Dự án khác	0	Khu tái định cư tại xã Đồng Hòa	11/NQ-HĐND ngày 15/7/2022	579.556	0	500.000	Ban Quản lý dự án khu vực 03
151	35. Dự án khác		Nhóm dự án nhỏ và hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa ấp, khu phố			0	73.184	
C			Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025 (dự kiến bố trí vốn thực hiện dự án thuộc giai đoạn 2026-2030)		0	0	7.061	

TT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc điều chỉnh)		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	35. Dự án khác		Nhóm bố trí vốn để có cơ sở hoàn chỉnh công tác chuẩn bị đầu tư của các dự án				7.061	

Phụ lục III.4
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số Quyết định phê duyệt		Tổng mức đầu tư được duyệt	Vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025						Chủ đầu tư
					Tổng cộng	Nguồn NSTT	Nguồn XSKT	Nguồn KTOĐ	Ngân sách tỉnh (từ nguồn HTMT huyện cũ)	Ngân sách TW thường vượt thu	
A	Tổng kế hoạch bố trí				2.242.148	671.081	306.785	1.055.000	176.971	54.188	
1	Lĩnh vực quản lý nhà nước, ANQP			258.950	215.959	109.487	-	106.472	-	-	
1.1	Dự án chuyển tiếp			36.692	19.010	11.535	-	7.475	-	-	
1	Trụ sở trung đội dân quân thường trực khu công nghiệp Dầu Giây	3920/QĐ-UBND	30/10/2018	8.213	2.857	2.857	-		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Gia Tân 3	5322/QĐ-UBND	30/10/2019	1.841	800	-	-	800	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
3	Cải tạo, sửa chữa hàng rào, Nhà để xe Viện Kiểm soát nhân dân huyện Thống Nhất	5487/QĐ-UBND	29/10/2018	1.296	387	-	-	387	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
4	Cải tạo trung tâm Văn hóa huyện Thống Nhất	5485/QĐ-UBND	29/10/2019	9.233	3.463	995	-	2.468	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Khố vận	5657/QĐ-UBND; 2956/QĐ-UBND	23/9/2019; 20/7/2021	4.821	2.326	545	-	1.781	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
6	Trung tâm TĐTT- hạng mục cải tạo, sửa chữa nhà thi đấu	5486/QĐ-UBND; 4827/QĐ-UBND; 2847/QĐ-UBND	29/10/2016; 19/10/2021; 27/7/2022	3.296	5.019	4.069	-	950	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
7	Trụ sở BCH Quân sự xã Gia Tân 3	2630/QĐ-UBND	28/7/2017	2.951	1.297	1.081	-	216	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
8	Trụ sở Công an xã Hưng Lộc	1357/QĐ-UBND	23/5/2018	3.696	2.083	1.988	-	95	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
9	Khu cách ly y tế tại cơ sở tập trung, chống dịch bệnh COVID-19	2815/QĐ-UBND	14/9/2020	1.344	778	-	-	778	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
1.2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			251.935	196.749	97.952	-	98.797	-	-	
1	Trụ sở UBND xã Gia Tân 2, hạng mục: Cải tạo, sửa chữa bộ phận một cửa	1129/QĐ-UBND	14/4/2021	1.773	1.547	1.347	-	200	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Quang Trung	1123/QĐ-UBND	14/04/2021	4.053	2.818	1.318	-	1.500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
3	Xây dựng cổng B trụ sở Ban Chỉ huy quân sự huyện	1784/QĐ-UBND; 1469/QĐ-UBND	21/6/2021; 24/5/2023	1.655	1.359	1.359	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
4	Khối nhà làm việc trụ sở UBND xã Gia Kiệm	3009/QĐ-UBND	06/10/2020	7.076	5.915	5.915	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
5	Bổ sung trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của Huyện Ủy	3575/QĐ-UBND	23/11/2020	6.394	3.900	-	-	3.900	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
6	Cải tạo, sửa chữa Ký túc xá, khuôn viên cây xanh của Trung tâm bồi dưỡng chính trị	3019/QĐ-UBND	06/10/2020	891	700	200	-	500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
7	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND huyện Thống Nhất	3021/QĐ-UBND 8861/QĐ-UBND 2848/QĐ-UBND	12/11/2020 31/12/2021 27/7/2022	9.652	7.131	4.562	-	2.569	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
8	Nhà để xe PCCC và các hạng mục phụ Công an huyện Thống Nhất	2553/QĐ-UBND	26/08/2020	6.293	5.508	5.288	-	220	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
9	Xây dựng Hội trường và sửa chữa trụ sở UBND xã Xuân Thiện	1254/QĐ-UBND	29/04/2021	4.100	3.222	2.422	-	800	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
10	Cải tạo, sửa chữa cổng chào quốc lộ 1A và Quốc lộ 20	3020/QĐ-UBND	06/10/2020	3.658	2.200	1.700	-	500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
11	Cải tạo, sửa chữa trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Thống Nhất	9938/QĐ-UBND	31/12/2021	13.554	12.423	11.923	-	500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
12	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban quản lý dự án huyện	9939/QĐ-UBND	31/12/2021	3.173	2.000	-	-	2.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
13	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Thư viện thuộc trung tâm văn hóa thông tin và thể thao	56/QĐ-UBND	10/01/2022	5.235	3.800	1.300	-	2.500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
14	Mua sắm trang thiết bị và lắp đặt màn hình LED tại Huyện ủy	4604/QĐ-UBND	15/11/2022	1.627	1.086	1.086	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
15	Lắp đặt hệ thống Camera an ninh trên địa bàn huyện Thống Nhất	4605/QĐ-UBND	15/11/2022	4.947	4.000	2.000	-	2.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
16	Mua máy phát điện 3 pha cho Ban Chỉ huy quân sự huyện Thống Nhất	4635/QĐ-UBND	17/11/2022	1.167	1.100	1.100	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
17	Mua sắm trang thiết bị phục phiên tòa xét xử trực tuyến trên địa bàn huyện Thống Nhất	1331/QĐ-UBND	04/5/2023	590	538	538	-	-	-	-	UBND xã Dầu Giây

STT	Danh mục dự án	Số Quyết định phê duyệt		Tổng mức đầu tư được duyệt	Vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025						Chủ đầu tư
					Tổng cộng	Nguồn NSTT	Nguồn XSKT	Nguồn KTQĐ	Ngân sách tỉnh (từ nguồn HTMT huyện cũ)	Ngân sách TW thường vượt thu	
18	Mua sắm trang TB bảo vệ bí mật NN	1468/QĐ-UBND	24/5/2023	2.100	1.414	1.414	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
19	Mua sắm trang thiết bị phục vụ triển khai thực hiện Đề án 06	1837/QĐ-UBND	14/6//2023	6.970	5.000	-	-	5.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
20	Trang bị 10 xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác đảm bảo ANTT, TTATGT trên địa bàn huyện	1736/QĐ-UBND	06/6/2023	5.900	4.150	4.150	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
21	Xây dựng Trường bắn súng bộ binh và Thao trường huấn luyện cho LLVT huyện Thống Nhất, HM: Hạ tầng kỹ thuật	323/QĐ-UBND	08/02/2023	31.500	23.300	300	-	23.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
22	Xây dựng kho vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và nhà vệ sinh chung của Công an huyện Thống Nhất	702/QĐ-UBND	14/3/2023	2.650	2.192	2.192	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
23	Ban chỉ huy quân sự huyện, (HM: cải tạo, sửa chữa trung tâm chỉ huy; nhà chiến sĩ, hội trường trung tâm và các hạng mục phụ trợ)	321/QĐ-UBND	08/2/2023	11.480	8.566	2.936	-	5.630	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
24	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Thống Nhất	9193/QĐ-UBND; 3457/QĐ-UBND	23/01/2020; 06/10/2023	1.621	1.722	1.422	-	300	-	-	UBND xã Dầu Giây
25	Trụ sở Ban CHQS huyện, HM: Nhà chiến sĩ, hồ bơi	1857/QĐ-UBND	16/6/2023	16.600	10.000	5.200	-	4.800	-	-	UBND xã Dầu Giây
26	Đầu tư trang thiết bị truyền thanh cơ sở theo ứng dụng công nghệ thông tin - viên thông cho 3 xã Gia Tân 1, Hưng Lộc, Xuân Thiện	4634/QĐ-UBND	29/11/2022	4.594	4.000	3.322	-	678	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
27	Trụ sở Công an Thị trấn Dầu Giây; hạng mục: Xây mới	3949/QĐ-UBND	07/11/2023	14.956	10.000	-	-	10.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
28	Trụ sở Công an xã Lộ 25	3947/QĐ-UBND	07/11/2023	13.712	10.000	-	-	10.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
29	Cải tạo, sửa chữa Đền thờ liệt sỹ	2147/QĐ-UBND	14/7/2023	12.487	10.958	5.458	-	5.500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
30	Trang bị xe M6 tô cho lực lượng vũ trang huyện phục vụ tuần tra	322/QĐ-UBND	08/02/2023	819	800	-	-	800	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
31	Trung tâm thể dục thể thao, HM: Cải tạo, sửa chữa sân vận động	4181/QĐ-UBND	22/11/2023	8.091	6.100	4.100	-	2.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
32	Cải tạo sửa chữa trụ sở phòng Tài chính - Kế hoạch	1480/QĐ-UBND	06/5/2024	3.438	3.000	2.700	-	300	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
33	Cải tạo sửa chữa Trụ sở Huyện uỷ	1478/QĐ-UBND	06/5/2024	14.982	14.500	10.300	-	4.200	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
34	Cải tạo sửa chữa Trung tâm Chính trị huyện Thống Nhất	1481/QĐ-UBND	06/5/2024	7.421	7.000	3.500	-	3.500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
35	Cải tạo sửa chữa phòng họp 2 và các công trình phụ trợ	1479/QĐ-UBND	06/5/2024	3.926	3.700	2.900	-	800	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
36	Trụ sở Ban CHQS huyện, HM: Xây mới nhà huấn luyện, tập luyện, thi đấu võ thuật	3238/QĐ-UBND	12/8/2024	3.018	3.500	2.000	-	1.500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
37	Cải tạo sửa chữa trụ sở Đài truyền thanh huyện	3441/QĐ-UBND	26/8/2024	3.297	1.900	-	-	1.900	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
38	Cải tạo, sửa chữa Hội trường UBND xã Hưng Lộc	3442/QĐ-UBND	26/8/2024	1.950	1.500	1.500	-	-	-	-	UBND xã Dầu Giây
37	Xây dựng trụ sở Ban CHQS xã Quang Trung	4049/QĐ-UBND	14/11/2023	4.585	4.200	2.500	-	1.700	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
1,3	Chuẩn bị đầu tư (Lập báo cáo nghiên cứu khả thi; báo cáo KTKT, bồi thường GPMB)			7.015	200	-	-	200	-	-	
1	Mở rộng Đình dầu Giây	2427/QĐ-UBND	08/08/2023	3.015	100	-	-	100	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
4	Cải tạo, sửa chữa trụ sở khối nông lâm			4.000	100	-	-	100	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
2	Lĩnh vực Giáo dục, văn hóa			1.078.854	806.433	161.383	277.926	191.295	121.642	54.188	
2,1	Dự án chuyển tiếp			363.279	186.047	57.826	100.107	28.114	-	-	
1	Trường mầm non Gia Tân 3 (mở rộng)	5471/QĐ-UBND	28/10/2019	11.213	5.895	3.245	2.650	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
2	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Hướng Dương	5472/QĐ-UBND	28/10/2019	7.649	4.721	4.721	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
3	Trường TH-THCS Lương Thế Vinh; Hạng mục: 09 phòng học	5594/QĐ-UBND	30/10/2019	8.386	4.600	4.000	600	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
4	Trường THCS Gia Kiệm	5642/QĐ-UBND	31/10/2019	84.677	65.126	2.490	44.497	18.139	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04

STT	Danh mục dự án	Số Quyết định phê duyệt		Tổng mức đầu tư được duyệt	Vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025						Chủ đầu tư
					Tổng cộng	Nguồn NSTT	Nguồn XSKT	Nguồn KTOĐ	Ngân sách tỉnh (từ nguồn HTMT huyện cũ)	Ngân sách TW thường vượt thu	
5	Trường MN Gia Tân 1 (chuẩn)	4120/QĐ-UBND	22/10/2017	40.497	31.000	20.735	2.500	7.765	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
6	Trường Mầm non Tuổi Thơ	3908/QĐ-UBND; 4698/QĐ-UBND	30/10/2018; 25/9/2019	27.235	6.609	6.609	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
7	Trường THCS Gia Tân 1 (chuẩn)	4141/QĐ-UBND	31/10/2017	72.527	34.702	12.702	21.100	900	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
8	Trường tiểu học Xuân Thạnh (Khu A1-C1)	4026/QĐ-UBND	25/10/2017	46.051	792	-	292	500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
9	Trường Mầm non Dầu Giây	3802/QĐ-UBND	22/10/2018	33.796	14.500	-	14.500	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
10	Trường MN Quang Trung B Cơ sở 2	5592/QĐ-UBND	30/10/2019	9.515	4.824	3.324	1.500	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
11	Trường MG xã Lộ 25 (mở rộng)	5319/QĐ-UBND	23/10/2019	19.757	13.000	-	12.468	532	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
12	Nhà Văn hóa kết hợp Văn phòng ấp Gia yên	5960/QĐ-UBND; 1058/QĐ-UBND;	30/10/2014; 18/12/2020 22/4/2020;	1.977	278	-	-	278	-	-	UBND xã Gia Kiệm
2,2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			1.014.858	619.551	103.121	177.819	162.781	121.642	54.188	
1	Trường trung học cơ sở Quang Trung	3576/QĐ-UBND	23/11/2020	9.725	8.000	7.750	-	250	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
2	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	3015/QĐ-UBND	06/10/2020	6.993	4.999	4.999	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
3	Trường tiểu học Quang Trung	3010/QĐ-UBND	06/10/2020	14.199	10.862	10.382	180	300	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
4	Trường TH Gia tân 1	5029/QĐ-UBND	30/9/2019	14.823	13.280	12.780	-	500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
5	Trường THCS Lý Tự Trọng	3017/QĐ-UBND	06/10/2020	11.653	9.900	-	9.590	310	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
6	Trường THCS Duy Tân (chuẩn)	12/NQ-HĐND; 46/NQ-HĐND; 8054/QĐ-UBND	28/6/2019; 06/8/2021; 17/9/2021	98.477	78.962	17.477	11.290	7.100	12.147	30.948	Ban Quản lý dự án khu vực 04
7	Trường tiểu học Hưng Lộc	3017/QĐ-UBND	06/10/2020	11.858	10.850	350	1.000	9.500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
8	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân	3018/QĐ-UBND	06/10/2020	19.958	17.940	2.500	14.500	494	446	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
9	Trường mầm non Bình Lộc	3014/QĐ-UBND	06/10/2020	22.355	18.259	258	8.001	10.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
10	Trường TH&THCS Hùng Vương	3008/QĐ-UBND	06/10/2020	32.882	30.862	9.862	18.500	2.500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
11	Trường mầm non Sơn Ca	3013/QĐ-UBND	06/10/2020	22.418	16.100	1.100	10.000	5.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
12	Trường THCS Thăng Long	25/NQ-HĐND	18/12/2020	49.929	45.122	7.829	2.532	10.000	1.521	23.240	Ban Quản lý dự án khu vực 04
13	Trường tiểu học Nguyễn Du	45/NQ-HĐND	06/08/2021	79.763	76.400	-	30.410	5.990	40.000	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
14	Trường THCS Lý Tự trọng (Chuẩn quốc gia)	08/NĐ-HĐND	25/02/2022	96.948	74.805	9.650	17.913	1.000	46.242	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
15	Trường tiểu học Xuân Thạnh, HM: Mở rộng và xây dựng các phòng học, phòng chức năng	660/QĐ-UBND	02/03/2022	26.429	7.100	-	2.100	5.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
16	Trường tiểu học Lê Lợi	2381/QĐ-UBND	08/07/2022	12.253	11.500	-	5.100	6.400	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
17	Trường tiểu học Trần Bình Trọng, hạng mục: Các phòng bộ môn	2382/QĐ-UBND	08/07/2022	12.564	11.000	-	3.000	8.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
18	Xây dựng hồ bơi Trường TH Quang Trung	3440/QĐ-UBND	07/9/2022	6.423	6.280	-	5.680	600	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
19	Xây dựng hồ bơi Trường TH Hưng Lộc	3441/QĐ-UBND	07/9/2022	6.379	5.680	-	5.680	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
20	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu, hạng mục: Xây dựng hồ bơi	QĐ số 1382/QĐ-UBND	10/5/2023	7.800	100	-	100	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
21	Trường mầm non Hoa Cúc	2383/QĐ-UBND	08/07/2022	10.105	9.898	-	4.998	4.900	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
22	Cải tạo sửa chữa trường THCS Gia Kiệm (Cơ sở THCS Lam Sơn cũ)	2171/QĐ-UBND	27/06/2022	5.729	5.100	-	5.000	100	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04

Trình UBT

STT	Danh mục dự án	Số Quyết định phê duyệt		Tổng mức đầu tư được duyệt	Vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025						Chủ đầu tư
					Tổng cộng	Nguồn NSTT	Nguồn XSKT	Nguồn KTQĐ	Ngân sách tỉnh (từ nguồn HTMT huyện cũ)	Ngân sách TW thường vượt thu	
23	Trường tiểu học Tin Nghĩa, Hạng mục: xây dựng mới 21 phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng)	25/NQ-HĐND	20/12/2023	72.473	1.700	1.700	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
24	Trường mầm non Hòa Mi, HM: Mở rộng, nâng cấp và cải tạo sửa chữa	2263/QĐ-UBND ; 9035/QĐ-UBND	14/7/2021; 25/11/2021	44.994	17.100	-	100	10.000	7.000	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
25	Trường MN Gia Kiệm, HM: Xây mới trên khuôn viên trường THCS Gia Kiệm cũ	4434/QĐ-UBND	8/12/2023	40.802	20.500	-	500	20.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
26	Trường tiểu học Nguyễn Huệ, HM: Mở rộng diện tích đất và xây dựng hồ bơi	1838/QĐ-UBND	14/6/2023	10.809	2.100	100	-	2.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
27	Trường tiểu học Bạch Lâm, hạng mục: Mở rộng và xây dựng các phòng học, phòng chức năng	QĐ số 1381/QĐ-UBND	10/5/2023	44.600	10.000	-	-	10.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
28	Trường tiểu học hoàng Hoa Thám	26/NQ-HĐND	20/12/2023	101.815	10.000	-	-	10.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
29	Trường Mầm non Gia Tân 3, hạng mục: xây mới phòng học và phòng chức năng	254/QĐ-UBND	22/01/2024	37.400	10.000	-	-	10.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
30	Trang bị phòng máy vi tính phục vụ dạy học môn Tin học cho các trường có cấp tiểu học	1655/QĐ-UBND	15/5/2024	14.286	14.286	-	-	-	14.286	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
31	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa dân tộc Chợ Ro	55/QĐ-UBND	10/01/2022	3.311	2.731	1.746	985	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
32	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng xã Hưng Lộc	3136/QĐ-UBND	17/08/2022	8.960	8.237	6.000	-	2.237	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
33	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa thể thao HTCD xã Gia Tân 2 và Nhà Văn hóa kết hợp văn phòng ấp Đức Long 1 và ấp Bạch Lâm 2	3729/QĐ-UBND	28/09/2022	4.940	4.500	-	3.500	1.000	-	-	UBND xã Thống Nhất
34	Sửa chữa, mua sắm, thay thế trang thiết bị trang trí băng đèn Led, trang trí các biểu trưng Mừng Đảng - Mừng Xuân trong khu trung tâm hành chính huyện Thống Nhất	1425/QĐ-UBND	17/5/2023	4.990	4.500	-	-	4.500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
35	Đầu tư trang thiết bị truyền thanh cơ sở theo ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông cho 03 xã Quang Trung, Bàu Hàm 2, Lộ 25	1411/QĐ-UBND	17/5/2023	3.877	3.500	3.500	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
36	Đầu tư trang thiết bị truyền thanh cơ sở theo ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông cho xã Gia Tân 3 và thị trấn Dầu Giây	2409/QĐ-UBND	12/7/2024	3.500	3.500	-	2.000	1.500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
37	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm VH TT - HTCD xã Quang trung; Nhà văn hoá kết hợp văn phòng ấp Nguyễn Huệ 1 và ấp Lê Lợi 2.	2900/QĐ-UBND	29/7/2024	4.972	4.500	-	2.000	2.500	-	-	UBND xã Gia Kiệm
38	Dự án Đầu tư trang thiết bị các thiết chế VH, thể thao trên địa bàn các xã, thị trấn	1106/QĐ-UBND	24/4/2023	2.262	2.038	2.038	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
39	Cải tạo, sửa chữa TTVH - HTCD xã Lộ 25 và nhà văn hoá kết hợp văn phòng ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4	815/QĐ-UBND	16/3/2024	7.741	7.000	3.100	2.000	1.900	-	-	UBND xã Dầu Giây
40	Cải tạo, sửa chữa văn phòng ấp Nguyễn Thái Học	3042/QĐ-UBND	09/12/2023	623	550	-	550	-	-	-	UBND xã Dầu Giây
41	Sửa chữa, nâng cấp văn phòng khu phố Trần Cao Văn (phía Bắc khu phố)	672/QĐ-UBND	03/06/2023	876	610	-	610	-	-	-	UBND xã Dầu Giây
42	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá kết hợp văn phòng ấp Phúc nhạc 1, Phúc nhạc 2 và Tân yên	2174/QĐ-UBND	18/7/2023	3.551	3.200	-	1.500	1.700	-	-	UBND xã Gia Kiệm
43	Cải tạo, sửa chữa TTVH thể thao HTCD xã Gia Kiệm và Nhà văn hóa kết hợp văn phòng ấp Vô Vông 1, Vô Đông 2 và Đông Kim	2083/QĐ-UBND	07/06/2023	3.778	3.500	-	2.500	1.000	-	-	UBND xã Gia Kiệm
44	Trung tâm VH TT-HTCD xã Gia Tân 1	2085/QĐ-UBND	07/06/2023	2.244	2.000	-	2.000	-	-	-	UBND xã Thống Nhất
45	Xây dựng văn phòng ấp Ngô Quyền	3948/QĐ-UBND	07/11/2023	3.038	2.500	-	-	2.500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
46	Cải tạo sửa chữa trung tâm văn hoá xã Xuân Thiện HTCD xã Xuân Thiện; Nhà văn hoá kết hợp văn phòng ấp Xuân Thiện và ấp Tin nghĩa	1127/QĐ-UBND	04/09/2024	6.560	5.500	-	2.000	3.500	-	-	UBND phường Bình Lộc
47	Cải tạo, sửa chữa văn phòng ấp Hưng Nhon, Hưng Nghĩa và ấp Lộ 25	2085/QĐ-UBND	07/06/2023	2.794	2.500	-	2.000	500	-	-	UBND xã Dầu Giây
2,3	Chuẩn bị đầu tư (Lập báo cáo nghiên cứu khả thi; báo cáo KTKT, bồi thường GPMB)			63.996	835	435	-	400	-	-	
1	Trường mầm non Kim Đồng, xã Hưng Lộc (khu đất mới cạnh trường TH – THCS Hùng Vương)	3011/QĐ-UBND	06/10/2020	31.492	435	435	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04

STT	Danh mục dự án	Số Quyết định phê duyệt		Tổng mức đầu tư được duyệt	Vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025						Chủ đầu tư
					Tổng cộng	Nguồn NSTT	Nguồn XSKT	Nguồn KTQĐ	Ngân sách tỉnh (từ nguồn HTMT huyện cũ)	Ngân sách TW thường vượt thu	
2	Trung tâm VH-TTĐD huyện (hành mục Hồ bơi và khu chức năng)			7.900	400	-	-	400	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
3	Trường TH Hoàng Văn Thụ, HM: Mở rộng và xây dựng các phòng học, phòng chức năng	661/QĐ-UBND	02/03/2022	24.604	-	-	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
3	Lĩnh vực Giao thông			1.605.645	774.485	289.323	-	446.612	9.050	-	
3.1	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			1.523.246	730.307	289.323	-	409.612	31.372	-	
1	Đường Vườn Xoài	3012/QĐ-UBND	06/10/2020	6.075	4.732	4.732	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
2	Duy tu, sửa chữa Mương thoát nước tuyến đường Tây Kim Thanh Bình (từ Km0+235 đến Km 0+765)	3748/QĐ-UBND ; 1985/QĐ-UBND	01/12/2020; 7/9/2021	7.553	6.324	2.424	-	3.900	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
3	Duy tu, sửa chữa Mương thoát nước tuyến đường Võ Đông 3-soklu (từ Km0+290 đến Km 1+640)	3340/QĐ-UBND ; 1984/QĐ-UBND	06/10/2020; 09/7/2021	11.941	9.720	4.720	-	5.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
4	Đường từ Quốc lộ 20 vào trường THCS Gia Tân 1	5593/QĐ-UBND; 1967/QĐ-UBND	30/10/2019; 10/6/2022	29.112	26.770	22.770	-	4.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
5	Đường D17 (đoạn từ ngã tư trụ sở Bàu Hàm 2 ra Quốc lộ 1A)	1789/QĐ-UBND	21/6/2021	13.958	12.000	12.000	-		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
6	Đường cầu ông Bô đi thành phố Long Khánh	1785/QĐ-UBND	21/6/2021	43.115	20.000	-	-	20.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
7	Đường N7 nối dài	1791/QĐ-UBND	21/6/2021	54.075	21.484	9.484	-	12.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
8	Đường N8 (Trung tâm TĐTT - Đền thờ)	2262/QĐ-UBND	7/14/14/7	9.515	8.224	8.224	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
9	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	43/NQ-HĐND	06/08/2021	97.283	86.400	61.400	-	25.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
10	Đường N7 giai đoạn 3	06/NĐ-HĐND	25/02/2022	107.119	73.020	50.600	-	17.212	5.208	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
11	Đường Nguyễn Thái Học	486/QĐ-UBND	02/02/2022	34.863	10.000	-	-	10.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
12	Đường bên hông chợ đầu mối (giai đoạn 2)	54/NQ-HĐND	16/11/2021	173.399	99.060	9.060	-	90.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
13	Đường Bình lộc - Tín nghĩa	7968/QĐ-UBND	06/9/2021	13.342	13.000	11.000	-	2.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
14	Đường 135 (Đoạn từ đường Suối tre - Bình Lộc đến đường Lạc Sơn - Xuân Thiện)	9038/QĐ-UBND	25/11/2021	27.415	15.470	470	-	15.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
15	Đường vào Trường THCS Lý Tự Trọng	3030/QĐ-UBND	04/08/2022	7.762	7.000	-	-	7.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
16	Đường Đông Kim - Xuân Thiện (từ đường DT770B đến Cầu Suối đá)	2827/QĐ-UBND	26/7/2022	41.352	38.900	32.900	-	6.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
17	Đường D6 (đoạn từ đường trước Trụ sở khối vận nối dài cắt đường bên hông chợ đầu mối Dầu Giây (giai đoạn 2) đến kết nối với Đường ven lộ 203-205 ấp Nguyễn Thái Học, xã Bàu Hàm 2.	3169/QĐ-UBND	19/8/2022	40.042	30.000	20.000	-	10.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
18	Nâng cấp, mở rộng đường Suối Cạn	23/NQ-HĐND	13/9/2022	118.900	11.000	-	-	11.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
19	Đường trục chính D8 (Từ đường N1 đến QL1A)	4692/QĐ-UBND	23/11/2022	58.948	30.000	-	-	30.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
20	Đường trục chính N1 - đô Thị Dầu Giây (đoạn từ đường D6 đến đường Trảng Bom-Xuân Lộc)	4691/QĐ-UBND	23/11/2022	23.107	29.300	-	-	13.000	16.300	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
21	Đường trục chính D4 + D5 (tiếp giáp dự án khu dân cư A1-C1 đến đường N13)	4688/QĐ-UBND	23/11/2022	37.239	35.000	30.000	-	5.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
22	Thay thế, bổ sung hệ thống biển báo giao thông, vạch kẻ đường trên địa bàn huyện Thống Nhất	756/QĐ-UBND	22/3/2023	3.242	3.040	3.040	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
23	Đường D7 giai đoạn 1 (từ đường N1 đến đường N7)	4690/QĐ-UBND	23/11/2022	14.458	13.000	5.000	-	8.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
24	Đường Mùng 4 tết	4838/QĐ-UBND	25/11/2024	38.450	10.000	-	-	10.000			Ban Quản lý dự án khu vực 04
25	Đường Đức Huy - Thanh Bình	44/NQ-HĐND	06/08/2021	131.596	20.000	-	-	20.000			Ban Quản lý dự án khu vực 04
1	Đường vành đai phía Đông của huyện (Giáp thành phố Long Khánh)	03/NĐ-HĐND	25/02/2022	242.726	30.000	-	-	30.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
5	Đường 326 (Đoạn từ đường Đông kim-Xuân Thiện vào trường THCS Gia Kiệm)	3421/QĐ-UBND	23/8/2024	19.777	10.000	-	-	10.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04

Trình
UBT

Trình
UBT

STT	Danh mục dự án	Số Quyết định phê duyệt		Tổng mức đầu tư được duyệt	Vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025						Chủ đầu tư
					Tổng cộng	Nguồn NSTT	Nguồn XSKT	Nguồn KTQĐ	Ngân sách tỉnh (từ nguồn HTMT huyện cũ)	Ngân sách TW thường vượt thu	
6	Xây dựng hệ thống chiếu sáng và bổ sung hệ thống biển báo giao thông trên tuyến đường song hành phía đông Quốc lộ 20	3334/QĐ-UBND	16/8/2024	14.871	11.500	1.500	-	10.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
	Đường phía nam suối Gia Đức (Từ đường Song hành quốc lộ 20 đến đường D6 Hồ Gia Đức)			65.000	20.000	-	-	20.000			Ban Quản lý dự án khu vực 04
3	Đường D17 (giai đoạn 2, đoạn từ UBND xã Bàu Hàm 2 đến đường N7)	739/QĐ-UBND	21/3/2023	22.850	11.000	-	-	11.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
26	Đường nội đồng 78A, 78B (tờ bản đồ số 43 xã Lỗ 25)				3.200	-	-		3.200		UBND xã Dầu Giây
27	Đường nội đồng 78C (tờ bản đồ số 42, tờ 8, ấp 3 xã Lỗ 25);				4.000	-	-		4.000		UBND xã Dầu Giây
28	Đường Tổ 15 nhánh 1 ấp Ngõ Quyền.				3.664	-	-	1.000	2.664		UBND xã Dầu Giây
29	Sửa chữa, nâng cấp đường Đồi Đá – Vườn Na, ấp Tân Yên	4890/QĐ-UBND	02/12/2020	14.161	3.500	-	-	3.500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
3,2	Chuẩn bị đầu tư (Lập báo cáo nghiên cứu khả thi; báo cáo KTKT, bồi thường GPMB)			82.399	37.000	-	-	37.000	-	-	
1	Đường phía Nam KCN Dầu Giây	467/QĐ-UBND	14/02/2022	14.464	20.000	-	-	20.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
2	Đường vào Trường THCS Lý Tự Trọng (đoạn ra đường DT769)			8.935	6.000	-	-	6.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
3	Đường trục chính N11 - Thị trấn Dầu Giây (từ đường DT769 đến đường tránh 769 ngã tư Dầu Giây)			25.000	10.000	-	-	10.000			Ban Quản lý dự án khu vực 04
4	Đường Chu Văn An - Định Quán (đoạn 1)			34.000	1.000	-	-	1.000			Ban Quản lý dự án khu vực 04
4	Lĩnh vực thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật			532.033	226.735	47.102	-	156.788	22.845	-	
4,1	Dự án chuyển tiếp			820	138	-	-	138	-	-	
1	Tuyến điện trung thế và trạm hạ thế 1 pha đến cơ sở giết mổ tập trung xã Hưng Lộc	3338/QĐ-UBND	24/9/2016	344	60	-	-	60	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
2	Trạm hạ thế 3 pha đến cơ sở giết mổ tập trung xã Gia Kiệm	3339/QĐ-UBND	24/9/2016	476	78	-	-	78	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
4,2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			532.033	226.597	47.102	-	156.650	22.845	-	
1	Sửa chữa, kiên cố hóa đập Tin nghĩa 1	1787/QĐ-UBND	21/6/2021	5.141	4.895	4.895	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
2	Nạo vét, gia cố suối 3 Tây Kim	1786/QĐ-UBND	21/6/2021	5.661	2.865	1.865	-	1.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
3	Nạo vét Suối Gia Dung (mương công trắng)	1788/QĐ-UBND	21/6/2021	2.986	1.564	564	-	1.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
4	Sửa chữa, kiên cố hóa mương đập Cầu quay	1790/QĐ-UBND	21/6/2021	1.914	1.798	1.698	-	100	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
5	Lắp đặt tấm đan mương thủy lợi qua cánh đồng rau Tân yên	1426/QĐ-UBND	17/5/2023	2.500	1.900	1.400	-	500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
6	Nạo vét suối qua đập Cầu quay	1427/QĐ-UBND	17/5/2023	1.886	1.600	1.300	-	300	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
7	Dự án Nạo vét khơi thông dòng chảy suối qua đập Cầu Máng	766/QĐ-UBND	24/3/2023	2.300	2.210	2.210	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
8	Nạo vét suối sau công ba miệng	1839/QĐ-UBND	14/6/2023	9.730	8.000	-	-	8.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
9	Nạo vét đập Bình	3728/QĐ-UBND	26/10/2023	1.239	1.250	-	-	1.250	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
10	Xây dựng đập ông Nhi	9948/QĐ-UBND	31/12/2021	3.183	-	-	-	-	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
11	Sửa chữa, kiên cố hóa mương đập Ông Thọ	1792/QĐ-UBND	21/6/2021	2.372	1.970	1.470	-	500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
12	Nạo vét đập Ông Thọ	3729/QĐ-UBND	26/10/2023	1.221	1.100	-	-	1.100	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
13	Nạo vét và sửa chữa gia cố suối Bi				7.200	-	-		7.200		Ban Quản lý dự án khu vực 04
14	Nạo vét và sửa chữa gia cố Suối cạn				5.325	-	-		5.325		Ban Quản lý dự án khu vực 04
15	Nạo vét khơi thông mương thủy lợi cánh đồng Cây Khô				1.200	-	-		1.200		UBND xã Dầu Giây
16	Trung tâm hành chính xã Bàu Hàm 2, HM: Hạ tầng kỹ thuật	658/QĐ-UBND	02/03/2022	54.241	42.300	400	-	41.900	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
17	Trung tâm hành chính thị trấn Dầu Giây (hạng mục hạ tầng kỹ thuật)			50.841	20.000	-	-	20.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
10	Trung tâm hành chính xã Gia Tân 1 - Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật			60.000	10.000	-	-	10.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
4	Hạ tầng khu dân cư phục vụ tái định cư B1 xã Hưng Lộc, Thị trấn dầu Giây	11/NQ-HĐND	07/6/2024	144.732	30.000	20.000	-	10.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
5	Hạ tầng khu dân cư phục vụ tái định cư giai đoạn 2 xã Hưng Lộc	12/NQ-HĐND	07/6/2024	107.310	20.000	10.000	-	10.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
6	Chỉnh trang lát gạch vỉa hè, trồng cây xanh, xây hào kỹ thuật dọc quốc lộ 20 huyện Thống Nhất				1.000	-	-	1.000			Ban Quản lý dự án khu vực 04

STT	Danh mục dự án	Số Quyết định phê duyệt		Tổng mức đầu tư được duyệt	Vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025						Chủ đầu tư
					Tổng cộng	Nguồn NSTT	Nguồn XSKT	Nguồn KTQĐ	Ngân sách tỉnh (từ nguồn HTMT huyện cũ)	Ngân sách TW thường vượt thu	
7	Cải tạo sửa chữa Trụ sở Huyện ủy				800	800					Ban Quản lý dự án khu vực 04
18	Cải tạo, chỉnh trang công viên khu Trung tâm Hành chính huyện	3476/QĐ-UBND 703/QĐ-UBND	09/9/2022; 14/3/2023	15.000	20.000	-	-	20.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
19	Cải tạo và hệ hệ thống chiếu sáng xung quanh công viên trung tâm huyện Thống Nhất				19.100			10.000	9.100		Ban Quản lý dự án khu vực 04
20	Trạm xử lý nước thải đô thị Dầu Giây	3336/QĐ-UBND	16/8/2024	59.775	20.000	-	-	20.000			Ban Quản lý dự án khu vực 04
21	Hạ tầng Khu dân cư phục vụ tái định cư xã Hưng Lộc				500	500					Ban Quản lý dự án khu vực 04
22	Hệ thống thoát nước mưa bên trái đường QL1A (Đoạn từ cổng Ba Miếng đến đường D19)				10				10		Ban Quản lý dự án khu vực 04
23	Trường TH Phan Bội Châu, Hạng mục: mở rộng và xây mới nhà đa năng				10				10		Ban Quản lý dự án khu vực 04
5	Quy hoạch			29.138	26.853	1.377	-	25.476	-	-	
1	Quy hoạch vùng huyện Thống Nhất	1864/QĐ-UBND	17/6/2023	1.825	860	-	-	860	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
2	Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Thị trấn Dầu Giây	QĐ số 3617/QĐ-UBND	29/9/2021	3.187	2.937	1.377	-	1.560	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
3	Quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu trung tâm hành chính xã Gia Tân 1 (lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch)	1085/QĐ-UBND	19/4/2024	560	553	-	-	553	-	-	UBND xã Thống Nhất
4	Quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu trung tâm hành chính xã Gia Tân 2 (lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch)	1083/QĐ-UBND	19/4/2024	531	525	-	-	525	-	-	UBND xã Thống Nhất
5	Quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu trung tâm hành chính xã Xuân Thiện (lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch)	1086/QĐ-UBND	19/4/2024	647	642	-	-	642	-	-	UBND phường Bình Lộc
6	Quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu trung tâm hành chính xã Hưng Lộc (lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch)	1084/QĐ-UBND	19/4/2024	544	540	-	-	540	-	-	UBND xã Dầu Giây
7	Quy hoạch chi tiết XD tỷ lệ 1/500 khu dân cư phục vụ tái định cư giai đoạn 2 xã Hưng Lộc	995/QĐ-UBND	29/3/2024	478	400	-	-	400	-	-	UBND xã Dầu Giây
8	Quy hoạch chi tiết XD tỷ lệ 1/500 khu dân cư phục vụ tái định cư xã Hưng Lộc	QĐ số 1103/QĐ-UBND	24/4/2023	991	1.000	-	-	1.000	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
9	Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết XD tỷ lệ 1/500 khu dân cư phục vụ tái định cư B1 xã Hưng Lộc, Thị trấn dầu Giây	1322/QĐ-UBND	21/4/2024	479	400	-	-	400	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
10	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cải tạo, xây dựng 1/500 trung tâm xã Gia Kiệm	3619/QĐ-UBND	19/10/2023	1.544	1.400	-	-	1.400	-	-	UBND xã Gia Kiệm
11	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 xây dựng điểm dân cư số 1 xã Gia tân 2	838/QĐ-UBND	19/3/2024	1.458	1.400	-	-	1.400	-	-	UBND xã Thống Nhất
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư số 1 xã Gia Tân 3	3618/QĐ-UBND	19/10/2023	1.436	1.400	-	-	1.400	-	-	UBND xã Gia Kiệm
13	Lập Quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch chung xã Gia Tân 1	3685/QĐ-UBND	23/10/2023	1.712	1.710	-	-	1.710	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
14	Lập Quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch chung xã Gia Tân 2	3684/QĐ-UBND	23/10/2023	571	570	-	-	570	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
15	Lập Quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch chung xã Gia Tân 3	3686/QĐ-UBND	23/10/2023	1.045	1.044	-	-	1.044	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
16	Lập Quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch chung xã Gia Kiệm	3726/QĐ-UBND	23/10/2023	1.464	1.464	-	-	1.464	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
17	Lập Quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch chung xã Quang Trung	3682/QĐ-UBND	23/10/2023	628	600	-	-	600	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
18	Lập Quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch chung xã Xuân Thiện	3683/QĐ-UBND	23/10/2023	1.794	1.790	-	-	1.790	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
19	Lập Quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch chung xã Bầu Hầm 2	3725/QĐ-UBND	26/10/2023	418	418	-	-	418	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
20	Lập Quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch chung xã Hưng Lộc	3620/QĐ-UBND	19/10/2023	2.510	2.500	-	-	2.500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
21	Lập Quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch chung xã Lộ 25	3724/QĐ-UBND	26/10/2023	1.557	1.500	-	-	1.500	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
22	Chương trình phát triển đô thị thị trấn Dầu Giây	2313/QĐ-UBND	14/8/2020	971	900	-	-	900	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04

Trình UBT

Trình UBT

Trình UBT

STT	Danh mục dự án	Số Quyết định phê duyệt		Tổng mức đầu tư được duyệt	Vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025						Chủ đầu tư
					Tổng cộng	Nguồn NSTT	Nguồn XSKT	Nguồn KTQĐ	Ngân sách tính (từ nguồn HTMT huyện cũ)	Ngân sách TW thường vượt thu	
23	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thống Nhất				2.200	-	-	2.200			Ban Quản lý dự án khu vực 04
24	Đề án khảo sát, đánh giá khả năng tiêu thoát lũ của hệ thống suối Đá, Suối Ba Giỏ và Suối Tam Bung đoạn qua khu vực xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất	314/QĐ-UBND	07/2/2023	2.787	100	-	-	100	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 04
5	Bổ sung ngân sách có mục tiêu cho địa phương đầu tư các dự án XHH GTNT, diện hạ thế, tất toán vốn đầu tư công trình hoàn thành				85.824	38.685	2.345	44.794	-	-	
6	Nguồn chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang 2021-2025 thực hiện (Thanh toán tạm ứng giai đoạn 2016-2020)				53.802	23.725	26.514	3.563	-	-	
7	Bộ trí nguồn chuẩn bị đầu tư (lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo NCKT, bồi thường GPMB) (chỉ tiết theo phụ lục đính kèm)				80.000			80.000	-	-	

Phụ lục III.4.1
Bố trí nguồn chuẩn bị đầu tư

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (địa danh cũ)	Thời gian KC-HT	Số vốn	Ghi chú
	Tổng cộng			80.000	
1	Đường vào Trường THCS Lý Tự Trọng (đoạn ra đường DT769)	Lộ 25	2025-2028	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 04
2	Đường N11 - Thị trấn Dầu Giây từ Tỉnh lộ ĐT.769 đến Khu tái định cư tại thị trấn Dầu Giây)	Thị Trấn dầu Giây	2025-2029	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 04
3	Đường Chu Văn An - Định Quán (đoạn 1)	Gia tân 3	2025-2029	40	Ban Quản lý dự án khu vực 04
4	Đường Chu Văn An - Định Quán; đến cầu Suối đục xã Xuân Thiện.	Gia tân 3 - Xuân Thiện	2025-2029	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 04
5	Hệ thống thoát nước mưa phía bên trái Đường QL1A (đoạn từ Cổng 3 miệng đến đường D19)	Hưng lộc - TTDG	2025-2029	40	Ban Quản lý dự án khu vực 04
6	Đường từ trường Mầm non Gia Tân 1 đến đường Suối Reo.	Gia tân 1	2025-2029	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 04
7	Đường Đồng Đa	Quang Trung	2025-2029	40	Ban Quản lý dự án khu vực 04
8	Đường Võ Đông - Lạc Sơn	Gia Kiệm-Quang trung	2025-2029	40	Ban Quản lý dự án khu vực 04
9	Đường Đông kim - Xuân Thiện (Đoạn từ cầu Suối đá đến cầu Suối Đục)	Xuân Thiện	2025-2029	40	Ban Quản lý dự án khu vực 04
10	Đường Đông kim - Xuân Thiện (Đoạn từ cầu Đông Kim đến đường 770B)	Gia Kiệm	2025-2029	40	Ban Quản lý dự án khu vực 04
11	Hồ chứa nước Gia Đức	Bầu Hàm 2	2026-2030	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 04
12	Trung tâm hành chính xã Gia Tân 1 - Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật	xã Gia Tân 1	2025-2029	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 04
13	Trung tâm hành chính xã Gia Tân 2 - Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật	Gia Tân 2	2025-2029	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 04
14	Trung tâm hành chính xã Xuân Thiện - Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật	Xã Xuân thiện	2025-2029	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 04
15	Trung tâm hành chính xã Hưng Lộc - Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật	Xã Hưng Lộc	2025-2029	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 04
16	Xây dựng hệ thống thoát nước A1-C1 (đoạn từ ĐT769 đến cống Ba miệng QL 1A)	Thị trấn Dầu Giây	2025-2029	100	Ban Quản lý dự án khu vực 04
17	Xây dựng hệ thống thoát nước (từ trường MN tuổi ngọc đến đường sang hành QL 1A)	Thị trấn Dầu Giây	2025-2029	60	Ban Quản lý dự án khu vực 04
18	Xây dựng Chợ ấp 94	Hưng Lộc	2025-2029	20	Ban Quản lý dự án khu vực 04
19	Trụ sở Công an xã Gia tân 1	xã Gia tân 1	2025-2029	20	Ban Quản lý dự án khu vực 04
20	Cải tạo trụ sở Khối Nông lâm	Thị trấn Dầu Giây	2024-2026	20	Ban Quản lý dự án khu vực 04

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (địa danh cũ)	Thời gian KC-HT	Số vốn	Ghi chú
21	Xây dựng nhà chờ và cải tạo hệ thống điện trụ sở khối vận	Thị trấn Dầu Giây	2024-2026	20	Ban Quản lý dự án khu vực 04
22	Cải tạo sửa chữa phòng tài nguyên Môi trường	Thị trấn Dầu Giây	2024-2026	20	Ban Quản lý dự án khu vực 04
23	Cải tạo sửa chữa Kho lưu trữ huyện	Thị trấn Dầu Giây	2024-2026	40	Ban Quản lý dự án khu vực 04
24	Nâng cấp trụ sở Công an xã Hưng Lộc	Hưng Lộc	2024-2026	40	Ban Quản lý dự án khu vực 04
25	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Công an huyện	Thị trấn Dầu Giây	2024-2026	30	Ban Quản lý dự án khu vực 04
26	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Lộ 25	Xã Lộ 25		30	UBND xã Dầu Giây
27	Cải tạo hàng rào nhà tạm giam	Bàu Hàm 2	2024-2026	30	Ban Quản lý dự án khu vực 04
28	Trung tâm VH-TTTT huyện (hạng mục Hồ bơi và khu chức năng)	Thị trấn Dầu Giây	2024-2026	30	Ban Quản lý dự án khu vực 04
29	Trường tiểu học Phan Bội Châu (hạng mục: Mở rộng và xây mới nhà đa năng)	Thị trấn Dầu Giây	2024-2026	30	Ban Quản lý dự án khu vực 04
30	Trường TH Hưng Lộc (hạng mục sửa chữa)	Hưng Lộc	2024-2026	30	Ban Quản lý dự án khu vực 04
31	Trường TH-THCS Xuân thiện cơ sở TH Lê Văn tám cũ (hạng mục sửa chữa)	Xuân Thiện	2024-2026	30	Ban Quản lý dự án khu vực 04
32	Trường mầm non Quang Trung B cơ sở 1 (hạng mục sửa chữa)	Quang trung	2024-2026	30	Ban Quản lý dự án khu vực 04
33	Trường Mầm non Bình Minh (hạng mục sửa chữa)	Bàu Hàm 2	2024-2026	30	Ban Quản lý dự án khu vực 04
34	Trường mầm non Gia tân 2 (hạng mục sửa chữa 02 cơ sở)	Gia tân 2	2024-2026	30	Ban Quản lý dự án khu vực 04
35	Trường THCS Duy Tân cũ (hạng mục sửa chữa)	Gia tân 3	2024-2026	30	Ban Quản lý dự án khu vực 04
36	Trường THCS Nguyễn Đình chiểu (hạng mục sửa chữa)	Gia tân 2	2024-2026	30	Ban Quản lý dự án khu vực 04
37	Trường TH Hoàng Văn Thụ (hạng mục sửa chữa)	Xã Lộ 25	2024-2026	30	Ban Quản lý dự án khu vực 04
38	Trường TH Trần Quốc Toàn (hạng mục sửa chữa)	Gia tân 2	2025-2028	30	Ban Quản lý dự án khu vực 04

Phụ lục III.5

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ (A+B)		44.169.036	9.148.683	
A	TỔNG NS HUYỆN GIAO CHỈ TIÊU (A.1+A.2+A.3+A.4)		24.751.718	9.148.683	
A.1	NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG		1.477.107	590.799	
I	Các dự án chuyển tiếp từ 2020 sang 2021		722.927	146.324	
	Công trình Trữ sở - Văn hóa		121.248	59.312	
1	Kho lưu trữ UBND huyện Long Thành	3426/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	27.231	5.892	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Trụ sở UBND xã Phước Bình	6449/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	44.364	44.364	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Trụ sở UBND xã An Phước	3782/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	49.653	9.056	Ban Quản lý dự án khu vực 05
	Công trình giao thông		601.679	87.012	
1	Nâng cấp Hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Long Thành (Bố trí CP BTGPMB, CP tư vấn và chi phí khác)	992/QĐ-UBND ngày 16/4/2007	314.732	65.304	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Nâng cấp đường liên xã An Phước - Tam An	3813/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	22.000	5.450	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Đường Nguyễn Văn Cừ, thị trấn Long Thành.	3811/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	244.000	6.678	Ban Quản lý dự án khu vực 05
4	Đường vào cụm công nghiệp Long Phước 1	3812/QĐ-UBND ngày 31/10/2020	20.947	9.580	Ban Quản lý dự án khu vực 05
II	Các dự án khởi công mới 2021-2025		754.180	444.475	
	Công trình hạ tầng, giao thông		273.567	114.150	
1	Khu tái định cư khu Phước Thuận thị trấn Long Thành		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Công viên Phước Hải, thị trấn Long Thành	5301/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	5.471	5.197	UBND xã Long Thành
3	Đường Chu Văn An ra Phạm Văn Đồng và đoạn từ TTVH.TT huyện ra hẻm 224 xã An Phước.		85.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
4	Đường Nguyễn Hữu Cánh (Đoạn từ Võ Thị Sáu đến Vũ Hồng Phô) thị trấn Long Thành.		105.558	36.796	Ban Quản lý dự án khu vực 05
5	Nâng cấp đường liên ấp 1 - 3 xã Phước Bình		40.586	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
6	Đường vào khu Logistics xã Tân Hiệp	4299/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	28.583	28.583	Ban Quản lý dự án khu vực 05
7	Hệ thống chiếu sáng (đoạn cuối đường Tân Hiệp) xã Tân Hiệp	2907/QĐ-UBND ngày 07/4/2023	5.413	4.920	Ban Quản lý dự án khu vực 05
8	Nâng cấp mở rộng đường Lê Duẩn (Quốc lộ 51A) huyện Long Thành	512/QĐ-UBND ngày 08/02/2021		24.840	Ban Quản lý dự án khu vực 05
9	Cải tạo, sửa chữa Hẻm 134 đường ĐT. Chất thải rắn (đường Lôi Hồ)			6.000	UBND xã An Phước
10	Cải tạo, sửa chữa Hẻm 165 ấp 3, xã An Phước			4.000	UBND xã An Phước
11	Hẻm 2396 Quốc lộ 51, xã Long Phước	5300/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	2.956	2.814	UBND xã Long Phước
	Công trình Văn hóa - Trữ sở		23.429	21.187	
1	Sửa chữa Trụ sở Huyện ủy Long Thành	6500/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	9.444	8.994	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Trung tâm Dịch vụ công ích huyện Long Thành	2398/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	1.661	1.522	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Cải tạo sửa chữa Ban bảo vệ sức khỏe		1.500	-	
4	Nhà Văn hóa ấp 3 xã Bầu Cạn		-	-	UBND xã Long Phước
5	Xây dựng nhà văn hoá ấp 3 xã Tam An		-	-	UBND xã An Phước
6	Xây dựng nhà văn hoá ấp 4 xã Tam An		2.600	2.600	UBND xã An Phước
7	Cải tạo trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành		4.367	4.367	Ban Quản lý dự án khu vực 05
8	Trụ Sở Công An xã Lộc An		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
9	Cải tạo, Sửa chữa các nhà VH ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 7 xã Phước Bình	7834/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	993	993	UBND xã Phước Thái

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
10	Sửa chữa các nhà văn hoá ấp Bưng Cờ, ấp Thanh bình, ấp Hàng Gòn, ấp Bình Lâm xã Lộc An	9695/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	1.047	937	UBND xã Long Thành
11	Sửa chữa các nhà Văn hóa ấp trên địa bàn xã Bình An			-	UBND xã Bình An
12	Sửa chữa nhà VH ấp 1, ấp Cẩm Đường, ấp Suối Quýt, xã Cẩm Đường.	8508/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	950	950	UBND xã Xuân Đường
13	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hoá Khu trên địa bàn Thị trấn Long Thành	2120/QĐ-UBND ngày 07/3/2023	867	824	UBND xã Long Thành
14	Nâng cấp, sửa chữa các nhà Văn hoá ấp xã Long An		-	-	UBND xã Long Thành
	Công trình giáo dục		457.184	309.138	
1	Trường Mẫu giáo An Phước	9889/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	44.889	44.889	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Trường Tiểu học Bình An (điểm Sa Cá)	2778/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	11.072	11.072	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Trường THCS Long Phước 2		78.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 05
4	Trường Tiểu học Tập Phước, xã Long Phước		28.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 05
5	Trường Tiểu học Thái Thiện	4001/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	94.835	94.835	Ban Quản lý dự án khu vực 05
7	Trường Tiểu học Tam Thiện	6475/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	85.756	73.139	Ban Quản lý dự án khu vực 05
8	Trường THCS Long Đức (GD2)	7947/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	37.727	37.727	Ban Quản lý dự án khu vực 05
9	Trường Mầm non Long Đức (GD3)	8394/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	14.803	14.803	Ban Quản lý dự án khu vực 05
10	Trường Mầm non Bình An (ấp Sa Cá) (Xây dựng 03 phòng học+bếp ăn)	8558/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	9.323	9.323	Ban Quản lý dự án khu vực 05
11	Trường Tiểu học Phước Thái (giai đoạn 2)		27.579	150	Ban Quản lý dự án khu vực 05
12	Trường Trung học cơ sở An Phước (mở rộng)	5762/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	25.200	22.200	Ban Quản lý dự án khu vực 05
A.2	NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT		513.296	348.270	
	Công trình chuyển tiếp		136.742	43.944	
	Công trình giáo dục		136.742	43.944	
1	Trường THCS Phước Thái	3806/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	78.000	28.799	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Trường TH Tam An (GD2)	3180/QĐ-UBND ngày 20/10/2019	29.049	11.660	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Trường THCS Tam An (gd2) (XD khối hiệu bộ, khối đa năng, các công trình phụ trợ)	3120/QĐ-UBND ngày 16/9/2019	29.693	3.485	Ban Quản lý dự án khu vực 05
	Công trình khởi công mới		376.554	304.326	
1	Trường Tiểu học Bình An (điểm Sa Cá)	2778/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Trường Tiểu học Tân Hiệp (gd3)	2629/QĐ-UBND ngày 02/03/2021	31.613	23.193	Ban Quản lý dự án khu vực 05
	Công trình thực hiện sau năm 2021			-	
1	Trường Mẫu giáo Cẩm Đường (mở rộng)	5763/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	67.477	28.462	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Trường Tiểu học Tam Thiện	6475/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	85.756	1.360	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Trường TH Long Thành B		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
4	Trường Mầm non Cầu Xéo, Thị trấn Long Thành		30.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 05
5	Trường Mầm non Phước Thái (Xây mới)		33.888	100	Ban Quản lý dự án khu vực 05
6	Trường Trung học cơ sở Tân Thành, xã Bàu Cạn	6455/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	119.820	119.820	Ban Quản lý dự án khu vực 05
7	Trường Mầm non Tân Thành, xã Bàu Cạn		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
8	Nâng cấp mở rộng đường Lê Duẩn (Quốc lộ 51A) huyện Long Thành	512/QĐ-UBND ngày 08/02/2021		109.657	Ban Quản lý dự án khu vực 05
9	Trường Mầm non Thái Hiệp Thành	5764/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	-	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
10	Trường Mầm non Hoa Mai (giai đoạn 2)	2777/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	-	5.730	Ban Quản lý dự án khu vực 05
11	Sửa chữa các trường học trên địa bàn huyện Long Thành năm 2023	10014 30/11/2023	8.000	7.904	Ban Quản lý dự án khu vực 05
A.3	DỰ KIẾN NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, KHAI THÁC ĐẤT LỢI THẾ VÀ ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT		22.340.096	8.049.445	
A3.1	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025		1.992.194	1.117.804	
a	Công trình chuyển tiếp		671.192	551.023	
a1	Công trình giáo dục	-	206.250	106.496	
1	Trường MN Phước Bình	3351/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	58.984	34.698	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Trường TH Phước Bình	3350/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	71.161	38.727	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Trường MN Tam An (06 phòng học, bếp ăn, hiệu bộ, sân đường tường rào)	3776/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	30.041	13.135	Ban Quản lý dự án khu vực 05
4	Trường THCS Bình Sơn	3909/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	46.064	19.936	Ban Quản lý dự án khu vực 05
a2	Công trình Trữ sở - Văn hóa		84.249	28.323	
1	Trụ sở Công An huyện Long Thành	3805/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	54.015	18.483	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Kho lưu trữ UBND huyện Long Thành	3426/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Trụ sở UBND xã Phước Thái	3720/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	30.234	9.840	Ban Quản lý dự án khu vực 05
a.3	Công trình giao thông		252.000	298.951	
1	Đường Nguyễn Văn Cừ, thị trấn Long Thành.	3811/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	244.000	157.601	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Nâng cấp Hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Long Thành (Bố trí CP BTGPMB, CP tư vấn và chi phí khác)	992/QĐ-UBND ngày 16/4/2007	-	133.350	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Đường vào Trường Tiểu học Tam Thiện và hệ thống thoát nước		8.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
a.4	Nguồn vốn dự phòng bố trí các công trình khởi công mới khi thực hiện đủ thủ tục theo quy định trong năm 2021		128.693	117.253	
	Công trình giao thông, Quy hoạch		24.828	24.508	
1	Đường song hành Quốc lộ 51	7509/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	7.853	7.533	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Đường vào khu Logistics xã Tân Hiệp	4299/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Nâng cấp đường vào cầu Ruby	7510 23/6/2021	1.508	1.508	UBND xã An Phước
4	Hệ thống chiếu sáng xã Phước Bình (Đoạn từ nhà VH ấp 6 đến khu dân tộc Choro)	124/QĐ-UBND ngày 15/01/2021	1.789	1.789	Ban Quản lý dự án khu vực 05
5	Đường dây hạ thế sau trạm biến áp khu dân tộc Stiêng xã Tân hiệp	125/QĐ-UBND ngày 15/01/2021	699	699	Ban Quản lý dự án khu vực 05
6	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường Bàu Cạn (đoạn từ cầu Bán cù đến hồ Cầu mới)	123/QĐ-UBND ngày 15/01/2021	7.339	7.339	Ban Quản lý dự án khu vực 05
7	Phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Tái định cư tại xã Long Phước, huyện Long Thành.	2050/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	1.209	1.209	Ban Quản lý dự án khu vực 05
8	QH Chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Tái định cư xã Long Đức	2050/QĐ-UBND ngày 16/6/2022	988	988	Ban Quản lý dự án khu vực 05
9	Quy hoạch chung xây dựng xã An Phước, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030,	1407/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	421	421	UBND xã An Phước
10	Quy hoạch chung xây dựng xã Lộc An, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030,	395/QĐ-UBND ngày 17/2/2020	385	385	UBND xã Long Thành
11	Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Sơn, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030,	6582/QĐ-UBND ngày 03/11/2020	432	432	UBND xã Long Thành
12	Quy hoạch chung xây dựng xã Long Phước, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030,	585/QĐ-UBND ngày 25/02/2020	424	424	UBND xã Long Phước
13	Quy hoạch chung xây dựng xã Bình An, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030,	393/QĐ-UBND ngày 17/02/2020	330	330	UBND xã Bình An
14	Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Đường, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030,	707/QĐ-UBND ngày 02/3/2020	310	310	UBND xã Xuân Đường
15	Quy hoạch chung xây dựng xã Bàu Cạn, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030,	705/QĐ-UBND ngày 02/3/2020	387	387	UBND xã Long Phước

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
16	Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hiệp, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030,	708/QĐ-UBND ngày 02/3/2020	372	372	UBND xã Phước Thái
17	Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Bình, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030,	706/QĐ-UBND ngày 02/3/2021	382	382	UBND xã Phước Thái
	Bố trí vốn cho các công trình xã hội hoá trong năm 2021		14.487	7.845	
1	Sửa chữa Đường Nguyễn Trung Trực Khu Kim Sơn Thị trấn Long Thành (Đoạn từ trường Đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Huỳnh Văn Lũy)	7507/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	1.446	846	UBND xã Long Thành
2	Sửa chữa đường gom dân sinh cầu vượt (Khu Cầu xéo)Thị trấn Long Thành	7508/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	2.421	2.421	UBND xã Long Thành
3	Đường khu 2 xã Long Phước	656/QĐ-UBND ngày 27/1/2021	1.871	767	UBND xã Long Phước
4	Hèm 177, 178,179; 177/1;177/2;177/5;177/6 đường Suối Quýt xã Cẩm Đường	7685/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	5.009	2.011	UBND xã Xuân Đường
5	Hèm 2 Đường ấp 1 xã Bình Sơn	7465/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	496	243	UBND xã Long Thành
6	Đường ấp 1 xã Bình Sơn	7467/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	841	404	UBND xã Long Thành
7	Đường ấp 1-9 xã Bình Sơn	7466/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	2.403	1.153	UBND xã Long Thành
	Công trình giáo dục		43.430	43.430	
1	Trường TH Long Đức (phân hiệu khu 15)	7470/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	4.405	4.405	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Trường THCS An Phước (GD2) (XD 06 phòng học)	7468/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	7.093	7.093	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Trường Mầm non Thành Nghĩa	6542/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.994	14.994	Ban Quản lý dự án khu vực 05
4	Cải tạo, sửa chữa các trường Mầm non, trên địa bàn huyện,	4482/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	864	864	Ban Quản lý dự án khu vực 05
5	Cải tạo, sửa chữa các trường Tiểu học trên địa bàn huyện,	4483/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	6.102	6.102	Ban Quản lý dự án khu vực 05
6	Cải tạo, sửa chữa các trườngTHCS trên địa bàn huyện,	4484/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	9.972	9.972	Ban Quản lý dự án khu vực 05
	Công trình Văn hoá - trụ sở		41.661	41.470	
1	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện Long Thành; Hạng mục: Cải tạo khối nhà Trung tâm Văn hóa và khối nhà hội trường 500 chỗ	7469/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	3.302	3.302	Ban Quản lý dự án khu vực 05
5	Trụ Sở Công An xã Lộc An	5966/QĐ-UBND ngày 6/6/2023	14.987	14.987	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Sửa chữa Trụ sở Thanh Tra huyện	7662/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	962	962	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Sửa chữa Trụ sở HĐND-UBND Thị trấn Long Thành	8217/QĐ-UBND ngày 18/7/2021	1.393	1.325	UBND xã Long Thành
4	Sửa chữa các nhà VH ấp 1, ấp 2, ấp 4, ấp 5, ấp 6, ấp 7, ấp 8 xã Bàu Cạn	7558/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	2.496	2.496	UBND xã Long Phước
5	Cải tạo, sửa chữa tạm Trụ sở UBND xã Tam An	84/QĐ-UBND ngày 14/01/2021	516	516	UBND xã An Phước
6	Cải tạo, Sửa chữa các nhà VH ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4 và ấp 5 xã Tam An	7505/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	2.004	2.004	UBND xã An Phước
7	Xây dựng tường rào đền thờ Liệt sỹ xã Long An	213/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	678	678	UBND xã Long Thành
8	Sửa chữa TT.VH và học tập cộng đồng xã Long An	1850/QĐ-UBND ngày 03/02/2021	1.129	1.129	UBND xã Long Thành
9	Xây dựng hàng rào, cổng Trung tâm văn hoá TT-HTCĐ xã Bình An	1849/QĐ-UBND ngày 03/02/2021	1.422	1.422	UBND xã Bình An
10	Sửa chữa nhà văn hoá dân tộc Chăm, xã Bình Sơn	7663/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	650	650	UBND xã Long Thành
11	Sửa chữa và xây mới tường rào công, tường rào các nhà văn hoá ấp 1,6,8,9,10 và ấp Xóm Đình, xã Bình Sơn	7747/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	2.553	2.430	UBND xã Long Thành
12	Sửa chữa nhà tạm giam Công an huyện Long Thành	7684/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	3.715	3.715	Ban Quản lý dự án khu vực 05
13	Trụ sở Trung đội dân quân thường trực KCN Lộc An - Bình Sơn	7557/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	5.854	5.854	Ban Quản lý dự án khu vực 05
b	Công trình khởi công mới 2021-2025		1.321.002	566.781	
	Công trình Văn hóa - Trụ sở		795.606	223.721	
1	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tam An	9577/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	39.927	39.927	Ban Quản lý dự án khu vực 05

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
2	Trung đội dân quân thường trực Khu Công nghiệp An Phước		5.800	300	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Đồn Công An Khu Công nghiệp Gò Dầu xã Phước Thái	6065/QĐ-UBND ngày 17/6/2023	14.975	14.975	Ban Quản lý dự án khu vực 05
4	Cải tạo, sửa chữa các nhà văn hoá ấp trên địa bàn xã An Phước		-	-	UBND xã An Phước
5	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng xã Long Phước	9959/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	703	677	UBND xã Long Phước
6	Nâng cấp sửa chữa trụ sở UBND xã Long Phước		-	-	UBND xã Long Phước
7	Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hoá ấp tại xã Long Phước		-	-	UBND xã Long Phước
8	Xây dựng nhà văn hoá ấp 5 xã Long Phước		-	-	UBND xã Long Phước
9	Nhà Văn hoá ấp Đất mới xã Long Phước		-	-	UBND xã Long Phước
10	Cải tạo sửa chữa TT.VH HTCD xã Phước Thái	11848/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	1.100	1.100	UBND xã Phước Thái
11	Sửa chữa các nhà văn hóa ấp Long Phú, ấp 1A, 1B, 1C xã Phước Thái	9996/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	951	906	UBND xã Phước Thái
12	XD nhà VH ấp Hiền Hoà xã Phước Thái		2.000	50	UBND xã Phước Thái
13	XD nhà VH ấp Hiền Đức xã Phước Thái		2.000	50	UBND xã Phước Thái
14	Thao trường huấn luyện Lực lượng vũ trang huyện Long Thành, xã Tân Hiệp (giai đoạn 2)		14.978	14.895	Ban Quản lý dự án khu vực 05
15	Cải tạo sửa chữa nhà văn hoá ấp 1, ấp 3, 4,5 xã Tân Hiệp.	1719/QĐ-UBND ngày 07/3/2022	1.839	1.839	UBND xã Phước Thái
16	Xây dựng nhà Văn hoá ấp 2, xã Tân Hiệp	2093/QĐ-UBND ngày 02/3/2023	2.277	2.277	UBND xã Phước Thái
17	Xây dựng nhà Văn hoá ấp 3, xã Tân Hiệp		2.700	2.700	UBND xã Phước Thái
18	Xây dựng nhà Văn hóa ấp 5 xã Phước Bình	5682/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	2.408	2.408	UBND xã Phước Thái
19	Xây dựng nhà VH ấp 6 xã Phước Bình		-	-	UBND xã Phước Thái
20	Sửa chữa nhà văn hoá dân tộc Chơ ro xã Phước Bình	4846/QĐ-UBND ngày 31/5/2022	1.000	1.000	UBND xã Phước Thái
21	Cải tạo sửa chữa TT.VH xã Phước Bình		-	-	UBND xã Phước Thái
22	Cải tạo sửa chữa TT.VH xã Long Đức	1042/QĐ-UBND ngày 22/02/2022	749	749	UBND xã Bình An
23	Trụ sở HĐND-UBND xã Long Đức		68.640	49.640	Ban Quản lý dự án khu vực 05
24	Trụ sở HĐND-UBND xã Long An		30.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 05
25	Trụ sở HĐND-UBND xã Bình An		68.887	18.887	Ban Quản lý dự án khu vực 05
26	Trụ sở HĐND-UBND xã Bàu Cạn		71.556	16.556	Ban Quản lý dự án khu vực 05
27	Trụ sở HĐND-UBND xã Tân Hiệp		69.100	500	Ban Quản lý dự án khu vực 05
28	Trụ sở HĐND-UBND xã Long Phước		66.606	500	Ban Quản lý dự án khu vực 05
32	Xây dựng TT.VH xã Tân Hiệp		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
33	Trụ sở dân quân thường trực KCN Long Thành		5.800	300	Ban Quản lý dự án khu vực 05
34	Sửa chữa Nhà văn hóa khu 12, khu 13, khu 14, khu 15 xã Long Đức	9130/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	904	860	UBND xã Bình An
35	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Long Thành		30.131	50	Ban Quản lý dự án khu vực 05
36	Trụ sở Công An huyện Long Thành (GĐ2)		120.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 05
37	Trụ sở HĐND-UBND Thị trấn Long Thành	8217/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	45.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 05
38	Nhà thi đấu đa năng huyện Long Thành		75.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 05

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
39	Trụ sở 01 cửa huyện Long Thành	7463/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	25.613	25.613	Ban Quản lý dự án khu vực 05
40	Trụ sở Đài truyền thanh huyện	8148/QĐ-UBND ngày 17/12/2020	14.015	14.015	Ban Quản lý dự án khu vực 05
41	Nhà công vụ Trụ sở HĐND-UBND huyện Long Thành	3682/QĐ-UBND ngày 17/4/2023	10.947	10.947	Ban Quản lý dự án khu vực 05
Công trình hạ tầng, giao thông			107.969	69.745	
1	Khu Tái Định cư tại Trung tâm dịch vụ công ích và Trung tâm phát triển Quỹ đất (cũ), thị trấn Long Thành,	9374/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	5.156	5.156	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Khu Tái Định cư tại khu đất hợp tác xã nông nghiệp (cũ), thị trấn Long Thành,	9371/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	2.964	2.964	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Xây dựng công chào và chỉnh trang 02 khu hoa viên Mũi tàu Nam và Mũi tàu bắc đường Lê Duẩn	2122/QĐ-UBND ngày 7/3/2023	21.875	21.875	Ban Quản lý dự án khu vực 05
4	Công Viên vòng xoay Cao tốc xã Long An		-	-	
5	Nâng cấp sân vận động huyện Long Thành		7.000	300	Ban Quản lý dự án khu vực 05
6	Công viên dọc bờ kè suối Quán thú		7.200	300	UBND xã Long Thành
7	Trường Tiểu học Tân Hiệp (gd3)	2629/QĐ-UBND ngày 02/03/2021	33.023	8.419	Ban Quản lý dự án khu vực 05
8	Nâng cấp đường An Định ấp 3 xã Tam An	10329/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	1.687	1.667	UBND xã An Phước
9	Cầu Suối Phên đường Võ Thị Sáu, xã Long Đức		8.850	8.850	Ban Quản lý dự án khu vực 05
10	Đường vào khu trung tâm hành chính xã Bàu Cạn	2094/QĐ-UBND ngày 02/3/2023	20.214	20.214	Ban Quản lý dự án khu vực 05
Công trình giáo dục			417.427	273.315	
1	Trường Mầm non Hoa Mai (giai đoạn 2)	2777/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	35.540	30.046	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Trường Tiểu học Tân Thành		79.205	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Trường Mầm non Tân Thành, xã Bàu Cạn		60.068	30.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
4	Trường Tiểu học Phước Thái (giai đoạn 2)		27.579	27.429	Ban Quản lý dự án khu vực 05
5	Trường Mẫu giáo Cẩm Đường (mở rộng)	5763/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	67.477	45.282	Ban Quản lý dự án khu vực 05
6	Trường Mầm non Thái Hiệp Thành	5764/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	58.390	50.390	Ban Quản lý dự án khu vực 05
7	Trường Tiểu học Thái Hiệp Thành	9177/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	74.600	74.600	Ban Quản lý dự án khu vực 05
8	Trường Tiểu học Phước Bình (giai đoạn 2)	5332/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	14.568	14.568	Ban Quản lý dự án khu vực 05
A.3.2	Các dự án giai đoạn 2021-2025 bố trí vốn khởi công mới khi thực hiện đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định.		930.584	332.831	
a	Các công trình chuẩn bị đầu tư năm 2021		222.263	187.651	
	Công trình giao thông thủy lợi		56.737	56.737	
1	Hệ hống thoát nước chống ngập úng đường liên ấp 7-8 xã An Phước	4480/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	7.863	7.863	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Nâng cấp, mở rộng đường Khai Thác đá 3 xã Long An		48.874	48.874	Ban Quản lý dự án khu vực 05
	Công trình Văn hóa - Trụ sở		77.655	73.943	
1	Sở chỉ huy thời chiến huyện Long Thành	4303/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	38.738	38.738	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đường	9578/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	38.917	35.205	Ban Quản lý dự án khu vực 05
	Công trình giáo dục	-	87.871	56.971	
1	Trường Trung học cơ sở An Phước (phân hiệu ấp 7)		31.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Trường Tiểu học Long Phước	10413/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	56.871	56.871	Ban Quản lý dự án khu vực 05
b	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025		708.321	145.181	

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
b.1	Công trình giáo dục		159.106	6.624	
1	Trường Tiểu học Tam An (phân hiệu ấp 5)		31.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Xây mới 05 phòng học tại điểm Trường Tiểu học Tập Phước tại ấp 5, xã Long Phước	9442/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	4.329	2.886	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Xây mới khối nhà đa năng Trường Mầm non Tân Hiệp	2119/QĐ-UBND ngày 07/3/2023	3.775	3.638	Ban Quản lý dự án khu vực 05
b.2	Công trình giao thông, hạ tầng, thủy lợi, quy hoạch		101.179	45.208	
1	Đường gom dân sinh cao tốc Tp.HCM-Long Thành-Dầu Giây		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Tam An		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Đường vào khu dân cư 92 ha xã Long Đức		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
4	Mở rộng hệ thống cấp nước trên địa bàn xã An Phước		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
5	Điểm rác trung chuyển khu 13 xã Long Đức		-	-	UBND xã Bình An
6	Điểm rác trung chuyển khu 15 xã Long Đức		8.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 05
7	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Long Đức		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
8	Kiên cố Suối Ông Quế		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
9	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Lộc An		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
10	Cải tạo, sửa chữa đường Sa Cá	4300/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	11.534	11.534	Ban Quản lý dự án khu vực 05
11	Nâng cấp đường liên ấp 1 - 3 xã Phước Bình		40.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 05
12	Nâng cấp đường Bờ đê xã Long Đức		11.000	11.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
13	Điểm rác trung chuyển xã Bình An		-	-	UBND xã Bình An
14	Mương thoát nước ấp An Viêng, xã Bình An		-	-	UBND xã Bình An
15	Đường ấp Suối Quýt, xã Cẩm Đường		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
16	Hồ chứa nước Bình Sơn		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
17	Cầu Bình Sơn (ấp 8- ấp 1)		-	-	UBND xã Long Thành
18	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Sơn		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
19	Nạo vét mương thoát nước (đoạn từ QL51 đến đường cao tốc TP.HCM-Long Thành-Dầu Giây)		-	-	UBND xã Long Thành
20	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn Thị trấn Long Thành		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
21	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Long An		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
22	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Long Phước		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
23	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Phước Thái		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
24	Đường số 1 xã Tân Hiệp		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
25	Hệ thống chiếu sáng (đoạn cuối đường Tân Hiệp) xã Tân Hiệp	2907/QĐ-UBND ngày 07/4/2023	5.413	4.920	Ban Quản lý dự án khu vực 05
26	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Tân Hiệp,		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
27	Điểm rác trung chuyển xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
28	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Tân Hiệp		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
29	Đường Phước Bình-Bàu Cạn-Cẩm Đường		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
30	Đường nội bộ khu dân tộc Chơ Ro	14188/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	14.264	14.264	Ban Quản lý dự án khu vực 05
31	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Phước Bình		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
32	Điểm rác trung chuyển xã Bàu Cạn		8.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 05
33	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Bàu Cạn		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
34	Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu tái định cư Tân Hiệp (giai đoạn 2)		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
35	Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu tái định cư Long Đức (giai đoạn 2)		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
36	Hệ thống chiếu sáng khu 15 xã Long Đức	4465/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	1.950	1.772	UBND xã Bình An
37	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Tái định cư thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	623/QĐ-UBND ngày 11/3/2022	1.018	1.018	Ban Quản lý dự án khu vực 05
	Công trình Văn hóa - Trụ sở		96.524	15.424	
1	Trung tâm Văn hoá và học tập cộng đồng xã Tam An	4293/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	11.534	11.534	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Trụ sở Ban Chi huy Quân sự huyện Long thành		80.000	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Sửa chữa Ngân hàng chính sách huyện		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
4	Sửa chữa trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện	4302/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	2.112	2.112	Ban Quản lý dự án khu vực 05
5	Sửa chữa trụ sở Hội đồng y huyện Long Thành	9894/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	842	842	Ban Quản lý dự án khu vực 05
6	Xây dựng nhà văn hoá ấp 7 xã Bình Sơn		1.200	100	Ban Quản lý dự án khu vực 05
7	Sửa chữa Trụ sở HĐND- UBND xã Long An	4631/QĐ-UBND ngày 23/5/2022	836	836	UBND xã Long Thành
	Hỗ trợ các công trình XHH giao thông		351.512	77.925	
	Công trình trên địa bàn xã Tam An		6.979	2.732	
1	Nâng cấp đường liên ấp 4-5 xã Tam An	4297/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	4.524	1.810	UBND xã An Phước
2	Hèm 894 ấp 5 xã Tam An		-	-	UBND xã An Phước
3	Mương thoát nước hèm 588 xã Tam An	3684/QĐ-UBND ngày 17/4/2023	1.019	376	UBND xã An Phước
4	Mương thoát nước hèm 590 xã Tam An	3684/QĐ-UBND ngày 17/4/2023	1.436	546	UBND xã An Phước
5	Hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Tam An	9834/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	-	-	UBND xã An Phước
6	Hèm 868 ấp 4 xã Tam An		-	-	UBND xã An Phước
	Công trình trên địa bàn xã An Phước		4.747	1.270	
	Công trình XHH		4.747	1.270	
1	Hèm 268 đường ĐT Chất thải rắn xã An Phước	5760/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	2.344	852	UBND xã An Phước
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường điện hạ thế hèm 1008 xã An Phước		311	50	UBND xã An Phước
3	Cải tạo hèm 937 và Hèm 937/39 QL.51, xã An Phước	4019/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	736	368	UBND xã An Phước
4	Mở rộng hệ thống cấp nước trên địa bàn xã An Phước		-	-	UBND xã An Phước
5	Hèm 17 Đường ấp 7-8 xã An Phước		1.356	-	UBND xã An Phước
	Công trình trên địa bàn xã Long Đức		18.377	772	
	Công trình XHH		18.377	772	
1	Hèm 49 Đường Bờ dê - Long Đức	8395/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	916	351	UBND xã Bình An
2	Hèm 41 đường Lộc An - Đội 3		-	-	UBND xã Bình An
3	Hèm 109 đường Long Đức - Long An		-	-	UBND xã Bình An
4	Hèm 113 đường Long Đức - Long An		-	-	UBND xã Bình An
5	Hèm 85 đường Khu công nghiệp Long Đức		-	-	UBND xã Bình An
6	Nâng cấp hèm 64 đường Võ Thị Sáu		-	-	UBND xã Bình An

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
7	Hệ thống chiếu sáng khu 15 xã Long Đức	4465/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	1.950	-	UBND xã Bình An
8	Đường dây điện hạ thế khu 15 xã Long Đức	4466/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	794	421	UBND xã Bình An
9	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Long Đức		14.717	-	UBND xã Bình An
10	Bổ sung hệ thống thoát nước trên địa bàn xã Long Đức		-	-	UBND xã Bình An
	Công trình trên địa bàn xã Lộc An		18.618	5.841	
	Công trình XHH		18.618	5.841	
1	Sửa chữa Đường Bưng Cơ xã Lộc An	4842/QĐ-UBND ngày 31/5/2022	3.324	1.197	UBND xã Long Thành
2	Sửa chữa đường Bình Lâm - Bưng Cơ xã Lộc An	4889/QĐ-UBND ngày 31/5/2022	2.169	767	UBND xã Long Thành
3	Sửa chữa đường Thanh Bình 1 xã Lộc An	4887/QĐ-UBND ngày 31/5/2022	3.592	1.262	UBND xã Long Thành
4	Sửa chữa đường Thanh Bình xã Lộc An	4888/QĐ-UBND ngày 31/5/2022	2.283	807	UBND xã Long Thành
5	Sửa chữa đường Bình Lâm-Thanh Bình	4843/QĐ-UBND ngày 31/5/2022	1.721	609	UBND xã Long Thành
6	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Lộc An		2.682	-	UBND xã Long Thành
7	Sửa chữa đường Cầu Xe-Thanh Bình (đoạn 2)	4890/QĐ-UBND ngày 31/5/2022	2.847	1.200	UBND xã Long Thành
	Công trình trên địa bàn xã Bình An		24.066	4.901	
	Công trình XHH		24.066	4.901	
1	Đường liên ấp Bàu Tre đến giáp ấp 7 xã Bình Sơn thuộc xã Bình An		206	206	UBND xã Bình An
2	Hèm 4+5 ấp Bàu tre xã Bình An		103	103	UBND xã Bình An
3	Hèm tổ 3 ấp Bàu Tre xã Bình An	9568/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	231	69	UBND xã Bình An
4	Hèm tổ 2 ấp Bàu Tre, xã Bình An	9554/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	1.187	356	UBND xã Bình An
5	Đường tổ 10 ấp An Bình xã Bình An	9571/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	742	223	UBND xã Bình An
6	Đường Tổ 7 ấp An Bình xã Bình An		129	129	UBND xã Bình An
7	Đường số 7 ấp An Bình xã Bình An		129	129	UBND xã Bình An
8	Đường tổ 3 ấp An Viễn, xã Bình An		92	92	UBND xã Bình An
9	Đường tổ 4 ấp An Viễn, xã Bình An		87	87	UBND xã Bình An
10	Đường tổ 5 ấp An Viễn, xã Bình An		145	145	UBND xã Bình An
11	Đường tổ 14 ấp An Viễn, xã Bình An	9552/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	1.325	398	UBND xã Bình An
12	Mương thoát nước ấp An Viễn, xã Bình An		2.200	-	UBND xã Bình An
13	Đường tổ 1 ấp Sa Cá, xã Bình An	9553/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	3.504	1.051	UBND xã Bình An
	Đường nội đồng kênh sa cá xã Bình An				UBND xã Bình An
15	Hèm 21 Đường Cầu Mên xã Bình An	5561/QĐ-UBND ngày 16/6/2022	1.464	753	UBND xã Bình An
16	Đường điện hạ thế nội đồng ấp Sa Cá xã Bình An	6473/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	1.512	756	UBND xã Bình An
17	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Bình An		10.000		UBND xã Bình An
18	Đường tổ 2,3,8,9,10 ấp An Viễn xã Bình An		1.010	404	UBND xã Bình An
	Công trình trên địa bàn xã Cẩm Đường		15.247	2.050	
	Công trình XHH		15.247	2.050	
1	Hèm tổ 7, ấp Cẩm Đường (nối đường Suối Đục)		-	-	UBND xã Xuân Đường
2	Đường hèm tổ 7, ấp Cẩm Đường		-	-	UBND xã Xuân Đường
3	Nâng cấp hèm 453HL 10 ấp 1, xã Cẩm Đường		-	-	UBND xã Xuân Đường
4	Nâng cấp hèm 47 ấp Suối Quýt, xã Cẩm Đường		-	-	UBND xã Xuân Đường
5	Đường Cẩm Đường - Cầu Mên xã Cẩm Đường		-	-	UBND xã Xuân Đường
6	Đường hèm 80, xã Cẩm Đường		-	-	UBND xã Xuân Đường
7	Đường hèm 68, ấp Suối Quýt xã Cẩm Đường		-	-	UBND xã Xuân Đường

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
8	Đường hẻm 64/9, đường Cây Sung, xã Cẩm Đường	7833/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	3.431	1.202	UBND xã Xuân Đường
9	Nâng cấp đường Suối Đục HL 10		-	-	UBND xã Xuân Đường
10	Nâng cấp mới đường tổ 10 ấp Suối Quýt		-	-	UBND xã Xuân Đường
11	Đường điện hạ thế đường vận chuyển nông sản, ấp Cẩm Đường	90/QĐ-UBND ngày 13/01/2023	323	171	UBND xã Xuân Đường
12	Đường điện hạ thế hẻm tổ 7, ấp Cẩm Đường	2164/QĐ-UBND ngày 09/3/2023	340	182	UBND xã Xuân Đường
13	Đường điện hạ thế hẻm 80 xã Cẩm Đường		-	-	UBND xã Xuân Đường
14	Đường điện hạ thế hẻm 68 ấp Suối Quýt xã Cẩm Đường	87/QĐ-UBND ngày 13/01/2023	246	131	UBND xã Xuân Đường
15	Đường điện hạ thế hẻm 64/9 xã Cẩm Đường		-	-	UBND xã Xuân Đường
16	Đường điện hạ thế hẻm 563 Hương lộ 10, xã Cẩm Đường	85/QĐ-UBND ngày 13/01/2023	378	202	UBND xã Xuân Đường
17	Đường điện hẻm 525 ấp 1 xã Cẩm Đường	86/QĐ-UBND ngày 13/01/2023	249	132	UBND xã Xuân Đường
18	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Cẩm Đường		10.000	-	UBND xã Xuân Đường
19	Đường điện hẻm 471 ấp 1 xã Cẩm Đường		280	30	UBND xã Xuân Đường
	Công trình trên địa bàn xã Bình Sơn		15.035	1.170	
	Công trình XHH		15.035	1.170	
1	Hẻm 238/24 đường ĐT769 xã Bình Sơn		664	664	UBND xã Long Thành
2	Đường, mương thoát nước ấp 6, xã Bình Sơn		2.500	-	UBND xã Long Thành
3	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Sơn		10.607	-	UBND xã Long Thành
4	Đường và mương ấp Xóm Đình, xã Bình Sơn		1.264	506	UBND xã Long Thành
	Công trình trên địa bàn Thị trấn Long Thành		8.947	450	
	Công trình XHH		8.947	450	
1	Hẻm 86 Đường Lý Tự Trọng Thị Trấn Long Thành		125	50	UBND xã Long Thành
2	Hẻm 18 đường Hà Huy Giáp- Khu Văn Hải Thị Trấn Long Thành		300	-	UBND xã Long Thành
3	Đường Lê Lai khu Phước Thuận Thị Trấn Long Thành		900	50	UBND xã Long Thành
4	Đường Tạ Uyên khu Phước Thuận Thị Trấn Long Thành		900	50	UBND xã Long Thành
5	Đường Ngô Quyền khu Phước Thuận Thị Trấn Long Thành		689	50	UBND xã Long Thành
6	Hẻm 47, đường Tạ Uyên, Phước Thuận Thị Trấn Long Thành		293	-	UBND xã Long Thành
7	Hẻm 115, đường Chu Văn An, Phước Thuận Thị Trấn Long Thành		144	-	UBND xã Long Thành
8	Hẻm 107, đường Chu Văn An, Phước Thuận Thị Trấn Long Thành		101	-	UBND xã Long Thành
9	Hẻm số 1, đường Tạ Uyên, Phước Thuận Thị Trấn Long Thành		405	-	UBND xã Long Thành
10	Hẻm 22, đường Tạ Uyên, Phước Thuận Thị Trấn Long Thành		120	50	UBND xã Long Thành
11	Hẻm 9, đường Trần Nhân Tông, khu Cầu Xéo Thị trấn Long Thành		1.095	-	UBND xã Long Thành
12	Đường Ngô Hà Thành Thị trấn Long Thành (Đoạn Từ Nghĩa địa gò chùa đến ĐT769)		1.650	-	UBND xã Long Thành
13	Mương thoát nước hẻm 54 đường Trần Văn Trà, khu Văn Hải Thị trấn Long Thành,		196	50	UBND xã Long Thành
14	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn Thị trấn Long Thành		1.000	100	UBND xã Long Thành
15	Mương thoát nước hẻm 24 đường Trần Văn Trà, khu Văn Hải Thị trấn Long Thành,		729	50	UBND xã Long Thành
16	Đường Huỳnh Văn Lũy Khu Kim Sơn Thị trấn Long thành (Đoạn từ Tái định cư liên kim sơn đến đường Trần Quang Khải)		300	-	UBND xã Long Thành

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
	Công trình trên địa bàn xã Long An		25.564	2.010	
	Công trình XHH		25.564	2.010	
1	Đường điện hạ thế Tổ 4 ấp Xóm Gốc xã Long An		-	-	UBND xã Long Thành
2	Đường điện hạ thế Tổ 14 ấp Xóm Gốc xã Long An	9157/QĐ-UBND ngày 03/10/2023	250	250	UBND xã Long Thành
3	Đường điện hạ thế Tổ 7 ấp Xóm Trầu xã Long An		832	450	UBND xã Long Thành
4	Đường điện hạ thế Tổ 1 ấp 3 xã Long An		500	270	UBND xã Long Thành
5	Đường điện hạ thế Tổ 10, tổ 12 ấp Xóm Gốc xã Long An		500	-	UBND xã Long Thành
6	Mương thoát nước ấp 2, xã Long An		-	-	UBND xã Long Thành
7	Mương thoát nước ấp An Lâm, xã Long An	5761/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	2.577	940	UBND xã Long Thành
8	Mương thoát nước ấp Xóm Gốc, xã Long An		1.200	50	UBND xã Long Thành
9	Xây dựng kênh mương nội đồng ấp 3 - Xóm Trầu - Xóm Gốc xã Long An		9.000	-	UBND xã Long Thành
10	Nâng cấp các tuyến đường GTNT và xây dựng mương thoát nước trên địa bàn xã Long An		2.500	50	UBND xã Long Thành
11	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Long An	9833/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	8.205	-	UBND xã Long Thành
12	Hèm 135 đường Bưng Môn, ấp 4 xã Long An		-	-	UBND xã Long Thành
	Công trình trên địa bàn xã Long Phước		36.901	13.932	
	Công trình XHH		36.901	13.932	
1	Hèm 83 Hương Lộ 12 xã Long Phước	5298/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	1.421	577	UBND xã Long Phước
2	Hèm 2570 Quốc lộ 51 xã Long Phước	4298/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	1.193	477	UBND xã Long Phước
3	Đường nối từ hèm 157 đến hèm 157/4 đường Bàu Cạn xã Long Phước	4301/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	789	303	UBND xã Long Phước
4	Hèm 1969 QL51 giai đoạn 2 (đường cây xanh) xã Long Phước		1.800	50	UBND xã Long Phước
5	Hèm 2436 Quốc lộ 51, xã Long Phước	9904/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	3.841	1.358	UBND xã Long Phước
6	Hèm 2626 Quốc lộ 51 xã Long Phước	5931/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	3.901	2.043	UBND xã Long Phước
7	Hèm 33 đường khu 2 xã Long Phước	9901/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	847	290	UBND xã Long Phước
8	Đường tổ 30-31 xã Long Phước (Hèm 73 Khu 2)		612	50	UBND xã Long Phước
9	Hèm 2396 QL51 xã Long Phước			-	UBND xã Long Phước
10	Hèm 1895 QL51 đoạn từ Km0+105 đến Km0+415 (310m) xã Long Phước		446	50	UBND xã Long Phước
11	Hèm 2716 QL51 giai đoạn 2 xã Long Phước		1.296	50	UBND xã Long Phước
12	Hèm 88 đường 68 xã Long Phước		1.051	50	UBND xã Long Phước
13	Hèm 65 đường Bàu Cạn đoạn từ Km0+910 đến Km1+280 xã Long Phước		1.588	635	UBND xã Long Phước
14	Đường kênh B xã Long Phước			-	UBND xã Long Phước
15	Hèm 1969/18 QL51 (đường cây xanh đi kênh A) xã Long Phước		619	50	UBND xã Long Phước
16	Đường điện hạ thế ấp 5 xã Long Phước		1.000	50	UBND xã Long Phước
17	Đường điện hạ thế ấp Đất mới xã Long Phước		1.000	50	UBND xã Long Phước
18	Đường điện hạ thế ấp Xóm Gò - Bà Ký xã Long Phước	4295/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	3.497	1.749	UBND xã Long Phước
19	Đường điện hạ thế ấp Phước Hoà xã Long Phước		1.000	50	UBND xã Long Phước
20	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Long Phước		10.000	6.000	UBND xã Long Phước
21	Đường điện hạ thế ấp Tập Phước xã Long Phước		1.000	50	UBND xã Long Phước
	Công trình trên địa bàn xã Phước Thái		19.424	8.987	

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
	Công trình XHH		19.424	8.987	
1	Hèm 106 Đường Lê Đình Kỳ		160	50	UBND xã Phước Thái
2	Hèm 3186 Đường Quốc lộ 51		160	50	UBND xã Phước Thái
3	Hèm 67/2/8 Đường Tân Hiệp		200	50	UBND xã Phước Thái
4	Hèm 3124/2 Đường Quốc lộ 51		160	50	UBND xã Phước Thái
5	Hèm 19 Đường Phan Văn Lượm		160	50	UBND xã Phước Thái
6	Hèm 8 Đường Phan Văn Lượm		160	50	UBND xã Phước Thái
7	Hèm 21 Đường Phan Văn Lượm		192	50	UBND xã Phước Thái
8	Hèm 3 Đường Lê Hoàng Cầu		160	50	UBND xã Phước Thái
9	Đường Trần Thị Hóa		200	50	UBND xã Phước Thái
10	Hèm 39 Đường Phước Bình		140	50	UBND xã Phước Thái
11	Hèm 23 Đường Nguyễn Văn Khỏe		160	50	UBND xã Phước Thái
12	Hèm 47 đường Lê Đình Kỳ		180	50	UBND xã Phước Thái
13	Mở rộng Đường Thân Văn Oanh		800	50	UBND xã Phước Thái
14	Mở rộng Đường Mai Văn Quả	9841/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	4.097	1.390	UBND xã Phước Thái
15	Mở rộng Đường Nguyễn Văn Bé		-	-	UBND xã Phước Thái
16	Mở rộng hệ thống cấp nước trên địa bàn xã Phước Thái		11.495	6.897	UBND xã Phước Thái
17	Mở rộng Đường Trương Văn Hoàng		1.000	50	UBND xã Phước Thái
	Công trình trên địa bàn xã Tân Hiệp		78.619	19.633	
	Công trình XHH		78.619	19.633	
1	Đường Nguyễn Thị Mai xã Tân Hiệp	85 /QĐ-UBND ngày 14/01/2021	639	639	UBND xã Phước Thái
2	Đường Nguyễn Văn Công xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
3	Đường khu Láng Đế xã Tân Hiệp	9820/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	6.931	2.527	UBND xã Phước Thái
4	Đường khu Quảng Ngãi		-	-	UBND xã Phước Thái
5	Hèm 15 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
6	Hèm 33/10 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp		160	50	UBND xã Phước Thái
7	Đường ấp 4 (hèm 331 đường Tân Hiệp; hèm 55 đường số 1) xã Tân Hiệp	8750/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	1.531	601	UBND xã Phước Thái
8	Hèm 33 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
9	Đường ấp 4 (hèm 134 Đường số 1; hèm 122 đường số 3) xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
10	Hèm 128 Đường số 4, hèm 84 đường số 5 xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
11	Hèm 320 Đường số 4, hèm 168 đường số 5 xã Tân Hiệp		200	50	UBND xã Phước Thái
12	Đường vào suối Tân Hiệp xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
13	Hèm 8 đường khu Láng Đế xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
14	Hèm 15 đường khu Quảng Ngãi, xã Tân Hiệp	8751/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	1.314	516	UBND xã Phước Thái
15	Hèm 430 Đường Tân Hiệp xã Tân Hiệp	118 /QĐ-UBND ngày 15/01/2021	492	492	UBND xã Phước Thái
16	Hèm 13/6 - hèm 13 đường số 1 xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
17	Hèm 31 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
18	Hèm 31/5 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
19	Đường ấp 6 (hèm 12 Đường số 1; hèm 18 đường số 2) xã Tân Hiệp		160	50	UBND xã Phước Thái
20	Hèm 132/8 - hèm 132 đường Tân Hiệp xã Tân Hiệp		140	20	UBND xã Phước Thái
21	Hèm 373 Đường Tân Hiệp		480	20	UBND xã Phước Thái
22	Hèm 33/14 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp		140	20	UBND xã Phước Thái
23	Hèm 33/6 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp		-	20	UBND xã Phước Thái
24	Hèm 12/12 Đường số 9 xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
25	Hèm 13 đường khu Quảng Ngãi xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
26	Hèm 373/1 Đường khu Láng Đẽ xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
27	Hèm 7, hèm 15 đường khu Láng Đẽ xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
28	Hèm 432/1 Đường Tân Hiệp, Hèm 432/2 Đường Tân Hiệp		200	20	UBND xã Phước Thái
29	Hèm 446/1 Đường Tân Hiệp		160	20	UBND xã Phước Thái
30	Hèm 45 Đường liên ấp 1 - 5 xã Tân Hiệp		-	-	UBND xã Phước Thái
31	Nâng cấp đường Phan Văn Long xã Tân Hiệp		1.800	20	UBND xã Phước Thái
32	Nâng cấp đường Trần Văn Phát xã Tân Hiệp		1.600	20	UBND xã Phước Thái
33	Nâng cấp đường Nguyễn Thị Mai xã Tân Hiệp (đoạn từ đường Tân Hiệp đến đường D5)	9154/QĐ-UBND ngày 03/10/2023	4.263	1.537	UBND xã Phước Thái
34	Nâng cấp đường Võ Thị Nhạn xã Tân Hiệp		1.800	20	UBND xã Phước Thái
35	Nâng cấp đường Nguyễn Thị Nhẫn xã Tân Hiệp (từ đường D1 đến đường Phước Bình - Bàu Cạn - Cẩm Đường)	9155/QĐ-UBND ngày 03/10/2023	13.832	5.088	UBND xã Phước Thái
36	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Bình xã Tân Hiệp		1.600	20	UBND xã Phước Thái
37	Nâng cấp đường Đinh Phú Sĩ, xã Tân Hiệp	9157/QĐ-UBND ngày 03/10/2023	12.515	4.445	UBND xã Phước Thái
38	Nâng cấp đường Lê Di xã Tân Hiệp		1.200	20	UBND xã Phước Thái
39	Nâng cấp Hèm 330 đường Tân Hiệp, xã Tân Hiệp	9971/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	9.751	3.318	UBND xã Phước Thái
40	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Công xã Tân Hiệp		1.200	50	UBND xã Phước Thái
41	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Tân Hiệp		14.511	-	UBND xã Phước Thái
42	Đường dây hạ thế sau các TBA khu trung tâm xã Tân hiệp		2.000	50	UBND xã Phước Thái
	Công trình trên địa bàn xã Phước Bình		33.499	5.575	
	Công trình XHH		33.499	5.575	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường liên ấp 4-5 xã Phước Bình		1.541	50	UBND xã Phước Thái
2	Nâng cấp, sửa chữa hèm 702 ấp 7 xã Phước Bình		1.519	437	UBND xã Phước Thái
3	Nâng cấp, sửa chữa đường hèm 2937 ấp 2 - 3, xã Phước Bình		-	-	UBND xã Phước Thái
4	Nâng cấp, sửa chữa đường hèm 2937 ấp 2, xã Phước Bình	8753/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	3.517	1.273	UBND xã Phước Thái
5	Nâng cấp, sửa chữa đường hèm 305 ấp 3 xã Phước Bình		3.600	1.440	UBND xã Phước Thái
6	Nâng cấp, sửa chữa đường hèm 259 - ranh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xã Phước Bình		1.000	150	UBND xã Phước Thái
7	Nâng cấp, sửa chữa đường hèm 2989, xã Phước Bình	8753/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	3.286	1.154	UBND xã Phước Thái
8	Đường hèm 164 (liên ấp 1-2), xã Phước Bình		-	-	UBND xã Phước Thái

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
9	Đường hẻm 145 tổ 3-4 ấp 3, xã Phước Bình		1.000	-	UBND xã Phước Thái
10	Đường hẻm 5 đường liên ấp 1-3, xã Phước Bình	9903/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	1.531	571	UBND xã Phước Thái
11	Đường điện hạ thế hẻm 313 tổ 4+5 ấp 5 xã Phước Bình		350	50	UBND xã Phước Thái
1	Đường hẻm tổ 12 ấp 1 (Hẻm 134) xã Phước Bình		300	50	UBND xã Phước Thái
13	Đường hẻm tổ 10 ấp 1 xã Phước Bình (hẻm 272 đường Phước Bình)		640	50	UBND xã Phước Thái
14	Đường tổ 11 ấp 3 xã Phước Bình (Hẻm 2937/97)		340	50	UBND xã Phước Thái
15	Đường tổ 8 ấp 3 (Hẻm 219, đường vào nghĩa địa ấp 3) xã Phước Bình		218	50	UBND xã Phước Thái
16	Hẻm 299 đường ranh BRVT		240	50	UBND xã Phước Thái
17	Đường Tổ 1 ấp 4 xã Phước Bình (Hẻm 105 đường ranh BRVT)		218	50	UBND xã Phước Thái
18	Đường tổ 3, tổ 4 ấp 3 (Hẻm 145, đường cổng NHV ấp) xã Phước Bình		160	50	UBND xã Phước Thái
19	Đường hẻm 313 tổ 4 tổ 5 ấp 5 đầu nối tiếp xã Phước Bình		189	50	UBND xã Phước Thái
20	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Phước Bình		12.890	-	UBND xã Phước Thái
21	Đường hẻm 386 đầu nối 2 nhánh tổ 6 và tổ 9 ấp 5 xã Phước Bình		960	50	UBND xã Phước Thái
	Công trình trên địa bàn xã Bàu Cạn		45.489	8.602	
	Công trình XHH		45.489	8.602	
1	Hẻm 126 Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp	9045/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	1.429	535	UBND xã Long Phước
2	Hẻm 712 Đường Bàu Cạn		1.360	-	UBND xã Long Phước
3	Hẻm 770 Đường Bàu Cạn	4296/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	3.560	1.225	UBND xã Long Phước
4	Hẻm 130 Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp	9029/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	1.196	429	UBND xã Long Phước
5	Hẻm 138 Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp	9044/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	1.480	531	UBND xã Long Phước
6	Hẻm 447 Đường Bàu Cạn	4294/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	1.199	436	UBND xã Long Phước
7	Hẻm 523 Đường Bàu Cạn (tổ 3 ấp 5)		1.000	-	UBND xã Long Phước
8	Hẻm 26 + Hẻm 540 Đường liên ấp 4,5 xã Bàu Cạn		740	-	UBND xã Long Phước
9	Hẻm 456 Đường Bàu Cạn		1.382	-	UBND xã Long Phước
10	Hẻm 749 Đường Bàu Cạn		1.254	-	UBND xã Long Phước
11	Hẻm 751/2 Đường Bàu Cạn		4.591	-	UBND xã Long Phước
12	Hẻm 139 đường Cây Cày - Suối Le, xã Bàu Cạn	5683/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	4.591	1.836	UBND xã Long Phước
13	Hẻm 540 đường Bàu Cạn, xã Bàu Cạn	9043/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	1.835	719	UBND xã Long Phước
14	Hẻm 95 đường Ngã 3 Cây Cày - Suối le		1.543	-	UBND xã Long Phước
15	Hẻm 55 Đường Cây Cày đi Suối Le		1.400	-	UBND xã Long Phước
16	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Bàu Cạn		9.147	-	UBND xã Long Phước
17	Hẻm 16/2 đường suối Tân Hiệp, xã Bàu Cạn	9645/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	2.545	944	UBND xã Long Phước
18	Hẻm 22 đường khu Láng Đế, xã Bàu Cạn	9650/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	1.820	692	UBND xã Long Phước
19	Hẻm 46 Đường ngã 3 Cây Cày - Suối Le	9653/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	3.187	1.205	UBND xã Long Phước
20	Đường điện hạ thế tổ 3, ấp 8 xã Bàu Cạn	121 /QĐ-UBND ngày 15/01/2021	230	50	UBND xã Long Phước
A.3.3	NGUỒN KẾT DƯ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT		1.852.919	440.000	
	Các dự án khởi công mới 2021 - 2025		1.852.919	440.000	
	Công trình giáo dục		9.541	9.541	
1	Sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Long Thành		9.541	9.541	Ban Quản lý dự án khu vực 05
	Công trình Văn hóa - Trại sở		233.398	65.221	
1	Xây dựng nhà Văn hóa ấp 2 xã An Phước		7.737	7.737	UBND xã An Phước

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
2	Xây dựng nhà Văn hóa ấp 6 xã An Phước		7.737	7.737	UBND xã An Phước
3	Xây dựng nhà Văn hóa ấp 8 xã An Phước		8.850	8.850	UBND xã An Phước
4	Xây dựng nhà Văn hóa khu Phước Hải		12.777	-	UBND xã Long Thành
5	Xây dựng nhà Văn hóa khu Văn Hải		14.900	-	UBND xã Long Thành
6	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Suối Trầu xã Lộc An	5544/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	5.871	5.871	UBND xã Long Thành
7	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Hàng Gòn xã Lộc An	5549/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	4.374	4.374	UBND xã Long Thành
8	Xây dựng Nhà văn hóa ấp An Lâm, xã Long An		8.000	8.000	UBND xã Long Thành
9	Xây dựng Nhà văn hóa khu 14 xã Long Đức		8.500	8.500	UBND xã Bình An
10	Xây dựng Nhà văn hóa khu 15 xã Long Đức		8.500	8.500	UBND xã Bình An
11	Sửa chữa Trụ sở HĐND - UBND huyện Long Thành		10.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 05
12	Sửa chữa, chỉnh trang Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao		100.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 05
13	Dự án Đài Truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - Viễn thông huyện Long Thành		18.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 05
14	Sửa chữa Ngân hàng chính sách huyện		1.998	1.998	Ban Quản lý dự án khu vực 05
15	Xây dựng tường rào nhà Văn hóa dân tộc Chăm, xã Bình Sơn		1.234	1.234	UBND xã Long Thành
16	Xây dựng nhà Văn hóa ấp An Bình, xã Bình An		6.300	100	UBND xã Bình An
17	Xây dựng nhà Văn hóa ấp Sa Cá, xã Bình An		7.900	100	UBND xã Bình An
18	Xây dựng mới hàng rào Nhà văn hóa dân tộc Chơ ro xã Phước Bình		720	720	UBND xã Phước Thái
	Công trình giao thông, hạ tầng		1.609.980	365.238	
1	Nâng cấp mở rộng đường Lê Duẩn (Quốc lộ 51A) huyện Long Thành	512/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	1.027.000	229.631	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Hạ tầng khu Tái định cư tại xã Long Phước, huyện Long Thành	5999/QĐ-UBND ngày 9/6/2023	364.722	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Hệ thống đèn chiếu sáng Đường Ngã ba Cây Cày - Suối Le xã Bầu Cạn	9657/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	7.047	4.523	Ban Quản lý dự án khu vực 05
4	Hệ thống đèn chiếu sáng Đường Bầu Cạn - Suối Trầu	9648/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	5.942	5.285	Ban Quản lý dự án khu vực 05
5	Hệ thống đèn chiếu sáng Đường Bầu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường	9651/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	11.659	11.429	Ban Quản lý dự án khu vực 05
6	Hệ thống chiếu sáng đường Cầu Mên (đoạn từ ĐT.769 đến Hương lộ 10)	9652/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	10.160	9.105	Ban Quản lý dự án khu vực 05
7	Hệ thống đèn chiếu sáng Đường Sa Cá xã Bình An	9658/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	4.144	3.832	Ban Quản lý dự án khu vực 05
8	Hệ thống đèn chiếu sáng Đường Phước Bình (đoạn từ khu dân tộc Chơ ro đến cuối tuyến)	9646/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	7.601	6.734	Ban Quản lý dự án khu vực 05
9	Bổ sung hệ thống thoát nước trên địa bàn xã Long Đức		11.982	11.982	UBND xã Bình An
10	Mương thoát nước ấp An Viễn xã Bình An	10060/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	5.840	5.472	UBND xã Bình An
11	Xây dựng mương thoát nước đường Thanh Bình xã Lộc An		5.064	5.064	UBND xã Long Thành
12	Xây dựng mương thoát nước đường Bình Lâm - Bung Cờ xã Lộc An		6.862	100	UBND xã Long Thành
13	Xây dựng mương thoát nước đường Bung Cờ xã Lộc An		12.766	100	UBND xã Long Thành
14	Bổ sung hệ thống thoát nước trên địa bàn xã Lộc An		6.000	6.000	UBND xã Long Thành
15	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Long An	9833/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	8.205	5.744	UBND xã Long Thành
16	Hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Tam An	9834/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	3.812	2.668	UBND xã An Phước
17	Mở rộng hệ thống cấp nước trên địa bàn xã An Phước		14.251	8.551	UBND xã An Phước
18	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Long Đức		14.717	8.830	UBND xã Bình An
19	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Lộc An		433	217	UBND xã Long Thành

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
20	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Sơn		10.607	6.364	UBND xã Long Thành
21	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Tân Hiệp		14.511	8.707	UBND xã Phước Thái
22	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Bàu Cạn		9.147	5.488	UBND xã Long Phước
23	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Phước Bình		12.890	7.720	UBND xã Phước Thái
24	Nâng cấp đường và mương thoát nước tuyến đường ấp 1 - 9 xã Bình Sơn		5.964	100	UBND xã Long Thành
25	Nâng cấp đường và mương thoát nước tuyến đường ấp 8 xã Bình Sơn		6.581	100	UBND xã Long Thành
26	Nâng cấp đường và mương thoát nước Hẻm 238 đường ĐT.769, xã Bình Sơn		2.576	50	UBND xã Long Thành
27	Mở rộng hệ thống cấp nước trên địa bàn xã Tam An giai đoạn 2		8.155	100	UBND xã An Phước
28	Sửa chữa đường và mương thoát nước các tuyến đường ấp 1 xã Tam An		5.461	5.461	UBND xã An Phước
29	Sửa chữa đường và mương thoát nước các tuyến đường ấp 2 xã Tam An		3.289	3.289	UBND xã An Phước
30	Sửa chữa đường và mương thoát nước các tuyến đường ấp 3, ấp 5 xã Tam An		2.592	2.592	UBND xã An Phước
A.3.4	CÁC CÔNG TRÌNH CÓ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ LỚN DỰ KIẾN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN KHÁC (NGUỒN KHAI THÁC QUỸ ĐẤT LỢI THẾ VÀ NGUỒN ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI ĐỊA PHƯƠNG)		19.417.318	6.158.810	
1	Đường Trần Phú (đường N7) đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường tỉnh ĐT 771 huyện Long Thành	9177/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	1.352.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Nâng cấp đường Hương lộ 21		511.166	460.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
3	Đường Nguyễn Du		1.256.480	120.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
4	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đoạn từ đường Trần Phú đến đường 25A)	10413/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	1.294.773	800.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
5	Đường Chu Văn An ra Phạm Văn Đồng và đoạn từ TTVH.TT huyện ra hẻm 224 xã An Phước.		85.000	32.756	Ban Quản lý dự án khu vực 05
6	Đường Nguyễn Hữu Cánh (Đoạn từ Võ Thị Sáu đến Vũ Hồng Phô) thị trấn Long Thành.		105.558	58.204	Ban Quản lý dự án khu vực 05
7	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Võ Thị Sáu đến đường Vũ Hồng Phô) xã Long Đức	6570/QĐ-UBND ngày 02/11/2020	78.355	79.355	Ban Quản lý dự án khu vực 05
8	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Hai Bà Trưng đến chợ Long Thành) Thị trấn Long Thành		110.000	110.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
9	Nâng cấp mở rộng đường Lê Duẩn (Quốc lộ 51A) huyện Long Thành	512/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	1.027.000	372.752	Ban Quản lý dự án khu vực 05
10	Trụ sở Công an Thị trấn Long Thành		15.000	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
11	Trụ sở Công an xã Phước Thái		15.000	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
12	Trụ sở Công an xã Phước Bình		15.000	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
13	Trụ sở HĐND-UBND xã Tân Hiệp		69.100	68.500	Ban Quản lý dự án khu vực 05
14	Trụ sở HĐND-UBND xã Long Phước		66.606	66.106	Ban Quản lý dự án khu vực 05
15	Trường Tiểu học Tân Thành		79.205	69.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
16	Trường Mầm non Tân Thành, xã Bàu Cạn		60.068	30.068	Ban Quản lý dự án khu vực 05
17	Trụ sở HĐND-UBND xã Long Đức		68.640	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
18	Trụ sở HĐND-UBND xã Bình An		68.887	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05
19	Trụ sở HĐND-UBND xã Bàu Cạn		71.556	-	Ban Quản lý dự án khu vực 05

TT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Chủ đầu tư
		Số, ngày	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6
20	Trường Trung học cơ sở An Phước (phân hiệu ấp 7)		31.000	30.900	Ban Quản lý dự án khu vực 05
21	Trường Tiểu học Tam An (phân hiệu ấp 5)		31.000	30.900	Ban Quản lý dự án khu vực 05
22	Nâng cấp đường liên ấp 1 - 3 xã Phước Bình		40.000	39.500	Ban Quản lý dự án khu vực 05
23	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Cẩm Đường		10.000	7.000	UBND xã Xuân Đường
24	Mở rộng hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn xã Bình An		10.000	7.000	UBND xã Bình An
25	Đường Tân Hiệp		496.000	497.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
26	Đường Bàu Cạn		671.000	672.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
27	Hạ tầng Khu tái định cư tại thị trấn Long Thành (47,0137ha).		1.649.000	1.650.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
28	Khu Tái định cư xã Tân Hiệp (giai đoạn 2) 20ha		130.000	31.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
29	Khu Tái Định cư Long Đức (35,5ha)		305.675	103.675	Ban Quản lý dự án khu vực 05
30	Hạ tầng khu Tái định cư tại xã Long Đức, huyện Long Thành	5799/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	288.476	193.986	Ban Quản lý dự án khu vực 05
31	Hạ tầng khu Tái định cư tại xã Long Phước, huyện Long Thành	5999/QĐ-UBND ngày 9/6/2023	364.722	308.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
32	Đường Long Đức - Lộc An		267.345	237.053	Ban Quản lý dự án khu vực 05
33	Mở rộng hệ thống cấp nước trên địa bàn xã Tam An giai đoạn 2		8.155	8.055	UBND xã An Phước
34	Khu Công viên vào Sân Bay Quốc tế Long Thành xã Lộc An		20.000	21.000	Ban Quản lý dự án khu vực 05
A.4	NGÂN SÁCH TỈNH (từ nguồn HTMT cho cấp huyện cũ)		421.219	80.398	
1	Trường TH Long Thành C, xã Long Đức	158/QĐ-UBND ngày 14/01/2022	71.219	49.106	Ban Quản lý dự án khu vực 05
2	Đường Long Đức - Lộc An		350.000	31.292	Ban Quản lý dự án khu vực 05
A.5	NGUỒN VỐN DOANH NGHIỆP HỖ TRỢ		79.771	79.771	
	Xây dựng tuyến đường QH1 (đoạn 1 và đoạn 3) tại xã An Phước, xã Long Đức		79.771	79.771	Ban Quản lý dự án khu vực 05

Phụ lục III.6

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			TỔNG SỐ		8.265.352	40.500	2.908.005	
I			Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		3.789.659	-	1.543.911	
	7-Giáo dục		Giáo dục (26 dự án)		665.985	-	437.974	-
1			Cải tạo, sửa chữa trường THCS Vĩnh Thanh	5764/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	11.781		5.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
2			Cải tạo, sửa chữa trường MN Hiệp Phước	5765/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	2.340		850	Ban Quản lý dự án khu vực 06
3			Cải tạo, sửa chữa Trường TH Vĩnh Thanh 2	5633/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	7.866		3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
4			Đầu tư hoàn chỉnh trường TH Vĩnh Thanh 1 (Cơ sở Ấp Hòa Bình)	5887/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	28.339		10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
5			Cải tạo, sửa chữa trường TH Phú Hữu	5667/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	5.324		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
6			Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Phú Hữu	5668/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	4.115		3.050	Ban Quản lý dự án khu vực 06
7			Trường THCS Long Tân (gđ 2)	5746/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	20.909		13.849	Ban Quản lý dự án khu vực 06
8			Sửa chữa trường MN Nhơn Nghĩa	5779/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.057		2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
9			Trường MN Long Thọ 2	7384/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	38.168		25.625	Ban Quản lý dự án khu vực 06
10			Trường THCS Long Thọ 2	4160/QĐ-UBND ngày 21/8/2019	94.717		87.800	Ban Quản lý dự án khu vực 06
11			Cải tạo, sửa chữa Trường TH Long Thọ cơ sở 1 và cơ sở 3, huyện Nhơn Trạch	5623/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	6.231		2.200	Ban Quản lý dự án khu vực 06
12			Trường mẫu giáo Phú Hội	1716/QĐ-UBND ngày 23/3/2018	30.600		20.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
13			Mở rộng Trường THCS Hiệp Phước	5888/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	21.673		13.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
14			Mở rộng Trường THCS Phú Hội	6214/QĐ-UBND ngày 13/9/2018	44.686		40.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
15			Trường TH Long Thọ 2	3188/QĐ-UBND ngày 11/7/2019	93.211		58.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
16			Mở rộng trường THCS Đại Phước	1887/QĐ-UBND ngày 01/06/2021	22.750		25.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
17			Trường Mầm non Phú Hữu ấp Cầu Kê	5669/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	10.123		9.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
18			Trường Tiểu học Đại Phước	5515/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	14.166		13.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
19			XD 4 phòng học trường MN Hiệp Phước	3701/QĐ-UBND ngày 19/09/2022	8.117		7.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
20			Sửa chữa trường TH Phú Thạnh	5766/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	10.256		6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
21			Trường TH Phước An (ấp Vũng Gấm)	2381/QĐ-UBND ngày 28/05/2019	41.909		45.684	Ban Quản lý dự án khu vực 06
22			Trường TH Long Tân (giai đoạn 2)	7296/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	11.429		500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
23			Trường TH Phước Thiện 2 (cơ sở 2)	7236/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	33.926		2.316	Ban Quản lý dự án khu vực 06
24			Trường TH Phước Thiện 2 (giai đoạn 2)	7386/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	23.940		1.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
25			SC trường THCS Phước Thiện	7385/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	32.530		3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
26			Mở rộng trường Tiểu học Phú Đông	3118/QĐ-UBND ngày 12/08/2022	40.822		33.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
	17-Giao thông		Giao thông (24 dự án)		1.744.465	-	514.662	
27			Nâng cấp mở rộng đường số 2	5099/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	359.909		171.900	Ban Quản lý dự án khu vực 06
28			Đường 25C đoạn 2 (từ đường số 9 đến HL19)	5306/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	749.757		30.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
29			Nâng cấp trải nhựa đường D9	4884/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	160.000		31.800	Ban Quản lý dự án khu vực 06
30			Đường liên xã Hiệp Phước - Long Thọ	7262/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	6.524		4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
31			Đường nối N1 (khu TĐC Hiệp Phước 3 đến đường Hùng Vương)	5305/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	11.435		9.550	Ban Quản lý dự án khu vực 06
32			Nâng cấp đường Cây Dầu	5785/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	30.260		15.497	Ban Quản lý dự án khu vực 06
33			Nâng cấp mở rộng đường Võ Thị Sáu xã Phú Đông (đoạn từ đường Hùng Vương đến chùa Pháp Vân)	7258/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	14.961		7.894	Ban Quản lý dự án khu vực 06
34			Mở rộng đường Trần Nam Trung (đốc 30) xã Phú Đông	3681/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	8.100		7.385	Ban Quản lý dự án khu vực 06
35			Đường Lê Hồng Phong nối dài, huyện Nhơn Trạch	5687/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	231.138		169.423	Ban Quản lý dự án khu vực 06
36			Đường Chấn nước nối dài đến KCN 1, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch	5884/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.809		4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
37			Đường từ nhà máy nước formosa đến KCN 1	2440/QĐ-UBND ngày 02/8/2012	14.760		2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
38			Đường Ranh khu TĐC Hiệp Phước 3	2247/QĐ-UBND ngày 25/6/2015	21.605		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
39			Mương thoát nước dọc đường Hùng Vương đoạn còn lại xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch	5442/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	8.000		6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
40			Mương thoát nước dọc đường Hùng Vương (đoạn qua ấp thống nhất, ấp đại thắng, ấp chính Nghĩa và ấp Thành Công) xã Vĩnh Thanh, huyện Nhon Trạch	5440/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	8.000		6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
41			Nâng cấp đường liên ấp 1-2 xã Long Thọ	650/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.107		6.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
42			Mương thoát nước dọc đường Hùng Vương đoạn ấp Bà Trường xã Phước An	7958/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	14.350		12.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
43			Mương thoát nước dọc đường Hùng Vương đoạn ấp Bàu Bông xã Phước An	7959/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	14.750		12.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
44			Mương thoát nước dọc đường Hùng Vương đoạn ấp Quới Thạnh, xã Phước An	7255/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	10.000		3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
45			Mương thoát nước dọc đường Hùng Vương đoạn từ cống vắn hóa ấp 5 Long Thọ đến giáp ranh xã Phước An	7290/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	10.000		5.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
46			Lát gạch vỉa hè đường Hùng Vương, đoạn qua xã Long Thọ	3685/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	15.000		8.813	Ban Quản lý dự án khu vực 06
47			Lát gạch vỉa hè đường Hùng Vương, đoạn qua xã Phước An	3684/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	15.000		-	Ban Quản lý dự án khu vực 06
48			Lát gạch vỉa hè đường Hùng Vương, đoạn qua xã Vĩnh Thanh	3686/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	15.000		-	Ban Quản lý dự án khu vực 06
49			Lát gạch vỉa hè đường Hùng Vương, đoạn qua xã Đại Phước	3687/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	3.000		-	Ban Quản lý dự án khu vực 06
50			Lát gạch vỉa hè đường Hùng Vương, đoạn qua xã Phú Đông	3688/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	10.000		-	Ban Quản lý dự án khu vực 06
	18-Cấp nước, thoát nước		Cấp, thoát nước (7 dự án)		61.090	-	26.987	
51			Hệ thống cấp nước xã Phú Đông	7337/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.913		13.800	Ban Quản lý dự án khu vực 06
52			Mương thoát nước hạ lưu liên ấp 1-2 TT Hiệp Phước	7287/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.000		3.400	Ban Quản lý dự án khu vực 06
53			Mương thoát nước hạ lưu công vắn hóa ấp 4 - thị trấn Hiệp Phước	7288/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.700		6.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
54			Mương thoát nước hạ lưu đường Hùng Vương đoạn Km30+786 xã Phú Đông	7260/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	5.176		1.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
55			Hệ thống cấp nước Xã Long Tân, huyện Nhon Trạch	7335/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	13.409		500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
56			Mương thoát nước hạ lưu đường HV đoạn Km31+881 xã Phú Đông	7259/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.193		587	Ban Quản lý dự án khu vực 06
57			Hệ thống cấp nước xã Phú Thạnh, huyện Nhon Trạch	7336/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	12.699		500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
	9- QLNN		Quản lý Nhà nước (7 dự án)		1.103.176	-	550.888	
58			ĐTXD mới nhà làm việc UBMTTQVN và các đoàn thể CT-XH huyện + SC, cải tạo trụ sở làm việc Huyện ủy Nhon Trạch	3438/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	15.725		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
59			Hạ tầng TĐC Phước Thiện (trả nợ Quỹ đầu tư phát triển)	3297/QĐ-UBND ngày 17/12/2021			50.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
60			Hạ tầng TĐC Phước An	3637/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	489.788		255.028	Ban Quản lý dự án khu vực 06
61			Hạ tầng TĐC Phú Hội	242/QĐ-UBND ngày 15/02/2022	392.407		234.760	Ban Quản lý dự án khu vực 06
62			Hạ tầng TĐC Vĩnh Thanh	784/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	200.000		100	Ban Quản lý dự án khu vực 06
63			Hàng rào trụ sở UBND xã Phú Đông	4706/QĐ-UBND ngày 16/11/2020	1.663		1.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
64			Nâng cấp, SC trụ sở và mở rộng phòng làm việc UBND xã Phước Khánh	5857/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.593		4.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
			Anh ninh (5 dự án)		32.940	-	29.100	
65			Trụ sở Công an xã Phước An	5763/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	6.125		3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
66			Trụ sở công an xã Long Tân	7795/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	5.205		6.600	Ban Quản lý dự án khu vực 06
67			Trụ sở công an xã Phú Hữu	4251/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	7.209		6.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
68			Trụ sở CA xã Phú Hội	7254/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	6.667		6.200	Ban Quản lý dự án khu vực 06
69			Trụ sở công an xã Phước Khánh	426/QĐ-UBND ngày 25/04/2022	7.734		6.600	Ban Quản lý dự án khu vực 06
	10-Quốc phòng		Quốc phòng (3 dự án)		26.104	0	23.200	
70		7004686	XD nhà huấn luyện Đại đội DQCB, khu HL điều lệnh và các hạng mục phụ trợ SSCĐ	5778/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	14.978		14.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
71			Trụ sở BCH quân sự xã Phú Thạnh	4455/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	2.317		2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
72			Chốt dân quân thường trực khu công nghiệp Ông Kèo	7297/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	8.809		7.200	Ban Quản lý dự án khu vực 06
	12-Văn hóa		Văn hóa (02)		28.945	-	14.000	
73			Trung tâm VH TT-HTCĐ xã Vĩnh Thanh	3432/QĐ-UBND ngày 31/08/2022	17.575		8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
74			Trung tâm VH TT-HTCĐ xã Phú Hội	4850/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	11.370		6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
			Quy hoạch (8)		51.638	-	16.800	
75			Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 phân khu 1	406/QĐ-UBND ngày 06/02/2020	5.578		3.200	Ban Quản lý dự án khu vực 06
76			QH phân khu 6.2 theo điều chỉnh QH chung đô thị mới Nhơn Trạch đến năm 2035 và tầm nhìn đến 2050	328/QĐ-UBND ngày 21/01/2020	8.376		3.900	Ban Quản lý dự án khu vực 06
77			QH phân khu tỷ lệ 1/5000 phân khu 2.1 theo điều chỉnh QH chung đô thị mới Nhơn Trạch đến năm 2035 và tầm nhìn đến 2050	329/QĐ-UBND ngày 21/01/2020	5.369		2.100	Ban Quản lý dự án khu vực 06
78			QH phân khu tỷ lệ 1/5000 phân khu 2.2 theo điều chỉnh QH chung đô thị mới Nhơn Trạch đến năm 2035 và tầm nhìn đến 2050	330/QĐ-UBND ngày 21/01/2020	4.172		1.200	Ban Quản lý dự án khu vực 06

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
79			QH phân khu tỷ lệ 1/5000 phân khu 2.3 theo điều chỉnh QH chung đô thị mới Nhơn Trạch đến năm 2035 và tầm nhìn đến 2050	407/QĐ-UBND ngày 06/02/2020	4.526		900	Ban Quản lý dự án khu vực 06
80			Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 phân khu 4	5045/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	6.992		1.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
81			Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 phân khu 7	5038/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	7.669		1.800	Ban Quản lý dự án khu vực 06
82			QH phân khu tỷ lệ 1/5000 phân khu 6.1 theo điều chỉnh QH chung đô thị mới Nhơn Trạch đến năm 2035 và tầm nhìn đến 2050	5040/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	8.956		2.200	Ban Quản lý dự án khu vực 06
II			Dự án mới trong giai đoạn 2021-2025		4.435.438	40.500	1.355.774	
	7-Giáo dục		Giáo dục (26)		1.156.900	-	199.400	
1			Trường Tiểu học Phú Đông	3702/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	70.506		30.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
2			Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Phước Thiện	5947/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	9.285		7.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
3			Trường MG Phước Thiện (cơ sở 1)	3695/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	14.900		10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
4			Trường MG Phước Thiện (cơ sở 2)	3694/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	10.217		8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
5			Trường TH Phước Lai (Cải tạo, sửa chữa khối cũ)	5393/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	6.543		6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
6			Mở rộng trường MN Phước Long	3774/QĐ-UBND ngày 26/08/2022	6.770		6.400	Ban Quản lý dự án khu vực 06
7			Trường MN Vĩnh Thanh ấp Thành Công 1 (xây thêm 04 phòng học)	5406/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	10.303		9.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
8			Trường MN Phước An (Cải tạo, sửa chữa)	4710/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.505		8.200	Ban Quản lý dự án khu vực 06
9			Trường Mầm non Phước An 2	4709/QĐ-UBND ngày 31/11/2021	31.448		20.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
10			Trường TH Phước Khánh (Xây dựng thêm 15 phòng học trong khuôn viên đất hiện hữu) (giai đoạn 2)	5916/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	14.994		14.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
11			Trường TH Long Tân (Cải tạo, sửa chữa khối cũ)	5392/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	4.691		4.100	Ban Quản lý dự án khu vực 06
12			Đầu tư hoàn chỉnh TH Phú Đông ấp Giồng Ông Đông	4685/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	20.785		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
13			Trường MN Phú Đông	3698/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	31.882		4.600	Ban Quản lý dự án khu vực 06
14			Trường mầm non Đại Phước	3692/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	95.549		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
15			Trường tiểu học Đại Phước	3693/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	120.034		10.900	Ban Quản lý dự án khu vực 06
16			Trường mầm non Phú Hữu	3704/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	87.731		7.300	Ban Quản lý dự án khu vực 06
17			Trường tiểu học Phú Hữu	3703/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	95.017		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
18			Trường Tiểu Học Long Thọ 3	3798/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	100.214		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
19			Trường Mầm non Long Thọ 3	3797/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	91.199		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
20			Trường THCS Long Thọ 3	3799/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	103.705		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
21			Trường Tiểu học thị trấn Hiệp Phước 2	3800/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	68.797		11.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
22			Trường THCS thị trấn Hiệp Phước 2	3801/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	93.755		3.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
23			Nâng cấp, SC trường THCS Phước Khánh	2132/QĐ-UBND ngày 13/06/2022	10.643		17.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
24			Đầu tư hoàn chỉnh trường TH Phú Hội	3433/QĐ-UBND ngày 31/08/2022	14.923		12.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
25			Cải tạo, sửa chữa trường THCS Dương Văn Thi	2422/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	13.644		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
26			Mở rộng trường mầm non Phú Đông	2208/QĐ-UBND ngày 25/6/2021	18.860		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
	9- QLNN		Quản lý nhà nước (10)		558.554	40.500	147.249	
27			Hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư Hiệp Phước 3 (Giai đoạn 2), huyện Nhơn Trạch (Điều chỉnh)	4586/QĐ-UBND ngày 04/11/2020	250.000	40.000	76.049	Ban Quản lý dự án khu vực 06
28			Cải tạo, nâng cấp trụ sở phòng Tài chính - Kế hoạch	3714/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	11.330		10.200	Ban Quản lý dự án khu vực 06
29			Sửa chữa, cải tạo UBND xã Phú Thạnh và Một cửa xã	3718/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	10.418		7.300	Ban Quản lý dự án khu vực 06
30			Xây mới Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhơn Trạch	3715/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	36.838	500	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
31			Trung tâm Hành chính xã Đại Phước	3802/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	126.608	0	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
32			Trung tâm Hành chính thị trấn Hiệp Phước	3803/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	62.248		4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
33			Trụ sở BCHQS xã và văn phòng một cửa, kết hợp cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Phú Hữu	2209/QĐ-UBND ngày 25/6/2021	14.126		4.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
34			Trụ sở BCHQS xã và cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Vĩnh Thạnh	3459/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	11.691		11.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
35			Cải tạo khuôn viên cây xanh trụ sở UBND huyện	3873/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	3.810		10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
36			Nâng cấp, SC trụ sở Huyện ủy Nhơn Trạch	4421/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	18.770		12.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
37			Trạm trung chuyển rác thải xã Long Thọ	2291/QĐ-UBND ngày 22/06/2022	12.715		2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
	11-An ninh		An ninh (3)		38.915	0	29.300	
37		7004692	Camera giám sát an ninh trật tự trên địa bàn huyện	4410/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	11.216		9.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
38			Trụ sở Công an xã Phú Thạnh	3712/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	13.246		8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
39			Trụ sở Công an thị trấn Hiệp Phước	3713/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	8.591		6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
40		7004692	Xây dựng Nhà ăn tập thể và nhà công vụ Công an huyện Nhơn Trạch	2275/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	5.862		5.800	Ban Quản lý dự án khu vực 06
	10-Quốc phòng		Quốc phòng (6)		66.304	0	67.890	
40			Trụ sở Ban CHQS xã Phước Thiện	3711/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	4.949		12.600	Ban Quản lý dự án khu vực 06
41			Trụ sở Ban CHQS xã Long Tân	1535/QĐ-UBND ngày 05/05/2022	5.923		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
42			Trụ sở Ban CHQS xã Đại Phước	4776/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	10.550		8.290	Ban Quản lý dự án khu vực 06
43		7004686	Xây dựng mới khu nhà ở, nhà làm việc cho cán bộ, chiến sĩ Ban CHQS huyện	754/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	13.000		13.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
44		7004686	XD hoàn chỉnh các hạng mục còn lại Thao trường huấn luyện, luyện tập sẵn sàng chiến đấu LLVT huyện	753/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	12.476		12.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
45		7004686	Cải tạo, sửa chữa và xây mới các hạng mục phụ trợ chốt dân quân rạch Miếu, xã Phú Hữu	2583/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	7.264		7.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
46			Xây mới Ban chỉ huy quân sự, văn phòng một cửa và sửa chữa trụ sở UBND xã Phú hội	2292/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	12.142		10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
	12-Văn hóa		Văn hóa (13)		85.413	0	61.575	
46			Trung tâm VH TT-HTCĐ xã Phước Khánh	3736/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	14.682		3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
47			Đầu tư nâng cấp, sửa chữa Trung tâm VH TT-HTCĐ xã Phú Đông	3737/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	11.213		13.275	Ban Quản lý dự án khu vực 06
48			Xây dựng và sửa chữa hàng rào Trung tâm VH TT-HTCĐ xã Long Tân	1072/QĐ-UBND ngày 26/3/2021	1.404		7.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
49			Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm VH TT-HTCĐ thị trấn Hiệp Phước	4964/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	8.058		3.100	Ban Quản lý dự án khu vực 06
50			Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm VH TT-HTCĐ xã Phước Thiện	501/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	7.017		6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
51			Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm VH huyện Nhơn Trạch	2579/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	14.961		11.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
52			Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm VH TT-HTCĐ xã Long Thọ	500/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	11.930		11.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
53		7172257	Nhà văn hóa ấp 1 xã Phước Khánh	2897/QĐ-UBND ngày 05/8/2021	4.304		1.000	UBND xã Đại Phước
54		7172257	Nhà văn hóa ấp 3 xã Phước Khánh	2902/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	4.389		1.000	UBND xã Đại Phước
55		7172210	Nhà văn hóa ấp Bến Sắn, xã Phước Thiện	3039/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	2.040		1.000	UBND xã Nhơn Trạch
56		7172252	Nhà văn hóa ấp 1 xã Long Thọ	2533/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	1.805		1.000	UBND xã Phước An
57		7172252	Nhà văn hóa ấp 2 xã Long Thọ	2578/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	1.805		1.000	UBND xã Phước An
58		7172252	Nhà văn hóa ấp 3 xã Long Thọ	2532/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	1.805		1.000	UBND xã Phước An

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	17-Giao thông		Giao thông (55)		1.865.445	0	442.350	
			Chống sạt lở khu vực hồ chứa nước Hang Nai, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch				16.900	Ban Quản lý dự án khu vực 06
			Nâng cấp, sửa chữa Đường và mương thoát nước dọc đường liên xã Hiệp Phước - Phước Thiện				8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
			Nâng cấp mở rộng mặt đường và hệ thống thoát nước dọc đường Nguyễn Văn Ký, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch				8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
			Mương thoát nước hạ lưu chùa ông ra kênh Bà Ký và tuyến mương thoát nước đường hẻm cạnh quán cà phê sân vườn				7.735	Ban Quản lý dự án khu vực 06
59			Đường số 13 đoạn từ đường Tôn Đức Thắng (đường 25B) đến đường Nguyễn Ái Quốc (đường 25C), huyện Nhơn Trạch	4415/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	140.502		3.100	Ban Quản lý dự án khu vực 06
60			Đường số 7 (đoạn 2) từ đường khu công nghiệp 5 đến đường Nguyễn Ái Quốc (đường 25C), huyện Nhơn Trạch	5739/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	273.700		5.800	Ban Quản lý dự án khu vực 06
61			Nâng cấp mở rộng đường số 6 (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cánh đến đường số 10, khu 347ha)	4619/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	12.676		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
62			Sửa chữa tuyến đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn Lê Hồng Phong đến đường Hùng Vương) xã Phước An	4491/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	7.182		5.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
63			Đường số 3 (gđ 1) (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường số 1) xã Phước Thiện	780/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	38.962		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
64			Nâng cấp thảm nhựa đường Huỳnh Văn Nghệ, TT.Hiệp Phước	762/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	7.026		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
65			Đường D, khu dân cư ngã tư Hiệp Phước	764/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	6.030		1.300	Ban Quản lý dự án khu vực 06
66			Nâng cấp đường Võ Thị Sáu (đoạn từ chùa Pháp Vân đến cầu Láng Cát) xã Phú Đông	5385/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	14.992		79.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
67			Nâng cấp đường liên xã Phú Đông - Vĩnh Thanh	4994/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	8.563		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
68			Mương thoát nước dọc đường Hùng Vương (đoạn từ mương liên ấp 1-2 đến Chùa Ông) thị trấn Hiệp Phước	4526/QĐ-UBND ngày 31/10/2020	4.000		12.170	Ban Quản lý dự án khu vực 06
69		7172252	Nâng cấp đường ông Đầy	3762/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	2.503		1.100	UBND xã Phước An
70		7172252	Nâng cấp đường Vườn Dừa	3744/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	1.564		1.000	UBND xã Phước An
71		7172252	Nâng cấp đường Ông Mong	3763/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	2.581		4.000	UBND xã Phước An
72		7172252	Nâng cấp đường Ông Nhẫn	3764/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	2.346		2.000	UBND xã Phước An

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
73		7172252	Nâng cấp đường Ông Nhứt	3765/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	3.128		5.000	UBND xã Phước An
74		7172248	Đường Thành Hòa ấp Phước Lương, xã Phú Hữu	949/QĐ-UBND ngày 18/3/2021	4.966		14.000	UBND xã Đại Phước
75			Kiên cố tuyến kênh A, TT.Hiệp Phước	781/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	27.900		7.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
76		7172257	Đường Tám Thủ, ấp 1 xã Phước Khánh	1057/QĐ-UBND ngày 25/3/2021	2.500		500	UBND xã Đại Phước
77		7172257	Đường kênh N-24, xã Phước Khánh	1056/QĐ-UBND ngày 25/3/2021	2.273		500	UBND xã Đại Phước
78		7172257	Đường lên trường TH xã Phước Khánh	2280/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	3.387		500	UBND xã Đại Phước
79			Nâng cấp đường từ cầu Vàm Mương đến cổng văn hóa ấp 1 (nhánh rẽ xuống tuyến xóm Đồn), xã Phước Khánh	2907/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	6.400		6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
80			Nâng cấp đường và đầu tư hệ thống thoát nước đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cánh đến đường D1 KDC HUD)	3804/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	134.368		50.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
81			Đường Lý Tự Trọng gđ 1 (đoạn từ đường Lý Thái tổ đến đường Vành Đai 3)	3791/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	528.052		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
82			Đường số 2 (đoạn từ đường ranh khu TĐC Phước Thiện đến đường Trần Phú)	3792/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	51.437		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
83		7172244	Đường Vườn Huệ, ấp Long Hiệu	3793/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	3.150		5.700	UBND xã Nhơn Trạch
84		7172251	Đường liên ấp 1-2, xã Phú Thạnh	3794/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	8.107		5.000	UBND xã Nhơn Trạch
85		7172251	Đường Cây Sai ấp 3	3795/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	4.050		1.000	UBND xã Nhơn Trạch
86		7172250	Đường Bờ ấp Đất Mới	3796/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	3.000		2.500	UBND xã Nhơn Trạch
87			Nâng cấp đường Hai Tạm, xã Phước Khánh	2835/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	4.397		4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
88			Nâng cấp đường 7 sánh - 3 Tỏi, xã Phước Khánh	3103/QĐ-UBND ngày 12/08/2022	4.100		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
89			Nâng cấp đường Tư Tỏi, xã Phước Khánh	2908/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	6.400		5.800	Ban Quản lý dự án khu vực 06
90			Nâng cấp đường Mắm Đen, xã Phước Khánh	2906/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	5.500		2.600	Ban Quản lý dự án khu vực 06
91			Đường vào bến đò Phước Khánh (nhánh ra tuyến Út Phụng)	2432/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	5.200		5.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
92			Cầu Bầy Mắm, xã Phước Khánh	1535/QĐ-UBND ngày 05/05/2022	5.923		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
93			Bờ kè cầu sắt Phú Hội	788/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	75.000		1.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
94			Nâng cấp, mở rộng đường Phạm Thái Bường, huyện Nhơn Trạch	783/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	269.405		7.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
95			Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Văn Trị (đường Công Đô)	2528/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	79.875		79.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
96			Cải tạo đường Hà Huy Tập (đoạn từ đường HV đến ranh TTCN)	2423/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	14.900		1.900	Ban Quản lý dự án khu vực 06
97			Nâng cấp mở rộng đường Hòa Bình, xã Vĩnh Thanh	2909/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	13.412		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
98			Đường vào Trường MN Phước An 2	2426/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	1.000		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
99			Nâng cấp đường Nguyễn Hữu Cánh và đường Tôn Đức Thắng (đoạn thuộc khu 71ha TT huyện Nhơn Trạch)	2421/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	14.990		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
100			Cầu Ông Hai Thái, xã Phú Hữu	2419/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	9.000		4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
101			Cầu Bù Mắc, xã Phú Hữu	2420/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	11.147		10.445	Ban Quản lý dự án khu vực 06
102			Nâng cấp đường bên hông Trường THPT Phước Thiện	2425/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	5.000		3.400	Ban Quản lý dự án khu vực 06
103			Hoàn chỉnh hệ thống thoát nước và vỉa hè đường từ Nhà máy nước đến KCN 1 (đoạn từ đường 769 đến ranh khu TĐC Phước Thiện)	2428/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	7.989		7.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
104		7172210	Đường ấp văn hóa Bến Sắn, xã Phước Thiện	2433/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	2.050		3.000	UBND xã Nhơn Trạch
105		7172252	Đường Ông Chức, ấp 5, xã Long Thọ	2437/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	1.835		4.600	UBND xã Phước An
106		7172252	Đường Ông Hai Trưa, ấp 3, xã Long Thọ	2438/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	1.835		6.500	UBND xã Phước An
107		7172065	Đường cạp hông UBND xã Phú Đông	2429/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	4.470		3.000	UBND xã Đại Phước
108		7172258	Đường tổ 5 (Ông 7 Môn), ấp Bàu Bông	2580/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	720		4.200	UBND xã Phước An
109		7172258	Đường tổ 4 công văn hóa ấp Quới Thạnh, xã Phước An	1194/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	3.642		4.000	UBND xã Phước An
110		7172258	Đường tổ 1, ấp Vũng Gấm, xã Phước An	2652/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	4.755		6.100	UBND xã Phước An
111		7172258	Đường tổ 2-10 (Nguyễn Văn Khỏe), ấp Vũng Gấm	2983/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	3.790		2.500	UBND xã Phước An
112		7172258	Đường nội đồng Gò Cát đến mương Điều, ấp Bà Trường	2984/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	2.400		2.000	UBND xã Phước An
113		7172254	Đường số 1, ấp Thống Nhất, xã Vĩnh Thanh		1.365		2.000	UBND xã Phước An
	17-Giao thông		Thị chính (18)		61.887	0	68.740	
114			Hệ thống chiếu sáng đường liên xã Phú Đông - Vĩnh Thanh	3739/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	990		900	Ban Quản lý dự án khu vực 06
115			Hệ thống chiếu sáng đường liên xã Phước Thiện - T.T Hiệp Phước	3740/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	1.200		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
116			Hệ thống chiếu sáng đường liên xã Long Thọ - T.T Hiệp Phước	3738/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	780		700	Ban Quản lý dự án khu vực 06

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
117			Cải tạo, nâng cấp hệ thống chiếu sáng đường Hùng Vương đoạn qua địa bàn xã Phước An	5835/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.249		5.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
118			Cải tạo, nâng cấp hệ thống chiếu sáng đường Hùng Vương đoạn qua địa bàn xã Vĩnh Thanh	5402/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	5.190		7.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
119			Cải tạo, nâng cấp HTCS đường Trần Văn Trà, xã Phú Đông	767/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	1.600		4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
120			Cải tạo, nâng cấp HTCS đường Hùng Vương đoạn qua TT.Hiệp Phước	773/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	2.620		2.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
121			Cải tạo, nâng cấp HTCS đường Lý Thái Tổ đoạn qua xã Phú Thạnh	769/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	2.200		4.790	Ban Quản lý dự án khu vực 06
122			Cải tạo, nâng cấp HTCS đường Lý Thái Tổ đoạn qua xã Long Tân	771/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	1.300		4.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
123			Cải tạo, nâng cấp HTCS đường Hùng Vương đoạn qua xã Long Thọ	772/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	2.796		2.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
124			Cải tạo, nâng cấp HTCS đường Quách Thị Trang	768/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	2.920		2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
125			Cải tạo, nâng cấp HTCS đường Nguyễn Văn Ký (HL 12), xã Long Thọ	776/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	680		600	Ban Quản lý dự án khu vực 06
126			Cải tạo, nâng cấp HTCS đường Cây Dầu, xã Phú Hội	774/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	1.200		13.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
127			Cải tạo, nâng cấp HTCS đường trước UBND xã Phước Khánh	766/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	1.620		2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
128			Cải tạo, nâng cấp HTCS đường Hùng Vương đoạn qua xã Phú Đông	770/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	7.000		8.850	Ban Quản lý dự án khu vực 06
129			Công viên đối diện đền thờ liệt sĩ	2288/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	20.157		6.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
130			Cải tạo, nâng cấp HTCS đường Võ Thị Sáu, xã Phú Đông	2895/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	2.350		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
131			Cải tạo, nâng cấp HTCS đường 319 đoạn ngã 3 đường Nguyễn Văn Cừ đến Đền thờ Liệt sĩ, xã Phước An	775/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	1.035		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
	18-Cấp nước, thoát nước		Cấp, thoát nước (65)		593.292	0	330.570	
132			Mương thoát nước đường Ông Chín Công, xã Long Thọ	3730/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	11.300		3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
133		7172252	Mương thoát nước đường bà Hiệp, xã Long Thọ	3724/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	2.650		2.000	UBND xã Phước An
134			Mương thoát nước đường Ông Nhứt, xã Long Thọ	3729/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	2.000		2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
135			Mương thoát nước dọc đường Đê, xã Long Thọ	3816/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	3.788		3.400	Ban Quản lý dự án khu vực 06
136			Mương thoát nước đường Ông Lại, xã Long Thọ	3717/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	2.275		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
137			Tuyến thoát nước rạch 2 Biên, xã Phước Khánh	3653/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	3.462		4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
138			Tuyến thoát nước rạch Út Phụng, xã Phước Khánh	3875/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	5.135		2.030	Ban Quản lý dự án khu vực 06
139			Mương thoát nước Sáu Ngoc, ấp Cát Lái, xã Phú Hữu	3184/QĐ-UBND ngày 01/09/2021	7.404		7.550	Ban Quản lý dự án khu vực 06
140			Mương thoát nước Ông Sáu Sách, ấp Cát Lái, xã Phú Hữu	4552/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.410		14.990	Ban Quản lý dự án khu vực 06
141			Mương thoát nước Ban ấp Cầu Kê, xã Phú Hữu	3185/QĐ-UBND ngày 01/09/2021	4.455		8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
142			Tuyến mương thoát nước Ông Tre, xã Vĩnh Thanh	3720/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	4.900		7.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
143			Tuyến mương thoát nước ấp Đại Thắng, xã Vĩnh Thanh	3733/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	7.200		6.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
144			Tuyến mương thoát nước Ông Tiết, xã Vĩnh Thanh	3721/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	3.000		3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
145			Tuyến mương đất tổ 14, ấp Long Hiệu, xã Long Tân	3734/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	2.200		2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
146			Tuyến mương thoát nước khu D, ấp Phước Lý (giai đoạn 2), xã Đại phước	3723/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	2.300		2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
147			Trạm xử lý nước thải tập trung cho KDC Đại Lộc, xã Đại Phước	763/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	18.967		14.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
148			Tuyến mương thoát nước công văn hóa KP.Phước Hiệp, T.T Hiệp Phước	3732/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	4.300		4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
149			Tuyến mương thoát nước Trường mầm non KP.Mỹ Khoan, T.T Hiệp Phước	3722/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	4.200		4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
150		7172252	Mương thoát nước dọc đường Ông Tiếp, xã Long Thọ	3750/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	1.760		1.700	UBND xã Phước An
151		7172252	Mương thoát nước khu vực Ông Sang, xã Long Thọ	3757/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	2.346		2.000	UBND xã Phước An
152		7172252	Mương thoát nước khu vực Bà Nhuộm, xã Long Thọ	3753/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	2.346		2.000	UBND xã Phước An
153		7172252	Mương thoát nước khu vực Ông Tư Quên, xã Long Thọ	3758/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	2.346		2.000	UBND xã Phước An
154		7172252	Mương thoát nước khu vực Ông 10 Sáng, xã Long Thọ	3756/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	2.346		2.000	UBND xã Phước An
155		7172252	Mương thoát nước khu vực Ông Ba Xuân, xã Long Thọ	3755/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	2.346		2.000	UBND xã Phước An
156		7172252	Mương thoát nước dọc đường ông Bảy Hoàng, xã Long Thọ	3767/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	1.564		1.000	UBND xã Phước An
157		7172248	Mương tổ 6, 7, 8 Khu B ấp Phước Lương, xã Phú Hữu	947/QĐ-UBND ngày 18/3/2021	2.390		2.300	UBND xã Đại Phước
158		7172248	Mương thoát nước tổ 3, khu A ấp phước Lương, xã Phú Hữu	948/QĐ-UBND ngày 18/3/2021	2.247		2.000	UBND xã Đại Phước
159		7172248	Mương thoát nước tổ 13 khu B ấp Cầu Kê, xã Phú Hữu	946/QĐ-UBND ngày 18/3/2021	3.880		3.800	UBND xã Đại Phước
160			Mương thoát nước ngang đường Hùng Vương đoạn qua khu Vân Thanh Long, xã Phú Đông	761/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	4.000		4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
161			Mương thoát nước ngang đường Hùng Vương đoạn vào trường MN Sóc Nâu, xã Phú Đông	759/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	3.600		3.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
162			Mương thoát nước hạ lưu đường Hùng Vương đoạn gần chùa Pháp Thường, xã Phú Đông	5943/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	6.629		7.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
163			Mương thoát nước tổ 6, ấp Phú Mỹ II, xã Phú Hội	4515/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	4.078		4.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
164			Mương thoát nước tổ 7, ấp Đất Mới, xã Phú Hội	785/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	8.700		8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
165			Mương thoát nước tổ 5, ấp Xóm Hố, xã Phú Hội	4495/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	5.212		4.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
166			Mương thoát nước dọc đường 2 Kỵ, xã Phước Khánh	2896/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	5.327		4.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
167			Tuyến mương thoát nước Đường Vườn Chuối, xã Đại Phước	2910/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	2.600		2.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
168			Mương thoát nước đường RAP vàm Ô, ấp Bến Cộ (nối từ Đường Lý Tổ đến đường Nguyễn Văn Trị)	2911/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	4.408		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
169			Mương thoát nước đường Cộng Đồng, ấp Phước Lý, xã Đại Phước	2897/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	2.055		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
170			Tuyến thoát nước Suối Sơn Hà, xã Vĩnh Thanh	2913/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	59.999		24.200	Ban Quản lý dự án khu vực 06
171			Tuyến thoát nước Suối Đại Thắng, xã Vĩnh Thanh	2914/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	34.716		34.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
172			Sửa chữa vị trí hư hỏng mương thoát nước đường Võ Văn Tần (Long Thọ 1)	2434/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	10.000		8.400	Ban Quản lý dự án khu vực 06
173			Mương thoát nước đường Tổ 2-10, ấp Vũng Gấm	2982/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	2.496		4.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
174			Mương thoát nước đường Tổ 1-10, ấp Vũng Gấm	2981/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	2.236		4.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
175			Mương thoát nước đường ấp Mới Tổ 10, ấp Vũng Gấm, xã Phước An	2915/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	6.415		5.200	Ban Quản lý dự án khu vực 06
176			Mương thoát nước đường Tổ 12 (Sở Nguyễn Dường), ấp Bà Trưỡng	2916/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	2.081		3.900	Ban Quản lý dự án khu vực 06
177			Tuyến thoát nước đường số 2 (từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Lý Thái Tổ)	2424/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	32.000		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
178			Tuyến mương thoát nước tổ 8, ấp Xóm Hố, xã Phú Hội	2894/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	3.200		3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
179			Tuyến mương thoát nước tổ 10, ấp Phú Mỹ II	2893/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	7.900		7.500	Ban Quản lý dự án khu vực 06
180			Tuyến mương thoát nước tổ 13-14, ấp Đất Mới	2985/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	3.000		3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
180			Tuyến mương thoát nước tổ 13-14, xã Phú Hội				1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
181			Tuyến mương thoát nước đường Miếu, ấp Long Hiệu	2431/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	5.687		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
182			Tuyến mương thoát nước đường Xóm Hồ Vườn Huệ, ấp Long Hiệu	2430/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	4.200		4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
183			Tuyến mương thoát nước tổ 14-15, ấp Long Hiệu	2581/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	7.000		7.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
184			Tuyến mương thoát nước tổ 15-16, ấp Bình Phú, xã Long Tân	2435/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	10.000		4.200	Ban Quản lý dự án khu vực 06
185		7172252	Mương thoát nước dọc đường Bà Bền, xã Long Thọ	2436/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	2.806		2.800	UBND xã Phước An
186		7172257	Mương thoát nước dọc đường 9 Khoái, ấp 1	2899/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	771		700	UBND xã Đại Phước
187			Mương thoát nước dọc đường Vân Khánh-6 Quang, ấp 2, xã Phước Khánh	2901/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	1.035		1.000	UBND xã Đại Phước
188			Mương thoát nước dọc đường Hai Cung, xã Phước Khánh	2900/QĐ-UBND ngày 10/08/2021	1.374		1.300	UBND xã Đại Phước
189			Mương thoát nước dọc đường Tám Đạo - Tám Đường, xã Phước Khánh	2898/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	1.302		1.300	UBND xã Đại Phước
190			Mương thoát nước dọc đường Rạch Mới, ấp Bàu Bông, xã Phước An	2990/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	1.600		1.500	UBND xã Phước An
191			Mương thoát nước dọc đường Tổ 7 (Nguyễn Văn Dũng), ấp Bà Trường	2988/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	1.430		1.400	UBND xã Phước An
192			Mương thoát nước dọc đường Tổ 12 (Lê Thị Em), ấp Bà Trường	2987/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	2.210		2.000	UBND xã Phước An
193			Mương thoát nước dọc đường Tổ 11 (Huỳnh Văn Trai), ấp Bà Trường	2986/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	2.000		2.000	UBND xã Phước An
194			Mương thoát nước dọc đường Tổ 8 (Nguyễn Văn Thành), ấp Vũng Gấm	1191/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	438		400	UBND xã Phước An
195			Mương thoát nước dọc đường Tổ 7 (Phạm Văn Việt), ấp Vũng Gấm	2989/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	1.390		1.300	UBND xã Phước An
196			Mương thoát nước dọc đường Tổ 7 (Châu Ngọc Anh), ấp Vũng Gấm	2904/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	1.120		1.000	UBND xã Phước An
197			Kiên cố hóa kênh mương Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C), huyện Nhơn Trạch (ngân sách huyện Nhơn Trạch thực hiện bồi thường)	4780/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	207.315		19.000	Ban Quản lý dự án khu vực 06
198		7172254	Các tuyến ống cấp nước sạch xã Vĩnh Thanh năm 2022	2276/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	7.923		7.500	UBND xã Phước An
199		7172250	Các tuyến ống cấp nước sạch xã Phú Hội	2277/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	6.522		6.500	UBND xã Nhơn Trạch
	28-Quy hoạch		Quy hoạch (1)		8.728	-	8.700	-
197			Lập quy hoạch tỷ lệ 1/5000 phân khu 8 theo điều chỉnh quy hoạch đô thị mới Nhơn Trạch đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050	2143/QĐ-UBND ngày 21/06/2021	8.728		8.700	Ban Quản lý dự án khu vực 06
III	17-Giao thông		ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN (47)		40.255	-	8.320	
			xã Phước Khánh		1.795	-	820	-
1		7172257	Đường Hai Kỳ	1060/QĐ-UBND ngày 25/3/2021	1.184		360	UBND xã Đại Phước

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2		7172257	Đường Kim Khuyên - Tư Ê	1059; 25/3/2021	611		260	UBND xã Đại Phước
3		7172257	Đường 9 Trang - 2 Quận				200	UBND xã Đại Phước
			xã Vĩnh Thanh		10.422	-	3.010	-
1		7172254	Đường số 19, ấp Thanh Minh	1207/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	1.037		240	UBND xã Phước An
2		7172254	Đường số 11, ấp Sơn Hà	1206/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	641		150	UBND xã Phước An
3		7172254	Đường số 9, ấp Chính Nghĩa	1208/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	1.152		300	UBND xã Phước An
4		7172254	Đường số 1, ấp Hòa Bình	304/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	224		80	UBND xã Phước An
5		7172254	Đường số 10, ấp Hòa Bình	2285/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	649		210	UBND xã Phước An
6		7172254	Đường số 19, ấp Hòa Bình	2286/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	606		180	UBND xã Phước An
7		7172254	Đường số 1, ấp Sơn Hà	2287/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	561		150	UBND xã Phước An
8		7172254	Đường số 9, ấp Sơn Hà	308/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	336		100	UBND xã Phước An
9		7172254	Đường số 16, ấp Sơn Hà	2288/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	1.025		300	UBND xã Phước An
10		7172254	Đường số 21, ấp Sơn Hà	2289/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	1.011		300	UBND xã Phước An
11		7172254	Đường số 2, ấp Thành Công	2298/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	754		200	UBND xã Phước An
12		7172254	Đường số 1, ấp Chính Nghĩa	305/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	331		80	UBND xã Phước An
13		7172254	Đường số 8, ấp Chính Nghĩa	2284/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	522		140	UBND xã Phước An
14		7172254	Đường số 11, ấp Chính Nghĩa	306/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	409		130	UBND xã Phước An
15		7172254	Đường số 12, ấp Chính Nghĩa	307/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	456		120	UBND xã Phước An
16		7172254	Đường số 7, ấp Đại Thắng	2283/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	708		200	UBND xã Phước An
17		7172254	Đường số 13, ấp Đoàn Kết				130	UBND xã Phước An
			Xã Phú Hội		15.310	-	950	"
1		7172250	Đường tổ 14 A (ấp Xóm Hố)	2146/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	2.190		100	UBND xã Nhơn Trạch
2		7172250	Đường tổ 15 (ấp Đất Mới)	2149/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	1.856		100	UBND xã Nhơn Trạch
3		7172250	Đường tổ 5, ấp Phú Mỹ 2	2152/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	568		50	UBND xã Nhơn Trạch
4		7172250	Đường tổ 13, ấp Phú Mỹ 2	2151/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	540		100	UBND xã Nhơn Trạch
5		7172250	Đường tổ 6, ấp Xóm Hố	2150/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	2.220		100	UBND xã Nhơn Trạch

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
6		7172250	Đường tổ 7, ấp Xóm Hố	2148/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	2.740		100	UBND xã Nhơn Trạch
7		7172250	Đường tổ 8, ấp Xóm Hố	2147/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	2.250		100	UBND xã Nhơn Trạch
8		7172250	Đường tổ 3-14, ấp Phú Mỹ 1	2144/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	2.248		200	UBND xã Nhơn Trạch
9		7172250	Đường tổ 7, ấp Đất Mới	2145/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	698		100	UBND xã Nhơn Trạch
			xã Phú Thạnh		-	-	100	
1		7172251	Đường bà Năm tăng, tổ 7 ấp 1				100	UBND xã Nhơn Trạch
			xã Phú Đông		12.194	-	3.340	-
1		7172065	Đường 3343, ấp Thị Cầu	2304/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	693		200	UBND xã Đại Phước
2		7172065	Đường 3341, ấp Thị Cầu	2302/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	1.492		400	UBND xã Đại Phước
3		7172065	Đường 3337, ấp Thị Cầu	2299/QĐ-UBND ngày 19/6/2021	1.104		300	UBND xã Đại Phước
4		7172065	Đường số 3 nối Võ Thị Sáu, ấp Bến Đình	2307/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	911		200	UBND xã Đại Phước
5		7172065	Đường 3233, ấp Bến Đình	341/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	348		100	UBND xã Đại Phước
6		7172065	Đường đối diện nhà Lăng nổi Hùng Vương, ấp Bến Đình	345/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	264		100	UBND xã Đại Phước
7		7172065	Đường anh 4 Bé nối đường Hùng Vương, ấp Bến Đình	2300/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	994		300	UBND xã Đại Phước
8		7172065	Đường 2866 nối đường Hùng Vương với đường liên xã Phú Đông - Vĩnh Thanh, ấp Bến Đình	2306/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	1.318		400	UBND xã Đại Phước
9		7172065	Đường trước nhà chị Thu nối đường Hùng Vương	344/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	207		60	UBND xã Đại Phước
10		7172065	Đường nhà anh Định Quốc Hùng nối đường Hùng Vương	2303/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	1.218		300	UBND xã Đại Phước
11		7172065	Đường cửa hàng Minh Hương nối đường Quách Thị Trang	346/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	302		90	UBND xã Đại Phước
12		7172065	Đường số 4 nối đường liên xã Phú Đông - Vĩnh Thanh	342/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	400		100	UBND xã Đại Phước
13		7172065	Đường số 12 nối đường Trần Nam Trung, ấp Bến Đình	2301/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	1.569		400	UBND xã Đại Phước
14		7172065	Đường cặp VPCC Bích Trâm nối đường Hùng Vương	343/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	429		120	UBND xã Đại Phước
15		7172065	Đường nhà ông Liên nối đường Trần Văn Trà, ấp Bến Đình	2305/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	710		200	UBND xã Đại Phước
16		7172065	Đường cầu cây me ấp Giồng Ông Đông	347/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	235		70	UBND xã Đại Phước
			xã Phước An		534	-	100	-
1		7172258	Đường tổ 5 (Ông Bảy Môn)	2580/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	534		100	UBND xã Phước An

Phụ lục III.7
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lấy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			TỔNG CỘNG		4.089.340	614.785	1.619.087	
A			Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		897.030	614.536	135.773	
1	17 -Giao thông	7848171	Đường Thọ Chánh - Thọ Tân xã Xuân Thọ	3488/QĐ-UBND ngày 22/6/2020	14.970	10.000	3.583	Ban Quản lý dự án khu vực 07
2	17 -Giao thông	7848170	Đường làng dân tộc Chợ Ro ấp Bình Hòa, Xuân Phú	3490/QĐ-UBND ngày 22/6/2020	14.900	8.300	3.414	Ban Quản lý dự án khu vực 07
3	17 -Giao thông	7848169	Đường Phước Bình xã Xuân Thọ	3489/QĐ-UBND ngày 22/6/2020	14.900	11.529	3.113	Ban Quản lý dự án khu vực 07
4	17 -Giao thông	7848172	Nâng cấp, sửa chữa đường Thành công xã Xuân Trường	3491/QĐ-UBND ngày 22/6/2020	14.900	8.500	4.086	Ban Quản lý dự án khu vực 07
5	17 -Giao thông	7591424	Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với QL1A (ngã 3 Bưu Điện) - Đối ứng NSH: 25.831 tr đồng	3161/QĐ-UBND ngày 30/9/2016	68.722	18.378	3.977	Ban Quản lý dự án khu vực 07
6	17 -Giao thông	7578603	Đường Tân Hữu - Trảng Táo	561/QĐ-UBND ngày 25/3/2016	49.798	43.689	2.100	Ban Quản lý dự án khu vực 07
7	17 -Giao thông	7788335	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	3607/QĐ-UBND ngày 23/10/2019	42.993	33.502	2.836	Ban Quản lý dự án khu vực 07
8	17 -Giao thông	7578599	Đường Xuân Bắc - Long Khánh	2533/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	41.637	30.613	2.513	Ban Quản lý dự án khu vực 07
9	17 -Giao thông	7578600	Đường Xuân hiệp - Lang Minh (đoạn QL1A đến cầu Sông ray)	6057/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	36.858	28.217	1.423	Ban Quản lý dự án khu vực 07
10	17 -Giao thông	7567011	Bê tông hóa kênh dẫn nước đập Bung cằn	3496/QĐ-UBND ngày 27/12/2016	1.677	1.448	34	Ban Quản lý dự án khu vực 07
11	17 -Giao thông	7651572	Cổng chào vào chùa đường gia lão	3665/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	3.191	2.854	82	Ban Quản lý dự án khu vực 07
12	17 -Giao thông	7530659	Nâng cấp mở rộng đường vào Núi Chứa Chan, huyện Xuân lộc	2113/QĐ-UBND ngày 22/9/2016	55.123	26.391	493	Ban Quản lý dự án khu vực 07
13	17 -Giao thông	7166596	Đường Xuân Trường Trảng Táo	2856/QĐ-UBND ngày 17/9/2014	75.160	33.409	1.372	Ban Quản lý dự án khu vực 07
14	17 -Giao thông	7151542	Đường Xuân Hiệp Gia lão	195/QĐ-UBND ngày 13/02/2012	31.873	27.608	1.107	Ban Quản lý dự án khu vực 07
15	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	7789565	Trụ sở UBND TT Gia Ray	3613/QĐ-UBND ngày 23/10/2019	8.500	5.206	2.870	Ban Quản lý dự án khu vực 07
16	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	7483238	Trụ sở UBND xã Xuân Thành	243/QĐ-UBND ngày 27/01/2016	5.169	4.618	46	Ban Quản lý dự án khu vực 07
17	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	7719923	Nhà làm việc cho cán bộ chiến sỹ công an huyện	427/QĐ-UBND ngày 14/02/2020	14.900	13.192	666	Ban Quản lý dự án khu vực 07
18	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	7717548	Đền thờ liệt sỹ huyện (NSH đối ứng 21.087 tr)	3360/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	38.645	13.989	4.340	Ban Quản lý dự án khu vực 07
19	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	7585507	Trụ sở UBND xã Xuân Định	2830/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	10.480	9.792	552	Ban Quản lý dự án khu vực 07
20	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	7655892	Trụ sở UBND xã Suối Cát	3666/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	14.496	13.200	1.296	Ban Quản lý dự án khu vực 07
21	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	7721515	Xây mới và cải tạo Trụ sở Khối đoàn thể UBMTTQVN	3457/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.120	2.950	165	Ban Quản lý dự án khu vực 07

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lấy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
22	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	7789564	Trụ sở UBND xã Bảo Hòa	3698/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.995	1.762	90	Ban Quản lý dự án khu vực 07
23	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	7789567	Trụ sở UBND xã Xuân Hòa	3611/QĐ-UBND ngày 30/6/2020	1.000	881	58	Ban Quản lý dự án khu vực 07
24	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	7651573	Nâng cấp SC trụ sở UBND huyện	616/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	36.000	29.552	1.683	Ban Quản lý dự án khu vực 07
25	14- Văn hóa	7795750	Trung tâm VH TT-HTCĐ xã Xuân Hòa	613/QĐ-UBND ngày 29/03/2016	6.499	4.500	1.683	Ban Quản lý dự án khu vực 07
26	14- Văn hóa	7371423	Trung tâm VH TT-HTCĐ xã Xuân Hiệp	3120/QĐ-UBND ngày 01/10/2012	6.253	4.397	79	Ban Quản lý dự án khu vực 07
27	14- Văn hóa	7848396	Nhà VH DT Chợ ro xã Xuân Trường	3494/QĐ-UBND ngày 22/06/2020	2.206	922	1.089	Ban Quản lý dự án khu vực 07
28	14- Văn hóa	7848394	Nhà Văn hóa dân tộc Chợ Ro xã Xuân Phú	3493/QĐ-UBND ngày 22/06/2020	2.223	1.500	536	Ban Quản lý dự án khu vực 07
29	14- Văn hóa	7848395	Trung tâm VH TT- HTCĐ xã Xuân Phú	10880/QĐ-UBND ngày 23/9/2021	9.039	3.000	5.708	Ban Quản lý dự án khu vực 07
30	14- Văn hóa	7721514	Nhà Văn hóa dân tộc STieng Xuân Hòa	3461/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.999	2.593	134	Ban Quản lý dự án khu vực 07
31	18-Cấp nước, thoát nước	7759452	Cầu Suối lạnh, ấp bằng lãng xã Xuân Tâm	1853/QĐ-UBND ngày 24/5/2019	3.398	3.000	398	Ban Quản lý dự án khu vực 07
32	18-Cấp nước, thoát nước	7621044	Kênh cấp 2 Nội Đồng Hồ Gia Mãng	463/QĐ-UBND ngày 15/3/2017	76.892	2.622	44.831	Ban Quản lý dự án khu vực 07
33	18-Cấp nước, thoát nước	7591414	Đập Gia Liêu 2 xã Xuân phú	2845/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	3.792	3.374	99	Ban Quản lý dự án khu vực 07
34	7.Giáo dục	7651574	Trường MN Trảng Táo	3588/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	8.084	6.393	531	Ban Quản lý dự án khu vực 07
35	7.Giáo dục	7721518	Trường MN Xuân Hòa	615/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	31.056	25.000	3.497	Ban Quản lý dự án khu vực 07
36	7.Giáo dục	7721520	Trường MN Xuân Thành	621/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	14.700	11.900	1.611	Ban Quản lý dự án khu vực 07
37	7.Giáo dục	7789566	Trường TH Lạc Long Quân	3702/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	10.299	7.000	1.876	Ban Quản lý dự án khu vực 07
38	7.Giáo dục	7789568	Trường TH Trần Quốc Toàn	3615/QĐ-UBND ngày 23/10/2019	20.000	7.416	9.450	Ban Quản lý dự án khu vực 07
39	7.Giáo dục	7585517	Trường TH lê Hồng phong	507/QĐ-UBND ngày 24/9/2018	6.351	5.808	402	Ban Quản lý dự án khu vực 07
40	7.Giáo dục	7721517	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	605/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	14.971	12.000	608	Ban Quản lý dự án khu vực 07
41	7.Giáo dục	7573544	Trường TH Trịnh Hoài Đức	656/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	7.543	6.461	155	Ban Quản lý dự án khu vực 07
42	7.Giáo dục	7730058	Trường TH Nguyễn Khuyến	3463/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	11.963	10.851	426	Ban Quản lý dự án khu vực 07
43	7.Giáo dục	7311024	Trường TH Lê Lai	3458/QĐ-UBND ngày 01/4/2015	6.444	5.714	465	Ban Quản lý dự án khu vực 07
44	7.Giáo dục	7585511	Trường TH Trần Hưng Đạo	3338/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	14.900	12.954	575	Ban Quản lý dự án khu vực 07
45	7.Giáo dục	7721519	Trường THCS Nguyễn Công Trứ	3464/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.497	13.400	795	Ban Quản lý dự án khu vực 07
46	7.Giáo dục	7651575	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	17/QĐ-UBND ngày 24/01/2018	14.897	13.975	578	Ban Quản lý dự án khu vực 07
47	7.Giáo dục	7571517	Trường TH Nguyễn Huệ	659/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	4.861	4.158	95	Ban Quản lý dự án khu vực 07
48	7.Giáo dục	7573545	Trường TH Mạc Đình Chi (Phân hiệu Bình Minh)	658/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	2.156	2.004	64	Ban Quản lý dự án khu vực 07

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lấy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
49	16. Các hoạt động kinh tế	7584882	Tăng công suất tập đoàn 1 ấp Bình Hoà, xã Xuân Phú				2	Ban Quản lý dự án khu vực 07
50	16. Các hoạt động kinh tế	7588189	Tăng công suất tập đoàn 3 ấp Bình Hoà, xã Xuân Phú				1	Ban Quản lý dự án khu vực 07
51	16. Các hoạt động kinh tế	7779819	Đường dây trung thế và TBA Tổ 8, 9, ấp Bung Cản, xã Bảo Hòa				4	Ban Quản lý dự án khu vực 07
52	16. Các hoạt động kinh tế	7588184	Đường dây hạ thế Tổ 1, ấp Thọ Phước, xã Xuân Thọ				1	Ban Quản lý dự án khu vực 07
53	16. Các hoạt động kinh tế	7588185	Đường dây trung thế và TBA cánh đồng Thọ Chánh, xã Xuân Thọ				3	Ban Quản lý dự án khu vực 07
54	16. Các hoạt động kinh tế	7588181	Đường dây trung thế và TBA Xuân Bắc - Suối Cao ấp 2B, xã Xuân Bắc				8	Ban Quản lý dự án khu vực 07
55	16. Các hoạt động kinh tế	7650097	Đường dây hạ thế cánh đồng Thọ Lộc (mật cật 1, 2) xã Xuân Thọ					Ban Quản lý dự án khu vực 07
56	16. Các hoạt động kinh tế	7650118	Đường dây trung thế và TBA Thác Trời, ấp 7, xã Xuân Bắc					Ban Quản lý dự án khu vực 07
57	16. Các hoạt động kinh tế	7650099	Đường dây trung thế và TBA ấp Tây Minh, xã Lang Minh					Ban Quản lý dự án khu vực 07
58	16. Các hoạt động kinh tế	7650100	Đường dây trung, hạ thế và TBA cánh đồng Bảo Liệt, ấp Bình Minh, xã Xuân Hiệp					Ban Quản lý dự án khu vực 07
A			XHH			64.014	18.170	
B			Dự án /nhiệm vụ mới thuộc giai đoạn 2021-2025		1.991.069	249	1.351.517	
1	17 -Giao thông	7884127	Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Đình Thương	12812/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	76.554		68.204	Ban Quản lý dự án khu vực 07
2	17 -Giao thông	7889411	Đường Xuân Thành - Trảng Táo(vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMDT: 113,500 tỷđ; NSH: 57tỷ; NST: 56,5 tỷ	517/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	113.500		49.238	Ban Quản lý dự án khu vực 07
3	17 -Giao thông	7962752	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh (đoạn từ cầu Sông Ray đến đường Lang Minh - Xuân Đông)	6057/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	24.600		19.695	Ban Quản lý dự án khu vực 07
4	17 -Giao thông	7848171	Đường Thọ Chánh - Thọ Tân (giai đoạn 2)	2170/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	55.000		30.453	Ban Quản lý dự án khu vực 07
5	17 -Giao thông	7884124	Nâng cấp đường bên hông Bưu Điện, xã Xuân Hòa	6060/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	4.898	249	4.613	Ban Quản lý dự án khu vực 07
6	17 -Giao thông	7884125	Đường Suối rết B	1568/QĐ-UBND ngày 16/6/2025	147.858		101.267	Ban Quản lý dự án khu vực 07
7	17 -Giao thông	7884469	Nâng cấp đường Gia Ty - Cao Su	1198/QĐ-UBND ngày 21/4/2023	150.990		93.409	Ban Quản lý dự án khu vực 07
8	17 -Giao thông	7578603	Đường Tân Hữu - Trảng Táo (đoạn từ ĐT 766 đến cầu Suối Khi)	1950/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	30.000		20.711	Ban Quản lý dự án khu vực 07
9	17 -Giao thông	7692037	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú (vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMDT: 479,640 tỷ; NSH: 239,820 tỷ	2360/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	479.640		75.352	Ban Quản lý dự án khu vực 07
10	17 -Giao thông	7889412	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm (vốn đối ứng 50%vốn tỉnh - 50% vốn huyện) TMDT: 174,5 tỷ; NSH: 87 tỷ; NST: 87,5 tỷ)	515/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	174.500		84.088	Ban Quản lý dự án khu vực 07
11	17 -Giao thông	7901199	Đường Đồi Đá - Bầu Trâm	426/QĐ-UBND ngày 26/01/2022	99.980		1.901	Ban Quản lý dự án khu vực 07

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lấy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	7884477	Trụ sở UBND xã Xuân Hưng	10698/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	20.497		19.706	Ban Quản lý dự án khu vực 07
13	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	7884475	Trụ sở UBND xã Xuân Bắc	11785/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	5.715		5.483	Ban Quản lý dự án khu vực 07
14	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	7884478	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Huyện ủy	686/QĐ-UBND ngày 18/02/2021	10.858		10.261	Ban Quản lý dự án khu vực 07
15	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	7884473	Trụ sở UBND xã Xuân Thọ	11367/QĐ-UBND ngày 04/11/2021	23.873		21.217	Ban Quản lý dự án khu vực 07
16	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	8001522	Trụ sở UBND TT Gia Ray (Giai đoạn 2)	4436/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	19.234		14.388	Ban Quản lý dự án khu vực 07
17	9-Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước...	8001518	Xây dựng mới và sửa chữa trụ sở Huyện ủy (giai đoạn 2)	4409/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	19.161		18.313	Ban Quản lý dự án khu vực 07
18	17 -Giao thông	7964076	Chỉnh trang khu vực nút giao ngã ba Bưi điện	2578/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	3.500		2.800	Ban Quản lý dự án khu vực 07
19	18 -Giao thông	7990643	Sửa chữa, chỉnh trang các tuyến đường khu trung tâm huyện, chỉnh trang Hoa viên 9 tháng 4	13023/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	49.300		38.040	Ban Quản lý dự án khu vực 07
20	19 -Giao thông	7964077	Chỉnh trang công viên tượng đài	6085/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	32.104		28.495	Ban Quản lý dự án khu vực 07
21	18-Cấp nước, thoát nước	7884123	Cầu đập tràn áp 2B xã Xuân Bắc	6416/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	7.042		6.219	Ban Quản lý dự án khu vực 07
22	18-Cấp nước, thoát nước	7884126	Cầu Suối vườn ươm áp 2B, xã Xuân Bắc	10696/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	7.777		7.240	Ban Quản lý dự án khu vực 07
23	18-Cấp nước, thoát nước	7884465	Cầu Suối Tà Rua, xã Xuân Bắc	10771/QĐ-UBND ngày 02/9/2021	6.115		5.446	Ban Quản lý dự án khu vực 07
24	18-Cấp nước, thoát nước	7884471	Xây dựng hệ thống chống úng xã Xuân Hưng	8547/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	17.000		15.674	Ban Quản lý dự án khu vực 07
25	7.Giáo dục	7923631	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	2777/QĐ-UBND ngày 4/7/2022	36.406		32.213	Ban Quản lý dự án khu vực 07
26	7.Giáo dục	7884474	Trường TH Nguyễn Khuyến	10905/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	9.496		8.418	Ban Quản lý dự án khu vực 07
27	7.Giáo dục	7884476	Trường THCS Ngô Sỹ Liên	3031/QĐ-UBND ngày 25/7/2022	21.579		20.402	Ban Quản lý dự án khu vực 07
28	7.Giáo dục	7884466	Trường TH Gia Ray	10699/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	61.658		56.883	Ban Quản lý dự án khu vực 07
29	7.Giáo dục	7884472	Trường MN Xuân Trường	922/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	20.978		18.700	Ban Quản lý dự án khu vực 07
30	7.Giáo dục	8001520	Trường THCS Lê Lợi	3159/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	10.000		9.047	Ban Quản lý dự án khu vực 07
31	7.Giáo dục	8013991	Trường MN Tráng Táo	4234/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	31.483		27.626	Ban Quản lý dự án khu vực 07
32	7.Giáo dục	7923628	Trường TH Xuân Tâm 1	6099/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	14.500		14.041	Ban Quản lý dự án khu vực 07
33	7.Giáo dục	7923629	Trường TH Lý Tự Trọng	11782/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	14.916		14.454	Ban Quản lý dự án khu vực 07
34	7.Giáo dục	7923633	Trường TH Trịnh Hoài Đức	11783/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	14.505		13.292	Ban Quản lý dự án khu vực 07
35	7.Giáo dục	7884467	Trường THCS Nguyễn Du	10700/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	41.639		36.953	Ban Quản lý dự án khu vực 07
36	7.Giáo dục	7925935	Trường MN Xuân Phú	924/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	14.697		12.405	Ban Quản lý dự án khu vực 07

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lấy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
37	7.Giáo dục	7923627	Trường TH Nguyễn Huệ	1243/QĐ-UBND ngày 26/4/2023	28.165		24.314	Ban Quản lý dự án khu vực 07
38	7.Giáo dục	7923630	Trường TH Phù Đồng	11784/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	41.316		38.435	Ban Quản lý dự án khu vực 07
39	7.Giáo dục	8001520	Trường MN Xuân Hưng	4233/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	31.145		27.370	Ban Quản lý dự án khu vực 07
40	10-Quốc phòng	8035820	Trụ sở Ban chỉ huy QS xã Xuân Thành	2128/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	6.895		5.560	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	10-Quốc phòng	8104720	Dự án nhà huấn luyện và thi đấu võ thuật của Ban CHQS huyện	3227/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	2.719		2.676	Ban Quản lý dự án khu vực 07
41	10-Quốc phòng	8035820	Trụ sở Công an xã Xuân Phú	437/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	9.276		3.050	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7887665	Xây dựng mới từ TBA Xuân Phú 10 đến vùng sản xuất				652	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7887669	Đường trung thế và TBA hẻm 15 đường Lò Gạch, ấp 2				796	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7887671	Đường dây trung thế và TBA tổ 4, 5 ấp Bằng Lăng				762	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7887668	Nâng cấp Đường điện trung thế Tổ 7, 4 ấp 2A, xã Xuân Bắc từ 1 pha lên 3 pha				732	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7887666	Đường điện trung thế (03 pha) tổ 3, ấp 6, xã Xuân Bắc				701	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7887667	Đường điện Suối Lạnh tổ 24, ấp Suối Cát 2, xã Suối Cát				330	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7887663	Đường điện tổ 18, ấp Suối Cát 2, xã Suối Cát				1.645	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7887664	Đường dây trung thế và TBA nối dài, tổ 8, ấp Tân Bình 2				857	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7887670	Hệ thống điện chiếu sáng đường Xuân Hiệp - Lang Minh				4.412	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7926004	Nâng cấp Đường điện trung thế và TBA tổ 6, ấp 3A, xã Xuân Bắc từ 1 pha lên 3 pha				1.778	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7926005	Đường điện trung thế và TBA đường 9/1 ấp 6				1.252	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7926007	Đường điện trung thế và TBA tổ 21, ấp 2				915	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7926008	Đường điện tập đoàn 7, ấp Bình Minh, xã Suối Cát				1.252	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7926009	Đường điện trung thế và TBA nhánh 2 và nhánh 3 ấp 7				3.313	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7964074	Đường dây điện Mã Voi - Vườn Xoài				997	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7964075	Đường dây trung thế và TBA tổ 17, ấp Tân Tiến				1.474	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	16. Các hoạt động kinh tế	7964073	Nâng cấp đường điện trung thế tổ 5, 6 ấp Bàu Cối, xã Xuân Bắc từ 01 pha lên 3 pha				1.372	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	30. Hỗ trợ vốn cho Hội Nông dân		Hội Nông dân				1.500	
	30. Hỗ trợ vốn cho NHCS		Ngân hàng CSXH				12.000	

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lấy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	17. Giao thông		Cấp vốn XHH				129.817	
	14. Văn hóa		Cấp vốn NVH áp				11.700	
	17 Giao thông		Vốn XHH dân góp				65.208	
C			Dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025 (dự kiến bố trí vốn thực hiện giai đoạn 2026-2030		1.201.241		- 29.600	
	10-Quốc phòng	8035821	Trụ sở Công an xã Xuân Hưng	2122/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	10.575		8.240	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	10-Quốc phòng	8035819	Trụ sở Công an xã Xuân Tâm	2123/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	11.197		8.240	Ban Quản lý dự án khu vực 07
	10-Quốc phòng	8035825	Trụ sở Công an xã Suối Cao	2121/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	10.367		8.240	Ban Quản lý dự án khu vực 07
1	17 -Giao thông	8065697	Nâng cấp mở rộng đường Ngô Quyền và Lê Văn Vận	18/NQ-HĐND; ngày 06/11/2023	181.792		500	Ban Quản lý dự án khu vực 07
2	17 -Giao thông	8128050	Khu tái định cư xã Xuân Hiệp	13/NQ-HĐND; ngày 23/7/2024	706.322		1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 07
3	17 -Giao thông	7899026	Đường Xuân Tâm Trảng táo	33/NQ-HĐND ngày 23/11/2020	120.000		840	Ban Quản lý dự án khu vực 07
4	7.Giáo dục	7923632	Trường TH Mạc Đình Chi	4232/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	32.444		520	Ban Quản lý dự án khu vực 07
5	7.Giáo dục	8014734	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	6100/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	14.000		300	Ban Quản lý dự án khu vực 07
6	7.Giáo dục	8014736	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	6110/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	14.500		100	Ban Quản lý dự án khu vực 07
7	7.Giáo dục	8014692	Trường TH Quang Trung	6112/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	14.000		500	Ban Quản lý dự án khu vực 07
8	7.Giáo dục	8014736	Trường MN Xuân Hiệp	6103/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	15.000		400	Ban Quản lý dự án khu vực 07
1	9-QLNN	8035826	Trụ sở Công an xã Bảo Hòa	2129/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	8.916		120	Ban Quản lý dự án khu vực 07
2	9-QLNN	8035824	Trụ sở Công an xã Suối Cát	2127/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	10.742		120	Ban Quản lý dự án khu vực 07
2	9-QLNN	8035818	Trụ sở Công an xã Xuân Thành	2124/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	11.270		120	Ban Quản lý dự án khu vực 07
4	9-QLNN	8065694	Trụ sở Công an xã Xuân Định	4139/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	10.462		120	Ban Quản lý dự án khu vực 07
5	9-QLNN	8065695	Trụ sở Công an xã Lang Minh	4162/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	11.826		120	Ban Quản lý dự án khu vực 07
6	9-QLNN	8035828	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Tâm	2133/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	6.400		120	Ban Quản lý dự án khu vực 07
7	9-QLNN	8035831	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Bắc	2130/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	11.428			Ban Quản lý dự án khu vực 07
D			Dự phòng chưa phân bổ				102.197	

Phụ lục III.8
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			TỔNG CỘNG (A+B+C)		2.596.643	119.215	1.381.066	
A			Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		251.759	119.215	120.990	
1	Giao thông	7032646	XD đường vào cụm Công nghiệp Long Giao	980/QĐ-UBND ngày 07/10/2015	40.301	30.451	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
2	Giao thông	7820103	Đường từ N16 (đoạn từ D17 đến D13)	1171/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	3.000	910	1.690	Ban Quản lý dự án khu vực 08
3	Giao thông	7809011	Đường ấp 9, ấp 11 đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình	1201/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	31.659	12.000	19.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
4	Giao thông	7822096	Đường nội đồng ấp 3 xã Xuân Tây đi Bảo Bình	1200/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	12.679	4.500	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
5	Giao thông	7820102	Đường tổ 26 ấp Tân Hạnh, xã Xuân Bảo	1180/QĐ-UBND ngày 25/9/2019	6.000	3.000	2.600	Ban Quản lý dự án khu vực 08
6	QLNN	7821997	Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm Sơn	1195/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	5.087	254	4.200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
7	QLNN	7820099	Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Sông Ray	1192/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	4.367	1.700	2.800	Ban Quản lý dự án khu vực 08
8	QLNN	7820101	Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Xuân Tây	1199/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	3.901	2.000	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
9	Giáo dục	780910	Xây dựng trường mầm non Xuân Mỹ (ấp Suối Sóc)	1229/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	41.265	12.000	27.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
10	Giáo dục	7769161	Xây dựng trường mầm non Long Giao	3296/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	25.719	20.800	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
11	Giáo dục	7820097	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Hòa Bình	1189/QĐ-UBND ngày 26/9/2016	5.245	2.000	3.100	Ban Quản lý dự án khu vực 08
12	Giáo dục	7820095	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Hồng Bàng	1190/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	3.389	1.300	1.900	Ban Quản lý dự án khu vực 08
13	Giáo dục	7820094	Sửa chữa Trường TH Quang Trung	1189/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	4.748	1.800	2.700	Ban Quản lý dự án khu vực 08
14	Giáo dục	7820105	XD 04 phòng học trường mầm non Sông Nhạn	1188/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	5.324	2.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
15	Giáo dục	7821996	Nâng cấp, sửa chữa trường tiểu học Lâm Sơn	1193/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	8.182	2.200	5.800	Ban Quản lý dự án khu vực 08
16	Giáo dục	7821995	Xây dựng phòng học trường tiểu học Ngõ Mây	1194/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	5.170	1.800	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
17	Giáo dục	7820096	Xây dựng trường tiểu học Sông Nhạn (Phân hiệu ấp 1)	1189/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	6.208	2.500	3.400	Ban Quản lý dự án khu vực 08
18	Giáo dục	7820100	Xây dựng phân hiệu trường mầm non Sông Ray	1228/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	34.550	16.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
19	Văn hoá	7820098	Duy tu sửa chữa TTVH - HTCĐ Nhân Nghĩa	1198/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	2.471	1.000	1.400	Ban Quản lý dự án khu vực 08
20	Văn hoá	7821994	Duy tu sửa chữa TTVH - HTCĐ Thừa Đức	1196/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	2.494	1.000	1.400	Ban Quản lý dự án khu vực 08
B			Dự án khởi công mới, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025		1.335.371	-	1.096.435	-
1	Giao thông	7904229	Nâng cấp đường ấp 3 Lâm Sơn – Quảng Thành	1111/QĐ_UBND ngày 27/11/2020	42.500		35.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
2	Giao thông	7955234	Đường D13 (Đoạn N10-N16)	1112/QĐ_UBND ngày 27/11/2020	4.900		4.400	Ban Quản lý dự án khu vực 08
3	Giao thông	7959601	Đường N14-2 (Đoạn D17 - D13)	1113/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	2.400		2.200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
4	Giao thông	7903841	Đường N7 nối dài trước trụ sở Đội CA- PCCC và Đường trước trụ sở Huyện đội.	1114/QĐ_UBND ngày 27/11/2020	10.700		7.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
5	Giao thông	7901394	Đường nội đồng cống 07 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray	1115/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	13.000		11.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Giao thông	7903843	Đường nội đồng ấp 2, xã Xuân Tây	1116/QĐ_UBND ngày 27/11/2020	14.000		8.500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
7	Giao thông	7904230	Đường nội ô ấp 1, ấp 5 xã Sông Ray	2249/QĐ_UBND ngày 10/11/2021	16.732		13.500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
8	Giao thông	7950101	Đường N14-1	1910/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	3.400		2.500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
9	Giao thông	7950099	Đường D3-1 (đoạn N6-:-N20)	1918/QĐ-UBND ngày 29/10/2021			7.200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
10	Giao thông	7950301	Đường số 26 (Đường Khu 2 ấp Suối Cà)	3012/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	40.472		35.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
11	Giao thông	7950302	Đường Xuân Báo - Xuân Tây nối dài đi ĐT 765	3013/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	14.439		10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
12	Giao thông	7950300	Đường nội đồng Cù Nhí 1 ra đường 72 xã Sông Ray	2926/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	13.500		8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
13	Giao thông	7950100	Đường D27 (đoạn N10-N16)	1905/QĐ_UBND ngày 29/10/2021	5.915		4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
14	Giao thông	7959601	Đường N14-2 (Đoạn D13 - D3-1)	2248/QĐ_UBND ngày 29/11/2021	11.640		13.200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
15	Giao thông	7955231	Đường N20 (đoạn N16-:-QL56) GĐ 1 (QL56-D3-1)	3008/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	21.500		15.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
16	Giao thông		Đường D7	2928/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	9.868		7.950	Ban Quản lý dự án khu vực 08
17	Giao thông	7959602	Đường N10 (đoạn D9-:-D3-1)	801/QĐ-UBND ngày 11/8/2022	13.797		11.500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
18	Giao thông	7959603	Đường N8-2 (đoạn D7-:-D3-1)	134/QĐ-UBND ngày 01/3/2024	8.389		7.260	Ban Quản lý dự án khu vực 08
19	QLNN	7904235	Xây dựng hội trường Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ	1117/QĐ_UBND ngày 27/11/2020	2.079		2.050	Ban Quản lý dự án khu vực 08
20	QLNN	7904233	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ	1118/QĐ_UBND ngày 27/11/2020	3.589		3.500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
21	QLNN	7905098	Xây dựng trụ sở Công an xã Bảo Bình	1119/QĐ_UBND ngày 27/11/2020	4.748		4.700	Ban Quản lý dự án khu vực 08
22	QLNN	7904283	Xây dựng trụ sở Công an xã Nhân Nghĩa	1120/QĐ_UBND ngày 27/11/2020	4.625		4.600	Ban Quản lý dự án khu vực 08
23	QLNN	7904282	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Tây	1121/QĐ_UBND ngày 27/11/2020	4.344		4.300	Ban Quản lý dự án khu vực 08
24	QLNN	7904281	Xây dựng hội trường UBND xã Lâm Sơn	1129/QĐ_UBND ngày 30/11/2020	4.896		4.600	Ban Quản lý dự án khu vực 08
25	QLNN	7905098	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Quân Sự xã Bảo Bình	2931/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	3.944		3.400	Ban Quản lý dự án khu vực 08
26	QLNN	7951888	Xây dựng mới trụ sở UBND xã Thừa Đức				27.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
27	QLNN	7955225	Xây dựng mới trụ sở UBND xã Sông Nhạn				28.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
28	QLNN	7955224	Xây dựng mới trụ sở UBND xã Xuân Quế	2933/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	28.264		25.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
29	QLNN	7950304	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công An xã Xuân Mỹ	2936/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	44.525		5.300	Ban Quản lý dự án khu vực 08
30	QLNN	7960795	Nâng cấp sửa chữa trụ sở làm việc Huyện Ủy	182/QĐ-UBND ngày 16/3/2022	44.972		14.500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
31	QLNN	7950726	Xây dựng nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Bảo Bình	2945/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	2.280		1.900	Ban Quản lý dự án khu vực 08
32	QLNN	7957400	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công An xã Xuân Báo	3295/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	6.752		5.850	Ban Quản lý dự án khu vực 08
33	QLNN	8030990	Xây dựng nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Xuân Đông	188/QĐ-UBND ngày 21/3/2023	3.609		2.500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
34	QLNN	8030991	Xây dựng nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Nhân Nghĩa	189/QĐ-UBND ngày 21/3/2023	3.022		2.170	Ban Quản lý dự án khu vực 08
35	QLNN	8030992	Xây dựng mới Nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị trấn Long Giao	212/QĐ_UBND ngày 31/3/2023	5.563		4.150	Ban Quản lý dự án khu vực 08
36	QLNN	8031004	Sửa chữa trụ sở làm việc Khối Nông Lâm	221/QĐ-UBND ngày 03/03/2023	8.589		3.600	Ban Quản lý dự án khu vực 08
37	Giáo dục	7904232	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	1130/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	13.963		12.900	Ban Quản lý dự án khu vực 08
38	Giáo dục	7904234	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Trần Phú	1131/QĐ-UBND ngày 30/11/2020			11.500	Ban Quản lý dự án khu vực 08

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
39	Giáo dục	7930177	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng trường Tiểu học Xuân Đông	1132/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	16.304		28.399	Ban Quản lý dự án khu vực 08
40	Giáo dục	7930182	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng, khu hiệu bộ trường Tiểu học Xuân Mỹ	1133/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	36.086		34.500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
41	Giáo dục	7904236	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Mầm non Hoa Mai	1134/QĐ-UBND ngày 31/11/2020	6.958		5.300	Ban Quản lý dự án khu vực 08
42	Giáo dục	7904284	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Mầm non Sơn Ca	1135/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	12.336		11.850	Ban Quản lý dự án khu vực 08
43	Giáo dục	7930178	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Ngô Quyền	1067/QĐ-UNND ngày 19/8/2021	52.610		50.163	Ban Quản lý dự án khu vực 08
44	Giáo dục	7904237	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Mầm non Long Giao (phân hiệu Hoàn Quân)	1137/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	8.471		7.800	Ban Quản lý dự án khu vực 08
45	Giáo dục	7904234	Xây dựng 02 phòng chức năng Trường Mầm non Lâm Sơn (phân hiệu ấp 5)	1138/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	9.322		5.800	Ban Quản lý dự án khu vực 08
46	Giáo dục	7930184	Xây mới trường Mầm non Bảo Bình (phân hiệu ấp Tân Xuân)	1229/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	37.018		26.600	Ban Quản lý dự án khu vực 08
47	Giáo dục	7930241	Xây mới khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình	1140/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	26.670		22.400	Ban Quản lý dự án khu vực 08
48	Giáo dục	7930183	Xây dựng trường Mầm non Hòa Mi	341/QĐ-UBND ngày 31/03/2021	15.596		14.950	Ban Quản lý dự án khu vực 08
49	Giáo dục	7951890	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	1413/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	29.982		27.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
50	Giáo dục	7955230	Xây mới trường Mầm non Xuân Bảo (phân hiệu)	2939/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	25.078		17.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
51	Giáo dục	7957399	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Sông Ray	1412/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	23.344		20.200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
52	Giáo dục	7951254	Xây mới khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Lâm Sơn	2935/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	36.667		17.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
53	Giáo dục	7951889	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Nguyễn Hữu Cánh	1395/QĐ-UBND ngày 14/02/2022	36.667		39.620	Ban Quản lý dự án khu vực 08
54	Giáo dục	7951253	Xây dựng phòng học trường Mầm non Hoa Sen	1003/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	21.050		16.600	Ban Quản lý dự án khu vực 08
55	Giáo dục	7955229	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng Trường tiểu học Hòa Bình	2940/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	15.681		14.500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
56	Giáo dục	7950728	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng trường TH Ngô Mây	509/QĐ-UBND ngày 10/8/2023	27.284		24.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
57	Giáo dục	7955227	Xây dựng bổ sung các phòng chức năng trường TH Trung Dũng	1414/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	35.597		42.400	Ban Quản lý dự án khu vực 08
58	Giáo dục	7951252	Xây dựng bổ sung các phòng chức năng trường TH Xuân Đường	2941/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	42.492		26.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
59	Giáo dục	7950729	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Lý Tự Trọng	2942/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	16.222		14.300	Ban Quản lý dự án khu vực 08
60	Giáo dục	7959597	Xây dựng phòng học, phòng chức năng trường Mầm non Xuân Đường	508/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	44.982		38.953	Ban Quản lý dự án khu vực 08
61	Giáo dục	7955228	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học Long Giao	394/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	14.108		12.500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
62	Giáo dục	7950727	Xây dựng trường Mầm non Xuân Đông (Phân hiệu Bể Bạc)	885/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	44.575		35.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
63	Giáo dục	7951891	Xây dựng trường Mầm non Lâm Sơn	530/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	42.492		35.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
64	Giáo dục	7959598	Xây dựng trường Mầm non Sông Ray ấp 1	1067/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	54.425		40.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
65	Giáo dục	7656164	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Sông Nhạn	82/QĐ-UBND ngày 26/2/2024	16.537		15.600	Ban Quản lý dự án khu vực 08
66	Thủy lợi	7950303	Mương tiêu ấp 10, xã Sông Ray	3011/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	6.247		5.600	Ban Quản lý dự án khu vực 08
67	Văn hoá	8031003	Nâng cấp, sửa chữa trung tâm văn hoá học tập cộng đồng xã Sông Nhạn	219/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	4.354		2.600	Ban Quản lý dự án khu vực 08
68	Điện	8032411	Hệ thống điện chiếu sáng đường ấp 3 Quảng Thành xã Lâm Sơn	222/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	5.917		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
69	Điện	8032410	Hệ thống điện chiếu sáng đường La Hoa- Rừng Tre xã X.Đông	217/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	2.282		2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
70	Điện	8032409	Hệ thống điện chiếu sáng đường ấp Suối Lức - Rừng Tre xã Xuân Đông	223/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	5.560		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
71	Giao thông	8080243	Đường nội đồng tổ 1 Láng me đi Thoại Hương, xã Xuân Đông	1093/QĐ_UBND ngày 22/12/2023	22.312		7.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
72	Giao thông	8080245	Đường nội đồng tổ 10D ấp 10 xã Sông Ray	1091/QĐ_UBND ngày 22/12/2023	14.899		8.700	Ban Quản lý dự án khu vực 08
73	Giao thông	8080254	Đường nội đồng tổ 3 đi tổ 7 vào lòng hồ Sông Ray	1092/QĐ_UBND ngày 22/12/2023	23.103		7.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
74	QLNN	8087920	Xây dựng mới trụ sở làm việc Ban chỉ huy Quân sự thị trấn Long Giao	02/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	9.170		3.400	Ban Quản lý dự án khu vực 08
75	QLNN	8118370	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường Trung tâm Chính trị huyện	1282/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	13.838		12.770	Ban Quản lý dự án khu vực 08
76	Giáo dục	8030995	Xây mới bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Tiểu học Hồng Bàng	213/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	14.976		13.550	Ban Quản lý dự án khu vực 08
77	Giáo dục	8070561	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Cẩm Mỹ	445/QĐ-UBND ngày 20/7/2023	27.243		5.650	Ban Quản lý dự án khu vực 08
C			Dự án khởi công mới, dự kiến hoàn thành sau giai đoạn 2021-2025			-	57.000	-
1	Giáo dục	8030994	Xây mới bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Tiểu học Mỹ Hạnh	218/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	29.661		10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
2	Giáo dục	8030993	Xây mới bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Tiểu học Thừa Đức 2	224/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	34.454		10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
3	Giáo dục	8030989	Xây mới Trường mầm non Hướng Dương	220/QĐ_UBND ngày 31/3/2023	28.236		10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
4	Giáo dục	8087910	Xây dựng trường MN Xuân Tây	946/QĐ_UBND ngày 07/11/2023	77.423		10.200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
5	Giáo dục	8087891	Xây dựng trường MN Tuổi Thơ	19/NQ-HĐND ngày 20/10/2023	44.990		8.200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
6	Giáo dục	8087944	Xây dựng trường TH Xuân Tây	19/NQ-HĐND ngày 20/10/2023	60.036		7.200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
7	Giáo dục	8087930	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nguyễn Trãi	221/QĐ-UBND ngày 03/03/2023	35.097		500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
8	Hạ tầng	8108308	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư xã Nhân Nghĩa	562/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	67.296		900	Ban Quản lý dự án khu vực 08
D			Chuẩn bị đầu tư		1.009.513	-	38.800	
1	Giao thông	8080253	Đường nội đồng tổ 15 ấp Thoại Hương, xã Xuân Đông	1094/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	23.820		100	Ban Quản lý dự án khu vực 08
2	Giao thông		Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa		46.595		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
3	Giao thông		Đường ĐT764 đi Suối Lức		26.270		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
4	Giao thông	8031012	Đường ấp 5 - Quảng Thành	716/QĐ_UBND ngày 20/7/2022	14.977		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
5	Giao thông	8033830	Đường Xuân Bảo-Xuân Tây	989/QĐ_UBND ngày 30/9/2022	73.468		300	Ban Quản lý dự án khu vực 08
6	Giao thông	7656173	Đường Rừng Tre - La Hoa	714/QĐ_UBND ngày 20/7/2022	67.234		500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
7	Giao thông	8031005	Đường Thống Nhất - Cẩm Mỹ	712/QĐ_UBND ngày 20/7/2022	40.990		-	Ban Quản lý dự án khu vực 08
8	Giao thông	8031013	Đường 765 đi Làng Dân tộc	713/QĐ_UBND ngày 20/7/2022	32.998		300	Ban Quản lý dự án khu vực 08
9	Giao thông	8031011	Đường Ấp 10-11 Xuân Tây	710/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	41.868		300	Ban Quản lý dự án khu vực 08
10	Giao thông	8031009	Đường N17 (đoạn N18--D11)	715/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	4.100		500	Ban Quản lý dự án khu vực 08

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
11	Giao thông	7961298	Đường D11 (đoạn N14-2 -:- N18)	2927/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	4.100		500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
12	Giao thông	7903517	Đường D13 (Đoạn N16-N20)	2247/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	5.430		300	Ban Quản lý dự án khu vực 08
13	Giao thông	7959622	Đường N18 (đoạn D21 - D7)	422/QĐ-UBND ngày 06/5/2022	3.648		500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
14	Giao thông	7955232	Đường D21 (đoạn N16 - N20)		4.636		500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
15	Giao thông	7955233	Đường D17 (đoạn N16 - N20)		3.244		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
16	Giao thông	7959600	Đường số 27	3074/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	79.900		450	Ban Quản lý dự án khu vực 08
17	Giao thông	8031006	Đường số 28	717/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	39.899		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
18	Giao thông	8031008	Đường Nhân Nghĩa-Xuân Đông	1186/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	197.800		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
19	Giao thông	8031010	Đường Chốt Mỹ-Xuân Tây		92.500		300	Ban Quản lý dự án khu vực 08
20	Giao thông		Đường Suối Lức đi Rừng Tre	714/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	67.234		-	Ban Quản lý dự án khu vực 08
21	Giao thông	7959605	Đường Long Giao - Bảo Bình nối đường số 28 (tuyến số 1)	3073/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	9.479		300	Ban Quản lý dự án khu vực 08
22	Giao thông	8118371	Sửa chữa tuyến đường Cẩm Sơn - Cù Bị	1214/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	21.262		4.600	Ban Quản lý dự án khu vực 08
23	Giao thông		Đường trục ấp 4, ấp 8 xã Sông Ray				200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
24	Giao thông	Chưa có MDA	Sửa chữa tuyến ấp 5 đi Lang Minh, xã Xuân Tây				100	Ban Quản lý dự án khu vực 08
25	Thủy lợi	8080246	Xây mới lại kênh nội đồng ấp 6 xã Sông Nhạn (Hệ thống kênh đập Suối Sầu)	95/QĐ-UBND ngày 08/3/2024	9.174		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
26	Thủy lợi	8080242	Hệ thống kênh dẫn nước hồ Suối Đồi	99/QĐ-UBND ngày 11/3/2024	14.986		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
27	Văn hoá		Công viên trung tâm huyện Cẩm Mỹ				200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
28	Văn hoá		Sửa chữa trụ sở làm việc trung tâm văn hóa thông tin thể thao huyện Cẩm Mỹ				100	Ban Quản lý dự án khu vực 08
29	QLNN	8087945	Xây dựng mới Nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Sông Ray	96/QĐ-UBND ngày 08/3/2024	2.995		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
30	QLNN		Sửa chữa Nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Xuân Đường				50	Ban Quản lý dự án khu vực 08
31	QLNN	8118375	Xây dựng mới Nhà làm việc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Xuân Mỹ	1118/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	2.927		500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
32	QLNN	8118372	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Xuân Đường	1021/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	14.999		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
33	QLNN	8118370	Xây dựng Trung tâm Chính trị huyện Cẩm Mỹ				3.300	Ban Quản lý dự án khu vực 08
34	QLNN	8087935	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND xã Xuân Quế thành trụ sở làm việc Công an xã Xuân Quế	226/QĐ-UBND ngày 09/5/2024	7.637		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
35	QLNN	8087920	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND xã Sông Nhạn thành trụ sở làm việc Công an xã Sông Nhạn	231/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	6.932		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
36	QLNN	8087292	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND xã Thừa Đức thành trụ sở làm việc Công an xã Thừa Đức	159/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	7.562		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 08
37			Xây dựng hội trường UBND huyện Cẩm Mỹ				200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
38	Điện	Chưa có MDA	Hệ thống chiếu sáng tuyến Đường ấp 6, ấp 7, xã Sông Ray	1433/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	3.366		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
39	Điện	Chưa có MDA	Hệ thống đèn chiếu sáng đường Xuân Mỹ - Hoàn Quân	1436/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	1.567		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
40	Điện	Chưa có MDA	Hệ thống đèn chiếu sáng tuyến đường khu 3, ấp 6, xã Sông Nhạn	1435/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	1.121		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
41	Điện	Chưa có MDA	Hệ thống đèn chiếu sáng tuyến Đường Đồi Sọ - Nam Hà, xã Xuân Bảo	1434/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	6.022		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
42	Điện	Chưa có MDA	Hệ thống chiếu sáng Đường 57 – Suối Râu, xã Xuân Quế	1427/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	3.882		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
43	Điện	Chưa có MDA	Hệ thống chiếu sáng Đường Cầu Đỏ – Suối Râu, xã Xuân Quế	1428/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	822		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
44	Điện	Chưa có MDA	Hệ thống chiếu sáng Đường Tân Bình, xã Bảo Bình	1430/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	3.874		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
45	Điện	Chưa có MDA	Hệ thống chiếu sáng Đường Nhân Nghĩa – Xuân Đông	1431/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	6.153		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
46	Điện	Chưa có MDA	Hệ thống chiếu sáng Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	1429/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	3.424		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
47	Điện	Chưa có MDA	Hệ thống chiếu sáng Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình	1432/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	4.677		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
48	Điện	Chưa có MDA	Hệ thống chiếu sáng Đường Xuân Phú – Xuân Tây, xã Xuân Tây	1425/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	2.849		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
49	Điện	Chưa có MDA	Hệ thống chiếu sáng Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	1426/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	3.092		200	Ban Quản lý dự án khu vực 08
50			Chuyển đổi đài truyền thanh có dây/không dây FM sang truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (CNTT-VT) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ				500	Ban Quản lý dự án khu vực 08
C	Đầu tư phát triển khác						24.500	
1	Quỹ hỗ trợ nông dân						8.000	
2	Vốn Ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội						16.500	
D	Vốn bố trí cho Chuẩn bị đầu tư, Thực hiện dự án khi đủ điều kiện các dự án còn lại						23.332	
E	Vốn đã bố trí các dự án vốn cấp sau quyết toán; vốn hỗ trợ các dự án XHH trên địa bàn						20.008	

Phụ lục III.9
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, địa danh (cấp xã cũ)	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			TỔNG CỘNG (A+B+C)				1.718.857	
A			Dự án/nhiệm vụ chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				389.777	
1	17-Giao thông	7797241	Đường Vĩnh Tân - Tân An (giai đoạn 1)	2096/QĐ-UBND ngày 6/6/2019	13.960		6.831	Ban Quản lý dự án khu vực 09
2	17-Giao thông	7820692	Nâng cấp Hương lộ 9 Thành Đức - Tân Bình	36/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	169.990		95.497	Ban Quản lý dự án khu vực 09
3	17-Giao thông	7820693	Nâng cấp Hương lộ 7 Tân Bình - Bình Lợi	36/NQ-HĐND ngày 8/12/2021	143.270		77.587	Ban Quản lý dự án khu vực 09
4	17-Giao thông	7820692	Nâng cấp Hương lộ 15	14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	130.000		620	Ban Quản lý dự án khu vực 09
5	17-Giao thông		Hỗ trợ UBND xã Thiện Tân bồi thường Xây dựng đường Ông Thanh nhánh 1				220	UBND phường Trảng Dài
6	17-Giao thông		Hỗ trợ UBND xã Thiện Tân bồi thường Xây dựng đường Ông Thanh nhánh 2				80	UBND phường Trảng Dài
7	28- Quy hoạch	7758644	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Bình Hòa				38	UBND phường Tân Triều
8	28- Quy hoạch	7758641	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân Bình				76	UBND phường Tân Triều
9	28- Quy hoạch	7760388	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Thiện Tân				193	UBND phường Trảng Dài
10	28- Quy hoạch	7766098	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Trị An				125	UBND xã Trị An
11	28- Quy hoạch	7758640	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Tân				193	UBND xã Tân An
12	28- Quy hoạch		Lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân An				6	UBND xã Tân An
13	28- Quy hoạch	7758642	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lý				447	UBND xã Phú Lý
14	28- Quy hoạch	7793262	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Mã Đà				279	UBND xã Trị An
15	9- QLNN	7779565	Xây dựng mới một số phòng chức năng thuộc UBND huyện (Phòng làm việc của Ban QLDA + TT PTQĐ vv...)	3614/QĐ-UBND ngày 10/9/2019	14.993		5.960	Ban Quản lý dự án khu vực 09
16	9- QLNN		Bồi thường bổ sung do thu hồi đất dự án xây dựng UBND xã Thanh Phú	4086/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	10.012		1.823	UBND phường Tân Triều
17	9- QLNN		Bồi thường bổ sung dự án xây dựng trụ sở UBND xã Thanh Phú cho ông Nguyễn Tấn Dực (theo KL của tòa án tối cao)	4483/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	5.492		3.022	UBND phường Tân Triều
18	9- QLNN	7797577	Xây dựng mới phòng Tài chính - Kế hoạch	4408/QĐ-UBND ngày 06/8/2018	38.928		3.720	Ban Quản lý dự án khu vực 09
19	5- Thể dục thể thao	7790290	Nâng cấp, cải tạo sân bóng đá xã Thiện Tân	4483/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	5.492		2.450	Ban Quản lý dự án khu vực 09
20	7-Giáo dục	7709340	XD mới trường Mầm non Bình Lợi	4408/QĐ-UBND ngày 06/8/2018	38.928		1.300	Ban Quản lý dự án khu vực 09
21	7-Giáo dục	7779566	Xây mới khối lớp học 15 phòng trường THCS Thanh Phú	3628/QĐ-UBND ngày 10/9/2019	14.976		5.300	Ban Quản lý dự án khu vực 09
22	7-Giáo dục	7813561	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn (đạt chuẩn quốc gia)	4194A/QĐ-UBND ngày 10/10/2019	14.965		4.973	Ban Quản lý dự án khu vực 09
23	7-Giáo dục	7760885	Trường Mầm non Thiện Tân	1925/QĐ-UBND ngày 24/5/2019	31.411		19.179	Ban Quản lý dự án khu vực 09
24	7-Giáo dục	7776365	Trường Mầm non Sơn Ca (Mầm non Cây Gáo)	3242/QĐ-UBND ngày 15/8/2019	57.212		29.587	Ban Quản lý dự án khu vực 09
25	7-Giáo dục	7766099	Xây dựng mới trường TH Hiếu Liêm	1926/QĐ-UBND ngày 24/5/2019	28.692		12.350	Ban Quản lý dự án khu vực 09
26	7-Giáo dục	7830874	Xây mới trường Tiểu học - Trung học cơ sở Mã Đà (vốn huyện 22,033)	1140/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	62.363		62.500	Ban Quản lý dự án khu vực 09
27	7-Giáo dục	7868398	Trường Tiểu học Tân Phú (vốn huyện 12,434)	3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	44.467		51.241	Ban Quản lý dự án khu vực 09
28	7-Giáo dục	7917148	Xây dựng mô hình thư viện thân thiện tại các trường TH, THCS				2.024	Ban Quản lý dự án khu vực 09
29	7-Giáo dục	7917149	Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo stem trong trường học khối Tiểu học				2.156	Ban Quản lý dự án khu vực 09
30			Dự án/nhiệm vụ mới thuộc giai đoạn 2021-2025				1.329.080	
31	35- các nhiệm vụ khác		Trả nợ vốn vay				2.427	
32	35- các nhiệm vụ khác		Cấp phát sau quyết toán				11.645	

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, địa danh (cấp xã cũ)	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
33	17-Giao thông	7968083	Xây dựng via hè tuyến đường ĐT.768 nối dài giai đoạn 2 (đoạn còn lại)	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	7.916		10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 09
34	17-Giao thông	7931261	Xây dựng cầu tổ 6A khu phố 6 nối khu phố 5	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	54.219		5.189	Ban Quản lý dự án khu vực 09
35	17-Giao thông	7931260	Đường khu tái định cư ấp Bình Chánh	3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	26.512		5.470	Ban Quản lý dự án khu vực 09
36	17-Giao thông	7890764	Xây dựng via hè tuyến đường ĐT.768 nối dài giai đoạn 1 (đoạn từ TTGDNN-GDTX đến giáp đường ĐT 762)	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	7.916		13.544	Ban Quản lý dự án khu vực 09
37	17-Giao thông	7874581	Cầu và đường dẫn Bình Lục - Tân triều	111/QĐ-UBND ngày 12/1/2021	14.963		27.200	Ban Quản lý dự án khu vực 09
38	17-Giao thông	7872166	Đường Kỷ Lân, xã Thiện Tân	3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	26.512		10.073	Ban Quản lý dự án khu vực 09
39	17-Giao thông	7931263	Nâng cấp đường Chu Văn An, TT Vĩnh An	3665/QĐ-HĐND ngày 20/10/2020	78.278		51.827	Ban Quản lý dự án khu vực 09
40	17-Giao thông	8016756	Xây dựng đường N3 (đường Ngô Quyền), giai đoạn 1 và đường số 10 trong khu Trung tâm Văn hóa - thông tin và thể thao huyện	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	75.023		15.000	Ban Quản lý dự án khu vực 09
41	17-Giao thông	8016762	Nâng cấp đường Hương Lộ 6, xã Thạnh Phú	99/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	22.116		42.000	Ban Quản lý dự án khu vực 09
42	17-Giao thông	8016757	Đường Lý Thái tổ, đoạn từ ĐT.762 đến đường Võ Văn Tần	98/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	411.882		3.596	Ban Quản lý dự án khu vực 09
43	17-Giao thông	8044315	Cải tạo cảnh quan trước cổng trường TH-THCS Mã Đà	99/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	63.396		1.317	Ban Quản lý dự án khu vực 09
44	17-Giao thông	8016763	Đường kết nối, dẫn vào Cầu Hiếu Liêm	111/NQ-HĐND ngày 11/8/2023	1.316		28.786	Ban Quản lý dự án khu vực 09
45	17-Giao thông	8044310	Đại tu, sửa chữa đường Long Chiến	98/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	108.180		6.538	Ban Quản lý dự án khu vực 09
46	17-Giao thông	8044311	Đại tu, sửa chữa Đường Bình Hòa- Cây Dương (Đoạn từ Km3+700 đến Km7+700)	111/NQ-HĐND ngày 11/8/2023	9.806		12.360	Ban Quản lý dự án khu vực 09
47	17-Giao thông	8044312	Đại tu, sửa chữa đường Bình Chánh, ấp 4 (đoạn từ Km5+150 đến Km8+270)	111/NQ-HĐND ngày 11/8/2023	14.963		12.490	Ban Quản lý dự án khu vực 09
48	17-Giao thông	8044309	Đại tu, sửa chữa đường Quang Trung	111/NQ-HĐND ngày 11/8/2023	14.943		13.747	Ban Quản lý dự án khu vực 09
49	17-Giao thông	8043554	Trung tu, sửa chữa đường Đa Lộc, ấp 1, xã Bình Lợi	111/NQ-HĐND ngày 11/8/2023	14.413		7.297	UBND phường Tân Triều
50	17-Giao thông	8046035	Đại tu, sửa chữa tuyến đường trục chính xã Hiếu Liêm (đoạn từ từ tiếp giáp Công ty thủy điện Trị An đến ngã ba giao đường Hiếu Liêm)	184/NQ-HĐND ngày 19/12/2024	77.321		8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 09
51	17-Giao thông	8046801	Đại tu, sửa chữa đường 322A, xã Phú Lý				5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 09
52	17-Giao thông	8046036	Đại tu, sửa chữa đường Xóm Rạch, xã Bình Lợi				5.310	Ban Quản lý dự án khu vực 09
53	17-Giao thông	8111217	Sửa chữa, nâng cấp đường vào nhà bia thành lập chi bộ Bình Phước - Tân Triều, xã Tân Bình				4.479	UBND phường Tân Triều
54	17-Giao thông	8129417	Đường Nguyễn Đình Chiểu, thị trấn Vĩnh An (đường D3 theo quy hoạch).				8.500	Ban Quản lý dự án khu vực 09
55	17-Giao thông	7975257	Đường Kênh N1 (Đoạn còn lại), xã Tân An	184/NQ-HĐND ngày 19/12/2024	77.321		3.847	UBND xã Tân an
56	17-Giao thông	7920126	Đường tổ 3, ấp 3, xã Phú Lý				847	UBND xã Phú Lý
57	17-Giao thông	797825	Đường tổ 10, ấp 4, xã Phú Lý				1.420	UBND xã Phú Lý
58	17-Giao thông	7978257	Đường tổ 8-N2, ấp Bàu Phụng, xã Phú Lý				2.006	UBND xã Phú Lý
59	17-Giao thông	7978256	Đường số N7, liên ấp 1&3 (GD 1), xã Phú Lý				20.114	UBND xã Phú Lý
60	17-Giao thông	8006588	Đường nhánh tổ 10, ấp 2, xã Hiếu Liêm				491	UBND xã Trị An
61	17-Giao thông	7987181	Đường nội đồng Giáo Tùng (giai đoạn 2), xã Bình Lợi				14.344	UBND phường Tân Triều
62	17-Giao thông	8009827	Đường hẻm 12-14 ấp Bình Ý				929	UBND phường Tân Triều
63	17-Giao thông	8009825	Đường hẻm 21, đường sân banh ấp Bình Ý				716	UBND phường Tân Triều
64	17-Giao thông	8009826	Đường hẻm 291, 169 ấp Bình Lục				921	UBND phường Tân Triều
65	17-Giao thông	7986740	Đường số 8, ấp 1, xã Mã Đà				1.868	UBND xã Trị An
66	17-Giao thông	7986739	Đường số 9, ấp 1, xã Mã Đà				715	UBND xã Trị An
67	17-Giao thông	798673	Đường số 11 giai đoạn 2 ấp 1, xã Mã Đà				569	UBND xã Trị An
68	17-Giao thông		Đường tổ 05, ấp 1 xã Vĩnh Tân				245	UBND xã Tân An
69	17-Giao thông	7887673	Đường liên ấp 3-6 nhánh 2, ấp 3, xã Vĩnh Tân (giai đoạn 2)				1.339	UBND xã Tân An
70	17-Giao thông	7887672	Đường liên ấp 2-5 nhánh 1, xã Vĩnh Tân (giai đoạn 2)				1.411	UBND xã Tân An
71	17-Giao thông	7887758	Đường tổ 2-4 ấp 5, xã Vĩnh Tân (Đường liên ấp 2-5 nhánh 2, xã Vĩnh Tân)(giai đoạn 2)				899	UBND xã Tân An

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, địa danh (cấp xã cũ)	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
72	17-Giao thông	7920123	Đường Cây Cầy đi Long Thành (giai đoạn 3), xã Phú Lý				198	UBND xã Phú Lý
73	17-Giao thông	7920121	Đường tổ 5 ấp Cây Cầy, xã Phú Lý				722	UBND xã Phú Lý
74	17-Giao thông	7920125	Đường tổ 9, ấp Cây Cầy, xã Phú Lý				709	UBND xã Phú Lý
75	17-Giao thông	7920124	Đường tổ 10, ấp Cây Cầy, xã Phú Lý				563	UBND xã Phú Lý
76	17-Giao thông	7920122	Đường Bàu Điền, ấp 4, xã Phú Lý				9.000	UBND xã Phú Lý
77	17-Giao thông	7920128	Đường Tổ 3, ấp 1, xã Phú Lý				670	UBND xã Phú Lý
78	17-Giao thông	7920127	Đường Tổ 7, ấp 4, xã Phú Lý				1.026	UBND xã Phú Lý
79	17-Giao thông	7935510	Đường tổ 56, ấp Bàu Phụng xã Phú Lý				859	UBND xã Phú Lý
80	17-Giao thông	7945629	Đường tổ 2, ấp 5, xã Vĩnh Tân				1.409	UBND xã Tân An
81	17-Giao thông	7945630	Đường tổ 11, ấp 4, xã Vĩnh Tân				1.568	UBND xã Tân An
82	17-Giao thông	7945628	Đường tổ 11, ấp 6, xã Vĩnh Tân				1.461	UBND xã Tân An
83	17-Giao thông	7948971	Đường tổ 9, ấp 2, xã Hiếu Liêm				360	UBND xã Trị An
84	17-Giao thông	7948973	Đường nhánh tổ 16, ấp 3, nhánh 1, xã Hiếu Liêm				408	UBND xã Trị An
85	17-Giao thông	7948972	Đường nhánh tổ 16, ấp 3, nhánh 3, xã Hiếu Liêm				532	UBND xã Trị An
86	17-Giao thông	7947496	Đường Tổ 15, ấp 1 xã Mã Đà				624	UBND xã Trị An
87	17-Giao thông	7947495	Đường Hẻm tổ 6-8 và Hẻm chợ cũ ấp 1, xã Mã Đà				717	UBND xã Trị An
88	17-Giao thông	7947347	Nâng cấp, sửa chữa Đường Bà Bền xã Trị An				2.432	UBND xã Trị An
89	17-Giao thông	7947348	Nâng cấp Sửa chữa đường xóm Huế (đoạn 1) xã Trị An				2.164	UBND xã Trị An
90	17-Giao thông	7923622	Đường Xóm Dừa, xã Thạnh Phú				802	UBND phường Tân Triều
91	17-Giao thông	7930391	Hẻm Tổ 12, 14, ấp 2 xã Thạnh Phú				359	UBND phường Tân Triều
92	17-Giao thông	7930394	Hẻm 668, 520, đường ĐT 768, ấp 4 xã Thạnh Phú				201	UBND phường Tân Triều
93	17-Giao thông	7930393	Hẻm 33, đường Cây Dầu, ấp 4, xã Thạnh Phú				633	UBND phường Tân Triều
94	17-Giao thông	7930392	Hẻm Tổ 4, ấp 3, xã Thạnh Phú				145	UBND phường Tân Triều
95	17-Giao thông	7900395	Hẻm tổ 7, ấp 5, xã Thạnh Phú				425	UBND phường Tân Triều
96	17-Giao thông	7930390	Nâng cấp đường vào xóm Miếu Bà – Vũng Vọng, ấp 1, xã Thạnh Phú				809	UBND phường Tân Triều
97	17-Giao thông	7933174	Đường nhánh 1-2-3, tổ 3-10-13, KP 3, TT Vĩnh An				782	UBND xã Trị An
98	17-Giao thông	7947868	Đường số 10, tổ 12-13 khu phố 1, thị trấn Vĩnh An				719	UBND xã Trị An
99	17-Giao thông	1005828	Đường hẻm Đình Thần, tổ 9, khu phố 4, thị trấn Vĩnh An				911	UBND xã Trị An
100	17-Giao thông	7947867	Đường liên hẻm khu phố 2, thị trấn Vĩnh An				1.574	UBND xã Trị An
101	17-Giao thông	79304000	Đường Hẻm 3 vào lò Gạch xã Thiện Tân				863	UBND phường Trảng Dài
102	17-Giao thông	7930398	Đường Hẻm 87 xã Thiện Tân				627	UBND phường Trảng Dài
103	17-Giao thông	7930399	Đường Hẻm 67 xã Thiện Tân				893	UBND phường Trảng Dài
104	17-Giao thông	7930397	Đường Hẻm 1551 xã Thiện Tân				245	UBND phường Trảng Dài
105	17-Giao thông	8018203	Đường tổ 9E, đầu nối với đường số 7, ấp 1, xã Thạnh Phú				2.911	UBND phường Tân Triều
106	17-Giao thông	8018204	Đường liên tổ 5-6, ấp 5, xã Thạnh Phú				518	UBND phường Tân Triều
107	17-Giao thông	8018205	Đường hẻm tổ 5.4, ấp 5, xã Thạnh Phú				504	UBND phường Tân Triều
108	17-Giao thông	8018206	Đường hẻm tổ 4, ấp 5, xã Thạnh Phú				621	UBND phường Tân Triều
109	17-Giao thông	8018207	Đường hẻm 83, liên ấp 7-6, xã Thạnh Phú				783	UBND phường Tân Triều
110	17-Giao thông	8018700	Đường tổ 6, ấp 4 (giai đoạn 1), xã Phú Lý				2.454	UBND xã Phú Lý
111	17-Giao thông	8018699	Đường tổ 11, ấp 4, xã Phú Lý				715	UBND xã Phú Lý
112	17-Giao thông	7930396	Hẻm tổ 5, ấp 5, xã Thạnh Phú				247	UBND phường Tân Triều

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, địa danh (cấp xã cũ)	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
113	17-Giao thông	7947861	Hẻm 81, 82, 83, ấp Tân Triều.				619	UBND phường Tân Triều
114	17-Giao thông	7947860	Hẻm 157, 162 ấp Vĩnh Hiệp				820	UBND phường Tân Triều
115	17-Giao thông	7947859	Đường hẻm 230, 176, ấp Vĩnh Hiệp				557	UBND phường Tân Triều
116	17-Giao thông	7947862	Nâng cấp đường hẻm số 3, ấp Vĩnh Hiệp (nâng cấp)				513	UBND phường Tân Triều
117	17-Giao thông	7944210	Đường Hồ Bông, tổ 8 ấp Cây Xoài xã Tân An				2.313	UBND xã Tân An
118	17-Giao thông	7952454	Đường nhánh tổ 7 ấp 6, xã Vĩnh Tân				750	UBND xã Tân An
119	17-Giao thông	7956897	Đường tổ 5, ấp 4 xã Vĩnh Tân (Đường tổ 4 ấp 2 nhánh 1 (giai đoạn 2 xã Vĩnh Tân)				3.098	UBND xã Tân An
120	17-Giao thông	7952455	Đường nhánh tổ 19 ấp 6 nhánh 1, xã Vĩnh Tân				622	UBND xã Tân An
121	17-Giao thông	7956896	Đường tổ 10 ấp 1, xã Vĩnh Tân				1.046	UBND xã Tân An
122	17-Giao thông	7948973	Đường nhánh tổ 16 ấp 3 (nhánh 2), xã Hiếu Liêm				675	UBND xã Trị An
123	17-Giao thông	7956438	Đường nhánh tổ 14 ấp 3, xã Hiếu Liêm				624	UBND xã Trị An
124	17-Giao thông	7956439	Đường nhánh tổ 11 ấp 2, xã Hiếu Liêm				191	UBND xã Trị An
125	17-Giao thông	7947863	Nâng cấp, sửa chữa đường Bến Be nối dài đường Mía đường				3.050	UBND xã Trị An
126	17-Giao thông	7947864	Đường Lò Than, xã Trị An				1.480	UBND xã Trị An
127	17-Giao thông	8043178	Nâng cấp, Cải tạo Hẻm số 03 vào Đình Thần Bình Thạnh, ấp 3, xã Thạnh Phú				1.082	UBND phường Tân Triều
128	17-Giao thông	8050188	Đường xóm tổ 9F1 đầu nối với đường số 7, xã Thạnh Phú				1.184	UBND phường Tân Triều
129	17-Giao thông	8050189	Nâng cấp, Cải tạo Đường Tân Huệ ấp 7, xã Thạnh Phú				3.340	UBND phường Tân Triều
130	17-Giao thông	8043553	Sửa chữa các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Bình Lợi				2.909	UBND phường Tân Triều
131	28- Quy hoạch	7888895	Cắm mốc hành lang bảo vệ Suối Sầu				477	Ban Quản lý dự án khu vực 09
132	28- Quy hoạch	7741085	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 thị trấn Vĩnh An				3.890	Ban Quản lý dự án khu vực 09
133	28- Quy hoạch	7920126	Lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu TĐC tại xã Bình Lợi				496	Ban Quản lý dự án khu vực 09
134	28- Quy hoạch	8046431	Cắm mốc giới theo quy hoạch chung xây dựng xã Thiện Tân				610	UBND phường Trảng Dài
135	28- Quy hoạch	8043566	Cắm mốc giới theo quy hoạch chung xây dựng xã Mã Đà				398	UBND xã Trị An
136	28- Quy hoạch	8136240	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân xã Phú Lý				634	Ban Quản lý dự án khu vực 09
137	28- Quy hoạch	8144643	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư xã Tân Bình				1.100	Ban Quản lý dự án khu vực 09
138	28- Quy hoạch	8144664	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu nhà ở xã hội tại ấp 5, xã Thạnh Phú				600	Ban Quản lý dự án khu vực 09
139	28- Quy hoạch	8155766	Chuyển thiết kế quy hoạch lên bản đồ địa chính, lập bản đồ địa chính khu đất thể hiện vị trí từng thửa đất, lập hồ sơ kỹ thuật, cắm mốc ranh đất dự án xây dựng hạ tầng điểm dân cư số 6				1.732	Ban Quản lý dự án khu vực 09
140	9- QLNN	7931270	Xây dựng Nhà một cửa và tiếp công dân xã Mã Đà				2.122	Ban Quản lý dự án khu vực 09
141	9- QLNN	7931268	Xây dựng Nhà một cửa và tiếp công dân xã Hiếu Liêm	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	2.425		2.067	Ban Quản lý dự án khu vực 09
142	9- QLNN	791894	Xây dựng hội trường UBND xã Vĩnh Tân	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	2.381		2.005	Ban Quản lý dự án khu vực 09
143	9- QLNN	7918949	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhà quân sự UBND TT VA	30/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	2.082		2.967	Ban Quản lý dự án khu vực 09
144	9- QLNN	7918946	Sửa chữa một số hạng mục trụ sở phòng Tư pháp	30/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	3.050		1.286	Ban Quản lý dự án khu vực 09

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, địa danh (cấp xã cũ)	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
145	9- QLNN	7931262	Sửa chữa hội trường UBND xã Thiện Tân	30/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	1.419		2.800	Ban Quản lý dự án khu vực 09
146	9- QLNN	7974213	Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn Huyện Ủy	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	4.007		2.280	Ban Quản lý dự án khu vực 09
147	9- QLNN	8016758	Cải tạo cảnh quan và nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND huyện Vĩnh Cửu				13.799	Ban Quản lý dự án khu vực 09
148	9- QLNN	8016748	Cải tạo, sửa chữa và xây mới nhà kho trong trụ sở UBMTTQ và đoàn thể huyện Vĩnh Cửu	99/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	14.999		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 09
149	9- QLNN	8022454	Xây dựng hội trường và nâng cấp sửa chữa một số hạng mục UBND xã Tân Bình	99/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	6.837		4.990	UBND phường Tân Triều
150	9- QLNN	7873106	Xây dựng phòng làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã Tân An				1.950	UBND xã Tân An
151	9- QLNN	8044635	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục trụ sở UBND xã Bình Hòa				1.905	UBND phường Tân Triều
152	9- QLNN	8044633	Sửa chữa hàng rào và nâng cấp sân trụ sở UBND xã Trị An				4.923	UBND xã Trị An
153	9- QLNN	8052102	Xây dựng kho lưu trữ Huyện ủy				1.283	Ban Quản lý dự án khu vực 09
154	9- QLNN	8043555	Cải tạo, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị trung tâm GDTX-GDNN (cơ sở chính)				4.952	Ban Quản lý dự án khu vực 09
155	9- QLNN	8044307	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở phòng Tài nguyên và Môi trường				13.500	Ban Quản lý dự án khu vực 09
156	9- QLNN	8044303	Sửa chữa trụ sở UBND xã Mã Đà	111/NQ-HĐND ngày 11/8/2023	14.841		4.911	Ban Quản lý dự án khu vực 09
157	9- QLNN	8078427	Xây dựng Trụ sở và nâng cấp các khối nhà làm việc trong UBND xã Bình Lợi	111/NQ-HĐND ngày 11/8/2023	4.911		14.991	Ban Quản lý dự án khu vực 09
158	9- QLNN	8079549	Trang bị màn hình Led hội trường và đèn Led khẩu hiệu tại công trụ sở Huyện ủy	120/NQ-HĐND ngày 28/11/2023	14.991		100	Ban Quản lý dự án khu vực 09
159	9- QLNN	8087987	Cải tạo, sửa chữa Huyện ủy Vĩnh Cửu	184/NQ-HĐND ngày 19/12/2024	14.952		200	Ban Quản lý dự án khu vực 09
160	9- QLNN	8102071	Xây dựng mới phòng họp và nhà bảo vệ UBND xã Phú Lý	30/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	14.978		2.345	UBND xã Phú Lý
161	9- QLNN	8109048	Cải tạo, sửa chữa nhà một cửa và tiếp công dân xã Vĩnh Tân				1.203	UBND xã Tân An
162	9- QLNN	8118953	Cải tạo nhà làm việc trụ sở UBND xã Thanh Phú				2.238	UBND phường Tân Triều
163	9- QLNN		Sửa chữa một số hạng mục trụ sở UBND xã Vĩnh Tân				200	UBND xã Tân An
164	9- QLNN	8129416	Sửa chữa một số hạng mục trong UBND và Trung tâm văn hóa xã Trị An				1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 09
165	18- Cấp thoát nước	7918950	Trạm bơm và đường ống cấp nước thô đến nhà máy nước sạch xã Phú Lý	184/NQ-HĐND ngày 19/12/2024	14.952		14.891	Ban Quản lý dự án khu vực 09
166	18- Cấp thoát nước	7958932	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch khu vực ấp 1, 2 xã Trị An	30/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	14.978		3.959	Ban Quản lý dự án khu vực 09
167	18- Cấp thoát nước	8035835	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch xã Phú Lý	100/NQ-HĐND ngày 19/6/2023	20.089		14.750	Ban Quản lý dự án khu vực 09
168	18- Cấp thoát nước	8046031	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch dọc tuyến đường Long Chiến	100/NQ-HĐND ngày 19/6/2023	20.089		2.771	Ban Quản lý dự án khu vực 09
169	18- Cấp thoát nước	8046030	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch dọc tuyến đường Xóm Rạch	100/NQ-HĐND ngày 19/6/2023	20.089		2.821	Ban Quản lý dự án khu vực 09
170	18- Cấp thoát nước	8043858	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Lợi				6.560	UBND phường Tân Triều
171	18- Cấp thoát nước	8044631	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Tân Bình				2.810	UBND phường Tân Triều
172	18- Cấp thoát nước	8046432	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Vĩnh Tân				7.655	UBND xã Tân An
173	18- Cấp thoát nước	8043857	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Thanh Phú				8.544	UBND phường Tân Triều
174	18- Cấp thoát nước	8048037	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Tân An				1.761	UBND xã Tân An
175	18- Cấp thoát nước	8044632	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Hòa				1.962	UBND phường Tân Triều
176	18- Cấp thoát nước	8118943	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Lợi (giai đoạn 2)				5.648	UBND phường Tân Triều
177	18- Cấp thoát nước	8153981	Đầu tư các tuyến đường ống cấp nước trên địa bàn xã Tân Bình (giai đoạn 2)				1.000	UBND phường Tân Triều
178	16 - Các hoạt động kinh tế		Hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện (giai đoạn 1)				5.396	Ban Quản lý dự án khu vực 09
179	16 - Các hoạt động kinh tế	8018914	Trồng cây xanh tuyến đường Hương lộ 7				2.604	Ban Quản lý dự án khu vực 09
180	16 - Các hoạt động kinh tế	8018913	Trồng cây xanh tuyến đường Hương lộ 9				3.569	Ban Quản lý dự án khu vực 09
181	16 - Các hoạt động kinh tế	7968070	Hệ thống chiếu sáng đường trục 16, giai đoạn 2				1.193	Ban Quản lý dự án khu vực 09
182	16 - Các hoạt động kinh tế	8016755	Hệ thống chiếu sáng đường Cộ Cây Xoài (đoạn còn lại)	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	1.547		2.430	Ban Quản lý dự án khu vực 09
183	16 - Các hoạt động kinh tế	8020280	Hệ thống chiếu sáng đường Bình Chánh (đoạn còn lại)	99/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	3.269		4.400	Ban Quản lý dự án khu vực 09

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, địa danh (cấp xã cũ)	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
184	16 - Các hoạt động kinh tế	8046033	Hệ thống chiếu sáng đường ranh xã Thạnh Phú - Thiện Tân				1.850	Ban Quản lý dự án khu vực 09
185	16 - Các hoạt động kinh tế	8046032	Hệ thống chiếu sáng đường Vĩnh Tân - Trị An (giai đoạn 1)				2.250	Ban Quản lý dự án khu vực 09
186	16 - Các hoạt động kinh tế	8046028	Hệ thống chiếu sáng đường ĐT.768 các đoạn còn lại (từ Km25+700 đến Km29+100 và Km34+900 đến Km40+300)				8.700	Ban Quản lý dự án khu vực 09
187	16 - Các hoạt động kinh tế	8046034	Hệ thống chiếu sáng đường vào Khu tái định cư ấp Thới Sơn				750	Ban Quản lý dự án khu vực 09
188	16 - Các hoạt động kinh tế	8089262	Hệ thống chiếu sáng đường Long Chiến				2.190	Ban Quản lý dự án khu vực 09
189	16 - Các hoạt động kinh tế	8087568	Hệ thống chiếu sáng đường Ranh thị trấn Vĩnh An (giai đoạn 1)				1.980	Ban Quản lý dự án khu vực 09
190	16 - Các hoạt động kinh tế	8087567	Hệ thống chiếu sáng đường Sờ Quýt				1.800	Ban Quản lý dự án khu vực 09
191	16 - Các hoạt động kinh tế	8123145	Cải tạo, sửa chữa và thay thế Hệ thống chiếu sáng, hệ thống đèn trang trí đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Vĩnh An				3.195	Ban Quản lý dự án khu vực 09
192	16 - Các hoạt động kinh tế	8123540	Cải tạo, sửa chữa và thay thế Hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện (một số tuyến còn sử dụng bóng đèn Sodium).				9.860	Ban Quản lý dự án khu vực 09
193	16 - Các hoạt động kinh tế	8123542	Cải tạo, sửa chữa và thay thế Hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn huyện				3.168	Ban Quản lý dự án khu vực 09
194	16 - Các hoạt động kinh tế	7866883	Hỗ trợ xây dựng mới đường dây hạ thế sau TBA áp 2 - ấp Bàu Phụng xã Phú Lý				763	UBND xã Phú Lý
195	16 - Các hoạt động kinh tế	7866882	Đường dây hạ thế sau các TBA áp 3-4 xã Mã Đà				7.766	UBND xã Trị An
196	16 - Các hoạt động kinh tế	7867352	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 4				160	UBND xã Tân An
197	16 - Các hoạt động kinh tế	7867350	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 1				161	UBND xã Tân An
198	16 - Các hoạt động kinh tế	7867353	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 5				242	UBND xã Tân An
199	16 - Các hoạt động kinh tế	7867349	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 6-7, ấp 5				244	UBND xã Tân An
200	16 - Các hoạt động kinh tế	7867409	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 3				222	UBND xã Tân An
201	16 - Các hoạt động kinh tế	7867351	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 15, ấp 3				74	UBND xã Tân An
202	16 - Các hoạt động kinh tế	7867354	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 7 ấp 3				178	UBND xã Tân An
203	16 - Các hoạt động kinh tế	7867355	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 4 ấp 3				170	UBND xã Tân An
204	16 - Các hoạt động kinh tế	7873109	Xây mới đường dây hạ thế phục vụ sản xuất nông nghiệp khu Bàu Ngải, ấp Thái An				700	UBND xã Tân An
205	16 - Các hoạt động kinh tế	8048036	Đường dây điện hạ thế tuyến đường Hồ Bông – Cây Xoài, xã Tân An				459	UBND xã Tân An
206	16 - Các hoạt động kinh tế	80552103	Đường dây điện hạ thế tuyến đường tổ 4 ấp 3, xã Vĩnh Tân				203	UBND xã Tân An
207	20- Nông nghiệp, lâm nghiệp...	7949679	Thay mới 10 máy bơm công suất 1000 m3/giờ và lắp mới 20 bộ tủ khởi động từ và biến tần các nhà trạm bơm				3.099	Ban Quản lý dự án khu vực 09
208	20- Nông nghiệp, lâm nghiệp...	7931267	Bê tông hóa kênh dẫn trạm bơm Bình Phước				3.136	Ban Quản lý dự án khu vực 09
209	20- Nông nghiệp, lâm nghiệp...	7918948	Xây mới, kê chống sạt lở trạm bơm Thiện Tân 3	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	3.981		808	Ban Quản lý dự án khu vực 09
210	20- Nông nghiệp, lâm nghiệp...	7947858	Lắp đặt pa lăng trạm bơm Lợi Hòa, Tân An, Thiện Tân 1	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	3.981		674	Ban Quản lý dự án khu vực 09
211	20- Nông nghiệp, lâm nghiệp...	7931264	Bê tông hóa kênh dẫn trạm bơm Bình Hòa 1				1.507	Ban Quản lý dự án khu vực 09
212	20- Nông nghiệp, lâm nghiệp...	7924714	Kiểm định an toàn quy trình vận hành, quy chế phối hợp phương án PCLB hồ Mo Nang	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	2.960		1.273	Ban Quản lý dự án khu vực 09
213	20- Nông nghiệp, lâm nghiệp...	8016752	Bê tông hóa kênh dẫn trạm bơm Long Chiến				2.714	Ban Quản lý dự án khu vực 09
214	20- Nông nghiệp, lâm nghiệp...	8054790	Lắp đặt thiết bị quan trắc hồ Mo Nang	99/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	2.724		1.500	Ban Quản lý dự án khu vực 09
215	20- Nông nghiệp, lâm nghiệp...	8054789	Lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp hồ chứa nước Mo Nang				1.600	Ban Quản lý dự án khu vực 09
216	20- Nông nghiệp, lâm nghiệp...		Gia cố mái taluy kênh chính hồ Mo Nang, xã Tân An				1.485	Ban Quản lý dự án khu vực 09
217	11- ANTT	7918952	Xây dựng nhà ở tập thể Công an huyện				9.683	Ban Quản lý dự án khu vực 09

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, địa danh (cấp xã cũ)	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
218	11- ANTT	7968078	Xây dựng kho lưu trữ, hội trường (khoảng 200 chỗ ngồi) Công an huyện	30/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	11.704		7.273	Ban Quản lý dự án khu vực 09
219	11- ANTT	7968082	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Công an xã Thiện Tân	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	11.091		3.931	Ban Quản lý dự án khu vực 09
220	11- ANTT	8018202	Xây mới một số hạng mục trụ sở Công an xã Thanh Phú	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	3.960		5.212	UBND phường Tân Triều
221	11- ANTT	8078426	Xây dựng Trụ sở Công an xã Bình Lợi				554	Ban Quản lý dự án khu vực 09
222	11- ANTT	8119568	Sửa chữa một số hạng mục Trụ sở Công an xã Phú Lý	120/NQ-HĐND ngày 28/11/2023	22.553		3.549	UBND xã Phú Lý
223	10 - Quốc phòng	7968077	Xây dựng nhà trực ban nội vụ, nhà tiếp dân Ban CHQS huyện				3.500	Ban Quản lý dự án khu vực 09
224	10 - Quốc phòng	7918951	Xây dựng nhà để xe, kho lưu trữ tài liệu Ban CHQS huyện	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	3.393		3.821	Ban Quản lý dự án khu vực 09
225	10 - Quốc phòng	7004686	Công trình Quốc phòng (Căn cứ hậu cần - kỹ thuật kết hợp khu thao trường huấn luyện) huyện Vĩnh Cửu	30/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	3.861		3.473	Ban Quản lý dự án khu vực 09
226	10 - Quốc phòng	7968072	Sửa chữa trụ sở làm việc và nhà làm việc Quân sự xã Hiếu Liêm				2.956	Ban Quản lý dự án khu vực 09
227	10 - Quốc phòng	7968071	Sửa chữa mái, chống thấm UBND xã và Ban CHQS xã Phú Lý	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	3.177		1.259	Ban Quản lý dự án khu vực 09
228	10 - Quốc phòng	8016759	Nâng cấp, mở rộng và xây mới một số hạng mục của Ban CHQS xã Thanh Phú	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	1.260		3.278	Ban Quản lý dự án khu vực 09
229	10 - Quốc phòng	8045710	Cải tạo, sửa chữa nhà quân sự xã Vĩnh Tân	99/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	3.278		2.206	UBND xã Tân An
230	19- Công nghệ thông tin	7917751	Đầu tư nâng cấp thiết bị bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện				1.327	Ban Quản lý dự án khu vực 09
231	19- Công nghệ thông tin	7917752	Đầu tư hệ thống an ninh, an toàn thông tin trụ sở UBND huyện Vĩnh Cửu				1.574	Ban Quản lý dự án khu vực 09
232	19- Công nghệ thông tin	7933598	Đầu tư trang thiết bị chi Khối Đảng + Khối nhà nước và đoàn thể (Thuộc danh mục mua sắm tập trung và không thuộc danh mục mua sắm tập trung)				2.143	Ban Quản lý dự án khu vực 09
233	19- Công nghệ thông tin	8026679	Đầu tư trang thiết bị cho các phòng ban, cơ quan trên địa bàn huyện năm 2023				2.500	Ban Quản lý dự án khu vực 09
234	19- Công nghệ thông tin	8043858	Hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số xã Bình Lợi				1.686	UBND phường Tân Triều
235	19- Công nghệ thông tin	8044308	Đầu tư, mua sắm hạ tầng ứng dụng CNTT trong các cơ quan, đơn vị, địa phương phục vụ công tác chuyển đổi số				8.278	Ban Quản lý dự án khu vực 09
236	19- Công nghệ thông tin	8079099	Đầu tư hệ thống Truyền thanh thông minh - viễn thông và bảng điện tử trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu	111/NQ-HĐND ngày 11/8/2023	10.778		27.800	Ban Quản lý dự án khu vực 09
237	3- Môi trường		Xây dựng bãi tập kết rác tại Thị trấn Vĩnh An	120/NQ-HĐND ngày 28/11/2023	27.800		-	UBND xã Trị An
238	3- Môi trường	7978259	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Phú Lý				1.795	UBND xã Phú Lý
239	3- Môi trường	7974210	Xây dựng 02 trạm trung chuyển rác thải tại xã Hiếu Liêm				1.110	UBND xã Trị An
240	3- Môi trường	7972529	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Thanh Phú				1.926	UBND phường Tân Triều
241	3- Môi trường	7974211	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Mã Đà				1.042	UBND xã Trị An
242	3- Môi trường	7977726	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Tân An				3.050	UBND xã Tân An
243	3- Môi trường	8103933	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Trị An				1.859	UBND xã Trị An
244	12- Văn hóa, thông tin	7869742	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các hạng mục trung tâm Văn hóa thông tin và Thể thao huyện (nhà thi đấu kết hợp biểu diễn triển lãm huyện)				6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 09
245	12- Văn hóa, thông tin	7948970	Sửa chữa cổng chào huyện tại các xã Vĩnh Tân và Bình Hòa	365/QĐ-HĐND ngày 20/10/2020	7.092		2.803	Ban Quản lý dự án khu vực 09
246	12- Văn hóa, thông tin	7968074	Nâng cấp sửa chữa Trung tâm văn hóa xã Tân An				3.214	Ban Quản lý dự án khu vực 09
247	12- Văn hóa, thông tin	7880687	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa khu phố 3, TT.Vĩnh An	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	3.260		498	UBND xã Trị An
248	12- Văn hóa, thông tin	7880686	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa khu phố 8, TT.Vĩnh An				357	UBND xã Trị An
249	12- Văn hóa, thông tin	7873108	Sửa chữa nhà văn hóa ấp Bình Trung, xã Tân An				366	UBND xã Tân An
250	12- Văn hóa, thông tin	7873109	Sửa chữa nhà văn hóa ấp 2, xã Tân An				395	UBND xã Tân An
251	12- Văn hóa, thông tin	8016754	Cải tạo, sửa chữa thư viện và kho lưu trữ huyện				3.016	Ban Quản lý dự án khu vực 09
252	12- Văn hóa, thông tin	8016749	Xây mới hội trường, một số hạng mục và cải tạo Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao huyện	99/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	3.016		28.000	Ban Quản lý dự án khu vực 09
253	12- Văn hóa, thông tin	8036744	Sửa chữa Trung tâm VH-TT-HTCĐ xã, nhà văn hóa các ấp xã Bình Lợi	99/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	30.310		4.600	UBND phường Tân Triều
254	12- Văn hóa, thông tin	7932021	Xây mới nhà văn hóa ấp Bình Lục - Xã Tân Bình				1.428	Ban Quản lý dự án khu vực 09
255	12- Văn hóa, thông tin	7931964	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục nhà văn hóa xã Phú Lý	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	3.021		3.500	Ban Quản lý dự án khu vực 09

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, địa danh (cấp xã cũ)	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
256	12- Văn hóa, thông tin	7949172	Lắp mới, lắp đặt hệ thống đèn Led phục vụ tết nguyên đán và các ngày lễ lớn trong năm	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	3.925		2.653	Ban Quản lý dự án khu vực 09
257	12- Văn hóa, thông tin	8044634	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Phú Lý				4.815	UBND xã Phú Lý
258	12- Văn hóa, thông tin	8045711	Cải tạo, sửa chữa các nhà văn hóa ấp thuộc xã Vĩnh Tân				3.588	UBND xã Tân An
259	12- Văn hóa, thông tin	8044313	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Vĩnh Tân				3.299	Ban Quản lý dự án khu vực 09
260	12- Văn hóa, thông tin	8085963	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1 và 2 xã Mã Đà	111/NQ-HĐND ngày 11/8/2023	3.299		1.432	UBND xã Trị An
261	12- Văn hóa, thông tin	8118788	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa kết hợp khu thể thao các ấp tại xã Thạnh Phú				3.142	UBND phường Tân Triều
262	12- Văn hóa, thông tin	8118793	Cải tạo, sửa chữa trung tâm VH TT - HTCD xã Thạnh Phú				2.090	UBND phường Tân Triều
263	12- Văn hóa, thông tin	8132062	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đèn trang trí và 02 cổng chào trên địa bàn huyện				130	Ban Quản lý dự án khu vực 09
264	12- Văn hóa, thông tin	8138168	Cải tạo cảnh quan công cộng khu 2, ấp Bình Thạch, xã Tân bình				1.132	UBND phường Tân Triều
265	5- Thể dục thể thao	7949171	Lắp đặt trang thiết bị, dụng cụ tập luyện thể dục, thể thao trên địa bàn huyện				3.480	Ban Quản lý dự án khu vực 09
266	5- Thể dục thể thao	7968075	Xây dựng sân bóng đá kết hợp khu thể thao xã Tân An				5.679	Ban Quản lý dự án khu vực 09
267	5- Thể dục thể thao	8044302	Xây dựng khu thể thao xã Tân Bình	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	6.416		7.758	Ban Quản lý dự án khu vực 09
268	5- Thể dục thể thao	8087708	Lắp đặt trang thiết bị, dụng cụ tập luyện thể dục, thể thao và trò chơi trẻ em trên địa bàn huyện	100/NQ-HĐND ngày 19/6/2023	8.958		5.449	Ban Quản lý dự án khu vực 09
269	5- Thể dục thể thao	8119569	Xây dựng một số hạng mục trong khuôn viên Trung tâm văn hoá xã Phú Lý				2.079	UBND xã Phú Lý
270	5- Thể dục thể thao	8119568	Xây dựng mới một số hạng mục khu thể thao xã Phú Lý				1.900	UBND xã Phú Lý
271	5- Thể dục thể thao	8118786	Xây dựng khu thể thao xã Bình Lợi				2.694	UBND phường Tân Triều
272	7- Giáo dục và Đào tạo	7931275	Mở rộng trường MN Hòa Mi				13.421	Ban Quản lý dự án khu vực 09
273	7- Giáo dục và Đào tạo	7931276	Cải tạo sửa chữa trường MN Tân An	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	13.567		2.972	Ban Quản lý dự án khu vực 09
274	7- Giáo dục và Đào tạo	7931273	Xây dựng trường MN Bình Hòa (giai đoạn 2)	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	5.385		11.112	Ban Quản lý dự án khu vực 09
275	7- Giáo dục và Đào tạo	79668076	Xây mới Trường tiểu học Cây Gáo B (cơ sở 2)	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	12.060		29.662	Ban Quản lý dự án khu vực 09
276	7- Giáo dục và Đào tạo	7931276	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học Tân An	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	33.329		11.245	Ban Quản lý dự án khu vực 09
277	7- Giáo dục và Đào tạo	7968069	Cải tạo sửa chữa trường tiểu học Tân Triều	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	12.133		11.858	Ban Quản lý dự án khu vực 09
278	7- Giáo dục và Đào tạo	7931272	Cải tạo sửa chữa trường TH Thiện Tân (cơ sở 2)	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	12.431		1.600	Ban Quản lý dự án khu vực 09
279	7- Giáo dục và Đào tạo	7931269	Cải tạo sửa chữa trường THCS Thiện Tân	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	2.986		3.841	Ban Quản lý dự án khu vực 09
280	7- Giáo dục và Đào tạo	7931955	Xây dựng nhà vệ sinh thân thiện, sáng, sạch, đẹp tại các trường MN- TH - THCS trên địa bàn huyện	41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021	5.610		1.491	Ban Quản lý dự án khu vực 09
281	7- Giáo dục và Đào tạo	8016750	Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo stem trong trường học khối THCS				2.658	Ban Quản lý dự án khu vực 09
282	7- Giáo dục và Đào tạo	8016753	Sửa chữa trường THCS Hiếu Liêm	99/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	3.212		5.562	Ban Quản lý dự án khu vực 09
283	7- Giáo dục và Đào tạo	8016751	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Trị An (cơ sở 1)	99/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	5.562		3.212	Ban Quản lý dự án khu vực 09
284	7- Giáo dục và Đào tạo	8016761	Nâng cấp, mở rộng trường tiểu học Bàu Phụng	99/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	3.212		17.500	Ban Quản lý dự án khu vực 09
285	7- Giáo dục và Đào tạo	8035834	Xây dựng mới và cải tạo một số hạng mục trường TH Phú Lý	99/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	20.872		45.074	Ban Quản lý dự án khu vực 09
286	7- Giáo dục và Đào tạo	8044314	Xây dựng mới 01 khối phòng học và cải tạo, sửa chữa trường mầm non Phong Lan	98/NQ-HĐND ngày 28/2/2023	49.602		19.799	Ban Quản lý dự án khu vực 09
287	7- Giáo dục và Đào tạo	8044304	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Sông Mỹ	100/NQ-HĐND ngày 19/6/2023	19.799		8.500	Ban Quản lý dự án khu vực 09
288	7- Giáo dục và Đào tạo	8044306	Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC trường tiểu học Thạnh Phú	111/NQ-HĐND ngày 11/8/2023	9.615		3.100	Ban Quản lý dự án khu vực 09
289	7- Giáo dục và Đào tạo	8044305	Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC trường Mầm non Hiếu Liêm	111/NQ-HĐND ngày 11/8/2023	3.916		2.700	Ban Quản lý dự án khu vực 09
290	7- Giáo dục và Đào tạo	8101242	Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC trường tiểu học Cây Gáo A	111/NQ-HĐND ngày 11/8/2023	3.742		2.900	Ban Quản lý dự án khu vực 09
291	7- Giáo dục và Đào tạo	8101249	Xây mới sân bóng đá các trường THCS trên địa bàn huyện	111/NQ-HĐND ngày 11/8/2023	3.138		6.350	Ban Quản lý dự án khu vực 09
292	7- Giáo dục và Đào tạo	8118352	Xây dựng mới trường TH Kim Đồng (cơ sở 2)	152/NQ-HĐND ngày 31/7/2024	6.349		42.341	Ban Quản lý dự án khu vực 09
293	7- Giáo dục và Đào tạo	8129415	Xây dựng trường TH-THCS Vĩnh Tân	152/NQ-HĐND ngày 31/7/2024	44.754		40.000	Ban Quản lý dự án khu vực 09
294			Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới một số hạng mục trường Tiểu học Cây Gáo B (cơ sở 1)	168/NQ-HĐND ngày 07/11/2024	140.745		20.000	Ban Quản lý dự án khu vực 09

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, địa danh (cấp xã cũ)	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Lũy kế giải từ đầu án đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
295	1 Xã hội	7931271	Xây mới 100 võ mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Cửu	184/NQ-HĐND ngày 19/12/2024	42.091		1.811	Ban Quản lý dự án khu vực 09
296	1 Xã hội	7968080	Cải tạo núi đá công viên, sửa chữa nhà quán trang nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Cửu	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	2.106		300	Ban Quản lý dự án khu vực 09
297	1 Xã hội	7873110	Xây mới nhà bia ghi danh các liệt sĩ xã Tân An	74/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	8.244		1.490	UBND xã Tân An
298	16 - Các hoạt động kinh tế	8035836	Khu tái định cư Bình Lợi	100/NQ-HĐND ngày 19/6/2023	30.431		29.031	Ban Quản lý dự án khu vực 09
299	16 - Các hoạt động kinh tế	8046029	Sửa chữa Hạ Tầng khu tái định cư ấp 5, xã Thạnh Phú	100/NQ-HĐND ngày 19/6/2023	30.431		6.900	Ban Quản lý dự án khu vực 09
300	8- y tế		Bồi thường, hỗ trợ dự án Trại Y tế xã Mã Đà				607	UBND xã Trị An
301	30 - Cấp vốn điều lệ		NSH ủy thác sang NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách				29.000	
302	30 - Cấp vốn điều lệ		Quỹ hỗ trợ nông dân				5.000	
303	35-Nhiệm vụ khác		Khen thưởng NTM nâng cao cho xã Vĩnh Tân				1.000	
304	35-Nhiệm vụ khác		Khen thưởng NTM nâng cao cho xã Thiện Tân				1.000	
305	35-Nhiệm vụ khác		Khen thưởng NTM xã Tân An				1.000	
306	35-Nhiệm vụ khác		Khen thưởng NTM kiểu mẫu xã Tân Bình				1.000	
307	35-Nhiệm vụ khác		Khen thưởng NTM kiểu mẫu xã Phú Lý				1.000	
308			Hỗ trợ thực hiện XD khu dân cư kiểu mẫu					
309	35-Nhiệm vụ khác		Xã Bình Lợi (03 khu)				450	
310	35-Nhiệm vụ khác		Xã Phú Lý (02 khu)				300	
311	35-Nhiệm vụ khác		Xã Hiếu Liêm (01 khu)				150	
312	35-Nhiệm vụ khác		Xã Vĩnh Tân (01 khu)				150	
313	35-Nhiệm vụ khác		Xã Trị An (01 khu)				150	
314	35-Nhiệm vụ khác		Xã Tân Bình (01 khu)				150	
315	35-Nhiệm vụ khác		Xã Bình Lợi (01 khu)				150	
316	35-Nhiệm vụ khác		Xã Thạnh Phú (01 khu)				150	
317	35-Nhiệm vụ khác		Xã Thiện Tân (01 khu)				150	
318	35-Nhiệm vụ khác		Xã Tân An (01 khu)				150	
319	35-Nhiệm vụ khác		Xã Trị An (01 khu)				150	
320	35-Nhiệm vụ khác		Xã Vĩnh Tân (01 khu)				150	
321	35-Nhiệm vụ khác		Xã Mã Đà (01 khu)				150	
322	35-Nhiệm vụ khác		Xã Phú Lý (01 khu)				150	
323			Khen thưởng khu dân cư đạt chuẩn KDC kiểu mẫu					
324	35-Nhiệm vụ khác		Xã Bình Lợi (04 khu)				800	
325	35-Nhiệm vụ khác		Xã Bình Hòa (02 khu)				200	
326	35-Nhiệm vụ khác		Xã Phú Lý (03 khu)				600	
327	35-Nhiệm vụ khác		Xã Hiếu Liêm (02 khu)				400	
328	35-Nhiệm vụ khác		Xã Trị An (01 khu)				200	
329	35-Nhiệm vụ khác		Xã Tân Bình (03 khu)				600	
330	35-Nhiệm vụ khác		Xã Vĩnh Tân (01 khu)				200	
331			Khen thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao					
332	35-Nhiệm vụ khác		Xã Vĩnh Tân				200	
333	35-Nhiệm vụ khác		Xã Thiện Tân				200	
XXI			Dự phòng chưa phân bổ				26.740	
C			Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025 (dự kiến bố trí vốn thực hiện dự án thuộc giai đoạn 2026-2030)					

Phụ lục III.10

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN NĂM 2021 - 2025

DVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục công trình	Địa điểm (cấp xã cũ)	Tiến độ thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025	Chủ đầu tư
				Số QĐ	Ngày ký	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	
I	QUY HOẠCH					33.715	23.010	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã và điểm dân cư nông thôn	Các xã	3 năm			7.500	7.500	
2	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư nông thôn ấp Cây Xăng xã Phú Túc	Phú Túc	3 năm			420	420	Ban Quản lý dự án khu vực 10
3	Điều chỉnh QH trung tâm xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm			1.500	-	
3	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm dân cư tái định cư đường 763 xã Phú Túc	Phú Túc	3 năm			547	546	Ban Quản lý dự án khu vực 10
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư khu tái định cư xã Phú Túc	Phú Túc	3 năm			324	324	UBND xã Thống Nhất
5	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm			1.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
6	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm			1.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
7	Đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 khu tái định cư 3 thị trấn Định Quán	TTĐQ	3 năm			500	800	Ban Quản lý dự án khu vực 10
8	Lập chương trình phát triển đô thị trên địa bàn huyện	TTĐQ	3 năm			300	300	Ban Quản lý dự án khu vực 10
9	Lập quy hoạch tổng thể mặt bằng điểm trưng bày sản phẩm OCOP	Phú Ngọc	3 năm			200	200	Ban Quản lý dự án khu vực 10
10	Quy hoạch tổng mặt bằng Cơ sở sơ chế và bảo quản nông sản tại ấp 4 xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm			504	500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
11	Quy hoạch chung đô thị Phú Túc	Phú Túc	3 năm			5.500	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
12	Quy hoạch chung đô thị La Ngà	La Ngà	3 năm			7.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
13	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nghĩa trang nhân dân Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm			1.500	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
14	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nghĩa trang nhân dân Túc Trưng	Túc Trưng	3 năm			1.500	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
15	Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Quán	TTĐQ	3 năm			2.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
16	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 phân khu 3 thị trấn Định Quán	TTĐQ	3 năm			1.500	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
17	Quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 dự án khu đất vùng phụ cận dự án đầu tư xây dựng đường 770B. tại Suối Nho	Suối nho	3 năm			920	920	Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh Định Quán
II	GIÁO DỤC					1.412.350	569.768	
1	Phân hiệu trường mầm non Sen Hồng (điểm ấp 6)	Suối Nho	3 năm	1393/QĐ-UBND	24/7/2018	12.036	6.662	Ban Quản lý dự án khu vực 10
2	Nâng cấp Trường mầm non Tuổi Ngọc	TTĐQ	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	14.974	8.392	Ban Quản lý dự án khu vực 10
3	Trường Tiểu học La Ngà (giai đoạn 3)	La Ngà	3 năm	2207/QĐ-UBND	27/9/2019	14.694	8.852	Ban Quản lý dự án khu vực 10
4	Trường mầm non Hướng Dương (giai đoạn 2)	Thanh Sơn	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	8.174	4.141	Ban Quản lý dự án khu vực 10
5	Trường mầm non Tuổi Thơ (giai đoạn 2)	Thanh Sơn	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	12.755	5.100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
6	Nâng cấp, mở rộng Trường MN Phú Ngọc	Phú Ngọc	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	14.944	7.036	Ban Quản lý dự án khu vực 10
7	Nâng cấp, mở rộng Trường MN Hoa Phượng	Phú Ngọc	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	13.787	7.621	Ban Quản lý dự án khu vực 10
8	Nâng cấp, mở rộng Trường MN Thanh Sơn (điểm chính)	Thanh Sơn	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	9.039	4.780	Ban Quản lý dự án khu vực 10
9	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	TTĐQ	4 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	81.956	81.300	Ban Quản lý dự án khu vực 10
10	Nâng cấp, cải tạo Trường TH Nguyễn Khuyến	TTĐQ	3 năm	3047/QĐ-UBND	14/8/2020	12.617	10.300	Ban Quản lý dự án khu vực 10
11	Nâng cấp, mở rộng Trường MN Phú Hòa	Phú Hòa	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	9.535	7.738	Ban Quản lý dự án khu vực 10
12	Trường tiểu học Nguyễn Du	TTĐQ	4 năm	150/QĐ-UBND	24/12/2020	63.322	45.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
13	Trường mầm non Hoa Hồng	TTĐQ	4 năm	03/NQ-HĐND	25/5/2022	75.550	22.226	Ban Quản lý dự án khu vực 10
14	Nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Phú Cường	Phú Cường	3 năm	58/NQ-HĐND	17/12/2021	40.160	39.600	Ban Quản lý dự án khu vực 10
15	Trường mầm non La Ngà	La Ngà	4 năm	150/QĐ-UBND	24/12/2020	42.868	42.800	Ban Quản lý dự án khu vực 10
16	Phân hiệu Trường MN Tuổi Thơ (điểm ấp 6)	Thanh Sơn	3 năm	58/NQ-HĐND	17/12/2021	31.563	6.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
17	Nâng cấp Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	Phú Hòa	3 năm	19/NQ-HĐND	20/10/2022	42.770	42.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
18	Trường mầm non Sao Mai	Gia Canh	3 năm	04/NQ-HĐND	25/5/2022	47.425	9.837	Ban Quản lý dự án khu vực 10

Stt	Danh mục công trình	Địa điểm (cấp xã cũ)	Tiến độ thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025	Chủ đầu tư
				Số QĐ	Ngày ký	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	
19	Trường tiểu học và trung học cơ sở Huỳnh Văn Nghệ	Thanh Sơn	3 năm	04/NQ-HĐND	25/5/2022	96.256	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
20	Nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Thanh Sơn (điểm chính)	Thanh Sơn	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	14.960	12.100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
21	Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc (điểm Mít Nài)	La Ngà	3 năm	03/NQ-HĐND	25/5/2022	34.527	34.400	Ban Quản lý dự án khu vực 10
22	Trường tiểu học Trưng Vương (Điểm phân hiệu)	TTĐQ	3 năm			14.055	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
23	Trường TH Võ Thị Sáu (điểm chính)	Suối Nho	3 năm			50.853	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
24	Trường TH Võ Thị Sáu (điểm ấp 5)	Suối Nho	3 năm			21.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
25	Trường TH Nguyễn Khuyến (giai đoạn 2)	TTĐQ	3 năm			25.800	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
26	Trường MN Bình Minh (Trường TH Phú Cường ấp Thông Nhất)	Phú Cường	3 năm			14.988	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
27	Nâng cấp, cải tạo Trường THCS Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm	58/NQ-HĐND	17/12/2021	40.568	40.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
28	Nâng cấp, mở rộng Trường TH Liên Sơn (điểm chính)	Thanh Sơn	3 năm	19/NQ-HĐND	20/10/2022	52.872	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
29	Nâng cấp, mở rộng Trường MN Phú Hoa	Phú Lợi	3 năm			8.150	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
30	Nâng cấp Trường TH Hùng Vương (điểm chính)	Ngọc Định	3 năm			6.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
31	Trường TH Liên Ngọc (điểm Hòa Đồng)	Ngọc Định	3 năm			6.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
32	Trường Tiểu học Lê Lợi	Túc Trưng	3 năm	19/NQ-HĐND	20/10/2022	65.228	27.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
33	Nâng cấp mở rộng Trường tiểu học Trưng Vương (Điểm chính)	TTĐQ	3 năm	19/NQ-HĐND	20/10/2022	48.993	4.686	Ban Quản lý dự án khu vực 10
34	Trường TH Quang Trung	Phú Ngọc	3 năm	19/NQ-HĐND	20/10/2022	88.347	12.297	Ban Quản lý dự án khu vực 10
35	Nâng cấp Trường TH Trần Quốc Tuấn (Điểm lẻ)	Gia Canh	3 năm			10.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
36	Nâng cấp Trường mầm non Túc Trưng	Túc Trưng	3 năm	1411/QĐ-UBND	20/06/2023	42.800	41.400	Ban Quản lý dự án khu vực 10
37	Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Mạc Đĩnh Chi	Túc Trưng	3 năm	15/NQ-HĐND	18/07/2023	47.500	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
38	Nâng cấp và sửa chữa trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên (Cơ sở 1,2)	TTĐQ	3 năm			9.012	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
39	Trường THCS Suối Nho	Suối Nho	3 năm	14/NQ-HĐND	16/10/2024	144.272	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
40	Nâng cấp Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Phú Lợi	3 năm			6.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
41	Trường THCS Ngô Thời Nhiệm tiên tiến hiện đại	TTĐQ	3 năm			1.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
42	Trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo điểm chính	La Ngà	3 năm			10.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
43	Trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo điểm lẻ	La Ngà	3 năm			5.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
III	GAO THÔNG						888.098	
1	Đường và khu tái định cư ấp 3 xã Phú Lợi	Phú Lợi	3 năm	1735/QĐ-UBND	21/8/2021	14.950	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
2	Đường Cách mạng tháng 8, thị trấn Định Quán	TTĐQ	3 năm	894/QĐ-UBND	05/05/17	3.100	490	Ban Quản lý dự án khu vực 10
3	Đường Lương Thế Vinh và đường Ngô Thời Nhiệm	TTĐQ	3 năm	1698/QĐ-UBND	26/06/17	3.000	186	Ban Quản lý dự án khu vực 10
4	Nâng cấp đường 105 xã Phú Ngọc (đường vào khu du lịch Thác Trời)	Phú Ngọc	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	14.642	7.304	Ban Quản lý dự án khu vực 10
5	Nâng cấp đường 101 – Suối Nho (đường 101 Nam Lộ)	Suối Nho	3 năm	561/QĐ-UBND	25/02/2020	14.950	7.568	Ban Quản lý dự án khu vực 10
6	Tiểu dự án bồi thường: Đường nối cụm công nghiệp đi tỉnh lộ 763	Phú Túc	3 năm			36.900	36.900	Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh Định Quán
7	Xây dựng đường nối cụm công nghiệp phú túc đi tỉnh lộ 763, huyện Định Quán	Phú Túc	4 năm	158/NQ-HĐND	07/12/2019	96.110	11.100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
8	Đường ven sông Đồng Nai, huyện Định Quán	Phú Tân Phú Vinh	3 năm	3312/QĐ-UBND	21/10/2019	61.250	5.390	Ban Quản lý dự án khu vực 10
9	Nâng cấp, sửa chữa đường Cầu Trắng	Ngọc Định	4 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	55.972	51.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
10	Nâng cấp, sửa chữa đường 118 (đường 118 - sông Đồng Nai)	Phú Tân Phú Vinh	4 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	72.735	62.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
11	Xây dựng mở rộng đường Lý Thái Tổ, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	TTĐQ	5 năm	158/NQ-HĐND	07/12/2019	124.070	61.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10

Stt	Danh mục công trình	Địa điểm (cấp xã cũ)	Tiến độ thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025	Chủ đầu tư
				Số QĐ	Ngày ký	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	
12	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Lê Lợi)	TTĐQ	3 năm	3531/QĐ-UBND	07/9/2021	11.868	11.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
13	Đường Ngô Sỹ Liên (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường Nguyễn Huệ)	TTĐQ	3 năm	04/NQ-HĐND	25/5/2022	14.999	14.800	Ban Quản lý dự án khu vực 10
14	Đường 104 Bắc -Nam Lộ (từ Km 5+360 đến CDA)	Phú Ngọc	3 năm	04/NQ-HĐND	25/5/2022	22.728	22.200	Ban Quản lý dự án khu vực 10
15	Đường Gia Canh - 120 nối dài (đường 120 đi Gia Canh)	Phú Lợi	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	13.634	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
16	Đường nối Phú Ngọc - Gia Canh	Phú Ngọc	4 năm	04/NQ-HĐND	25/5/2022	202.056	78.560	Ban Quản lý dự án khu vực 10
17	Đường cụm công nghiệp Phú Vinh - thị trấn Tân Phú	Phú Tân	4 năm			123.375	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
18	Đường Trà Cổ đi QL 20	Phú Hòa Phú Lợi	4 năm			99.593	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
19	Nâng cấp, mở rộng Đường Nguyễn Chí Thanh	TTĐQ	3 năm	24/NQ-HĐND	21/12/2023	94.966	31.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
20	Đường liên ấp 2-4-5 xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	4 năm	04/NQ-HĐND	25/5/2022	105.504	5.833	Ban Quản lý dự án khu vực 10
21	Đường Suối Rắc (đoạn từ Km 0+700 đến Km 2+050)	Túc Trưng	3 năm	04/NQ-HĐND	25/5/2022	21.898	21.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
22	Đường ấp 3 Phú Ngọc nối đường 107.	Phú Ngọc	3 năm			6.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
23	Sửa chữa đường vào Khu du lịch Thác Mai (đoạn 2)	TTĐQ, Phú Ngọc	3 năm	1889/QĐ-UBND	18/4/2022	8.877	7.907	Ban Quản lý dự án khu vực 10
24	Sửa chữa và đầu tư mương thoát nước dọc đường Phú Hòa - Gia Canh	Phú Hòa - Gia canh	3 năm	1862/QĐ-UBND	04/12/2022	4.729	3.972	Ban Quản lý dự án khu vực 10
25	Duy tu, nâng cấp mở rộng đường liên xã Phú Vinh - Ngọc Định (đoạn từ Km 3+110 đến Km 5+262,3)	Phú Vinh- Ngọc Định	3 năm	2008/QĐ-UBND	26/4/2022	6.081	5.461	Ban Quản lý dự án khu vực 10
26	Đường và công viên Suối Cầu Trắng (Giai đoạn 1)	TTĐQ	3 năm			50.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
27	Đường Phú lợi- Phú Hòa (Hạng mục: Mương thoát nước đoạn từ Km0+400 đến Km 0+900)	Phú Lợi	3 năm	15/NQ-HĐND	18/07/2023	9.473	9.400	Ban Quản lý dự án khu vực 10
28	Mương thoát nước đường ấp 3,4,5 Phú Lợi	Phú Lợi	3 năm	1256/QĐ-UBND	26/05/2023	8.800	5.900	Ban Quản lý dự án khu vực 10
29	Đường Điều Cái (Đoạn đầu đường Trần Phú đến đường Thác Mai)	TTĐQ	3 năm	24/NQ-HĐND	21/12/2023	39.836	452	Ban Quản lý dự án khu vực 10
30	Đường Nguyễn Trãi nối dài	TTĐQ	3 năm	14/NQ-HĐND	16/10/2024	40.908	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
31	Cầu Suối Soong (Đường 118- Sông Đồng Nai)	Phú Vinh	3 năm	NQ 14	16/10/2024	14.970	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
32	Cầu Nagoa đường Nagoa	Suối nho	3 năm	3749/QĐ-UBND	16/12/2024	5.013	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
33	Cầu Tam Bung 2 đường 101 Nam Lộ	Túc Trưng	3 năm	14/NQ-HĐND	16/10/2024	14.054	9.800	Ban Quản lý dự án khu vực 10
34	Cầu Suối Nhân đường 101 Nam Lộ	Túc Trưng	3 năm	14/NQ-HĐND	16/10/2024	29.079	28.700	Ban Quản lý dự án khu vực 10
35	Cầu Suối Rắc, áp đức Thắng xã Túc Trưng	Túc Trưng	3 năm			1.913	1.850	UBND xã La Ngà
36	Cầu Suối Lớn, ấp Hòa Thuận xã Ngọc Định	Ngọc định	3 năm	775/QĐ-UBND	24/03/2025	3.589	3.400	UBND xã Định Quán
37	Cầu Suối Nhỏ ấp Hòa Thành xã Ngọc Định	Ngọc định	3 năm	776/QĐ-UBND	24/03/2025	3.572	3.400	UBND xã Định Quán
38	Nâng cấp, mở rộng Đường Phú Lợi - Phú Hòa	Phú Lợi- Phú Hòa	4 năm	14/NQ-HĐND	16/10/2024	156.558	500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
39	Nâng cấp, mở rộng Đường Bến Cá - Phú Cường	Phú Cường	3 năm			1.000	300	Ban Quản lý dự án khu vực 10
40	Nâng cấp, mở rộng Đường Phú Hòa - Gia Canh	Phú Hòa- Gia Canh	3 năm			18.300	300	Ban Quản lý dự án khu vực 10
41	Nâng cấp, mở rộng Đường 101 La Ngà	La Ngà	3 năm			1.000	300	Ban Quản lý dự án khu vực 10
42	Đường nội đồng Gia Canh 2 giai đoạn 1 xã Gia Canh	Gia Canh	3 năm	2587/QĐ-UBND	23/08/2024	8.403	8.403	Ban Quản lý dự án khu vực 10
43	Nâng cấp, mở rộng Đường ấp 2 đi ấp 9 gia Canh	Gia Canh	3 năm			1.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
44	Nâng cấp, mở rộng Đường 101 (Nam lộ)	La Ngà	3 năm			1.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
45	Nâng cấp, mở rộng Đường 17/3	TTĐQ	3 năm			1.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
46	Hỗ trợ XHH GTNT	các xã				350.000	353.322	
IV	THỦY LỢI-NUỚC SINH HOẠT						99.148	
1	Nâng cấp Trạm bơm Ngọc Định	Ngọc Định	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	34.786	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
2	Kênh nội đồng Trạm bơm ấp 1, xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm	2156/QĐ-UBND	10/6/2021	11.000	9.100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
3	Đường ống cấp nước sinh hoạt ấp 1, 2 xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm	1183/QĐ-UBND	16/05/2023	24.294	23.600	Ban Quản lý dự án khu vực 10

Stt	Danh mục công trình	Địa điểm (cấp xã cũ)	Tiến độ thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025	Chủ đầu tư
				Số QĐ	Ngày ký	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	
4	Hệ thống Trạm bơm suối Lăng Cô	Phú Ngọc	3 năm			10.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
5	Mở rộng đường ống cấp nước tập trung cho xã Gia Canh	Gia Canh	3 năm	2000/QĐ-UBND	28/06/2024	14.977	14.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
6	Mở rộng cấp nước 03 xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định (giai đoạn 1)	xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định	3 năm	1711/QĐ-UBND	09/05/2024	38.619	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
7	Nâng cấp mở rộng trạm bơm ấp 6, ấp 8 xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm			3.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
8	Mở rộng đường ống cấp nước tập trung cho xã Phú Tân	Phú Tân	3 năm	2547/QĐ-UBND	16/08/2024	12.569	11.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
9	Mở rộng đường ống cấp nước tập trung cho xã Phú Lợi	Phú Lợi	3 năm	1666/QĐ-UBND	04/05/2024	6.921	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
10	Mở rộng đường ống cấp nước tập trung cho xã Phú Hoà	Phú Hòa	3 năm	1667/QĐ-UBND	04/05/2024	6.591	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
11	Xây dựng hồ van tưới các tuyến đường ống thuộc công trình trạm bơm ấp 7	Phú Tân	3 năm	1476/QĐ-UBND	29/03/2024	3.073	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
12	Nạo vét tuyến kênh tiêu thoát nước ấp 1 xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm	1478/QĐ-UBND	29/03/2024	4.746	4.734	UBND xã Thanh Sơn
13	Nạo vét Suối Sơn xã Phú Vinh	Phú Vinh	3 năm	1367/QĐ-UBND	14/03/2024	3.420	3.420	UBND xã Phú Vinh
14	Gia cố bờ kè dọc tuyến kênh N3 cánh đồng Máy Cày xã Phú Hoà	Phú Hòa	3 năm	1415/QĐ-UBND	22/03/2024	1.966	1.966	UBND xã Phú Hòa
15	Gia cố bờ kè suối dọc tuyến đường nội đồng ấp 8 xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm	1610/QĐ-UBND	16/04/2024	3.149	3.128	UBND xã Thanh Sơn
V	VĂN HÓA- THỂ THAO						84.469	
1	Trung tâm văn hóa thể thao và học tập cộng đồng xã Ngọc Định	Ngọc Định	3 năm			15.193	4.700	Ban Quản lý dự án khu vực 10
2	Nâng cấp, cải tạo sân vận động huyện	TTĐQ	3 năm	3972/QĐ-UBND	14/10/2021	52.088	52.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
3	Hội trường trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Phú Ngọc	Phú Ngọc	3 năm	3714/QĐ-UBND	22/9/2021	4.040	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa Châu Mạ	TTĐQ	3 năm	3972/QĐ-UBND	09/05/2022	1.629	1.629	Ban Quản lý dự án khu vực 10
5	Xây dựng nhà văn hóa dân tộc tày - Nùng (xã Thanh Sơn)	Thanh Sơn	3 năm			14.500	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
6	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm văn hóa thể thao , học tập cộng đồng xã Phú Lợi	Phú Lợi	3 năm	4658/QĐ-UBND	29/12/2023	2.016	1.850	UBND xã Phú Hòa
7	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm văn hóa thể thao , học tập cộng đồng xã Phú Vinh	Phú Vinh	3 năm	1452/QĐ-UBND	03/07/2023	2.230	2.190	UBND xã Phú Vinh
8	Xây dựng nhà văn hóa dân tộc Dao (xã Thanh Sơn)	Thanh Sơn	3 năm	1938/QĐ-UBND	21/06/2024	13.210	13.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
9	Xây dựng nhà văn hóa ấp 4 xã Phú lợi	Phú Lợi	3 năm			500	500	UBND xã Phú Hòa
10	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm văn hóa thể thao , học tập cộng đồng xã Phú Cường	Phú Cường	3 năm	3334/QĐ-UBND	30/10/2024	548	500	UBND xã Thống Nhất
11	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm văn hóa thể thao , học tập cộng đồng xã Túc Trưng	Túc Trưng	3 năm	2727/QĐ-UBND	13/09/2024	2.990	2.800	UBND xã La Ngà
12	Dự án bồi thường xây dựng nhà văn hóa ấp 7 xã Phú Tân	Phú Tân	3 năm				240	UBND xã Phú Vinh
13	Dự án bồi thường xây dựng nhà văn hóa ấp Phú Tâm xã Phú Cường	Phú Cường	3 năm				210	UBND xã Thống Nhất
14	Dự án bồi thường xây dựng nhà văn hóa ấp Phú Tân xã Phú Cường	Phú Cường	3 năm				450	UBND xã Thống Nhất
15	Dự án bồi thường xây dựng nhà văn hóa ấp Chợ xã Suối Nho	Suối Nho	3 năm				150	UBND xã Xuân Bắc
16	Dự án bồi thường xây dựng nhà văn hóa ấp 1 xã Suối Nho	Suối Nho	3 năm				150	UBND xã Xuân Bắc
VI	HỖ TRỢ XHH ĐIỆN						40.102	
VII	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC						87.797	
1	Trụ sở Phòng Tài chính Kế hoạch	TTĐQ	3 năm	1382/QĐ-UBND	24/5/2017	8.300	2.211	Ban Quản lý dự án khu vực 10
2	Hội trường UBND xã Túc Trưng	Túc Trưng	3 năm	122/QĐ-UBND	10/06/2020	6.615	2.972	Ban Quản lý dự án khu vực 10
3	Trụ sở UBND xã Phú Cường	Phú Cường	3 năm	2241/QĐ-UBND	10/01/2019	14.986	6.798	Ban Quản lý dự án khu vực 10
4	Sửa chữa Trụ sở UBND xã Túc Trưng	Túc Trưng	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	3.612	2.693	Ban Quản lý dự án khu vực 10
5	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND xã Phú Lợi	Phú Lợi	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	6.906	6.074	Ban Quản lý dự án khu vực 10
6	Sửa chữa Trụ sở UBND xã Gia Canh	Gia Canh	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	3.289	2.909	Ban Quản lý dự án khu vực 10
7	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND xã La Ngà	La Ngà	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	5.605	5.211	Ban Quản lý dự án khu vực 10

Stt	Danh mục công trình	Địa điểm (cấp xã cũ)	Tiến độ thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025	Chủ đầu tư
				Số QĐ	Ngày ký	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	
8	Sửa chữa Trụ sở UBND xã Phú Túc	Phú Túc	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	2.523	2.189	Ban Quản lý dự án khu vực 10
9	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Phòng Tài nguyên và Môi trường	TTĐQ	3 năm	122/NQ-HĐND	10/06/2020	3.415	2.904	Ban Quản lý dự án khu vực 10
10	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Ngọc Định	Ngọc Định	3 năm	3537/QĐ-UBND	08/9/2021	4.307	4.009	Ban Quản lý dự án khu vực 10
11	Xây dựng khối nhà làm việc MTTQ và các đoàn thể chính trị- xã hội xã Phú Ngọc	Phú Ngọc	3 năm	5971/QĐ-UBND	30/12/2021	4.835	5.077	Ban Quản lý dự án khu vực 10
12	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở TTVHTT&TT (thư viện)	TTĐQ	3 năm	1337/QĐ-UBND	12/06/2023	8.422	5.200	Ban Quản lý dự án khu vực 10
13	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở các đơn vị hành chính, sự nghiệp huyện - xã		3 năm			50.000	-	Ban Quản lý dự án khu vực 10
13	Nâng cấp sửa chữa Chi cục Thi Hành Ấn huyện	TTĐQ	3 năm	3031/QĐ-UBND	19/8/2022	900	800	Ban Quản lý dự án khu vực 10
14	Nâng cấp, Sửa chữa trụ sở HĐND-UBND huyện Định Quán	TTĐQ	3 năm			14.957	3.600	Ban Quản lý dự án khu vực 10
15	Nâng cấp, Sửa chữa trụ sở Huyện ủy Định Quán	TTĐQ	3 năm	1872/QĐ-UBND	10/06/2024	13.488	12.800	Ban Quản lý dự án khu vực 10
16	Đầu tư hạ tầng thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện Định Quán Giai đoạn 1 (xây dựng trung tâm điều hành thông minh cấp huyện và xã)	TTĐQ	3 năm			30.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
17	Đầu tư hạ tầng thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện Định Quán Giai đoạn 2	TTĐQ	3 năm			30.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
18	Trụ sở trung tâm điều hành thông minh và bộ phận nhận trả kết quả	TTĐQ	3 năm			30.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
19	Nâng cấp, Sửa chữa trụ sở UBND Thị trấn Định Quán	TTĐQ	3 năm	1368/QĐ-UBND	14/03/2024	3.000	2.900	UBND xã Định Quán
20	Cầu tổ 7, ấp 8 xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm			3.213	3.200	UBND xã Định Quán
21	Đường giao thông nông thôn cấp theo kênh tiêu ấp 8 - Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm	1561/QĐ-UBND	08/04/2024	10.784	10.250	UBND xã Định Quán
22	Nâng cấp, Sửa chữa trụ sở UBND xã Phú Vinh	Phú Vinh	3 năm			4.190	2.000	UBND xã Phú Vinh
VII	AN NINH- TRẬT TỰ						67.951	
1	Trụ sở công an xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm	3538/QĐ-UBND	08/9/2021	7.015	6.732	Ban Quản lý dự án khu vực 10
2	Nâng cấp Trụ sở Công an xã phú Hòa	Phú Hòa	3 năm	3787/QĐ-UBND	15/12/2023	10.621	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
3	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở BCH quân sự xã phú Hòa	Phú Hòa	3 năm			3.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
4	Trụ sở BCH quân sự xã Ngọc Định	Ngọc Định	3 năm	3539/QĐ-UBND	08/9/2021	6.287	5.919	Ban Quản lý dự án khu vực 10
5	Trụ sở công an xã Phú Ngọc	Phú Ngọc	3 năm	124/QĐ-UBND	18/06/2024	11.613	7.800	Ban Quản lý dự án khu vực 10
6	Khu tăng gia sản xuất cho ban chỉ huy quân sự thị trấn Định Quán	TTĐQ	3 năm			1.588	1.000	UBND xã Định Quán
7	Sửa chữa, cải tạo trụ sở ban chỉ huy quân sự xã La Ngà	La ngà	3 năm	3299/QĐ-UBND	27/09/2022	1.504	1.500	UBND xã La Ngà
8	Trụ sở công an xã Phú Tân	Phú Tân	3 năm	1393/QĐ-UBND	19/03/2023	10.513	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
9	Nâng Cấp, Sửa chữa trụ sở Công an huyện Định Quán	TTĐQ	3 năm	1011/QĐ-UBND	13/04/2023	14.942	14.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
10	Khu thao trường huấn luyện BCH quân sự huyện	TTĐQ	3 năm			10.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
11	Trụ sở công an xã Phú Lợi	Phú Lợi	3 năm			10.000	-	Ban Quản lý dự án khu vực 10
12	Trụ sở BCH quân sự Thị trấn Định Quán	TTĐQ	3 năm			5.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
13	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc ban chỉ huy quân sự, các xã Thị trấn	Các xã	3 năm			10.000	500	
14	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc công an các xã Thị trấn	Các xã	3 năm			10.000	5.000	
15	Trụ sở BCH quân sự xã Phú Lợi	Phú Lợi	3 năm			3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
IX	HẠ TẦNG						222.060	
1	Chợ Suối Nho	Suối Nho	4 năm				10.700	Ban Quản lý dự án khu vực 10
2	Khu tái định cư Lý Thái Tổ (đường Lý Thái Tổ đoạn giao đường Trần Phú đến Trường THPT Định Quán)	TTĐQ	3 năm	1219/QĐ-UBND	08/05/2017	16.452	160	Ban Quản lý dự án khu vực 10
3	Khu tái định cư đường nối Cụm công nghiệp Phú Túc đi tỉnh lộ DT 763	Phú Túc	4 năm	/NQ-HĐND122	10/06/2020	88.994	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
4	Khu tái định cư 3, thị trấn Định Quán	TTĐQ	4 năm			113.626	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10

Stt	Danh mục công trình	Địa điểm (cấp xã cũ)	Tiến độ thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch 2021 - 2025	Chủ đầu tư
				Số QĐ	Ngày ký	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	
5	Mở rộng khu tái định cư Lý Thái Tổ, thị trấn Định Quán	TTĐQ	4 năm	27/NQ-HĐND	19/12/2022	178.930	61.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
6	Khu Tái định cư trung tâm xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm	3540/QĐ-UBND	08/9/2021	14.989	13.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
7	Khu Tái định cư xã Phú Túc	Phú Túc	4 năm	14/NQ-HĐND	16/10/2024	91.215	38.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
8	Di dời dân trong vùng nguy cơ sạt lở đồi 112 tại huyện Định Quán	TTĐQ	3 năm			7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
9	Khu Tái định cư khu 8 ấp 5 xã Gia Canh	Gia Canh	3 năm	27/NQ-HĐND	19/12/2022	47.383	25.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
10	Xây dựng công viên cây xanh Đồi 112 thị trấn Định Quán	TTĐQ	3 năm	3310/QĐ-UBND	29/9/2022	14.434	13.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
11	Khu tái định cư ấp 3 xã Gia Canh	Gia Canh	3 năm	645/QĐ-UBND	15/02/2023	14.881	14.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
12	Nâng cấp, sửa chữa chợ Định Quán	TTĐQ	3 năm			10.000	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
13	Nâng cấp, sửa chữa chợ Phú Lợi	Phú Lợi	3 năm	3673/QĐ-UBND	04/12/2023	7.283	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
14	Xây dựng chợ Vĩnh An xã La Ngà	La Ngà	3 năm			2.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
15	Xây dựng chợ Lâm Trường 3 xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm			2.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
16	Xây dựng Nghĩa Trang Thanh Sơn	Thanh Sơn	3 năm			2.000	500	UBND xã Thanh Sơn
17	Xây dựng Nghĩa Trang Túc Trung	Túc Trung	3 năm			2.000	500	UBND xã La Ngà
18	Xây dựng chợ 104 xã Phú Ngọc	Phú Ngọc	3 năm			7.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
19	Nâng cấp, sửa chữa chợ Phú Tân	Phú Tân	3 năm			3.000	100	Ban Quản lý dự án khu vực 10
20	Hạ tầng khu tái định cư Chợ Suối Nho	Suối Nho	3 năm	1408/QĐ-UBND	21/03/2024	499	450	UBND xã Xuân Bắc
21	Hệ thống chiếu sáng khu Tái định cư ấp 3 xã Phú Lợi	Phú Lợi	3 năm	1688/QĐ-UBND	09/05/2024	830	550	UBND xã Phú Hòa
22	Hệ thống chiếu sáng các tuyến đường nội ô thị trấn Định Quán	TTĐQ	3 năm	1689/QĐ-UBND	09/05/2024	1.994	1.600	UBND xã Định Quán
23	Xây dựng các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt các xã (6 điểm)	Các xã	3 năm			3.000	3.000	
24	Nâng cấp, sửa chữa các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt các xã (5 điểm)	Các xã	3 năm			1.000	1.000	
25	Đầu tư hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số	Các xã	3 năm			5.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
26	Hệ thống màn hình điện tử phục vụ chuyển đổi số: 4 màn hình led	Các xã	3 năm			20.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
27	Hệ thống màn hình điện tử 14 xã, thị trấn phục vụ chuyển đổi số: 14 màn hình led	Các xã	3 năm			2.800	2.800	Ban Quản lý dự án khu vực 10
28	Kinh phí thực hiện “Sửa chữa, nâng cấp thiết bị và chuyển đổi đài truyền thanh không dây số FM sang đài truyền thanh ứng dụng công nghệ Công nghệ Thông tin – Viễn thông ở các xã, thị trấn	Các xã	3 năm			5.500	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực 10
29	Kios dịch vụ công phục vụ chuyển đổi số cho bộ phận 1 cửa huyện và 14 xã thị trấn,	Các xã	3 năm			3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 10
30	Dự án bồi thường, hỗ trợ Xây dựng Pano an toàn giao thông tại ấp 2, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán	Phú Ngọc	3 năm			1.700	1.700	Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh Định Quán
31	Dự án khu đất vùng phụ cận dự án đầu tư xây dựng đường 770B. tại Suối Nho	Suối Nho	4 năm			347.402	1.000	Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh Định Quán
X	BỎ SUNG SAU QUYẾT TOÁN						6.000	
XI	VỐN ỦY THÁC QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH						21.000	
XII	HỖ TRỢ VỐN QUỸ HỘI NÔNG DÂN						3.000	
XIII	HỖ TRỢ XÃ NTM-NC						15.250	
	- Từ nguồn tỉnh hỗ trợ 01 tỷ/xã						10.000	
	- Từ nguồn huyện 0,5 tỷ/xã						5.250	
	Tổng cộng						2.127.653	

Phụ lục III.11

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, nguồn vốn	QĐ Chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh		Lũy kế vốn bố trí đến hết 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMBT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
TỔNG CỘNG					2.302.649	222.183	1.819.064	
A			DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG		318.370	220.334	38.727	
	7-Giáo dục	7646870	Trường Mầm non Sơn Ca	2465/QĐ-UBND ngày 23/07/2018	31.950	19.871	3.300	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	14-Văn hóa	7779099	Trung tâm Văn hóa Phú Xuân giai đoạn 2	4009/QĐ-UBND ngày 13/08/2019	3.400	1.957	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7779117	Mở rộng Trường Mầm non Phú Sơn	1665/QĐ-UBND ngày 06/06/2019	13.786	11.000	1.447	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	17-Giao thông	7779118	Đường Phú Trung- Phú An giai đoạn 2	799/QĐ-UBND ngày 26/03/2019	53.661	39.449	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	9-QLNN	7779120	Cải tạo Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện	1664/QĐ-UBND ngày 06/06/2019	4.188	2.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	17-Giao thông	7779121	Cầu Suối Đức xã Trà Cổ	3513/QĐ-UBND ngày 07/08/2019	1.920	1.200	500	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7779122	Nâng cấp trường THCS Núi Tượng	1663/QĐ-UBND ngày 06/06/2019	3.616	2.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	17-Giao thông	7779137	Đường 600 B giai đoạn 2	803/QĐ-UBND ngày 26/03/2019	55.003	48.761	1.700	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	17-Giao thông	7793853	Mở rộng đường và xây dựng hệ thống chiếu sáng đường Tà Lài (đoạn km 13 đến Cầu Tà Lài)	800/QĐ-UBND ngày 26/03/2019	37.903	23.449	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7813558	Trường Tiểu học Nguyễn Du (giai đoạn 2)			11.935	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7813559	Nâng cấp trường TH Nguyễn Trung Trực giai đoạn 2			7.000	3.300	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	9-QLNN	7853013	Xây dựng một số hạng mục UBND huyện Tân Phú	3939/QĐ-UBND ngày 06/11/2018	2.170	2.000	700	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	9-QLNN	7853013	Xây dựng nhà ăn và nhà lưu trữ UBND huyện	4495A/QĐ-UBND ngày 13/09/2019	11.600	2.912	6.480	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	17-Giao thông	7853017	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ xã Đăclũa đi Đăng Hà, tỉnh Bình Phước (NST 78,4)	90NQ-HĐND ngày 14/05/2020	95.355	39.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7860355	Trường TH Thanh Sơn giai đoạn 2			6.000	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	11-An Ninh	7807024	Trụ sở Công An xã Phú Lộc	4007/QĐ-UBND ngày 13/08/2019	3.818	1.800	1.800	UBND xã Tân Phú
B			DỰ ÁN NHIỆM VỤ MỚI THUỘC GIAI ĐOẠN 2021-2025		1.868.699	1.849	1.771.887	
	10-Quốc phòng	7004686	Trường bắn, thao trường huấn luyện Ban CHQS huyện	2464/QĐ-UBND ngày 23/07/2018	14.630	800	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7646868	Mở rộng Trường Mầm non Phú Thịnh	4240/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	34.005		21.500	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7646868	Mở rộng Trường Mầm non Phú Thịnh				10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7646871	XD phòng chức năng THCS Trường Sơn	10408/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	31.143		27.920	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	14-Văn hóa	7651915	Trung tâm Văn hóa xã Phú Sơn	1715/QĐ-UBND ngày 25/5/2021	3.436		2.300	UBND xã Phú Lâm
	7-Giáo dục	7779125	Xây dựng phòng chức năng trường THCS Phú Bình	4368/QĐ-UBND ngày 03/09/2019	13.092		12.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, nguồn vốn	QĐ Chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh		Lũy kế vốn bố trí đến hết 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
	16-Kinh tế	7837645	Lắp đặt HT chiếu sáng đèn đường TT xã Thanh Sơn	1292/QĐ-UBND ngày 09/05/2019	994		700	UBND xã Phú Lâm
	9-QLNN	7853010	Cải tạo sửa chữa trụ sở Mặt trận và các đoàn thể thành các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện	2205/QĐ-UBND ngày 21/07/2020	2.342	149	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	9-QLNN	7853011	Cải tạo sửa chữa Trụ sở Huyện ủy thành Trụ sở Mặt trận và các đoàn thể	1930/QĐ-UBND ngày 30/06/2020	3.914	300	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	14-Văn hóa	7853012	Nhà dài Tà Lài	2209/QĐ-UBND ngày 21/07/2020	6.057	200	5.200	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7853014	Xây dựng phòng chức năng trường THCS Phú Thịnh	1714/QĐ-UBND ngày 05/06/2020	14.956		14.200	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	17-Giao thông	7853015	Nâng cấp, mở rộng đường be 129	90NQ-HĐND ngày 14/05/2020	79.962		32.840	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	17-Giao thông	7853015	Nâng cấp, mở rộng đường be 129				34.200	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	17-Giao thông	7853017	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ xã Đắclua đi Đăng Hà, tỉnh Bình Phước (NST 78,4)				45.800	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	9-QLNN	7900705	Sửa chữa Trụ sở Kho bạc Nhà nước(cũ) thành Trụ sở làm việc của Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả huyện	3429/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	4.753		4.700	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	16-Kinh tế	7915655	Hệ thống đèn đường chiếu sáng Phú Trung đi Phú An	2481/QĐ-UBND ngày 10/08/2020	929		800	UBND xã Phú Lâm
	7-Giáo dục	7915675	Xây dựng trường THCS Phương Lâm (giai đoạn 2)	4709/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	28.875		26.700	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7915676	Điểm Trường Đabogkua -Trường MN Đắc Lua	4710/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	8.149		8.100	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	5-Thể dục TT	7915860	Xây dựng phần mặt sân, hàng rào quanh sân, đường chạy và các loại hình thể thao điền hình khác thuộc trung tâm văn hóa thể thao huyện Tân Phú	8693/QĐ-UBND ngày 05/07/2021	12.411		8.480	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7915861	Nâng cấp trường Tiểu học Phú Thanh	8692/QĐ-UBND ngày 05/07/2021	11.043		10.900	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7915862	Mở rộng trường Tiểu học Phú Lập	9547/QĐ-UBND ngày 27/08/2021	33.961		30.600	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	5-Thể dục TT	7915863	Sửa chữa Nhà thi đấu đa năng huyện Tân Phú	3709/QĐ-UBND ngày 01/09/2020	8.511		4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7915865	Điểm Trường Đabogkua -TH Nguyễn Bá Ngọc	4711/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	12.071	200	11.460	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	16-Kinh tế	7927009	Hệ thống đèn đường chiếu sáng Phú Điền	2206/QĐ-UBND ngày 21/07/2020	970		800	UBND xã Phú Hòa
	7-Giáo dục	7936907	Nâng cấp trường Tiểu học Huỳnh Tấn Phát	10056/QĐ-UBND ngày 20/09/2021	13.631		500	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7936907	Nâng cấp trường Tiểu học Huỳnh Tấn Phát				13.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7936908	Nâng cấp trường Tiểu học Kim Đồng	10057/QĐ-UBND ngày 20/09/2021	33.098		28.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7936910	Nâng cấp trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	2134/QĐ-UBND ngày 25/06/2021	12.579		12.400	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7936911	Nâng cấp Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	9322/QĐ-UBND ngày 17/08/2021	18.303		7.300	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7936911	Nâng cấp Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc				10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7936912	Xây dựng trường Mầm non Nam Cát Tiên	10360/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	42.020		10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7936912	Xây dựng trường Mầm non Nam Cát Tiên				30.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, nguồn vốn	QĐ Chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh		Lũy kế vốn bố trí đến hết 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
	7-Giáo dục	7936913	Nâng cấp trường THCS Phú Lâm	987/QĐ-UBND ngày 31/03/2022	34.685		3.024	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7936913	Nâng cấp trường TH Phú Lâm	10361/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	22.036		16.500	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7936918	Nâng cấp trường Tiểu học Mạc Đình Chi	9794/QĐ-UBND ngày 08/09/2021	9.934		9.400	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	14-Văn hóa	7944985	Nhà văn hóa ấp Phú Hợp A xã Phú Bình	10366/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	1.168		1.100	UBND xã Phú Lâm
	8-Y tế	7945103	Nâng cấp, sửa chữa Trạm dừng chân Tín Nghĩa tại xã Phú Sơn để đưa vào sử dụng thành Khu cách ly tập trung phòng, chống dịch bệnh Covid-19 huyện Tân Phú		980		980	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	8-Y tế	7945104	Cải tạo sửa chữa 03 điểm để làm khu cách ly tập trung dự phòng trên địa bàn huyện Tân Phú		557		550	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	8-Y tế	7945330	Cải tạo sửa chữa Cơ sở 2 (cũ) của Trường Tiểu học Nguyễn Huệ để thành lập cơ sở cách ly tập trung phòng, chống dịch bệnh Covid-19 huyện Tân Phú		476		470	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	14-Văn hóa	7946738	Xây dựng thêm một số hạng mục Trung tâm văn hóa xã Phú Bình	10365/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	2.831		2.700	UBND xã Phú Lâm
	7-Giáo dục	7950102	Nâng cấp trường THCS Phú Lâm	987/QĐ-UBND ngày 31/03/2022	34.685		12.800	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7950103	Xây dựng phòng chức năng trường THCS Núi Tượng	985/QĐ-UBND ngày 31/03/2022	14.861		14.500	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	17-Giao thông	7957401	Đường Trà Cỏ (đoạn 2)	986/QĐ-UBND ngày 31/03/2022	39.164		5.080	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	17-Giao thông	7957401	Đường Trà Cỏ (đoạn 2)				30.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7957402	Mở rộng trường Tiểu học Nguyễn Thị Định (23-26)	01/NQ-HĐND ngày 08/04/2022	119.590		41.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7957402	Mở rộng trường Tiểu học Nguyễn Thị Định (23-26)				40.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	16-Kinh tế	7957403	Khu Tái định cư 15ha huyện Tân Phú	01/NQ-HĐND ngày 08/04/2022	592.762		261.195	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	16-Kinh tế	7957403	Khu Tái định cư 15ha huyện Tân Phú				67.762	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	16-Kinh tế	7957403	Khu Tái định cư 15ha huyện Tân Phú				107.776	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	16-Kinh tế	7957403	Khu Tái định cư 15ha huyện Tân Phú				40.735	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7958929	Sửa chữa Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	1733/QĐ-UBND ngày 30/05/2022	2.634		2.500	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	14-Văn hóa	7960374	Nhà Văn hóa các khu phố 1, 4, 6 và 9 thị trấn Tân Phú	138/QĐ-UBND ngày 09/01/2022	2.504		2.400	UBND xã Tân Phú
	9-QLNN	7962508	Nhà bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã và một số phòng làm việc UBND xã Phú Điền	8988/QĐ-UBND ngày 16/07/2021	3.550		3.400	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7963056	Sửa chữa trường TH & THCS Phú An		14.994		6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7963056	Sửa chữa trường TH & THCS Phú An	1734/QĐ-UBND ngày 30/05/2022			8.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7964418	Nâng cấp trường Tiểu học Phù Đồng	2465/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	41.153		9.100	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7964418	Nâng cấp trường Tiểu học Phù Đồng				10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	9-QLNN	7967163	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục Trụ sở UBND xã Phú Bình	1990/QĐ-UBND ngày 13/06/2022	1.186		1.100	UBND xã Phú Lâm

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, nguồn vốn	QĐ Chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh		Lũy kế vốn bố trí đến hết 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
	7-Giáo dục	7970341	Mở rộng trường Tiểu học Phạm Văn Đồng	3076/QĐ-UBND ngày 15/08/2022	24.395		18.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7970544	Sửa chữa trường THCS Phương Lâm	1812/QĐ-UBND ngày 03/06/2022	3.461		3.300	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7976624	Mở rộng trường Mầm non Phú An	10035/QĐ-UBND ngày 20/09/2022	12.295		7.700	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7976624	Mở rộng trường Mầm non Phú An				4.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	20-Thủy lợi	7977727	Kiên cố hóa Kênh cấp 2 Trạm bơm ấp 4, ấp 9, 10, xã Đắc Lua	10366/QĐ-UBND ngày 27/09/2022	14.964		14.700	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	9-QLNN	7978255	Sửa chữa UBND xã Phú Lập	10367/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	1.954		1.800	UBND xã Tà Lài
	7-Giáo dục	7985763	Điểm Trường Mầm non Đắc Lua (điểm trường chính)	11331/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	9.275		8.058	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7985764	Mở rộng trường tiểu học Phú Trung	11809/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	26.391		500	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	7985764	Mở rộng trường tiểu học Phú Trung				20.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	14-Văn hóa	7995653	Cải tạo sửa chữa Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao huyện	14200/QĐ-UBND ngày 27/11/2022			5.700	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	9-QLNN	8018701	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở UBND huyện, Nhà ăn và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện	1118/QĐ-UBND ngày 17/03/2023	2.084		2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	14-Văn hóa	8021447	Xây dựng Nhà văn hóa ấp 7 xã Đak Lua	14619/QĐ-UBND ngày 15/12/2022			1.300	UBND xã Đak Lua
	14-Văn hóa	8026414	Xây dựng Nhà văn hóa ấp 3 xã Phú Điền	14487/QĐ-UBND ngày 13/12/2022			1.200	UBND xã Phú Hòa
	17-Giao thông	8030166	Đường be 129 (giai đoạn 2)	2025/QĐ-UBND ngày 31/05/2023	79.810		10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	17-Giao thông	8030166	Đường be 129 (giai đoạn 2)				45.289	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	9-QLNN	8031723	Sửa chữa Nhà công vụ và trang bị Phòng Khánh tiết Huyện ủy	2137/QĐ-UBND ngày 12/06/2023	1.819		1.800	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	16-Kinh tế	8041106	Đường dây trung thế trạm biến áp Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện Tân Phú	3930/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	658		650	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	16-Kinh tế	8041106	Đường dây trung thế trạm biến áp Trụ sở Huyện ủy Tân Phú	3929/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	403		400	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	17-Giao thông	8041106	Nâng cấp mở rộng đường Phú Lộc - Phú Tân	12/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	116.419		10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	17-Giao thông	8041106	Nâng cấp mở rộng đường Phú Lộc - Phú Tân				100.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	9-QLNN	8050445	Sửa chữa Trụ sở làm việc phòng Tài nguyên và Môi trường	3438/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	1.532		1.400	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	8053650	Nâng cấp trường Mầm non Núi Tượng	3732/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	11.894		6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	8053650	Nâng cấp trường Mầm non Núi Tượng				5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	14-Văn hóa	8053706	Cải tạo nâng cấp Trung tâm văn hóa thể thao- học tập cộng đồng xã Phú Thịnh	2031/QĐ-UBND ngày 01/06/2023	1.273		1.200	UBND xã Tà Lài
	14-Văn hóa	8056423	Cải tạo, sửa chữa Công viên Tượng đài	3814/QĐ-UBND ngày 27/10/2023			2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	2- Môi trường	8072168	Xây dựng điểm chung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện	526/QĐ-UBND ngày 11/1/2024	5.230		5.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	16-Kinh tế	8082229	Xây dựng mới tuyến điện hạ thế trên địa bàn ấp 7, xã Đak Lua	1592/QĐ-UBND ngày 02/4/2024	6.307		4.500	Ban Quản lý dự án khu vực 11

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, nguồn vốn	QĐ Chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh		Lũy kế vốn bố trí đến hết 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
	7-Giáo dục	8083032	Xây dựng Cơ sở 2 Trường Tiểu học Phú Thanh	1711/QĐ-UBND ngày 08/4/2024	27.278		23.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	8083033	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Tân Phú (cơ sở chính)	1714/QĐ-UBND ngày 08/4/2024	4.465		3.700	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	8094163	Nâng cấp Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	2434/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	31.997		500	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	8094163	Nâng cấp Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng				26.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	9-QLNN	8094165	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	2494/QĐ-UBND ngày 15/6/2024	2.519		2.400	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	8094166	Nâng cấp điểm trường chính - Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	2489/QĐ-UBND ngày 15/6/2024	22.930		2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	8094166	Nâng cấp điểm trường chính - Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc				19.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	7-Giáo dục	8094167	Sửa chữa Trường Mầm non Minh Khai	2491/QĐ-UBND ngày 15/6/2024	12.341		10.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	14-Văn hóa	8096608	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa xã Đak Lua	2345/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	1.218		1.100	UBND xã Đak Lua
	20-Thủy lợi	8097640	Dự án Cấp bách tạm thời chống sạt lở (đoạn còn lại GD2) bờ sông La Ngà, xã Phú Bình	2667/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	2.085		2.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	14-Văn hóa	8098464	Xây dựng các phòng chức năng tại Trung tâm văn hóa thể thao- học tập cộng đồng xã Trà Cỏ	2539/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	1.260		1.100	UBND xã Tân Phú
	14-Văn hóa	8120097	Xây dựng các phòng chức năng tại Trung tâm văn hóa xã Phú Xuân	2623/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	1.039		1.000	UBND xã Tân Phú
	20-Thủy lợi	8123858	Kiên cố kênh mương Trạm bơm áp Đa Tôn, Thanh Trung, Suối Đá - Thanh Sơn	2490/QĐ-UBND ngày 15/6/2024	4.316		4.316	UBND xã Phú Lâm
	17-Giao thông	8152896	Đầu tư đường nội đồng vùng sản xuất lúa áp 2 đi áp 4	4506/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	6.270		6.270	UBND xã Tà Lài
	20-Thủy lợi	8155012	Kiên cố kênh mương ngã ba sông (Ba sự)	4255/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	1.999		1.999	UBND xã Phú Hòa
	17-Giao thông	8155013	Đường Nội đồng N3 áp 4	4254/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	4.771		4.771	UBND xã Phú Hòa
	10-Quốc phòng	7004686	Xây dựng Nhà huấn luyện và thi đấu võ thuật của Ban CHQS huyện Tân Phú	2312/QĐ-UBND ngày 29/5/2024	1.530		1.500	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	11-An Ninh	7004692	Hệ thống camera giám sát an toàn, an ninh tại các vị trí trọng điểm trên địa bàn huyện Tân Phú	10486/QĐ-UBND ngày 22/10/2021	4.392		4.200	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	20-Thủy lợi	7853016	Kênh tạo nguồn Thanh Sơn	90/NQ-HĐND ngày 14/05/2020	7.010	200	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	11-An Ninh	7862541	Trụ sở Công An xã Phú Thanh	2480/QĐ-UBND ngày 10/08/2020	5.700		5.500	UBND xã Tân Phú
	11-An Ninh	8095465	Xây dựng Trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an xã Phú Thịnh		12.333		3.000	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	10-Quốc phòng	8098467	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc Ban Chi huy quân sự xã Phú Lộc	1712/QĐ-UBND ngày 08/4/2024	1.132		1.000	UBND xã Tân Phú
	10-Quốc phòng	8118268	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc Ban Chi huy quân sự xã Phú Thịnh	1713/QĐ-UBND ngày 08/4/2024	2.226		2.000	UBND xã Tà Lài
	14-Văn hóa		Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục Nhà văn hóa, Khu nhà truyền thống, sân bóng đá xã Tà Lài	3810/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	1.840		1.700	UBND xã Tà Lài
	20-Thủy lợi		Kiên cố kênh mương Trạm bơm áp 9, 10, xã Đak Lua nhánh N2	1125/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	2.299		2.299	UBND xã Đak Lua
	30-Hỗ trợ NHCS		Nguồn ủy thác ngân hàng chính sách				29.000	

STT	Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án, nguồn vốn	QĐ Chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh		Lũy kế vốn bố trí đến hết 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
				Số/ngày	TMDT			
	30-Hỗ trợ Quỹ hỗ trợ nông dân		Bổ sung nguồn Quỹ hỗ trợ nông dân				3.000	
	35-Nhiệm vụ khác		35-Chi trả sau quyết toán				28.365	
	35-Nhiệm vụ khác		35-Vốn chuẩn bị đầu tư, bố trí quy hoạch				3.800	
	35-Nhiệm vụ khác		35-Hỗ trợ đầu tư các công trình XHH				119.442	
	35-Nhiệm vụ khác		35-Giảm trừ do trích 70% cải cách tiền lương kết dư KH năm 2021				27.891	
	35-Nhiệm vụ khác		35-Bố trí vốn dự phòng				3.065	
C			CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ 2021-2025		115.580	0	8.450	
	9-QLNN	8096491	Nâng cấp Trụ sở UBND xã Nam Cát Tiên	2632/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	29.462		5.350	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	10-Quốc phòng		Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Phú Điền	2604/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1.488			UBND xã Phú Hòa
	11-An Ninh		Xây dựng Trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an xã Đak Lua		12.182		300	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	14-Văn hóa		Xây dựng Nhà Văn hóa các ấp Phú Lâm 3 và Phú Lâm 5 xã Phú Sơn	13527/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	3.234		0	
	14-Văn hóa	8094168	Xây dựng Hội trường Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng xã Phú Lập	2605/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	14.891		300	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	14-Văn hóa		Xây dựng, sửa chữa Trung tâm văn hóa xã Phú An	4335/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	3.601		100	
	14-Văn hóa		Xây dựng Hội trường Trung tâm văn hoá xã Phú Lộc	4940/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	13.976		300	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	19-Công nghệ TT	8097637	Nâng cấp hạ tầng ứng dụng CNTT phục vụ các hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện Tân Phú	2426/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	5.397		300	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	19-Công nghệ TT	7957403	Đầu tư và nâng cấp, chuyển đổi hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn huyện Tân Phú	2664/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	16.447		300	Ban Quản lý dự án khu vực 11
	19-Công nghệ TT		Thiết lập bảng tin điện tử công cộng trên địa bàn huyện Tân Phú	5029/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	14.902		300	Ban Quản lý dự án khu vực 11
			Cải tạo, sửa chữa Hoa viên song hành				100	
			Cải tạo sửa chữa mở rộng Đài truyền thanh thành trụ sở làm việc Ban quản lý Dự án huyện				100	
			Nâng cấp, mở rộng đường WB2 đi ấp 3 xã Đak Lua				100	
			Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Phú An				100	
			Nâng cấp, mở rộng đường ấp 3 đi Madagui, xã Phú An				100	
			Đường giao thông nội đồng ấp 4, ấp 5, xã Phú Điền				100	
			Kiên cố kênh mương trạm ấp 4 Tà Lài				100	
			Kiên cố kênh mương Trạm bơm Bến Thuyền - Phú Bình				100	
			Xây dựng phòng làm việc tại Nhà văn hóa và Học tập cộng đồng ấp 2, xã Tà Lài				100	
			Xây dựng Trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an xã Phú Lập				100	
			Xây dựng các phòng chức năng tại Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã Thanh Sơn				100	
			Xây dựng các phòng chức năng tại Trung tâm Văn hóa và học tập cộng đồng xã Phú Lâm				100	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC, BAO GỒM NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KHÁC KHÔNG THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025)

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Địa điểm XD (địa danh cũ)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025		Vốn chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội	Dự toán vốn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021	Chủ đầu tư
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
(1)	Dự án đường liên cảng huyện Nhơn Trạch giai đoạn 1 (kể cả vốn chuẩn bị đầu tư là 3.000 triệu đồng)	7890946	Nhơn Trạch	14,25km đường và 08 cầu	2025 - 2026	26/NQ-HĐND ngày 22/9/2022	4.142.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000			Ban Quản lý dự án khu vực 06; Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch
B	Hỗ trợ có mục tiêu						7.038.764	2.507.694	6.318.203	2.356.350			
I	Giao thông						3.403.606	992.694	3.050.700	854.150			
	Chuyển tiếp												
	Nhóm B												
(1)	Tuyến đường nối Hương lộ 10 đoạn từ ranh giới huyện Cẩm Mỹ và huyện Long Thành đến vị trí giao với đường tỉnh 769	7025231	LT-CM-TN	11,2Km	2016 - 2021	510/QĐ-UBND ngày 19/02/2016; 4185/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 3892/QĐ-UBND ngày 29/11/2019; 4328/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	272.606	179.244	40.700	40.700			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
	Khởi công mới												
	Nhóm A												
(2)	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thông Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	7832165	Biên Hòa	Chiều dài 5,358km gồm đường và 01 cầu. Trong đó: 90m đường mặt cắt ngang rộng 95m; 2,97km đường mặt cắt ngang rộng 60m; cầu dài 528m rộng 31m	2020 - 2025	05/NQ-HĐND ngày 20/3/2020; 1580/QĐ-UBND ngày 13/5/2021, 22/NQ-HĐND ngày 30/7/2021	3.131.000	813.450	3.010.000	813.450			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
	Nhóm B												
(3)	Nâng cấp đường tỉnh 763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến), huyện Xuân Lộc và huyện Định Quán (vốn trung ương đầu tư đoạn từ Km8+300 đến Km15+000 và Km24+000 đến cuối tuyến)	7382311; 7510365;	Tỉnh Đồng Nai	Đoạn còn lại khoảng 12,5km. Mặt cắt ngang 12m gồm: đường rộng 8m, lề đất rộng 4m.	2021 - 2024	4121/QĐ-UBND ngày 17/11/2017	599.946	170.000	475.303	170.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai; Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc
(4)	Đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	7927333	Long Khánh	Dài 4,4Km, quy mô mặt cắt ngang 45m gồm: mặt đường 14m, dải trồng cây giữa 19m, vỉa hè mỗi bên 6m	2023 - 2026	27/NQ-HĐND ngày 04/12/2020; 22/NQ-HĐND ngày 30/7/2021; 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; 29/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	1.082.000	585.721	1.050.000	585.721			Ban Quản lý dự án khu vực 02
(5)	Xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	7812823	Biên Hòa	Chiều dài 5,2km	2021 - 2025	178/NQ-HĐND ngày 29/10/2019, 22/NQ-HĐND ngày 30/7/2021; 28/NQ-HĐND ngày 17/7/2024; 2186/QĐ-UBND ngày 30/6/2021, 4206/QĐ-UBND, 08/10/2021	614.100	314.279	610.000	314.279			Ban Quản lý dự án khu vực 01

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Địa điểm XD (địa danh cũ)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025		Vốn chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội	Dự toán vốn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021	Chủ đầu tư
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
(6)	Đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	7812822	Biên Hòa	Chiều dài 5,2km mặt cắt ngang rộng 34m gồm mặt đường rộng 22,5m, dải phân cách rộng 1,5m, vỉa hè mỗi bên 5m	2021 - 2024	178/NQ-HĐND ngày 29/10/2019, 22/NQ-HĐND ngày 30/7/2021, 3533/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	1.289.160	400.000	1.100.000	400.000			Ban Quản lý dự án khu vực 01
II	Xã hội						49.952	45.000	32.200	32.200			
	Chuyển tiếp												
	Nhóm B												
(1)	Dự án trung tâm công tác xã hội tổng hợp tỉnh Đồng Nai	7615404	Biên Hòa	Xây dựng khối nhà hành chính (03 tầng), các khối nhà chức năng (1-2 tầng) và công trình phụ trợ	2020 - 2024	3439/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, 4404/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	49.952	45.000	32.200	32.200			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
III	Môi trường						350.788	235.550	333.500	235.550			
	Khởi công mới												
	Nhóm B												
(1)	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù lao Phố), thành phố Biên Hòa	7431291	Biên Hòa	Chiều dài 1,885km. Kè bê tông cốt thép	2021 - 2025	21/NQ-HĐND ngày 30/7/2021, 4387/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	350.788	235.550	333.500	235.550			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
C	Vốn chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội bố trí cho dự án lĩnh vực Y tế										32.000		
(1)	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh và 05 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đồng Nai.										12.000		Sở Y tế
(2)	Dự án Nâng cấp, cải tạo Phòng khám đa khoa khu vực Phú Lý và Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu (cơ sở 2) tỉnh Đồng Nai										20.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai

Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án, chủ đầu tư	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư								Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2020				Kế hoạch năm 2020				KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
					Số quyết định	TMĐT																				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		
																										Tổng số
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	
	TỔNG SỐ						1.277.853			5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	2.032.600			2.032.600		
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC						1.277.853			5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	2.032.600			2.032.600		
I	Môi trường						1.277.853			5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	2.032.600			2.032.600		
	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021																									
a	Dự án nhóm A																									
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai																									
(1)	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (giai đoạn 1)	Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)	30/08/2017	30/08/2027	246/QĐ - UBND ngày 20/01/2017	6.610.252	1.277.853	0		5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0				2.032.600			2.032.600		

Phụ lục VI

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025							
STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư
				Tổng số	Chia ra		
					NS trung ương	NS tỉnh	
	TỔNG SỐ		59.428.485	50.163.447	16.749.485	24.446.938	
A	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA TỈNH		49.868.940	33.371.023	15.912.485	17.458.538	
A1	Trả nợ vay ODA (dự án Minh Lập-Lộc Hiệp)			64.860		64.860	
	Năm 2022			16.640		16.640	
	Năm 2023			16.360		16.360	
	Năm 2024			16.070		16.070	
	Năm 2025			15.790		15.790	
A2	Dự án chuyển tiếp		5.338.902	3.875.541	2.015.266	1.860.275	
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		3.851.130	3.100.200	1.875.700	1.224.500	
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	1.450.000	1.105.000	345.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Nâng cấp, mở rộng QL.13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020; 80/QĐ-UBND ngày 13/01/2022; 2238/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	450.000	367.000	320.000	47.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
3	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	2178/QĐ-UBND ngày 18/10/2019; 1654/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	220.000	171.800	171.800		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
4	Đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trắng cỏ Bù Lạch (thuộc tour du lịch nối với Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng Sok Bom Bo) xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 988/QĐ-UBND ngày 26/4/2017; 2321/UBND-KT ngày 13/7/2021	100.000	10.000	10.000	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
5	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017; 1901/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	495.557	423.000	268.900	154.100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
6	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000		110.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
7	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	2294/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	85.000		85.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
8	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2717/UBND-KT ngày 26/9/2022	282.609	219.800		219.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
9	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C	1659/QĐ-UBND ngày 17/7/2018	89.834	27.800		27.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
10	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	2333/QĐ-UBND ngày 1/11/2019	58.130	22.000		22.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
11	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	1622/QĐ-UBND ngày 16/7/2020; 2260/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	200.000	160.000		160.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
12	Đường trục chính từ QL13 vào khu công nghiệp Tân khai II, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	2779/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 2694/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	40.000	15.000		15.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
13	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	2054/QĐ-UBND ngày 21/8/2017; 438/QĐ-UBND ngày 23/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	105.000	38.800		38.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
II	Công nghiệp, hạ tầng KCN, KKT		915.672	140.190	97.690	42.500	
1	Cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	34.000	34.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	1246/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	110.000	63.690	63.690		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
3	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	980/QĐ-UBND ngày 09/5/2018	79.973	30.800		30.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
4	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào Becamex Bình Phước	1944/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	48.974	11.700		11.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
III	Nông nghiệp, thủy lợi		110.000	41.876	41.876	-	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh	2198/QĐ-UBND ngày 24/8/2016; 989/QĐ-UBND ngày 26/4/2017; 2599/UBND-KT ngày 19/9/2022	110.000	41.876	41.876		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
IV	Giáo dục - Đào tạo		221.500	161.500	-	161.500	
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	2319/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2953/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	150.000	110.000		110.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học trường THPT Đồng Xoài (trường học thông minh)	1643a/QĐ-UBND ngày 20/7/2020	71.500	51.500		51.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
V	Y tế		68.500	68.500	-	68.500	

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư
				Tổng số	Chia ra		
					NS trung ương	NS tỉnh	
1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	2785/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 2528/QĐ-UBND ngày 08/10/2020	68.500	48.500		48.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Cầu nối và sân vườn bệnh viện đa khoa tỉnh	1642a/QĐ-UBND ngày 20/7/2020; 3150/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	40.000	20.000		20.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
VI	Quốc phòng - An ninh		112.100	50.100	-	50.100	
1	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh	2462a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	20.100	10.100		10.100	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2467a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	15.000	10.000		10.000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
3	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	2312/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	52.000	20.000		20.000	Công An tỉnh
4	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	2261/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	25.000	10.000		10.000	Công An tỉnh
VII	Quản lý Nhà nước		60.000	58.800	-	58.800	
1	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch		60.000	58.800		58.800	Sở Tài chính
VIII	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán			254.375		254.375	
A3	Dự án khởi công mới		44.530.038	29.353.504	13.866.785	15.486.719	
I	Đối ứng dự án ODA		5.566.138	1.404.078	207.684	1.196.394	
1	Dự án cơ sở hạ tầng định hướng phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (dự án suối rạt + đường phía đông nam QL14)		4.979.000	1.000.000		1.000.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước	1310/QĐ-UBND ngày 15/8/2023; 257/QĐ-UBND ngày 06/02/2024	587.138	404.078	207.684	196.394	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
II	Đối ứng dự án PPP		27.014.000	13.091.516	11.536.500	1.555.016	
1	Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	02/NQ-HĐND ngày 13/5/2024; 1931/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	1.474.000	1.474.000	1.000.000	474.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	138/2024/QH15 ngày 28/6/2024	25.540.000	11.454.016	10.536.500	917.516	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
3	Thanh toán trả nợ tòa nhà TTHC tỉnh 2 năm (2024-2025)	20/NQ-HĐND ngày 16/12/2019			-	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
4	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và khu dân cư Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài	3026/QĐ-UBND ngày 20/11/2017; 1107/QĐ-UBND ngày 27/05/2019; 1737/QĐ-UBND ngày 01/7/2021		163.500		163.500	Sở Xây dựng
III	Giao thông và Hạ tầng đô thị		7.515.000	6.779.734	232.734	6.547.000	
1	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	3075/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 1456/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	1.450.000	1.305.000		1.305.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa Vũng Tàu	2118/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	480.000	455.734	232.734	223.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
3	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bầu Bàng	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021; 3158/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	440.000	396.000		396.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
4	Xây dựng đường kết nối Đồng Xoài - Hớn Quản	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	800.000	720.000		720.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
5	Xây dựng đường cạp theo đường dây 500kV đoạn Đồng Xoài - Đồng Phú	1272/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	180.000	162.000		162.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
6	Xây dựng tuyến kết nối ĐT753B với đường Đồng Phú-Bình Dương (Lam Sơn - Tân Phước)	1996/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	180.000	162.000		162.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
7	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bầu Nặm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bầu Nặm)	2023/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	70.000	63.000		63.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
8	Xây dựng đường nối Đường vòng quanh Hồ Phước Hòa với khu công nghiệp Đồng Xoài I	2105/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	120.000	108.000		108.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
9	Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập	1355/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	200.000	180.000		180.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
10	Xây dựng đường Đồng Xoài - Tân Lập (vành đai phía Tây hồ suối Giai)	3283/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	70.000	63.000		63.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
11	Xây dựng Đường kết nối ngang QL 14 với tuyến ĐT755 nối ĐT753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	90.000		90.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
12	Xây dựng cầu dân sinh	1281/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	135.000	121.000		121.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
13	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	212/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	80.000	65.000		65.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
14	Xây dựng đường kết nối ngang QL13 và tuyến Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư	1371/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	150.000	135.000		135.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
15	Xây dựng các đường kết nối QL14 với các hồ bậc thang Suối Cam	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	150.000	135.000		135.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
16	Mở rộng ĐT.758 từ Bình Long đến Thuận Phú và đoạn kết nối QL14	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	500.000	450.000		450.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
17	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1-2 kết nối QL14	3076/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	450.000	405.000		405.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
18	Xây dựng đường Trung tâm hành chính xã Thành Tâm nối dài	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	60.000	54.000		54.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
19	Xây dựng đường phía tây nam huyện Đồng Phú (từ ĐT 741 vào đường Đồng Phú – Bình Dương)	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	220.000	198.000		198.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
20	Xây dựng đường tránh phía đông QL 13, đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	190.000	171.000		171.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư
				Tổng số	Chia ra		
					NS trung ương	NS tỉnh	
21	Xây dựng đường kết nối từ ấp dên dên thị trấn Tân Phú đi thành phố Đồng Xoài	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	100.000	90.000		90.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
22	Nâng cấp mở rộng ĐT.753B đoạn Lam Sơn - Đăng Hà	2106/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	220.000	198.000		198.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
23	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chò qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	3077/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	80.000	72.000		72.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
24	Xây dựng đường Minh Lập (Chơn Thành) - Bù Nho (Phú Riềng)	19/NQ-HĐND ngày 09/11/2022	890.000	801.000		801.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
25	Xây dựng đường kết nối các khu công nghiệp khu vực huyện Chơn Thành	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	200.000	180.000		180.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
IV	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT		860.000	775.500	-	775.500	
1	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000		45.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000		45.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
3	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II).	2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2020; 1514/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	100.000	90.000		90.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
4	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	1195/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	60.000	54.000		54.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
5	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000		45.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
6	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000		45.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
7	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	46.500		46.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
8	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000		45.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
9	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào Khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Đồng Phú	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000		45.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
10	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	809/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	50.000	45.000		45.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
11	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	2104/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	300.000	270.000		270.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
12	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp			-		-	Sở Công Thương
V	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp		886.000	434.475	-	434.475	
1	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đắc Woa huyện Bù Đăng	2043/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	138.000	132.500		132.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Dự án tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt	2713/QĐ-BNN-XD ngày 06/7/2023	646.000	178.175		178.175	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
3	Xây dựng công trình bảo vệ và phát triển rừng tại vườn QG Bù Gia Mập	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	82.000	73.800		73.800	Vườn QG Bù Gia Mập
4	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững (xây dựng các nhà chốt bảo vệ rừng)	1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	20.000	18.000		18.000	Chi cục Kiểm Lâm
5	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã			32.000		32.000	
VI	Giáo dục và Đào tạo		400.000	1.272.500	70.000	1.202.500	
1	Hỗ trợ xây dựng 1200 phòng học đạt trường chuẩn quốc gia và chương trình giáo dục phổ thông mới			840.000		840.000	Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu phân bổ chi tiết
1.1	Hỗ trợ huyện Bù Đăng 290 phòng học			203.000		203.000	
1.2	Hỗ trợ huyện Bù Đốp 130 phòng học			91.000		91.000	
1.3	Hỗ trợ huyện Bù Gia Mập 124 phòng học			86.800		86.800	
1.4	Hỗ trợ huyện Lộc Ninh 170 phòng học			119.000		119.000	
1.5	Hỗ trợ huyện Phú Riềng 116 phòng học			81.200		81.200	
1.6	Hỗ trợ huyện Hớn Quản 110 phòng học			77.000		77.000	
1.7	Hỗ trợ huyện Đồng Phú 80 phòng học			56.000		56.000	
1.8	Hỗ trợ huyện Chơn Thành 40 phòng học			28.000		28.000	
1.9	Hỗ trợ thị xã Bình Long 50 phòng học			35.000		35.000	
1.10	Hỗ trợ thị xã Phước Long 90 phòng học			63.000		63.000	
2	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg (300 phòng học)	2212/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	300.000	272.000		272.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
3	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT chuyên Quang Trung	2145/QĐ-UBND ngày 28/8/2020; 3184/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	15.000	13.500		13.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
4	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	2077/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	85.000	77.000		77.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
5	Dự án Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị Trường cao đẳng Bình Phước	1343/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	70.000	70.000	70.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
VII	Y tế		486.900	461.900	174.000	287.900	
1	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	3280/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	150.000	135.000		135.000	Sở Y tế
2	Xây dựng Khu cách ly tập trung và Bệnh viện dã chiến tuyến tỉnh điều trị Covid-19	192/QĐ-UBND ngày 26/01/2022	32.900	32.900		32.900	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
3	Xây dựng Bệnh viện dã chiến K72	193/QĐ-UBND ngày 26/01/2022	30.000	30.000		30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
4	Nâng cấp, mở rộng trung tâm y tế thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	859/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	174.000	174.000	174.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
5	Xây dựng Trung tâm y tế Thị xã Phước Long	2213/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	50.000	45.000		45.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư
				Tổng số	Chia ra		
					NS trung ương	NS tỉnh	
6	Trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	2207/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	50.000	45.000		45.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
VIII	Văn hóa xã hội		689.000	494.000	-	494.000	
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	2833/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	130.000	117.000		117.000	Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai
2	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng khống chế truyền dẫn	1691/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	30.000	27.000		27.000	Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai
3	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	1689/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	35.000	31.500		31.500	Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai
4	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	3284/QĐ-UBND ngày 25/12/2020; 2066/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	150.000	135.000		135.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
5	Dự án công viên khu hành chính tỉnh	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	144.000	-		-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
6	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	3078/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000		108.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
7	Xây dựng trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Bình Phước	3271/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	80.000	75.500		75.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
IX	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		591.000	535.400	-	535.400	
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	1194/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	446.000	401.400		401.400	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	3145/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	60.000	54.000		54.000	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP	1721/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	30.000	30.000		30.000	Công An tỉnh
4	Đầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh	1922/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	55.000	50.000		50.000	Công An tỉnh
X	Quản lý Nhà nước		145.000	137.000	-	137.000	
1	Xây dựng nhà làm việc và nhà ở cho các lực lượng chức năng tại các cửa khẩu và lối mở biên giới	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	80.000	72.000		72.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp hội trường tỉnh	1026/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	65.000	65.000		65.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
XI	Quốc phòng - An ninh		377.000	357.200	150.000	207.200	
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	152/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	35.000	31.500		31.500	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Giải phóng mặt bằng trường bắn Bù Đăng và xây dựng 02 nhà kho cất chứa mìn công binh	227/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	29.000	29.000		29.000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
3	Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	25/QĐ-UBND ngày 03/01/2024	43.000	38.700		38.700	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
4	Sở chỉ huy thống nhất tỉnh Bình Phước - giai đoạn 1; Mật danh: HBP-21/GĐ1	142/QĐ-QK ngày 10/11/2023	50.000	45.000		45.000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
5	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc Ô huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh; Lộc Thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	216/QĐ-UBND ngày 25/1/2021	150.000	150.000	150.000		Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng
6	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	744/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	35.000	31.500		31.500	Công An tỉnh
7	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công an tỉnh	3004/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	35.000	31.500		31.500	Công An tỉnh
XII	Chương trình MTQG NTM			2.164.870	691.523	1.473.347	Chi tiết phụ lục 1.1
	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở		140.000	140.000	111.653	28.347	
XIII	Chương trình giảm nghèo bền vững			260.111	10.111	250.000	Chi tiết phụ lục 1.2
XIV	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			874.233	794.233	80.000	Chi tiết phụ lục 1.3
XV	Vốn Đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất			76.700		76.700	Sở Nông nghiệp và Môi trường
XVI	Vốn lập Quy hoạch			153.400		153.400	
XVII	Vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh			2.500		2.500	
XVIII	Vốn chuẩn bị đầu tư			78.387		78.387	
A4	Hoàn trả tạm ứng trung ương			77.118	30.434	46.684	
1	Khu công nghiệp Chơn Thành (giai đoạn 1)	736/QĐ-UBND ngày 10/4/2008	70.000	3.712	3.712	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
2	Dự án đầu tư sản xuất giống cây ca cao và cao su giai đoạn 2007-2010	2694/QĐ-UBND ngày 26/10/2016.	9.130	2.722	2.722	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước M26	2710/QĐ-UBND ngày 27/10/2016.	10.000	4.966	4.966	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
4	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Phú Sơn	2947/QĐ-UBND ngày 16/11/2016	12.000	3.626	3.626	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
5	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thọ Sơn	2472/QĐ-UBND ngày 29/9/2017.	8.000	7.408	7.408	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Sa Cát	2658/QĐ-UBND ngày 25/10/2016.	8.000	8.000	8.000	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai
B	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHỎI HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ		9.559.545	16.792.424	837.000	6.988.400	
I	Thành phố Đồng Xoài		1.140.000	1.037.210	105.000	777.500	
1	Dự án chuyển tiếp		415.000	230.000	105.000	125.000	
1.1	Kè và hệ thống đường giao thông dọc hai bên suối Đồng Tiền - suối Tầm Vông TX Đồng Xoài	2137/QĐ-UBND ngày 10/9/2018	150.000	25.000		25.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
1.2	Xử lý cấp bách dự án thoát lũ suối đá thành phố Đồng Xoài	1661a/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	135.000	105.000	105.000		Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
1.3	Hỗ trợ thành phố Đồng Xoài GPMB dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	2137/QĐ-UBND ngày 10/9/2018	130.000	100.000		100.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
2	Dự án khởi công mới		725.000	652.500	-	652.500	

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư
				Tổng số	Chia ra		
					NS trung ương	NS tỉnh	
2.1	Xây dựng đường vào trại giam An phước	1431/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	65.000	58.500		58.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
2.2	Xây dựng đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	72.000		72.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
2.3	Xây dựng đường vành đai thành phố Đồng Xoài từ khu Công nghiệp Đồng Xoài I đến đường Phú Riềng Đỏ	813/QĐ-UBND ngày 5/5/2022	300.000	270.000		270.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
2.4	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	225.000		225.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
2.5	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ - phường Tân Đồng)	1989/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	30.000	27.000		27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
II	Thị xã Chơn Thành		899.545	746.710	-	604.700	
1	Dự án chuyển tiếp		139.545	37.700	-	37.700	
1.1	Các tuyến đường trục xuyên tâm để hình thành các phường huyện Chơn Thành	2270/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	139.545	37.700		37.700	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
2	Dự án khởi công mới		760.000	567.000	-	567.000	
2.1	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	2683/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	80.000	72.000		72.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
2.2	Hỗ trợ GPMB tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	2141/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	130.000	-		-	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
2.3	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 TT Chơn thành đến KCN Chơn Thành	79/QĐ-UBND ngày 16/01/2023	100.000	90.000		90.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
2.4	Xây dựng Đường vành đai thị trấn Chơn Thành kết nối KCN Becamex	3157/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	120.000	108.000		108.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
2.5	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	1274/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	60.000	54.000		54.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
2.6	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn Thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	3240/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	100.000	90.000		90.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
2.7	Xây dựng các tuyến đường ngang kết nối tuyến cao tốc Chơn Thành - Hoa Lư (phía Tây QL13)	1371/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	80.000	72.000		72.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
2.8	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào cụm công nghiệp và khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	2206/QĐ-UBND ngày 04/9/2020	80.000	72.000		72.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
2.9	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	1148/QĐ-UBND ngày 05/5/2021; 2503/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	10.000	9.000		9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
III	Huyện Đồng Phú		1.345.000	1.416.270	400.000	850.500	
1	Dự án khởi công mới		1.345.000	1.250.500	400.000	850.500	
1.1	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800		334.800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
1.2	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	214/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	400.000	400.000	400.000		Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
1.3	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000		306.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
1.4	Xây dựng đường từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021; 674/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	130.000	117.000		117.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
1.5	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước - Đồng Tiến - Đồng Tâm, huyện Đồng Phú	2803/QĐ-UBND ngày 10/11/2020; 1810/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	40.000	36.000		36.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
1.6	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riềng Đỏ từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	290/QĐ-UBND ngày 18/02/2019	38.000	34.200		34.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
1.7	Xây dựng Trường mầm non Tân Lập	2458/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; 2808/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	25.000	22.500		22.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
IV	Huyện Lộc Ninh		1.055.000	988.030	135.000	674.000	
1	Dự án chuyển tiếp		245.000	80.000	-	80.000	
1.1	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	2484/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	245.000	80.000		80.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2	Dự án khởi công mới		810.000	729.000	135.000	594.000	
2.1	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	30.000	27.000		27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2.2	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	30.000	27.000		27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2.3	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021	45.000	40.500		40.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2.4	Xây dựng đường liên xã Lộc Thuận - Lộc Hiệp - Lộc Quang kết nối đường ĐT756 và ĐT759B	1459/QĐ-UBND ngày 03/6/2021	100.000	90.000		90.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2.5	Xây dựng đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối QL13	1146/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	60.000	54.000		54.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2.6	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	2028/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	90.000	81.000		81.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2.7	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Đò xã Lộc Điền)	853/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	150.000	135.000	135.000		Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2.8	Xây dựng đường Tà Thiết - Hoa Lư kết nối đường phía Tây QL13	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021	100.000	90.000		90.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2.9	Cải tạo suối chống hạn (đoạn từ chân đập nước Lộc tấn đến cầu Chế Biên)	08/QĐ-UBND ngày 04/01/2023	100.000	90.000		90.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2.10	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng Trường THPT Lộc Hiệp	1103/QĐ-UBND ngày 29/4/2021	15.000	13.500		13.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2.11	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	1995/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	20.000	18.000		18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2.12	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Thái	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	20.000	18.000		18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư
				Tổng số	Chia ra		
					NS trung ương	NS tỉnh	
2.13	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	1975/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	50.000	45.000		45.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
V	Huyện Bù Đốp		735.000	609.420	-	486.200	
1	Dự án chuyển tiếp		140.000	40.000	-	40.000	
1.1	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	1647/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	140.000	40.000		40.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
2	Dự án khởi công mới		595.000	446.200	-	446.200	
2.1	Nâng cấp đường ĐT759B đoạn từ Chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng	2026/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	40.000	36.000		36.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
2.2	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	2063/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	160.000	54.500		54.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
2.3	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	49.500		49.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
2.4	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	72.100		72.100	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
2.5	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	3281/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	110.000	99.100		99.100	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
2.6	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện cần đơn tưới cho cánh đồng Sóc Nê xã Tân Tiến huyện Bù Đốp	2027/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	30.000	27.000		27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
2.7	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	1407/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	30.000	27.000		27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
2.8	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	30.000	27.000		27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
2.9	Xây dựng trường mầm non Hưng Phước	2144/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	30.000	27.000		27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
2.10	Xây dựng Trường Tiểu học Thanh Bình B	883/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	30.000	27.000		27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
VI	Huyện Bù Gia Mập		694.000	759.970	-	624.600	
1	Dự án khởi công mới		694.000	624.600	-	624.600	
1.1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 760 từ ngã tư ĐT 741 đến cầu Đăk Ô xã Phú Văn (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT 741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	135.000		135.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
1.2	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14C)	2408/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	75.000	67.500		67.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
1.3	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kia qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	54.000		54.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
1.4	Đường và cầu từ xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	1139/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	65.000	58.500		58.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
1.5	Xây dựng đường liên xã từ Phú Nghĩa đi Phú Văn	930/QĐ-UBND ngày 06/6/2023	54.000	48.600		48.600	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
1.6	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	81.000		81.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
1.7	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường đầu nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua TTHC huyện Bù Gia Mập	2044/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	90.000	81.000		81.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
1.8	Xây dựng Hồ chứa nước Bình Hà 2	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021	40.000	36.000		36.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
1.9	Xây dựng Trường Tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	3094/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	30.000	27.000		27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
1.10	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	2124/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	40.000	36.000		36.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
VII	Huyện Bù Đăng		720.000	822.760	-	657.000	
1	Dự án khởi công mới		720.000	657.000	-	657.000	
1.1	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	2142/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	60.000	54.000		54.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
1.2	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL14 đi xã Đăk Nhau	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	72.000		72.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
1.3	Xây dựng đường liên xã Thống nhất đi xã Phước Sơn huyện Bù Đăng	1430/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	65.000	58.500		58.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
1.4	Xây dựng đường liên xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng tới xã Đăk Ngo, Tuy Đức	1145/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	50.000	45.000		45.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
1.5	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	1920/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	40.000	36.000		36.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
1.6	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	595/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	60.000	54.000		54.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
1.7	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong)	988/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	30.000	27.000		27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
1.8	Xây dựng đường liên xã Phú Sơn - Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1231/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	30.000	27.000		27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
1.9	Xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu cho cánh đồng Đăng Hà, huyện Bù Đăng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	75.000	67.500		67.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
1.10	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	1125/QĐ-UBND ngày 4/5/2021	15.000	13.500		13.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
1.11	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng Trường THPT Lương Thế Vinh	1149/QĐ-UBND ngày 5/4/2021	15.000	13.500		13.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
1.12	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng	560/QĐ-UBND ngày 08/3/2021	20.000	18.000		18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
1.13	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1536/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	20.000	18.000		18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
1.14	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	2146/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	50.000	45.000		45.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
1.15	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	20.000	18.000		18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư
				Tổng số	Chia ra		
					NS trung ương	NS tỉnh	
1.16	Xây dựng Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Lương Thế Vinh, huyện Bù Đăng		90.000	90.000		90.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
VIII	Thị xã Bình Long		571.000	544.460	-	412.400	
1	Dự án chuyển tiếp		91.000	18.100	-	18.100	
1.1	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long	2784/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	91.000	18.100		18.100	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
2	Dự án khởi công mới		480.000	394.300	-	394.300	
2.1	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	2067/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	70.000	63.000		63.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
2.2	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	79.300		79.300	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
2.3	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	117.000		117.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
2.4	Xây dựng trường THPT Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	150.000	135.000		135.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
IX	Thị xã Phước Long		525.000	591.300	-	472.500	
1	Dự án khởi công mới		525.000	472.500	-	472.500	
1.1	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	45.000		45.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
1.2	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000		54.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
1.3	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	72.000		72.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
1.4	Nâng cấp, mở rộng Đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	1987/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	55.000	49.500		49.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
1.5	Xây dựng đường từ ĐT.759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000		54.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
1.6	Đầu tư, cải tạo hệ thống thủy lợi, khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long (từ khu vực hồ Đak tol phường Sơn Giang đến thôn An Lương xã Long Giang)	2056/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	140.000	126.000		126.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
1.7	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy	1945/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	80.000	72.000		72.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
X	Huyện Hớn Quản		965.000	1.022.930	185.000	702.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
1	Dự án khởi công mới		965.000	887.000	185.000	702.000	
1.1	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	162.000		162.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
1.2	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng	1131/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	100.000	90.000		90.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
1.3	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	243.000		243.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
1.4	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu với khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	551/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	185.000	185.000	185.000		Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
1.5	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan huyện Hớn Quản	3316/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	60.000	54.000		54.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
1.6	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	99.000		99.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
1.7	Xây dựng Trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	30.000	27.000		27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
1.8	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	1985/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	30.000	27.000		27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
XI	Huyện Phú Riềng		910.000	867.740	12.000	727.000	
1	Dự án chuyển tiếp		180.000	82.000	12.000	70.000	
1.1	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	2316/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2403/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	100.000	70.000		70.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
1.2	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	1322/QĐ-UBND ngày 31/5/2017; 374/QĐ-UBND ngày 28/02/2020	80.000	12.000	12.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
2	Dự án khởi công mới		730.000	657.000	-	657.000	
2.1	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	2022/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	85.000	76.500		76.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
2.2	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng).	2084/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	50.000	45.000		45.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
2.3	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	180.000		180.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
2.4	Xây dựng Kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản).	3195/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	90.000	81.000		81.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư
				Tổng số	Chia ra		
					NS trung ương	NS tỉnh	
2.5	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000		108.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
2.6	Xây dựng đường kết nối 2 Khu công nghiệp Long Tân - Long Hà	2316/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	40.000	36.000		36.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
2.7	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hón Quản	2041/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	100.000	90.000		90.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
2.8	Xây dựng Nhà đa năng và hạ tầng Trường THPT Nguyễn Khuyến	1113/QĐ-UBND ngày 29/4/2021	10.000	9.000		9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
2.9	Xây dựng Trường mầm non phục vụ Khu công nghiệp Long Hà	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	35.000	31.500		31.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng

Phụ lục VII

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ		21.151.845	17.592.638	
A	THỊ XÃ BÌNH LONG		1.602.103	1.508.907	
A1	KHỐI THỊ XÃ		1.519.279	1.426.083	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		755.083	755.083	
1	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường THCS An Lộc B, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long	Số: 5495/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	3.165	3.165	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
2	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học Lê Văn Tám, phường An Lộc, thị xã Bình Long	Số: 5494/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	7.002	7.002	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
3	XD 02 phòng học (điểm lẻ Thanh Bình) và hàng rào Trường Mầm non Thanh Lương	Số: 1561/QĐ-UBND ngày 22/08/2022	3.600	3.600	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
4	XD 10 phòng học Trường TH Thanh Lương B	Số: 1925/QĐ-UBND ngày 28/09/2022	9.800	9.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
5	XD Trường TH-THCS Thanh Lương giai đoạn 1	Số: 1431/QĐ-UBND ngày 08/08/2022	12.800	12.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
6	XD 12 phòng học lầu Trường TH Nguyễn Bá Ngọc, xã Thanh Lương	Số: 2657/ QĐ-UBND ngày 29/11/2022	11.500	11.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
7	XD 14 phòng chức năng, nhà tập đa năng và trang thiết bị Trường PTDT nội trú THCS Bình Long	Số: 2265/ QĐ-UBND ngày 25/10/2022	23.800	23.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
8	XD 06 phòng chức năng, trang thiết bị Trường Mầm non Thanh Phú	Số: 2916/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
9	XD 15 phòng học lý thuyết, 25 phòng chức năng và trang thiết bị các phòng học bộ môn Trường TH-THCS Thanh Phú	Số: 2264/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	44.900	44.900	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
10	XD 06 phòng chức năng và trang thiết bị Trường TH Thanh Phú A	Số: 2595/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	9.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
11	XD 02 phòng học, 06 phòng chức năng, hàng rào Trường MN Vành Khuyên	Số: 2805/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	11.500	11.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
12	XD 08 phòng học lý thuyết, 12 phòng chức năng Trường TH An Lộc A	Số: 2263/ QĐ-UBND ngày 25/10/2022	20.000	20.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
13	Nâng cấp, mở rộng đường TPT2, xã Thanh Phú	1926/QĐ-UBND ngày 28/09/2022	29.505	29.505	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
14	XD Đường TLT5 từ QL13 đi Cổng chào ấp Phổ Lố, xã Thanh Lương	2556/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	14.800	14.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
15	XD Đường từ tổ 10 ấp Thanh An đi Nhà văn hóa ấp Thanh An, xã Thanh Lương	1556/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	14.500	14.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
16	XD Đường PDT13 đoạn từ Cầu đến giáp ranh huyện Hớn Quản	2297/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	12.000	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
17	XD Đường PDT14 đoạn từ Cầu đến giáp ranh huyện Hớn Quản	2298/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	12.000	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
18	Thảm bê tông nhựa đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ ngã ba Phan Bội Châu đến ngã tư Trần Hưng Đạo)	2507/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	1.800	1.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
19	XD Vía hè, mương thoát nước, thảm bê tông nhựa đường Nơ Trang Long (đoạn từ QL13 đến đường rầy xe lửa)	2698/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
20	Nâng cấp đường ALT22, phường An Lộc	480/QĐ-UBND ngày 08/3/2022	9.895	9.895	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
21	XD Vía hè, mương thoát nước, thảm bê tông nhựa đường Ngô Quyền (đoạn từ ngã tư Thủ Khoa Huân đến tiếp giáp QL13)	2425/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	18.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
22	Sửa chữa, nâng cấp thảm bê tông nhựa đường Nguyễn Du	2354/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	27.500	27.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
23	XD Vía hè, mương thoát nước, thảm bê tông nhựa các tuyến đường KDC Nguyễn Huệ, Phan Bội Châu, Lý Thường Kiệt	2718/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
24	Thảm bê tông nhựa nóng các tuyến đường KDC Nguyễn Chí Thanh, phường Hưng Chiến	2296/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	3.300	3.300	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
25	XD hệ thống chiếu sáng các tuyến đường xung quanh hồ Sa Cát	Số 195/NQ-HĐND ngày 24/12/2021	2.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
26	XD Hệ thống chiếu sáng đường Sư Vạn Hạnh, phường Hưng Chiến	Số 1705/QĐ-UBND ngày 31/08/2022	11.000	11.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
27	XD Hệ thống chiếu sáng đường Ngô Quyền và đường Lê Hồng Phong	Số 1704/QĐ-UBND ngày 31/08/2022	4.700	4.700	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
28	XD Hệ thống chiếu sáng đường Trừ Văn Thố	Số 1714/QĐ-UBND ngày 31/08/2022	1.100	1.100	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
29	XD Hệ thống chiếu sáng đường Bùi Thị Xuân	Số 1722/QĐ-UBND ngày 31/08/2022	1.200	1.200	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
30	XD Hệ thống chiếu sáng đường Thủ Khoa Huân	Số 1721/QĐ-UBND ngày 31/08/2022	1.700	1.700	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
31	XD 02 tuyến đường ngang và thảm bê tông nhựa đường Nguyễn Đức Cảnh, đường Đinh Công Tráng	Số 1721/QĐ-UBND ngày 31/08/2022	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
32	Nâng cấp cầu bản đường HCT1, phường Hưng Chiến	556/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	3.312	3.312	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
33	XD mương thoát nước, vỉa hè, thảm bê tông nhựa đường Nguyễn Thị Minh Khai	481/QĐ-UBND ngày 08/3/2022	4.389	4.389	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
34	Xây dựng đường N5 khu TTHC	2696/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	28.318	28.318	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
35	Xây dựng đường N6 khu TTHC	2769/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	6.179	6.179	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
36	Xây dựng đường N7 khu TTHC	2697/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	18.856	18.856	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
37	Xây dựng đường N8 khu TTHC	2770/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	5.883	5.883	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
38	Xây dựng đường N9 khu TTHC	2771/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	5.719	5.719	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
39	Nâng cao trình mặt bằng khu TĐC cuối tuyến A&B thuộc dự án đường vành đai khu dân cư Hồ Sa Cát	2940/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	1.723	1.723	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
40	Xây dựng Đường D5 khu Trung tâm hành chính mới	2939/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	45.294	45.294	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
41	Xây dựng đường PĐT9 (đoạn từ ngã ba Sóc Phú Bồn đến giáp đường PĐT12) phường Phú Đức, thị xã Bình Long	4654/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	5.593	5.593	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
42	San lấp mặt bằng khu TT Hành chính	2940/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	32.021	32.021	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
43	Xây dựng 10 phòng học, bổ sung trang thiết bị các phòng học bộ môn trường TH Võ Thị Sáu, thị xã Bình Long.	Số: 1993/ QĐ-UBND ngày 20/09/2023	10.600	10.600	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
44	Xây dựng nhà ăn bán trú, nhà vệ sinh trường Tiểu học An Lộc A	Số: 1811/ QĐ-UBND ngày 22/08/2023	1.487	1.487	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
45	Xây dựng đường D4 khu TTHC	1584a/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	5.812	5.812	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
46	XD nhà xe, nhà vệ sinh trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc và XD nhà xe, nhà kho trường Mầm Non Vành Khuyên, thị xã Bình Long.	Số: 1940/ QĐ-UBND ngày 13/09/2023	2.500	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
47	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường Phạm Ngọc Thạch và đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Hưng Chiến.	Số 1857/QĐ-UBND ngày 28/08/2023	2.672	2.672	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
48	Xây dựng 04 phòng học, 08 phòng chức năng Trường Mầm non Hoa Mai, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long	Số: 2583/ QĐ-UBND ngày 11/12/2023	11.200	11.200	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
49	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS An Lộc B, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long	Số: 2582/ QĐ-UBND ngày 11/12/2023	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
50	Xây dựng đường N10 khu TTHC	2469/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	12.287	12.287	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
51	Xây dựng đường N2 khu TTHC	1548/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	44.174	44.174	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
52	Xây dựng đường D3 khu khu TTHC	1547/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	28.586	28.586	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
53	thảm bê tông nhựa đường Hồ Tùng Mậu và đường Nguyễn Trung Trực thị xã Bình Long	2501/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	6.786	6.786	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
54	Nâng cấp, mở rộng đường TLT2 đoạn từ QL13 đi ĐT757	2500/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	12.000	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
55	Thảm bê tông nhựa đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường PĐT2)	2595/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	5.128	5.128	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
56	Thảm bê tông nhựa đường Nguyễn Thái Học (đoạn từ đường Đoàn Thị Điểm đến QL13)	2954/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	10.078	10.078	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
57	Xây dựng đường, cống hộp, gia cố thượng , hạ lưu mương thoát nước tổ 1 đi tổ 2 khu phố Xa Cam 1 ,Phường Hưng Chiến	2506/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	617	617	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
58	Xây dựng , sửa chữa mương thoát nước và xây kè gia cố mái taluy nền đường TLT5 tại ấp Thanh Thiện , xã Thanh Lương	2507/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	1.150	1.150	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
59	Thảm bê tông nhựa đường Hai Bà Trưng (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến trường mầm non Vành Khuyên), Phường Phú Thịnh	2612/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	3.277	3.277	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
60	Thảm bê tông nhựa đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Hai Bà Trưng), thị xã Bình Long	2611/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	8.300	8.300	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
61	Xây dựng đường và mương thoát nước tại tổ 2, khu phố Phú Trung, phường Hưng Chiến.	505/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	2.229	2.229	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
62	Xây dựng mương thoát nước đường TPT1 đoạn qua tổ 8, ấp Sóc Bể , xã Thanh phú.	2508 /QĐ-UBND ngày 29/11/2023	5.500	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
63	Dự án Xây dựng nhà nghỉ sỹ quan, nhà khách, tường rào, nhà vệ sinh cho lực lượng dân quân BCH Quân sự thị xã Bình Long		9.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
64	Dự án Xây dựng nhà nghỉ cho lực lượng dân quân thường trực Ban CHQS sự thị xã Bình Long		5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
65	Dự án Xây dựng các hạng mục phổ thông trong Vùng lõi căn cứ Hậu cần – kỹ thuật thị xã Bình Long		14.900	14.900	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
66	XD nhà ở doanh trại cho công an 04 phường, thị xã Bình Long	2381 11/12/2023	5.700	5.700	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
67	XD Nhà khách công vụ Công an thị xã Bình Long	2824 29/12/2023	2.500	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
68	XD trụ sở công an và nhà ở doanh trại xã Thanh Lương	13661 11/6/2024	6.450	6.450	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
69	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư 15ha thị xã Bình Long	708/QĐ-UBND ngày 5/3/2021	1.208	1.208	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
70	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Trung tâm hành chính mới thị xã Bình long	1783/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	600	600	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
71	Khảo sát, lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Lương, thị xã Bình Long	1598/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	2.973	2.973	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
72	Khảo sát, đo đạc lập đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Hưng Chiến (phần diện tích còn lại)	2193/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	4.340	4.340	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
73	Khảo sát, đo đạc lập đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường An Lộc (phần diện tích còn lại)	2192/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	2.185	2.185	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
74	Khảo sát, lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm thương mại dịch vụ xã Thanh Phú.	2317/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	317	317	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
75	Khảo sát, lập đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu đô thị Thanh Phú	2640/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	9.525	9.525	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
76	Khảo sát, lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trung tâm văn hoá thể thao phường Phú Thịnh	1044/QĐ-UBND ngày 10/04/2024	320	320	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
77	Khảo sát, lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 chợ Bình Long.	2766/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	328	328	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025 (Sau ngày 30/6/2025)		92.021	-	
1	XD Trường TH-THCS Thanh Lương giai đoạn 2	2823/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	44.000		Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
2	Xây dựng đường giao thông bao quanh vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước.	1120/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	27.327		Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
3	Thảm bê tông nhựa, mương nước đường Đoàn Thị Điểm (từ Hùng Vương đến Nguyễn Thái Học)	2584/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	20.694		Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành sau năm 2025		672.175	671.000	
1	Xây dựng mương hậu thoát nước trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	3308/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	52.451	52.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
2	Nâng cấp mở rộng, láng nhựa đường tổ 5,6,7,8,10 ấp Thanh Hải, xã Thanh Lương	3307/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	17.000	17.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
3	XD đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương	2233/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	360.000	360.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
4	Dự án: Bồi thường GPMB Xây dựng đường Lê Đại Hành nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản		92.412	92.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
5	Bồi thường GPMB công trình Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản		112.812	112.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
6	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp Hớn Quản	46/QĐ-UBND ngày 10/1/2023	37.500	37.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long
A2	KHỐI PHƯỜNG, XÃ		82.824	82.824	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		82.824	82.824	
1	Xây dựng nhà vệ sinh, mương thoát nước và sân khuôn viên UBND phường An Lộc	2937/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	1.045	1.045	UBND Phường Bình Long
2	Xây dựng mương thoát nước đường ALT3, phường An Lộc, thị xã Bình Long	2424/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	3.000	3.000	UBND Phường Bình Long
3	Xây dựng nhà làm việc khối đoàn thể phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	2353/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	4.700	4.700	UBND Phường Bình Long
4	Xây dựng vỉa hè, mương thoát nước, thảm bê tông nhựa các tuyến đường KDC Nguyễn Huệ - Lê Quý Đôn - Phan Bội Châu	2776/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	5.000	5.000	UBND Phường Bình Long
5	Xây dựng trạm y tế phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	2779/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	3.000	3.000	UBND Phường Bình Long
6	Xây dựng trụ sở khu phố Phú An, phường An Lộc	2877/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	1.000	1.000	UBND Phường Bình Long
7	XD nhà làm việc một cửa, tiếp dân UBND phường An Lộc	2362/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.202	3.202	UBND Phường Bình Long
8	XD nhà công vụ ban chỉ huy quân sự phường An Lộc	2363/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.232	2.232	UBND Phường Bình Long
9	Nâng cấp thảm bê tông nhựa đường Thủ Khoa Huân, phường An Lộc	622/QĐ-UBND ngày 25/03/2022	3.216	3.216	UBND Phường Bình Long
10	Nâng cấp thảm bê tông nhựa đường Hùng Vương, đoạn từ ngã ba Nguyễn Du đến ngã tư Ngô Quyền	551/QĐ-UBND ngày 11/03/2022	3.331	3.331	UBND Phường Bình Long
11	Nâng cấp thảm bê tông nhựa đường Bùi Thị Xuân, đoạn từ Nguyễn Huệ đến Trần Phú	621/QĐ-UBND ngày 25/03/2022	2.583	2.583	UBND Phường Bình Long
12	XD mương thoát nước, vỉa hè, thảm bê tông nhựa đường Bùi Thị Xuân(đoạn từ Trần Phú đến Suối) phường An Lộc	2200/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	2.715	2.715	UBND Phường Bình Long

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
13	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường TLT64 (đoạn từ đường bao quanh vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước đến nhà ông Phan Văn Thuận)		5.500	5.500	UBND Phường An Lộc
14	XD trạm y tế xã Thanh Lương	3440/QĐ-UBND ngày 17/2/2023	2.500	2.500	UBND Phường An Lộc
15	XD Vía hè, thảm bê tông nhựa đường Bà Triệu, phường Phú Thịnh	2717/QĐ-UBND ngày 2/12/2022	9.800	9.800	UBND Phường An Lộc
16	Nâng cấp, mở rộng đường từ ấp Thanh Thủy đi Quốc lộ 13, xã Thanh Phú	2554/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	18.000	18.000	UBND Phường An Lộc
17	Vốn CTMTQG Xây dựng Nông thôn mới: Nâng cấp mở rộng đường TPT15 từ Quốc lộ 13 đi trung tâm văn hoá, thể thao xã Thanh Phú	2044/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	7.000	7.000	UBND Phường An Lộc
18	Vốn tắt toán các dự án hoàn thành		2.500	2.500	UBND Phường Bình Long
19	Vốn tắt toán các dự án hoàn thành		2.500	2.500	UBND Phường An Lộc
B	THỊ XÃ CHƠN THÀNH		2.718.926	1.639.800	
B1	KHỐI THỊ XÃ		1.625.789	677.359	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024 (305 dự án)		962.689	403.229	
1	Xây Dựng 10 phòng lầu kèm theo trang thiết bị trường TH&THCS Lương Thế Vinh	21572/QĐ-UBND 20/12/2021	6.995	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
2	Xây dựng khu hiệu bộ và 06 phòng học lầu kèm trang thiết bị Trường tiểu học Chơn Thành A	21573/QĐ-UBND 20/12/2021	8.500	8.500	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
3	Xây dựng Trường MN Nha Bích đạt chuẩn	5134/QĐ-UBND 24/12/2020	16.526	16.145	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
4	Xây dựng Trường tiểu học Minh Hưng A đạt chuẩn	5084/QĐ-UBND 24/12/2020	27.428	26.300	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
5	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm chính trị thị xã Chơn Thành	7500	4.976	6.750	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
6	Cải tạo, sửa chữa Phòng Kinh tế	2898/QĐ-UBND 23/10/2023	2.000	1.875	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
7	Cải tạo, sửa chữa Phòng Giáo dục và Đào tạo	2897/QĐ-UBND 23/10/2023	4.500	4.255	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
8	Cải tạo, sửa chữa Phòng Tài nguyên và Môi trường	2900/QĐ-UBND 23/10/2023	5.000	4.675	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
9	Cải tạo, sửa chữa Phòng TC-KH và Ban QLDA ĐTXD	2896/QĐ-UBND 23/10/2023	4.500	4.215	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
10	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thị xã	2899/QĐ-UBND 23/10/2023	1.500	1.360	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
11	Cải tạo, sửa chữa phòng QLĐT và Phòng LĐ-TB&XH	1554/QĐ-UBND 15/6/2023	5.000	4.800	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
12	Cải tạo, sửa chữa nhà công vụ và nhà ăn UBND thị xã Chơn Thành	3191/QĐ-UBND 23/11/2023	3.500	3.150	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
13	Cải tạo, sửa chữa Hội trường và trụ sở Thị ủy Chơn Thành	3190/QĐ-UBND 23/11/2023	6.500	6.455	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
14	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường cao Bá Quát (đoạn từ đường QL13 đến đường Nguyễn Văn Linh)	3725/QĐ-UBND 30/12/2022	3.000	2.700	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
15	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường Âu Cơ, thị trấn Chơn Thành	3726/QĐ-UBND 30/12/2022	2.000	1.800	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
16	Sửa chữa đường dây và thay thế trạm biến áp cho Hội trường và trụ sở HĐND-UBND thị xã Chơn Thành	3512/QĐ-UBND 29/12/2023	1.200	1.100	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
17	Đường ĐH 01 (Nha Bích - Minh Thành - Minh Hưng): Kết nối xã Nha Bích với phường Minh Thành và phường Minh Hưng	3437/QĐ-UBND 29/10/2019	56.000		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
18	Đường ĐH 05 (ngã tư Ngọc Lầu - Minh Hưng): Kết nối phường Minh Long với phường Minh Hưng ra TTTC thị xã Chơn Thành	3026/QĐ-UBND ngày 30/08/2019	69.000	37.115	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
19	Đường ĐH 15 (ranh Minh Hưng - Chơn Thành): Kết nối phường Hưng Long (thị trấn Chơn Thành) với phường Minh Hưng	3438/QĐ-UBND 29/10/2019	62.000	7.380	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
20	Xây dựng các tuyến đường xuyên tâm để hình thành các phường của huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	2270/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	139.554	14.200	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
21	Xây dựng 01 km đường ĐT 751 từ ngã tư Chơn Thành đi Minh Long (đoạn từ Km1+20 đến Km2+00) huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	1992/QĐ-UBND ngày 16/10/2017	22.000	1.010	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
22	Đường ĐT 756B (Nha Bích - Tân Quan), huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	911/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	20.000	400	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
23	Xây dựng đường trục chính Khu dân cư Thành Tâm	4288/QĐ-UBND 09/11/2020	24.000	21.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
24	Xây dựng đường N1 nối dài, N2, N3. D6 - Khu dân cư đô thị và dịch vụ thương mại Suối Đồi	2956/QĐ-UBND 24/6/2021	27.550	23.590	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
25	Xây dựng đường N4, N5, D7, D8, D9, D10, D11 - Khu dân cư, đô thị và dịch vụ thương mại Suối Đồi	2955/QĐ-UBND 24/6/2021	30.000	28.900	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
26	Xây dựng đường D2, D3, N6, N8 vòng quang trung tâm thương mại-khu dân cư Thành Tâm	3536/QĐ-UBND ngày 07/08/2021	15.000	11.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
27	Xây dựng đường D5 - KDC, đô thị và dịch vụ thương mại Suối Đồi thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	3435/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	9.999	9.999	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
28	Mở rộng đường ĐT 751 đoạn từ ngã tư Chơn Thành đến trường Tiểu học Kim Đồng, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	1213/QĐ-UBND ngày 08/8/2016	22.000		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
29	Trạm y tế xã Nha Bích huyện Chơn Thành	477/QĐ-UBND ngày 23/3/2009	957		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
30	Xây dựng 10 phòng học lầu MN Minh Thành	5832/QĐ-UBND ngày 30/10/2009	5.932		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
31	Nâng cấp đường giao cấp phối sỏi đồ áp Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Hạng mục: Bồi thường, hỗ trợ GPMB	1531/QĐ-UBND ngày 21/4/2008	2.007		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
32	Nâng cấp đường giao thông cấp phối sỏi đồ áp Hiếu Cầm, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Hạng mục: Bồi thường, hỗ trợ GPMB	1533/QĐ-UBND ngày 21/4/2008	1.150		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
33	Trung tâm hành chính huyện Chơn Thành. Hạng mục: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	2038/QĐ-UBND ngày 09/9/2004	14.924		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
34	Nâng cấp mở rộng QL 13 đoạn qua xã Minh Hưng. Hạng mục: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	1722/QĐ-UBND ngày 01/8/2006	2.476		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
35	Nâng cấp mở rộng QL13 đoạn qua xã Thành Tâm	1322/QĐ-UBND ngày 26/6/2006	382		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
36	Nâng cấp mở rộng QL13 đoạn qua thị trấn Chơn Thành. Hạng mục: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	3010/QĐ-UBND ngày 28/12/2006	21.293		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
37	Xây dựng đường đèo nối từ đường ĐH05 đến đường ĐH239 (Trừ Văn Thố), xã Minh Long	Số 3605/QĐ-UBND, ngày 18/8/2021	45.000	38.085	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
38	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 239 (Trừ Văn Thố)	Số 4601/QĐ-UBND, ngày 09/9/2021	79.000	74.515	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
39	Xây dựng cầu suối Ba Tòng, xã Minh Hưng	Số 2821/QĐ-UBND, ngày 21/6/2021	8.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
40	Xây dựng đường kết nối từ đường Lê Duẩn đến đường Ngô Tất Tố	Số 3598/QĐ-UBND, ngày 17/8/2021	15.000	11.530	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
41	Xây dựng hệ thống thoát nước từ đường Lạc Long Quân đến cầu Bàu Bàng	Số 3537/QĐ-UBND, ngày 07/8/2021	11.000	9.550	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
42	Lập đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu đô thị Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Số 375/QĐ-UBND, ngày 19/3/2020	8.467		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
43	Lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu đô thị Minh Long, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Số 419/QĐ-UBND, ngày 30/3/2020	6.904		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
44	Lập đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu đô thị Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Số 288/QĐ-UBND, ngày 11/3/2020	5.777		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
45	Lập đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu đô thị Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Số 302/QĐ-UBND, ngày 11/3/2020	6.752		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
46	Dự án đầu tư xây dựng công trình BT đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn Thành đi xã Minh Hưng	Số 2205/QĐ-UBND, ngày 14/10/2008	121.450		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
47	Xây dựng khu tăng gia, đường bê tông ra công phụ, hệ thống mương thoát nước Ban CHQS thị xã Chơn Thành	Số 211/QĐ-UBND, ngày 02/02/2024	1.170	1.055	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
48	Nâng cấp đường dây trung, hạ áp, TBA 160 KVA và hệ thống chiếu sáng khuôn viên Ban CHQS thị xã Chơn Thành	Số 1657/QĐ-UBND, ngày 04/7/2023	1.820	1.820	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
49	Vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội năm 2025	Số 1646/QĐ-UBND, ngày 31/10/2024	3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		303.100	273.690	
II.1	Trước ngày 30/6/2025		18.000	17.190	
1.1	Xây dựng KHB và 06 phòng học lầu kèm theo trang thiết bị Trường TH&THCS Lương Thế Vinh	582/QĐ-UBND ngày 09/04/2024	11.000	10.700	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
1.2	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường Ngô Tất Tố, thị trấn Chơn Thành	3724/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	7.000	6.490	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
II.2	Sau ngày 30/6/2025		285.100	256.500	

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
-	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Duẩn, thị trấn Chơn Thành	1718/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	120.000	108.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
-	Nâng cấp, mở rộng đường Phùng Hưng, phường Hưng Long	2277/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	55.100	49.500	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
-	Cải tạo, kè bờ Suối Đồi (dài 2,5 km)	1135/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	80.000	72.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
-	Cải tạo, kè bờ Suối Bến Đình (đoạn từ cầu xe lửa đến đường liên KP4 - KP5)	1537/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	30.000	27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành sau năm 2025 (01 dự án)		360.000	440	
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Thành Tâm, huyện Chơn Thành	3167/QĐ-UBND, ngày 22/11/2023	360.000	440	UBND phường Chơn Thành
-	Xây dựng đường N3 nối dài (từ đường Lạc Long Quân đến đường 2 tháng 4)	Số 95/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	80.000	170	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
-	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường Tiểu học Minh Hưng A	Số 3483/QĐ-UBND, ngày 30/12/2024	10.000		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
-	Cải tạo, sửa chữa Đài truyền thanh - Truyền hình thị xã	Số 2108/QĐ-UBND, ngày 20/9/2024	2.500		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
-	Cải tạo, sửa chữa Nhà thiếu nhi thị xã	Số 2032/QĐ-UBND, ngày 23/8/2024	7.500		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
-	Cải tạo, sửa chữa Đài tưởng niệm liệt sĩ thị xã	Số 1680/QĐ-UBND, ngày 10/7/2023	25.000		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
-	Xây dựng trường THCS Thành Tâm	Số 3548/QĐ-UBND, ngày 31/12/2024	100.000		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
-	Xây dựng hệ thống điện, cấp thoát nước khu dân cư đô thị và dịch vụ thương mại Suối Đồi	Số 3166/QĐ-UBND, ngày 22/11/2023	45.500		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
-	Nâng cấp, mở rộng đường Cao Thắng, thị trấn Chơn Thành.	Số 3008/QĐ-UBND, ngày 02/11/2023	85.000		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
-	Xây dựng đường nội bộ trong khu nghĩa trang nhân dân thị xã Chơn Thành	Số 1646/QĐ-UBND, ngày 30/06/2023	4.500		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
-	Xây dựng vòng xoay ngã tư Chơn Thành.	Số 523/QĐ-UBND, ngày 09/3/2022	57.000		Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành
A2	KHỐI XÃ, PHƯỜNG		1.093.137	962.441	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		1.093.137	962.441	
1	Phường Hưng Long (15 dự án)		56.313	48.118	
1.1	Xây dựng đường tổ 9 ấp 3 thị trấn Chơn Thành	652/QĐ - UBND ngày 27/6/2021	13.000	10.235	UBND Phường Chơn Thành
1.2	Xây dựng đường Huỳnh Văn Bánh ấp 3, thị trấn Chơn Thành	650/QĐ - UBND ngày 27/6/2021	11.000	6.780	UBND Phường Chơn Thành
1.3	Xây dựng đường Lâm Sân khu phố 7, thị trấn Chơn Thành	1630/QĐ - UBND ngày 12/8/2021	5.000	5.000	UBND Phường Chơn Thành
1.4	Nâng cấp mở rộng đường tổ 6 khu phố 8 thị trấn Chơn Thành	25/QĐ - UBND ngày 17/02/2023	6.000	6.000	UBND Phường Chơn Thành
1.5	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Quốc Thảo, phường Hưng Long	47/QĐ - UBND ngày 14/03/2023	7.500	7.500	UBND Phường Chơn Thành

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
1.6	Xây dựng nhà vệ sinh và hàng rào trường TH & THCS Lương Thế Vinh	119/QĐ - UBND ngày 12/4/2023	1.114	1.114	UBND Phường Chơn Thành
1.7	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa khuôn viên trường Tiểu Học Chơn Thành A	118/QĐ - UBND ngày 12/4/2023	1.116	1.116	UBND Phường Chơn Thành
1.8	Mua sắm trang thiết bị phòng máy tính phục vụ Chương trình GDPT 2018 cho trường tiểu học Chơn Thành A	299/QĐ - UBND ngày 15/12/2023	450	450	UBND Phường Chơn Thành
1.9	Nâng cấp đường sỏi đỏ tổ 6 tổ 7 khu phố Trung Lợi, thị xã Chơn Thành	236/QĐ - UBND ngày 22/9/2023	3.000	3.000	UBND Phường Chơn Thành
1.10	Nâng cấp, sửa chữa đường sỏi đỏ tổ 9 khu phố 8 phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành	226/QĐ - UBND ngày 08/09/2023	1.237	1.237	UBND Phường Chơn Thành
1.11	Nâng cấp, sửa chữa UBND phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành	302/QĐ - UBND ngày 15/12/2023	2.632	2.632	UBND Phường Chơn Thành
1.12	Mua sắm màn hình led hội trường UBND phường Hưng Long	290/QĐ - UBND ngày 11/12/2023	250	250	UBND Phường Chơn Thành
1.13	Mua sắm trang thiết bị phòng máy tính phục vụ Chương trình GDPT 2018 cho trường tiểu học và trung học cơ sở Lương Thế Vinh	11/QĐ - UBND ngày 16/01/2024	900	900	UBND Phường Chơn Thành
1.14	Xây dựng Văn phòng ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành	2211A/QĐ - UBND ngày 16/01/2024	1.668	1.658	UBND Phường Chơn Thành
1.15	Xây dựng nhà văn phòng khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	226/QĐ - UBND ngày 29/9/2021	1.446	246	UBND Phường Chơn Thành
2	Phường Minh Hưng (47 dự án)		252.319	204.051	
2.1	Xây dựng trụ sở HĐND-UBND xã Minh Hưng	744/QĐ-UBND ngày 29/09/2021	32.500	24.637	UBND Phường Minh Hưng
2.2	Xây dựng Trung tâm VH-TDTT xã Minh Hưng	739/QĐ-UBND ngày 22/09/2021	10.803	6.329	UBND Phường Minh Hưng
2.3	Xây dựng đường nhựa liên ấp 1 và ấp 12 xã Minh Hưng	759/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	11.000	11.000	UBND Phường Minh Hưng
2.4	Xây dựng đường nhựa ranh giới ấp 1 và ấp 3A xã Minh Hưng	186/QĐ-UBND ngày 20/11/2020	7.782	6.372	UBND Phường Minh Hưng
2.5	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa ranh giới ấp 2 - ấp 3B, xã Minh Hưng	735/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	7.000	6.886	UBND Phường Minh Hưng
2.6	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT liên ấp từ ấp 2 đi ấp 4, xã Minh Hưng	562/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	6.000	5.955	UBND Phường Minh Hưng
2.7	Xây dựng đường nhựa tổ 3 ấp 12 xã Minh Hưng	688/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	5.660	5.438	UBND Phường Minh Hưng
2.8	Xây dựng đường nhựa tổ 10 ấp 1 xã Minh Hưng	699/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	3.813	3.618	UBND Phường Minh Hưng
2.9	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng công cộng tuyến đường liên ấp từ ấp 1 đi ấp 3A, xã Minh Hưng	670/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	11.203	10.542	UBND Phường Minh Hưng
2.10	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng công cộng tuyến đường liên ấp từ ấp 2 đi ấp 3B, xã Minh Hưng	398/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	14.000	13.249	UBND Phường Minh Hưng
2.11	Xây dựng 04 phòng bộ môn kèm theo trang thiết bị và nhà bảo vệ, cổng, hàng rào Trường TH Minh Hưng B	720/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	4.840	4.824	UBND Phường Minh Hưng
2.12	Xây dựng nhà văn hóa ấp 3A, xã Minh Hưng	398/QĐ-UBND ngày 03/6/2021	1.907	1.904	UBND Phường Minh Hưng
2.13	Xây dựng nhà văn hóa ấp 5, xã Minh Hưng	681/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	1.907	1.881	UBND Phường Minh Hưng
2.14	Xây dựng nhà văn hóa ấp 8, xã Minh Hưng	683/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	1.220	1.180	UBND Phường Minh Hưng
2.15	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn xã Minh Hưng (đường ấp 1 đi ấp 12, đường ấp 9 đi ấp 10 và đường tổ 4, ấp 8)	674/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	2.029	2.021	UBND Phường Minh Hưng
2.16	Sửa chữa Trạm y tế xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành (Hạng mục: Cổng, hàng rào)	124/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	162	160	UBND Phường Minh Hưng
2.17	Xây dựng 06 phòng học lầu kèm theo trang thiết bị và hàng rào trường Mầm non Minh Hưng	708/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	5.999	2.963	UBND Phường Minh Hưng
2.18	Xây dựng khu nhà văn hóa ấp 9, xã Minh Hưng	875/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	1.199	1.016	UBND Phường Minh Hưng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
2.19	Xây dựng khu nhà văn hóa ấp 12, xã Minh Hưng	874/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	200	194	UBND Phường Minh Hưng
2.20	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn xã Minh Hưng	729/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	6.800	6.464	UBND Phường Minh Hưng
2.21	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước tuyến đường liên tổ 1-2-3-4-5-6 ấp 12 xã Minh Hưng	736/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	10.605	9.952	UBND Phường Minh Hưng
2.22	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa tổ 7, ấp 3B, xã Minh Hưng	780/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	5.070	4.728	UBND Phường Minh Hưng
2.23	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa tổ 4A, ấp 12, xã Minh Hưng	990/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	5.261	4.895	UBND Phường Minh Hưng
2.24	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa tổ 9, ấp 1, xã Minh Hưng	998/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	4.378	4.084	UBND Phường Minh Hưng
2.25	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa tổ 9A ấp 2 đi tổ 12 ấp 4, xã Minh Hưng	1001/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	13.583	11.962	UBND Phường Minh Hưng
2.26	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa tổ 12 ấp 3A, xã Minh Hưng	1002/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	7.472	6.019	UBND Phường Minh Hưng
2.27	Xây dựng các tuyến đường GTNT bằng BTXM theo cơ chế đặc thù đã được UBND huyện phê duyệt danh mục (26 tuyến)		15.061	9.021	UBND Phường Minh Hưng
2.28	Xây dựng hệ thống thoát nước, nâng cấp cải tạo sân và trồng cây xanh Trường Mầm non Minh Hưng	993B/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	5.800	3.725	UBND Phường Minh Hưng
2.29	Xây dựng nhà vệ sinh và cải tạo khuôn viên Trường Tiểu học Minh Hưng B	993A/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	4.100	2.754	UBND Phường Minh Hưng
2.30	Xây dựng vỉa hè phía bên trái tuyến đường nhựa liên ấp 2 đi ấp 3B, xã Minh Hưng	999/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	3.000	2.425	UBND Phường Minh Hưng
2.31	Xây dựng đường dây trung áp 22KV, trạm biến áp 250 KVA và đường dây hạ áp xã Minh Hưng	01/QĐ-UBND ngày 03/01/2023	1.300	1.091	UBND Phường Minh Hưng
2.32	Xây dựng trạm y tế Phường Minh Hưng (xã Minh Hưng cũ)	Số 120/QĐ-UBND, ngày 01/03/2023;	6.000	5.885	UBND Phường Minh Hưng
2.33	Sửa chữa, nâng cấp đường sỏi đỏ tổ 1, khu phố 6, phường Minh Hưng	347/QĐ-UBND, ngày 07/08/2023	700	700	UBND Phường Minh Hưng
2.34	Sửa chữa, nâng cấp đường sỏi đỏ liên khu phố 7 đi khu phố 11, phường Minh Hưng	349/QĐ-UBND, ngày 07/08/2023	700	700	UBND Phường Minh Hưng
2.35	Sửa chữa, nâng cấp đường sỏi đỏ số 33 tổ 12 khu phố 3A vào khu phố 11, phường Minh Hưng	348/QĐ-UBND, ngày 07/08/2023	1.200	1.200	UBND Phường Minh Hưng
2.36	Sửa chữa, nâng cấp đường vào Nhà văn hóa khu phố 3B phường Minh Hưng	350/QĐ-UBND, ngày 07/08/2023	330	330	UBND Phường Minh Hưng
2.37	Lắp đặt hệ thống đèn đường tổ 6 đi tổ 8B khu phố 3B phường Minh Hưng	375/QĐ-UBND ngày 21/09/2023	1.100	866	UBND Phường Minh Hưng
2.38	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tổ 9 khu phố 1 phường Minh Hưng	376/QĐ-UBND ngày 21/09/2023	850	711	UBND Phường Minh Hưng
2.39	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng đường tổ 4 khu phố 4 phường Minh Hưng	403/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	1.050	1.029	UBND Phường Minh Hưng
2.40	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đèn điện chiếu sáng đường vào chợ Minh Hưng, phường Minh Hưng	531/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	473	473	UBND Phường Minh Hưng
2.41	Mua sắm tài sản, trang thiết bị trụ sở HĐND - UBND phường Minh Hưng	492/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	1.000	1.000	UBND Phường Minh Hưng
2.42	Sửa chữa, nâng cấp đường sỏi đỏ tổ 3, khu phố 11, phường Minh Hưng	501/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	600	600	UBND Phường Minh Hưng
2.43	Lắp đặt đường dây trung hạ áp & TBA 1x50kVA Trung tâm văn hóa phường Minh Hưng	512/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	300	300	UBND Phường Minh Hưng
2.44	Sửa chữa, nâng cấp đường sỏi đỏ tổ 5 đi tổ 6, khu phố 7, phường Minh Hưng.	502/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	776	776	UBND Phường Minh Hưng
2.45	Mua sắm trang thiết bị phòng máy tính phục vụ Chương trình GDPT 2018 cho Trường Tiểu học Minh Hưng A	499/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	450	450	UBND Phường Minh Hưng
2.46	Lắp đặt màn hình Led hội trường lầu trụ sở UBND phường	289/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	98	98	UBND Phường Minh Hưng
2.47	Sửa chữa 04 phòng học của trường Tiểu học Minh Hưng A	292/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	1.250	1.130	UBND Phường Minh Hưng
2.48	Nâng cấp đường GTNT liên ấp từ ấp 1 đi ấp 12, xã Minh Hưng	3580/QĐ-UBND ngày 19/11/2019	3.378		UBND phường Minh Hưng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
2.49	Đường GTNT bằng BTXM tổ 3 ấp 4, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	367	88	UBND phường Minh Hưng
2.50	Đường GTNT bằng BTXM tổ 7 ấp 4, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	2.569	1.384	UBND phường Minh Hưng
2.51	Đường GTNT bằng BTXM tổ 8 ấp 4, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	1.224	688	UBND phường Minh Hưng
2.52	Đường GTNT bằng BTXM tổ 9 ấp 4, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	245	138	UBND phường Minh Hưng
2.53	Đường GTNT bằng BTXM tổ 12 ấp 4, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	245	96	UBND phường Minh Hưng
2.54	Đường GTNT bằng BTXM tổ 1 ấp 5, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	379	213	UBND phường Minh Hưng
2.55	Đường GTNT bằng BTXM tổ 4 ấp 5, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	367	172	UBND phường Minh Hưng
2.56	Đường GTNT bằng BTXM tổ 11 ấp 5, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	1.529	805	UBND phường Minh Hưng
2.57	Đường GTNT bằng BTXM tổ 7 ấp 6, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	1.511	850	UBND phường Minh Hưng
2.58	Đường GTNT bằng BTXM tổ 11 ấp 6, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	502	282	UBND phường Minh Hưng
2.59	Đường GTNT bằng BTXM tổ 1 ấp 7, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	306	172	UBND phường Minh Hưng
2.60	Đường GTNT bằng BTXM tổ 4 ấp 7, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	746	381	UBND phường Minh Hưng
2.61	Đường GTNT bằng BTXM tổ 6 ấp 7, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	514	252	UBND phường Minh Hưng
2.62	Đường GTNT bằng BTXM tổ 7 ấp 10 đi ấp 7, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	3.874	1.873	UBND phường Minh Hưng
2.63	Đường GTNT bằng BTXM tổ 8 ấp 10, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	159	89	UBND phường Minh Hưng
2.64	Đường GTNT bằng BTXM tổ 9 ấp 10 đi ấp 7, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	1.224	688	UBND phường Minh Hưng
2.65	Đường GTNT bằng BTXM tổ 6 ấp 11, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	489	262	UBND phường Minh Hưng
2.66	Đường GTNT bằng BTXM tổ 7 ấp 11, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	245	135	UBND phường Minh Hưng
2.67	Đường GTNT bằng BTXM tổ 8 ấp 11, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	1.835	937	UBND phường Minh Hưng
2.68	Đường GTNT bằng BTXM tổ 8 đi tổ 9 ấp 12 xã Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	1.224	540	UBND phường Minh Hưng
2.69	Đường GTNT bằng BTXM tổ 9A ấp 12, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	612	344	UBND phường Minh Hưng
2.70	Đường GTNT bằng BTXM tổ 9B ấp 12, phường Minh Hưng	Số 37/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	245	124	UBND phường Minh Hưng
3	Phường Minh Long (21 dự án)		87.521	87.231	
3.1	Xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng đường ĐT 751 đoạn qua địa bàn xã Minh Long (dài 6,1km)	Số 139/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	3.500	3.500	UBND Phường Minh Hưng
3.2	Xây dựng Trường TH&THCS Minh Long đạt chuẩn	Số 98/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	23.000	23.000	UBND Phường Minh Hưng
3.3	Mua sắm tủ sấy chén cho trẻ em bán trú và xây dựng mương thoát nước khuôn viên sân trường Mầm non Minh Long	Số 187a/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	548	548	UBND Phường Minh Hưng
3.4	Mua sắm trang thiết bị phòng máy tính phục vụ Chương trình GDPT 2018 cho Trường TH&THCS Minh Long	Số 236/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	450	450	UBND Phường Minh Hưng
3.5	Xây dựng cầu dân sinh Bung Cau từ ấp 3 đi ấp 5, xã Minh Long	Số 625/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	5.000	5.000	UBND Phường Minh Hưng
3.6	Xây dựng hàng rào và cổng nghĩa trang nhân dân xã Minh Long	Số 47/QĐ-UBND ngày 01/4/2021	1.900	1.900	UBND Phường Minh Hưng
3.7	Cải tạo, sửa chữa trụ sở HĐND-UBND xã Minh Long	Số 575/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	3.540	3.540	UBND Phường Minh Hưng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
3.8	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên UBND xã Minh Long	Số 724A/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	5.495	5.495	UBND Phường Minh Hưng
3.9	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Minh Long	Số 67/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	850	850	UBND Phường Minh Hưng
3.10	Xây dựng 08 phòng học lầu kèm theo trang thiết bị Trường Mầm non Minh Long	Số 418/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	9.000	8.710	UBND Phường Minh Hưng
3.11	Xây dựng nhà tiếp công dân và sửa chữa nhà làm việc Bộ phận một cửa xã Minh Long	Số 595A/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	750	750	UBND Phường Minh Hưng
3.12	Xây dựng đường từ ấp 2 đến trung tâm xã Minh Long	Số 433/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	12.500	12.500	UBND Phường Minh Hưng
3.13	Xây dựng đường từ ấp 6 đến trung tâm xã Minh Long	Số 432/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	10.250	10.250	UBND Phường Minh Hưng
3.14	Cải tạo, sửa chữa cổng chào các tuyến đường BTXM trên địa bàn xã Minh Long (33 cổng)	Số 626A/QĐ-UBND ngày 07/9/2021	205	205	UBND Phường Minh Hưng
3.15	Di dời hệ thống điện tuyến đường số 3, ấp 6 và đường số 29, ấp 2, xã Minh Long	Số 142A/QĐ-UBND ngày 23/5/2022	450	450	UBND Phường Minh Hưng
3.16	Xây dựng Trường mầm non Minh Long đạt chuẩn	Số 198/QĐ-UBND ngày 18/7/2022	2.000	2.000	UBND Phường Minh Hưng
3.17	Xây dựng nhà văn hóa ấp 3, xã Minh Long	Số 184A /QĐ-UBND ngày 28/6/2022	2.085	2.085	UBND Phường Minh Hưng
3.18	Xây dựng nhà văn hóa ấp 4, xã Minh Long	Số 184B /QĐ-UBND ngày 28/6/2022	2.080	2.080	UBND Phường Minh Hưng
3.19	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường số 29, ấp 2, xã Minh Long	Số 210B /QĐ-UBND ngày 09/8/2022	2.000	2.000	UBND Phường Minh Hưng
3.20	Xây dựng, cải tạo nhà tiếp công dân Công an phường Minh Long	Số 187c /QĐ-UBND ngày 07/9/2023	1.265	1.265	UBND Phường Minh Hưng
3.21	Cải tạo, sửa chữa sân trước UBND phường Minh Long	Số 187c /QĐ-UBND ngày 07/9/2023	653	653	UBND Phường Minh Hưng
4	Phường Thành Tâm (15 dự án)		44.524	44.493	
4.1	Khu hiệu bộ trường TH & THCS Lê Văn Tám xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (7889026)	Số 51/QĐ-UBND ngày 02/3/2021	4.584	4.584	UBND Phường Chơn Thành
4.2	Xây dựng đường nhựa KMC xã Thành Tâm nối dài (7905048)	Số 432/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	8.188	8.188	UBND Phường Chơn Thành
4.3	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa tổ 6, ấp 2, xã Thành Tâm (dài 1,6 km-7907623)	Số 624QĐ-UBND ngày 12/7/2021	7.500	7.500	UBND Phường Chơn Thành
4.4	Xây dựng nhà văn hóa ấp 1, xã Thành Tâm (7911815)	Số 906QĐ-UBND ngày 09/8/2021	1.151	1.151	UBND Phường Chơn Thành
4.5	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp: 1, 2, Đồng Tâm, Hòa Vinh 1, Hòa Vinh 2, Thủ Chánh, Mỹ Hưng xã Thành Tâm	Số 1071QĐ-UBND ngày 23/9/2021	1.449	1.449	UBND Phường Chơn Thành
4.6	Xây dựng đường từ KCN Chơn Thành kết nối đường vào Trường mầm non Tuổi Thơ đến TTHC xã Thành Tâm (7818608)	Số 973QĐ-UBND ngày 23/8/2021	10.000	10.000	UBND Phường Chơn Thành
4.7	Xây dựng đường GTNT bằng BTXM đường nối dài số 24, ấp Thủ Chánh, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Số 1839QĐ-UBND ngày 05/11/2021	131	100	UBND Phường Chơn Thành
4.8	Cải tạo khuôn viên Trường TH&THCS Lê Văn Tám (7984019)	Số 372/QĐ-UBND ngày 12/10/2022	2.100	2.100	UBND Phường Chơn Thành
4.9	Xây dựng nhà bảo vệ, hàng rào Trường Mầm non Tuổi Thơ (7987605)	Số 392/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	360	360	UBND Phường Chơn Thành
4.10	Xây dựng hàng rào và nhà vệ sinh trụ sở xã Thành Tâm (7987606)	Số 391/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	560	560	UBND Phường Chơn Thành
4.11	Xây dựng 4 phòng học chức năng kèm theo trang thiết bị trường TH&THCS Lê Văn Tám (7995106)	Số 420/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	5.300	5.300	UBND Phường Chơn Thành
4.12	Xây dựng đường dây trung áp 22KV, đường dây hạ áp &TBA 3x37,5KVA vào trụ sở phường Thành Tâm (7997650)	Số 433/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	508	508	UBND Phường Chơn Thành
4.13	Di dời trụ điện, bình điện 3 pha Trường Mầm non Tuổi Thơ (7984020)	Số 315/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	70	70	UBND Phường Chơn Thành

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
4.14	Sửa chữa một số hạng mục Trạm Y tế phường Thành Tâm (8045200)	Số 119/QĐ-UBND ngày 05/9/2023	123	123	UBND Phường Chơn Thành
4.15	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Trường Mầm non Tuổi Thơ đạt chuẩn (8033820)	Số 74/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	2.500	2.500	UBND Phường Chơn Thành
5	Phường Minh Thành (35 dự án)		241.799	204.691	
5.1	Xây dựng 10 phòng học lầu kèm theo trang thiết bị Trường TH & THCS Minh Thành	3648/QĐ-UBND ngày 26/08/2021	7.000	7.000	UBND Phường Chơn Thành
5.2	Nâng cấp mở rộng đường Minh Thành - An Long	số 170/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	120.000	102.800	UBND Phường Chơn Thành
5.3	Mua sắm trang thiết bị phòng máy tính phục vụ Chương trình GDPT 2018 cho trường TH&THCS Minh Thành	181/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	450	450	UBND Phường Chơn Thành
5.4	Xây dựng trụ sở HĐND-UBND xã Minh Thành	15480/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	36.500	32.500	UBND Phường Chơn Thành
5.5	Nâng cấp mở rộng đường trục chính ấp 1 xã Minh Thành	177/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	15.000	13.510	UBND Phường Chơn Thành
5.6	Xây dựng cầu dân sinh Suối Ri xã Minh Thành	119/QĐ-UBND ngày 10/6/2020	968	38	UBND Phường Chơn Thành
5.7	Xây dựng cầu dân sinh ấp 5 xã Minh Thành	282/QĐ-UBND ngày 16/11/2020	1.174	94	UBND Phường Chơn Thành
5.8	Xây dựng nhà văn hóa ấp 3 xã Minh Thành	ố 332A/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	1.584	1.601	UBND Phường Chơn Thành
5.9	Xây dựng kè đường liên ấp từ ấp 3 đi ấp 5 xã Minh Thành	328/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	4.896	4.743	UBND Phường Chơn Thành
5.10	Xây dựng nhà vệ sinh trường tiểu học và trung học cơ sở xã Minh Thành	115/QĐ-UBND ngày 19/3/2021	1.000	700	UBND Phường Chơn Thành
5.11	Xây dựng đường vào UBND xã Minh Thành	286/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	2.500	2.500	UBND Phường Chơn Thành
5.12	Xây dựng công viên xã Minh Thành	331/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	4.500	4.500	UBND Phường Chơn Thành
5.13	Đường GTNT bằng BTXM tổ 8 ấp 5 xã Minh Thành (2.285m)	112 /QĐ-UBND ngày 19/3/2021	2.753	129	UBND Phường Chơn Thành
5.14	Đường GTNT bằng BTXM tổ 5, ấp 3, xã Minh Thành(466m)	174 /QĐ-UBND ngày 10/5/2021	531	316	UBND Phường Chơn Thành
5.15	Đường GTNT bằng BTXM tổ 1C – tổ 4 ấp 1 xã Minh Thành (2.500m).	164 /QĐ-UBND ngày 29/4/2021	2.976	1.671	UBND Phường Chơn Thành
5.16	Đường GTNT bằng BTXM tổ 6d, ấp 1, xã Minh Thành (dài 1.260m)	206/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	1.500	170	UBND Phường Chơn Thành
5.17	Đường GTNT bằng BTXM tổ 6, ấp 2, xã Minh Thành 1,7000m)	2058 /QĐ-UBND ngày 27/9/2021	2.531	1.500	UBND Phường Chơn Thành
5.18	Đường GTNT bằng BTXM đường số 26 ấp 3, xã Minh Thành	2394 /QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1.087	640	UBND Phường Chơn Thành
5.19	Đường GTNT bằng BTXM tổ 1B, ấp 4, xã Minh Thành	2393 /QĐ-UBND ngày 06/11/2021	381	230	UBND Phường Chơn Thành
5.20	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo khuôn viên Trường MN Minh Thành.	161A/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	427	424	UBND Phường Chơn Thành
5.21	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 6 ấp 4 xã Minh Thành	2038/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	1.513	1.442	UBND Phường Chơn Thành
5.22	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 9 ấp 3 xã Minh Thành	2082/QĐ-UBND ngày 05/10/2021	5.000	4.951	UBND Phường Chơn Thành
5.23	Nâng cấp, mở rộng đường số 6 ấp 1 xã Minh Thành	2147/QĐ-UBND ngày 21/10/2021	4.000	2.100	UBND Phường Chơn Thành
5.24	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Minh Thành	2083/QĐ-UBND ngày 05/10/2021	11.268	9.600	UBND Phường Chơn Thành
5.25	Nâng cấp, sửa chữa , cải tạo hệ thống chiếu sáng trên địa bàn xã Minh Thành	1606/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	2.490	2.470	UBND Phường Chơn Thành
5.26	Quy hoạch chi tiết tổng thể mặt bằng khu trung tâm xã Minh Thành	3084/QĐ-UBND ngày 5/7/2021	276	261	UBND Phường Chơn Thành
5.27	Xây dựng đường dây 22KV & TBA 3 x 50KVA trụ sở làm việc HĐND – UBND xã Minh Thành	101/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	562	562	UBND Phường Chơn Thành

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
5.28	Đường GTNT bằng BTXM tổng 8 ấp 5 xã Minh Thành (nối dài)	806/QĐ-UBND ngày 31/03/2022	935	545	UBND Phường Chơn Thành
5.29	Đường GTNT bằng BTXM tổng 6a ấp 2 xã Minh Thành	806/QĐ-UBND ngày 31/03/2022	1.787	1.034	UBND Phường Chơn Thành
5.30	Đường GTNT bằng BTXM tổng 5 ấp 5 xã Minh Thành (Vào trại gà)	806/QĐ-UBND ngày 31/03/2022	210	210	UBND Phường Chơn Thành
5.31	Đường GTNT bằng BTXM tổng 6 ấp 5 xã Minh Thành (Nhánh đường DH 01)	806/QĐ-UBND ngày 31/03/2022	553	553	UBND Phường Chơn Thành
5.32	Xây dựng đường vào cổng chính trụ sở UBND phường Minh Thành	26/QĐ-UBND ngày 13/2/2023	2.650	2.650	UBND Phường Chơn Thành
5.33	Xây dựng công, hàng rào, sân bê tông và sửa chữa nhà văn hóa khu phố 1, phường Minh Thành	Số 165/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	1.600	1.600	UBND Phường Chơn Thành
5.34	mua sắm tài sản, trang thiết bị hội trường UBND phường Minh Thành	87/QĐ-UBND ngày 3/7/2023	797	797	UBND Phường Chơn Thành
5.35	Di dời hệ thống điện chiếu sáng đường khu phố 3 đi khu phố 5 phường Minh Thành (đường 40).	155/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	400	400	UBND Phường Chơn Thành
6	Xã Nha Bích (22 dự án)		84.893	84.718	
6.1	Xây dựng nhà ăn, bếp ăn, kèm trang thiết bị trường tiểu học Nha Bích	Số 177/QĐ-UBND ngày 03/06/2021	2.991	2.991	UBND xã Nha Bích
6.2	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa các ấp: 1, 2, 3, 4, 5, 6 và Suối Ngang - xã Nha Bích đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Số 192/QĐ-UBND ngày 25/6/2021	2.489	2.489	UBND xã Nha Bích
6.3	Xây dựng phòng truyền thống, thư viện kèm theo trang thiết bị trường tiểu học Nha Bích	Số 267/QĐ-UBND ngày 17/08/2021	2.917	2.917	UBND xã Nha Bích
6.4	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính ấp 2 đến trung tâm xã Nha Bích	Số 193/QĐ-UBND ngày 02/07/2021	14.500	14.500	UBND xã Nha Bích
6.5	Nâng cấp các tuyến đường sỏi đỏ ấp Suối Ngang và ấp 1-2-3, xã Nha Bích (06 tuyến dài 2910m)	Số 185/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	3.000	3.000	UBND xã Nha Bích
6.6	Nâng cấp đường GTNT tổng 6, ấp 4, xã Nha Bích (nối với đường ĐT 756B)	Số 221/QĐ-UBND, ngày 12/7/2021	8.000	8.000	UBND xã Nha Bích
6.7	Xây dựng đường kiểu mẫu ấp 3, xã Nha Bích (đường vào nhà văn hóa ấp 3)	Số 231/QĐ-UBND ngày 16/07/2021	8.000	8.000	UBND xã Nha Bích
6.8	Xây dựng đường kiểu mẫu ấp 4, xã Nha Bích, (đường vào trường tiểu học Nha Bích) huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Số 246/QĐ-UBND ngày 03/08/2021	8.000	8.000	UBND xã Nha Bích
6.9	Xây dựng đường kiểu mẫu ấp Suối Ngang, xã Nha Bích (đường tổ 1)	Số 269a/QĐ-UBND ngày 19/08/2021	4.300	4.300	UBND xã Nha Bích
6.10	Nâng cấp đường GTNT ấp 4, ấp 5, xã Nha Bích	Số 19/QĐ-UBND ngày 05/01/2021	1.018	1.018	UBND xã Nha Bích
6.11	Nâng cấp đường GTNT ấp 6, xã Nha Bích	Số 20/QĐ-UBND, ngày 06/01/2021	956	956	UBND xã Nha Bích
6.12	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT tổng 9, ấp 1, xã Nha Bích (đoạn từ đường ĐH08 đến hồ Phước Hòa)	Số 188/QĐ-UBND, ngày 22/06/2021	2.000	2.000	UBND xã Nha Bích
6.13	Nâng cấp hệ thống điện trung tâm hành chính xã Nha Bích	Số 289/QĐ-UBND, ngày 30/08/2021	778	778	UBND xã Nha Bích
6.14	Nâng cấp, cải tạo cảnh quan, khuôn viên UBND xã Nha Bích	Số 130/QĐ-UBND, ngày 07/06/2021	3.491	3.491	UBND xã Nha Bích
6.15	Nâng cấp đường GTNT ấp 1 và ấp Suối Ngang, xã Nha Bích	Số 169/QĐ-UBND, ngày 12/12/2022	1.100	1.100	UBND xã Nha Bích
6.16	Mua sắm, lắp đặt hệ thống màn hình Led và thiết bị Hội trường xã Nha Bích	Số 163/QĐ-UBND, ngày 07/12/2022	1.100	1.100	UBND xã Nha Bích
6.17	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên Trường Mầm non Nha Bích	Số 149/QĐ-UBND, ngày 01/12/2022	2.304	2.304	UBND xã Nha Bích
6.18	Sơn, sửa chữa 12 phòng học cũ và lắp đặt mái che, khung bao, hàng rào sân bóng đá Trường Mầm non Nha Bích	Số 154/QĐ-UBND, ngày 16/06/2023	980	980	UBND xã Nha Bích
6.19	Mua sắm đồ chơi ngoài trời và đồ dùng thiết bị bếp ăn Trường Mầm non Nha Bích	Số 196/QĐ-UBND, ngày 14/08/2023	539	539	UBND xã Nha Bích
6.20	Xây dựng Trường Tiểu Học Nha Bích đạt chuẩn	Số 16/QĐ-UBND, ngày 06/01/2023	6.980	7.000	UBND xã Nha Bích
6.21	Nâng cấp, mở rộng đường ngang Trung tâm ấp 6, xã Nha Bích	Số 204/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022	8.200	8.100	UBND xã Nha Bích

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
6.22	Xây dựng nhà ở doanh trại Công an xã Nha Bích	Số 50/QĐ-UBND, ngày 30/01/2024	1.250	1.155	UBND xã Nha Bích
7	Xã Minh Thắng (45 dự án)		113.804	98.939	
7.1	Xây dựng công, hàng rào, sân bê tông khuôn viên UBND xã Minh Thắng	30/QĐ-UBND, ngày 14/4/2020	530	8	UBND xã Nha Bích
7.2	Nâng cấp các tuyến đường GTNT trên địa bàn xã	61/QĐ-UBND, ngày 09/6/2020	1.442	248	UBND xã Nha Bích
7.3	Xây dựng đường nhựa từ ấp 6 đến trung tâm xã Minh Thắng	2872/QĐ-UBND, ngày 29/9/2020	4.961	1.239	UBND xã Nha Bích
7.4	Nâng cấp đường GTNT từ ấp 7 xã Minh Thắng đi ấp 6 xã Nha Bích	34/QĐ-UBND, ngày 14/4/2019	676	4	UBND xã Nha Bích
7.5	Nâng cấp đường GTNT ấp 4 xã Minh Thắng	164/QĐ-UBND, ngày 21/12/2020	660	653	UBND xã Nha Bích
7.6	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã Minh Thắng	2230/QĐ-UBND, ngày 30/5/2019	3.750	66	UBND xã Nha Bích
7.7	Đường dây trung hạ áp & TBA 1x50KVA cấp điện cho UBND xã Minh Thắng	165/QĐ-UBND, ngày 22/12/2020	361	36	UBND xã Nha Bích
7.8	Cải tạo, sửa chữa phòng học trường TH Minh Thắng	154/QĐ-UBND, ngày 20/11/2020	1.104	447	UBND xã Nha Bích
7.9	Nâng cấp mở rộng hệ thống mương thoát nước các tuyến đường GTNT trên địa bàn xã Minh Thắng (08 tuyến , XD 5 cống và kè mương)	119/QĐ-UBND, ngày 08/6/2021	2.600	2.226	UBND xã Nha Bích
7.10	Xây dựng hàng rào sửa chữa, làm hệ thống mương thoát nước Trường Mầm Non xã Minh Thắng	117/QĐ-UBND, ngày 07/6/2021	1.623	1.322	UBND xã Nha Bích
7.11	Kè mương tuyến đường ấp 6, xã Minh Thắng đi xã Quang Minh	326/QĐ-UBND, ngày 29/9/2021	800	782	UBND xã Nha Bích
7.12	Xây dựng công, hàng rào nhà văn hóa ấp 4 xã Minh Thắng		197	194	UBND xã Nha Bích
7.13	Xây dựng nhà văn hóa ấp 2 xã Minh Thắng		1.293	1.243	UBND xã Nha Bích
7.14	Xây dựng nhà văn hóa ấp 5 xã Minh Thắng	540/QĐ-UBND, ngày 24/12/2021	1.499	1.475	UBND xã Nha Bích
7.15	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng các tuyến đường sỏi đỏ trên địa bàn ấp 1 xã Minh Thắng		398	373	UBND xã Nha Bích
7.16	Cải tạo khuôn viên và mua sắm trang thiết bị phòng Lab, phòng khoa học công nghệ Trường Tiểu học Minh Thắng	154/QĐ-UBND, ngày 25/6/2021	1.942	1.919	UBND xã Nha Bích
7.17	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT vào trường Mầm non Minh Thắng		400	391	UBND xã Nha Bích
7.18	Xây dựng nhà văn hóa ấp 4 xã Minh Thắng	263/QĐ-UBND, ngày 26/8/2021	1.170	1.102	UBND xã Nha Bích
7.19	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc của Ban CHQS xã Minh Thắng	153/QĐ-UBND, ngày 24/6/2021	498	491	UBND xã Nha Bích
7.20	Xây dựng hàng rào, khuôn viên UBND xã Minh Thắng	152/QĐ-UBND, ngày 23/6/2021	177	176	UBND xã Nha Bích
7.21	Xây dựng 1 phòng hiệu bộ, 01 phòng giáo dục thể chất kèm theo trang thiết bị trường Mầm Non Minh Thắng	2229/QĐ-UBND, ngày 30/5/2019	2.000	35	UBND xã Nha Bích
7.22	Nâng cấp, SC, CT, và mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa ấp 1,2,3,5,6,7 xã Minh Thắng nhằm nâng cao tiêu chí NTM	288/QĐ-UBND, ngày 06/9/2021	1.032	791	UBND xã Nha Bích
7.23	Đường GTNT bằng BTXM tổ 3 ấp 1 xã Minh Thắng (đg vào nhà ông Khôi)	393/QĐ-UBND, ngày 01/11/2021	174	96	UBND xã Nha Bích
7.24	Đường GTNT bằng BTXM tổ 4 ấp 4 xã Minh Thắng (đg vào nhà ông Vinh)	317/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021	106	58	UBND xã Nha Bích
7.25	Đường GTNT bằng BTXM tổ 3 ấp 2 xã Minh Thắng (đg vào nhà ông Toàn)	319/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021	70	38	UBND xã Nha Bích
7.26	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng, kè mương đường tổ 6 ấp 1 xã Minh Thắng (Mã DA: 7955202)	56/QĐ-UBND, ngày 29/4/2022	3.900	3.865	UBND xã Nha Bích
7.27	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng, kè mương đường ấp 1- ấp 2 xã Minh Thắng (MDA: 7956323)	70/QĐ-UBND, ngày 13/5/2022	5.175	5.175	UBND xã Nha Bích
7.28	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng, kè mương đường tổ 2-tổ 3-tổ 9 ấp 2 xã Minh Thắng (MDA: 7955114)	68/QĐ-UBND, ngày 13/5/2022	10.000	9.989	UBND xã Nha Bích

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
7.29	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng đường vào nhà văn hoá ấp 2 xã Minh Thắng (MDA: 7955216)	57/QĐ-UBND, ngày 29/4/2022	1.199	1.199	UBND xã Nha Bích
7.30	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng đường vào trường tiểu học Minh Thắng (MDA 7953177)	47/QĐ-UBND, ngày 21/4/2022	3.499	3.481	UBND xã Nha Bích
7.31	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng đường vào nhà văn hoá ấp 7 xã Minh Thắng (MDA: 7954740)	62/QĐ-UBND, ngày 10/5/2022	11.000	11.000	UBND xã Nha Bích
7.32	Kè mương tuyến đường đi vào tổ 4 ấp 4, xã Minh Thắng(Mã DA: 7961775)	105/QĐ-UBND, ngày 17/6/2022	1.200	1.126	UBND xã Nha Bích
7.33	Nâng cấp, sửa chữa mở rộng, kè mương đường tổ 6, tổ 7 ấp 6 xã Minh Thắng(Mã DA: 7966315)	115/QĐ-UBND, ngày 26/7/2022	6.500	6.437	UBND xã Nha Bích
7.34	Nâng cấp các tuyến đường GTNT ấp 1 và ấp 5 xã Minh Thắng (Mã DA: 7971978)	163/QĐ-UBND, ngày 06/9/2022	2.480	2.427	UBND xã Nha Bích
7.35	Nâng cấp các tuyến đường GTNT ấp 2, xã Minh Thắng (Mã DA: 7971979)	162/QĐ-UBND, ngày 06/9/2022	4.010	3.802	UBND xã Nha Bích
7.36	Nâng cấp, Sửa chữa, mở rộng các tuyến đường trên địa bàn xã Minh Thắng(Mã DA: 7936011)	527/QĐ-UBND, ngày 16/12/2021	4.528	4.513	UBND xã Nha Bích
7.37	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường sỏi đỏ trên địa bàn xã Minh Thắng(Mã DA: 7902448)	120/QĐ-UBND, ngày 08/6/2021	3.600	3.384	UBND xã Nha Bích
7.38	Xây dựng Trạm Y tế xã Minh Thắng	190/QĐ-UBND, ngày 19/9/2023	6.000	5.880	UBND xã Nha Bích
7.39	Nâng cấp, mở rộng đường DH09 đoạn qua xã Minh Thắng	50/QĐ-UBND, ngày 08/3/2023	18.000	18.000	UBND xã Nha Bích
7.40	Xây dựng sân bê tông, nhà vệ sinh và sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Minh Thắng	159/QĐ-UBND, ngày 18/8/2023	820	820	UBND xã Nha Bích
7.41	Xây dựng cổng chào vào nhà văn hóa các ấp xã Minh Thắng	188/QĐ-UBND, ngày 19/9/2023	390	390	UBND xã Nha Bích
7.42	Xây dựng, sửa chữa hệ thống thoát nước tuyến đường tổ 7, ấp 6, xã Minh Thắng	177/QĐ-UBND, ngày 31/8/2023	790	790	UBND xã Nha Bích
7.43	Mua sắm trang thiết bị phòng máy tính phục vụ Chương trình GDPT 2018 cho Trường Tiểu học Minh Thắng	293A/QĐ-UBND, ngày 20/12/2023	450	450	UBND xã Nha Bích
7.44	Mua sắm trang thiết bị phòng máy tính phục vụ Chương trình GDPT 2018 cho Trường THCS Minh Thắng	293B/QĐ-UBND, ngày 20/12/2023	450	450	UBND xã Nha Bích
7.45	Trang bị màn hình led và thiết bị hội trường UBND xã Minh Thắng	216/QĐ-UBND, ngày 28/08/2024	350	350	UBND xã Nha Bích
8	Xã Minh Lập (43 dự án)		128.815	117.599	
8.1	Đường dây trung hạ thế & TBA 3x25KVA vào trường Trung học cơ sở Minh Lập	69/QĐ-UBND ngày 19/05/2020	532	60	UBND xã Nha Bích
8.2	Xây dựng đường nhựa liên ấp từ tổ 7 ấp 6 đi ấp 1 xã Minh Lập (7826367)	56/QĐ-UBND ngày 16/04/2020	1.054	43	UBND xã Nha Bích
8.3	Sửa chữa đường sỏi đỏ tổ 6 ấp 1 xã Minh Lập (7826378)	57/QĐ-UBND ngày 16/4/2020	314	222	UBND xã Nha Bích
8.4	Sửa chữa đường sỏi đỏ tổ 6 ấp 4 xã Minh Lập (Đoạn nối dài) (7826379)	58/QĐ-UBND ngày 16/04/2020	799	7	UBND xã Nha Bích
8.5	Xây dựng trụ sở làm việc Ban CHQS xã Minh Lập (7881283)	197/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	1.946	800	UBND xã Nha Bích
8.6	Xây dựng đường BTXM tổ 9 đến tổ 12, ấp 2, xã Minh Lập (7879370)	194/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	1.696	730	UBND xã Nha Bích
8.7	Xây dựng Trung tâm Văn hoá - Thể thao xã Minh Lập (7882525)	198/QĐ-UBND ngày 18/12/2021	4.486	4.486	UBND xã Nha Bích
8.8	Xây dựng đường nhựa liên ấp từ ấp 2 đến ấp 7, xã Minh Lập(năm 2021) (7900525)	81/QĐ-UBND ngày 20/05/2021	4.000	3.505	UBND xã Nha Bích
8.9	Xây dựng đường GTNT bằng BTXM tổ 9, ấp 2, xã Minh Lập (7897432)	66/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	183	101	UBND xã Nha Bích
8.10	Xây dựng đường GTNT bằng BTXM tổ 5, ấp 1, xã Minh Lập (7897431)	69/QĐ-UBND ngày 12/05/2021	570	314	UBND xã Nha Bích
8.11	Xây dựng đường GTNT bằng BTXM tổ 7, ấp 4, xã Minh Lập (đoạn 1) - 7901840	Số 92/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	336	185	UBND xã Nha Bích
8.12	Xây dựng nhà ăn, bếp ăn trường tiểu học Minh Lập (7917181)	Số 171/QĐ-UBND ngày 08/09/2021	2.467	2.468	UBND xã Nha Bích

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
8.13	xây dựng nhà vệ sinh trường Tiểu học Minh Lập (7918634)	Số 172/QĐ-UBND ngày 08/09/2022	372	372	UBND xã Nha Bích
8.14	Xây dựng 10 phòng học lầu kèm theo trang thiết bị trường tiểu học minh lập	Số 175/QĐ-UBND ngày 10/09/2021	6.360	5.929	UBND xã Nha Bích
8.15	Xây dựng khu hiệu bộ và 06 phòng bộ môn kèm theo trang thiết bị trường THCS Minh Lập (7917179)	Số 173/QĐ-UBND ngày 08/09/2021	8.489	8.489	UBND xã Nha Bích
8.16	Xây dựng vườn cổ tích, sân chơi, nhà bảo vệ trường Mầm non Minh Lập (7916254)	Số 165/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	700	700	UBND xã Nha Bích
8.17	Xây dựng nhà văn hóa ấp 3, xã Minh Lập	Số 301/QĐ-UBND, ngày 13/12/2021	1.484	1.484	UBND xã Nha Bích
8.18	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng công cộng các tuyến đường tại khu dân cư ấp 2 xã Minh Lập	Số 511/QĐ-UBND ngày 8/3/2022	3.478	3.478	UBND xã Nha Bích
8.19	Xây dựng Khu nhà văn hóa ấp 1, xã Minh Lập	Số 386/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	1.962	1.962	UBND xã Nha Bích
8.20	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa Khu nhà văn hóa ấp 2, xã Minh Lập	Số 491/QĐ-UBND, ngày 15/08/2022	1.643	1.643	UBND xã Nha Bích
8.21	Xây dựng nhà văn hóa ấp 4, xã Minh Lập	Số 400/QĐ-UBND ngày 01/06/2022	1.500	1.500	UBND xã Nha Bích
8.22	Xây dựng Khu nhà văn hóa ấp 5, xã Minh Lập	425/QĐ-UBND ngày 15/06/2022	1.975	1.975	UBND xã Nha Bích
8.23	Xây dựng Khu nhà văn hóa ấp 7, xã Minh Lập	Số 605/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	2.499	2.499	UBND xã Nha Bích
8.24	Đường GTNT bằng BTXM tổ 1 ấp 3 xã Minh Lập	Số 348/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	249	140	UBND xã Nha Bích
8.25	Đường GTNT bằng BTXM tổ 8 ấp 5 xã Minh Lập	Số 350/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	237	131	UBND xã Nha Bích
8.26	Đường GTNT bằng BTXM tổ 7 ấp 4 xã Minh Lập (năm 2022)	Số 349/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	273	151	UBND xã Nha Bích
8.27	Nâng cấp đường GTNT tổ 6, ấp 4, xã Minh Lập	Số 530/QĐ-UBND ngày 29/08/2022	850	850	UBND xã Nha Bích
8.28	Nâng cấp đường GTNT ấp 5, xã Minh Lập	Số 540/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	3.800	2.950	UBND xã Nha Bích
8.29	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 8-10-11, ấp 3 xã Minh Lập (8016644)	Số 36/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	19.000	16.513	UBND xã Nha Bích
8.30	Nâng cấp, mở rộng đường ấp 6 đi ấp 1, xã Minh Lập	Số 659/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	12.422	12.422	UBND xã Nha Bích
8.31	Xây dựng Trạm y tế xã Minh Lập	Số 67/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	6.000	6.000	UBND xã Nha Bích
8.32	Xây dựng sân bê tông, đường vào nhà văn hóa ấp 5 xã Minh Lập (8016644)	Số 246a/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	200	200	UBND xã Nha Bích
8.33	Nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng đường GTNT ấp 4, xã Minh Lập	Số 140/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	850	850	UBND xã Nha Bích
8.34	Nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng đường GTNT ấp 7, xã Minh Lập	Số 140/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	950	950	UBND xã Nha Bích
8.35	Sửa chữa nhà văn hóa ấp 6 và mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa các ấp, xã Minh Lập	Số 141/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	1.300	1.300	UBND xã Nha Bích
8.36	Xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị trường THCS Minh Lập đạt chuẩn	Số 76/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	3.000	3.000	UBND xã Nha Bích
8.37	Nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng đường GTNT ấp 1, xã Minh Lập	Số 148/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	700	700	UBND xã Nha Bích
8.38	Nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng đường GTNT ấp 5, xã Minh Lập	Số 237/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	1.200	1.200	UBND xã Nha Bích
8.39	Xây dựng cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Minh Lập	Số 246A/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	1.000	1.000	UBND xã Nha Bích
8.40	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị trường Tiểu học Minh Lập	Số 216/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	2.250	2.250	UBND xã Nha Bích
8.41	Xây dựng Trường THCS Minh Lập đạt chuẩn	Số 566/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	12.500	10.850	UBND xã Nha Bích
8.42	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống chiếu sáng đường ĐT 756 đoạn qua xã Minh Lập (8127452)	Số 658/QĐ-UBND ngày 27/12/2025	690	690	UBND xã Nha Bích
8.43	Xây dựng trường TH Minh Lập đạt chuẩn	Số 599/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	12.500	12.500	UBND xã Nha Bích

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
9	Xã Quang Minh (27 dự án)		83.150	72.600	
9.1	Đường GTNT bằng BTXM đường Tổ 2, ấp Bào Teng, xã Quang Minh.	871/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	891	891	UBND xã Tân Quan
9.2	Đường GTNT bằng BTXM đường Tổ 5, ấp Bào Teng, xã Quang Minh.	871/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	173	173	UBND xã Tân Quan
9.3	Đường GTNT bằng BTXM đường Tổ 3B, ấp Bào Teng, xã Quang Minh.	871/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	246	246	UBND xã Tân Quan
9.4	Đường GTNT bằng BTXM đường Tổ 4B, ấp Bào Teng, xã Quang Minh.	871/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	201	201	UBND xã Tân Quan
9.5	Đường GTNT bằng BTXM đường Tổ 6B, ấp Bào Teng, xã Quang Minh.	871/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	205	205	UBND xã Tân Quan
9.6	Đường GTNT bằng BTXM đường Tổ 1, ấp Tranh 3, xã Quang Minh	871/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	191	191	UBND xã Tân Quan
9.7	Đường GTNT bằng BTXM đường Tổ 5, ấp Tranh 3, xã Quang Minh	871/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	179	179	UBND xã Tân Quan
9.8	Đường GTNT bằng BTXM đường Tổ 8D, ấp Ruộng 3, xã Quang Minh	871/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	391	391	UBND xã Tân Quan
9.9	Đường GTNT bằng BTXM đường Tổ 6B, ấp Ruộng 3, xã Quang Minh	871/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	121	121	UBND xã Tân Quan
9.10	Đường GTNT bằng BTXM đường Tổ 5A, ấp Ruộng 3, xã Quang Minh	871/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	54	54	UBND xã Tân Quan
9.11	Cải tạo, sửa chữa khuôn viên trường Tiểu học Quang Minh	326/UBND-KT ngày 16/04/2021	725	725	UBND xã Tân Quan
9.12	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT tổ 3 - tổ 4, ấp Cây Gõ, xã Quang Minh.	326/UBND-KT ngày 16/04/2021	900	900	UBND xã Tân Quan
9.13	Nâng cấp đường GTNT đường D6, ấp Bào Teng, xã Quang Minh (Đoạn tiếp theo)	326/UBND-KT ngày 16/04/2021	1.600	1.600	UBND xã Tân Quan
9.14	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Quang Minh	326/UBND-KT ngày 16/04/2021	165	165	UBND xã Tân Quan
9.15	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y Tế	326/UBND-KT ngày 16/04/2021	153	153	UBND xã Tân Quan
9.16	Nâng cấp, mở rộng đường, lát gạch vỉa hè, cải tạo hệ thống thoát nước dọc tuyến đường ĐH 11(bê tông UBND xã Quang Minh)	326/UBND-KT ngày 16/04/2021	1.500	1.460	UBND xã Tân Quan
9.17	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp Cây Gõ, xã Quang Minh	1285/UBND-KT ngày 10/12/2021	4.701	4.400	UBND xã Tân Quan
9.18	Nâng cấp đường GTNT đường DH 09, xã Quang Minh (đường ấp Ruộng 3 đi xã Minh Thắng).	188/UBND-KT ngày 18/3/2022	14.900	14.300	UBND xã Tân Quan
9.19	Xây dựng mương và cống thoát nước đường ấp Chà Hòa, xã Quang Minh đi xã Minh Thắng.	188/UBND-KT ngày 18/3/2022	3.000	2.580	UBND xã Tân Quan
9.20	Nâng cấp đường điện đường DT 756C đoạn tiếp theo và đường Quang Minh đi Phước An.	188/UBND-KT ngày 18/3/2022	3.200	3.200	UBND xã Tân Quan
9.21	Xây dựng bếp ăn bán trú, nhà vệ sinh, đường BTXM khuôn viên Trường Tiểu học xã Quang Minh.	188/UBND-KT ngày 18/3/2022	3.500	3.280	UBND xã Tân Quan
9.22	Xây dựng 02 phòng học, nhà bảo vệ, hầm chứa nước thải nhà ăn và nâng cấp, mở rộng sân bê tông Trường Mầm non xã Quang Minh.	188/UBND-KT ngày 18/3/2022	2.500	2.500	UBND xã Tân Quan
9.23	Nâng cấp đường GTNT đường D10, ấp Ruộng 3, xã Quang Minh (đầu tuyến cống ông Sâm, cuối tuyến giáp ranh xã Minh Thắng).	188/UBND-KT ngày 18/3/2022	5.000	4.250	UBND xã Tân Quan
9.24	Đường BTXM đường Tổ 3, ấp Cây Gõ, xã Quang Minh (dài 895m).	562/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	1.126	905	UBND xã Tân Quan
9.25	Đường BTXM đường Tổ 6A, ấp Ruộng 3, xã Quang Minh.	562/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	528	530	UBND xã Tân Quan
9.26	Nâng cấp đường GTNT tổ 3 và tổ 5 ấp Cây Gõ, xã Quang Minh	551/UBND-KT, ngày 13/7/2022	4.000	4.000	UBND xã Tân Quan
9.27	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 09(đoạn qua Quang Minh)	1065/UBND-KT ngày 22/11/2022	33.000	25.000	UBND xã Tân Quan
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025 (24 dự án)		411.922	392.680	
II.1	Trước ngày 30/6/2025		53.200	47.545	

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
2.1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công an phường Minh Long	Số 139a/QĐ-UBND ngày 15/07/2024	3.500	2.600	UBND Phường Minh Hưng
2.2	Nạo vét mở rộng suối ông Thành, phường Thành Tâm	162/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	12.600	9.135	UBND Phường Chơn Thành
2.3	Xây dựng trạm y tế xã Minh Thành	Số 48/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	6.000	5.990	UBND Phường Chơn Thành
2.4	Xây dựng trường TH & THCS Minh Thành đạt chuẩn	122/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	14.700	13.920	UBND Phường Chơn Thành
2.5	Sửa chữa nhà văn hóa khu phố 1, phường Hưng Long, TX Chơn Thành	213/QĐ - UBND ngày 06/9/2024	300	300	UBND Phường Chơn Thành
2.6	Sửa chữa nhà văn hóa khu phố 2, phường Hưng Long, TX Chơn Thành	214/QĐ - UBND ngày 06/9/2024	400	400	UBND Phường Chơn Thành
2.7	Sửa chữa nhà văn hóa khu phố 4, phường Hưng Long, TX Chơn Thành	215/QĐ - UBND ngày 06/9/2024	300	300	UBND Phường Chơn Thành
2.8	Sửa chữa nhà văn hóa khu phố 7, phường Hưng Long, TX Chơn Thành	216/QĐ - UBND ngày 06/9/2024	400	400	UBND Phường Chơn Thành
2.9	Xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Trường THCS Minh Thắng đạt chuẩn	115/QĐ-UBND, ngày 24/5/2023	15.000	14.500	UBND xã Nha Bích
II.2	Sau ngày 30/6/2025 (17 dự án)		358.722	345.135	
1	Phường Hưng Long (03 dự án)		123.999	120.250	
-	Nâng cấp, mở rộng đường liên tổ khu 10 - khu phố Trung Lợi, phường Hưng Long	49/QĐ - UBND ngày 14/03/2023	14.999	14.250	UBND Phường Chơn Thành
-	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 7 - tổ 9, khu phố Hiếu Cầm, phường Hưng Long	53/QĐ - UBND ngày 15/03/2023	49.000	49.000	UBND Phường Chơn Thành
-	Nâng cấp, mở rộng đường liên khu phố 4 - Khu phố 8, phường Hưng Long	189/QĐ - UBND ngày 03/08/2023	60.000	57.000	UBND Phường Chơn Thành
2	Phường Minh Hưng (04 dự án)		85.923	81.650	
-	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 2 – tổ 3, khu phố 5, phường Minh Hưng	Số 236/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	35.000	33.250	UBND Phường Minh Hưng
-	Nâng cấp, mở rộng đường từ tổ 4 đi tổ 7, khu phố 12, phường Minh Hưng	Số 144/QĐ-UBND ngày 09/3/202	32.000	30.400	UBND Phường Minh Hưng
-	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 4B, khu phố 2, phường Minh Hưng	Số 352/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	9.448	9.000	UBND Phường Minh Hưng
-	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 5A, khu phố 2, phường Minh Hưng	Số 353/QĐ-UBND ngày 26/12/202	9.475	9.000	UBND Phường Minh Hưng
3	Xã Nha Bích (02 dự án)		51.800	49.210	
-	Nâng cấp, mở rộng đường vào Trung tâm ấp 6, xã Nha Bích	Số 128/QĐ-UBND, ngày 21/11/2022	35.000	33.250	UBND xã Nha Bích
-	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 3, ấp Suối Ngang, xã Nha Bích	Số 114/QĐ-UBND, ngày 27/03/2023	16.800	15.960	UBND xã Nha Bích
4	Xã Minh Lập (02 dự án)		47.000	46.275	
-	Xây dựng trụ sở HĐND-UBND xã Minh Lập	Số 1522/QĐ-UBND, ngày 25/5/2023	32.500	32.500	UBND xã Nha Bích
-	Nâng cấp mở rộng đường vào nhà văn hóa ấp 4, xã Minh Lập	Số 658/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	14.500	13.775	UBND xã Nha Bích
5	Xã Quang Minh (01 dự án)		45.000	42.750	
-	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 11 (đoạn từ TTHC xã Quang Minh đi xã Phước An)	1065/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	45.000	42.750	UBND xã Tân Quan
6	Nguồn ngân sách xã, phường (01 dự án)		5.000	5.000	
-	Xây dựng đường tổ 9, khu phố 8, phường Hưng Long	303/QĐ - UBND ngày 23/12/2024	5.000	5.000	UBND Phường Chơn Thành
C	THỊ XÃ PHƯỚC LONG		1.101.327	1.026.986	
C1	KHỐI THỊ XÃ		1.033.337	958.996	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		744.572	669.507	

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
1	XD đường vành đai 1 (từ Long Điền đi Long Thủy)	1471/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	55.000	20.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
2	XD đường vành đai 2 từ Phước Vĩnh P. Phước Bình đến Sơn Long P. Sơn Giang (phía nam ĐT 741) (giai đoạn 2)	1466a/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	16.150	4.586	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
3	Nâng cấp đường từ đường ĐT 759 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	1472/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.000	4.300	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
4	Nâng cấp mở rộng mặt đường, XD HTTN đường Đinh Công Trứ (Tư Hiền 2)	1562/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	6.700	6.700	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
5	Nâng cấp, mở rộng mặt đường, XD HTTN đường Nguyễn Trãi (đường Nhơn Hòa 2)	1563/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	13.400	13.400	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
6	Xây dựng HTTN từ trường Mẫu giáo Phước Bình xuống hạ lưu	1561/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	2.200	2.200	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
7	Xây dựng 08 phòng học và 04 phòng chức năng Trường TH Trương Vĩnh Ký	1584/QĐ-UBND ngày 05/11/2020	8.500	8.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
8	XD 02 phòng và 06 phòng chức năng Trường TH Sơn Giang	1557/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	5.500	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
9	XD 06 phòng và 03 phòng chức năng Trường TH Phan Bội Châu	1560/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
10	XD 07 phòng và 02 phòng chức năng Trường TH Lê Hồng Phong	1583/QĐ-UBND ngày 5/11/2020	5.999	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
11	XD 04 phòng Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	1558/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	2.999	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
12	XD nhà đa năng Trường THCS Thác Mơ	1559/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	3.500	3.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
13	Chốt kiểm lâm núi Bà Rá	989/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	2.500	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
14	Nâng cấp mặt đường, xây dựng HTTN, hệ thống chiếu sáng đường bên hông nhà Thiếu Nhi và các nhánh rẽ	2601/QĐ-UBND ngày 07/9/2021	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
15	Mở rộng, nâng cấp mặt đường Lê Văn Duyệt nối dài và đoạn đường Hàm Nghi, đoạn đường Trần Phú	2485/QĐ-UBND ngày 25/8/2021	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
16	XD 05 phòng chức năng, 03 phòng học, 03 phòng hiệu bộ và nhà bảo vệ Trường TH Chu Văn An	2533/QĐ-UBND ngày 01/09/2021	7.300	7.300	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
17	XD nhà vệ sinh các trường TH trên địa bàn	2704/QĐ-UBND ngày 21/09/2021	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
18	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường Tôn Đức Thắng	2590/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	3.000	2.983	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
19	Nâng cấp hệ thống chiếu sáng đường 3/2 (từ TTTM Phước Bình đi Long Điền) và UBND phường Phước Bình đi Phước Tín)	2591/QĐ-UBND ngày 06/09/2021	9.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
20	Xây dựng nhà làm việc và hội trường Công an thị xã	2503/QĐ-UBND ngày 28/8/2021	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
21	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trung tâm xã Phước Tín	1625/QĐ-UBND ngày 12/11/2020	7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
22	Nâng cấp mở rộng mặt đường, xây dựng HTTN đường Hoàng Văn Thụ	2204/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	20.000	20.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
23	Nâng cấp mặt đường và xây dựng HTTN đường từ Nghĩa Trang liệt sỹ đến cầu số 4 Sơn Long	3503/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
24	Mở rộng mặt đường, xây dựng HTTN, vỉa hè, hệ thống chiếu sáng đường đi Đắk Sol	3440/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
25	XD cầu BTCT dự ứng lực dài 24m, thôn An Lương, xã Long Giang	3441/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	9.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
26	NC, SC đường Nguyễn Thái Học kết nối thị xã Phước Long với huyện Phú Riềng (ĐH Long Hưng-Phước Bình)	822/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	15.000	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
27	NC mở rộng mặt đường, XD HTTN đường Hoàng Văn Thái	1090/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	9.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
28	NC mặt đường, hoàn thiện hạ tầng một số tuyến đường trên địa bàn Phường Long Thủy và phường Thác Mơ	1124/QĐ-UBND ngày 7/11/2022	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
29	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hoàn thiện HTKT đường Lý Thái Tổ (từ cầu An Lương đến đg Lê Hồng Phong)	1127/QĐ-UBND ngày 7/11/2022	18.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
30	XD 07 phòng và 04 phòng chức năng, hiệu bộ Trường TH Trương Vĩnh Ký	3442/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	8.500	8.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
31	XD 04 phòng và 05 phòng chức năng và 03 phòng hiệu bộ Trường TH Long Giang	3420/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	8.500	8.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
32	XD 01 phòng và 05 phòng chức năng và 01 phòng hội đồng Trường TH Trần Hưng Đạo	3443/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	5.500	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
33	XD 04 phòng lầu và 04 phòng chức năng và Nhà đa năng Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	3444/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	9.500	9.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
34	XD 03 phòng, 02 phòng chức năng, 01 phòng đa năng và 02 Phòng hiệu bộ Trường TH Phước Tín A	3505/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
35	XD 07 phòng chức năng và 03 phòng hiệu bộ Trường TH Thác Mơ	3445/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	7.500	7.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
36	XD 05 phòng chức năng, khu hiệu bộ và 03 phòng hỗ trợ học tập Trường TH Lê Hồng Phong	3446/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
37	XD 08 phòng học Trường THCS Long Phước	807/QĐ-UBND ngày 25/7/2022	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
38	XD nhà Đa năng Trường THCS Long Phước	823/QĐ-UBND ngày 01/08/2022	3.500	3.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
39	XD 01p học và 03p chức năng Trường TH Phước Tín B	824/QĐ-UBND ngày 01/08/2022	4.200	4.200	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
40	XD 02p học Trường Bàu Nghé Trường TH Phước Tín B	821/QĐ-UBND ngày 01/08/2022	1.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
41	XD 06 phòng chức năng và khu hiệu bộ Trường THCS Phước Bình	858/QĐ-UBND ngày 08/08/2022	7.500	7.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
42	Đầu tư nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước, sân, hàng rào các trường học trên địa bàn thị xã	844/QĐ-UBND ngày 04/8/2022	25.000	25.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
43	XD trường MG Thác Mơ	883/QĐ-UBND ngày 15/08/2022	22.000	22.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
44	XD lại trụ sở, hội trường UBND phường Thác Mơ	1314/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	12.000	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
45	XD lại trụ sở, hội trường UBND phường Long Thủy	1310/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	12.000	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
46	Chuyển đài truyền Thanh ra Trung tâm văn hóa mới	3447/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	1.450	1.600	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
47	Mở rộng nghĩa Trang nhân dân thôn Nhơn Hòa 1, xã Long Giang	3448/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	10.000	8.230	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
48	XD nhà phục vụ tang lễ, hỏa táng và lưu tro cốt tại nghĩa Trang nhân dân thị xã Phước Long	1125/QĐ-UBND ngày 7/11/2022	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
49	XD 03 phòng học, 04 phòng chức năng và các phòng hiệu bộ Trường TH Phan Bội Châu	134/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	6.500	6.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
50	Nâng cấp mặt đường Tôn Đức Thắng (từ ĐT 741 đến Trường TH Long Giang)	131/QĐ-UBND ngày 15/2/2023	5.500	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
51	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn Thác Mơ/Gói 2	171/QĐ-UBND ngày 23/2/2023	9.900	9.700	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
52	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Khuyến và đường Nhánh	170/QĐ-UBND ngày 23/2/2023	4.800	4.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
53	Nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Long Thủy/Gói 1	250/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	24.000	23.700	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
54	Nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Long Thủy/Gói 2	281/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	16.325	15.400	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
55	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Thống Nhất (đoạn từ UBND phường Phước Bình đến ngã ba Phước Quà)	433/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	22.500	22.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
56	Nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Thác Mơ/Gói 1	246/QĐ-UBND ngày 14/03/2023	3.300	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
57	Nâng cấp mặt đường và Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Phước Bình	282/QĐ-UBND ngày 24/03/2023	4.400	4.400	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
58	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Long Thủy (Gói 3)	1310/QĐ-UBND ngày 1/8/2023	15.300	13.900	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
59	XD 09 phòng học Trường TH Sơn Giang	132/QĐ-UBND ngày 15/2/2023	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
60	XD 04 phòng chức năng, khu hiệu bộ Trường TH Phước Tín B	133/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	4.050	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
61	XD 06 phòng học Trường TH Lê Hồng Phong	997/QĐ-UBND ngày 28/09/2023	4.800	4.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
62	XD 06 phòng học Trường THCS Phước Bình	996/QĐ-UBND ngày 28/09/2023	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
63	XD 02 phòng học điểm trường Thôn 7 và mua sắm trang thiết bị 03 phòng chức năng điểm chính Trường TH Long Giang	1000/QĐ-UBND ngày 28/09/2023	1.600	1.600	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
64	XD 02 phòng chức năng Trường MG Hương Sen	997/QĐ-UBND ngày 28/09/2023	1.500	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
65	XD 02 phòng học tập, 04 phòng hỗ trợ học tập và 01 phòng phụ trợ Trường THCS Phước Bình	999/QĐ-UBND ngày 28/09/2023	5.666	5.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
66	XD 01 phòng điểm trường Bàu Nghé - Trường MG Phước Tín	1001/QĐ-UBND ngày 28/09/2023	800	850	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
67	XD 11 phòng học tập, 02 phòng hỗ trợ học tập Trường THCS Thác Mơ	1257/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	12.500	12.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
68	XD 08 phòng học, 01 phòng phụ trợ, 02 phòng học tập và 01 phòng hỗ trợ học tập Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	1256/QĐ-UBND ngày 9/11/2023	12.500	12.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
69	Nâng cấp, chỉnh trang bia tưởng niệm các chiến sỹ cách mạng ở nhà tù Bà Rá Phước Long	1260/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	5.300	5.300	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
70	Thảm, nhựa sân và đường nội bộ Chợ Phước Long	155/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	5.030	5.030	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
71	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Trãi	1080/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	10.400	10.400	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
72	XD 02 phòng học, 05 phòng học tập và 01 phòng phụ trợ Trường THCS Long Phước	159/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	5.800	5.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
73	XD hệ thống đèn LED trang trí trên một số trục đường chính trên địa bàn thị xã	613/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
74	XD 02 phòng học, 04 phòng học tập và 01 phòng phụ trợ Trường TH Thác Mơ	157/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	5.800	5.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
75	XD khu điều trị cách ly tại Trung tâm y tế	158/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	7.900	7.900	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
76	Đầu tư hệ thống phun nước và đèn trang trí Hồ Long Thủy	614/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	7.900	7.900	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
77	Nâng cấp chỉnh trang khu văn hóa thương Mại - Dịch vụ Phước Bình	612/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	4.200	4.200	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
78	Xây dựng hàng rào xung quanh trụ sở Thị đội cũ tại đồi 230	2713/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	2.378	2.400	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
79	Xây dựng nhà lưu trú cho các lực lượng được huy động tăng cường thực hiện nhiệm vụ và khách đến công tác tại Ban chỉ huy quân sự thị xã Phước Long	867/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
80	Trang bị máy 02 phòng vi tính và 04 phòng anh văn	1713/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	2.870	2.605	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
81	Đầu tư thiết bị 03 phòng anh văn cho các trường TH Phước Tín A, THCS Phước Tín và THCS Phước Bình	3025/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	1.241	1.251	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
82	Đầu tư thiết bị phòng học ngoại ngữ trường TH Phước Tín B, TH Lê Hồng Phong, THCS Nguyễn Văn Trỗi	3506/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	1.271	1.271	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
83	Đầu tư thiết bị phòng học ngoại ngữ trường TH Phan Bội Châu, TH Sơn Giang, TH Long Giang	278/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	1.275	1.275	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
84	Đầu tư thiết bị 02 phòng vi tính trường TH Phước Tín B và trường THCS Phước Bình	1002/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	1.384	1.547	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
85	Cung cấp trang thiết bị cho các trường mầm non, mẫu giáo	3504/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	2.500	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
86	Đổi ứng dự án Xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh	929/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
87	Xây dựng nhà làm việc tiếp công dân của Công an thị xã	1133/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	8.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
88	Đầu tư xây dựng hệ thống truy cập Wifi công cộng và bổ sung Camera an ninh, giao thông trên địa bàn thị xã	1569/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	2.079	2.079	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
89	Đầu tư lắp đặt bảng thông tin điện tử tại Quảng trường 6-1	1569/QĐ-UBND ngày 29/12/2024	2.800	2.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
90	Đầu tư trang bị màn hình Led trung tâm hội nghị thị xã Phước Long và một số thiết bị phụ trợ	3310/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	3.605	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		189.765	190.489	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung Tâm xã Phước Tín	1469/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	1.016	1.740	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
2	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Khu phố 1, phường Phước Bình	772/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.737	1.737	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
3	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình	771/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.910	1.910	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
4	Quy hoạch phân khu kết nối khu Trung tâm hành chính và đô thị mới tỷ lệ 1/2000	Số 932/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	2.035	2.035	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
5	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Khu phố Phước Sơn, phường Phước Bình	773/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.546	1.546	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
6	Quy hoạch chi tiết 1/500 cụm công nghiệp Long Giang	123/QĐ-UBND ngày 13/2/2023	1.942	1.942	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
7	Quy hoạch phân khu phường Sơn Giang tỷ lệ 1/2000	1231/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	2.709	2.709	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
8	Quy hoạch phân khu phường Long Phước tỷ lệ 1/2000	377/QĐ-UBND ngày 17/4/2023	3.820	3.820	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
9	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hồ Đăk Krat, phường Long Phước	696/QĐ-UBND ngày 18/07/2023	1.285	1.285	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
10	Quy hoạch phân khu phường Long Thủy tỷ lệ 1/2000	539/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	2.272	2.272	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
11	Quy hoạch phân khu phường Thác Mơ tỷ lệ 1/2000	657/QĐ-UBND ngày 5/7/2023	2.254	2.254	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư Nhơn Hòa 2, xã Long Giang	1042/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	910	910	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
13	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và bảo tồn văn hóa dân tộc S'Tiêng	1041/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	910	910	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
14	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khu phố Sơn Long, phường Sơn Giang	637/QĐ-UBND ngày 28/06/2023	2.306	2.306	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
15	Đầu tư, nâng cấp đường Hà Huy Tập (Bù Xiết)	1079/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	4.500	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
16	XD bờ kè chống sạt lở đường 6/1 (Đoạn từ tượng đài chiến thắng đến Cầu Daklung)	2930/QĐ-UBND ngày 06/09/2024	3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
17	Đầu tư hạ tầng, san lấp mặt bằng Nghĩa Trang Nhân dân thị xã Phước Long xã Long Giang	1259 /QĐ-UBND ngày 09/11/2023	23.000	23.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
18	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến thôn 7 xã Long Giang)	156/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	52.000	52.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
19	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và XD HTKT đường Mội Nước Phường Sơn Giang	1201/QĐ-UBND ngày 24/11/2022, 15/QĐ-QLDA ngày 10/02/2025	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
20	Nâng cấp, mở rộng mặt đường Mạc Đăng Dung (nối đường ĐT 759 từ thôn Phước Yên đi xã Phước Tân - huyện Phú Riềng	3502/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	19.000	19.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
21	Xây dựng trường Mẫu giáo Sao Sáng	697/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	20.500	20.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
22	Đầu tư xây dựng vỉa hè và hệ thống chiếu sáng đường Lê Trọng Tấn, khu phố Phước An, Phường Phước Bình	269/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	10.500	10.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
23	Đầu tư, nâng cấp hệ thống chiếu sáng công trình đường Nguyễn Tất Thành (đoạn từ ngã 3 bến xe Phước Long đến 4 đường vào mặt bằng)	268/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	3.200	3.200	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
24	Đầu tư xây nhà ăn lực lượng thường trực, nhà kho lưu trữ phường Sơn Giang	3312/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	1.720	1.720	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
25	Đầu tư Công viên Phường Long Thủy	1266/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	8.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
26	Đầu tư trang bị hệ thống phẫu thuật nội soi	555/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	4.000	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
27	Trang bị phòng học vi tính cho các trường TH Lê Hồng Phong, TH Trần Hưng Đạo, TH Phước Tín A, TH Chu Văn An, THCS Thác Mơ	580/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	2.994	2.994	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
28	Đầu tư hệ thống đèn chiếu sáng các giao lộ giao thông nội ô xã	654/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	3.449	3.449	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
29	Vá dặm mặt đường, nạo vét gia cố mương thoát nước các tuyến đường nội ô thôn Nhơn Hòa 1, Nhơn Hòa 2	655/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	1.250	1.250	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
30	Vốn tắt toán chưa phân bổ				
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành sau năm 2025		99.000	99.000	
1	XD đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT 759)	512/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	99.000	99.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long
C2	KHỐI PHƯỜNG, XÃ		67.990	67.990	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		63.889	63.889	
	Xã Phước Tín (vốn p/c)				
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ thôn Hưng Lập đi thôn Bàu Nghé		12.000	12.000	UBND phường Phước Long
2	XD nhà ăn cho lực lượng thường trực & kho tàng vật công an		464	464	UBND phường Phước Long
	Xã Long giang (vốn p/c)				
3	Sửa chữa đường nội ô thôn Nhơn Hòa 2	263/QĐ-UBND ngày 09/09/2021	915	915	UBND phường Phước Bình
	UBND xã Phước Tín				
4	Bia tưởng niệm các chiến sỹ E88 hy sinh tại trận đánh đồn Phước Quả, xã Phước Tín	3057/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	1.400	1.400	UBND phường Phước Long
	Xã Long giang (vốn p/c)				
5	Xây dựng đường Bù Xiết nối dài	186/QĐ-UBND ngày 12/07/2021	1.709	1.709	UBND phường Phước Long
6	Sửa chữa đường liên thôn Nhơn Hòa 1 đi Nhơn Hòa 2	122/QĐ-UBND ngày 28/07/2022	890	890	UBND phường Phước Long
7	Xây dựng hội trường thôn Nhơn Hòa 2	123/QĐ-UBND ngày 28/07/2022	1.200	1.200	UBND phường Phước Long
	UBND xã Long Giang (SDD p/c xã)				
8	Sửa chữa điện nước các khu nhà làm việc, lắp đặt hệ thống chống nắng hội trường và hoàn thiện khuôn viên UBND xã	108/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	511	511	UBND phường Phước Bình
*	Hỗ trợ XÃ xây dựng NTM				
	Xã Phước Tín				
1	Xây dựng nhà bảo vệ, hàng rào, sân trường TH Phước Tín B	97/QĐ-UBND ngày 16/8/2022	1.500	1.500	UBND phường Phước Long
2	Xây dựng hàng rào điểm trường Bàu Nghé	94/QĐ-UBND ngày 3/8/2022	800	800	UBND phường Phước Long
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn Phước Yên	93/QĐ-UBND ngày 3/8/2022	1.200	1.200	UBND phường Phước Long
4	Xây dựng nhà đa năng, hàng rào, sân, khu thể thao xã		8.000	8.000	UBND phường Phước Long
5	Hoàn thiện vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng đường Điện Biên Phủ (từ ngã ba Phước Quả đến ngã ba Phước Lộc + 3.400m)	122/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	17.000	17.000	UBND phường Phước Long
	Xã Long Giang				
6	Đầu tư mái che khu vui chơi ngoài trời và nhà xe giáo viên trường MG Hương Sen	128/QĐ-UBND ngày 28/07/2022	1.200	1.200	UBND phường Phước Bình
7	Xây dựng nhà đa năng trường TH Long Giang	121/QĐ-UBND ngày 28/07/2022	3.500	3.500	UBND phường Phước Bình
8	Đầu tư hệ thống chiếu sáng đường Lý Tự Trọng (Thôn An Lương)	124/QĐ-UBND ngày 28/07/2022	4.500	4.500	UBND phường Phước Bình
9	Đầu tư hệ thống chiếu sáng đường Nguyễn Trãi	125/QĐ-UBND ngày 28/07/2022	3.200	3.200	UBND phường Phước Bình
10	Xây dựng hội trường thôn Bù Xiết	126/QĐ-UBND ngày 28/07/2022	1.200	1.200	UBND phường Phước Bình
11	Xây dựng hội trường thôn Nhơn Hòa 1	127/QĐ-UBND ngày 28/07/2022	1.200	1.200	UBND phường Phước Bình
12	Xây dựng nhà ăn lực lượng thường trực, nhà kho lưu trữ và nhà tạm giữ tang vật	129/QĐ-UBND ngày 28/07/2022	1.500	1.500	UBND phường Phước Bình

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		3.790	3.790	
1	Xây dựng công trình hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thôn 7 xã Long Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước	899/QĐ-UBND ngày 10/06/2025	3300	3.300	UBND phường Phước Bình
2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số; Nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện	708/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	490	490	UBND phường Phước Bình
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành sau năm 2025		311	311	
1	Hoàn thiện Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã	657/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	311	311	UBND phường Phước Bình
D	HUYỆN LỘC NINH		4.192.553	3.776.216	
D1	KHỐI HUYỆN		3.201.700	2.766.123	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		761.388	654.207	
1	Đường từ QL13 đi xã Lộc An và Lộc Hiệp	3035/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	60.000	54.314	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Bội Châu thị trấn Lộc Ninh	545/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	11.466	11.466	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
3	Nâng cấp các tuyến đường nội ô thị trấn Lộc Ninh	546/QĐ-UBND ngày 26/02/2021	10.486	10.487	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
4	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (đoạn từ Trường tiểu học Lộc Thái A đi xã Lộc Thiện)	4133/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	11.982	6.230	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
5	Đường từ Trường THPT Lộc Hiệp đi khu đất dự án 1592 (ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A, xã Lộc Hiệp) giai đoạn 2	4956/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	8.649	8.649	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
6	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh kết nối QL13 (đoạn qua xã Lộc Tấn)	4702/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	14.704	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
7	XD Cầu BTCT đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh	4644/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	3.483	3.483	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
8	Xây dựng đường giao thông xã Lộc Hòa	1884/QĐ-UBND ngày 22/6/2020	55.000	25.228	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
9	Xây dựng đường giao thông ấp Tà Tê, xã Lộc Thành	1885/QĐ-UBND ngày 22/6/2020	39.500	3.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
10	XD 08 phòng học lầu trường TH&THCS Lộc Thành	2536/QĐ-UBND ngày 23/6/2018	4.200	157	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
11	XD 12 phòng học lầu trường TH Lộc Hưng	3006/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.324	225	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
12	XD 08 phòng học lầu trường THCS Lộc Điền	3020/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	5.999	300	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
13	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Lộc Quang	456/QĐ-UBND ngày 27/4/2019	5.219	1.119	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
14	XD 18 phòng học lầu trường TH&THCS Lộc Thiện	3009/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.000	2.900	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
15	XD Hội trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	3552/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	11.533	1.372	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
16	XD Hội trường BCH Quân sự huyện	5229/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	8.497	8.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
17	XD Trụ sở Hạt Kiểm lâm huyện	543/QĐ-UBND ngày 26/02/2021	2.500	3.260	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
18	Điện áp 11, xã Lộc Thuận	2839/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	2.500	1.671	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
19	Điện THT áp K57, xã Lộc Tấn	2840/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	3.300	2.387	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
20	Điện tổ 3-6-7, ấp Tân Hai, xã Lộc Phú (đoạn từ nhà bà Thảo đến nhà bà Tám Tuyết)	2931/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	3.332	332	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
21	Đường liên ấp từ tổ 4 ấp Chàng Hai đi tổ 7,9 ấp Việt Tân, xã Lộc Quang	542/QĐ-UBND ngày 26/02/2021	14.919	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
22	Đường từ ngã tư Mũi Tôn, xã Lộc Thiện đi xã Lộc Thái	1187/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	13.894	14.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
23	Cầu BTCT đường Phan Chu Trinh (nối dài)	7437/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	4.756	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
24	Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thiện (đoạn từ nhà văn hóa ấp Bù Núi B đi ấp K54, xã Lộc Thiện)	4033/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	3.999	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
25	Đầu tư hạ tầng quy hoạch khu dân cư xã Lộc Thái	1856/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	6.969	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
26	Đường từ chợ Lộc Hiệp đi đường ĐT 756 và đường ấp Hiệp Hoàn (quanh hồ Cầu Trắng) xã Lộc Hiệp	623/QĐ-UBND ngày 10/10/2021	3.424	3.424	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
27	Đường vành đai thị trấn Lộc Ninh	549/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	9.667	10.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
28	Đường từ Trường TH Lộc Thiện B đi ấp 4A, xã Lộc Tấn	4032/QĐ-UBND ngày 8/12/2023	8.851	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
29	Đường nhựa liên xã ấp Hiệp Tâm, xã Lộc Hiệp đi ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú	5442/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	13.500	13.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
30	Đường từ xã Lộc Khánh kết nối QL13	549/QĐ-UBND ngày 24/02/2022	21.979	22.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
31	Đường nhựa từ khu di tích Tà Thiết đi cửa khẩu Lộc Thịnh, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh	501/QĐ-UBND ngày 17/02/2022	55.000	55.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
32	Đường từ ngã ba Hồ Bom, thị trấn Lộc Ninh đi ấp 10, xã Lộc Thiện	891/QĐ-UBND ngày 16/3/2022	28.000	28.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
33	Nâng cấp đường từ trại giam (đường nội bộ) Công An huyện đầu nối đường Phan Chu Trinh	1357/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	2.471	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
34	XD nhà tập đa năng và 04 phòng lầu chức năng (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và 02 phòng tin học) trường THCS Lộc Điền	5236/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	7.336	7.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
35	XD 06 phòng học lầu (điểm lẻ) trường TH Lộc Thuận B	2392/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	4.385	4.600	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
36	XD 24 phòng học lầu trường THCS Lộc Khánh	167/QĐ-UBND ngày 14/01/2022	22.500	22.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
37	Xây dựng 07 phòng học và chức năng, 04 phòng hỗ trợ học tập, hội trường và nhà tập đa năng Trường TH Lộc Điền A	5246/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	14.774	14.900	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
38	Xây dựng 08 phòng học lầu, hàng rào, sân bê tông Trường Tiểu học Lộc Điền B	4524/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	4.764	5.350	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
39	Xây dựng 10 phòng học chức năng và nhà tập đa năng Trường THCS Lộc Hưng	515/QĐ-UBND ngày 22/2/2022	13.927	14.900	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
40	XD 10 phòng học lầu, 02 phòng ngoại ngữ, tin học và nhà tập đa năng trường TH Lộc Hiệp	5324/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	12.592	12.600	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
41	XD 14 phòng học, phòng chức năng và nhà tập đa năng trường THCS Lộc Hiệp	4266/QĐ-UBND ngày 05/8/2021	14.706	14.900	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
42	XD 12 phòng học lầu (06 phòng học, 06 phòng chức năng và khối phòng hỗ trợ học tập) trường THCS Lộc Tấn	1316/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	14.900	14.900	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
43	XD 04 phòng chức năng và nhà tập đa năng trường TH Lộc Thái B	547/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	5.934	6.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
44	XD phòng thư viện, thiết bị, tin học, phòng hội đồng và nhà tập đa năng trường THCS Lộc Thái	548/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
45	Xây dựng Trường tiểu học thị trấn Lộc Ninh A (vị trí mới)	3953/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	19.000	19.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
46	Xây dựng 12 phòng học lý thuyết (khối tiểu học) và 06 phòng học bộ môn (khối THCS) Trường TH&THCS Lộc Thành	3952/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	20.000	20.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
47	XD nhà văn hóa và 02 phòng chức năng Trường PTDT nội trú THCS huyện Lộc Ninh	494/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
48	XD 05 phòng hành chính quản trị, 16 phòng học tập, 03 phòng hỗ trợ học tập, 02 phòng phụ trợ và các công trình phụ trợ Trường TH thị trấn Lộc Ninh A	493/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	20.000	20.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
49	XD 04 phòng học hành chính quản trị, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng học Trường TH Lộc Thái B	495/QĐ-UBND ngày 24/2/2023	4.359	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
50	XD 06 phòng học và chức năng và các công trình phụ trợ Trường Mẫu giáo Vàng Anh	2120/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	8.762	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
51	XD 03 phòng học tập, 03 phòng hỗ trợ học tập, 03 phòng phụ trợ và nhà tập đa năng Trường TH Lộc Hưng	2067/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	11.487	14.900	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
52	XD Đường điện THT và trạm điện ba pha trường TH Lộc Thái A	2068/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	800	800	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
53	Xây dựng 02 phòng học bộ môn, 01 hội trường, 01 phòng bảo vệ, nhà xe học sinh và nhà vệ sinh giáo viên Trường TH và THCS Lộc An	2595/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	8.610	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
54	Xây dựng nhà bảo vệ, nhà để xe giáo viên, nhà để xe học sinh, nhà vệ sinh giáo viên, công, kê đá, sân bê tông, nâng cấp 02 khối phòng học cũ thành phòng chức năng Trường TH thị trấn Lộc Ninh A	4075/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	4.119	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
55	XD cổng, kê đá, cây xanh, thiết bị Hội trường Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	5241/QĐ-UBND ngày 29/8/2021	1.427	1.600	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
56	Xây mới kê đá Trường mầm non Sao Mai	3647/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	5.213	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
57	Xây dựng Trạm y tế thị trấn Lộc Ninh	3951/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	4.879	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
58	Xây dựng kho chứa trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và phòng lưu trữ Ban QL rừng phòng hộ Lộc Ninh	496/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	1.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
59	Xây dựng hàng rào, nhà xe Hạt Kiểm Lâm huyện	1854/QĐ-UBND ngày 12/6/2023	1.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
60	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng khu chạy thận nhân tạo, khu nhà đại thể, hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, nước mưa, nước thải y tế, công phụ và ram dốc Trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	2819/QĐ-UBND ngày 11/9/2023	3.203	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
61	Xây dựng hàng rào, sửa chữa Hội trường, sửa chữa trụ sở làm việc, hệ thống giám sát camera, hệ thống cảnh báo phòng cháy chữa cháy Văn phòng Huyện ủy	4076/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	2.700	2.700	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
62	Xây dựng Trụ sở, nhà ở Doanh trại, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Hiệp	4080/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	2.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
63	Điện trung hạ thế và trạm biến áp đường Đồng Tâm - Lộc Khánh		2.823	2.823	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
64	Hệ thống Camera an ninh	321/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
65	Đường từ cổng chào ấp K54 xã Lộc Thiện đấu nối với đường phía tây Quốc lộ 13 (Chơn Thành - Hoa Lư)	2027/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	30.000	30.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
66	Xây dựng cầu Bù Núi xã Lộc Tấn	2063/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	6.173	9.730	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
67	Xây dựng nhà thể thao có mái che, nhà vệ sinh giáo viên, nhà vệ sinh học sinh, hệ thống thoát nước, giếng khoan, sân bê tông Trường THCS Lộc Quang	3069/QĐ-UBND ngày 30/5/2024	3.912	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		280.452	290.328	
*	Trước ngày 30/6/2025		103.158	108.600	
1	Vốn ủy thác ngân hàng chính sách				Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL13 đến chợ xã Lộc Hòa	2176/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	14.500	14.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
3	Xây dựng cầu BTCT áp Ba Ven, xã Lộc Khánh	4089/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	9.796	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
4	Đường tổ 5, ấp Tam Nguyên, xã Lộc Quang kết nối đường ĐT756	2390/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	17.000	17.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
5	Xây dựng 06 phòng học bộ môn (khối TH), nhà thể dục thể thao có mái che (khối THCS) và một số hạng phụ trợ Trường TH và THCS Lộc Thành	4078/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	10.982	11.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
6	Xây dựng hàng rào, sửa chữa trụ sở làm việc, hệ thống giám sát camera, hệ thống cảnh báo phòng cháy chữa cháy trụ sở UBND huyện	4079/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	2.256	2.700	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
7	Xây dựng 12 phòng học và chức năng, nhà đa năng và sân khấu Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh	3555/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	14.254	14.950	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
8	Xây dựng Nhà tập thể dục thể thao, 09 phòng bộ môn, chức năng và công trình phụ trợ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Thiện	3556/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	14.135	14.900	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
9	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông kê đá, san lấp mặt bằng, công trình phụ Công an xã Lộc An	7565/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	1.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
10	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Hoà	7566/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	850	850	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
11	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Thanh	7567/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	942	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
12	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Thành	2436/QĐ-UBND ngày 23/4/2024	1.100	1.100	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
13	Xây dựng Trụ sở, nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Quang	4092/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	2.300	2.300	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
14	Xây dựng Trụ sở, nhà ở Doanh trại, cổng, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Thuận	4091/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	2.200	2.200	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
15	Xây dựng Trụ sở, nhà ở Doanh trại, cổng, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Phú	4090/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	2.300	2.300	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
16	Cải tạo, sửa chữa Trường PTDTNT THCS Lộc Ninh (cũ) thành trụ sở làm việc các Hội trên địa bàn huyện Lộc Ninh	3554/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.573	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
17	Xây dựng cổng, hàng rào, sân bê tông Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS Lộc Ninh	7932/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	1.695	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
18	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Lộc Ninh	7933/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	4.475	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
19	Thảm bê tông nhựa trong khuôn viên Ban Chỉ huy Quân sự huyện Lộc Ninh	4494/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	1.800	1.800	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
*	Sau ngày 30/6/2025		177.294	181.728	
1	Đường từ QL13 đi Nghĩa trang nhân dân huyện	6787/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	10.158	11.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2	Đường từ cầu ông Kỳ, thị trấn Lộc Ninh đi xã Lộc Thuận	2392/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	45.000	45.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
3	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Lợi nối dài (đoạn từ cổng Công ty cao su Lộc Ninh đi Nghĩa trang Làng 2)	316/QĐ-UBND ngày 04/02/2025	10.900	10.900	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
4	Xây dựng 09 phòng học lý thuyết, 05 phòng bộ môn, 05 phòng hỗ trợ học tập, hệ thống PCCC và một số hạng mục phụ trợ Trường THCS Lộc Thái	4108/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	31.000	31.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
5	Xây dựng hàng rào, cải tạo nâng cấp khối phòng học, hiệu bộ cũ và một số hạng mục phụ trợ khác Trường Trung học cơ sở Lộc Thái	3558/QĐ-UBND ngày 15/7/24	6.564	7.100	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
6	Xây dựng 03 phòng chức năng khối tiểu học, 06 phòng chức năng khối trung học cơ sở và các công trình phụ trợ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Hòa	3553/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	9.473	9.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
7	Xây dựng hồ nước phòng, chống cháy rừng và tạo cảnh quang trong khu vực quy hoạch tổng thể di tích căn cứ Bộ chỉ huy quân giải phóng Miền Nam Việt Nam	4298/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	14.607	14.900	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
8	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Tấn	2435/QĐ-UBND ngày 23/4/2024	1.100	1.100	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
9	Xây dựng hàng rào Đại đội Bộ binh 31 huyện Lộc Ninh	4495/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	5.500	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
10	Điện thấp sáng nông thôn chưa phân bổ về các xã			561	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
11	Sửa chữa các nhà thờ, khu tường niệm, nhà lưu niệm trong khu di tích Tà Thiết	756/QĐ-UBND ngày 04/3/2025	1.625	1.838	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
12	Xây dựng cầu tổ 7, ấp Tân Lợi qua suối Bù Linh đi UBND xã Lộc Phú	1167/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	5.000	5.175	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
13	Đường GTNT từ nhà văn hóa cộng đồng ấp Cần Lê đi tổ 4, ấp Ba Ven, xã Lộc Khánh	1021/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	6.491	6.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
14	Xây dựng đường GTNT tổ 5, ấp Thạnh Phú, xã Lộc Thạnh	1022/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	4.000	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
15	Đường điện trung hạ áp và TBA Trường tiểu học thị trấn Lộc Ninh A	315/QĐ-UBND ngày 04/02/2025	750	750	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
16	Xây dựng nhà tập đa năng Trường TH Lộc Thái A		8.685	300	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
17	Xây dựng mới cầu bê tông cốt thép đường Phan Bội Châu		3.603	504	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
18	Điện Trung hạ thế và TBA tổ 11, ấp 8 xã Lộc Điền		1.500	200	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
19	Đường từ ấp Sóc Lớn đi khu 41 hộ, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh		8.882	250	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
20	Điện Trung hạ thế và TBA tổ 5, ấp Hưng Thủy và tổ 11 ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh		956	150	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
21	Điều chỉnh quy hoạch dự án Khu đô thị - Trung tâm hành chính - Thương mại - Dịch vụ - Dân cư huyện Lộc Ninh		1.500	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
22	Điện tổ 4, ấp Tân Hai, xã Lộc Phú (Đoạn từ ngã ba điểm trường ấp SooRung đến nhà ông Cừu)			1.096	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
23	Điện tổ 3,6,7 ấp Tân Hai, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh (đoạn từ nhà bà Thảo đến nhà bà tám Tuyết)			3.187	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
24	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông, công trình phụ Công an xã Lộc Thạnh			878	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
25	Điện trung hạ thế ấp 4A, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh			1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
26	VỐN TẮT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN CAP			17.839	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng sau ngày 2025		1.833.542	1.551.770	
1	Xây dựng 10 phòng học chức năng và nhà tập đa năng Trường tiểu học thị trấn Lộc Ninh B	2062/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	14.900	14.900	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2	Xây dựng Trường Mẫu giáo Hoa Cúc (Lộc Tấn)	492/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	30.000	30.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
3	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bìa đá, cảnh quan khu vực X16 (giai đoạn 2)	1800/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
4	Xây dựng hàng rào, sân bê tông và một số công trình phụ trợ khác Trường Tiểu học thị trấn Lộc Ninh B	3557/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	5.880	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
5	Xây dựng nhà ở Doanh trại, cổng, hàng rào, sân bê tông kê đá, san lấp mặt bằng, công trình phụ Công an xã Lộc Thiện	2435/QĐ-UBND ngày 23/4/2024	1.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
6	Xây dựng cầu và đường tổ 11, ấp Tân Lợi, xã Lộc Phú	1166/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	15.000	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
7	Xây dựng 04 phòng học, 02 phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật; phòng thư viện; nhà kho; nhà bếp và các công trình phụ trợ Trường mẫu giáo Măng Non xã Lộc Điền	1286/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	13.300	13.300	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
8	Xây dựng kè chắn mố cầu Đường Huỳnh Tấn Phát - thị trấn Lộc Ninh	2064/QĐ-UBND ngày 30/06/2023	2.475	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
9	XD nhà tập đa năng trường TH Lộc Thái A	1393/QĐ-UBND ngày 06/5/2022	3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
10	Đường tránh QL13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	2210/QĐ-UBND ngày 23/10/2019	245.000	45.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
11	Đường từ QL13 qua xã Lộc An đi Lộc Hiệp (giai đoạn 2)		21.000	20.439	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
12	Nâng cấp, mở rộng đường từ ấp Ba Ven đi khu 41 hộ ấp Cần Lê		14.000	14.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
13	Xây dựng mới cầu bê tông cốt thép đường Huỳnh Tấn Phát, thị trấn Lộc Ninh		7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
14	Đường nhựa ấp Bù Núi xã Lộc Tấn		6.991	6.991	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
15	Nâng cấp đường Nguyễn Huệ thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh		13.000	13.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
16	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch dân cư Trung tâm xã Lộc An		5.400	5.400	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
17	Đường từ UBND xã Lộc Thuận kết nối QL13		60.000	60.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
18	Đường tránh phía Đông QL13, đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh		210.000	210.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
19	Đường ngã ba hồ bom làng 10 đi ấp K54, xã Lộc Thiện đầu nối đường Tà Thiết - Hoa Lư và nhánh rẽ		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
20	Đường Bù Núi đi đường tuần tra Biên giới		115.000	115.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
21	Đường từ ấp Tân Hai, ấp Thắng Lợi, xã Lộc Phú đi khu dự án 1592, xã Lộc Hiệp		90.000	90.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
22	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Lộc Hưng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
23	Xây dựng Trường TH và THCS Lộc Phú		37.500	37.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
24	Xây dựng Trường THCS Lộc Thái		37.500	37.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
25	Trường mẫu giáo Lộc Thái	11/NQ-HĐND tỉnh 13/7/2020	20.000	-	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
26	Xây dựng nhà tập thể dục thể thao, 08 phòng học bộ môn, chức năng và công trình phụ trợ Trường tiểu học Lộc Điền B		13.700	13.700	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
27	Xây dựng 02 phòng khối HCQT, 06 phòng khối học tập, 02 phòng khối phụ trợ học tập, 03 phòng khối phụ trợ, nhà tập thể dục thể thao có mái che, nhà xe giáo viên và học sinh Trường tiểu học và trung học cơ sở Lộc Thuận	7930/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	19.100	19.100	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
28	Xây dựng 08 phòng khối học tập, 04 phòng khối hỗ trợ học sinh, 06 phòng khối phụ trợ, 04 phòng khối HCQT và các công trình phụ trợ Trường tiểu học và trung học cơ sở Lộc Thanh	7931/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	23.500	23.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
29	Xây dựng 17 phòng khối học tập, 03 phòng khối hỗ trợ học sinh, 04 phòng khối phụ trợ, 02 phòng khối HCQT; nhà đa năng và các công trình phụ trợ (điểm chính); Xây dựng 01 phòng khối học tập, 01 phòng giáo viên, nhà xe học sinh, công, hàng rào, sân bê tông, giếng khoan và một số hạng mục khác (điểm Tà Thiết) Trường tiểu học và trung học cơ sở Lộc Thịnh	7929/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	39.000	39.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
30	XD Sân vận động-Nhà thi đấu đa năng huyện (Lộc Thái)		42.000	42.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
31	XD Trung tâm hành chính huyện	02/NQ-HĐND ngày 29/4/2021	120.000	200.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
32	Xây dựng nhà khách Ban chỉ huy quân sự huyện Lộc Ninh		17.775	17.775	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
33	Xây dựng các hạng mục căn cứ Hậu cần – Kỹ thuật		6.065	6.065	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
34	Nhà làm việc Ban Công an xã Lộc Hiệp		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
35	Hồ chứa nước thị trấn Lộc Ninh (bao gồm GPMB)		118.000	118.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
36	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Đò xã Lộc Điền)	853/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	150.000	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
37	Hệ thống kênh tưới huyện		110.000	110.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
38	Xây dựng, cải tạo nâng cấp Trụ sở, nhà ở Doanh trại, bếp ăn, nhà kho, nhà vệ sinh, hàng rào, cổng và một số hạng mục phụ Công an xã Lộc Điền		1.900	1.900	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
39	Chi phí GPMB các dự án trên địa bàn huyện Lộc Ninh		80.000	130.086	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
40	CHƯƠNG TRÌNH GIẢM 1000 HỘ NGHÈO ĐBDTTS		19.114	19.114	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
41	CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		81.000	14.900	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
42	CHƯƠNG TRÌNH 1.000 KM ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG CHƯA PHÂN BỐ CHO CÁC XÃ				Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
43	Lập quy hoạch chung đô thị Lộc Ninh đến năm 2040		3.405	5.900	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
44	Lập quy hoạch chung đô thị Lộc Thái	1815/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	2.609	4.600	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
45	Lập quy hoạch chung đô thị Lộc Hiệp	1781/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	3.000	6.800	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
46	Lập nhiệm vụ và lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	625/QĐ-UBND ngày 12/02/2025	2.728	2.600	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
47	Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch các xã nông thôn mới		2.200	2.200	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
48	Vốn chuẩn bị đầu tư năm 2025		500	500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		326.318	269.818	0
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG NÔNG THÔN MỚI		120.248	63.748	
1	7946021 - Xây dựng đường từ xã Lộc Khánh kết nối QL 13 huyện Lộc Ninh	549/QĐ-UBND ngày 24/02/2022	21.748	21.748	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2	Đường từ cầu ông Kỳ, thị trấn Lộc Ninh đi xã Lộc Thuận	2392/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	45.000	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
3	8019338 - Đường nhựa liên xã ấp Hiệp Tâm, xã Lộc Hiệp đi ấp Vẻ Vàng, xã Lộc Phú	5442/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	13.500	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
4	8036027 - Xây dựng cầu Bù Núi, xã Lộc Tấn	2063/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	10.000	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
5	8036315 - Đường từ cổng chào ấp K54, xã Lộc Thiện đầu nối với đường phía tây Quốc lộ 13 (Chơn Thành – Hoa Lư)	2027/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	30.000	17.000	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
II	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG		18.420	18.420	
1	7897838 - Giếng đào, giếng khoan hỗ trợ 203 hộ ĐBDTTS nghèo huyện Lộc Ninh		1.275	1.275	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2	7898436 - Hỗ trợ kéo điện, điện NTMT chương trình 203 hộ ĐBDTTS nghèo huyện Lộc Ninh		142	142	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
3	7896963 - Hỗ trợ chăn nuôi, nông cụ cho 203 hộ ĐBDTTS nghèo huyện Lộc Ninh		5.685	5.685	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
4	7911562 - HTSX và nhân rộng mô hình giảm nghèo năm 2021 trên địa bàn huyện Lộc Ninh		2.877	2.877	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
5	7981546 - Hỗ trợ chăn nuôi, nông cụ thuộc Chương trình giảm 144 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Lộc Ninh năm 2022		3.945	3.945	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
6	7994304 - Hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo năm 2022 trên địa bàn huyện Lộc Ninh		1.500	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
7	7965732 - Giếng khoan chương trình giảm 144 hộ nghèo dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Lộc Ninh năm 2022		2.190	2.190	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
8	7963840 - Hỗ trợ kéo điện lưới, điện năng lượng mặt trời thuộc Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số đợt 1, năm 2022		25	25	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
9	8084220 - Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin thuộc tiểu dự án 3 - Dự án 4, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025		27	27	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
10	8084222 - Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin thuộc Tiểu Dự án 3 - Dự án 4, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		94	94	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
11	8132095 - Giếng khoan chương trình giảm 1000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023		660	660	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐB DTTS VÀ MN		187.650	187.650	
1	7988212 - Dự án xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh		51.750	51.750	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2	7988616 - Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do vùng đặc biệt khó khăn và có nguy cơ thiên tai tại xã Lộc Phú		103.500	103.500	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
1	8130907 - Hệ thống mương, kè chắn đất, cống tổ 7, ấp Tân Lợi, xã Lộc Phú	221/QĐ-UBND ngày 21/01/2025	863	863	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
2	8129430 - Đường giao thông nông thôn tổ 7, ấp Tân Lợi, xã Lộc Phú	8229/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	2.008	2.008	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
3	8124718 - Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa ấp Soor Rung, xã Lộc Phú		1.001	1.001	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
4	8100204 - Đường liên xã Lộc Khánh đi xã An Khương huyện Hớn Quản	3839/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	4.745	4.745	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
5	8103105 - Đường nhựa nối dài tổ 7 ấp Tân Hai đi UBND xã Lộc Phú	3909/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	1.380	1.380	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
6	8103134 - Đường bê tông xi măng ấp Tân Hai, xã Lộc Phú	3098/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	1.150	1.150	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
7	8103135 - Đường bê tông xi măng ấp Bù Nồm, xã Lộc Phú	3910/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	1.150	1.150	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
8	8104200 - Đường nhựa nối dài tổ 6 ấp Thắng Lợi đi UBND xã Lộc Phú	4035/QĐ-UBND ngày 29/8/2024	1.380	1.380	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
9	8107532 - Đường điện trung hạ thế, trạm biến áp ấp Tân Hai, xã Lộc Phú	4247/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	748	748	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
10	8107533 - Đường điện trung hạ thế, trạm biến áp ấp Bù Nồm, xã Lộc Phú (kéo dài)	4249/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	345	345	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
11	8107534 - Đường điện trung hạ thế, trạm biến áp ấp Bù Nồm, xã Lộc Phú	4244/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	342	342	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
12	8107535 - Đường điện trung hạ thế, trạm biến áp ấp Tân Lợi xã Lộc Phú	4248/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	748	748	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
13	8107536 - Đường điện hạ thế, trạm biến áp ấp Thắng Lợi xã Lộc Phú	4245/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	244	244	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
14	8107579 - Đường điện trung hạ thế vào Trường TH&THCS Lộc Phú	4246/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	495	495	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
15	8115001 - Xây dựng đập tràn, kè bờ suối, kênh mương nội đồng, đường nội đồng phục vụ sản xuất ấp Bù Linh, xã Lộc Phú, tại tổ 3, ấp Bù Linh	6460/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	2.300	2.300	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
16	8117539 - XDM đập tràn kè suối kết hợp cầu và ĐGT ven suối kết nối từ tổ 3 qua suối Bù Linh đi Bù Nồm; HT kênh BT, đường nội đồng dẫn nước tưới lúa nước tại tổ 5, ấp Bù Linh, xã Lộc Phú	7299/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	4.945	4.945	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
17	8117540 - Xây dựng mới kênh bê tông nối tiếp kênh N1, xã Lộc Quang, có đường nội đồng đi qua suối từ Bù Nồm qua ấp Bù Linh về trung tâm xã Lộc Phú	7298/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	4.945	4.945	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
18	8118865 - Đường bê tông xi măng ấp Soor Rung, xã Lộc Phú	7533/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	1.150	1.150	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
19	8120687 - Đường bê tông xi măng ấp Bù Linh, xã Lộc Phú	7594/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.150	1.150	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
20	8121166 - Đường nhựa vào Trường TH&THCS xã Lộc Phú	7906/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	1.311	1.311	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh
D2	KHOÍ XÃ		990.853	1.010.093	

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		260.183	251.688	
1	Đường từ đồi đất đỏ đi trung tâm xã Lộc Thành		6.943	6.943	UBND xã Lộc Thành
3	Đường từ tổ 4 ấp 8 (ngã ba nhà ông Tư Lễ) đi trung tâm hành chính xã		3.000	200	UBND xã Lộc Thành
4	Đường nhựa ấp Cẩn Dực đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ đường xuyên Á đi nhà ông Ngô Văn Dũng)		5.341	3.010	UBND xã Lộc Thành
5	Đường từ ấp Lộc Bình 1, Lộc Bình 2 đi trung tâm xã Lộc Thành		5.999	2.999	UBND xã Lộc Thành
12	Đường từ ấp Vườn Bưởi đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ tổ 3, ấp Vườn Bưởi đi tổ 8, ấp Măng Cai)	4644/QĐ-UBND ngày 27/11/2021	9.924	1.124	UBND xã Lộc Tấn
15	Đường từ Cầu ông Kỳ đi công sau nhà máy chế biến Công ty cao su Lộc Ninh	79/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	4.575	4.575	UBND xã Lộc Ninh
24	San lấp mặt bằng trường MG Lộc Hưng	4021/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	1.165	1.165	UBND xã Lộc Hưng
26	Điện tổ 4, ấp Chàng hai đi tổ 7, ấp Việt Quang, xã Lộc Quang	143/QĐ-UBND ngày 14/9/2019	4.051	425	UBND xã Lộc Quang
28	Đường dây trung hạ thế và TBA các ấp Tân Hai, SoocRung, Tân Lợi, Bù Linh, Vê Vang và Thắng Lợi, xã Lộc Phú	311/QĐ-UBND ngày 14/9/2020	1.300	108	UBND xã Lộc Quang
30	Điện khu Đồi Trờ ấp Sóc Lớn, xã Lộc Khánh	4253/QĐ-UBND ngày 26/7/2019	740	740	UBND xã Lộc Hưng
36	Nâng cấp đường từ tổ 1 ấp Bồn Xăng đi khu di tích lịch sử Bồn Xăng VK98, xã Lộc Quang	1785/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	6.939	6.990	UBND xã Lộc Quang
37	Đường ấp Việt Tân, xã Lộc Quang	162/QĐ-UBND ngày 03/06/2021	3.379	3.379	UBND xã Lộc Quang
38	Xây dựng kè đá và san lấp mặt bằng khu đất trước trụ sở UBND xã Lộc Quang	189/QĐ-UBND ngày 03/08/2021	4.980	4.990	UBND xã Lộc Quang
39	Nâng cấp, mở rộng đường từ tổ 1,4 ấp Cẩn Lê xã Lộc Khánh(giai đoạn 2)	25/QĐ-UBND ngày 01/02/2021	4.500	4.500	UBND xã Lộc Hưng
40	Đường từ tổ 6,7 ấp Tân Lợi, xã Lộc Phú	1752/QĐ-UBND ngày 16/5/2021	1.976	6.505	UBND xã Lộc Quang
41	Đường liên ấp Thắng Lợi - Tân Lợi đi trung tâm hành chính xã Lộc Phú	1763/QĐ-UBND ngày 31/05/2021	6.995	6.995	UBND xã Lộc Quang
42	Đường từ ngã ba cây xăng Như Ý đi QL13, xã Lộc Hoà	503/QĐ-UBND, ngày 06/9/2022	4.899	4.899	UBND xã Lộc Thành
43	Xây dựng mương thoát nước từ tổ 1,2 ấp Hoa Lư, xã Lộc Hoà	76/QĐ-UBND, ngày 26/02/2021	1.629	2.000	UBND xã Lộc Thành
44	XD đường vành đai ấp 11B đi ấp 10, xã Lộc Thiện	58/QĐ-UBND ngày 07/04/2021	2.959	2.981	UBND xã Lộc Tấn
45	Nâng cấp hệ thống mương thoát nước ấp 54, xã Lộc An	189/QĐ-UBND ngày 17/9/2022	2.080	2.120	UBND xã Tân Tiến
47	Xây dựng mương thoát nước trên tuyến đường nhựa từ trung tâm hành chính xã đi ấp Klieu xã Lộc Thành		2.661	2.689	UBND xã Lộc Thành
48	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Ngân hàng Lộc Thái đi xã Lộc Điền (đoạn từ ngã ba Ngân hàng đi cây xăng Thiên Phú)	169/QĐ-UBND ngày 22/3/2021	2.958	3.000	UBND xã Lộc Ninh
49	Đường từ tổ 5B đi tổ 11 ấp 8 xã Lộc Điền	699/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	3.946	3.946	UBND xã Lộc Hưng
50	Xây dựng hệ thống mương từ tổ 1 ấp 11B, xã Lộc Thiện	32/QĐ-UBND ngày 23/03/2022	990	1.165	UBND xã Lộc Tấn
51	Giảm độ dốc của đường dân sinh đầu nối QL13, xã Lộc Tấn	44/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	985	985	UBND xã Lộc Tấn
53	Đường từ tổ 11 đi tổ 13 ấp 8, xã Lộc Điền		4.839	4.839	UBND xã Lộc Hưng
54	Đường ấp Bù Tam, xã Lộc Quang	151/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.354	5.358	UBND xã Lộc Quang
55	Xây dựng công bê tông cốt thép tại tổ 4 ấp 5C, xã Lộc Tấn	18A/QĐ-UBND ngày 02/3/2022	2.700	600	UBND xã Lộc Tấn

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
56	Xây dựng mương thoát nước đường BTXM ấp 8, xã Lộc Hòa (giai đoạn 2)	09/QĐ-UBND, ngày 08/02/2021	1.893	1.926	UBND xã Lộc Thạnh
59	Xây dựng mương thoát nước tổ 3,4 ấp Hoa Lư, xã Lộc Hòa (giai đoạn 2)	621a/QĐ-UBND, ngày 15/10/2021	2.253	2.130	UBND xã Lộc Thạnh
60	Đường từ ngã ba nhà ông Tú đi cụm dân cư liền kề chốt dân cư biên giới, xã Lộc Hoà	62/QĐ-UBND, ngày 15/10/2021	6.998	6.998	UBND xã Lộc Thạnh
61	XD kè, mương thoát nước đường BTXM ấp 8 (phía Tây), xã Lộc Hoà	626/QĐ-UBND, ngày 15/10/2021	1.893	2.000	UBND xã Lộc Thạnh
62	Nâng cấp, mở rộng đường ấp 4 (đoạn dốc Hòa Tiến) xã Lộc An	361/QĐ-UBND, ngày 15/10/2024	3.850	3.850	UBND xã Tân Tiến
63	Xây dựng đường tổ 3 ấp Việt Quang kết nối đường ĐT756 xã Lộc Quang	171/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	6.994	7.000	UBND xã Lộc Quang
64	Xây dựng mương ấp 7 xã Lộc Điền		809	1.250	UBND xã Lộc Hưng
65	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,5 ấp 3 (giai đoạn 2)		900	1.500	UBND xã Lộc Hưng
66	XD đường GTNT tổ 1,2 ấp 4, xã Lộc Điền		1.938	2.000	UBND xã Lộc Hưng
67	Đường GTNT tổ 2 ấp 9 xã Lộc Điền		4.900	6.999	UBND xã Lộc Hưng
68	Xây dựng cống, mương thoát nước tổ 9 ấp K54, xã Lộc Thiện	31/QĐ-UBND ngày 01/03/2022	1.161	1.086	UBND xã Lộc Tấn
69	Xây dựng mương thoát nước ấp Sóc Lớn xã Lộc Khánh	189A/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	1.990	2.000	UBND xã Lộc Hưng
70	Xây dựng mương thoát nước ấp Quyết Thành xã Lộc Khánh	86B/QĐ-UBND ngày 08/03/2022	2.472	2.500	UBND xã Lộc Hưng
71	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú và đường D6 khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh	60/QĐ-UBND ngày 16/02/2022	6.990	6.999	UBND xã Lộc Ninh
72	Nâng cấp đường Lê Lợi, thị trấn Lộc Ninh	713/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	6.903	6.999	UBND xã Lộc Ninh
73	Nâng cấp, mở rộng đường Cách mạng tháng tám, thị trấn Lộc Ninh	61/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	6.972	6.999	UBND xã Lộc Ninh
74	Xây dựng đường GTNT tổ 6, tổ 10 ấp 6, xã Lộc Hưng	34/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	7.500	7.500	UBND xã Lộc Hưng
75	Đường nhựa tổ 2,6,7 ấp Tân Hai xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh	613/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	5.175	6.996	UBND xã Lộc Hưng
76	Đường nhựa tổ 10, ấp Tân Hai đi Trung tâm hành chính xã Lộc Phú	614/QĐ-UBND ngày 23/3/2024	5.602	6.998	UBND xã Lộc Hưng
77	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch dân cư ấp Hiệp Hoàn, xã Lộc Hiệp		1.700	1.700	UBND xã Lộc Hưng
78	Đầu tư hạng tầng khu quy hoạch dân cư đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh		1.500	1.500	UBND xã Lộc Ninh
79	Nâng cấp đường nội bộ chợ Lộc Ninh	316/QĐ-UBND ngày 20/11/2020	2.865	3.100	UBND xã Lộc Ninh
83	Xây dựng cống bản ấp Thạnh Tây (Cầu Sập), xã Lộc Tấn	142/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	955	963	UBND xã Lộc Tấn
84	Xây dựng cống thoát nước tổ 2, ấp Thạnh Tân, xã Lộc Thạnh	78/QĐUBND	491	493	UBND xã Lộc Thạnh
85	Xây dựng mới cống suối đá tại ấp Soor Rung, xã Lộc Phú	63/QĐ-UBND ngày 13/02/2022	896	900	UBND xã Lộc Quang
86	Nâng cấp đường Nguyễn Bình, thị trấn Lộc Ninh	381/QĐ-UBND ngày 23/11/2021	1.300	1.209	UBND xã Lộc Ninh
87	Mở rộng đường Lê Lợi, Thị trấn Lộc Ninh (đoạn cuối Lê Lợi đi xã Lộc Thuận)	245/QĐ-UBND ngày 26/3/2024	3.790	4.190	UBND xã Lộc Ninh
110	Cải tạo khu thể thao-văn hoá thị trấn Lộc Ninh (Sân vận động huyện)	297 QĐ-UBND ngày 28/3/2024	8.575	10.500	UBND xã Lộc Ninh
111	Xây dựng nhà văn hoá khu phố Ninh Thuận, Ninh Thạnh và Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	61 /QĐ-UBND ngày 14/4/2021	2.990	3.500	UBND xã Lộc Ninh
112	Xây dựng nhà văn hoá ấp Ba Ven, xã Lộc Khánh	59/QĐ-UBND ngày 26/02/2021	886	1.000	UBND xã Lộc Hưng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
113	Xây dựng nhà văn hoá ấp 8, 8B, xã Lộc Hoà	131/QĐ-UBND ngày 26/02/2023	1.971	2.000	UBND xã Lộc Thạnh
114	Xây dựng nhà văn hoá ấp 8, ấp 9 xã Lộc Thái	08/QĐ-UBND ngày 14/01/2022	2.795	2.820	UBND xã Lộc Ninh
115	Xây dựng Hội trường UBND xã Lộc Hiệp	33a/QĐ-UBND ngày 28/01/2020	3.468	3.500	UBND xã Lộc Quang
116	Xây dựng nhà văn hoá ấp Hiệp Hoàn A, Hiệp Tâm A và ấp Hiệp Thành Tân, xã Lộc Hiệp	293/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	3.188	3.228	UBND xã Lộc Quang
117	Xây dựng hàng rào, nhà vệ sinh nhà văn hoá ấp 4,5 và 6 xã Lộc Hưng	54/QĐ-UBND	1.433	1.617	UBND xã Lộc Hưng
120	Cải tạo trụ sở UBND thị trấn Lộc Ninh thành nhà văn hóa khu phố Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	73/QĐ-UBND ngày 24/02/2022	1.200	1.200	UBND xã Lộc Ninh
127	Điện tử 1,2,3,5,7 ấp Đồi Đá, Lộc Khánh	276a/QĐ-UBND ngày 31/05/2021	5.900	5.900	UBND xã Lộc Hưng
128	Điện tử 6,7,9 ấp Việt Quang, xã Lộc Quang	654/QĐ-UBND ngày 21/8/2022	5.692	5.700	UBND xã Lộc Quang
129	Điện tử 3 ấp Thạnh Đông, xã Lộc Thạnh	63/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	597	600	UBND xã Lộc Thạnh
130	Điện tử 10, khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh	22/QĐ-UBND ngày 22/02/2021	350	350	UBND xã Lộc Ninh
131	Điện ấp Hiệp Tâm, Hiệp Hoàn A, Hiệp Thành, xã Lộc Hiệp	166/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	3.500	3.500	UBND xã Lộc Quang
132	Điện ấp 7, xã Lộc Hòa	821/QĐ-UBND ngày 26/6/2022	2.700	2.700	UBND xã Lộc Thạnh
133	Điện ấp 8C, xã Lộc Hòa	822/QĐ-UBND ngày 26/6/2022	4.284	4.300	UBND xã Lộc Thạnh
135	Bê tông hóa tuyến kênh mương nội đồng ấp 54, xã Lộc An	356/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	2.258	2.258	UBND xã Tân Tiến
136	Nạo vét, xây kè suối Cầu Lò Heo, thị trấn Lộc Ninh	309/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	6.000	6.000	UBND xã Lộc Ninh
137	Xây dựng đập dâng nước trên suối Lâm Bui đoạn qua xã Lộc Khánh	68/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	3.899	4.000	UBND xã Lộc Hưng
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		57.787	30.515	
*	Sau ngày 30/6/2025		57.787	30.515	
4	Đường tổ 1 ấp Vườn Bưởi, xã Lộc Thiện	218/QĐ-UBND ngày 04/9/2024	3.000	3.000	UBND xã Lộc Tấn
5	Xây dựng cống bán liên hợp và sửa chữa đường sồi đỏ từ nhà văn hóa ấp Bù Núi B đi cầu 32 hộ, xã Lộc Tấn	247/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	2.000	2.000	UBND xã Lộc Tấn
12	Điện thấp sáng nông thôn		12.811	12.811	UBND xã Lộc Ninh
13	Xây dựng sân bê tông nhà văn hóa ấp Vẽ Vang, xã Lộc Phú	1074/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	200	200	UBND xã Lộc Quang
15	Xây dựng đường điện THT tổ 5, ấp Thắng Lợi, xã Lộc Phú	1075/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	1.000	1.000	UBND xã Lộc Quang
16	Xây dựng công trình thủy lợi ấp Bù Nồm, xã Lộc Phú	1073/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	2.100	2.100	UBND xã Lộc Quang
17	Sửa chữa, nạo vét kênh mương nội đồng đập thủy lợi Tà Tê 1, xã Lộc Thành phục vụ sản xuất lúa nước	1076/QĐ-UBND ngày 03/4/25	230	230	UBND xã Lộc Thành
20	Sửa chữa, nâng cấp đường sồi đỏ tổ 2, ấp Tà Tê 1 đi trung tâm hành chính xã Lộc Thành (Đoạn từ nhà bà Thị Loan đến nhà bà Thị Nom)	1006/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	1.375	1.375	UBND xã Lộc Thành
21	Đường GTNT tổ 1, ấp Măng Cải, xã Lộc Thiện	1168/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	2.819	2.819	UBND xã Lộc Tấn
22	Đường GTNT tổ 7, ấp K54, xã Lộc Thiện	1169/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	3.789	3.800	UBND xã Lộc Tấn
30	Xây dựng hệ thống tưới, tiêu cho cánh đồng ấp Sóc Lớn, xã Lộc Khánh		7.711	60	UBND xã Lộc Hưng
31	Sửa chữa, nâng cấp mương thoát nước dọc đường dân sinh tổ 12, ấp 7, xã Lộc Thái		1.062	150	UBND xã Lộc Ninh
32	Đường điện tổ 5, 7, 10, ấp Tân Lợi, tổ 2, 3, 8, 10, ấp Tân Hải, xã Lộc Phú		5.228	350	UBND xã Lộc Quang

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
33	Xây dựng đường nhựa ấp Tân Bình 2 đi ấp Tà Tê 1, Tà Tê 2, xã Lộc Thành		2.104	20	UBND xã Lộc Thành
34	Xây dựng đường GTNT ấp Tà Tê 2 xã Lộc Thành		1.456	200	UBND xã Lộc Thành
35	Xây dựng đường từ ấp Cần Dực đi trung tâm hành chính xã (Đoạn từ ấp Cần Dực đi ấp K'Liêu), xã Lộc Thành		3.546	200	UBND xã Lộc Thành
36	Đường điện trung hạ thế và trạm biến áp tổ 2, 5 ấp Thắng Lợi, tổ 4, 6 ấp Vẻ Vang, tổ 2, 4 ấp Tân Lợi, tổ 2, 8, 10 ấp Tân Hai, tổ 3 ấp Bù Nôm, tổ 5 ấp Bù Linh, tổ 5 ấp Soor Rung		7.356	200	UBND xã Lộc Quang
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng sau ngày 2025		316.947	315.454	
8	Nâng cấp hệ thống mương thoát nước ấp 6, xã Lộc An	723/QĐ-UBND ngày 19/10/2020	1.550	1.550	UBND xã Tân Tiến
9	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,5 ấp 3, xã Lộc Điền	523/QĐ-UBND ngày 23/9/2021	992	992	UBND xã Lộc Hưng
10	Xây dựng đường từ QL13 đi ấp 8, xã Lộc Hoà	624/QĐ-UBND, ngày 15/10/2021	2.520	2.520	UBND Xã Lộc Thạnh
11	Đường từ Nhà sàn văn hóa ấp 8 đi trung tâm hành chính xã Lộc An		4.990	4.990	UBND xã Tân Tiến
12	Đường từ tổ 3 ấp 8 đi trung tâm hành chính xã Lộc An		4.990	4.990	UBND xã Tân Tiến
13	Đường GTNT tổ 2 ấp 8 đi trung tâm hành chính xã Lộc Thuận		2.136	2.136	UBND xã Lộc Ninh
14	Mương đá học trên các tuyến đường ấp Bồn Xăng xã Lộc Quang		1.995	1.995	UBND xã Lộc Quang
17	Dự án đặc thù theo Nghị định 27 và dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn các xã, thị trấn		150.000	150.000	UBND xã Lộc Ninh
19	Đường tổ 1 ấp Măng Cải và đường tổ 1 ấp Vườn Bưởi, xã Lộc Thiện	627/QĐ-UBND ngày 31/8/2020	4.998	4.998	UBND xã Lộc Tấn
20	Đường GTNT ấp Lộc Bình 2 đi trung tâm hành chính xã Lộc Thành	562/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	4.260	4.260	UBND xã Lộc Thành
21	Đường nhựa ấp Tà Tê 1 đi Trung tâm hành chính xã Lộc Thành (đoạn từ kênh thủy lợi đến đập nước Tà Tê)	689/QĐ-UBND ngày 27/8/2022	7.000	7.000	UBND xã Lộc Thành
22	Đường nhựa Cầu Bù Linh đi ấp 7 xã Lộc Thuận	221/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	6.899	5.409	UBND xã Lộc Ninh
23	Xây dựng mương kè tuyến đường tổ 4 ấp Việt Tân, tổ 2,3 ấp Bù Tam xã Lộc Quang		3.000	3.000	UBND xã Lộc Quang
24	Xây dựng mương thoát nước tổ 2,5 ấp 10 xã Lộc Thiện	21/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.183	1.183	UBND xã Lộc Tấn
25	Xây dựng cầu BTCT ấp 8 và cầu BTCT ấp 2 đi ấp 6 xã Lộc Điền		2.600	2.600	UBND xã Lộc Hưng
26	Xây dựng mương thoát nước trên tuyến đường bê tông và đường nhựa ấp Tân Bình 1, xã Lộc Thành	896/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	1.474	1.474	UBND xã Lộc Thành
27	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,4 ấp Vườn Bưởi và tổ 8 ấp 11B xã Lộc Thiện	24/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	1.363	1.363	UBND xã Lộc Tấn
28	Xây dựng mương và cầu bần trên tuyến đường tổ 1 ấp 3 xã Lộc An		1.995	1.995	UBND xã Lộc Tấn
32	Đường từ ngã ba nhà ông Kha đi chốt tuần tra biên giới xã Lộc An		6.995	6.995	UBND xã Tấn Tiến
33	Nâng cấp hệ thống mương thoát nước ấp 54, xã Lộc An (giai đoạn 2)		2.290	2.290	UBND xã Tấn Tiến
34	XD kè mương chống sạt lở tuyến tổ 7 ấp 6, xã Lộc An		2.086	2.086	UBND xã Tấn Tiến
35	Nâng cấp tuyến đường GTNT tổ 1,2 ấp 7 xã Lộc An		3.710	3.710	UBND xã Tấn Tiến
36	Xây dựng hệ thống mương thoát nước ấp 8 xã Lộc Thuận		3.300	3.300	UBND xã Lộc Ninh
37	Đường sỏi đỏ ấp 10 xã Lộc Thuận		4.594	4.594	UBND xã Lộc Ninh
38	Xây dựng mương thoát nước công chào ấp 3B đi điểm trường học ấp 3B, xã Lộc Thuận		2.000	2.000	UBND xã Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
39	Xây dựng mương thoát nước Chùa Linh Sơn đi tổ 9 ấp 2 xã Lộc Thuận		3.200	3.200	UBND xã Lộc Ninh
40	Xây dựng hệ thống mương trên các tuyến đường khu dân cư trung tâm ấp Lộc Bình 1, xã Lộc Thành		5.255	5.255	UBND xã Lộc Thành
41	Xây dựng cống, mương thoát nước ấp Việt Tân, xã Lộc Quang		1.000	1.000	UBND xã Lộc Quang
42	Đường ấp 9 đi TTHC xã Lộc Điền		4.998	4.998	UBND xã Lộc Hưng
43	Xây dựng mương kè tuyến đường tại tổ 8 ấp 2, tổ 4,6 ấp 3 và tổ 5 ấp 4, xã Lộc Điền		1.790	1.790	UBND xã Lộc Hưng
44	XD kè mương thoát nước tổ 3 ấp 10 và tổ 6 ấp 11B, xã Lộc Thiện		1.400	1.400	UBND xã Lộc Tấn
45	Đường tổ 6 ấp Vườn Bưởi đi tổ 7 ấp Măng Cai		1.103	1.103	UBND xã Lộc Tấn
46	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,3 ấp Đồi Đá, xã Lộc Khánh		1.000	1.000	UBND xã Lộc Hưng
47	XD mương đường D1,D2,D3,D4,D6, thị trấn Lộc Ninh		2.001	2.001	UBND xã Lộc Ninh
48	XD mương thoát nước trên đường GTNT tổ 2 ấp 3, tổ 7,8 ấp 6 xã Lộc Hưng		1.709	1.709	UBND xã Lộc Hưng
49	XD mương thoát nước trên đường GTNT tổ 2 ấp 4, tổ 7 ấp 1 xã Lộc Hưng		1.709	1.709	UBND xã Lộc Hưng
50	Đường từ ngã 3 cầu sập đi ngã 4 nhà văn hóa ấp Bù Núi B, xã Lộc Tấn		6.995	6.995	UBND xã Lộc Tấn
69	Cải tạo khu dân cư tổ 5, KP Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	357/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	1.300	1.297	UBND xã Lộc Ninh
70	Xây dựng hàng rào, nhà vệ sinh nhà văn hoá ấp 7,8 và 9 xã Lộc Hưng		1.995	1.995	UBND xã Lộc Hưng
74	Xây dựng kè chắn đất nhà văn hóa ấp K54, xã Lộc Thiện		600	600	UBND xã Lộc Tấn
75	Cải tạo khu dân cư tổ 5, KP Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	358/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	8.472	8.472	UBND xã Lộc Ninh
79	Mở rộng đường GTNT ấp 4, xã Lộc Thái		970	970	UBND xã Lộc Ninh
85	CHƯƠNG TRÌNH 1.000 KM ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG		42.530	42.530	UBND xã Lộc Ninh
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		355.936	412.436	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG NÔNG THÔN MỚI		202.306	258.806	
	Năm 2025		77.697	77.697	
1	Nâng cấp, mở rộng đường ấp Vê Vang đi TTHC xã Lộc Phú		1.300	1.300	UBND xã Lộc Quang
2	Xây dựng hạng mục công trình phụ trợ các nhà văn hóa ấp 7, 8, ấp 8A		1.486	1.486	UBND xã Lộc Thạnh
3	Đường điện tổ 5, 7, 10 ấp Tân Lợi, tổ 2, 3, 8, 10 ấp Tân Hai, xã Lộc Phú		6.000	6.000	UBND xã Lộc Quang
4	XD đường giao thông tổ 3 ấp Chà Đôn đi trung tâm hành chính xã Lộc Khánh		6.000	6.000	UBND xã Lộc Hưng
6	XD hàng rào và sân bê tông nhà văn hóa ấp 2 xã Lộc Thái		530	530	UBND xã Lộc Ninh
9	XD đường giao thông tổ 7 ấp 9 đi trung tâm hành chính xã Lộc Thái		2.800	2.800	UBND xã Lộc Ninh
10	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông ấp 6 đi TTHC xã Lộc Thái		4.000	4.000	UBND xã Lộc Ninh
12	XD hàng rào và sân bê tông nhà văn hóa ấp 6 xã Lộc Thái		800	800	UBND xã Lộc Ninh
13	XD đường giao thông ấp 4,8 đi trung tâm hành chính xã Lộc Thái		2.800	2.800	UBND xã Lộc Ninh
14	XD đường giao thông ấp 1,3 đi trung tâm hành chính xã Lộc Thái		600	600	UBND xã Lộc Ninh
15	XD đường giao thông ấp 7 đi trung tâm hành chính xã Lộc Hưng		2.700	2.700	UBND xã Lộc Hưng
16	XD Đường giao thông nông thôn tổ 3 ấp Tam Nguyên đi TTHC xã Lộc Quang		3.000	3.000	UBND xã Lộc Quang
17	XD Đường giao thông nông thôn tổ 7 ấp Việt Quang đi TTHC xã Lộc Quang		3.000	3.000	UBND xã Lộc Quang

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
20	Mương kê, cống thoát nước, đường sỏi đỏ tổ 9 ấp Việt Quang đi trung tâm hành chính xã Lộc Quang (Đoạn nối tiếp đường nhựa)		1.500	1.500	UBND xã Lộc Quang
21	Mương kê, cống thoát nước, đường sỏi đỏ tổ 5 ấp Bù Tam đi trung tâm hành chính xã Lộc Quang (Đoạn nối tiếp đường nhựa)		3.599	3.599	UBND xã Lộc Quang
22	Nâng cấp sân Trường mẫu giáo Tuổi Thơ, xã Lộc Khánh		400	400	UBND xã Lộc Hưng
23	Làm 03 cống chào văn hóa ấp Sóc Lớn, ấp Quyết Thành và ấp Chà Đôn, xã Lộc Khánh		180	180	UBND xã Lộc Hưng
24	Đường tổ 3 đi tổ 4, ấp Quyết Thành, xã Lộc Khánh (Khu nhà máy xay lúa)		398	398	UBND xã Lộc Hưng
25	Đường tổ 7, ấp Quyết Thành, xã Lộc Khánh (Ông Nguyễn Phụng - Nguyễn Văn Khoa)		974	974	UBND xã Lộc Hưng
26	Đường tổ 7, ấp Đồi Đá, xã Lộc Khánh (Khu Hồ Văn Hương)		1.432	1.432	UBND xã Lộc Hưng
27	Đường tổ 9, ấp Cần Lê, xã Lộc Khánh (Từ trại heo LN 10 đến khu đất ông Thái Văn Thanh)		980	980	UBND xã Lộc Hưng
28	Đường tổ 5 Chà Đôn (từ ông Trần Ngọc Ân đến Tô Vĩnh Nghiêm), xã Lộc Khánh		735	735	UBND xã Lộc Hưng
29	Đường nhựa tổ 7, ấp Tân Mai đi trung tâm hành chính xã Lộc Thành (Đoạn từ đường liên xã Lộc Thành – Lộc Hưng đến ông Sơn)		1.000	1.000	UBND xã Lộc Thành
30	Đường nhựa tổ 1, 2, ấp Tà Tê 2 đi trung tâm hành chính xã Lộc Thành (Đoạn từ cống chào ấp đến ông Nhiều)		2.000	2.000	UBND xã Lộc Thành
31	Nâng cấp đường nhựa liên xã Lộc Thành – Lộc Thái (Đoạn từ ngã ba Lộc Bình 1 đến Cống chào ấp Lộc Bình 2)		500	500	UBND xã Lộc Thành
32	Nâng cấp đường sỏi đỏ tổ 2, ấp Tân Bình 1, xã Lộc Thành (Đoạn đường nhựa nhà Dung đến nhà ông Nhâm)		500	500	UBND xã Lộc Thành
33	Nâng cấp, sơn mới 08 phòng học lầu và 02 dãy phòng trệt; Nâng cấp sân trường lát gạch Terazzo và xây bồn hoa; Nâng cao hệ thống mái che bằng sắt hiện hữu và lắp đặt mới mái che bằng sắt cho khu vui chơi vận động ngoài trời Trường mẫu giáo Hoa Sen, xã Lộc Thành		1.000	1.000	UBND xã Lộc Thành
34	Sân bê tông nhà văn hóa ấp Tân Bình 1, Tân Bình 2, Tà Tê 1, Tà Tê 2, Tân Mai, xã Lộc Thành		1.033	1.033	UBND xã Lộc Thành
35	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông liên xã Lộc Hòa từ trạm y tế xã đến ấp 8B, xã Lộc Hòa		6.033	6.033	UBND xã Lộc Thạnh
36	Xây dựng cống chào xã Lộc Phú và cống chào các ấp (8 cống)		813	813	UBND xã Lộc Quang
37	Đường nhựa tổ 3, 4 ấp 1, xã Lộc Thiện		6.000	6.000	UBND xã Lộc Tấn
38	Nâng cấp đường liên xã đoạn từ QL13 đến cầu Năm Thành, xã Lộc Thạnh		2.200	2.200	UBND xã Lộc Thạnh
39	Mương thoát nước ấp Thạnh Trung, xã Lộc Thạnh (Đoạn từ hộ ông Bùi Văn Đăng đến đập Lộc Thạnh)		1.700	1.700	UBND xã Lộc Thạnh
40	Mương thoát nước ấp Thạnh Cường, xã Lộc Thạnh (Đoạn từ hộ ông Nguyễn Thế Cần đến hộ ông Đàm Đình Quân)		600	600	UBND xã Lộc Thạnh
41	Mương thoát nước đường ĐT754 (đoạn từ hộ ông Vinh đến kênh N1), xã Lộc Thạnh		1.500	1.500	UBND xã Lộc Thạnh
42	Đường bê tông xi măng các xã		7.604	7.604	
II	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG		4.860	4.860	
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐB DTTS VÀ MN		148.770	148.770	
	Năm 2025		8.570	8.570	0

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
1	Xây dựng kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất lúa nước ấp Bù Linh, ấp Vê Vang xã Lộc Phú		1.534	1.534	UBND xã Lộc Quang
2	Đường Bê tông XM ấp Vê Vang, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh		575	575	UBND xã Lộc Quang
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hoá ấp Thắng Lợi xã Lộc Phú		1.000	1.000	UBND xã Lộc Quang
4	Xây dựng kênh mương ấp Vê Vang, xã Lộc Phú (nối dài)		575	575	UBND xã Lộc Quang
5	Nâng cấp, sửa nhà văn hoá ấp Suối Thôn, xã Lộc Hoà		1.380	1.380	UBND xã Lộc Thạnh
6	Cấp nước tập trung cho ấp Ba Ven, xã Lộc Khánh		2.806	2.806	UBND xã Lộc Hưng
7	Đường bê tông xi măng tổ 1 ấp Chàng Hai, xã Lộc Quang		700	700	UBND xã Lộc Quang
E	HUYỆN BÙ ĐÓP		906.525	906.525	
E1	KHỐI HUYỆN		816.820	816.820	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		809.643	809.643	
1	Xây dựng đường GTNT ấp Bù Tam xã Hưng Phước	1880/QĐ-UBND ngày 02/12/2020	5.962	5.962	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
2	Xây dựng đường GTNT ấp 5 đi ấp Phước Tiến xã Hưng Phước	1701/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	5.454	5.454	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
3	Nâng cấp đường GTNT ấp Điện Ảnh xã Phước Thiện	1715/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.967	2.967	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
4	Nâng cấp đường GTNT ấp Mười Mầu xã Phước Thiện	1690/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	5.806	5.806	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
5	Nâng cấp đường Khu phố Thanh Bình thị trấn Thanh Bình	1731/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.830	1.830	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
6	Nâng cấp đường Khu phố Thanh Xuân thị trấn Thanh Bình	1730/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.275	4.275	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
7	Xây dựng đường GTNT ấp 6 đi ấp 10, ấp 1 đi ấp 4 xã Thiện Hưng	1909/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	14.672	14.672	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
8	Đường láng nhựa tổ 3, tổ 4 ấp 2 xã Thanh Hòa	1732/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.352	4.352	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
9	Đường láng nhựa tổ 3, tổ 4 ấp 5 xã Thanh Hòa	1700/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	3.933	3.933	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
10	Xây dựng các tuyến đường ấp 2, ấp 3, ấp 8 xã Thanh Hòa	1707/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	8.510	8.510	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
11	Xây dựng các tuyến đường ấp 5, ấp 9 xã Thanh Hòa	1727/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	10.807	10.807	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
12	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Phước xã Tân Tiến huyện Bù Đốp	1806/QĐ-UBND ngày 20/11/2020	2.381	2.381	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
13	Nâng cấp đường GTNT ấp Sóc Nê, ấp Tân Thuận, ấp Tân An xã Tân Tiến huyện Bù Đốp	1728/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.989	4.989	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
14	Xây dựng đường nhựa ấp Tân Bình xã Tân Tiến huyện Bù Đốp	1803/QĐ-UBND ngày 20/11/2020	6.480	6.480	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
15	Nâng cấp đường GTNT tổ 25 ấp Tân Hội xã Tân Thành	1799/QĐ-UBND ngày 18/11/2020	3.231	3.231	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
16	Nâng cấp đường GTNT tổ 28 ấp Tân Phong xã Tân Thành	1773/QĐ-UBND ngày 13/11/2020	2.758	2.758	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
17	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Thuận xã Tân Tiến	834/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	740	740	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
18	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ ấp 4, ấp Bù Tam đi trung tâm xã Hưng Phước	837/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	5.092	5.092	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
19	Xây dựng nhà làm việc khối quản lý hành chính Công an huyện Bù Đốp	1572/QĐ-UBND ngày 07/10/2020	4.520	4.520	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
20	Xây dựng 02 phòng thư viện Trường Tiểu học Tân Thành A	1965/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	2.021	2.021	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
21	Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học cơ sở Tân Thành	740/QĐ-UBND ngày 12/5/2020	2.642	2.642	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
22	Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học cơ sở Thanh Bình	2092/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	2.701	2.701	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
23	Xây dựng 04 phòng học, nhà giáo dục thể chất Trường Tiểu học Thiện Hưng C	626/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	4.467	4.467	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
24	Xây dựng khu hành chính và cấp cứu Bệnh viện Đa khoa huyện Bù Đốp	1939/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	11.600	11.600	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
25	Xây dựng nhà văn hóa ấp 5 xã Hưng Phước	1817/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	1.547	1.547	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
26	Xây dựng nhà văn hóa ấp 6 xã Hưng Phước	1818/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	1.380	1.380	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
27	Mở rộng khu dân cư và xây dựng thiết chế Văn hóa xã Thiện Hưng. Hạng mục: Giải phóng mặt bằng	2120/QĐ-UBND ngày 27/8/2020	4.500	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
28	Bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án xây dựng điểm dân cư liên kề chốt dân quân biên giới xã Tân Thành, huyện Bù Đốp	682/QĐ-UBND ngày 17/3/2021	261	261	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
29	Bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án xây dựng điểm dân cư liên kề chốt dân quân biên giới xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp	689/QĐ-UBND ngày 17/3/2021	311	311	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
30	Bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án xây dựng điểm dân cư liên kề chốt dân quân biên giới xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	690/QĐ-UBND ngày 17/3/2021	257	257	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
31	Đo vẽ bản đồ địa chính, cắm mốc và tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng điểm dân cư liên kề chốt dân quân biên giới xã Tân Thành, xã Phước Thiện và xã Hưng Phước	1400/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	106	106	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
32	Xây dựng đường GTNT ấp Tân Trạch xã Phước Thiện	1918/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	5.564	5.564	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
33	Xây dựng đường GTNT ấp Điện Ảnh xã Phước Thiện	1915/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	11.799	11.799	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
34	Xây dựng đường GTNT ấp Mười Mẫu xã Phước Thiện	1910/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	5.309	5.309	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
35	Nâng cấp đường GTNT tổ 19 ấp Tân Lợi xã Tân Thành	1863/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	2.325	2.325	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
36	Xây dựng đường GTNT Thôn 10 xã Thiện Hưng đi ấp Mười Mẫu xã Phước Thiện	1913/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	14.244	14.244	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
37	Nâng cấp đường GTNT từ Thôn 1 đi Thôn 4 xã Thiện Hưng	1914/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	18.336	18.336	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
38	Xây dựng đường GTNT ấp 3 xã Thanh Hoà	1911/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	2.651	2.651	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
39	Xây dựng đường GTNT ấp 7 xã Thanh Hoà	1916/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	3.421	3.421	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
40	Xây dựng đường GTNT tổ 1 đi tổ 6 ấp 7 xã Thanh Hoà	1917/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	3.420	3.420	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
41	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp 4 xã Thanh Hoà	1929/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	6.608	6.608	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
42	Xây dựng đường ấp Tân Hoà xã Tân Tiến	1930/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	1.617	1.617	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
43	Xây dựng đường ấp Tân Thuận xã Tân Tiến	1931/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	2.805	2.805	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
44	Xây dựng đường GTNT từ ấp Tân Bình đi ấp Tân Nghĩa xã Tân Tiến	1932/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	4.795	4.795	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
45	Nâng cấp tuyến đường tuần tra quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng thuộc Ban QLPH Bù Đốp	1961/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	2.030	2.030	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
46	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Thôn 10 xã Thiện Hưng đến Bến tàu khu vực du lịch sinh thái huyện Bù Đốp	2180/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	22.201	22.201	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
47	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Ngã tư thôn 6 đi Nông Trường 5 xã Thiện Hưng	2184/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	16.998	16.998	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
48	Nâng cấp đường GTNT Tổ 2 ấp Phước Tiến xã Hưng Phước	2181/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	1.694	1.694	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
49	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT Tổ 5, Tổ 8 ấp Bù Tam xã Hưng Phước	2185/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	8.941	8.941	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
50	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ ĐT.759B đi ấp Tân Thuận xã Tân Tiến	2182/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	18.487	18.487	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
51	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ ấp Sóc Nê xã Tân Tiến đi ấp 9 xã Thanh Hòa	2186/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	11.597	11.597	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
52	Thảm bê tông nhựa các tuyến đường Khu TTHC huyện và đường Tổ 2, Tổ 6 Khu phố Thanh Xuân, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp	2187/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	17.477	17.477	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
53	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ ĐT.759 đi tổ 5,8 ấp Thanh Tâm thị trấn Thanh Bình	2188/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	18.357	18.357	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
54	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ ĐT.759 đi Thôn 3 xã Thiện Hưng	2189/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	9.780	9.780	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
55	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đường sỏi đỏ khu vực cấp đất an sinh xã hội thuộc các tiểu khu 59, 60, 65 xã Phước Thiện đi Khu dân cư liên kề Đồn Biên phòng Phước Thiện	2192/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	3.173	3.173	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
56	Xây dựng đường giao thông đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Bình	2193/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	1.810	1.810	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
57	Nâng cấp láng nhựa đường từ đường ĐT 759B đi rừng phòng hộ đầu nguồn xã Phước Thiện	890/QĐ-UBND ngày 19/7/2022	22.115	22.115	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
58	Nâng cấp đường giao thông vào khu vực rừng gen thuộc xã Tân Tiến	863/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	1.924	1.924	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
59	Xây dựng đường giao thông khu dân cư ấp 3 xã Thanh Hòa	891/QĐ-UBND ngày 19/7/2022	14.488	14.488	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
60	Xây dựng đường giao thông từ đường ĐT759B đi ấp Tân Đông, xã Tân Thành đến ấp Tân Nghĩa, Tân Nhân, Tân Phước xã Tân Tiến đi trung tâm xã Tân Tiến	894/QĐ-UBND ngày 19/7/2022	44.622	44.622	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
61	Xây dựng căn cứ hậu cần kỹ thuật tại xã Thanh Hòa (Giải phóng mặt bằng)	191/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	2.801	2.801	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
62	Bồi thường, hỗ trợ GPMB thuộc dự án: Xây dựng Điểm dân cư liên kề chốt dân quân biên giới xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	2172/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	864	864	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
63	Xây dựng nhà làm việc khối Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đốp	1963/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	8.895	8.895	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
64	Lắp đặt Hệ thống Camera giám sát giao thông và an ninh trên địa bàn huyện	2194/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	2.610	2.610	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
65	Xây dựng trường TH&THCS Phước Thiện	1720/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	20.397	20.397	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
66	Xây dựng Nhà tập đa năng Trường THCS Bù Đốp	1715/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	3.222	3.222	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
67	Xây dựng nhà văn hóa ấp Tân Hưng xã Phước Thiện	1935/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	2.149	2.149	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
68	Xây dựng nhà văn hóa ấp Điện Ảnh xã Phước Thiện	1910/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	1.158	1.158	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
69	Xây dựng nhà văn hóa ấp Tân Trạch xã Phước Thiện	1936/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	1.184	1.184	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
70	Xây dựng nhà văn hóa ấp Mười Mầu xã Phước Thiện	1761/QĐ-UBND ngày 04/11/2021	1.386	1.386	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
71	Xây dựng nhà văn hóa ấp Tân Lập xã Phước Thiện	1764/QĐ-UBND ngày 04/11/2021	1.630	1.630	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
72	Xây dựng nhà văn hóa thôn 3 xã Thiện Hưng	1808/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	1.387	1.387	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
73	Xây dựng nhà văn hóa thôn 4 xã Thiện Hưng	1807/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	1.254	1.254	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
74	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thiện Cư xã Thiện Hưng	2015/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	1.604	1.604	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
75	Xây dựng đường GTNT từ Tổ 6 Thôn 1 đi Tổ 6 Thôn 7 xã Thiện Hưng	1785/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	9.690	9.690	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
76	Nâng cấp đường GTNT từ ĐT759B đi khu dân cư ấp 4 đến khu dân cư đập thủy lợi Bù Tam xã Hưng Phước	1788/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	30.012	30.012	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
77	Xây dựng đường từ đường ĐT 759B đi Đồn Biên phòng 793 huyện Bù Đốp	1790/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	34.035	34.035	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
78	Xây dựng đường tránh Trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	1791/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	89.500	89.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
79	Xây dựng đường GTNT từ đường ĐT 759B đi ấp 4 xã Hưng Phước (khu tái định cư đập thủy lợi Bù Tam) ra đường tuần tra biên giới	1792/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	14.078	14.078	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
80	Xây dựng nhà Chi huy A2 và các hạng mục thuộc Đại đội BB 10 - Ban Chi huy Quân sự huyện Bù Đốp	1803/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	10.280	10.280	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
81	Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng xây dựng 50 căn nhà khu dân cư biên giới	1804/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	4.584	4.584	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
82	Xây dựng 08 phòng học lầu trường MN Tuổi Thơ xã Thiện Hưng	1805/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	7.481	7.481	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
83	Xây dựng Nhà giáo dục thể chất Trường Tiểu học Thiện Hưng A	1806/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	1.946	1.946	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
84	Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 2 xã Thiện Hưng	1809/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	2.285	2.285	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
85	Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 6 xã Thiện Hưng	1810/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	1.975	1.975	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
86	Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 10 xã Thiện Hưng	1812/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	1.824	1.824	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
87	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường TH&THCS Phước Thiện	1068/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	3.989	3.989	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
88	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học Tân Thành A	904/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	4.897	4.897	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
89	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học Tân Thành B (Điểm ấp Tân Lập)	1046/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	5.176	5.176	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
90	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học Tân Thành B (Điểm Tân Phú)	1047/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	5.286	5.286	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
91	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường Tiểu học Thanh Bình A	1078/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	6.770	6.770	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
92	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường THCS Thanh Bình	1080/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	6.787	6.787	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
93	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường THCS Tân Thành	1081/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	6.637	6.637	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
94	Đường vành đai từ ngã tư nhà văn hóa ấp 2 xã Thanh Hòa đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	1692/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	14.222	14.222	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
95	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Tân Tiến	1491/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	2.911	2.911	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
96	Xây dựng Điểm Trường Mẫu giáo liền kề Điểm Dân cư biên giới xã Thanh Hoà, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước (Giai đoạn 2 - Đối ứng kinh phí Quân khu 7 hỗ trợ)	786/QĐ-UBND ngày 04/5/2024	1.308	1.308	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
97	Xây dựng thao trường huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh cho lực lượng DQTT và trận địa phòng không Ban CHQS huyện Bù Đốp	1314/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	1.679	1.679	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
98	Xây dựng Nhà giáo dục thể chất Trường Tiểu học Tân Tiến	1807/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	1.947	1.947	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
99	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường TH&THCS Phước Thiện (Điểm Mươi Mầu)	1671/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	2.643	2.643	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
100	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường TH&THCS Hưng Phước (Điểm Bù Tam)	1670/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	2.732	2.732	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
101	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Tiểu học Thiện Hưng C (Điểm Thôn 1)	967/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	2.719	2.719	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
102	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Trung học cơ sở Bù Đốp	1669/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	3.889	3.889	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
103	Xây dựng 12 phòng học lầu Trường Tiểu học Thiện Hưng B	1668/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	8.180	8.180	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
104	Xây dựng đường liên xã từ đường ĐT,759 (Cầu Sông bé) xã Thanh Hòa đi xã Tân Tiến, xã Tân Thành huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	1098/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	37.500	37.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
105	Giao vốn tắt toán dự án hoàn thành				Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
105	Vốn ủy thác sang ngân hàng chính sách xã hội huyện		3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025				
	Không có				
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành sau năm 2025				
	Không có				
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		7.177	7.177	
I	VÒNG CHUỖNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI		7.177	7.177	
1	Xây dựng đường liên thôn ấp Bù Tam đi ấp Phước Tiến xã Hưng Phước	1521/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	144	144	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
2	Xây dựng đường GTNT ấp Điện Ảnh xã Phước Thiện	709/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	314	314	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
3	Xây dựng đường điện Tổ 3 ấp Bù Tam xã Hưng Phước	779/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	40	40	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
4	Xây dựng cầu tại ấp Bù Tam xã Hưng Phước	711/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	90	90	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
5	Xây dựng chợ biên giới xã Phước Thiện	1239/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	1.710	1.710	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
6	Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa Trường DTNT huyện Bù Đốp	780/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	58	58	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
7	Công trình vệ sinh, nước sạch trường DTNT huyện Bù Đốp	720/QĐ-UBND ngày 05/6/2023	16	16	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
8	Xây dựng khối phòng học chức năng 03 tầng bao gồm 09 phòng của Trường phổ thông DTNT-THCS Bù Đốp.	1067/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	290	290	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
9	Làm mái vòm sắt khu nhà quán sinh của Trường phổ thông DTNT-THCS Bù Đốp	1173/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	5	5	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
10	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, huyện Bù Đốp		4.510	4.510	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp
E2	KHOÍ XÃ		89.705	89.705	
E2.1	XÃ HƯNG PHƯỚC		51.077	51.077	
	VỐN KHỐI HUYỆN QUẢN LÝ		20.448	20.448	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		20.448	20.448	
1	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Hưng xã Phước Thiện	1729/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.976	3.976	UBND xã Hưng Phước
2	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp Tân Hưng xã Phước Thiện	838/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	3.242	3.242	UBND xã Hưng Phước
3	Xây dựng nhà văn hóa ấp 3 xã Hưng Phước	600/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	1.382	1.382	UBND xã Hưng Phước
4	Nâng cấp, sửa chữa đường sỏi đỏ từ khu 134 ấp Mười Mầu đi khu du lịch suối ké thuộc xã Phước Thiện	2191/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	3.143	3.143	UBND xã Hưng Phước
5	Xây dựng đường GTNT từ Cây Xoài ấp Bù Tam đi đường tuần tra biên giới xã Hưng Phước	892/QĐ-UBND ngày 19/7/2022	3.084	3.084	UBND xã Hưng Phước
6	Nâng cấp đường GTNT ấp Phước Tiến đi Đồn Biên phòng 793 xã Hưng Phước	893/QĐ-UBND ngày 19/7/2022	3.896	3.896	UBND xã Hưng Phước
7	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Hưng Phước (năm 2022)	176/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	122	122	UBND xã Hưng Phước
8	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Phước Thiện (năm 2022)	163/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	456	456	UBND xã Hưng Phước
9	Sân bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Hưng Phước (năm 2022)	175/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	166	166	UBND xã Hưng Phước
10	Sân bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Phước Thiện (năm 2022)	163a/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	268	268	UBND xã Hưng Phước
11	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Hưng Phước đợt I (năm 2023)	135a/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	27	27	UBND xã Hưng Phước
12	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Phước Thiện đợt I (năm 2023)	126a/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	447	447	UBND xã Hưng Phước
13	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Hưng Phước đợt II (năm 2023)	145/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	133	133	UBND xã Hưng Phước
14	Sân bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Hưng Phước đợt I (năm 2023)	135b/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	84	84	UBND xã Hưng Phước
15	Sân bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Phước Thiện đợt I (năm 2023)	126b/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	22	22	UBND xã Hưng Phước
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025				
	Không có				
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành sau năm 2025				

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
	Không có				
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		30.629	30.629	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		30.228	30.228	
1	Xây dựng đường GTNT ấp Bù Tam đi ấp Phước Tiến xã Hưng Phước	1692/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	1.292	1.292	UBND xã Hưng Phước
2	Xây dựng đường GTNT ấp Bù Tam xã Hưng Phước	1691/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	2.404	2.404	UBND xã Hưng Phước
3	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp 5, ấp Phước Tiến đi Trung tâm xã Hưng Phước	1704/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	6.626	6.626	UBND xã Hưng Phước
4	Nâng cấp, láng nhựa đường từ ấp 3, ấp 4 đi Trung tâm xã Hưng Phước	1705/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	5.726	5.726	UBND xã Hưng Phước
5	Nâng cấp đường GTNT khu vực Suối Nứa ấp Mười Mầu xã Phước Thiện	1956/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	369	369	UBND xã Hưng Phước
6	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp Mười Mầu - Tân Lập xã Phước Thiện	1957/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	394	394	UBND xã Hưng Phước
7	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Phước xã Phước Thiện	1958/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	52	52	UBND xã Hưng Phước
8	Xây dựng đường sỏi đỏ ấp Mười Mầu xã Phước Thiện	1960/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	16	16	UBND xã Hưng Phước
9	Nâng cấp đường GTNT ấp Mười Mầu xã Phước Thiện	943/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	996	996	UBND xã Hưng Phước
10	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp 6 xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp	764/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	6.320	6.320	UBND xã Hưng Phước
11	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Tổ 4 ấp Tân Phước và Tổ 2 ấp Tân Hưng đi trung tâm xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp		6.033	6.033	UBND xã Hưng Phước
II	VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI		401	401	
1	DA 1 xã Hưng Phước		6	6	UBND xã Hưng Phước
2	DA 1 xã Phước Thiện		30	30	UBND xã Hưng Phước
3	DA 1 xã Thanh Hòa		12	12	UBND xã Hưng Phước
4	DA 1 xã Phước Thiện		6	6	UBND xã Hưng Phước
5	Nâng cấp, sửa chữa công, sân bê tông, hàng rào nhà văn hóa ấp Bù Tam xã Hưng Phước		25	25	UBND xã Hưng Phước
6	DA 1 xã Phước Thiện		322	322	UBND xã Hưng Phước
E2.2	XÃ TÂN TIẾN		14.344	14.344	
	VỐN KHỐI HUYỆN QUẢN LÝ		8.091	8.091	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		8.091	8.091	
1	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Nhân - Tân Nghĩa xã Tân Tiến	836/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	3.390	3.390	UBND xã Tân Tiến
2	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Tân Tiến (năm 2022)	93/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	1.186	1.186	UBND xã Tân Tiến
3	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Tân Thành (năm 2022)	146/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	441	441	UBND xã Tân Tiến
4	Sân bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Tân Tiến (năm 2022)	94/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	123	123	UBND xã Tân Tiến
5	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Tân Thành đợt I (năm 2023)	51/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	171	171	UBND xã Tân Tiến
6	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Tân Tiến đợt II (năm 2023)	160/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	126	126	UBND xã Tân Tiến
7	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Tân Thành đợt II (năm 2023)	59/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	54	54	UBND xã Tân Tiến

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
8	Sân bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Tân Tiến đợt I (năm 2023)	158/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	158	158	UBND xã Tân Tiến
9	Sân bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Tân Thành đợt I (năm 2023)	50/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	179	179	UBND xã Tân Tiến
10	Sân bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Tân Thành đợt II (năm 2023)	60/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	20	20	UBND xã Tân Tiến
11	Xây dựng nhà văn hóa ấp Tân Hòa xã Tân Tiến	2050/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	2.243	2.243	UBND xã Tân Tiến
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025				
	Không có				
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành sau năm 2025				
	Không có				
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		6.253	6.253	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		6.000	6.000	
1	Nâng cấp láng nhựa đường ấp Tân Thuận, ấp Sóc Nê, ấp Tân An đi trung tâm xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp		6.000	6.000	UBND xã Tân Tiến
II	VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI		253	253	
1	DA 1 xã Tân Tiến		56	56	UBND xã Tân Tiến
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà cộng đồng dân tộc Khmer ấp Sóc Nê xã Tân Tiến	2180/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	13	13	UBND xã Tân Tiến
3	Xây dựng hàng rào nhà văn hóa ấp Sóc Nê, xã Tân Tiến		23	23	UBND xã Tân Tiến
4	DA 1 xã Tân Thành		92	92	UBND xã Tân Tiến
5	DA 1 xã Tân Tiến		69	69	UBND xã Tân Tiến
E2.3	XÃ THIÊN HƯNG		24.284	24.284	
A	VỐN KHỐI HUYỆN QUẢN LÝ		23.156	23.156	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		23.156	23.156	
1	Nâng cấp đường GTNT ấp 5, ấp 9 xã Thanh Hoà	1474/QĐ-UBND ngày 29/9/2021	2.867	2.867	UBND xã Thiện Hưng
2	Xây dựng nhà công vụ Công an xã Thanh Hòa	1827/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	1.379	1.379	UBND xã Thiện Hưng
3	Xây dựng đường sỏi đỏ ấp Thanh Sơn thị trấn Thanh Bình	1962/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	1.367	1.367	UBND xã Thiện Hưng
4	Xây dựng đường sỏi đỏ từ ấp 1 xã Thanh Hòa đến Tổ 5 khu phố Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình	2190/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	629	629	UBND xã Thiện Hưng
5	Nâng đường GTNT ấp 9 xã Thanh Hòa	895/QĐ-UBND ngày 19/7/2022	2.188	2.188	UBND xã Thiện Hưng
6	Xây dựng nhà văn hóa ấp Thanh Thủy thị trấn Thanh Bình	1989/QĐ-UBND ngày 23/11/2021	1.935	1.935	UBND xã Thiện Hưng
7	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Thiện Hưng (năm 2022)	125b/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	2.733	2.733	UBND xã Thiện Hưng
8	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Thanh Hòa (năm 2022)	97/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	1.018	1.018	UBND xã Thiện Hưng
9	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù thị trấn Thanh Bình (năm 2022)	87/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	442	442	UBND xã Thiện Hưng
10	Sân bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Thiện Hưng (năm 2022)	125d/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	152	152	UBND xã Thiện Hưng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
11	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Thiện Hưng đợt I (năm 2023)	116a/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	26	26	UBND xã Thiện Hưng
12	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Thanh Hòa đợt I (năm 2023)	115/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	591	591	UBND xã Thiện Hưng
13	Đường GTNT bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Thanh Hòa đợt II (năm 2023)	120/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	463	463	UBND xã Thiện Hưng
14	Sân bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Thiện Hưng đợt I (năm 2023)	116b/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	143	143	UBND xã Thiện Hưng
15	Sân bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Thanh Hòa đợt I (năm 2023)	116/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	352	352	UBND xã Thiện Hưng
16	Sân bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù xã Thiện Hưng đợt II (năm 2023)	120/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	12	12	UBND xã Thiện Hưng
17	Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 1 xã Thiện Hưng	1808/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	2.181	2.181	UBND xã Thiện Hưng
18	Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 7 xã Thiện Hưng	1811/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	2.290	2.290	UBND xã Thiện Hưng
19	Xây dựng nhà văn hóa ấp 1 xã Thanh Hòa	1813/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	1.763	1.763	UBND xã Thiện Hưng
20	Xây dựng trụ sở Công an xã Thanh Hòa. Hạng mục: Sân bê tông, hàng rào	1691/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	625	625	UBND xã Thiện Hưng
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025				
	Không có				
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành sau năm 2025				
	Không có				
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		1.128	1.128	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		665	665	
1	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ thôn Thiện Cư đến thôn 3 đi trung tâm xã Thiện Hưng	1815/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	267	267	UBND xã Thiện Hưng
2	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Đội 4 thuộc Trung Đoàn 717 đến Ngã 3 nhà thờ Châu Ninh đi trung tâm xã Thiện Hưng	1816/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	238	238	UBND xã Thiện Hưng
3	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Nhà văn hóa Thôn 5 đến ngã 3 Châu Lai đi trung tâm xã Thiện Hưng	1817/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	160	160	UBND xã Thiện Hưng
II	VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI		463	463	
1	Nâng cấp, sửa chữa công, sân bê tông, hàng rào, công trình vệ sinh, nước sinh hoạt, sân khấu; xây dựng mới khu thể thao ấp 5 và ấp 8 xã Thanh Hòa	335/QĐ-UBND ngày 04/3/2025	420	420	UBND xã Thiện Hưng
2	Xây dựng công, hàng rào nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng ấp 8 xã Thanh Hòa	332/QĐ-UBND ngày 03/3/2025	43	43	UBND xã Thiện Hưng
F	HUYỆN ĐỒNG PHÚ		1.487.342	1.468.851	
F1	KHỐI HUYỆN		1.297.724	1.279.233	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		541.015	541.015	
1	Xây dựng nhà ở cho cán bộ chiến sỹ Công an huyện Đồng Phú	4523/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	6.700	6.700	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
2	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Phú Riêng Đò đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Tân Phú	4540/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	7.500	7.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
3	Xây dựng đường quy hoạch Khu dân cư ấp 9 xã Tân Lập	4546/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	9.500	9.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
4	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Lạc Long Quân đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Tân Phú	9135/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	3.500	3.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
5	Tuyến 5: Đầu tuyến giao với đường ĐT.741(khoảng Km49+740) điểm cuối tại ranh nông trường cao su Tân Lập. Quy mô chiều dài tuyến 0,5/1,8 Km, lộ giới 42m. 7852661	2191/QĐ-UBND ngày 31/7/2020	7.852	7.852	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
6	Xây dựng 01 Phòng PaPéch, 01 phòng Suối Nhung TH, THCS Tân Hưng	4557/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	1.400	1.400	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
7	Xây dựng 02 Phòng điểm Nam Đô TH, THCS Tân Phước	4554/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	1.100	1.100	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
8	Xây dựng 04 Phòng điểm Km 12 TH, THCS Đồng Tâm	4555/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	2.600	2.600	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
9	Xây dựng 04 Phòng điểm ấp 6 TH, THCS Đồng Tiến	4556/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	2.520	2.520	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
10	Xây dựng 06 phòng học và 02 phòng chức năng Trường TH và THCS Thuận Lợi, xã Thuận Lợi	4559/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	5.300	5.300	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
11	Xây dựng 08 phòng học và 02 phòng chức năng điểm Thạch Màng Trường TH và THCS Tân Lợi, xã Tân Lợi	4558/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	6.300	6.300	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
12	Xây dựng 10 phòng học Trường Tiểu học Tân Tiến, xã Tân Tiến	4552/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	6.150	6.150	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
13	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng Trường THCS Tân Phú	4550/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	4.100	4.100	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
14	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng Trường THCS, THPT Đồng Tiến	4551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	3.882	3.882	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
15	Xây dựng khối đoàn thể xã Tân Hưng	4553/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	2.200	2.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
16	Xây dựng 24 phòng học Trường Tiểu học Thuận Phú, xã Thuận Phú	1615/QĐ-UBND ngày 29/03/2021	18.300	18.300	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
17	Xây dựng Nhà làm việc một cửa và khối đoàn thể xã Tân Lập	8076/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	3.500	3.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
18	Xây dựng 02 phòng học Trường Mầm non Đồng Tâm, xã Đồng Tâm (điểm lẻ)	8075/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	2.400	2.400	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
19	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Thuận Phú, xã Thuận Phú	8073/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	14.800	14.800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
20	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng Trường THCS Tân Tiến	8074/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	4.100	4.100	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
21	Đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ (Mua sắm trang thiết bị Trường TH Tân Phú; Trường TH Tân Tiến; Trường TH&THCS Tân Phước; Trường TH&THCS Đồng Tâm; Trường TH&THCS Thuận Lợi; Trường THCS Tân Tiến)	4526/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	3.500	3.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
	Xây dựng trụ sở làm việc UBND xã Tân Tiến				Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
22	Đầu tư thiết bị phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền số, địa phương thông minh giai đoạn 2022-2025	5019/QĐ-UBND ngày 20/9/2022	7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
23	Xây dựng đường tổ 8, tổ 10 khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	10011/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	3.500	3.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
24	Xây dựng chính trang Công viên Khu Dân cư tập trung huyện	10012/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
25	Xây dựng đường DH Thuận Phú - Thuận Lợi (từ ĐT 758 vào ấp Đồng Búa), xã Thuận Phú	10013/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	23.500	23.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
26	Xây dựng đường vào Trường MN Đồng Tiến (điểm ấp 4)	10014/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	800	800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
27	Xây dựng đường vào Điểm trường Km12 Trường TH và THCS Đồng Tâm, ấp 4, xã Đồng Tâm	10015/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.200	1.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
28	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT 753 đi nghĩa trang Nhân dân huyện Đồng Phú	10016/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	6.200	6.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
29	Xây dựng đường trong khu căn cứ hậu cần huyện Đồng Phú	10017/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
30	Xây dựng đường GTNT ấp Phước Tiến đi ấp Nam Đô, xã Tân Phước	10018/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	17.000	17.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
31	Xây dựng đường từ ngã ba dây điện đi khu tình thương, ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng	10019/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	11.800	11.800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
32	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ ấp Suối Đồi xã Tân Hưng đi ấp Cầu Rạt xã Tân Phước (đoạn trùng với đường TAPO5)	10020/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	2.727	2.727	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
33	Nâng cấp đường GTNT từ ĐT741 (bên hông trường TH Tân Lập) đến KDC ấp 4, xã Tân Lập (TLA12)	10021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
34	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT từ ĐT 758 (nghĩa trang Nhân dân xã Thuận Phú) đến ngã tư Bảy Thạnh, xã Thuận Lợi	10022/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
35	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT từ ngã ba Nhà ông Ba Thu đi ngã ba nhà ông Ba Nhu ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng	10023/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	14.980	14.980	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
36	XD đường từ ĐT.753 ấp suối Da đến ấp 5, xã Tân Hưng	10024/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	21.600	21.600	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
37	Lát gạch vỉa hè các tuyến đường khu TTTM huyện	9855/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	3.300	3.300	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
38	Xây dựng vỉa hè, cây xanh tuyến đường Phú Riêng Đò đến đường Phạm Ngọc Thạch và vỉa hè, hệ thống thoát nước các tuyến đường khu dân cư tập trung, thị trấn Tân Phú	5009/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	9.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
39	Xây dựng vỉa hè và thảm bê tông nhựa các tuyến đường Khu hoa viên Tượng đài	5010/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	7.400	7.400	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
40	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè các tuyến đường QH khu Hoa viên Tượng Đài, thị trấn Tân Phú	5011/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
41	Xây dựng 02 phòng học điểm ấp 4 Trường MN Đồng Tiến (Điểm lẻ)	9855/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	2.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
42	Xây dựng 02 phòng học, nhà bếp Trường Mầm non Thuận Lợi (Điểm lẻ)	9851/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	2.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
43	Xây dựng 06 phòng chức năng, nhà bếp nhà kho Trường MN Thuận Phú	9853/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	7.800	7.800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
44	Xây dựng 06 phòng học chức năng Trường Mầm non Tân Tiến	9852/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	6.800	6.800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
45	Xây dựng 12 phòng học Trường Tiểu học Đồng Tiến (Điểm ấp 4)	9857/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	8.400	8.400	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
46	Xây dựng 12 phòng học, 06 phòng chức năng Trường Tiểu học Tân Lập	9856/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	12.600	12.600	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
47	Xây dựng trụ sở làm việc Ban CHQS xã Thuận Phú	9854/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	2.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
48	Xây dựng mới hàng rào điểm 3 trường tiểu học Tân Phú	4882/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	700	700	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
49	Xây dựng hàng rào. Nhà xe điểm chính trường TH và THCS Tân Phước	4883/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	1.800	1.800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
50	7990151 - Cấm mốc theo quy hoạch đã được duyệt	6372/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
51	Đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ (Mua sắm trang thiết bị phòng Anh văn (phòng Lab) các trường: TH Tân Phú, TH Tân Lập, TH và THCS Tân Hưng, TH và THCS Thuận Lợi và Phòng tin học TH và THCS Tân Phước)	9916/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	3.800	3.800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
52	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ DH Đồng Tiến - Tân Phú đến đường Bảo Cua xã Tân Phước (TAPOM 7 - DTI 18)	7559/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	1.200	1.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
53	Đoạn nối tiếp từ tổ 4 ấp Đồng Búa, xã Thuận Phú đi ngã tư Bảy Thạnh, xã Thuận Lợi	7563/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	4.680	4.680	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
54	Xây dựng bờ rác trung chuyển và làm 500m đường bê tông xi măng vào bãi rác xã Tân Tiến	7558/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	966	966	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
55	Xây dựng hệ thống thoát nước các tuyến đường khu Dân cư tập trung, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	7555/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	14.990	14.990	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
56	Đầu tư xây dựng nối dài các đường tổ đầu nối với đường DH KCN Phía Tây Nam Đồng Xoài, xã Tân Tiến (tổ 1, tổ 15, tổ 17, tổ 29, tổ 39, tổ 43...)	7556/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
57	Đầu tư xây dựng nối dài các đường tổ đầu nối với đường DH KCN Phía Tây Nam Đồng Xoài, xã Tân Lập (tổ 20, tổ 26, tổ 30, tổ 36, tổ 46...)	7557/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	9.900	9.900	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
58	Xây dựng đường N1, N3, D1, D2 khu TTHC xã Tân Hòa	7560/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	1.500	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
59	Xây dựng các tuyến đường khu TTHC xã Tân Lợi	7561/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	2.500	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
60	Xây dựng đường số 3, 5, 7, 10, 11, 12 khu TTHC xã Tân Hưng	7562/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	2.500	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
61	Xây dựng Hội trường 250 chỗ xã Tân Phước	7565/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	3.900	3.900	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
62	Xây dựng cống, hàng rào và các hạng mục phụ trợ Nhà văn hóa ấp 4 và ấp 6, xã Đồng Tâm	7566/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	2.500	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
63	Xây dựng Nhà làm việc một cửa và khối đoàn thể xã Tân Hòa	7567/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	3.800	3.800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
64	Xây dựng Nhà làm việc một cửa và khối đoàn thể xã Tân Lợi	7568/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	3.800	3.800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
65	Xây dựng Trụ sở làm việc Ban CHQS xã Đồng Tiến	7569/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	2.050	2.050	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
66	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Tân Lập	7570/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
67	Mua sắm thiết bị 08 phòng học chức năng Trường TH Tân Lập và Trường TH và THCS Tân Lợi	7571/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	5.200	5.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
68	Xây dựng 04 phòng chức năng, nhà thi đấu đa năng, nhà xe, đường Trường TH và THCS Tân Lợi.	7572/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	9.500	9.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
69	Xây dựng 04 phòng chức năng Trường Tiểu học Thuận Phú	7573/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	4.800	4.800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
70	Xây dựng cổng, hàng rào, nhà xe, nhà bảo vệ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Lập	7574/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	1.300	1.300	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
71	Xây dựng 14 phòng Trường THCS Tân Tiến	7575/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	17.600	17.600	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
72	Xây dựng nhà ở doanh trại cho 07 đơn vị công an xã: Tân Phước, Tân Hưng, Tân Hòa, Tân Lợi, Tân Lập, Đồng Tiến, Đồng Tâm	3786/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	4.536	4.536	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
73	Đầu tư lĩnh vực khoa học và công nghệ năm 2023 (Mua sắm trang thiết bị phòng Anh văn (phòng Lab) các Trường: TH và THCS Đồng Tâm, TH và THCS Tân Hòa, TH và THCS Thuận Lợi và phòng tin học các Trường: THCS Tân Lập, TH và THCS Tân Hòa, TH và THCS Tân Phước	3614/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	4.200	4.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
74	Nâng cấp láng nhựa đường từ dốc 5 tầng đi nhà văn hoá ấp 2, xã Đồng Tiến.	5062/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.500	8.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
75	XD Cổng thoát nước ấp Thuận Thành, xã Thuận Lợi	5063/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.900	3.900	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
76	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự thị trấn Tân Phú,	5065/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	2.500	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
77	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Tân Lợi;	5066/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	2.500	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
78	Xây dựng nhà làm việc Một cửa và khối đoàn thể xã Đồng Tâm,	5067/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.800	3.800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
79	Xây dựng nhà kho chứa hóa chất, kết hợp trưng bày sản phẩm nông nghiệp.	5068/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	600	600	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
80	Xây dựng hệ thống PCCC và một số hạng mục phụ trợ Hội trường huyện Đồng Phú,	5069/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	2.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
81	Xây dựng cổng, hàng rào, sân lát gạch và một số hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Thuận Lợi;	5070/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	450	450	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
82	Mua sắm thiết bị 10 phòng chức năng và bộ môn Trường THCS Tân Lập,	5071/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.200	3.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
83	Xây dựng Trường PT DTNT và THCS Đồng Phú đạt chuẩn quốc gia (Hạng mục: nhà tập đa năng; Xây dựng nhà văn hóa; trang thiết bị...)	5072/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.400	8.400	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
84	Xây dựng nhà thi đấu đa năng và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường TH và THCS Tân Hòa,	5073/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	6.300	6.300	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
85	Xây dựng 04 phòng chức năng điểm chính, 01 phòng học điểm lẻ, các hạng mục phụ trợ và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường MN Tân Phước;	5074/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.300	8.300	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
86	Xây dựng nhà thi đấu đa năng, nhà xe và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường TH Đồng Tiến,	5076/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	7.200	7.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
87	Xây dựng, nâng cấp các hạng mục trên địa bàn xã Thuận Phú và xã Thuận Lợi;	5077/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	1.032	1.032	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
88	Đầu tư lĩnh vực Khoa học và Công nghệ năm 2024 (Mua sắm trang thiết bị phòng Anh văn (phòng Lab)các Trường:TH Tân Phú, TH Đồng Tiến, TH Tân Tiến và phòng Tin học các Trường: THCS Thuận Phú, TH Tân Lập, TH Đồng Tiến)	5080/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	4.600	4.600	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
88	Xây dựng 4 phòng học và 04 phòng chức năng và một số hạng mục phụ trợ Trường MN Tân Hòa	Số 4630/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	9.300	9.300	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
89	Xây dựng đường quy hoạch số 7, huyện Đồng Phú (đoạn từ đường ĐT,753 đến đường Đồng Phú - Bình Dương, xã Tân Lợi)	Số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	14.900	14.900	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		486.709	468.218	
	Trước ngày 30/6/2025		29.792	29.778	
	Dự án xây dựng 40 phòng học Trường đạt chuẩn quốc gia và Chương trình giáo dục phổ thông.	2456/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	28.000	28.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
	Mua sắm thiết bị 10 phòng (04 phòng phục vụ học tập và 06 phòng học) Trường MN Thuận Phú	4222/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	1.000	986	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
	Điều chỉnh quy hoạch khu dân cư xã Tân Tiến	10202/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	792	792	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
	Sau ngày 30/6/2025		456.917	438.440	
1	Lập quy hoạch chi tiết thị trấn Tân Phú	1812/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	1.890	1.890	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
2	Lập đồ án quy hoạch chung đô thị Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	1849/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.217	2.611	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
3	Quy hoạch chung đô thị Tân Tiến, huyện Đồng Phú đến năm 2045	1765/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	2.964	490	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
4	Lập đồ án quy hoạch chung đô thị Tân Lập, huyện Đồng Phú đến năm 2045	1892/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	2.668	300	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
5	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn áp Thái Dưng xã Tân Tiến (giáp ranh với thị trấn Tân Phú)	8017/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	1.066	612	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
6	Lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư, kết hợp chợ ấp Thạch Màng xã Tân Lợi	7781/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	450	450	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
7	Xây dựng đường Tô 9 kết nối giao thông với đường Phú Riêng Đò (đường Đông Tây 8), khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	4533/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	1.800	1.800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
8	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	4537/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	8.369	8.369	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
9	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	4541/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	7.787	7.787	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
10	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	4543/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	48.717	48.717	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
11	San lấp mặt bằng QH KDC ấp 4, xã Đồng Tâm	4548/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	2.100	2.100	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
12	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến ĐT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	4534/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	26.383	26.383	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
13	Tuyến số 1: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 02): Đầu tuyến giao với ĐT.741 (khoảng Km51+450, ấp 2, xã Tân Lập), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú – Bình Dương (giáp đường trục khu tái định cư khoảng Km35), dài 10,48km; quy mô đầu tư: Chiều dài tuyến 5,6/10,48km, lộ giới 32m	2188/QĐ-UBND ngày 31/7/2020	69.303	69.303	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
14	Tuyến số 2: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 03): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km53+435), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú – Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km32+600); Quy mô: Chiều dài tuyến 4,2/9,8km, lộ giới 65m	2189/QĐ-UBND ngày 31/7/2020	46.132	46.132	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
15	Tuyến số 3: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 04): Đầu tuyến giao với đường ĐT741 (khoảng Km56+800), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km30+200). Quy mô: Chiều dài 6,1/9,5km, lộ giới 42m	2190/QĐ-UBND ngày 31/7/2020	75.193	75.193	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
16	Tuyến số 4: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 05): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng km60+750), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú – Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km27+600). Quy mô: Chiều dài tuyến 8,2/10,5km, lộ giới 42m	2191/QĐ-UBND ngày 31/7/2020	61.464	61.464	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
17	Xây dựng đường Nguyễn Huệ nối dài từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	4538/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	12.414	12.414	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
18	Xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến ĐT 741 và xây dựng đoạn CPSĐ từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú (giai đoạn 2)	10008/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
19	Xây dựng đường Tô 23 nối dài đến đường kết nối Tây Nam Đồng Xoài, thị trấn Tân Phú	10009/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	2.200	57	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
20	Xây dựng đường quy hoạch D1 - Khu TTHC xã Tân Lập (đường bên hông Chợ)	10010/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	5.500	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
21	Xây dựng đường kết nối huyện Đồng Phú với huyện Phú Riềng (kết nối từ ĐT 758, xã Thuận Phú đến ranh huyện Phú Riềng)	3372/QĐ-UBND ngày 16/9/2023	8.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
22	NC lát nhựa Đường Cây điệp-Nam Đô(Từ đường Lam Sơn-Tân Phước đến điểm trường tiểu học ấp Nam Đô)	4547/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	6.500	6.402	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
23	Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện giai đoạn 2023-2025 (Hạng mục: Xây dựng nhà ở doanh trại và trụ sở làm việc 11 xã, thị trấn);	5064/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	58.800	47.466	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành sau năm 2025		270.000	270.000	

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
1	Xây dựng đường xuyên tâm Tân Hưng - Tân Lập	7554/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	180.000	180.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
2	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông xã Tân Hòa đi xã Tân Lợi	2117/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	90.000	90.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
B2	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG		1.101	1.101	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		1.101	1.101	
1	Giảm 1000 hộ nghèo năm 2021 - Mô hình Chăn nuôi bò sinh sản tại xã Đồng Tâm	7515/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	560	560	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
2	Phô tô phiếu cập nhật thông tin, thị trường lao động		20	20	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
3	Đầu tư TTB CNTT thực hiện tiểu dự án 3 thuộc dự án 4 chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 - Phòng LĐTB và XH		71	71	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
4	8063409 - Thực hiện Chương trình MTQG GNBV thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS đợt 1: Hỗ trợ nước sinh hoạt (giếng khoan) - Phòng Dân Tộc	4504/QĐ-UBND ngày 23/11/2026	450	450	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI		29.159	29.159	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		2.354	2.354	
1	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Nâng cấp cải tạo đường GTNT từ ngã ba nhà ông Ba Phương đi nhà bà Út Linh kết nối xã Tân Lợi và Tân Hưng huyện Đồng Phú)	1704/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	2.354	2.354	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
1	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		3.450	3.450	
1.2	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung tại các xã Tân Phước, Tân Hưng, Thuận Lợi	3105/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	3.450	3.450	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		9.699	9.699	
2.1	Nâng cấp cải tạo đường GTNT từ ngã ba nhà ông Ba Phương đi nhà bà Út Linh kết nối xã Tân Lợi và Tân Hưng (Giai đoạn 2; 1,8km)	3053/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	3.312	3.312	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
2.2	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT từ nhà ông Đoàn Văn Thuận đến nhà ông Nguyễn Văn Tư kết nối xã Tân Hưng và Tân Lợi, huyện Đồng Phú dài 1,5km	3052/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	2.760	2.760	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
2.3	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT từ khu sinh thái ấp 1 kết nối xã Thuận Lợi và Đồng Tâm, huyện Đồng Phú dài 2km	3071/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	3.627	3.627	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
3	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN		11.461	11.461	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
3.1	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục tại Trường DTNT THCS huyện Đồng Phú (Khối hiệu bộ; khối phòng học lý thuyết, khối phòng học bộ môn; ký túc xá; phòng ở giáo viên; nhà bếp, nhà ăn; cổng rào, nhà bảo vệ; sân trường; nạo vét mương thoát nước nhà bếp và ký túc xá; hệ thống phòng cháy chữa cháy; nhà vệ sinh; tháp nước)	3054/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	6.440	6.440	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
3.2	Nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất khối phòng học, công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp công trình phụ trợ (thay mái tôn hiện hữu tại 06 dãy phòng học, nhà ở, phòng quản lý) Trường DTNT THCS huyện Đồng Phú	3055/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	5.021	5.021	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		2.195	2.195	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
4.1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao và trang thiết bị tại các ấp vùng đồng bào DTTS và miền núi (Nâng cấp cải tạo các nhà văn hoá tại các ấp vùng đồng bào DTTS&MN)	3109/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	2.195	2.195	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú
B	KHỐI XÃ, PHƯỜNG		189.618	189.618	
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		188.707	188.707	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		167.629	167.629	
	NĂM 2021		65.741	65.741	
a	NTM nâng cao		11.000	11.000	
1	Xây mới, sửa chữa mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa 9 ấp (từ ấp 1 đến ấp 9)	8725/QĐ-UBND ngày 07/11/2021	1.274	1.274	UBND xã Đồng Phú
2	Sửa chữa và mua sắm trang thiết bị Trung tâm văn hóa thể thao xã	7863/QĐ-UBND ngày 28/09/2021	711	711	UBND xã Đồng Phú
3	Sửa chữa nhà thi đấu đa năng xã	7521/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	546	546	UBND xã Đồng Phú
4	Chỉnh trang khuôn viên trụ sở làm việc	7670/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	225	225	UBND xã Đồng Phú
5	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông (Tổ 26 đi tổ 30: 1.040tr và Tổ 9 ấp 2 đi tổ 21b ấp 9: 1.044tr)	7671/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	2.044	2.044	UBND xã Đồng Phú
6	Trồng cây xanh trên các tuyến đường	7877/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	200	200	UBND xã Đồng Phú
7	Xây dựng và sửa chữa 02 nhà văn hóa (ấp An hòa, Ấp chợ)	6129/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	3.000	3.000	UBND xã Đồng Phú
8	Xây dựng đường lán nhựa liên xã thuộc ấp An Hòa (dài 1,5km)	6286/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	3.000	3.000	UBND xã Đồng Phú
b	Các tuyến đường BTXM		54.741	54.741	
I	xã Thuận Lợi		9.524	9.524	
1	Xây dựng đường BTXM tổ 6 ấp Thuận Thành1	77/QĐ-UBND ngày 19/4/2021	349	349	UBND xã Thuận Lợi
2	Xây dựng đường BTXM tổ 2 ấp Thuận An	79/QĐ-UBND ngày 19/4/2021	73	73	UBND xã Thuận Lợi
3	Xây dựng đường BTXM tổ 3 ấp Thuận An	78/QĐ-UBND ngày 19/4/2021	141	141	UBND xã Thuận Lợi
4	Xây dựng đường BTXM tổ 7 ấp Thuận Tiến	527//QĐ-UBND ngày 03/11/2021	1.305	1.305	UBND xã Thuận Lợi
5	Xây dựng đường BTXM tổ 3 ấp Thuận Tân	528//QĐ-UBND ngày 03/11/2021	957	957	UBND xã Thuận Lợi
6	Nâng cấp lán nhựa đường GTNT liên ấp Thuận An đi ấp Thuận Thành 2, xã Thuận Lợi (Từ nhà ông Tâm Kim đến nhà Ông Sơn)	Số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	5.200	5.200	UBND xã Thuận Lợi
7	Nâng cấp lán nhựa đường GTNT từ đường ĐT,741 đến nhà Ông Minh, ấp Thuận Hòa 1 , xã Thuận Lợi	Số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	1.500	1.500	UBND xã Thuận Lợi
II	xã Đồng Tâm		3.019	3.019	
1	Xây dựng đường BTXM ông Bình đội 6 ấp 2	186//QĐ-UBND ngày 10/5/2021	173	173	UBND xã Đồng Tâm
2	Xây dựng đường BTXM ông Bạch đội 3 ấp 2	185//QĐ-UBND ngày 10/5/2021	345	345	UBND xã Đồng Tâm
3	Xây dựng đường BTXM bà Thanh đội 2 ấp 2	692/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	129	129	UBND xã Đồng Tâm
4	Xây dựng đường BTXM ông Trờ đội 6 ấp 2	690/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	906	906	UBND xã Đồng Tâm

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
6	Xây dựng đường BTXM ông Văn đội 5 ấp 2	691/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	431	431	UBND xã Đồng Tâm
8	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba đường Đồng Tâm-Thuận Phú đến nhà ông Tám Dinh đội 1, ấp 1	689/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	1.035	1.035	UBND xã Đồng Tâm
III	xã Thuận Phú		6.070	6.070	
1	Xây dựng đường BTXM tổ 4 từ nhà ông Thọ đến nhà ông Chi ấp Bù Xăng	472/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	381	381	UBND xã Thuận Lợi
2	Xây dựng đường BTXM tổ 4 từ nhà ông Quy đến nhà ông Hà ấp Bù Xăng	82/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	312	312	UBND xã Thuận Lợi
3	Xây dựng đường BTXM tổ 5 từ nhà ông Huy đến nhà ông Việt ấp Bù Xăng	81/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	649	649	UBND xã Thuận Lợi
4	Xây dựng đường BTXM tổ 2 từ nhà ông Lực đến nhà ông Quyết ấp Bù Xăng	79/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	355	355	UBND xã Thuận Lợi
5	Xây dựng đường BTXM tổ 5 từ nhà ông Đồng đến nhà ông Hải ấp Bù Xăng	77/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	87	87	UBND xã Thuận Lợi
6	Xây dựng đường BTXM tổ 4 từ nhà ông Tấn đến nhà ông Quốc ấp Thuận Hải	84/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	156	156	UBND xã Thuận Lợi
7	Xây dựng đường BTXM tổ 3 từ nhà văn hóa ấp đến nhà ông Thủy ấp Thuận Hải	80/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	502	502	UBND xã Thuận Lợi
8	Xây dựng đường BTXM tổ 7 từ nhà thờ Thuận Phú đến nhà bà Bi ấp Thuận Phú 1	78/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	77	77	UBND xã Thuận Lợi
9	Xây dựng đường BTXM tổ 2 từ nhà ông Lực đến nhà ông Linh ấp Bù Xăng	475/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	379	379	UBND xã Thuận Lợi
10	Xây dựng đường BTXM tổ 4 từ ngã ba chùa Thanh Phú đến Công ty TNHH MTV Phương Anh ấp Thuận Phú 1	474/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	344	344	UBND xã Thuận Lợi
11	Xây dựng đường BTXM tổ 4 nhà ông Châu đến nhà ông Ngộ ấp Tân Phú	524/QĐ-UBND ngày 20/10/2021	1.105	1.105	UBND xã Thuận Lợi
12	Xây dựng đường BTXM tổ 5b từ ĐT 758 nhà bà Bảy đến nhà ông Héo ấp Đồng Búa	473/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	1.158	1.158	UBND xã Thuận Lợi
13	Xây dựng đường BTXM tổ 5b từ Nhà ông Bách đến nhà ông Thủy ấp Đồng Búa	476/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	566	566	UBND xã Thuận Lợi
IV	xã Tân Tiến		2.105	2.105	
1	Xây dựng đường BTXM tổ 18 nối dài sang tổ 24 ấp Minh Tân	04/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	347	347	UBND xã Đồng Phú
2	Xây dựng đường BTXM tổ 5 nối dài ấp Tân Hà	01/QĐ-UBND ngày 06/5/2021	1.190	1.190	UBND xã Đồng Phú
3	Xây dựng đường BTXM tổ 13 nối dài ấp Minh Hòa	07/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	568	568	UBND xã Đồng Phú
V	xã Đồng Tiến		5.327	5.327	
1	Xây dựng đường BTXM đội 4 ấp Suối Bình	144/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	1.398	1.398	UBND xã Đồng Tâm
2	Xây dựng đường BTXM đội 1 ấp Suối Đôi	147/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	260	260	UBND xã Đồng Tâm
3	Xây dựng đường BTXM nối dài đội 2 ấp Suối Đôi	146/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	692	692	UBND xã Đồng Tâm
4	Xây dựng đường BTXM đội 5 ấp Suối Đôi	145/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	303	303	UBND xã Đồng Tâm
5	Xây dựng đường BTXM từ giáp đường cây số 9 đến nhà bà Sáu ấp 5	143/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	182	182	UBND xã Đồng Tâm
6	Xây dựng đường BTXM đội 1 ấp Suối Bình	148/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	173	173	UBND xã Đồng Tâm
7	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Phong đi nhà ông Sáng đội 7 ấp 3	582/QĐ-UBND ngày 09/9/2021	696	696	UBND xã Đồng Tâm
8	Xây dựng đường BTXM đội 4 ấp 2	581/QĐ-UBND ngày 09/9/2021	783	783	UBND xã Đồng Tâm
9	Xây dựng đường BTXM đội 3F ấp 3	583/QĐ-UBND ngày 09/9/2021	231	231	UBND xã Đồng Tâm
10	Xây dựng đường BTXM vào điểm trường MN ấp 6 (K840C)	580/QĐ-UBND ngày 09/9/2021	174	174	UBND xã Đồng Tâm
11	Xây dựng đường BTXM Đội 3 ấp Suối Bình		436	436	UBND xã Đồng Tâm

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
VI	xã Tân Phước		7.916	7.916	
1	Xây dựng đường BTXM đội 3, ấp Phước Tâm (từ hộ ông Phong đến hộ ông Nhảy)	401/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	286	286	UBND xã Đồng Tâm
2	Xây dựng đường BTXM đội 1, ấp Phước Tâm (từ hộ ông Cương đến hộ ông Cường)	402/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	442	442	UBND xã Đồng Tâm
3	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Phước Tâm (từ hộ ông Vũ đến hộ bà Năm)	403/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	186	186	UBND xã Đồng Tâm
4	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Cầu Rạt (ngã ba cây sung đến hộ ông Xô)	135/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	218	218	UBND xã Đồng Tâm
5	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Cầu Rạt (ngã tư đường Bào cua đến hộ ông Mạnh)	136/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	331	331	UBND xã Đồng Tâm
6	Xây dựng đường BTXM đội 1, ấp Cây Diệp (từ đường Cây Diệp đi hộ ông Hâu)	137/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	122	122	UBND xã Đồng Tâm
7	Xây dựng đường BTXM Xương Bò (từ ĐT 753 đến đường 190)	138/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	192	192	UBND xã Đồng Tâm
8	Xây dựng đường BTXM Đội 4, ấp Phước Tân (từ đường hố Bom đến hộ ông Thường)	404/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	416	416	UBND xã Đồng Tâm
9	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Phước Tân (từ ĐT 753 đến hộ ông Phong)	140/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	196	196	UBND xã Đồng Tâm
10	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Phước Tân (từ ĐT 753 đến hộ ông Tranh)	141/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	192	192	UBND xã Đồng Tâm
11	Xây dựng đường BTXM đội 1, ấp Phước Tiến (từ hộ ông Tuyên đến hộ ông Tiến)	405/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	619	619	UBND xã Đồng Tâm
12	Xây dựng đường BTXM Đội 2, ấp Phước Tiến (từ hộ ông Tân đến hộ ông Lùng)	406/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	126	126	UBND xã Đồng Tâm
13	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Nam Đô (từ hộ ông tư Rú đến hộ ông Thu)	144/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	436	436	UBND xã Đồng Tâm
14	Xây dựng đường BTXM đội 1, ấp Nam Đô (từ ngã ba năm Liên đến hộ ông Thọ)	145/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	1.133	1.133	UBND xã Đồng Tâm
15	Xây dựng đường BTXM đội 1, ấp Säck Xi (từ đường Säck Xi đi nhà ông Kẹo)	146/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	545	545	UBND xã Đồng Tâm
16	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Säck Xi (từ đường Säck Xi đi nhà ông Pầu)	147/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	961	961	UBND xã Đồng Tâm
17	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Säck Xi (từ đường Säck Xi đi nhà ông tư Bàn)	148/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	731	731	UBND xã Đồng Tâm
18	Xây dựng đường BTXM Đội 2, ấp Säck Xi (từ đường Säck Xi đi nhà ông Phát)	149/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	697	697	UBND xã Đồng Tâm
19	Xây dựng đường BTXM vào nhà văn hóa Cầu Rạt	753/QĐ-UBND ngày 02/11/2021	87	87	UBND xã Đồng Tâm
VII	T.T. Tân Phú		2.200	2.200	
1	Xây dựng đường BTXM hẻm bên hông bệnh viện Đồng Phú	135/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	156	156	UBND Đồng Phú
2	Xây dựng đường BTXM xóm 1 ấp Dên Dên	685/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	346	346	UBND Đồng Phú
3	Xây dựng đường BTXM xóm 5 nối dài ấp Dên Dên		101	101	UBND Đồng Phú
4	Xây dựng đường BTXM tổ 36 nối dài KP Thắng Lợi	137/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	26	26	UBND Đồng Phú
5	Xây dựng đường BTXM tổ 6 nối dài đến suối Rạt KP Tân An	700/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	611	611	UBND Đồng Phú
6	Xây dựng đường BTXM xóm 6 nối dài ấp Dên Dên	721/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	959	959	UBND Đồng Phú
VIII	xã Tân Lợi		4.493	4.493	
1	Xây dựng đường BTXM từ ông Dư Văn Ba đi TĐC Công an tỉnh, ấp Thạch Mảng	113/QĐ-UBND ngày 19/4/2021	872	872	UBND xã Tân Lợi
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Thánh đi nhà ông Hò ấp Đồng Bia	784/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	1.484	1.484	UBND xã Tân Lợi
3	Xây dựng đường BTXM từ NVH ấp đến nhà ông Nông Văn Lương, ấp Đồng Bia	783/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	392	392	UBND xã Tân Lợi
4	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Dụ đến nhà ông Đạt ấp Đồng Bia	785/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	1.745	1.745	UBND xã Tân Lợi
IX	xã Tân Hưng		7.776	7.776	

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
1	Xây dựng đường BTXM từ công Nhà văn hóa ấp Pa Pếch đến đầu đường đất nhà ông Nguyễn Văn Chung ấp Pa Pếch	70a/QĐ-UBND ngày 14/5/2021	393	393	UBND xã Tân Lợi
2	Xây dựng đường từ nhà ông Phạm Xuân Đông đi nhà ông Hoàng Trung Đông nắp Suối Đồi		349	349	UBND xã Tân Lợi
3	Xây dựng đường BTXM từ đường nhựa Ấp Pa Pếch đi ấp Suối Nhung	65a/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	314	314	UBND xã Tân Lợi
4	Xây dựng đường BTXM nối tiếp đường Đới 3, ấp Suối Nhung	73a/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	87	87	UBND xã Tân Lợi
5	Xây dựng đường BTXM nối tiếp đường nhà ông Hiền đi cầu ông Cam	71a/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	87	87	UBND xã Tân Lợi
6	Xây dựng đường BTXM nối tiếp đường nhà ông Hà Văn Thắng đi nhà ông Hồ Đăng Sứ ấp Pa Pếch	66a/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	70	70	UBND xã Tân Lợi
7	Xây dựng đường BTXM đi nhà ông Thái ấp Pa Pếch	66a/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	261	261	UBND xã Tân Lợi
8	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Phạm Thị Vân đi Nguyễn Văn Phúc ấp Pa Pếch	72a/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	349	349	UBND xã Tân Lợi
9	Xây dựng đường BTXM đoi 2 đi đoi 5 ấp Suối Đồi	67a/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	87	87	UBND xã Tân Lợi
10	Xây dựng đường BTXM đi nhà ông Nguyễn Xuân Hà đoi 3, ấp Suối Nhung	223/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	1.570	1.570	UBND xã Tân Lợi
11	Xây dựng đường BTXM từ đường nhựa vào nhà ông Lê Hồng Đắc, ấp Suối Nhung	226/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	829	829	UBND xã Tân Lợi
12	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Lam đi nhà ông Nguyễn Văn Hạnh ấp Pa Pếch	222/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	741	741	UBND xã Tân Lợi
13	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Đại đến nhà ông Tới ấp Pa Pếch	221/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	505	505	UBND xã Tân Lợi
14	Xây dựng đường BTXM từ đập tràn Suối Nhung đi ông Mưu ấp Cây Cây	224/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	566	566	UBND xã Tân Lợi
15	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Viết Thanh ấp Suối Nhung	225/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	1.568	1.568	UBND xã Tân Lợi
X	xã Tân Lập		5.001	5.001	
1	Xây dựng đường BTXM tổ 44 ấp 4	713/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	244	244	UBND xã Đồng Phú
2	Xây dựng đường BTXM tổ 32 ấp 8	104/QĐ-UBND ngày 05/05/2021	1.216	1.216	UBND xã Đồng Phú
3	Xây dựng đường BTXM tổ 22 ấp 5	712/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	410	410	UBND xã Đồng Phú
4	Xây dựng đường BTXM tổ 20A ấp 5 (đoạn giáp xã Phước Sang)	103/QĐ-UBND ngày 05/05/2021	352	352	UBND xã Đồng Phú
5	Xây dựng đường BTXM tổ 9 nối dài ấp 2	102/QĐ-UBND ngày 05/05/2021	805	805	UBND xã Đồng Phú
6	Xây dựng đường BTXM tổ 7 nối dài ấp 2	101/QĐ-UBND ngày 05/05/2021	240	240	UBND xã Đồng Phú
7	Xây dựng đường BTXM tổ 33 ấp 8	589/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	809	809	UBND xã Đồng Phú
8	Xây dựng đường BTXM tổ 26A ấp 7	590/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	550	550	UBND xã Đồng Phú
9	Xây dựng đường BTXM tổ 30 ấp 8	588/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	374	374	UBND xã Đồng Phú
XI	xã Tân Hòa		1.311	1.311	
1	Xây dựng đường BTXM từ ông Bốn đến tuyến số 3 đường kết nối ấp Đồng Chắc	895/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	131	131	UBND xã Tân Lợi
2	Xây dựng đường BTXM từ ông Luân đến nhà ông Thuyết ấp Đồng Xê	890/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	612	612	UBND xã Tân Lợi
3	Xây dựng đường BTXM từ ông Mầu đến nhà bà Oanh ấp Đồng Xê	889/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	568	568	UBND xã Tân Lợi
	Năm 2022		51.132	51.132	
a	Nông thôn mới nâng cao		9.000	9.000	
1	Xây dựng nhà làm việc một cửa xã Thuận Phú	1541/QĐ-UBND ngày 12/4/2022	1.400	1.400	UBND xã Thuận Lợi

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
2	XD nhà văn hóa ấp thuận phú 2 và nhà văn hóa ấp đồng búa xã thuận phú	1816/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	2.800	2.800	UBND xã Thuận Lợi
3	Xây dựng nhà văn hóa ấp tân phú và các hạng mục phụ trợ	4665/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.200	1.200	UBND xã Thuận Lợi
4	Xây dựng cổng hàng rào sân bê tông nhà văn hóa ấp Thuận Phú 1	5217/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	600	600	UBND xã Thuận Lợi
5	Xây dựng đường nhựa tổ 5, ấp bù xăng từ nhà ông Lê Bá Huân đến nhà ông Hứa Văn Rin	5040/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	3.000	3.000	UBND xã Thuận Lợi
b	Xây dựng đường BTXM		42.132	42.132	
I	Xã Thuận Lợi		2.115	2.115	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Khắc đến nhà ông Lê Thức tổ 5 ấp Thuận Thành 1	258/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	82	82	UBND xã Thuận Lợi
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Cao Văn Chung đến nhà ông Ngô Xuân Dân, tổ 5, ấp Thuận Thành 1	260/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	211	211	UBND xã Thuận Lợi
3	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Minh Cảnh đến nhà ông Ngô Văn An, tổ 5, ấp Thuận Thành 1	259/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	97	97	UBND xã Thuận Lợi
4	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Văn Nhật đến nhà bà Đỗ Thị Bình, tổ 8, ấp Thuận Thành 2	264/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	175	175	UBND xã Thuận Lợi
5	Xây dựng đường BTXM từ đường liên tổ đến nhà ông Lê Thắng, tổ 8, ấp Thuận Thành 2	263/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	108	108	UBND xã Thuận Lợi
6	Xây dựng đường BTXM từ đường liên tổ đến nhà bà Nguyễn Thị Liễu, tổ 8, ấp Thuận Thành 2	262/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	74	74	UBND xã Thuận Lợi
7	Xây dựng đường BTXM từ bà Viên Thị Dinh đến nhà Trịnh Duy Thường, tổ 1, ấp Thuận Bình	255/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	628	628	UBND xã Thuận Lợi
8	Xây dựng đường BTXM đoạn nhánh nhà ông Lê Thương, ấp Thuận Thành 2	255/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	49	49	UBND xã Thuận Lợi
9	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Hoàng Văn Thảo đến hộ ông Hoàng Văn Cường, tổ 5, ấp Thuận Tân	256/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	335	335	UBND xã Thuận Lợi
10	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lục Văn Đoàn đến hộ ông Hoàng Nông Tuấn, tổ 3, ấp Thuận Tân	257/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	356	356	UBND xã Thuận Lợi
II	Xã Đồng Tâm		2.979	2.979	
1	Xây dựng đường BTXM đội 1, ấp 3 (từ nhà ông Lê Viết Hoi đến nhà ông Nguyễn Văn Tín)	86/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	716	716	UBND Xã Đồng Tâm
2	Xây dựng đường BTXM đội 4, ấp 2 (tuyến đường BTXM nhà ông Vĩnh) nối dài	88/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	89	89	UBND Xã Đồng Tâm
3	Xây dựng đường BTXM đội 5, ấp 2 (từ đường BTXM đến nhà ông Hùng)	90/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	188	188	UBND Xã Đồng Tâm
4	Xây dựng đường BTXM đội 3, ấp 4 (từ Quán ông Trần Ngọc Long đến nhà ông Đinh Tiến Đông)	87/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	107	107	UBND Xã Đồng Tâm
5	Xây dựng đường BTXM đội 4, ấp 4 (từ giáp Suối đến rẫy ông Trịnh Hải Soạn)	89/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	1.342	1.342	UBND Xã Đồng Tâm
6	Xây dựng đường BTXM ấp 1 (đường BTXM khu sinh thái vào 100 ha)	85/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	537	537	UBND Xã Đồng Tâm
III	Xã Thuận Phú		2.586	2.586	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Ngọc Phước đến đất ông Lượng, tổ 7 ấp Thuận Phú 2	119/QĐ-UBND ngày 16/6/2022	774	774	UBND xã Thuận Lợi
2	Xây dựng đường BTXM từ đường ĐT 758 đến nhà ông Nguyễn Văn Năm, ấp Thuận Phú 3	120/QĐ-UBND ngày 16/6/2022	100	100	UBND xã Thuận Lợi
3	Xây dựng đường BTXM tổ 6 ấp Tân Phú (từ nhà ông Võ Kế đến nhà ông Hùng)	118/QĐ-UBND ngày 16/6/2022	1.712	1.712	UBND xã Thuận Lợi
IV	Xã Tân Tiến		2.891	2.891	
1	Xây dựng đường BTXM từ tổ 26 ấp Chợ đến tổ 34 ấp Thái Dũng (dưới đường điện 500kV)	75/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	569	569	UBND Xã Đồng Tâm
2	Xây dựng đường BTXM tổ 23 nối dài ấp Minh Tân	74/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	91	91	UBND Xã Đồng Tâm
3	Xây dựng đường BTXM cầu Nhứt ấp Thái Dũng	76/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	873	873	UBND Xã Đồng Tâm
4	Xây dựng đường BTXM tổ Bàu 3 nối với QK 9	72/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	156	156	UBND Xã Đồng Tâm
5	Xây dựng đường BTXM cầu 3 cây nhánh 1 ấp Minh Hòa	71/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	302	302	UBND Xã Đồng Tâm

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
6	Xây dựng đường BTXM tổ 4B nối dài đến Bàu 3 ấp An Hòa	73/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	201	201	UBND Xã Đồng Tâm
7	Xây dựng đường BTXM tổ 1, tổ 3 nối dài ấp Tân Hà	77/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	699	699	UBND Xã Đồng Tâm
V	Xã Đồng Tiến		4.421	4.421	
1	Xây dựng đường BTXM đội 4 ấp Suối Đồi	315/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	1.235	1.235	UBND Xã Đồng Tâm
2	Xây dựng đường BTXM đội 5 ấp 3 (nối dài)	316/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	697	697	UBND Xã Đồng Tâm
3	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Khánh ấp Suối Bình đi xã Tân Phước	317/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	797	797	UBND Xã Đồng Tâm
4	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Thủy đi nhà bà Hậu đội 5 ấp Suối Bình.	318/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	548	548	UBND Xã Đồng Tâm
5	Xây dựng đường BTXM từ nhà chú 10 Thuận đến cầu sắt đội 4, ấp 6.	319/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	996	996	UBND Xã Đồng Tâm
6	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Bình đi nhà ông Thông, ấp 1.	320/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	149	149	UBND Xã Đồng Tâm
VI	Xã Tân Phước		6.619	6.619	
1	Xây dựng đường BTXM từ đường Be 3 đến hộ ông Liên đội 3, ấp Phước Tâm	419/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	236	236	UBND Xã Đồng Tâm
2	Xây dựng đường BTXM từ hộ ông Liu đến hộ bà Piềng đội 3, ấp Phước Tân	426/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	315	315	UBND Xã Đồng Tâm
3	Xây dựng đường BTXM từ đường ĐT 753 đến đường 190 đội 1, ấp Phước Tân	421/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	237	237	UBND Xã Đồng Tâm
4	Xây dựng đường BTXM nối dài từ chùa Phổ Minh đến đường Đồng Tiến - Tân Phước, Phước Tân, ấp Cây Diệp	420/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	453	453	UBND Xã Đồng Tâm
5	Xây dựng đường BTXM từ đường Lam Sơn - Tân Phước đến hộ ông Hiếu đội 4, ấp Nam Đô	425/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	1.001	1.001	UBND Xã Đồng Tâm
6	Xây dựng đường BTXM từ đường Lam Sơn - Tân Phước đến hộ ông Thạch Phanh đội 4, ấp Nam Đô	427/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	1.001	1.001	UBND Xã Đồng Tâm
7	Xây dựng đường BTXM từ Nam Đô - Phước Tiến đến hộ ông Lâm Thị Dương đội 4, ấp Nam Đô	423/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	450	450	UBND Xã Đồng Tâm
8	Xây dựng đường BTXM từ đường Nam Đô - Phước Tiến đến hộ Kim Đình đội 4, ấp Nam Đô	422/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	823	823	UBND Xã Đồng Tâm
9	Xây dựng đường BTXM từ đường Lam Sơn-Tân Phước đến hộ ông Đăng đội 2, ấp Sắc Xi	424/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	1.073	1.073	UBND Xã Đồng Tâm
10	Xây dựng đường BTXM từ đường ĐT 753B đến hộ ông Nhi đội 1, ấp Lam Sơn	428/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	1.029	1.029	UBND Xã Đồng Tâm
VII	Thị trấn Tân Phú		673	673	
1	Xây dựng đường BTXM tổ 99, Khu phố Bàu Ké	51/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	413	413	UBND xã Đồng Phú
2	Xây dựng đường BTXM tổ 21B, khu phố Tân An (Điểm đầu thửa đất số 68, cho đến thửa số 66, tờ bản đồ số 47)	52/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	60	60	UBND xã Đồng Phú
3	Xây dựng đường BTXM nối từ Tuyến số 4 đến nhà ông Vân, khu phố Thăng Lợi	53/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	200	200	UBND xã Đồng Phú
VIII	Xã Tân Hưng		6.723	6.723	
1	Xây dựng đường BTXM từ ĐT753 ấp Cây Cầy đi ấp Suối Đa	375/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	1.644	1.644	UBND xã Tân Lợi
2	Xây dựng đường BTXM ấp Cây Cầy (từ ngã ba nhà ông Vũ Đức Mạnh Tường đi nhà ông Ba Hưng)	379/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	2.225	2.225	UBND xã Tân Lợi
3	Xây dựng đường BTXM ấp Pa Pếch (từ nhà ông Tý đi nhà ông Cường)	377/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	193	193	UBND xã Tân Lợi
4	Xây dựng đường BTXM đội 1 ấp Suối Nhung (từ ĐT753 đến nhà ông Nguyễn Đình Trọng)	376/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	339	339	UBND xã Tân Lợi
5	Xây dựng đường BTXM ấp Cây Cầy (từ nhà ông Vũ Xuân Tân đến nhà ông Võ Thanh Hùng)	378/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	193	193	UBND xã Tân Lợi
6	Xây dựng đường BTXM ấp Pa Pếch (từ nhà ông Nông Văn Đức đến nhà ông Nông Văn Thân)	374/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	1.935	1.935	UBND xã Tân Lợi
7	Xây dựng đường BTXM ấp Pa Pếch nối dài (từ nhà ông Nguyễn Văn Hạnh đến nhà ông Đoàn Văn Sỹ)	373/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	193	193	UBND xã Tân Lợi

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
IX	Xã Tân Hòa		1.023	1.023	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Sậu đến hết nhà ông Biên (ấp Đồng Chắc)	64/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	1.023	1.023	UBND xã Tân Lợi
X	Xã Tân Lợi		12.101	12.101	
1	Xây dựng mở rộng hai bên đường BTXM ấp Đồng Bia (từ nhà ông Phùng Văn Cao đến nhà ông Khẩu Thanh Sơn)	156/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	1.022	1.022	UBND xã Tân Lợi
2	Xây dựng mở rộng hai bên đường BTXM ấp Trảng Tranh (từ trụ sở công an xã đến nhà ông Vương Văn Chén)	157/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	1.922	1.922	UBND xã Tân Lợi
3	Xây dựng mở rộng hai bên đường BTXM ấp Trảng Tranh (từ ông Hiền Cao đến nhà ông Hoàng Văn Chiêu)	158/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	1.922	1.922	UBND xã Tân Lợi
4	Xây dựng đường BTXM ấp Trảng Tranh (từ nhà ông Phan Văn Páo đến nhà ông Nông Văn Đồng)	159/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	329	329	UBND xã Tân Lợi
5	Xây dựng đường BTXM từ nông trường cao su Tân Hưng vào khu Điều Cầu, ấp Thạch Màng	206/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	139	139	UBND xã Tân Lợi
6	Xây dựng đường BTXM từ đường liên xã ấp Trảng Tranh đến nhà ông Đặng Văn Chấn, ấp Đồng Bia	207/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	463	463	UBND xã Tân Lợi
7	Xây dựng mở rộng hai bên đường BTXM ấp Thạch Màng (từ nhà ông Hồ Văn Soạn đến nhà ông Hải Tường Văn)	208/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	3.713	3.713	UBND xã Tân Lợi
8	Xây dựng mở rộng hai bên đường BTXM ấp Thạch Màng (từ nhà ông Quách Tuấn Bạch đến nhà ông Lê Hiền)	209/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	2.175	2.175	UBND xã Tân Lợi
9	Xây dựng mở rộng hai bên đường BTXM ấp Thạch Màng (từ nhà ông Nguyễn Xuân Thủy đến Chùa Pháp Huyền)	210/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	417	417	UBND xã Tân Lợi
	NĂM 2023		28.938	28.938	
a	Nông thôn mới nâng cao		10.000	10.000	
1	Xây dựng công, hàng rào, mua sắm thiết bị các Nhà văn hóa ấp xã Đồng Tiến	7593/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	1.500	1.500	UBND xã Đồng Tâm
2	Nâng cấp láng nhựa Đường ấp 3 đi nhà văn hóa Suối Bình, xã Đồng Tiến dài 1,7km	7594/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	2.500	2.500	UBND xã Đồng Tâm
3	Nâng cấp láng nhựa đường Be 3 đi Đội 4 ấp Suối Đồi, xã Đồng Tiến dài 1,5km	7595/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	2.000	2.000	UBND xã Đồng Tâm
4	Nâng cấp láng nhựa đường Đội 6 ấp Suối Bình đi hồ Suối Bình, xã Đồng Tiến dài 3km	7596/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	4.000	4.000	UBND xã Đồng Tâm
b	Xây dựng đường BTXM		18.938	18.938	
I	Xã Thuận Lợi		898	898	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Ngô Xuân Dân đến nhà bà Nguyễn Thị Hoa tờ bản đồ số 2 tờ 5, ấp Thuận Thành 1 (Tờ bản đồ số 02, Thửa đất số 142;143)	106/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	66	66	UBND Xã Thuận Lợi
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Cần đến nhà ông Hồ Diên Tám tờ bản đồ số 43 tờ 5, ấp Thuận Thành 2 (Tờ bản đồ số 43, Thửa đất số 3,14,15,19,22,24,26,39,40,41,42)	107/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	319	319	UBND Xã Thuận Lợi
3	Xây dựng đường BTXM từ đường Liên xã Thuận Lợi - Phú Riêng đến nhà ông Lưu Văn Tà đến nhà ông Tạ Dũng Pha tờ bản đồ số 33 tờ 5, ấp Thuận Bình (Tờ 33 Thửa số 1,5,6,7,8,9,27-Tờ 34 Thửa số 2,4,5,6,7,8)	109/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	160	160	UBND Xã Thuận Lợi
4	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Văn Đẹp đến nhà ông Nguyễn Đạt Túy tờ 7, ấp Thuận Hòa 1 (Tờ bản đồ số 66, Thửa 29; 47)	110/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	110	110	UBND Xã Thuận Lợi
5	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Nguyễn Thị Mai Xuân đến nhà ông Nguyễn Văn Cu Nghĩa tờ 2, ấp Thuận Hòa 2 (Tờ bản đồ số 18, Thửa đất số 334, 340,344,354,355)	108/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	244	244	UBND Xã Thuận Lợi
II	Xã Đồng Tâm		949	949	

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
1	Xây dựng đường BTXM nối tiếp từ đường BTXM 1.500m đến suối đội 4, ấp 4 (Tờ số 74; Thửa số 4 - 43) Tọa độ điểm đầu 582908 - 1282209; điểm cuối 582491 - 1282858	128/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	666	666	UBND xã Đồng Tâm
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Yến đến nhà ông Liêm đội 1, ấp 1 (Tờ số 49; Thửa số 82-74) Tọa độ điểm đầu 580959-1284228; điểm cuối 581114-1283970	129/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	283	283	UBND xã Đồng Tâm
III	Xã Thuận Phú		1.186	1.186	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Hồng Thanh đến nhà ông Phạm Văn Hai tổ 5 ấp Thuận Phú 1 (thửa 39 tờ 15, thửa 3, 7 tờ 21)	122/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	307	307	UBND Xã Thuận Lợi
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Phạm Văn Đàn đến nhà ông Vũ Bá Trung ấp Thuận Hải (thửa 99, 173, 185 tờ 52)	120/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	160	160	UBND Xã Thuận Lợi
3	Xây dựng đường BTXM từ ĐT 741 nhà bà Cẩm đến Suối giáp đất ông Trẻ ấp Thuận Hải (thửa 89,86,75,72,74 tờ 21)	119/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	466	466	UBND Xã Thuận Lợi
4	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Đào Minh Lộc đến nhà ông Đào Việt, tổ 4 ấp Bù Xăng (thửa 26,167,35,39,22,23 tờ 23)	121/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	253	253	UBND Xã Thuận Lợi
IV	Xã Tân Tiến		1.167	1.167	
1	Xây dựng đường BTXM Cầu 3 cây nhánh 2, ấp Minh Hòa điểm đầu tiếp giáp đường số 2 đến thửa đất nhà ông Đỗ Văn Tiến Tờ bản đồ số 39; 40	92/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	394	394	UBND xã Đồng Tâm
2	Xây dựng đường BTXM Tổ bầu 3 nối dài ấp An Hòa (điểm đầu tiếp giáp đường số 2 đến thửa đất nhà bà Hóa) Tờ bản đồ 38, Tọa độ điểm đầu 566445 - 1261443; điểm cuối 566672 - 1261633	93/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	375	375	UBND xã Đồng Tâm
3	Xây dựng đường BTXM Tổ 2 nối dài ấp Tân Hà (điểm đầu đường BTXM điểm cuối nhà ông Trần Văn Huỳnh) Tờ bản đồ số 11, Thửa đất số 23,25, 26,29	94/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	141	141	UBND xã Đồng Tâm
4	Xây dựng đường BTXM đường điện 110KV điểm đầu giáp thị trấn Tân Phú điểm cuối giáp đường tổ 47, ấp Thái Dũng Tờ bản đồ số 15, Thửa đất số 8;78;86;87	95/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	256	256	UBND xã Đồng Tâm
V	Xã Đồng Tiến		1.473	1.473	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Điều Lương đi nhà ông Thắng ấp 2 (Tờ 21; Thửa số 139-159) Tọa độ điểm đầu 575919-1281609; điểm cuối 575313-1281434	131/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	798	798	UBND xã Đồng Tâm
2	Xây dựng đường BTXM Đội 5 ấp 1 nối dài (Tờ số 55; Thửa số 7 - 49) Tọa độ điểm đầu 577308 - 1278917; điểm cuối 577573 - 1278335	132/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	676	676	UBND xã Đồng Tâm
VI	Xã Tân Phước		4.298	4.298	
1	Xây dựng đường BTXM đội 1, ấp Nam Đô (từ đường Nam Đô đến ranh xã Tân Hưng (Điểm đầu Thửa đất số 129;130 - điểm cuối đến thửa số 124; Tờ số 6)	244/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	2.111	2.111	UBND xã Đồng Tâm
2	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Nam Đô (từ đường Nam Đô đến hộ nhà ông To) Điểm đầu Thửa số 43, 51; Tờ số 31 - điểm cuối thửa số 338; Tờ số 4	245/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	638	638	UBND xã Đồng Tâm
3	Xây dựng đường BTXM đội 4, ấp Nam Đô (từ hộ ông Phương đến hộ ông Song) Điểm đầu: Thửa số 124,228- điểm cuối: Thửa số 489,255 Tờ số 5	246/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	516	516	UBND xã Đồng Tâm
4	Xây dựng đường BTXM tuyến nhà ông Trương Đường ấp Lam Sơn (điểm đầu từ thửa số 2,5 - điểm cuối đến thửa số 31, Tờ bản đồ số 11)	247/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	1.032	1.032	UBND xã Đồng Tâm
VII	Xã Tân Lập		1.584	1.584	
1	Xây dựng đường BTXM đường tổ 19C ấp 5 (Thửa 49,50,51,57,59,60,62,70,71,143 tờ bản đồ số 54)	177/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	747	747	UBND xã Đồng Phú

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
2	Xây dựng đường BTXM đường nhánh khu nhà ông Nguyễn Khắc Liên ấp 8 (Thửa 19,31,47,49,71,72,73,79 tờ bản đồ 16)	178/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	714	714	UBND xã Đồng Phú
3	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Khắc Bảy ấp 9 nối đường Vành đai (Thửa 49,51,54,55,59,122,123 tờ bản đồ 30)	205/QĐ-UBND ngày 12/6/2023	123	123	UBND xã Đồng Phú
VIII	Xã Tân Hưng		4.795	4.795	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Hà Đô đi ngã ba nhà ông Tinh, ấp Pa Pếch (điểm đầu thửa số 30, tờ số 7; điểm cuối thửa số 171, tờ số 3)	65/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	1.877	1.877	UBND xã Tân Lợi
2	Xây dựng đường BTXM nối tiếp từ nhà ông Nông Văn Thân (từ nhà ông Hoàng Văn Chung đến nhà ông Phùng Văn Hậu), ấp Pa Pếch (điểm đầu thửa số 185, tờ số 3; điểm cuối thửa 199, tờ số 3)	65/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	103	103	UBND xã Tân Lợi
3	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Thạch Khâu ấp Pa Pếch (điểm đầu thửa số 36, tờ số 7; điểm cuối thửa 26, tờ số 7)	64/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	188	188	UBND xã Tân Lợi
4	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Thế đi nhà ông Lập ấp Cây Cầy (điểm đầu thửa số 338, tờ số 6; điểm cuối thửa số 183, tờ số 12)	62/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	1.689	1.689	UBND xã Tân Lợi
5	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Phùng Trung Ngân đi nhà bà Hồ Thị Ngọc Dung ấp Cây Cầy (điểm đầu thửa 45, tờ số 11; điểm cuối thửa 93, tờ số 11)	67/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	938	938	UBND xã Tân Lợi
IX	Xã Tân Hòa		1.130	1.130	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Oanh đến nhà ông Ngọc ấp Đồng Xê (Tờ bản đồ số 9;14)	72/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	1.130	1.130	UBND xã Tân Lợi
X	Xã Tân Lợi		1.458	1.458	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Văn Hai – Nguyễn Văn Phong đến thửa 169, tờ bản đồ số 26, ấp Đồng Bĩa	345/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	162	162	UBND xã Tân Lợi
2	Mở rộng 2 bên đường BTXM tuyến đường từ đường liên xã thửa số 181, tờ bản đồ số 3 đến nhà ông Vũ Đình Kỹ ấp Quân Y	344/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	773	773	UBND xã Tân Lợi
3	Mở rộng 2 bên đường BTXM tuyến đường từ đường liên xã thửa số 82, tờ bản đồ số 3 đến nhà bà Dương Thị Là ấp Quân Y; dài 540m (điểm đầu từ ngã ba đường liên xã)	346/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	522	522	UBND xã Tân Lợi
	NĂM 2024		21.817	21.817	
a	Nông thôn mới nâng cao		11.860	11.860	
1	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT đội 4 ấp Nam Đô - ấp Phước Tiến, xã Tân Phước (khu đồng bào DTTS)	1528/QĐ-UBND ngày 24/4/2024	3.000	3.000	UBND xã Đồng Tâm
2	Nâng cấp láng nhựa đường Trung tâm hành chính xã Tân Phước	2122/QĐ-UBND ngày 04/5/2024	1.500	1.500	UBND xã Đồng Tâm
3	Xây dựng công, hàng rào, sửa chữa, trang thiết bị Nhà văn hoá 08 ấp, xã Tân Phước	2392/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	3.900	3.900	UBND xã Đồng Tâm
4	Xây dựng sân thể thao, công, hàng rào, mua sắm thiết bị trung tâm văn hoá thể thao xã Tân Phước	2300/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	600	600	UBND xã Đồng Tâm
5	Nâng cấp, mở rộng đường từ Thửa số 57 tờ bản đồ số 65 đến thửa số 58 tờ bản đồ số 66 Ấp 4, xã Tân Lập	3079/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	442	442	UBND xã Đồng Tâm
6	Nâng cấp, mở rộng đường từ Thửa số 26 tờ bản đồ số 65 đến thửa số 12 tờ bản đồ số 66 Ấp 4, xã Tân Lập	3085/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.178	1.178	UBND xã Đồng Tâm
7	Nâng cấp, mở rộng đường từ Thửa số 40 tờ bản đồ số 64 đến thửa số 25 tờ bản đồ số 65 Ấp 4, xã Tân Lập	3127/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	740	740	UBND xã Đồng Tâm
8	Nâng cấp, mở rộng đường từ thửa 12, tờ bản đồ 68 đến thửa 40 tờ bản đồ 64, Ấp 4, xã Tân Lập	3126/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	500	500	UBND xã Đồng Tâm
b	Xây dựng đường BTXM		9.957	9.957	
I	Xã Thuận Lợi		221	221	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Phan Thiên Lý đến nhà bà Lê Thị Nhiên tổ 4, ấp Thuận Thành 2 (thửa đất số 3,17 tờ bản đồ số 4, 5)	92/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	138	138	UBND xã Thuận lợi

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Duy Kiều đến nhà ông Nguyễn Văn Thắm tổ 4, ấp Thuận Bình (thửa đất số 51,68, 234,19 tờ bản đồ số 49)	91/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	83	83	UBND xã Thuận lợi
II	Xã Thuận Phú		2.068	2.068	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Phan Văn Quyết đến nhà ông Nguyễn Văn Minh ấp Thuận Hải (từ thửa đất số 189,197 đến thửa số 70, 187 tờ bản đồ số 64)	89/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	658	658	UBND xã Thuận lợi
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Hữu Tài đến nhà bà Lê Thị Thuý ấp Thuận Hải (từ thửa đất số 02,03 đến thửa số 137,208 tờ bản đồ số 64)	88/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	1.410	1.410	UBND xã Thuận lợi
III	Xã Đồng Tiến		1.923	1.923	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Quý đến nhà ông Thuý, đội 6 ấp Suối Bình (đầu tuyến thửa số 281 cuối tuyến thửa số 226, tờ bản đồ số 57)	58/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	158	158	UBND Xã Đồng Tâm
2	Xây dựng đường BTXM Đội 4, ấp 5 (đầu tuyến thửa số 01 cuối tuyến thửa số 55, tờ bản đồ số 50)	62/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	613	613	UBND Xã Đồng Tâm
3	Xây dựng đường BTXM Đội 1, ấp 5 (đầu tuyến thửa số 18, tờ bản đồ số 40 cuối tuyến thửa số 13, tờ bản đồ số 37)	60/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	669	669	UBND Xã Đồng Tâm
4	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Dũng đến nhà ông Ngọc Đội 6, ấp Suối Bình (đầu tuyến thửa số 39 cuối tuyến thửa số 48, tờ bản đồ số 47)	59/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	334	334	UBND Xã Đồng Tâm
5	Xây dựng đường BTXM nối dài Đội 7, ấp Suối Đồi (đầu tuyến thửa số 66 cuối tuyến thửa số 38, tờ bản đồ số 70)	61/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	149	149	UBND Xã Đồng Tâm
IV	Xã Đồng Tâm		1.365	1.365	
1	Xây dựng đường BTXM nối tiếp từ đường BTXM nhà ông Tiến đến nhà ông Hiếu (từ thửa số 61 đến thửa số 73, tờ bản đồ số 52)	79/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	561	561	UBND Xã Đồng Tâm
2	Xây dựng đường BTXM từ Quốc lộ 14 đến đất nhà ông Nguyễn Văn Sơn giáp Suối (từ thửa số 35 đến thửa số 15, tờ bản đồ số 62)	80/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	486	486	UBND Xã Đồng Tâm
3	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba ông Hoàng Thế Nhân đến nhà ông Nguyễn Văn Chương (từ thửa số 24 đến thửa số 20, tờ bản đồ số 62)	78/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	318	318	UBND Xã Đồng Tâm
V	Xã Tân Lập		4.380	4.380	
1	Xây dựng đường BTXM từ đường tổ 9 ấp 2 đến khu dân cư ấp 1 (đầu tuyến thửa đất số 61, tờ bản đồ số 48 đến điểm cuối tuyến thửa đất số 6 tờ bản đồ số 58).	106/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	1.435	1.435	UBND xã Đồng Phú
2	Xây dựng đường BTXM từ đường tổ 17 ấp 9 nối dài đến tuyến đường số 1 (đầu tuyến thửa 38, tờ bản đồ số 39 đến điểm cuối tuyến thửa 70, tờ bản đồ số 49)	107/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	1.830	1.830	UBND xã Đồng Phú
3	Xây dựng đường BTXM đầu nối từ đường tổ 17 ấp 9 (Thửa số 75, 79, 46, 40, 113, 41; tờ bản đồ số 49).	103/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	437	437	UBND xã Đồng Phú
4	Xây dựng đường BTXM đầu nối với đường Đ10 ấp 4 (Thửa số 1, 2, 3; tờ bản đồ số 42)	104/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	501	501	UBND xã Đồng Phú
5	Xây dựng đường BTXM đầu nối với đường tổ 47 ấp 4 (Thửa số 10, tờ bản đồ số 23)	105/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	177	177	UBND xã Đồng Phú
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		21.078	21.078	
a	Trước ngày 30/6/2025		8.308	8.308	
I	UBND xã Thuận Phú		3.487	3.487	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Bùi Thị Thương đến nhà ông Nguyễn Công Thanh (Điểm đầu từ thửa đất số 383 đến thửa 446, tờ bản đồ số 28)	64/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	39	39	UBND xã Thuận Lợi
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Văn Tịnh đến đất ông Khánh, ấp Bù Xăng (có 850 m nằm trong phạm vi đất của kênh thủy lợi); (Điểm đầu từ thửa số 118 tờ bản đồ số 50 đến thửa số 94 tờ bản đồ số 23)	65/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	2.207	2.207	UBND xã Thuận Lợi

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
3	Xây dựng đường BTXM từ đường nhựa liên ấp Thuận Hải đến nhà ông Phạm Văn Tạo (Điểm đầu từ thửa 43 đến thửa 218, tờ bản đồ số 52).	66/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	45	45	UBND xã Thuận Lợi
4	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Đoàn Thị Diễm đến nhà bà Nguyễn Thị Lệ ấp Đồng Búa (Điểm đầu từ thửa số 260, 273 đến thửa số 286, tờ bản đồ số 4)	67/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	339	339	UBND xã Thuận Lợi
5	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Hữu Đạo đến đất ông Lê Duy Huân, ấp Bù Xăng (Điểm đầu từ thửa số 178 đến thửa số 114, tờ bản đồ số 29)	68/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	291	291	UBND xã Thuận Lợi
6	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Quý Hà đến đất nhà bà Nguyễn Thị Từ, ấp Thuận Hải (Điểm đầu từ thửa số 61 đến thửa số 44, tờ bản đồ số 64-TĐ)	69/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	566	566	UBND xã Thuận Lợi
II	UBND xã Đồng Tâm		570	570	
1	Xây dựng đường BTXM ấp 4 từ nhà ông Chiêm Tôn Hàng đến rẫy ông Đặng Văn Muộn (Điểm đầu từ thửa số 235 tờ bản đồ số 63 điểm cuối thửa số 212 tờ bản đồ số 63)	53/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	237	237	UBND xã Đồng Tâm
2	Xây dựng đường BTXM ấp 1 từ nhà ông Đàm Văn Toàn đến nhà ông Mai Văn Luận (Điểm đầu từ thửa số 134 tờ bản đồ số 22 điểm cuối thửa số 21 tờ bản đồ số 22)	54/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	332	332	UBND xã Đồng Tâm
III	UBND xã Tân Tiến		538	538	
1	Mở rộng 2 bên đường BTXM tổ 9 ấp Minh Hòa (Điểm đầu từ thửa số 20 tờ bản đồ số 59 điểm cuối thửa số 98 tờ bản đồ số 56)	71/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	269	269	UBND xã Đồng Phú
2	Mở rộng 2 bên đường BTXM tổ 19 ấp Minh Tân (Điểm đầu từ thửa số 60 tờ bản đồ số 57 điểm cuối thửa số 290 tờ bản đồ số 54)	72/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	269	269	UBND xã Đồng Phú
IV	UBND xã Đồng Tiến		1.317	1.317	
1	Xây dựng đường BTXM đường đội 1, ấp 6 (Điểm đầu từ thửa số 11 tờ bản đồ số 51 điểm cuối thửa số 04 tờ bản đồ số 43)	89/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	931	931	UBND xã Đồng Phú
2	Xây dựng đường BTXM nối dài đường đội 1, ấp 5 nối dài (Điểm đầu từ thửa số 40, tờ bản đồ số 9 điểm cuối thửa số 28 tờ bản đồ số 37)	90/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	386	386	UBND xã Đồng Phú
V	UBND xã Tân Hưng		838	838	
1	Xây dựng đường BTXM đi nhà ông Trịnh Văn Hòa, ấp Cây Cày (Điểm đầu từ thửa số 355 tờ bản đồ số 6 điểm cuối thửa số 357 tờ bản đồ số 6)	90/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	838	838	UBND xã Tân Lợi
VI	UBND xã Thuận Lợi		1.110	1.110	
1	Mở rộng 2 bên đường tổ 2, ấp Thuận Bình (từ thửa số 42 tờ bản đồ số 50 điểm cuối thửa số 113 tờ bản đồ số 41)	144/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	486	486	UBND xã Thuận Lợi
2	Xây dựng sân BTXM và đường BTXM đấu nối vào nhà Văn hóa ấp Thuận Thành 2 (Tờ bản đồ 96, Thửa số 57)	110/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	159	159	UBND xã Thuận Lợi
3	Xây dựng đường BTXM tổ 7, ấp Thuận Tiến (từ thửa số 28,2,50,129, tờ bản đồ số 63,55,46)	145/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	465	465	UBND xã Thuận Lợi
VII	UBND xã Tân Lập		449	449	
1	Xây dựng đường BTXM Tổ 19, ấp 5 (Điểm đầu từ thửa số 02 tờ bản đồ số 34 điểm cuối thửa số 12 tờ bản đồ số 34)	86/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	378	378	UBND xã Đồng Phú
2	Xây dựng đường BTXM ấp 4 từ nhà ông Nguyễn Văn Bình đến nhà ông Nguyễn Trọng Quyền (Điểm đầu từ thửa số 17 tờ bản đồ số 33 điểm cuối thửa số 24 tờ bản đồ số 33)	110/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	70	70	UBND xã Đồng Phú
b	Sau ngày 30/6/2025		12.770	12.770	
I	UBND xã Thuận Phú NTM nâng cao		6.000	6.000	
1	Mở rộng đường từ trung tâm xã đi Thạch Màng (đoạn từ ngã ba Đồng Bia đến ngã ba đường Ba Phương Út Linh)	1476/QĐ-UBND ngày 16/5/2025	6.000	6.000	UBND xã Tân Lợi
II	UBND xã Thuận Phú NTM kiểu mẫu		6.770	6.770	

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
1	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường Thuận Phú 1 từ ngã ba nhà thờ đến hộ bà Nguyễn Thị Ninh	1612/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	938	938	UBND xã Thuận Lợi
2	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT ấp Đồng Búa từ DT758 - trại gà Hùng Nhon đến ngã ba nhà văn hóa	1613/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	2.906	2.906	UBND xã Thuận Lợi
3	Xây dựng Công viên tượng đài xã Thuận Phú	1614/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	2.926	2.926	UBND xã Thuận Lợi
B2	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG		67	67	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		67	67	
	NĂM 2023		67	67	
2	8065262 - Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho các hộ đồng bào DTTS xã Tân Hưng - UBND xã Tân Hưng	4504/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	15	15	UBND xã Tân Lợi
3	8067350 - Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS năm 2023 đợt 1: Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh cho các DTTS - UBND xã Thuận Lợi	4504/QĐ-UBND ngày 23/11/2024	45	45	UBND xã Thuận Lợi
4	8067351 - Chương trình MTQG dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt các hộ DTTS xã Thuận Lợi - UBND xã Thuận Lợi	4504/QĐ-UBND ngày 23/11/2025	7	7	UBND xã Thuận Lợi
	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI		844	844	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		844	844	
2	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		660	660	UBND xã Thuận Lợi, Đồng Tâm
1	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		184	184	
1.1	Xây mới nhà ở	3105/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	184	184	
-	Xây mới nhà ở		92	92	UBND xã Đồng Tâm
-	Xây mới nhà ở		46	46	UBND xã Đồng Tâm
-	Xây mới nhà ở		46	46	UBND xã Thuận Lợi
G	HUYỆN HÓN QUẢN		1.366.947	1.300.962	-
G1	KHỐI HUYỆN		1.064.485	701.479	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		406.285	312.143	-
1	Xây dựng trường mầm non Tân Quan, xã Tân Quan	1830/QĐ-UBND ngày 13/10/2019	9.985	1.650	Ban Quản lý dự án khu vực Hón Quản
2	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Phước An, xã Phước An	1865/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	3.500	1.100	Ban Quản lý dự án khu vực Hón Quản
3	Xây dựng khối hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Tân Quan, xã Tân Quan	1829/QĐ-UBND ngày 23/10/2019	4.700	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hón Quản
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường Pitch, sân tập thể dục, nhà kho và bếp	3964/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	2.850	2.600	Ban Quản lý dự án khu vực Hón Quản
5	Đường nhựa ấp Núi Gió, xã Tân Lợi kết nối Thị xã Bình Long	2209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	6.000	5.400	Ban Quản lý dự án khu vực Hón Quản

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
6	Xây dựng các tuyến đường D1, D3, N1, N2 và san nền khu 1,2 ấp 2 Đồng Nơ	1459/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	12.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
7	Xây dựng đường Bắc Nam 4, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2201/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	4.500	4.100	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
8	Xây dựng đường Bắc Nam 4A, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2202/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	3.700	3.350	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
9	Xây dựng đường Bắc Nam 4B, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2203/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	3.700	3.250	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
10	Xây dựng đường Bắc Nam 5, đoạn từ trục chính Đông Tây đến Đông Tây 7, khu TTHC huyện	2204/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	8.500	7.600	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
11	Nâng cấp đoạn đường DH Minh Đức - Đồng Nơ, đoạn từ ngã ba Bưư điện đến dốc Hương Cường dài 1,8km	4803/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	11.000	7.700	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
12	Láng nhựa đường Sóc Ruộng xã Tân Quan	3338/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	7.600	7.600	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
13	Nâng cấp đường từ ĐT 756 – Thuận An – Sóc Dầm – Địa Hạt, xã Thanh An	822/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	18.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
14	Xây dựng các tuyến đường D2, N3, N4 KDC ấp 2, xã Đồng Nơ	4496/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	7.600	6.900	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
15	Nâng cấp đường ĐT 757 – Thanh Sơn, xã Thanh An	824/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	8.000	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
16	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ngã 5 đi qua Cầu Đức	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	10.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
17	Gia cố cống và mương thoát nước tại KM7+928 trên tuyến đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	38/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	2.400	1.800	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
18	Nâng cấp, sửa chữa đường từ QL13 đi Phước An, huyện Hớn Quản	5876/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	23.000	21.125	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
19	Xây Dựng Đường Ranh Xã Minh Tâm, Huyện Hớn Quản Với Phường Hưng Chiến, Tx. Bình Long	1299/QĐ-UBND ngày 4/10/2022	22.000	19.400	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
20	Nâng cấp đường Bắc Nam 3 (Đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 11)	1600/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	14.900	12.400	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
21	Nâng cấp đường Đông Tây 1 (Đoạn từ Quốc lộ 13 đến giao đường ĐT 756C)	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	14.500	11.100	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
22	Nâng cấp đường Đông Tây 4 (Đoạn từ Bắc Nam 1 đến đường Bắc Nam 7)	1599/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	14.500	12.300	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
23	Xây dựng mương, kè, cống ngang đường từ ngã 5, xã Tân Hưng đi hướng cầu Đức, xã Phước An	1602/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	14.000	12.800	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
24	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ấp Đồng Tân đi ấp Chà Lon, xã Minh Đức	1604/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	14.800	13.300	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
25	Nâng cấp đường Bắc Nam 1 (Đoạn từ Đông Tây 1 đến trục chính Đông Tây), Bắc Nam 2 (đoạn từ Đông Tây 1 đến Đông Tây 7)	1598/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	14.800	12.400	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
26	Nâng cấp đường Đông Tây 3 (Đoạn từ QL 13 đến đường trục chính Bắc Nam), Đông Tây 4A, Đông Tây 5A, Đông Tây 6, Đông Tây 6A	1601/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	14.900	12.100	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
27	Đầu tư hệ thống đèn tín hiệu giao thông TTHC huyện	09/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	5.800	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
28	Xây dựng 06 phòng chức năng Trường TH&THCS An Phú	3330/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	5.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
29	Xây dựng bếp ăn, hàng rào, sân bê tông và làm mái che trường MN Minh Tâm	2207/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.000	1.600	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
30	Xây dựng 04 phòng học Trường MN Tân Hiệp	3334/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	3.600	2.800	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
31	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Tân Hưng	3333/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	13.500	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
32	Xây dựng 08 phòng học và nâng cấp sân bê tông trường THCS Đồng Nơ	3332/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	7.100	5.600	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
33	XD 12 phòng học trường TH&THCS Minh Đức	5917/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	13.500	11.500	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
34	XD Trường Mầm non Minh Đức	5916/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	22.000	17.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
35	Xây dựng 06 phòng hiệu bộ + 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Thanh Bình	5752/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	5.700	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
36	Xây dựng 12 phòng học Trường TH Trà Thanh	5877/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	13.500	12.500	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
37	Xây dựng 04 phòng học Trường Mầm non Tân Lợi	55/NQ-HĐND ngày 17/12/2021	3.500	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
38	Xây dựng 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Tân Hiệp	55/NQ-HĐND ngày 17/12/2021	1.600	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
39	Xây dựng 05 phòng hiệu bộ Trường THCS Tân Hưng	55/NQ-HĐND ngày 17/12/2021	3.500	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
40	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Thanh Bình	792/QĐ-UBND ngày 7/5/2021	3.200	350	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
41	XD mương thoát nước, sân bê tông trường THCS Đồng Nơ	23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	2.200	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
42	Đầu tư trang thiết bị cho các trường học	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	1.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
43	Đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng tiêu chuẩn về trường chuẩn quốc gia		3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
44	Xây dựng mở rộng Trụ sở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (bộ phận một cửa)	3308/QĐ-UBND ngày 9/7/2021	6.800	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
45	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Thanh Bình	3329/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	3.000	2.268	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
46	Nâng cấp, sửa chữa Nghĩa trang Liệt sỹ huyện (đối ứng ngân sách huyện)		450	450	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
47	Xây dựng nhà ở DQTT huyện, nhà xe, nhà trực ban nội vụ và tiếp công dân	09/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.400	3.600	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
48	Đầu tư trang thiết bị các phòng họp trực tuyến và Hội trường UBND huyện	09/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.000	3.500	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
49	Vùng lõi căn cứ hậu cần - kỹ thuật huyện Hớn Quản	30/NQ-HĐND ngày 9/11/2023	6.500	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		289.200	205.930	
	Trước ngày 30/6/2025		121.700	90.112	
1	Xây dựng cổng, hàng rào và nhà ở doanh trại cho công an xã Minh Tâm, Phước An	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	4.900	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
2	Sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế các xã: Tân Hiệp, Tân Lợi và Thanh An, huyện Hớn Quản	15/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	3.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
3	Xây dựng Trường THCS Tân Khai	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	70.000	61.112	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
4	XD 08 phòng học trường MN Thanh An	23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	13.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
5	XD 04 phòng học + 06 phòng bộ môn trường TH Thanh An	23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	14.800	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
6	Xây dựng 10 phòng học Trường TH&THCS Tân Hiệp.	23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	12.500	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
7	Nâng cấp tuyến đường QL13 vào Trung tâm y tế huyện Hớn Quản	25/NQ-HĐND ngày 12/11/2024	3.500	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
	Sau ngày 30/6/2025		167.500	115.818	
1	Xây dựng đường Đông Tây 9	4497/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	18.000	7.978	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
2	Xây Dựng Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn Từ Đông Tây 7 Đến Đông Tây 10)	1296/QĐ-UBND ngày 4/10/2022	44.000	32.800	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
3	Xây dựng 08 phòng bộ môn và các phòng chức năng, hành chính quản trị trường THCS Thanh An, xã Thanh An.	38/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	21.000	14.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
4	Xây dựng 08 phòng học + 08 phòng chức năng, bộ môn Trường Tiểu học Tân Khai B, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	23.400	16.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
5	Xây dựng 08 phòng học Trường Mầm non Tân Khai, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	14.100	11.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
6	Xây dựng 12 phòng học, bộ môn Trường Tiểu học Tân Hưng B, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	14.900	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
7	Xây dựng Hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện trung hạ thế khu U,V,X,Y của TTHC huyện	24/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	8.400	4.900	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
8	Xây dựng hệ thống điện KDC ấp 2 xã Đồng Nơ	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	11.000	8.500	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
9	Xây dựng 04 phòng học + tường rào + sân chơi trường MN Tân Lợi	3335/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	4.500	2.940	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
10	Xây dựng công hàng rào TTVH huyện	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	8.200	5.700	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành sau năm 2025		256.300	139.200	
1	Nâng cấp, xây dựng đường và cầu Bù Dinh – Thanh Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	85.000	65.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
2	Xây dựng đường từ Trung tâm xã An Phú kết nối với đường phía Tây Quốc lộ 13 (hướng đi cụm công nghiệp Đại Tân).	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	60.000	25.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
3	Nâng cấp, kiên cố hóa suối Xa Cát	10/NQ-HĐND ngày 29/5/2024	22.000	14.700	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
4	Trung tâm văn hóa TDTT huyện Hớn Quản (đối ứng ngân sách huyện)	2487 ngày 30/10/2018	22.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
5	Chốt chiến đấu dân quân An Phú	31/NQ-HĐND ngày 13/12/2024	2.600	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
6	Chốt chiến đấu dân quân Minh Tâm	31/NQ-HĐND ngày 13/12/2025	4.900	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
7	XD các hạng mục phụ trợ Trường MN Minh Đức	528/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	6.500	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
8	XD 06 phòng học + sửa chữa khối hiệu bộ và các khối phòng học cũ Trường MN Tân Hưng	527/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	11.300	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
9	XD 16 phòng học bộ môn Trường TH Tân Hưng A	530/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	23.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
10	XD 14 phòng học, bộ môn Trường TH Đồng Nơ	529/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	19.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		112.700	44.206	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		112.700	44.206	
1	Nâng cấp đường từ ĐT 756 – Thuận An – Sóc Dầm – Địa Hạt, xã Thanh An	822/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	18.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
2	Nâng cấp đường ĐT 757 – Thanh Sơn, xã Thanh An	824/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	8.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
3	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ngã 5 đi qua ấp Hưng Phát	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	15.000	12.500	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
4	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ngã 5 đi qua Cầu Đức	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	10.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
5	Xây dựng 04 phòng học và nâng cấp nhà vệ sinh trường TH&THCS An Phú	3856/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	2.600	2.100	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
6	Xây dựng 06 phòng chức năng Trường TH&THCS An Phú	3330/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	5.000	1.100	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
7	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Thanh Bình	792/QĐ-UBND ngày 7/5/2021	3.200	2.100	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
8	XD 08 phòng học trường MN Thanh An	23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	13.000	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
9	XD 04 phòng học + 06 phòng bộ môn trường TH Thanh An	23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	14.800	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
10	Xây dựng 08 phòng bộ môn và các phòng chức năng, hành chính quản trị trường THCS Thanh An, xã Thanh An.	38/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	21.000	3.406	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
11	Cải tạo khuôn viên trước nhà bia ghi danh Liệt sỹ	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	2.100	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản
G2	KHOÍ XÃ		302.462	599.483	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		197.600	417.286	
1	Đường liên xã từ ấp Sóc Dầy xã Phước An đi cầu Xe Be thị trấn Tân Khai	86/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	5.000	3.000	UBND xã Tân Quan
2	Xây dựng hệ thống thoát nước đường nhựa trước UBND xã An Phú	3314/QĐ-UBND ngày 9/7/2021	2.000	2.000	UBND xã Minh Đức
3	Láng nhựa đường từ ấp 1 đi ngã ba ấp 3, xã Minh Tâm	2215/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	6.000	1.100	UBND xã Minh Đức
4	Láng nhựa đường ấp 3, xã Minh Tâm đi phường Hưng Chiến - thị xã Bình Long	2214/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	6.300	1.100	UBND xã Minh Đức
5	Láng nhựa đường nhựa từ ngã ba Sóc Vàng đi cầu thanh niên ấp 4	2155/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	6.000	1.100	UBND xã Minh Đức
6	Hạ tầng KDC xã Tân Lợi (đường sỏi đỏ)	2158/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	2.000	1.800	UBND xã Tân Quan
7	Hạ tầng KDC Xa Trạch (đường sỏi đỏ) xã Thanh Bình	2211/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	3.000	2.700	Phường Bình Long
8	Láng nhựa đường từ trục chính khu phố 6 thị trấn Tân Khai đến ranh ấp 1, xã Đồng Nơ	2199/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	7.500	6.800	UBND xã Tân Khai
9	Láng nhựa đường từ QL13 thị trấn Tân Khai đến cầu Xe Be ranh xã Phước An	2212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	6.500	6.000	UBND xã Tân Khai
10	Xây dựng đường nhựa từ ấp Bình Phú đi Sóc Rul, xã An Phú	3313/QĐ-UBND ngày 9/7/2021	7.600	5.600	UBND xã Minh Đức
11	Đường nhựa từ ấp 2 xã (đốc Hương Cường) đi Chà Lon - Đồng Nơ	4801/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	10.600	2.300	UBND xã Minh Đức
12	Làm mới đường nhựa đường huyện Minh Đức – Đồng Nơ (đoạn từ đốc vào trại heo Hòa Phước), dài 1,5km	4802/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	6.400	1.200	UBND xã Minh Đức
13	Đường nhựa từ ngã 4 ĐH. Minh Đức – Đồng Nơ đi ngã 3 Sóc Ruộng – Sóc Lộc Khê, dài 1,3km	4800/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	5.600	1.400	UBND xã Minh Đức
14	Nâng cấp đường vào mỏ cát xã Tân Hiệp	3312/QĐ-UBND ngày 9/7/2021	5.700	5.200	UBND xã Tân Khai
15	Nâng cấp đường sỏi đỏ vào Sóc Xoài Nhỏ, ấp Hưng Phát, xã Tân Hưng	3311/QĐ-UBND ngày 9/7/2021	3.600	2.500	UBND xã Tân Hưng
16	Xây dựng đường tổ 11,12 khu vườn ươm ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản	4798/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	8.000	7.200	UBND xã Tân Hưng
17	Xây dựng đường An Quý - Xa Cô, xã Thanh An	4799/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	10.000	7.000	UBND xã Tân Hưng
18	Xây kè mương tuyến đường nhựa ĐT 756 nối ĐT 758 ấp Hưng Yên	5871/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	2.400	2.200	UBND xã Tân Hưng
19	Xây dựng đường Trường An - Sóc Dầy xã Phước An	09/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	5.700	4.500	UBND xã Tân Quan
20	Láng nhựa đường KP 1, KP 2 đoạn từ Ngã tư Quốc tế TT Tân Khai	990/QĐ-UBND ngày 4/8/2022	16.500	9.600	UBND xã Tân Khai
21	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân KP Tàu Ô thành nghĩa trang TT Tân Khai (giai đoạn 1)	996/QĐ-UBND ngày 4/8/2022	5.600	3.800	UBND xã Tân Khai
22	Xây Dựng Đường Vào Suối Ba Tòng, Xã Đồng Nơ (kết nối xã Minh Hưng)	1293/QĐ-UBND ngày 4/10/2022	5.000	2.200	UBND xã Tân Khai
23	Xây Dựng Đường từ ấp Sờ Xiêm, xã Tân Hưng kết nối đường Tân Hưng - Long Tân	1292/QĐ-UBND ngày 4/10/2022	15.000	13.500	UBND xã Tân Hưng
24	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 2, Khu phố 2, Thị trấn Tân Khai, tuyến 1	1280/QĐ-UBND ngày 3/10/2022	4.900	3.400	UBND xã Tân Khai

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
25	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 2, Khu phố 2, Thị trấn Tân Khai, tuyến 2	1281/QĐ-UBND ngày 3/10/2022	4.900	3.400	UBND xã Tân Khai
26	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 8, Khu phố 1, Thị trấn Tân Khai, tuyến 1	1282/QĐ-UBND ngày 3/10/2022	4.900	3.400	UBND xã Tân Khai
27	Xây Dựng Đường Ấp 2 -Sóc Vàng, Xã Minh Tâm Nối Ấp Sóc Rul, Xã An Phú	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	9.000	4.000	UBND xã Minh Đức
28	Xây dựng đường từ Trường THCS Minh Đức đến nông trường cao su Bình Minh	1274/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	6.000	1.100	UBND xã Minh Đức
29	Xây dựng đường Đông Tây 11, giai đoạn 1 (đoạn từ QL13 đến đường Bắc Nam 3)	25/NQ-HĐND ngày 12/11/2024	1.700	1.500	UBND xã Tân Khai
30	Sửa chữa 05 phòng học và xây mới nhà vệ sinh giáo viên trường TH&THCS Minh Tâm	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	500	450	UBND xã Minh Đức
31	Xây dựng hàng rào điểm lẻ trường TH Minh Tâm	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	400	350	UBND xã Minh Đức
32	Xây dựng nhà văn hóa ấp Hưng Lập B, xã Tân Hưng	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	750	700	UBND xã Tân Hưng
33	Xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa xã Minh Đức	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	3.000	3.000	UBND xã Minh Đức
34	Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa trên địa bàn xã Thanh An)	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	3.000	3.000	UBND xã Tân Hưng
35	Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của UBND xã Tân Hưng (Xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa trên địa bàn xã Tân Hưng)	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	3.000	3.000	UBND xã Tân Hưng
36	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa ấp 23 Lớn, xã Phước An	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	750	500	UBND xã Tân Quan
37	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, hội trường UBND xã Minh Đức và mua sắm trang thiết bị	4825/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	1.500	1.500	UBND xã Minh Đức
38	Cải tạo sân nội bộ, nhà bảo vệ và nhà xe UBND xã Thanh Bình	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	1.150	900	Phường Bình Long
39	Sửa chữa trạm y tế xã Tân Hưng		150	150	UBND xã Tân Hưng
40	Vốn chuẩn bị đầu tư các công trình giai đoạn 2021-2025			9.580	UBND phường Chơn Thành
41	Vốn tắt toán các công trình đã quyết toán hoàn thành			71.914	UBND phường Chơn Thành
42	Vốn phân cấp xã xây dựng các công trình, đường GTNT			180.051	UBND phường Chơn Thành
43	Dự phòng			31.591	UBND phường Chơn Thành
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		5.000	5.000	
	Trước ngày 30/6/2025		5.000	5.000	
1	Vốn phân cấp xã Đồng Nơ, Tân Lợi đầu tư công trình (2025)		5.000	5.000	UBND xã Tân Quan
	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		99.862	177.197	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		99.862	160.873	
1	Xây dựng mương thoát nước khu định canh định cư ấp Tăng Hách, xã An Phú	2216/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.650	1.500	UBND xã Minh Đức
2	Đường nhựa trước UBND xã An Phú	2213/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	4.000	3.600	UBND xã Minh Đức
3	Láng nhựa đường từ ấp 1 đi ngã ba ấp 3, xã Minh Tâm	2215/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	6.000	4.200	UBND xã Minh Đức
4	Láng nhựa đường ấp 3, xã Minh Tâm đi phường Hưng Chiến - thị xã Bình Long	2214/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	6.300	4.200	UBND xã Minh Đức
5	Láng nhựa đường nhựa từ ngã ba Sóc Vàng đi cầu thanh niên ấp 4	2155/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	6.000	4.200	UBND xã Minh Đức
6	Xây dựng đường nhựa từ ấp Bình Phú đi Sóc Rul, xã An Phú	3313/QĐ-UBND ngày 9/7/2021	7.600	1.000	UBND xã Minh Đức

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
7	Đường nhựa từ ấp 2 xã (đốc Hương Cường) đi Chà Lon - Đồng Nơ	4801/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	10.600	7.200	UBND xã Minh Đức
8	Làm mới đường nhựa đường huyện Minh Đức – Đồng Nơ (đoạn từ dốc vào trại heo Hòa Phước), dài 1,5km	4802/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	6.400	4.500	UBND xã Minh Đức
9	Đường nhựa từ ngã 4 ĐH. Minh Đức – Đồng Nơ đi ngã 3 Sóc Ruộng – Sóc Lộc Khê, dài 1,3km	4800/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	5.600	3.300	UBND xã Minh Đức
10	Xây dựng đường nhựa từ Trung tâm xã đi ấp 4 - xã Đồng Nơ	09/NQ-HĐND ngày 29/7/2022	4.800	3.500	UBND xã Tân Khai
11	Xây Dựng Đường Vào Suối Ba Tòng, Xã Đồng Nơ (kết nối xã Minh Hưng)	1293/QĐ-UBND ngày 4/10/2022	5.000	1.300	UBND xã Tân Khai
12	Nâng cấp, sửa chữa khăn cấp cống ngang đường tổ 13, ấp 1A, xã Minh Đức	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	1.100	1.000	UBND xã Minh Đức
13	Xây Dựng Đường Ấp 2 -Sóc Vàng, Xã Minh Tâm Nối Ấp Sóc Rul, Xã An Phú	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	9.000	3.119	UBND xã Minh Đức
14	Xây dựng mương thoát nước bên trái đường nhựa trước UBND xã An Phú	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	3.200	3.200	UBND xã Minh Đức
15	Nâng cấp, mở rộng đường và xây mương đường vào Trường MN, THCS, trạm y tế xã An Phú	21/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	1.800	1.719	UBND xã Minh Đức
16	Xây dựng đường từ Trường THCS Minh Đức đến nông trường cao su Bình Minh	1274/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	6.000	3.085	UBND xã Minh Đức
17	Nâng cấp, sửa chữa cầu Sóc Ứng, ấp Sóc Quả xã Tân Hưng	30/NQ-HĐND ngày 9/11/2023	1.800	1.412	UBND xã Tân Hưng
18	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã An Phú (nhà văn hóa ấp Tăng Hách, Phố Lố, Sóc Rul, An Tân)	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	1.000	800	UBND xã Minh Đức
19	Xây dựng nhà văn hóa ấp Bình Phú	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	750	700	UBND xã Minh Đức
20	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Minh Tâm (nhà văn hóa ấp 1,2, sóc 5, sóc 6, sóc vàng)	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	1.200	1.000	UBND xã Minh Đức
21	Xây dựng nhà văn hóa ấp 4 xã Minh Tâm	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	750	700	UBND xã Minh Đức
22	Xây dựng nhà văn hóa ấp 3 xã Minh Tâm	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	750	700	UBND xã Minh Đức
23	XD nhà văn hóa, công nhà văn hóa ấp Sờ Nhi	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	785	785	UBND Phường Bình Long
24	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa sóc 5 xã Minh Tâm	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	300	230	UBND xã Minh Đức
25	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Thanh Bình (nhà văn hóa ấp Đông Phát, Sóc Răng, Chà Là, Xa Cát) và mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	512	512	UBND Phường Bình Long
26	Xây dựng hàng rào nhà văn hóa sóc 6, sân BTXM nhà văn hóa ấp 3, công nhà văn hóa ấp 1, xã Minh Tâm		400	370	UBND xã Minh Đức
27	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Thanh Bình	3329/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	3.000	438	UBND Phường Bình Long
28	Nâng cấp, sửa chữa hội trường UBND xã An Phú	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	1.100	1.000	UBND xã Minh Đức
29	Nâng cấp, sửa chữa hội trường và mua sắm trang thiết bị xã Minh Tâm	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	1.200	1.200	UBND xã Minh Đức
30	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Thanh Bình và mua sắm máy vi tính	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	195	195	UBND Phường Bình Long
31	XD nhà làm việc Công an xã Thanh Bình	20/NQ-HĐND ngày 5/7/2021	970	970	UBND Phường Bình Long
32	Sửa chữa trạm y tế xã Minh Đức		100	100	UBND xã Minh Đức
33	Vốn phân cấp xã xây dựng các công trình, đường GTNT			50.188	UBND Phường Bình Long

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
34	Vốn phân cấp xã đầu tư xây dựng NTM, NTM nâng cao			48.950	UBND Phường Bình Long
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG			2.396	
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐB DTTS VÀ MN			13.928	
H	HUYỆN BÙ GIA MẬP		1.119.977	988.242	
H1	KHỐI HUYỆN		841.670	760.700	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		261.397	237.410	0
1	Xây dựng 08 phòng lầu trường Tiểu học Kim Đồng, xã Phú Nghĩa	2266/QĐ-UBND ngày 12/11/2020	4.909	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
2	Xây dựng 8 phòng lầu trường THCS Lý Thường Kiệt, xã Phú Văn	2260/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	4.917	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
3	Xây dựng 08 phòng lầu trường Tiểu học Nguyễn Huệ, xã Đức Hạnh	2262/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	5.000	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
4	Xây dựng 08 phòng lầu trường THCS Nguyễn Trãi, xã Đức Hạnh	863/QĐ-UBND ngày 21/05/2021	4.609	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
5	Xây dựng 08 phòng lầu trường Tiểu học Đa Kia A	2435/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	4.945	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
6	Xây dựng 18 phòng lầu trường Tiểu học Đa Kia B	2225/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	11.496	10.350	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
7	Xây dựng 08 phòng lầu và xây dựng 01 phòng đa chức năng trường Tiểu học Bình Thắng A	2444/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	8.610	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
8	Xây dựng 08 phòng lầu trường Tiểu học Lê Lợi, xã Phước Minh	2437/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	4.953	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
9	Xây dựng 08 phòng học trường Mầm non Hòa Mĩ, xã Phước Minh	2265/QĐ-UBND ngày 12/11/2020	6.000	5.400	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
10	Xây dựng 08 phòng học lầu trường THCS Phước Minh	2259/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	4.659	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
11	Xây dựng 08 phòng lầu trường THCS Lý Thường Kiệt	2256/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	5.600	5.040	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
12	Xây dựng 08 phòng lầu trường TH Nguyễn Huệ	2257/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	5.600	5.040	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
13	Xây dựng 04 phòng lầu trường THCS ĐaKia	2258/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	2.800	2.520	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
14	Xây dựng 06 phòng trường TH Bình Thắng B (02 phòng điểm thôn 8, 04 phòng lầu điểm suối thơm)	2250/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	4.200	3.780	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
15	Xây dựng 08 phòng trường TH Lê Lợi, xã Phước Minh (06 phòng lầu điểm Bình Giai, 02 phòng điểm Bình Tiến 1)	2259/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	5.600	5.040	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
16	Xây dựng nhà đa năng trường Tiểu học Đăk Ô	2251/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	2.800	2.520	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
17	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Đăk Ô	493/QĐ-UBND ngày 31/03/2023	2.759	2.520	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
18	Xây dựng 06 phòng học bộ môn, nhà đa năng trường Tiểu học Phú Nghĩa	1078/QĐ-UBND ngày 01/07/2022	7.000	6.300	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
19	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Lý Thường Kiệt	2252/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	2.800	2.520	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
20	Xây dựng nhà đa năng trường Tiểu học Đa Kia B	240/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	2.731	2.520	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
21	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Đa Kia	2253/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	2.800	2.520	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
22	Xây dựng nhà đa năng trường TH Bình Thắng B	02/NQ-HĐND ngày 05/5/2022	2.800	2.520	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
23	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Bình Thắng	1058/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	5.000	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
24	Xây dựng nhà đa năng trường Tiểu học Lê Lợi	1082/QĐ-UBND ngày 01/07/2022	2.800	2.520	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
25	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Phước Minh	02/NQ-HĐND ngày 05/5/2022	2.800	2.520	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
26	Xây dựng cầu thôn 6 xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập	2439/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	9.005	8.200	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
27	Xây dựng Cầu suối đá đường ĐH 04, thôn Đăk U, xã Đăk Ô	2440/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	5.928	5.400	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
28	Xây dựng cầu Đăk Sơn I, xã Phú Nghĩa	2441/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	7.839	7.200	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
29	Xây dựng nhà văn hoá thôn bù ka, xã Đắc ơ	513/QĐ-UBND ngày 28/11/2024			Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
30	Xây dựng công viên văn hoá xã Đắc ơ	95/QĐ-UBND ngày 20/03/2025			Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
31	Xây Dựng 8 phòng lầu trường TH Đa kia A	2577/QĐ-UBND ngày 20/12/2024			Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
32	xây dựng 10 phòng lầu trường TH Phú Nghĩa	224/QĐ-UBND ngày 17/02/2025			Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
33	Chưa phân khai các công trình đã QT				Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
34	Xây dựng 12 phòng lầu trường TH Đa Kia B	2255/QĐ-UBND ngày 28/12/2022			Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
35	Láng nhựa đường GTNT thôn Bình Giai, xã Phước Minh (PM-20)	2335/QĐ-UBND ngày 23/07/2024	8.848	8.100	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
36	Xây dựng đường, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Trường TH Phú Nghĩa	846/QĐ-UBND ngày 19/05/2021	6.000	5.400	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
37	Nâng cấp, mở rộng đường dốc 3 tầng từ QL14C đi đội 2 Đoàn KTQP 778	02/NQ-HĐND ngày 05/5/2022	10.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
38	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.09 (từ ĐT 741 đi xã Đức Hạnh)	1077/QĐ-UBND ngày 01/07/2022	23.000	20.700	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
39	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Bình Thắng đi thôn 8, xã Bình Thắng	1086/QĐ-UBND ngày 01/07/2022	9.700	8.730	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
40	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT 741 đi ngã 3 Hải Yến	1087/QĐ-UBND ngày 01/07/2022	5.500	4.950	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
41	Láng nhựa đường GTNT từ nhà nguyện Bù Cà Mau đi Bãi Rác	1164/QĐ-UBND ngày 10/04/2024	4.899	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
42	Xây dựng hàng rào, hạ tầng kỹ thuật trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	1089/QĐ-UBND ngày 01/07/2022	11.600	10.440	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
43	Xây dựng công viên cây xanh Khu dân cư B11, B12	2263/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	7.000	6.300	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
44	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư trường Tiểu học Phú Nghĩa	1088/QĐ-UBND ngày 01/07/2022	8.600	7.740	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
45	Xây dựng Hội trường UBND xã Phú Nghĩa	955/QĐ-UBND ngày 16/06/2022	2.800	2.520	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
46	Xây dựng Hội trường UBND xã Phú Văn	1995/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	2.800	2.520	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
47	Xây dựng trụ sở UBND xã Đức Hạnh	1606/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	10.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
48	Xây dựng nhà kho lưu trữ, nhà chờ tiếp dân thanh tra huyện	2141/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	2.200	1.890	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
49	Xây dựng nhà kho HTX Nông Lâm Nghiệp Phương Nghĩa	1981/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	1.200	1.200	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
50	Xây dựng nhà kho HTX bưởi da xanh Đa Kia	1982/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	900	900	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
51	Xây dựng nhà kho HTX Dịch vụ kiểu mới Bình Thắng	1983/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	1.460	1.460	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
52	Hỗ trợ máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất cho các tổ hợp tác, hợp tác xã trên địa bàn huyện Bù Gia Mập năm 2022	1983/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	930	930	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
53	Xây dựng nhà kho Hợp tác xã Nông lâm nghiệp hữu cơ Đăk Ô, xã Đăk Ô	2066/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	1.500	1.350	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
54	Xây dựng nhà kho Hợp tác xã Nông lâm nghiệp dịch vụ Đăk Mai, xã Bù Gia Mập	2067/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	1.500	1.350	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		399.273	360.390	
	Trước ngày 30/6/2025		272.273	245.790	
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng TTHC xã Phước Minh	741/QĐ-UBND ngày 12/5/2022	20.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng TTHC xã Đăk Ô	772/QĐ-UBND ngày 23/5/2022	20.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
3	Xây dựng kết cấu hạ tầng TTHC xã Phú Văn	742/QĐ-UBND ngày 12/5/2022	20.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
4	Xây dựng kết cấu hạ tầng TTHC xã Đức Hạnh	740/QĐ-UBND ngày 12/5/2022	20.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư xã Đa Kì	1021/QĐ-UBND ngày 23/06/2022	30.000	27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư xã Phước Minh	1075/QĐ-UBND ngày 01/07/2022	28.000	25.200	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
7	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng các tuyến đường TT xã Đăk Ô	1076/QĐ-UBND ngày 01/07/2022	20.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
8	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng các tuyến đường TT xã Phước Minh	1886/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	20.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
9	Xây dựng đường từ ĐT.760 kết nối tuyến đường ĐH.09 xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập	02/NQ-HĐND ngày 05/5/2022	19.000	17.100	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.05 từ ĐT.760 đến thôn Đăk Khâu, xã Phú Văn.	2250/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	16.000	14.400	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
11	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Phước Minh (Hạng mục: Phòng cháy chữa cháy)	46/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	2.300	2.070	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
12	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Đa Kì (Hạng mục: Phòng cháy chữa cháy)	47/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	2.700	2.430	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
13	Nâng cấp, thảm nhựa đường ĐT 760 (đoạn từ ĐT741 đến Trung tâm dạy nghề)	50/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	8.173	8.100	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
14	Nâng cấp, thảm nhựa đường N18 (đoạn từ ĐT741 đến D19); đường D17, D17a	2037/QĐ-UBND ngày 07/06/2024	11.000	9.900	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
15	Nâng cấp, mở rộng đường PM02	2036/QĐ-UBND ngày 07/06/2024	10.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
16	Xây dựng nhà công vụ Ban chỉ huy quân sự huyện	2013/QĐ-UBND ngày 04/06/2024	2.300	2.070	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
17	Xây dựng trụ sở và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm hành chính xã Đa Kì	1317/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	20.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
18	Xây dựng 04 phòng lầu trường TH Bình Thắng A	2076/QĐ-UBND ngày 12/06/2024	2.800	2.520	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
	Sau ngày 30/6/2025		127.000	114.600	
1	Hoàn thiện hạ tầng các tuyến đường khu TTHC huyện	2268/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	32.000	28.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
2	Láng nhựa tuyến đường ĐHA S4 thôn 19/5 và tuyến ĐHA 30 thôn Bình Đức 1	170/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.500	1.350	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
3	Xây dựng đường vành đai trung tâm hành chính huyện	2438/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	40.900	36.810	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
4	Xây dựng đường vành đai ngoài TTHC huyện (đoạn từ ĐT 741 đến ĐT 760)	2248/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	28.500	25.650	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
5	Xây dựng các tuyến đường nội bộ TTHC xã Đa Kì	08/QĐ-UBND ngày 18/07/2024	3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
6	Xây dựng các hồ chứa nước nhỏ tại xã Bù Gia Mập, Đăk Ô, Đa Kì	1690/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	20.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
7	Xây dựng hệ thống kênh mương thủy lợi thôn Bình hà 1, bình hà 2 xã Đa Kì	3291/QĐ-UBND ngày 20/11/2024			Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
8	Xây dựng nhà ở doanh trại Công an các xã: Bù Gia Mập, Phú Văn, Đa Kì, Phước Minh	58/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	1.100	990	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành sau năm 2025, bổ trở vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		181.000	162.900	
1	Nâng cấp, thảm nhựa đường vành đai trung tâm (đoạn từ ĐT760 đến ĐT741)	2039/QĐ-UBND ngày 07/06/2024	30.000	27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
2	Xây dựng đường ĐH 16 từ ĐT 760 đi phường Long Phước, thị xã Phước Long	24/NQ-HĐND ngày 19/7/2023	36.000	32.400	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
3	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH06 (đoạn từ ĐT760 đến đường 19/5)	52/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	23.500	21.150	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
4	Xây dựng kết cấu hạ tầng Trung tâm xã Bình Thắng	14/NQ-HĐND ngày 13/10/2022	20.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
5	Xây dựng hệ thống phòng cháy và chữa cháy trụ sở UBND xã Đức Hạnh	48/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	1.500	1.350	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
6	Xây dựng và hoàn thiện các tuyến đường TTHC huyện	1951/QĐ-UBND ngày 23/05/2024	20.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
7	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH19 (đoạn từ QL14C đến thôn Bù Gia Phúc 1)	2029/QĐ-UBND ngày 06/06/2024	20.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
8	Xây dựng trụ sở công an xã Phước Minh				Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
9	Xây dựng kết cấu hạ tầng Trung tâm xã Bù Gia Mập	2141/QĐ-UBND ngày 18/06/2024	30.000	27.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
10	Vốn ủy thác ngân hàng chính sách				Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập
B	KHỐI XÃ		278.307	227.542	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		49.891	43.813	
1	Láng nhựa nối tiếp Đắc Ố 11 từ QL14C vào Hồ thủy lợi số 6, xã Đắc Ố, huyện Bù Gia Mập	388/QĐ-UBND ngày 25/08/2020	1.500	1.350	UBND xã Đắc Ố
2	Láng nhựa GTNT thôn Bù Dốt (từ trạm 3 chòi đến đường BTXM) xã Bù Gia Mập	91/QĐ-UBND ngày 22/02/2024			UBND xã Bù Gia Mập
2	Láng nhựa đường nối tiếp tuyến ĐƠ 15 từ QL14C vào cầu khi thôn Bù Xía	746/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	1.500	1.350	UBND xã Đắc Ố
3	Láng nhựa đường GTNT Thôn 7 xã Đắc Ố, huyện Bù Gia Mập	396/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	1.500	1.350	UBND xã Đắc Ố
4	Láng nhựa đường GTNT thôn 4, xã Đắc Ố	586/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	1.500	1.350	UBND xã Đắc Ố
5	Láng nhựa đường GTNT thôn Thác Dài, Cây Da, thôn 2 và thôn 3 xã Phú Văn	299/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	1.500	1.350	UBND xã Phú Nghĩa
6	Láng nhựa đường GTNT đi vào bãi rác thôn Đắc Khâu	572/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	1.500	1.350	UBND xã Phú Nghĩa
7	Láng nhựa đường GTNT thôn Thác Dài xã Phú Văn	163/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	1.500	1.350	UBND xã Phú Nghĩa
8	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT thôn 3, xã Phú Văn huyện Bù Gia Mập	216/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	1.500	1.350	UBND xã Phú Nghĩa
9	Láng nhựa đường suối đá thôn 19/5 và đường liên thôn son trung Bù Kroai xã Đức Hạnh	2750 QĐ-UBND ngày 30/12/2020	1.500	1.350	UBND xã Phú Nghĩa
10	Nâng cấp mở rộng đường đội 3 thôn Bình Đức 2 (Tuyến ĐHA ,06)	133/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	1.500	1.350	UBND xã Phú Nghĩa
11	Láng nhựa đường GTNT thôn Bình Đức 2 nối dài 19/5 xã Đức Hạnh	121/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	1.500	1.350	UBND xã Phú Nghĩa
12	Láng nhựa đường GTNT thôn 7 xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập	1234/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	1.500	1.350	UBND xã Đa Kì
13	Láng nhựa đường GTNT thôn 3, xã Bình Thắng	604/QĐ-UBND ngày 08/04/2020	1.500	1.350	UBND xã Đa Kì
14	Láng nhựa đường GTNT thôn 7 (Nối dài BT 48), xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập	2212/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	1.500	1.350	UBND xã Đa Kì
15	Láng nhựa đường GTNT thôn 5 đi thôn 1, xã Bình Thắng	343/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.500	1.350	UBND xã Đa Kì

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
16	Láng nhựa đường GTNT thôn Bù cả Mau và thôn Bù Gia Phúc 1, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	182/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	1.496	1.350	UBND xã Phú Nghĩa
17	Láng nhựa đường GTNT thôn dốc 3 tầng thôn Đức Lập, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	230/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	2.376	2.201	UBND xã Phú Nghĩa
18	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 đi thôn Bù Cà Mau	1094/QĐ-UBND ngày 01/07/2022	3.500	3.150	UBND xã Phú Nghĩa
19	Láng nhựa đường GTNT thôn Tân Lập từ ĐT 760 đi đội 6 thôn Tân Lập	1020/QĐ-UBND ngày 23/06/2022	4.000	3.600	UBND xã Phú Nghĩa
20	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT741 đi đội 3 thôn Khắc Khoan	197/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	3.500	1.750	UBND xã Phú Nghĩa
21	Láng nhựa đường GTNT thôn Bù Tam xã Phước Minh Huyện Bù Gia Mập	154/QĐ-UBND ngày 08/10/2020	1.500	1.350	UBND xã Đa Kia
22	Láng nhựa đường GTNT thôn Bình tân (PM06) từ nhà ông Nam nhân đến nhà ông Tống Văn Nam-	82/QĐ-UBND ngày 24/03/2021	2.869	2.869	UBND xã Đa Kia
23	Láng nhựa đường GTNT thôn Bình Lợi và thôn Bình Tiến 2 xã Phước Minh	387/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	800	650	UBND xã Đa Kia
24	áng nhựa đường GTNT thôn Bình Lợi từ nhà ông Đức đến nhà ông Luận, xã Phước Minh	189/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	722	615	UBND xã Đa Kia
25	Láng nhựa đường GTNT thôn Bình Lợi và thôn Bình Tiến 2 xã Phước Minh		628	628	UBND xã Đa Kia
26	Láng nhựa đường GTNT thôn 2 và thôn Bình Thủy xã Đa Kia		1.500	1.350	UBND xã Đa Kia
27	Láng nhựa đường GTNT thôn 6 và thôn Bình Thủy xã Đa Kia		1.500	1.350	UBND xã Đa Kia
28	Láng nhựa đường GTNT thôn 3 và thôn 4 xã Đa Kia		1.500	1.350	UBND xã Đa Kia
	Láng nhựa đường GTNT thôn Đức Lập, xã Phú Nghĩa				UBND xã Đa Kia
29	Láng nhựa 1km đường GTNT thôn Bình Thủy và thôn 4 xã Đa Kia		1.500	1.350	UBND xã Đa Kia
	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		216.416	172.929	
	Trước ngày 30/6/2025		216.416	172.929	
1	Láng nhựa tuyến đường ĐHA S4 thôn 19/5 và tuyến ĐHA 30 thôn Bình Đức 1	170/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.500	1.350	UBND xã Phú Nghĩa
	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành sau năm 2025, bổ trở vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030		12.000	10.800	
1	Láng nhựa đường GTNT thôn 7, xã Đăk Ô	565/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	1.500	1.350	UBND xã Đăk Ô
2	Duy tu, sửa chữa đường GTNT thôn 2 và thôn 3 (PV10, khu Duy Trữ), xã Phú Văn		1.500	1.350	UBND xã Phú Nghĩa
3	Láng nhựa đường GTNT thôn Bù Rên (BGM.17) xã Bù Gia Mập	12/QĐ-UBND ngày 18/01/2025	1.500	1.350	UBND xã Bù Gia Mập
4	Nâng cấp mở rộng đường xóm chài ĐHA 02		1.500	1.350	UBND xã Phú Nghĩa
5	Láng nhựa đường GTNT thôn 3 (Đoạn từ 29 đi hướng nhà ông Thương thôn 3 BT69)	3570/QĐ-UBND ngày 24/12/2024	1.500	1.350	UBND xã Đa Kia
6	Láng nhựa đường GTNT thôn Bình Giai xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập		1.500	1.350	UBND xã Đa Kia

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
7	Láng nhựa 1km đường GTNT thôn 4 và thôn Bình Hà 2 xã Đa Kìa		1.500	1.350	UBND xã Đa Kìa
8	Láng nhựa 1km đường GTNT xã phú nghĩa	3291/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	1.500	1.350	UBND xã Phú Nghĩa
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		118.054	97.557	
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		87.421	66.934	
1	Tất toán các công trình đã quyết toán và các chương trình mục tiêu quốc gia				UBND xã Bù Gia Mập
2	Xây dựng đường BTXM thôn Đăk Sơn II (Từ nhà Sơn Hào đến nhà ông Tú)	436/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	1.095	910	UBND xã Phú Nghĩa
3	Xây dựng đường BTXM tổ 4 thôn Đăk Khâu (Từ nhà ông Nam đến nhà Bà Ty)	437/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	446	371	UBND xã Phú Nghĩa
4	Xây dựng đường BTXM thôn 1	435/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	188	156	UBND xã Phú Nghĩa
5	Xây dựng đường BTXM tổ 8 thôn Cây Da (PV 43, từ nhà ông Sầu đến nhà ông Hỷ) xã Phú Văn huyện Bù Gia Mập	115/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	991	503	UBND xã Phú Nghĩa
6	Xây dựng đường BTXM tổ 3, Đăk Khâu (PV18, khu nhà ông Giáp)	202/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	1.017	761	UBND xã Phú Nghĩa
7	Xây dựng đường BTXM tổ 8 thôn Cây Da (Khu nhà ông Luyện)	203/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	1.024	716	UBND xã Phú Nghĩa
8	Xây dựng đường BTXM tổ 8 thôn Cây Da (PV43, Khu nhà ông Hỷ)	204/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	1.024	716	UBND xã Phú Nghĩa
9	Mở rộng đường BTXM vào hội trường thôn 2, xã Phú Văn	142/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	83	54	UBND xã Phú Nghĩa
10	Xây dựng đường BTXM vào hội trường thôn Thác Dài, xã Phú Văn	141/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	221	143	UBND xã Phú Nghĩa
11	Xây dựng đường BTXM thôn Đăk Khâu xã Phú Văn (tuyến PV18) huyện Bù Gia Mập	90/QĐ-UBND ngày 14/4/2024	1.045	858	UBND xã Phú Nghĩa
12	XD đường bê tông xi măng đội 4 thôn Bình Hà 1	254/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	30	30	UBND xã Đa Kìa
13	XD đường bê tông xi măng đội 3 thôn Bình Hà 1 (đường vào nghĩa địa)	255/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	87	87	UBND xã Đa Kìa
14	XD đường bê tông xi măng tổ 3 thôn 5	257/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	163	163	UBND xã Đa Kìa
15	XD đường bê tông xi măng tổ 4 thôn 6	259/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	163	163	UBND xã Đa Kìa
16	XD đường bê tông xi măng đường vào hồ Bình Hà 2	304/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	1.126	940	UBND xã Đa Kìa
17	XD đường bê tông xi măng đội 1 thôn Bình Hà 2	303/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	1.119	933	UBND xã Đa Kìa
18	XD đường bê tông xi măng đội 2 thôn Bình Hà 2	301/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	1.119	933	UBND xã Đa Kìa
19	XD đường bê tông xi măng Làng Bưởi thôn Bình Hà 2	305/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	675	743	UBND xã Đa Kìa
20	XD đường bê tông xi măng thôn Bình Hà 1	302/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	1.107	754	UBND xã Đa Kìa
21	Xây dựng sân bê tông xi măng nhà văn hóa thôn 2	306/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	117	93	UBND xã Đa Kìa
22	Mở rộng đường BTXM thôn Bình Hà 2	232/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	772	542	UBND xã Đa Kìa
23	Nối tiếp đường BTXM thôn Bình Hà 2	233/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	1.153	809	UBND xã Đa Kìa
24	XD đường BTXM thôn 2 từ hộ ông Khí giáp ĐT 759 đến ông Thất	16/QĐ-UBND ngày 18/02/2023	196	196	UBND xã Đa Kìa
25	XD đường BTXM thôn 3 (05 tuyến)	17/QĐ-UBND ngày 18/02/2023	651	651	UBND xã Đa Kìa

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
26	Xây dựng đường BTXM thôn 6, xã Đa Kì (từ nhà ông Linh đến nhà ông Nhân)	278/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	313	313	UBND xã Đa Kì
27	Mở rộng đường BTXM thôn 2, xã Đa Kì (Khu nhà ông Khí)	190/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	127	127	UBND xã Đa Kì
28	Xây dựng sân BTXM nhà văn hóa thôn 3, xã Đa Kì	191/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	128	128	UBND xã Đa Kì
29	Xây dựng đường BTXM làng Bưởi thôn Bình Hà 2, xã Đa Kì	99/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	700	700	UBND xã Đa Kì
30	Xây dựng đường BTXM thôn 5, xã Đa Kì	97/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	104	104	UBND xã Đa Kì
31	Xây dựng đường GTNT thôn Bình Hà 2, xã Đa Kì	48/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	250	250	UBND xã Đa Kì
32	XD đường bê tông xi măng đường vào nghĩa trang thôn Tân Lập	208/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	198	104	UBND xã Phú Nghĩa
33	XD đường bê tông xi măng đường vào nghĩa trang thôn Bù Gia Phúc 1 (PN16)	207/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	550	450	UBND xã Phú Nghĩa
34	XD đường bê tông xi măng đường vào khu dân cư thôn Bù Gia Phúc 1 (PN57)	206/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.101	563	UBND xã Phú Nghĩa
35	XD đường bê tông xi măng tiểu khu 119, thôn Hai Cấn	205/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	770	630	UBND xã Phú Nghĩa
36	XD đường bê tông xi măng đường khu dân cư thôn Khắc Khoan	187/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	266	134	UBND xã Phú Nghĩa
37	XD đường bê tông xi măng đường nội vùng khu dân cư Tiểu khu 119	184/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	1.104	918	UBND xã Phú Nghĩa
38	XD đường bê tông xi măng vào nghĩa trang Đăk Sơn 1	188/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	107	88	UBND xã Phú Nghĩa
39	XD đường bê tông xi măng thôn Đức Lập vào đội sản xuất 3, Đoàn KTQP 778	185/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	137	66	UBND xã Phú Nghĩa
40	XD đường bê tông xi măng vào trường DTNT huyện Bù Gia Mập	186/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	211	174	UBND xã Phú Nghĩa
41	Xây dựng sân bê tông xi măng nhà văn hóa thôn Đăk Sơn 1	189/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	116	92	UBND xã Phú Nghĩa
42	XD Đường bê tông xi măng thôn Đức Lập (Khu Đoàn KTQP 778)	194/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	1.186	505	UBND xã Phú Nghĩa
43	XD Đường bê tông xi măng thôn Hai Cấn từ đường nhựa đến nhà ông Trung (PN 89)	147/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	954	657	UBND xã Phú Nghĩa
44	XD Đường bê tông xi măng thôn Đức Lập (Khu Đoàn KTQP 778)	194/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	376	376	UBND xã Phú Nghĩa
45	Xây dựng sân BTXM nhà văn hóa thôn Bù Gia Phúc 2, xã Phú Nghĩa	199/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	69	47	UBND xã Phú Nghĩa
46	Xây dựng sân BTXM nhà văn hóa thôn Hai Cấn, xã Phú Nghĩa	198/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	117	81	UBND xã Phú Nghĩa
47	Xây dựng sân BTXM nhà văn hóa thôn Tân Lập, xã Phú Nghĩa	200/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	70	44	UBND xã Phú Nghĩa
48	Xây dựng sân BTXM nhà văn hóa thôn Đăk Sơn 1, xã Phú Nghĩa	201/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	140	97	UBND xã Phú Nghĩa
49	Xây dựng sân BTXM nhà văn hóa thôn Bù Cà Mau, xã Phú Nghĩa	202/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	95	66	UBND xã Phú Nghĩa
50	Xây dựng sân BTXM nhà văn hóa thôn Khắc Khoan, xã Phú Nghĩa	203/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	119	83	UBND xã Phú Nghĩa
51	Xây dựng sân BTXM nhà văn hóa thôn Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa	204/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	234	163	UBND xã Phú Nghĩa
52	Xây dựng sân BTXM nhà văn hóa thôn Đức Lập, xã Phú Nghĩa	205/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	47	29	UBND xã Phú Nghĩa
53	Xây dựng sân BTXM nhà văn hóa thôn đội 3 Khắc Khoan, xã Phú Nghĩa	206/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	47	32	UBND xã Phú Nghĩa
54	Xây dựng sân BTXM nhà văn hóa thôn Bù Gia Phúc 1, xã Phú Nghĩa	207/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	93	65	UBND xã Phú Nghĩa
55	Xây dựng đường BTXM thôn Tân Lập, xã Phú Nghĩa (từ đường nhựa đến PN 59)	77/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	479	281	UBND xã Phú Nghĩa
56	XD sân bê tông xi măng thôn Tân Lập (Khu Công an huyện)	132/QĐ-UBND ngày 05/7/2022	1.176	313	UBND xã Phú Nghĩa

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
57	Xây dựng đường BTXM thôn Hai Cấn, xã Phú Nghĩa (PN 34)	107/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	956	200	UBND xã Phú Nghĩa
58	XD đường bê tông xi măng thôn Bù Lư	783/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	350	294	UBND xã Bù Gia Mập
59	XD đường bê tông xi măng thôn Đăk Á	788/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	71	59	UBND xã Bù Gia Mập
60	Xây dựng sân bê tông xi măng nhà văn hóa tổ 8, thôn Cây Đa	786/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	197	159	UBND xã Bù Gia Mập
61	Xây dựng sân bê tông xi măng nhà văn hóa thôn Bù Rên	787/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	26	21	UBND xã Bù Gia Mập
62	Sân bê tông xi măng khuôn viên UBND xã Bù Gia Mập	784/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	50	40	UBND xã Bù Gia Mập
63	Xây dựng sân bê tông xi măng nhà văn hóa thôn Bù Dốt	785/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	101	82	UBND xã Bù Gia Mập
64	Xây dựng đường BTXM khu dân cư Đăk Á xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	367/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	373	260	UBND xã Bù Gia Mập
65	Xây dựng đường BTXM xuống chốt nhà bè (BGM.M2) xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	365/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	1.119	789	UBND xã Bù Gia Mập
66	Xây dựng đường BTXM đồn Biên phòng Đăk Bô (cột mốc 9, 14/60) xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	366/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	403	292	UBND xã Bù Gia Mập
67	XD đường bê tông xi măng thôn Bù Nga (thác Đăk Mai nối dài)	36/QĐ-UBND ngày 13/2/2023	296	296	UBND xã Bù Gia Mập
68	XD đường bê tông xi măng vòng quanh nghĩa trang xã	35/QĐ-UBND ngày 13/2/2023	272	272	UBND xã Bù Gia Mập
69	Xây dựng sân BTXM Trường Tiểu học Bù Gia Mập, xã Bù Gia Mập	33/QĐ-UBND ngày 13/2/2023	124	124	UBND xã Bù Gia Mập
70	Xây dựng sân BTXM Trường THCS và THPT Bù Gia Mập xã Bù Gia Mập	32/QĐ-UBND ngày 13/2/2023	96	96	UBND xã Bù Gia Mập
71	Xây dựng sân BTXM Trường Mẫu giáo Hoa Hồng xã Bù Gia Mập	34/QĐ-UBND ngày 13/2/2023	14	14	UBND xã Bù Gia Mập
72	XD đường BTXM thôn Bù Nga, xã Bù Gia Mập (vào thác Đăk Mai)	267/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	798	798	UBND xã Bù Gia Mập
73	XD đường BTXM Thôn Bù Dốt, xã Bù Gia Mập (từ NVHCD đến VQG Bù Gia Mập)	268/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	777	777	UBND xã Bù Gia Mập
74	XD đường BTXM vòng quanh nghĩa trang xã Bù Gia Mập	269/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	85	85	UBND xã Bù Gia Mập
75	Xây dựng sân BTXM trường TH Đăk Á, xã Bù Gia Mập	263/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	515	515	UBND xã Bù Gia Mập
76	Xây dựng sân BTXM trường TH Bù Gia Mập, xã Bù Gia Mập	265/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	72	72	UBND xã Bù Gia Mập
77	Xây dựng đường BTXM thôn Cầu sắt (từ QL 14c đến hồ thôn 7), xã Bù Gia Mập	138/QĐ-UBND ngày 24/4/2024	1.010	500	UBND xã Bù Gia Mập
78	Xây dựng Sân BTXM chợ Bù Gia Mập, xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	139/QĐ-UBND ngày 24/4/2024	444	300	UBND xã Bù Gia Mập
79	Xây dựng sân Bê tông xi măng NVHCD thôn Bù Nga, xã Bù Gia Mập	140/QĐ-UBND ngày 24/4/2024	172	148	UBND xã Bù Gia Mập
80	XD đường bê tông xi măng thôn Bù Tam, PM35 (từ nhà ông Đại đến nhà ông Thương Bình Tiến 1)	465/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	895	746	UBND xã Đa Kì
81	XD đường bê tông xi măng thôn Bù Tam, PM01 (từ nhà ông Tý đến nhà bà May)	466/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	889	740	UBND xã Đa Kì
82	XD đường bê tông xi măng thôn Bình Giai, PM21 (từ ngã ba ông Dục đến nhà ông Phi)	467/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	899	751	UBND xã Đa Kì
83	XD đường bê tông xi măng thôn Bình Giai (từ đất nhà ông Điều Dương đến nhà ông Dường)	468/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	675	563	UBND xã Đa Kì
84	XD đường bê tông xi măng thôn Bình Giai, PM22 (từ ngã ba ông Tài đến nhà ông Roi)	469/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	1.124	938	UBND xã Đa Kì
85	XD đường bê tông xi măng tuyến PM 15 (từ nhà ông A Sám đến Nhà ông Cường)	470/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	1.118	932	UBND xã Đa Kì
86	XD đường bê tông xi măng thôn Bình Giai, PM19 (từ ngã ba ông Sơn đến nhà ông Hùng)	471/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	895	746	UBND xã Đa Kì
87	XD đường bê tông xi măng thôn Bình Lợi (từ nhà ông Vĩ đến Trường Tiểu học Đa Kì A)	472/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	545	397	UBND xã Đa Kì

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
88	Xây dựng sân bê tông xi măng nhà văn hóa thôn Bình Tân	473/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	96	67	UBND xã Đa Kìa
89	Xây dựng sân bê tông xi măng nhà văn hóa thôn Bù Tam	474/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	144	116	UBND xã Đa Kìa
90	Xây dựng sân bê tông xi măng nhà văn hóa thôn Bình Tiến 1	475/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	96	77	UBND xã Đa Kìa
91	XD đường bê tông xi măng thôn Bình Giai (nối PM.15-PM.21 từ nhà ông Sám đến nhà ông A Nhi) xã Phước Minh	200/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	1.072	754	UBND xã Đa Kìa
92	XD đường bê tông xi măng thôn Bình Giai (PM.20 từ nhà Điều Yong đến nhà ông Bình) xã Phước Minh	201/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	984	694	UBND xã Đa Kìa
93	XD đường bê tông xi măng thôn Bình Giai (nối PM.16 - PM.19 từ nhà Điều Gử đến nhà ông Điều Sron) xã Phước Minh	202/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	1.074	756	UBND xã Đa Kìa
94	Mở rộng đường BTXM thôn Bù Tam (PM 36 từ nhà ông Lân đến nhà ông Páo) xã Phước Minh	203/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	781	550	UBND xã Đa Kìa
95	XD đường bê tông xi măng thôn Bình Giai (từ nhà ông Hiếu đến nhà ông Điều BaRung) xã Phước Minh	306/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	972	500	UBND xã Đa Kìa
96	Xây dựng đường BTXM thôn Bình Giai (từ cổng trường học Bình Giai đến nhà ông Bát)	308/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	184	184	UBND xã Đa Kìa
97	XD đường bê tông xi măng thôn Bình Giai (từ nhà ông Hiếu đến nhà ông Điều BaRung) xã Phước Minh	306/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	183	183	UBND xã Đa Kìa
98	XD đường bê tông xi măng thôn Bình Giai (từ nhà ông Lưu đến nhà ông Cường) xã Phước Minh	305/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	616	616	UBND xã Đa Kìa
99	XD đường bê tông xi măng thôn Bình Giai (từ nhà ông Điều B' Reo đến nhà ông Dưỡng) xã Phước Minh	307/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	616	616	UBND xã Đa Kìa
100	Xây dựng đường BTXM thôn Bình Tiến 1, xã Phước Minh (từ nhà ông Cảnh đến nhà ông Huỳnh)	109/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	623	623	UBND xã Đa Kìa
101	Xây dựng đường BTXM thôn Bình Giai, xã Phước Minh (từ nhà ông Minh đến nhà ông Cường)	110/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	762	762	UBND xã Đa Kìa
102	Xây dựng đường BTXM thôn Bình Tiến 1, xã Phước Minh (từ nhà ông Kiên đến nhà ông Hùng)	106/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	691	691	UBND xã Đa Kìa
103	Xây dựng đường BTXM thôn Bình Giai, xã Phước Minh (từ nhà ông Duế đến nhà bà Hồng)	111/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	830	830	UBND xã Đa Kìa
104	Xây dựng đường BTXM thôn Bình Tiến 1, xã Phước Minh (từ nhà ông Hương đến nhà ông Tám)	107/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	668	668	UBND xã Đa Kìa
105	Xây dựng đường BTXM thôn Bình Tiến 1, xã Phước Minh (từ nhà ông Hùng đến nhà ông Hậu)	108/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	595	595	UBND xã Đa Kìa
106	Xây dựng đường BTXM thôn Bình Giai từ nhà Bà Nghiêm Thị Xuân đến nhà Ông Trần Ngọc Long, xã Phước Minh (PM 30)	75/QĐ-UBND ngày 28/3/2024	1.009	718	UBND xã Đa Kìa
107	Xây dựng đường BTXM thôn Bình Tiến 1 từ nhà Ông Nguyễn Văn Các đến nhà Ông Nguyễn Thanh Hiền, xã Phước Minh	76/QĐ-UBND ngày 28/3/2024	1.009	718	UBND xã Đa Kìa
108	Xây dựng đường BTXM thôn Bình Tiến 1 từ nhà Ông Huỳnh Việt Hùng đến nhà Ông Phạm Văn Bình, xã Phước Minh	77/QĐ-UBND ngày 28/3/2024	799	567	UBND xã Đa Kìa
109	XD đường bê tông xi măng thôn 8 (từ đường nhựa đi vào cầu ngập)	358/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.125	934	UBND xã Đa Kìa
110	XD đường bê tông xi măng thôn 8 (từ nhà ông Tiết Hà đi nhà ông Doãn)	359/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	616	511	UBND xã Đa Kìa
111	XD đường bê tông xi măng thôn 8 (từ lô NT1 đi nhà ông Quyền)	360/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	516	429	UBND xã Đa Kìa
112	XD đường bê tông xi măng thôn 6B (từ đường nhựa thôn 6B đi đến nhà ông Tuyên)	361/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	231	192	UBND xã Đa Kìa
113	XD đường bê tông xi măng thôn 6B (từ nhà ông Long đi bãi rác)	362/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	545	452	UBND xã Đa Kìa
114	XD đường bê tông xi măng thôn 4 (từ đường nhựa đi nhà bà Tư)	363/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	438	214	UBND xã Đa Kìa
115	XD đường bê tông xi măng thôn 4 (từ nhà ông bài đi nhà ông An)	364/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	492	240	UBND xã Đa Kìa

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
116	XD đường bê tông xi măng thôn 4 (từ đường nhựa thôn 4 đến nhà ông Quanh)	365/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	355	173	UBND xã Đa Kìa
117	XD đường bê tông xi măng thôn 2A (từ trường THCS đi nhà ông Lại)	366/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	142	69	UBND xã Đa Kìa
118	XD đường bê tông xi măng thôn 5 (từ nhà Bà Thúy đi nhà ông Lưu)	565/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	158	87	UBND xã Đa Kìa
119	XD đường bê tông xi măng thôn 1 (từ nhà ông Quang đi đường nhựa liên xã)	566/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	80	44	UBND xã Đa Kìa
120	XD đường bê tông xi măng thôn 6B	567/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	262	215	UBND xã Đa Kìa
121	XD đường bê tông xi măng thôn 8 (từ nhà ông Định đi nhà ông Chạnh)	568/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	718	589	UBND xã Đa Kìa
122	XD đường bê tông xi măng thôn 8 (từ đường nhựa đi nhà ông Thự)	569/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	311	255	UBND xã Đa Kìa
123	XD đường bê tông xi măng thôn 8 (từ đường nhựa thôn 8 đi đến nhà ông Bùi Mạnh Sơn)	570/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	1.082	888	UBND xã Đa Kìa
124	XD đường bê tông xi măng thôn 8 (từ nghĩa địa thôn 8 đi đến ông Thuyền)	571/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	228	187	UBND xã Đa Kìa
125	XD đường bê tông xi măng thôn 8 (từ nhà bà Mến đi nhà ông Hưng)	572/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	718	590	UBND xã Đa Kìa
126	XD đường bê tông xi măng thôn 6B (BT 31 nối tiếp bãi rác đi cầu Suối Cát)	559/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	1.180	819	UBND xã Đa Kìa
127	XD đường bê tông xi măng thôn 4 (từ đường NT1 đi nhà ông Bài)	724/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	118	118	UBND xã Đa Kìa
128	XD đường bê tông xi măng thôn 6B (từ nhà bà Tuyết Ái đi nhà ông Vinh)	725/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	76	76	UBND xã Đa Kìa
129	XD đường bê tông xi măng thôn 7 (từ nhà ông Thắng đi nhà ông Đức)	726/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	218	218	UBND xã Đa Kìa
130	XD đường bê tông xi măng thôn 8 (từ nhà Chạnh đi nhà ông Chót)	727/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	104	104	UBND xã Đa Kìa
131	XD đường bê tông xi măng thôn 8 (từ nhà Thự đi nhà ông Du)	728/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	165	165	UBND xã Đa Kìa
132	Xây dựng đường BTXM thôn 3, xã Bình Thắng (từ nhà bà Châu đi nhà ông Minh)	229/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	118	118	UBND xã Đa Kìa
133	Xây dựng đường BTXM thôn 1, xã Bình Thắng (từ nhà ông Lộc đi nhà ông Hiếu)	230/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	600	600	UBND xã Đa Kìa
134	Xây dựng đường BTXM thôn 5, xã Bình Thắng (từ nhà ông Xuân đi nhà ông Kết)	231/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	600	600	UBND xã Đa Kìa
135	Xây dựng đường BTXM thôn 6B, xã Bình Thắng (từ dốc bà Tờ đi nhà ông Diễm)	233/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	433	433	UBND xã Đa Kìa
136	Xây dựng đường BTXM thôn 8, xã Bình Thắng (từ nhà ông Tân Nhạc đi nhà ông Giang)	234/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	433	433	UBND xã Đa Kìa
137	Mở rộng đường BTXM thôn 8, xã Bình Thắng (từ nhà ông Tiết Hà đi nhà ông Doãn)	235/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	240	240	UBND xã Đa Kìa
138	Xây dựng đường BTXM thôn 3 (từ nhà bà Châu đi nhà ông Minh), xã Bình Thắng	244/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	135	75	UBND xã Đa Kìa
139	Xây dựng đường BTXM thôn 4 (từ nhà ông Bài đến nhà ông Den), xã Bình Thắng	245/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	458	257	UBND xã Đa Kìa
140	Mở rộng đường BTXM thôn 8 (từ đầu đường nhựa đến nhà ông Nhạc), xã Bình Thắng	246/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	667	409	UBND xã Đa Kìa
141	Mở rộng đường BTXM thôn 8, xã Bình Thắng (BT 47)	247/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	823	505	UBND xã Đa Kìa
142	XD đường bê tông xi măng thôn 9 (từ đường DH11 đi nhà ông Dụ)	490/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	823	686	UBND xã Đăk Ó
143	XD đường bê tông xi măng thôn 4 (từ nhà ông Điều Hen đi nhà ông Điều Mãnh)	489/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	933	777	UBND xã Đăk Ó
144	XD đường bê tông xi măng thôn Bù Khon (từ MG Ánh Dương đi nhà ông Toàn)	488/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	726	605	UBND xã Đăk Ó
145	XD đường bê tông xi măng thôn Bù Khon (từ đầu thôn đến nhà ông Lực)	486/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	269	224	UBND xã Đăk Ó
146	XD đường bê tông xi măng khu TDTT đồn biên phòng Đăk Ó	487/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	450	378	UBND xã Đăk Ó

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
147	XD đường bê tông xi măng thôn Bù Bưng (từ nhà ông hộc đến Suối Đắk Rong)	485/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	562	467	UBND xã Đắk Ô
148	XD đường BTXM thôn Đắk Lim (Đắk Ô M8 từ ĐH.11 đi Đắk Ô S28)		571	571	UBND xã Đắk Ô
149	Xây dựng đường bê tông xi măng Hợp tác xã Nông nghiệp Phương Nghĩa		84	84	UBND xã Đắk Ô
150	Xây dựng đường BTXM đập giữ nước phòng chống chay rừng khu vực đồn Biên phòng Đắk Ô		250	250	UBND xã Đắk Ô
151	XD đường BTXM nội bộ Đồn biên phòng Đắk Ô		819	819	UBND xã Đắk Ô
152	Xây dựng sân bê tông xi măng nhà văn hóa thôn Đắk U		36	36	UBND xã Đắk Ô
153	XD đường BTXM thôn 9 (từ QL14C đi nhà ông Quang)	54/QĐ-UBND ngày 09/2/2023	622	622	UBND xã Đắk Ô
154	XD đường BTXM thôn 10 (từ đường Đắk Ô 05 đi nhà ông Đù)	55/QĐ-UBND ngày 09/2/2023	637	637	UBND xã Đắk Ô
155	XD đường BTXM thôn 7 (từ nhà ông Tâm đến nhà ông Ké)	52/QĐ-UBND ngày 09/2/2023	497	497	UBND xã Đắk Ô
156	XD đường BTXM thôn 7 (từ nhà Do Tâm đến nhà ông Sơn)	52/QĐ-UBND ngày 09/2/2023	622	622	UBND xã Đắk Ô
157	XD đường BTXM thôn Đắk Lim (vòng quanh sân vận động)	56/QĐ-UBND ngày 09/2/2023	113	113	UBND xã Đắk Ô
158	Xây dựng đường BTXM từ đường thôn đến Nhà Văn hóa thôn Bù Ka, xã Đắk Ô	201/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	215	215	UBND xã Đắk Ô
159	Xây dựng đường BTXM vào Nghĩa địa Đội 2 (Thôn 6), xã Đắk Ô	202/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	444	444	UBND xã Đắk Ô
160	Xây dựng đường BTXM vào Nghĩa địa Đội 3 (Thôn 6), xã Đắk Ô	203/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	288	288	UBND xã Đắk Ô
161	Xây dựng đường BTXM từ đường thôn đến Nghĩa trang thôn Bù Ka, xã Đắk Ô	204/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	66	66	UBND xã Đắk Ô
162	Xây dựng đường BTXM vào Nghĩa trang thôn Đắk U, xã Đắk Ô	205/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	625	625	UBND xã Đắk Ô
163	Xây dựng đường BTXM thôn 6 tuyến ĐỒ 49 (từ nhà ông Khoa đến nhà ông Ma Riu) xã Đắk Ô	206/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	67	67	UBND xã Đắk Ô
164	Xây dựng đường BTXM nối tiếp tuyến từ ngã 3 ông Mạnh đến đất tập đoàn (S6 Thôn 3), xã Đắk Ô	207/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	330	330	UBND xã Đắk Ô
165	Xây dựng sân BTXM trường MN Đắk Ô, xã Đắk Ô (điểm chính)	198/QĐ-UBND ngày 8/5/2023	79	79	UBND xã Đắk Ô
166	Xây dựng sân bê tông xi măng nhà văn hóa các thôn (Thôn : 6, Đắk U, Bù Xia)	199/QĐ-UBND ngày 8/5/2023	142	142	UBND xã Đắk Ô
167	Xây dựng sân bê tông xi măng nhà văn hóa các thôn (Thôn: 3, 4, Bù Khon)	200/QĐ-UBND ngày 8/5/2023	282	282	UBND xã Đắk Ô
168	Xây dựng sân BTXM trường MG Ánh Dương, xã Đắk Ô (điểm chính)	208/QĐ-UBND ngày 8/5/2023	52	52	UBND xã Đắk Ô
169	Xây dựng đường BTXM đập giữ nước phòng chống cháy rừng khu vực đồn Biên phòng Đắk Ô	327/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	55	55	UBND xã Đắk Ô
170	XD đường BTXM nội bộ Đồn biên phòng Đắk Ô	328/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	177	177	UBND xã Đắk Ô
171	XD đường BTXM thôn 10 (từ bảng tin đến nhà ông Minh), xã Đắk Ô (Đắk Ô S20)	129/QĐ-UBND ngày 10/4/2024	1.182	0	UBND xã Đắk Ô
172	XD đường BTXM thôn 9, xã Đắk Ô (nối tiếp Đắk Ô.S 28)	130/QĐ-UBND ngày 10/4/2024	1.022	0	UBND xã Đắk Ô
173	Xây dựng sân BTXM nhà văn hóa thôn 9, xã Đắk Ô	128/QĐ-UBND ngày 10/4/2024	157	0	UBND xã Đắk Ô
174	Xây dựng sân BTXM nghĩa trang xã Đắk Ô	127/QĐ-UBND ngày 10/4/2024	1.018	0	UBND xã Đắk Ô
175	Xây dựng sân BTXM nhà văn hóa thôn Bù Ka, xã Đắk Ô	126/QĐ-UBND ngày 10/4/2024	370	0	UBND xã Đắk Ô
176	XD đường bê tông xi măng thôn Sơn Trung	99/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	328	328	UBND xã Phú Nghĩa
177	XD đường bê tông xi măng thôn 19/5	100/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	174	174	UBND xã Phú Nghĩa

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
178	Xây dựng sân bê tông xi măng nhà văn hóa thôn Sơn Trung	101/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	98	98	UBND xã Phú Nghĩa
179	Xây dựng sân bê tông xi măng nhà văn hóa thôn Bù Kroai	102/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	66	66	UBND xã Phú Nghĩa
180	Xây dựng đường BTXM thôn 19/5 (từ nhà ông Khuyến đến nhà ông Lĩnh)	141/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	217	217	UBND xã Phú Nghĩa
181	Xây dựng đường BTXM thôn 19/5 (từ DHA 20)	142/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	641	641	UBND xã Phú Nghĩa
182	Xây dựng đường BTXM thôn 19/5, xã Đức Hạnh (tuyến DHA.21)	87/QĐ-UBND ngày 17/6/2023	765	765	UBND xã Phú Nghĩa
	Vốn NSTW, NS tính hỗ trợ chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2025				
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền				
	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện.				
	Nâng cấp mở rộng đường BTXM				
1	Mở rộng đường BTXM Thôn Bù Dốt (BGM.18) xã Bù Gia Mập	931/QĐ-UBND ngày 08/05/2025			UBND xã Bù Gia Mập
2	Mở rộng đường BTXM thôn Đăk Á (BGM.23) xã Bù Gia Mập	1063/QĐ-UBND ngày 13/05/2025			UBND xã Bù Gia Mập
3	Mở rộng đường BTXM Thôn Đăk Á (BGM.19) xã Bù Gia Mập	1115/QĐ-UBND ngày 14/05/2025			UBND xã Bù Gia Mập
4	Mở rộng đường BTXM thôn Cầu Sắt (BGM.07) xã Bù Gia Mập	1112/QĐ-UBND ngày 14/05/2025			UBND xã Bù Gia Mập
5	Mở rộng đường BTXM thôn Bù Nga (BGM.27) xã Bù Gia Mập	1116/QĐ-UBND ngày 14/05/2025			UBND xã Bù Gia Mập
6	Mở rộng đường BTXM thôn 2 (đường gần Khu tịnh Thất) xã Phú Vãn	872/QĐ-UBND ngày 06/05/2025			UBND xã Phú Nghĩa
	Làm mới đường BTXM				
7	Xây dựng đường BTXM thôn Bù Rên (Nối tiếp BGM.11) xã Bù Gia Mập	1116/QĐ-UBND ngày 08/05/2025			UBND xã Bù Gia Mập
8	Xây dựng đường BTXM thôn Cầu Sắt (từ QL 14C đến nhà ông Lăng Văn Tý), (BGM.M8) xã Bù Gia Mập	1009/QĐ-UBND ngày 09/05/2025			UBND xã Bù Gia Mập
9	Xây dựng đường BTXM thôn Cầu Sắt (từ nhà ông Mã Văn Thắng đến nhà ông Đình Văn Toàn), (BGM.M8) xã Bù Gia Mập	1010/QĐ-UBND ngày 09/05/2025			UBND xã Bù Gia Mập
10	Xây dựng đường BTXM thôn Cầu Sắt (từ nhà ông Đình Văn Toàn đến thôn 7), (BGM.M8) xã Bù Gia Mập	1010/QĐ-UBND ngày 09/05/2025			UBND xã Bù Gia Mập
11	Xây dựng đường BTXM thôn Cầu Sắt (BGM.07), xã Bù Gia Mập	930/QĐ-UBND ngày 08/05/2025			UBND xã Bù Gia Mập
12	Xây dựng đường BTXM từ thôn 19/5 đến đồi ông Cao, xã Đức Hạnh (DHA.01)	864/QĐ-UBND ngày 05/05/2025			UBND xã Phú Nghĩa
13	Xây dựng đường BTXM vào trạm y tế xã Đức Hạnh (Tuyến N3).	866/QĐ-UBND ngày 05/05/2025			UBND xã Phú Nghĩa
14	Nâng cấp, mở rộng đường vào Nghĩa trang nhân dân xã Đức Hạnh và đường nội bộ Nghĩa trang.	867/QĐ-UBND ngày 05/05/2025			UBND xã Phú Nghĩa
	Làm mương thoát nước				
15	Xây dựng mương thoát nước thôn Bù Rên (BGM.10) xã Bù Gia Mập	747/QĐ-UBND ngày 23/04/2025			UBND xã Bù Gia Mập
16	Xây dựng mương thoát nước thôn Bù Dốt (BGM.18) xã Bù Gia Mập	618/QĐ-UBND ngày 15/04/2025			UBND xã Bù Gia Mập
17	Xây dựng mương thoát nước thôn Bù Nga (BGM.27) xã Bù Gia Mập	689/QĐ-UBND ngày 22/04/2025			UBND xã Bù Gia Mập
18	Xây dựng mương thoát thôn Đăk Á (BGM.04), xã Bù Gia Mập	690/QĐ-UBND ngày 22/04/2025			UBND xã Bù Gia Mập
19	Xây dựng mương thoát nước thôn Bình Giai, xã Phước Minh (tuyến PM.16)	778/QĐ-UBND ngày 25/04/2025			UBND xã Đa Kia

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
20	Xây dựng mương thoát nước thôn Bình Tiến 1, xã Phước Minh (tuyến PM.03; PM.41)	631/QĐ-UBND ngày 16/04/2025			UBND xã Đa Kìa
	Nâng cấp mở rộng đường GTNT				
21	Sửa chữa, nâng cấp cống Đăk Côn và mở rộng tuyến đường từ thôn Đăk Côn đi hồ Bù Rên (BGM.25) xã Bù Gia Mập	741/QĐ-UBND ngày 23/04/2025			UBND xã Bù Gia Mập
22	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường khu tái định cư thôn Phước Sơn, xã Đức Hạnh (ĐHA.25 và ĐHA.26)	800/QĐ-UBND ngày 28/04/2025			UBND xã Phú Nghĩa
23	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ trung tâm xã đến tuyến đường ĐH.06 xã Đức Hạnh (ĐHA.10)	682/QĐ-UBND ngày 21/04/2025			UBND xã Phú Nghĩa
24	Nâng cấp mở rộng tuyến đường GTNT thôn Phước Sơn, xã Đức Hạnh (ĐHA.09) và tuyến đường xóm mới (ĐHA.29)	801/QĐ-UBND ngày 28/04/2025			UBND xã Phú Nghĩa
25	Nâng cấp sửa chữa đường, cầu đường GTNT tuyến PM.04 thôn Bình Tiến, xã Phước Minh	743/QĐ-UBND ngày 23/04/2025			UBND xã Đa Kìa
26	Sửa chữa đường thôn 4 và thôn Đăk Lim xã Đăk Ô	779/QĐ-UBND ngày 25/04/2025			UBND xã Đăk Ô
	Nội dung 04: Tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh các công trình cấp xã, cấp huyện đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.				
26	Xây dựng 02 nhà vòm, nhà vệ sinh Trường MGHH xã Bù Gia Mập	625/QĐ-UBND ngày 16/04/2025			UBND xã Bù Gia Mập
27	Sửa chữa 04 phòng chức năng trường TH Bù Gia Mập xã Bù Gia Mập	744/QĐ-UBND ngày 23/04/2025			UBND xã Bù Gia Mập
28	Xây dựng nhà vệ sinh, nhà xe trường TH Đăk Á xã Bù Gia Mập	620/QĐ-UBND ngày 15/04/2025			UBND xã Bù Gia Mập
	Nội dung 05: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn, các trung tâm văn hóa - thể thao huyện; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn. Đến năm 2025:				
29	Xây dựng sân BTXM thôn Đăk Á, xã Bù Gia Mập				UBND xã Bù Gia Mập
30	San lấp mặt bằng, tạo cảnh quan công viên, khu vui chơi văn hoá thể thao xã.	874/QĐ-UBND ngày 06/05/2025			UBND xã Bù Gia Mập
31	Chưa phân khai				UBND xã Bù Gia Mập
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG		30.634	30.623	
1	Nước sinh hoạt đào giếng thuộc nguồn vốn chương trình giảm 338 hộ nghèo năm 2021 xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập	495/QĐ-UBND ngày 16/05/2021	135	135	UBND xã Đăk Ô
2	Kéo điện điện lưới thuộc nguồn vốn chương trình giảm 338 hộ nghèo năm 2021 xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập	494/QĐ-UBND ngày 16/05/2021	137	137	UBND xã Đăk Ô
3	Điện mặt trời thuộc nguồn vốn chương trình giảm 338 hộ nghèo năm 2021 xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập	493/QĐ-UBND ngày 16/05/2021	45	45	UBND xã Đăk Ô
4	Sửa nhà thuộc nguồn vốn chương trình giảm 215 hộ nghèo năm 2022 xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập		240	240	UBND xã Đăk Ô
5	Nước sinh hoạt đào giếng thuộc nguồn vốn chương trình giảm 215 hộ nghèo năm 2022 xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập	258a/QĐ-UBND ngày 10/08/2022	120	120	UBND xã Đăk Ô
6	Điện mặt trời thuộc nguồn vốn chương trình giảm 215 hộ nghèo năm 2022 xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập	258c/QĐ-UBND ngày 10/08/2022	90	90	UBND xã Đăk Ô
7	Kéo điện điện lưới thuộc nguồn vốn chương trình giảm 215 hộ nghèo năm 2022 xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập	258b/QĐ-UBND ngày 10/08/2022	67	67	UBND xã Đăk Ô

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
8	Sửa nhà thuộc nguồn vốn chương trình giảm 201 hộ nghèo năm 2023 xã Đắk Ô, huyện Bù Gia Mập	337/QĐ-UBND ngày 21/07/2023	180	180	UBND xã Đắk Ô
9	Nước sinh hoạt đào giếng thuộc nguồn vốn chương trình giảm 201 hộ nghèo năm 2023 xã Đắk Ô, huyện Bù Gia Mập	338/QĐ-UBND ngày 21/07/2023	120	120	UBND xã Đắk Ô
10	Kéo điện điện lưới thuộc nguồn vốn chương trình giảm 201 hộ nghèo năm 2023 xã Đắk Ô, huyện Bù Gia Mập	339/QĐ-UBND ngày 21/07/2023	180	180	UBND xã Đắk Ô
11	Điện mặt trời thuộc nguồn vốn chương trình giảm 201 hộ nghèo năm 2023 xã Đắk Ô, huyện Bù Gia Mập	340/QĐ-UBND ngày 21/07/2023	108	108	UBND xã Đắk Ô
12	Kéo lưới điện thuộc vốn chương trình giảm 1000 hộ nghèo năm 2021	1234/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	14	14	UBND xã Phú Nghĩa
13	Hỗ trợ đất ở thuộc vốn chương trình giảm 1000 hộ nghèo năm 2021	1234/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	50	50	UBND xã Phú Nghĩa
14	Kéo lưới điện thuộc vốn chương trình giảm 338 hộ nghèo năm 2021	439/QĐ-UBND ngày 02/08/2021	7	7	UBND xã Phú Nghĩa
15	Hỗ trợ đất ở thuộc nguồn vốn giảm 286 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022	1065/QĐ-UBND ngày 30/06/2022	50	50	UBND xã Phú Nghĩa
16	Kéo lưới điện lưới chương trình giảm 286 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022	1065/QĐ-UBND ngày 30/06/2022	24	24	UBND xã Phú Nghĩa
17	Xây dựng nhà vệ sinh chương trình giảm 286 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022	1065/QĐ-UBND ngày 30/06/2022	15	15	UBND xã Phú Nghĩa
18	Hỗ trợ mua xe máy chương trình giảm 286 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022	1065/QĐ-UBND ngày 30/06/2022	20	20	UBND xã Phú Nghĩa
19	Sửa nhà vốn chương trình giảm 201 hộ nghèo năm 2023	1086/QĐ-UBND ngày 8/6/2023	30	30	UBND xã Phú Nghĩa
20	Kéo điện vốn chương trình giảm 316 hộ nghèo dân tộc thiểu số	1150/QĐ-UBND ngày 6/7/2023	35	35	UBND xã Phú Nghĩa
21	Hỗ trợ xây mới nhà ở thuộc chương trình giảm 1000 hộ nghèo dân tộc thiểu số năm 2023	1150/QĐ-UBND ngày 6/7/2023	48	48	UBND xã Phú Nghĩa
22	Nâng cấp mở rộng đường sơn trung qua bù Kroai xã Đức hạnh	914/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	78	78	UBND xã Phú Nghĩa
23	Điện mặt trời thuộc chương trình giảm 338 hộ nghèo năm 2021 - huyện Bù Gia Mập	Quyết định 1417/QĐ-UBND ngày 02/08/2021	9	9	UBND xã Đa Kia
24	Đào mới giếng đào thuộc chương trình giảm 338 hộ nghèo năm 2021, xã Bình Thắng	Quyết định 1417/QĐ-UBND ngày 02/08/2021	45	45	UBND xã Đa Kia
25	Kéo điện lưới thuộc chương trình giảm 338 hộ nghèo năm 2021, xã Bình Thắng	Quyết định 1417/QĐ-UBND ngày 02/08/2021	25	25	UBND xã Đa Kia
26	Kéo điện lưới thuộc chương trình giảm 1000 hộ nghèo đồng bào DTTS năm 2021, xã Bình Thắng	Quyết định 1234/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	4	4	UBND xã Đa Kia
27	Đào mới giếng đào thuộc chương trình giảm 215 hộ nghèo trên địa bàn huyện năm 2022 (đợt 1)	Quyết định 976/QĐ-UBND ngày 20/06/2022	30	30	UBND xã Đa Kia
28	Kéo điện lưới cho 7 hộ nghèo năm 2022, xã Bình Thắng	Quyết định 1614/QĐ-UBND ngày 02/09/2022	25	25	UBND xã Đa Kia
29	Kéo điện thuộc chương trình giảm 201 hộ nghèo năm 2023 (đợt 1)	Quyết định 1256/QĐ-UBND ngày 09/08/2023	25	25	UBND xã Đa Kia
30	Đào giếng thuộc chương trình giảm 201 hộ nghèo năm 2023 (đợt 1)	Quyết định 1256/QĐ-UBND huyện ngày 09/08/2023	45	45	UBND xã Đa Kia
31	Kéo điện thuộc chương trình giảm 316 hộ nghèo DTTS năm 2023 (đợt 1)	Quyết định 1256/QĐ-UBND ngày 09/08/2023	15	5	UBND xã Đa Kia
32	Xây dựng nhà ở cho các hộ thuộc chương trình giảm 316 hộ nghèo DTTS năm 2023, xã Bình Thắng	Quyết định 1256/QĐ-UBND ngày 09/08/2023	8	8	UBND xã Đa Kia

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
33	Kéo điện lưới nguồn vốn giảm 338 hộ nghèo		11	11	UBND xã Đa Kìa
34	Kéo điện lưới cho các hộ nghèo thuộc nguồn vốn chương trình giảm 1000 hộ nghèo ĐBDTTS năm 2021 xã Đa Kìa (lần 2)		14	14	UBND xã Đa Kìa
35	Đào giếng nguồn vốn giảm 338 hộ nghèo		45	45	UBND xã Đa Kìa
36	Nước sinh hoạt đào giếng cho các hộ nghèo thuộc nguồn vốn chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS năm 2021 xã Đa Kìa		45	45	UBND xã Đa Kìa
37	Đào giếng nguồn vốn giảm 215 hộ nghèo		60	60	UBND xã Đa Kìa
38	Sửa nhà cho các hộ nghèo thuộc nguồn vốn chương trình giảm 286 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện năm 2022 (đợt 2)		60	60	UBND xã Đa Kìa
39	Kéo điện lưới nguồn vốn giảm 215 hộ nghèo		7	7	UBND xã Đa Kìa
40	Sửa nhà vốn chương trình giảm 201 hộ nghèo năm 2023 (đợt 1)		30	30	UBND xã Đa Kìa
41	Xây dựng nhà vệ sinh vốn chương trình giảm 201 hộ nghèo năm 2023 (đợt 1)		15	15	UBND xã Đa Kìa
42	Kéo điện lưới nguồn vốn giảm 316 hộ nghèo DTTS năm 2023 (đợt 1)		5	5	UBND xã Đa Kìa
43	Kéo điện lưới vốn chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Phước Minh năm 2022		4	4	UBND xã Đa Kìa
44	Điện mặt trời vốn chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Phước Minh năm 2022		2	2	UBND xã Đa Kìa
45	Kéo điện lưới vốn Chương trình giảm 215 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Phước Minh		3	3	UBND xã Đa Kìa
46	Lắp điện mặt trời vốn Chương trình giảm 215 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Phước Minh		9	9	UBND xã Đa Kìa
47	Hỗ trợ sửa chữa nhà thuộc nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDTTS và miền núi năm 2022, xã Phước Minh.		6	6	UBND xã Đa Kìa
48	Sửa chữa nhà vốn chương trình giảm 1.000 hộ nghèo 2022		30	30	UBND xã Đa Kìa
49	Xây dựng nhà vệ sinh vốn chương trình giảm 1.000 hộ nghèo 2022		15	15	UBND xã Đa Kìa
50	Hỗ trợ nhà ở(xây mới)		6	6	UBND xã Đa Kìa
51	Hỗ trợ nhà ở(sửa chữa)		16	16	UBND xã Đa Kìa
52	Xây dựng kè mương thôn Bù Tma, thôn Bình Giai xã Phước Minh		39	39	UBND xã Đa Kìa
53	hỗ trợ đất ở chương trình 1719		2	2	UBND xã Đa Kìa
54	Hỗ trợ xây nhà ở thuộc dự án 1 nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -xã hội vùng ĐBDTTS à miền núi năm 2024, xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập.		4	4	UBND xã Đa Kìa
55	Hỗ trợ sửa nhà ở thuộc dự án 1 nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -xã hội vùng ĐBDTTS à miền núi năm 2024, xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập.		1	1	UBND xã Đa Kìa
56	Chăn nuôi Trâu	1754/QĐ-UBND ngày 07/9/2021	200	200	UBND xã Bù Gia Mập
57	Chăn nuôi Bò	1662/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	7.779	7.779	UBND xã Bù Gia Mập

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
58	Chăn nuôi Dê		920	920	UBND xã Bù Gia Mập
59	Chăn nuôi Heo		600	600	UBND xã Bù Gia Mập
60	Chăn nuôi Gà		80	80	UBND xã Bù Gia Mập
61	Nông cụ Máy cắt cỏ		575	575	UBND xã Bù Gia Mập
62	Nông cụ Máy cưa	1638/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	195	195	UBND xã Bù Gia Mập
63	Nông cụ Bình xịt thuốc		200	200	UBND xã Bù Gia Mập
64	Hỗ trợ Nước sinh hoạt (Khoan giếng) (Chương trình giảm 286 hộ nghèo)	903/QĐ-UBND ngày 06/6/2022	300	300	UBND xã Bù Gia Mập
65	Hỗ trợ Nước sinh hoạt (Khoan giếng) (Chương trình giảm 215 hộ nghèo)	1018/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	2.135	2.135	UBND xã Bù Gia Mập
66	Hỗ trợ Nước sinh hoạt (Khoan giếng) (Chương trình giảm 215 hộ nghèo)	1461/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	2.100	2.100	UBND xã Bù Gia Mập
67	Chăn nuôi Trâu	1114/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	1.240	1.240	UBND xã Bù Gia Mập
68	Chăn nuôi Bò	1116/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	3.600	3.600	UBND xã Bù Gia Mập
69	Chăn nuôi Dê	1685/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	280	280	UBND xã Bù Gia Mập
70	Chăn nuôi Gà	1833/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	80	80	UBND xã Bù Gia Mập
71	Chăn nuôi Heo	1684/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	360	360	UBND xã Bù Gia Mập
72	Nông cụ Máy cắt cỏ	1569/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	460	460	UBND xã Bù Gia Mập
73	Nông cụ Máy cưa	1567/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	115	115	UBND xã Bù Gia Mập
74	Nông cụ Bình Xịt Thuốc	1568/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	260	260	UBND xã Bù Gia Mập
75	Chăn nuôi Bò (Chương trình giảm 338 hộ nghèo năm 2021)	1662/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	24	24	UBND xã Bù Gia Mập
76	Hỗ trợ khoan giếng CT giảm 316 hộ nghèo		575	575	UBND xã Bù Gia Mập
77	Nước sinh hoạt (Bồn đựng nước)		423	423	UBND xã Bù Gia Mập
78	Hỗ trợ nước sinh hoạt đào giếng năm 2021		15	15	UBND xã Phú Nghĩa
79	Hỗ trợ nước sinh hoạt đào giếng năm 2021		105	105	UBND xã Phú Nghĩa
80	Hỗ trợ nước sinh hoạt đào giếng năm 2021		45	45	UBND xã Đa Kì
81	Hỗ trợ nước sinh hoạt đào giếng năm 2021		45	45	UBND xã Đa Kì
82	Hỗ trợ nước sinh hoạt đào giếng năm 2021		90	90	UBND xã Đa Kì
83	Hỗ trợ nước sinh hoạt khoan giếng năm 2021		5.140	5.140	UBND xã Đa Kì
84	Kéo điện, điện lưới năm 2021		18	18	UBND xã Bù Gia Mập
85	Kéo điện, điện lưới năm 2021		25	25	UBND xã Đa Kì
86	Kéo điện, điện lưới năm 2021		98	98	UBND xã Phú Nghĩa
87	Kéo điện, điện lưới năm 2021		32	32	UBND xã Đa Kì
88	Điện mặt trời năm 2021		36	36	UBND xã Phú Nghĩa

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
89	Điện mặt trời năm 2021		9	9	UBND xã Đa Kìa
90	Điện mặt trời năm 2021		27	27	UBND xã Đa Kìa
	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI				
V	Vốn NSTW, NS tính hỗ trợ chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDTTS và miền núi năm 2025				
V.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				
01	Hỗ trợ nhà ở				
1.1	Xã Đăk Ô	140/QĐ-UBND ngày 29/04/2025			UBND xã Đăk Ô
1.2	Xã Đa Kìa	100/QĐ-UBND ngày 29/04/2025			UBND xã Đa Kìa
02	Nước sinh hoạt tập trung				
2.1	Xây dựng hệ công trình hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thôn Đăk Cồn, xã Bù Gia Mập	1346/QĐ-UBND ngày 04/06/2025			UBND xã Bù Gia Mập
2.2	Xây dựng công trình hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thôn Bù La, xã Bù Gia Mập	1347/QĐ-UBND ngày 04/06/2025			UBND xã Bù Gia Mập
2.3	Xây dựng công trình hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thôn Cầu sắt, xã Bù Gia Mập	1348/QĐ-UBND ngày 04/06/2025			UBND xã Bù Gia Mập
2.4	Xây dựng công trình hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thôn Bù Nga, xã Bù Gia Mập	1349/QĐ-UBND ngày 04/06/2025			UBND xã Bù Gia Mập
2.5	Xây dựng công trình hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thôn Đăk Á, xã Bù Gia Mập	1350/QĐ-UBND ngày 04/06/2025			UBND xã Bù Gia Mập
I	HUYỆN PHÚ RIỀNG		1.992.884	1.327.761	
II	KHỐI HUYỆN		1.866.747	1.201.624	
II.1	ĐẦU TƯ CÔNG				
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		1.219.530	672.324	-
1	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân – Giai đoạn 2	2937/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	43.000	43.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
2	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân, huyện Phú Riềng.	2950/QĐ-UBND ngày 23/9/2022	30.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
3	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	2361/QĐ-UBND 27/10/2021	3.713	3.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
4	Nâng cấp, mở rộng đường từ thôn Phú Nghĩa (ĐH.312) đi ra QL.14, xã Phú Trung		40.000	2.200	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
5	Xây dựng trụ sở UBND xã Long Hà và các hạng mục phụ	262/QĐ-UBND 18/2/2022	14.900		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
6	Xây dựng 8 phòng học lầu, hàng rào, san lấp mặt bằng Trường Tiểu học Long Hà C	869/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	7.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
7	Xây dựng 09 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Long Hà A	3716/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	5.800		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
8	Xây dựng bổ sung hoàn thiện trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Phú Riềng	1524/QĐ-UBND ngày 07/7/2022	2.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
9	Xây dựng 09 phòng học lầu Trường Tiểu học Long Hà A	674/QĐ-UBND ngày 27/4/2022	6.200		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
10	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa GTNT thôn 10 ra trung tâm xã, từ nhà ông Đặng Đình Đồng đến đường ĐT 757	1061/QĐ-UBND ngày 14/06/2022	900		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
11	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Tiểu học Phú Riềng B (Điểm thôn Phú Thuận)	865/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	3.500		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
12	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè khu dân cư 10ha TTHC huyện Phú Riềng	2347/QĐ-UBND ngày 16/8/2023	39.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
13	Xây dựng Trường Tiểu học Long Phú	422a/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	8.993		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
14	Xây dựng Hội trường UBND xã và Nhà làm việc Công an xã Long Tân	2179/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	5.450		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
15	Xây dựng 02 phòng học, hàng rào, mương thoát nước Trường Mẫu giáo Long Bình	2417/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	2.239		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
16	Xây dựng nhà thi đấu đa năng (có thiết bị)		3.500		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
17	XD nhà công vụ công an huyện		5.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
18	Xây dựng trụ sở UBND xã Phú Trung		16.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
19	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)- giai đoạn 2		6.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
20	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Phước Tân		400		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
21	Xây dựng 06 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH và THCS Phú Trung (điểm TH)		5.050		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
22	Xây dựng 06 phòng học lầu, cổng hàng rào - Trường Mầm non trong Trung tâm hành chính huyện				Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
23	Xây dựng 6 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH và THCS Bình Sơn (cấp TH điểm lẻ thôn Bình Minh)		5.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
24	Xây dựng 02 phòng học và công trình phụ trợ Trường TH và THCS Phú Trung (điểm thôn Phú Tiến)		2.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
25	Xây dựng 04 phòng học lầu và phòng giáo viên Trường TH và THCS Trần Phú (điểm trường THCS)		3.800		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
26	Xây dựng 04 phòng chăm sóc nuôi dưỡng, Hành chính quản trị và các công trình phụ Trường Mẫu giáo Phú Trung		6.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
27	Chi ủy thác cho các đối tượng là hộ nghèo, đối tượng chính sách khác vay				Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
28	Xây dựng đường dọc hướng sông Bé kết nối Đồng Xoài – Đồng Phú – Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (Ranh huyện Phú Riềng đi về hướng ĐT.757, huyện Phú Riềng) – Giai đoạn 1		44.000	44.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
29	Xây dựng 8 phòng học lầu trường Mẫu giáo Long Bình, xã Long Bình				Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
30	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường THCS Lý Tự Trọng			500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
31	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường mẫu giáo Hướng Dương				Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
32	Xây dựng 02 phòng học, cổng hàng rào, sân bê tông Trường mẫu giáo Hướng Dương - Điểm trường thôn Phước Thịnh				Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
33	Xây dựng 06 phòng học, mương thoát nước Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	2194/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	3.750		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
34	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Phú Riềng	2821/QĐ-UBND ngày 20/10/2017	29000	14.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
35	Đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	1174/QĐ-UBND ngày 03/6/2019	95.000	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
36	Xây dựng đường D6c (từ N4a - N4)	3432d/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	2.200	1.100	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
37	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường D6 (từ N2a - N3a), N4c, N3a (từ ĐT 741 - D7), N4b trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	3344/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.628	1.600	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
38	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường D7, D6b, D6c trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	3346/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	12.152	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
39	San lấp mặt bằng và xây dựng đường nội bộ trụ sở HĐND-UBND huyện Phú Riềng	3128/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	12.000	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
40	Trường cấp II và III Long Phú huyện Phú Riềng	1383/QĐ-UBND ngày 24/6/2020	80.000	40.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
41	Trường mầm non Long Phú huyện Phú Riềng	1368/QĐ-UBND ngày 23/6/2020	40.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
42	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH&THCS Phú Trung	3141/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.500	500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
43	Xây dựng 08 phòng học lầu trường MG Long Tân	3163/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.500	500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
44	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D6 (từ N6 - N7), N6 (từ ĐT 741 - D5c; D6 - D9), D3e TTHC huyện Phú Riềng	3156/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	14.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
45	Xây dựng đường N6 (D6-D9), D6a, D9(D6-D7) và san lấp mặt bằng khu suối Rạt TTHC huyện Phú Riềng	3157/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	14.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
46	Xây dựng đường kết nối từ đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng huyện Hớn Quản	1043/QĐ-UBND ngày 31/7/2020	9.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
47	Xây dựng trụ sở tiếp công dân và bộ phận tiếp nhận hồ sơ Một cửa huyện Phú Riềng	184/QĐ-UBND ngày 03/02/2021	5.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
48	Xây dựng hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái Trụ sở huyện ủy, trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	3170/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.000	500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
49	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D6a (N4 - D9), D9 (từ D6 - D7) TTHC huyện Phú Riềng	2206a/QĐ-UBND 10/12/2020	8000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
50	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học Bù Nho	1659/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
51	San lấp mặt bằng khu suối Rạt TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 2)	2299a/QĐ-UBND 21/12/2020	5000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
52	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Tiểu học Phú Riềng B	2195a/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	4.200	4.200	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
53	Xây dựng hệ thống viễn thông TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 3)	2264a/QĐ-UBND ngày 17/12/2020	1300	1.200	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
54	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 6 TTHC huyện Phú Riềng	2247a/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	6700	6.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
55	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường gom (đoạn 2) và đường ĐT.741 TTHC huyện Phú Riềng	2321a/QĐ-UBND ngày 23/12/2020	9000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
56	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Mầm non Phú Riềng	2285/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
57	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, trạm biến áp khu 6 TTHC huyện Phú Riềng	2235a/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	8100	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
58	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH Long Hưng	2190a/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
59	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường D9 (từ D7 - km0+906,3) TTHC huyện Phú Riềng	2231a/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	7000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
60	Xây dựng hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy TTHC huyện Phú Riềng (Giai đoạn 3)	2254a/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	2000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
61	Xây dựng 08 phòng học và 04 phòng hỗ trợ học tập, phòng chức năng trường THCS Long Hưng	595/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	8.500	8.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
62	Xây dựng hệ thống thoát nước từ TTHC huyện về Suối Rát, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	3158/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	25.000	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
63	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Phú Trung	1107/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	5.100	5.100	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
64	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường TH và THCS Bình Sơn	868/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	5.840	5.840	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
65	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Mầm non Phú Riềng	330/QĐ-UBND ngày 04/3/2022	7.300	7.300	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
66	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường TH và THCS Trần Phú (điểm thôn Bình Trung)	950/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	6.740	6.740	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
67	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường TH và THCS Trần Phú (điểm chính)	333/QĐ-UBND ngày 04/3/2022	6.600	6.600	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
68	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Tiểu học Vừ A Dính	1118/QĐ-UBND ngày 16/6/2022	2.720	2.720	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
69	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học Long Hà B, xã Long Hà	709/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	5.540	6.200	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
70	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học Lê Hoàn, xã Long Tân	872/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	5.440	5.440	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
71	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học Phú Riềng A	863/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	5.600	5.600	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
72	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Tiểu học Bù Nho, xã Bù Nho	864/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	4.080	4.080	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
73	Xây dựng 08 phòng học lầu điểm Bù Tổ Trường Tiểu học Chu Văn An, Phước Tân	1919/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
74	Xây dựng hệ thống điện ngầm trụ sở Công an huyện Phú Riềng		750	750	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
75	Nâng cấp thảm nhựa, lát vỉa hè Đường ĐH312 đoạn trước đền thờ Vua Hùng - huyện Phú Riềng	4311a/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	28.000	28.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
76	Xây dựng kè, tường chắn bảo vệ chân móng cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản)	4093/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
77	Giải phóng mặt bằng, ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình Xây dựng đường từ dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú đến đường kết nối 2 KCN Long Tân - Long Hà	4094/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	20.000	20.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
78	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính xã Long Tân của khu phân lô đất ở từ cụm B1, B2 và B3	2951/QĐ-UBND ngày 23/9/2022	17.500	17.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
79	Xây dựng đường liên xã Long Bình đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	3590/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	44.000	44.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
80	Trang bị thiết bị công nghệ thôn tin cho các cơ quan đơn vị cấp xã để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, vận hành chính quyền số	2069/QĐ-UBND 02/8/2022	500	500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
81	Xây dựng 04 phòng học lầu Mẫu giáo Tuổi Thơ (điểm lẻ thôn 9)	4521/QĐ-UBND 14/12/2022	4.000	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
82	Xây dựng nhà làm việc Công an, Xã đội xã Long Bình	962/QĐ-UBND 12/4/2023	3.800	3.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
83	Nâng cấp mở rộng đường trước UBND xã Long Tân đến đường kết nối 2 KCN Long Tân - Long Hà	3706/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	10.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
84	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học và THCS Phú Trung	327/QĐ-UBND ngày 04/3/2022	6.200	6.200	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
85	Xây dựng 06 phòng học lầu trường Mẫu giáo Phú Riềng Đỏ	3307/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	5.800	5.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
86	Xây dựng đường dọc hướng sông Bé kết nối Đồng Xoài - Đồng Phú - Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (Ranh huyện Phú Riềng đi về đường ĐT.757, huyện Phú Riềng) – Giai đoạn 1	2617/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	44.000	44.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
87	Xây dựng 06 phòng học lầu trường TH Vừ A Dính (Điểm lẻ thôn 7)		4.400	4.400	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
88	Xây dựng nhà làm việc Công an, Xã đội xã Long Hà		3.785	3.758	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
89	Xây dựng 04 phòng học lầu trường tiểu học Phú Riềng A		3.400	3.400	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
90	Xây dựng 10 phòng học lầu trường TH Long Hưng		7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
91	Giải phóng mặt bằng dự án XD Cầu Long Tân - Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản			716	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
92	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân (Giai đoạn 2)	2937/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	43.000	43.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
93	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Vành Khuyên		6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
94	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ dân bị thu hồi đất thực hiện TTHC huyện đợt 2 - Khu vực đường ĐT.741 và khu vực nhà ông Huệ (Hộ bà Quang Thị Mỹ Châu)		15.653		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
95	Sửa chữa, nâng cấp đường Long Hưng đi Long Bình (Đoạn đi qua thôn 6, 7 xã Long Hưng và thôn 11, xã Long Bình)	3090/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	9.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
96	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Bù Ka 2, xã Long Hà	3084/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	9.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
97	Xây dựng trường Tiểu học Lê Văn Tám				Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
98	Xây dựng cổng, hàng rào vòng quanh Trụ sở HĐND-UBND huyện Phú Riềng	3166/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	6.400	400	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
99	Xây dựng đường D5c (từ Tân Phú 1 -N6), N6 (từ D5c -D6), D6 (từ N6 - Tân Phú 1)	3432E/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	6.500	200	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
100	Xây dựng đường N7a, N7b TTHC huyện Phú Riềng	3431/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	12.421	1.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
101	Xây dựng đường Tân Phú 1, D5a, D6 Khu tái định cư TTHC huyện Phú Riềng.	3427/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	8.300	3.300	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
102	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu 1 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	3349/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.209	200	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
103	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, TBA khu 1 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	3348/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.072	580	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
104	Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường N2a (từ ĐT 741 - D7), N3, N4d, D6d, D6e trung tâm hành chính huyện Phú Riềng		11.836	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
105	Xây dựng 08 phòng học lầu trường THCS Lý Tự Trọng, xã Bình Tân	3343/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.500	500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
106	Xây dựng 10 phòng học lầu trường THCS Lý Tự Trọng, xã Bình Tân	3139/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.500	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
107	Xây mới trụ sở, sân bê tông, nhà xe, giếng khoan trạm y tế xã Bình Tân	3139/QĐ-UBND ngày 30/10/2019		3.188	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
108	Trụ sở huyện ủy, Trụ sở HĐND - UBND, Hội trường và trụ sở khối mật trận đoàn thể huyện Phú Riềng	3146/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	43.000	20.942	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
109	Quỹ hỗ trợ Nông dân			600	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
110	Ủy thác cho các đối tượng là hộ nghèo, đối tượng chính sách khác vay sang Phòng giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phú Riềng			3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
111	Mua sắm thiết bị và sửa chữa các trường học trên địa bàn huyện năm 2024		4.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
112	Mua sắm thiết bị khoa học công nghệ năm 2021	5132/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	1.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
113	Lắp đặt và nâng cấp hệ thống giám sát camera an ninh, an toàn giao thông	2070/QĐ-UBND ngày 02/8/2022	1.500	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
114	Mua sắm thiết bị khoa học công nghệ				Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
115	Mua sắm thiết bị khoa học công nghệ				Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
116	Mua sắm thiết bị khoa học công nghệ				Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
117	Mua sắm thiết bị khoa học công nghệ năm 2020				Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
118	Triển khai hệ thống đèn chiếu sáng thông minh		1.080	1.080	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
119	Triển khai hệ thống đèn chiếu sáng thông minh năm 2024		440	440	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
120	Chi phí giải phóng mặt bằng xây dựng dựng Căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật huyện Phú Riềng				Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
121	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số của Công an huyện Phú Riềng		550	550	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
122	Lắp đặt và nâng cấp hệ thống giám sát camera an ninh, an toàn giao thông - Giai đoạn 2		2.500	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		574.217	489.300	
II.1	Trước ngày 30/6/2025		131.500	121.500	
1	Xây dựng 04 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Long Hà C (điểm thôn Phú Mang 1)		4.500	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
2	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường TH và THCS Bình Sơn (điểm chính)	608/QĐ-UBND ngày 06/3/2024	4.500	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
3	Xây dựng cống qua suối Đá Bàn đường liên xã Long Hưng đi Long Bình	3263/QĐ-UBND ngày 24/9/2024	3.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
4	Nâng cấp thảm nhựa đường từ Phú Riềng đi cầu Long Tân (đoạn từ km7+00 đường kết nối Phú Riềng - cầu Long Tân - Tân Hưng tới đường 327 xã Long Tân)	3205/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	7.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
5	Xây dựng 10 phòng học lầu và công trình phụ trợ Trường TH Long Hà C	606/QĐ-UBND ngày 06/3/2024	8.500	8.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
6	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Bình Tân đi Thác Ba (Đoạn qua khu dân cư thôn Phước Thịnh, xã Bình Tân)	2863/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
7	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Long Bình, huyện Phú Riềng	2370/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	25.000	25.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
8	Nâng cấp, mở rộng liên xã Long Hưng đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	2346/QĐ-UBND ngày 16/8/2023	15.000	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
9	Xây dựng Công viên Quảng trường Trung tâm huyện Phú Riềng	69/NQ-HĐND ngày 22/7/2024	58.000	58.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
II.2	Sau ngày 30/6/2025		442.717	367.800	
1	Xây dựng 09 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Long Hà A	3716/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	8.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
2	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Long Hưng (điểm thôn 5)	826/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	4.000	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
3	Xây dựng đường từ trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân, huyện Phú Riềng	4091/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	30.000	30.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
4	Xây dựng đường liên xã Phú Trung đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	2950/QĐ-UBND ngày 23/9/2022	30.000	30.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
5	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	2347/QĐ-UBND ngày 16/8/2023	39.000	30.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
6	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	2362/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	14.000	14.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
7	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư Phú Riềng (13,9ha)	2363/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
8	Xây dựng hệ thống vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật và san lấp mặt bằng khu dân cư Phú Riềng (13,9 ha)	2705/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	20.500	8.600	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
9	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp và TBA khu dân cư Phú Riềng (13,9ha) - Giai đoạn 2	2361/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
10	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình Xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 2)	2973/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	40.000	40.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
11	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 4)	612/QĐ-UBND ngày 06/3/2024	40.000	40.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
11	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình Xây dựng đường dọc Sông Bé (Giai đoạn 3)	611/QĐ-UBND ngày 6/3/2024	25.000	25.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
13	Nâng cấp láng nhựa đường liên xã tại km 6+400 đường Bù Nho - Phước Tân với đường liên xã Bình Tân đi thôn Bình Trung xã Phước Tân tại km 5+600	2866/QĐ-UBND ngày 26/7/2024	13.500	13.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
11	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Long Bình, huyện Phú Riềng				Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
11	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng				Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
14	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối xã Đa Kì (Suối Cát giáp ranh với huyện Bù Gia Mập) với xã Long Hưng, Long Bình huyện Phú Riềng	2864/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	25.000		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
15	Nâng cấp đường giao thông thôn 7, xã Long Tân từ km0+600 đường Long Tân-Tân Hưng Hớn Quản kết nối với ĐT758	489/QĐ-UBND ngày 04/03/2025	23.500	23.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
16	Nâng cấp đường thôn Phú Mang 1 và kết nối với đường dọc Sông Bé - xã Long Hà	448/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	28.500	25.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
17	Nâng cấp, mở rộng đường thôn 6 từ trung tâm xã Long Tân kết nối với đường liên huyện Phú Riềng - Hớn Quản	637/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	18.500	18.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
18	Nâng cấp láng nhựa đường dọc sông Bé đoạn từ Long Tân đi Long Hà	597/QĐ-UBND ngày 17/03/2025	18.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
19	Nâng cấp đường kết nối ĐT 757 với đường từ xã Đakia huyện Bù Gia Mập về xã Long Hưng, Long Bình huyện Phú Riềng	450/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	14.500	14.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
20	Nâng cấp, mở rộng đường từ trung tâm xã Long Bình đi xã Đakia, Bù Gia Mập (đoạn ĐT.757b - tuyến Long Hưng - Long Bình)	451/QĐ-UBND ngày 28/2/2025	23.000	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
21	Xây dựng hệ thống điện trung hạ áp, TBA khu 4 trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	3354/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.717	7.700	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành sau năm 2025		73.000	40.000	

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
1	Xây dựng cải tạo, sửa chữa Trường THPT Phú Riềng (cũ) – Giai đoạn 1	1163/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	15.500		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
2	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường gom (đoạn 2) TTHC huyện Phú Riềng	2048/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	40000	40.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
3	Chưa giao				Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
4	Xây dựng 16 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Long Hà		17.500		Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
11.2	CHƯƠNG TRÌNH MTQG		1.069.609	922.519	
	CHƯƠNG TRÌNH MIQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		1.069.609	922.519	
1	Xây dựng 09 phòng học lầu Trường Tiểu học Long Hà A	674/QĐ-UBND ngày 27/4/2022	6.200	6.200	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
2	Xây dựng 8 phòng học lầu, hàng rào, san lấp mặt bằng Trường Tiểu học Long Hà C	869/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
3	Sửa chữa trụ sở UBND xã, phòng một cửa, phòng tiếp dân	1260/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	500	500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
4	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, xã Long Bình		4.000	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
5	Xây dựng 04 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Long Hà C(điểm thôn Phú Mang 1)		4.500	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
6	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa GTNT thôn 10 ra trung tâm xã, từ nhà ông Đặng Đình Đồng đến đường ĐT 757	1061/QĐ-UBND ngày 14/06/2022	900	900	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
7	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường TH và THCS Bình Sơn (điểm chính)	608/QĐ-UBND ngày 06/3/2024	4.500	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
8	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa GTNT thôn 6, thôn 7 ra trung tâm xã, từ cổng chào thôn 6,7ra đường ĐT 757	1058/QĐ-UBND ngày 14/06/2022	1.800	1.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
9	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Tiểu học Phú Riềng B (Điểm thôn Phú Thuận)	865/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	3.500	3.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
10	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	2361/QĐ-UBND ngày 27/10/2021	3.800	3.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
11	Xây dựng 02 phòng học, hàng rào, mương thoát nước Trường Mẫu giáo Long Bình	2417/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	2.239	2.239	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
12	Thảm nhựa đường trục chính giao thông xã đoạn trung tâm ngã tư cầu đường đến ông Vỵ			-	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
13	Xây dựng Hội trường UBND xã và Nhà làm việc Công an xã Long Tân	2179/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	5.450	5.450	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
14	Xây dựng trụ sở UBND xã Long Hà và các hạng mục phụ	262/QĐ-UBND ngày 18/2/2022	14.900	14.900	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
15	Xây dựng 02 phòng học và công trình phụ trợ Trường TH và THCS Phú Trung (điểm thôn Phú Tiến)		2.000	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
16	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Phước Tân		4.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
17	Xây dựng 6 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH và THCS Bình Sơn (cấp TH điểm lẻ thôn Bình Minh)		2.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
18	Đường ĐT.759 - ông Nhi (đoạn ông Sám đến ông Nhi)		7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
19	Xây dựng 06 phòng học lầu và công trình phụ Trường Mẫu giáo Bình Minh		5.800	5.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
20	Xây dựng trụ sở UBND xã Phú Trung		16.000	16.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
21	Nâng cấp sửa chữa đường nhựa GTNT thôn 4, thôn 8, thôn 9 ra trung tâm xã, từ Trạm Y tế xã đến đường ĐT 757	1057/QĐ-UBND ngày 14/06/2022	1.300	1.300	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
22	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa GTNT thôn 8, từ nhà ông Nguyễn Minh Thu đến đường ĐT 757	1059/QĐ-UBND ngày 14/6/2022	1.800	1.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
23	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa GTNT từ ngã tư thôn 6, thôn 5A đến ĐT 757 ra trung tâm xã	1060/QĐ-UBND ngày 14/06/2022	4.000	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
24	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa GTNT thôn 6, thôn 7 ra trung tâm xã, từ cổng chào thôn 6,7 ra đường ĐT 757			-	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
25	Đường GTNT thôn Phú Bình đến Trung tâm xã: Đoạn 2: Từ QL14 đến tiếp giáp ĐT.753B dài 500m			3.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
26	Xây dựng trụ sở làm việc UBND xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước			-	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
27	Láng bê tông nhựa đường khu dân cư quy hoạch mới, xã Bình Tân			2.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
28	Xây dựng và sửa chữa Trường Mẫu giáo Long Tân	2416/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	1.250	1.250	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
29	Xây dựng 06 phòng học lầu và các công trình phụ trợ Trường TH&THCS Phú Trung (Điểm TH)			5.050	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
30	Đường ĐT.759 -Ông Nhi (Đoạn ông Sám đến Ông Nhi)			-	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
31	Xây dựng 04 phòng học lầu và phòng giáo viên Trường TH&THCS Trần Phú (điểm trường THCS)			3.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
32	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường Tiểu học Long Tân	2080/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	6.200	6.200	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
33	Xây dựng 04 phòng chăm sóc nuôi dưỡng, Hành chính quản trị và các công trình phụ trợ Trường Mẫu giáo Phú Trung	3308/QĐ-UBND ngày 16/11/2023		6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
34	Xây dựng 08 phòng học lầu, nhà vệ sinh Trường Tiểu học Lê Hoàn	2143/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	5.600	5.600	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
35	Xây dựng 10 phòng học lầu và công trình phụ trợ Trường TH Long Hà C	606/QĐ-UBND ngày 06/3/2024	8.500	8.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
36	Xây dựng 06 phòng học, mương thoát nước Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	2194/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	3.750	3.750	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
37	Xây dựng 12 phòng học lầu, nhà vệ sinh Trường THCS Long Tân	2081/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	8.962	8.962	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
38	Xây dựng nhà làm việc Công an, Xã đội xã Long Bình		3.800	3.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
39	Xây dựng 06 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH và THCS Bình Sơn (cấp TH điểm lẻ thôn Bình Minh)		5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
40	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH&THCS Phú Trung	3141/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.500	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
41	Xây dựng 04 phòng học lầu Mẫu giáo Tuổi Thơ (điểm lẻ thôn 9)		4.000	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
42	Sửa chữa, nâng cấp đường Long Hưng đi Long Bình (Đoạn đi qua thôn 6, 7 xã Long Hưng và thôn 11, xã Long Bình)	3090/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	9.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
43	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Long Hưng (điểm thôn 5)	826/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	4.000	2.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
44	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường TH Lê Văn Tám (điểm chính thôn thôn Phước Thịnh)	636/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	4.500	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
45	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường THCS Bù Nho	635/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	6.800	6.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
46	Xây dựng 09 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Lê Văn Tám (điểm thôn Bình Hiếu)	854/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	8.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
47	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Bù Ka 2, xã Long Hà	3084/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	9.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
48	Nâng cấp mở rộng đường trước UBND xã Long Tân đến đường kết nối 2 KCN Long Tân - Long Hà	3706/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
49	Xây dựng nhà làm việc Công an, Xã đội xã Long Hà		3.785	3.785	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
50	Xây dựng 04 phòng học lầu trường tiểu học Phú Riềng A		3.400	3.400	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
51	Nâng cấp đường kết nối ĐT 757 với đường từ xã Đakia huyện Bù Gia Mập về xã Long Hưng, Long Bình huyện Phú Riềng	450/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	14.500	14.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
52	Nâng cấp đường thôn Phu Mang 1 và kết nối với đường dọc Sông Bé - xã Long Hà	448/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	28500	28.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
53	Nâng cấp, mở rộng đường từ trung tâm xã Long Bình đi xã Đakia, Bù Gia Mập (đoạn ĐT.757b - tuyến Long Hưng - Long Bình)	451/QĐ-UBND ngày 28/2/2025	23.000	23.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
54	Nâng cấp, mở rộng đường thôn 6 từ trung tâm xã Long Tân kết nối với đường liên huyện Phú Riềng - Hớn Quản	637/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	18500	18.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
55	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Tiểu học Vừ A Dính	1118/QĐ-UBND ngày 16/6/2022	2.720	2.720	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
56	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Tiểu học Bù Nho, xã Bù Nho	864/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	4.080	4.080	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
57	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Phú Trung	1107/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	5.100	5.100	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
58	Xây dựng 06 phòng học lầu Trường Mẫu giáo Vành Khuyên		6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
59	Xây dựng 06 phòng học lầu trường Mẫu giáo Phú Riềng Đỏ		5.800	5.800	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
60	Xây dựng 09 phòng học lầu và công trình phụ Trường TH Long Hà A	3716/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	8.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
61	Xây dựng 10 phòng học lầu trường TH Long Hưng		7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
62	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học Phú Riềng A	863/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	5.600	5.600	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
63	Xây dựng 08 phòng học lầu điểm Bù Tổ Trường Tiểu học Chu Văn An, Phước Tân	1919/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
64	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Mầm non Phú Riềng	330/QĐ-UBND ngày 04/3/2022	7.300	7.300	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
65	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường TH và THCS Bình Sơn	868/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	5.840	5.840	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
66	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường TH và THCS Trần Phú (điểm chính)	333/QĐ-UBND ngày 04/3/2022	6.600	6.600	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
67	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học Long Hà B, xã Long Hà	709/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	5.540	5.540	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
68	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học Lê Hoàn, xã Long Tân	872/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	5.440	5.440	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
69	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường TH và THCS Trần Phú (điểm thôn Bình Trung)	950/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	6.740	6.740	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
70	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học và THCS Phú Trung	327/QĐ-UBND ngày 04/3/2022	6.200	6.200	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
71	Nâng cấp đường dọc suối Dên, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng	1141/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	19900	19.900	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
72	Nâng cấp đường ĐH.312 thuộc xã Phú Riềng (Đoạn từ ĐT.741 đi về hướng xã Long Tân)	1140/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	19500	19.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
73	Xây dựng 08 phòng học và 04 phòng hỗ trợ học tập, phòng chức năng trường THCS Long Hưng	595/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	8.500	8.500	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng
12	KHỐI XÃ		168.572	126.137	
12.1	ĐẦU TƯ CÔNG		42.435	-	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		42.435	-	-
123	Sửa chữa đường nhựa thôn Phước Hòa (đoạn từ cuối đường thôn Phước Lộc đến hết khu dân cư Bù Giảm)		1.750		UBND xã Bình Tân
124	Mở rộng cầu, gia cố lề đường GTNT tuyến nhánh qua khu dân cư thôn Phước Thịnh, xã Bình Tân		2.902		UBND xã Bình Tân
125	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (Đoạn đường nhựa liên xã đến hết đường vào nhà văn hóa thôn)		657		UBND xã Bình Tân
126	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (Đoạn từ bà Nguyễn Thị Phương đến ông Trần Văn Sỹ)		847		UBND xã Bình Tân
127	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (Đoạn từ ông Nguyễn Thọ Xuân đến nhà ông Hoàn Xuân Quý)		1.542		UBND xã Bình Tân
128	Láng nhựa đường thôn Phước Tân (đoạn từ hội trường thôn đến đất ông Trần Sỹ Thống)		2.282		UBND xã Bình Tân
129	Nâng cấp sửa chữa đường nhựa thôn Phước Tân (đoạn từ ranh đất thị xã Phước Long đến ông Trịnh Văn Thành)		1.495		UBND xã Bình Tân
130	Nâng cấp, sửa chữa các nhánh đường ngang khu dân cư thôn Phước Thịnh		1.207		UBND xã Bình Tân
131	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Hiếu Phong (đoạn từ ông Bùi Phước Nhật đến nhà ông Phan Văn Siêu)		3.000		UBND xã Bình Tân
132	Xây dựng hàng rào nhà văn hóa thôn Phước Tân		106		UBND xã Bình Tân

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
133	Sửa chữa, mua sắm thiết bị nhà văn hóa xã Bình Tân		1.771		UBND xã Bình Tân
134	Mua sắm trang thiết bị phục vụ thể dục thể thao 07 thôn		364		UBND xã Bình Tân
135	Xây dựng mương thoát nước thôn 4, thôn 3 xã Long Bình				UBND xã Bình Tân
136	Nâng cấp, mở rộng đường thôn Phú Mang 1 và kết nối với đường dọc Sông Bé - xã Long Hà		-		UBND xã Long Hà
137	Xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn 11- thôn 1, từ nhà bà Nguyễn Thị Cẩn đến nhà ông Trần Văn Hoà	581/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	4.000		UBND xã Long Hà
138	Xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn Bù Ka 1 - thôn 1 từ nhà ông Lê Văn Hồng đến đường nhựa Thôn Bù Ka 1	615/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1.597		UBND xã Long Hà
139	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa GTNT thôn 7, từ cổng chào thôn 7 đến nhà ông Nguyễn Văn Thâu	616/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	635		UBND xã Long Hà
140	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa GTNT thôn 1 - từ ông Phạm Văn Tân đến cổng chào thôn 1	614/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	893		UBND xã Long Hà
141	Xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn 7 - thôn 8, từ đường ĐT 757 đến nhà ông Lưu Đình Kỳ	587/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	3.500		UBND xã Long Hà
142	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa GTNT liên thôn 6 - thôn 7, từ cổng chào thôn 7 đến nhà ông Lê Mạnh Tuấn	617/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1.190		UBND xã Long Hà
143	Láng nhựa từ đường ĐT757B vào thôn Phú Mang 1 xã Long Hà				UBND xã Long Hà
144	Giải phóng mặt bằng và mở rộng đường giao thông thôn 7, xã Long Tân từ km0+600 đường Long Tân - Tân Hưng Hồn Quán kết nối với ĐT758	3326/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.000		UBND xã Long Hà
145	Láng nhựa đường thôn 5 xã Long Tân				UBND xã Long Hà
146	Xây dựng hàng rào nghĩa trang nhân dân xã Long Tân				UBND xã Long Hà
147	Xây dựng 05 phòng chức năng trạm y tế xã Long Tân				UBND xã Long Hà
148	Tuyến đường BTXM GTNT tại thôn Phú Tân: Đoạn từ thửa đất ông Dương Văn Đồng đến thửa đất bà Nguyễn Thị Thủy		187		UBND xã Phú Riềng
149	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hệ thống thoát nước dọc vành đa suối Đen, xã Phú Riềng		2.986		UBND xã Phú Riềng
150	Sửa chữa Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ và các công trình phụ xã Phú Trung		300		UBND xã Phú Trung
151	Xây dựng nhà văn hóa thôn Phú Tâm và các công trình phụ trợ		1.139		UBND xã Phú Trung
152	Đường GTNT từ thôn Phú Nghĩa đến trung tâm xã: - đoạn 1: từ chòi mù đến Nhà Văn Hóa thôn Phú Tín (cũ) dài 1000m		1.500		UBND xã Phú Trung
153	Đường GTNT từ thôn Phú Tiến đến trung tâm xã: - Đoạn 1: từ nhà ông Lê Văn Khu đến hết nhà ông Sủ A Sầu dài 545m; - Đoạn 2: từ thửa đất ông Hồ Văn Khánh đến nhà ông Đào Văn Dũng dài 1286m		2.747		UBND xã Phú Trung
154	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Phú Nghĩa và các công trình phụ trợ		1.139		UBND xã Phú Trung
155	Sửa chữa nhà văn hoá thôn Bình Trung và các công trình phụ trợ		700		UBND xã Phú Trung
156	Sửa chữa hội trường trung tâm xã, trụ sở UBND xã				UBND xã Phú Trung
157	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Đồng Tháp				UBND xã Phú Trung
158	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Đồng Tiến				UBND xã Phú Trung
159	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Bù Tổ				UBND xã Phú Trung

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
160	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Bàu Địa				UBND xã Phú Trung
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG		126.137	126.137	
B.1	CHƯƠNG TRÌNH MIQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		126.137	126.137	
1	Sân BTXM Trường TH & THCS Bình Sơn	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND phường Phước Bình
2	Đường BTXM thôn Bình Điền: Từ đất ông Xuân đến đất ông Toàn	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND phường Phước Bình
3	Sân BTXM nhà văn hóa Phú Châu	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND phường Phước Bình
4	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa thôn Phước An (Đoạn đường nhựa liên xã đến hết đường vào nhà văn hóa thôn)		657	657	UBND xã Bình Tân
5	Nâng cấp, sửa chữa các nhánh đường ngang khu dân cư thôn Phước Thịnh		1.207	1.207	UBND xã Bình Tân
6	Mua sắm trang thiết bị phục vụ thể dục thể thao 07 thôn		364	364	UBND xã Bình Tân
7	Đường BTXM thôn Bình Hiếu: Đoạn nhà ông Sỹ đến vườn nhà ông Vinh		389	389	UBND xã Bình Tân
8	Đường BTXM thôn Bình Hiếu: Đoạn từ nhà ông Lâm đến vườn nhà ông Hoa		466	466	UBND xã Bình Tân
9	Láng nhựa đường thôn Phước Tân (đoạn từ hội trường thôn đến đất ông Trần Sỹ Thống)		2.282	2.282	UBND xã Bình Tân
10	Đường BTXM thôn Phước Tân: Đoạn từ nhà ông Thống đến vườn nhà ông Minh		542	542	UBND xã Bình Tân
11	Nâng cấp sửa chữa đường nhựa thôn Phước Tân (đoạn từ ranh đất thị xã Phước Long đến ông Trịnh Văn Thành)		1.495	1.495	UBND xã Bình Tân
12	Là sân bê tông xi măng Hội trường thôn Tân Hòa		60	60	UBND xã Phú Riềng
13	Đường thôn Tân Hòa từ tổ 4 đến ông Bùi Minh Cường		76	76	UBND xã Phú Riềng
14	Làm sân BTXM hội trường thôn Tân Phước		200	200	UBND xã Phú Riềng
15	Đường tổ Tân Hưng, thôn Tân Hiệp 1: Điểm đầu đường nhựa hiện hữu đến điểm cuối thửa đất ông Lê Văn Vương		203	203	UBND xã Phú Riềng
16	Đường BTXM xã Bù Nho tuyến đường thôn Tân Hiệp 1 từ Đỗ Văn Nam đến Mã Kim Lang		219	219	UBND xã Phú Riềng
17	Đường BTXM GTNT thôn Tân Long: Tiếp giáp đường nhựa từ thửa đất ông Trần Trọng Kim đến thửa đất ông Võ Văn Dũng		243	243	UBND xã Phú Riềng
18	Đường thôn Tân Bình từ ĐT 741 đến nhà ông Khá		748	748	UBND xã Phú Riềng
19	Mở rộng Đường BTXM GTNT, đường tổ Tân Hưng, thôn Tân Hiệp 1: Điểm đầu đường BTXM hiện hữu điểm cuối thửa đất bà Nguyễn Thị Bình		578	578	UBND xã Phú Riềng
20	Đường thôn tổ 4 Tân Phước từ cổng chào thôn đến điểm cuối		892	892	UBND xã Phú Riềng
21	Đường BTXM GTNT thôn Tân Phú từ nhà đội 13, NT Long Tân đến nhà ông Đình Văn Trung (800m)		1.444	1.444	UBND xã Phú Riềng
22	Đường BTXM GTNT thôn Tân Phú: Tiếp giáp đường BTXM từ thửa đất ông Hà Đình Thuận đến thửa đất ông Nguyễn Xuân Hoàng				UBND xã Phú Riềng
23	Tuyến đường BTXM, GTNT thôn 11: Từ thửa đất ông Võ Minh Tâm đến thửa đất ông Nguyễn Đình Tự		368	368	UBND xã Bình Tân
24	Tuyến đường BTXM, GTNT thôn 8: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa đất ông Phạm Biên Cương đến thửa đất bà Nguyễn Thị Kim Ba		475	475	UBND xã Bình Tân
25	Đường BTXM vào điểm Trường và hàng rào Trường tiểu học Vừ A Dính (điểm lẻ thôn 7) xã Long Bình		808	808	UBND xã Bình Tân

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
26	Xây dựng mương thoát nước thôn 4, thôn 3 xã Long Bình			-	UBND xã Bình Tân
27	Láng nhựa đường thôn 8 đi thôn 10 xã Long Bình			-	UBND xã Bình Tân
28	Đường thôn 3: Từ ngã 3 nhà ông Thành đến nhà bà Tứ.	1874/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	305	305	UBND xã Bình Tân
29	Mở rộng tuyến đường nhựa thôn 2, thực hiện theo cơ chế đặc thù	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Bình Tân
30	Đường BTXM thôn 1: Từ đường nhựa (tiếp giáp lô 157) đến nhà bà Nguyễn Thị Hồng	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Bình Tân
31	Đường thôn 4: Từ đường nhà Trần Thị Lan Phương đến nhà Lê Thị Thủy		741	741	UBND xã Bình Tân
32	Đường thôn 9: Từ nhà ông Trịnh Sư Minh đến nhà ông Phạm Tiến Sáng	1874/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	522	522	UBND xã Bình Tân
33	Đường BTXM thôn 3: Từ đất ông Nguyễn Văn Hoà đến đất ông Phan Văn Thế			-	UBND xã Bình Tân
34	Đường thôn 11: Từ đất ông Mai Anh Nam đến đất ông Đặng Quang Ngải		1.067	1.067	UBND xã Bình Tân
35	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân xã	1291/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	988	988	UBND xã Bình Tân
36	Nhựa hóa đường đến trung tâm xã đi qua thôn 6 và thôn 9	1286/QĐ-UBND ngày 23/07/2021	1.950	1.950	UBND xã Bình Tân
37	Tuyến giao thông kết nối đường ĐT 757B và đường liên xã đi Bình Sơn(qua thôn 5)	2002/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	2.350	2.350	UBND xã Bình Tân
38	Nâng cấp trục đường chính trung tâm xã DT757B, xây mương kín 02 bên đường	1258/QĐ-UBND ngày 21/07/2021	3.504	3.504	UBND xã Bình Tân
39	Nhựa hóa đường đến trung tâm xã đi qua thôn 4 và thôn 3)	1229/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	4.725	4.725	UBND xã Bình Tân
40	Nhựa hóa đường đến trung tâm xã đi qua thôn 7 và thôn 3	1230/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	4.980	4.980	UBND xã Bình Tân
41	Nhựa hóa đường liên xã Long Bình đi Long Hưng (qua thôn 6 và thôn 11)	1261/QĐ-UBND ngày 21/07/2021	6.497	6.497	UBND xã Bình Tân
42	Khoan giếng nước sinh hoạt cho 04 hộ: Thị Lem, Thị Liêng, Thị Chính, Vương Thị Danh				UBND xã Bình Tân
43	Nâng cấp, sửa chữa hàng rào trung tâm văn hoá xã				UBND xã Bình Tân
44	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hệ thống thoát nước dọc đường kết nối ĐT 757 với đường từ xã Đakia huyện Bù Gia Mập về xã Long Hưng, Long Bình huyện Phú Riềng				UBND xã Bình Tân
45	Đoạn BTXM vào nghĩa trang Nhân dân Trung tâm xã, thôn 4		43	43	UBND xã Long Hà
46	Đường BTXM thôn 9: từ đường BTXM tổ 3, thôn 9 đến nhà văn hóa thôn 9 kết nối qua thôn 8		45	45	UBND xã Long Hà
47	Đường vào Nghĩa trang Nhân dân thôn 1		110	110	UBND xã Long Hà
48	Đường bê tông xi măng: Thôn 6, từ ông Tống Bá Sỹ đến ông Nguyễn Đình Hải	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	173	173	UBND xã Long Hà
49	Đường BTXM thôn 9: từ nhà Vũ Duy Tam đến nhà Nguyễn Thị Oanh		135	135	UBND xã Long Hà
50	Tuyến đường BTXM GTNT thôn 8: Đoạn từ thửa đất ông Kiều Quang Mạnh đến thửa đất ông Nguyễn Dương Thục		147	147	UBND xã Long Hà
51	Đường bê tông xi măng, thôn 11: Đoạn từ thửa đất ông Nguyễn Hữu Bảo đến thửa đất ông Nguyễn Văn Hạ		156	156	UBND xã Long Hà
52	Mở rộng Đường bê tông xi măng Thôn 10: Đoạn từ nhà ông Hồ Đình Đình đến nhà ông Trần Quốc Hoàn	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Long Hà
53	Sửa chữa nhà văn hoá thôn 10	1224/QĐ-UBND ngày 23/06/2022	140	140	UBND xã Long Hà
54	Sửa chữa nhà văn hoá thôn 8	1222/QĐ-UBND ngày 23/06/2022	154	154	UBND xã Long Hà

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
55	Đường bê tông xi măng: Thôn 8, từ ông Lưu Đình Kỳ đến ông Đoàn Thị Thuý	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	294	294	UBND xã Long Hà
56	Sửa chữa nhà văn hóa thôn 2	1188/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	175	175	UBND xã Long Hà
57	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Bù Ka 1	1146/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	200	200	UBND xã Long Hà
58	Sửa chữa nhà văn hoá thôn 11	1223/QĐ-UBND ngày 23/06/2022	189	189	UBND xã Long Hà
59	Sửa chữa nhà văn hóa thôn 5A	1192/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	182	182	UBND xã Long Hà
60	Sửa chữa nhà văn hóa thôn 4	1115/QĐ-UBND ngày 16/6/2022	189	189	UBND xã Long Hà
61	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Phú Mang 1	1147/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	200	200	UBND xã Long Hà
62	Đường BTXM vào nghĩa trang trung tâm xã Long Hà		306	306	UBND xã Long Hà
63	Sửa chữa nhà văn hoá thôn 7	1298/QĐ-UBND ngày 27/06/2022	210	210	UBND xã Long Hà
64	Tuyến đường BTXM GTNT, thôn Phú Mang 1: Đoạn từ thửa đất ông Bùi Như Đảo đến thửa đất ông Phạm Ngọc Cường		303	303	UBND xã Long Hà
65	Đường bê tông xi măng: Thôn 6, từ ông Nguyễn Như Tú đến ông Nguyễn Văn Giám	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	407	407	UBND xã Long Hà
66	Tuyến đường BTXM GTNT thôn 8: Đoạn từ thửa đất ông Kiều Văn Phấn đến đất ông Đỗ Hữu Tuệ		321	321	UBND xã Long Hà
67	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Bù Ka 2	1148/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	260	260	UBND xã Long Hà
68	Tuyến đường BTXM GTNT, thôn Thanh Long: Đoạn từ thửa đất bà Trần Thị Lê đến thửa đất ông Cao Đình Tiến		367	367	UBND xã Long Hà
69	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Phú Mang 3	1150/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	260	260	UBND xã Long Hà
70	Đường BTXM thôn Thanh Long: từ chùa Tiên Thành đến nhà văn hóa thôn Phù Mang 1		396	396	UBND xã Long Hà
71	Đường bê tông xi măng: Thôn 6, từ ông Phùng Quang Hiền đến ông Đinh Công Hiền	1331/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	519	519	UBND xã Long Hà
72	Đường BTXM thôn Thanh Long: Từ nhà Nguyễn Văn Sinh đến nhà Lại Văn Tuấn		459	459	UBND xã Long Hà
73	Nâng cấp, mở rộng đường thôn Phú Mang 1 và kết nối với đường dọc Sông Bé - xã Long Hà		-	-	UBND xã Long Hà
74	Lắp nhựa từ đường ĐT757B vào thôn Phú Mang 1 xã Long Hà			-	UBND xã Long Hà
75	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa GTNT thôn 7, từ cổng chào thôn 7 đến nhà ông Nguyễn Văn Thâu	616/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	635	635	UBND xã Long Hà
76	Đường BTXM liên thôn 7: Đoạn từ nhà ông Phạm Trung Tú đến nhà ông Vũ Ngọc Thu	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Long Hà
77	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa GTNT thôn 1 - từ ông Phạm Văn Tân đến cổng chào thôn 1	614/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	893	893	UBND xã Long Hà
78	Mở rộng đường từ thôn Bù Ka 1 ra trung tâm xã: Đoạn từ nhà ông Trần Văn Da đến nhà bà Mai Thị Định	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Long Hà
79	Xây dựng nhà văn hóa thôn 9	1149/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	900	900	UBND xã Long Hà
80	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thanh Long	1084/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	900	900	UBND xã Long Hà
81	Xây dựng nhà văn hóa thôn 6	1145/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	900	900	UBND xã Long Hà
82	Xây dựng nhà văn hóa thôn 1	1083/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	900	900	UBND xã Long Hà
83	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa GTNT liên thôn 6 - thôn 7, từ cổng chào thôn 7 đến nhà ông Lê Mạnh Tuấn	617/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1.190	1.190	UBND xã Long Hà

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
84	Tuyến đường BTXM GTNT thôn Phú Mang 3 - thôn Bù Ka: Đoạn từ thửa đất ông Điều Ná đến thửa đất ông Nguyễn Quang Khải		1.277	1.277	UBND xã Long Hà
85	Xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn Bù Ka 1 - thôn 1 từ nhà ông Lê Văn Hồng đến đường nhựa Thôn Bù Ka 1	615/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	1.597	1.597	UBND xã Long Hà
86	Xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn 7 - thôn 8, từ đường ĐT 757 đến nhà ông Lưu Đình Kỳ	587/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	3.500	3.500	UBND xã Long Hà
87	Xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn 11 - thôn 1, từ nhà bà Nguyễn Thị Cẩn đến nhà ông Trần Văn Hoà	581/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	4.000	4.000	UBND xã Long Hà
88	Xây dựng đường nhựa GTNT liên thôn 6 - thôn 7, từ nhà ông Nguyễn Như Thập đến nhà ông Nguyễn Bá Bằng	580/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	2.400	2.400	UBND xã Long Hà
89	Sửa chữa hội trường nhà văn hoá xã				UBND xã Long Hà
90	Sửa chữa nâng cấp lán nhựa đường thôn Bù Ka 1 ra trung tâm xã (từ nhà ông Phạm Thanh Dũng đến đường liên xã Long Hà - Long Hưng)				UBND xã Long Hà
91	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn, thôn 7: Đoạn nhà ông Tuấn đến nhà ông Tú	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	151	151	UBND xã Bình Tân
92	Đường BTXM thôn 2: Đoạn từ đường nhựa xóm 3 đến nhà Lê Tiến Duân	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Bình Tân
93	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn, thôn 2: Từ đường nhựa thôn đến nhà bà Thuận	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	194	194	UBND xã Bình Tân
94	Đường BTXM, GTNT thôn 2: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa đất ông Đặng Văn Hiệu đến thửa đất ông Cao Văn Việt		281	281	UBND xã Bình Tân
95	Mở rộng đường BTXM thôn 7: Đoạn từ đường nhựa hồ thôn 7 đến nhà Võ Hồng Hanh	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Bình Tân
96	Đường BTXM, GTNT thôn 5: Từ đường nhựa BTXM hiện hữu, tiếp giáp thửa đất bà Mai Thị Hoài đến thửa đất ông Trần Ngọc Cảnh		452	452	UBND xã Bình Tân
97	Đường BTXM, GTNT thôn 5: Từ đường nhựa, tiếp giáp thửa ông Trần Sỹ Rạng đến thửa đất bà Nguyễn Thị Thuận (giáp cầu suối)		562	562	UBND xã Bình Tân
98	Đường BTXM, GTNT thôn 5: Đoạn nhà ông Vương (686m)		636	636	UBND xã Bình Tân
99	Đường bê tông xi măng giao thông thôn, thôn 3: Từ đường bê tông xi măng hiện hữu đến nhà ông Hải	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	896	896	UBND xã Bình Tân
100	Đường BTXM, GTNT thôn 7: đoạn từ cổng chào thôn 7 đến nhà ông Lê Huy Đức		4.061	4.061	UBND xã Bình Tân
101	Lán nhựa đường thôn 5 xã Long Tân			-	UBND xã Bình Tân
102	Mở rộng đường BTXM Thôn 2: Đoạn từ đường liên xã đến chùa Thanh Tân	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Bình Tân
103	Xây dựng 05 phòng chức năng trạm y tế xã Long Tân			-	UBND xã Bình Tân
104	Mở rộng đường BTXM Thôn 4: Đoạn từ nhà ông Lê Huy Sơn đến đường liên xã	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Bình Tân
105	Xây dựng hàng rào nghĩa trang nhân dân xã Long Tân			-	UBND xã Bình Tân
106	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội thôn thôn 4 (từ lô Nông trường đến nhà Ông Hải)	2360/QĐ-UBND ngày 27/10/2021	120	120	UBND xã Bình Tân
107	Mở rộng đường BTXM Thôn 2: Đoạn từ nhà Vũ Duy Chon đến nhà Hoàng Văn Yên	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Bình Tân
108	Mở rộng đường BTXM Thôn 4: Đoạn từ cổng chào đến Nhà Văn hóa thôn	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Bình Tân
109	Mở rộng đường BTXM Thôn 4: Đoạn từ Nhà Văn hóa thôn đến nhà bà Chánh	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Bình Tân
110	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội thôn thôn 3 (từ nhà Chương Hy đến ngã ba Chín Tuyến, từ nhà Xuân Ca đến dốc nhà Ông Nhất)	1594/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	334	334	UBND xã Bình Tân

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
111	Tuyến đường GT thôn 2(từ nhà Ông Thiện đến nhà Ông Thắng)	1973/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	331	331	UBND xã Bình Tân
112	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội thôn tổ 2, thôn 7 (từ nhà Châu Sương đến nhà Ông Ba Khoa)	1591/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	384	384	UBND xã Bình Tân
113	Tuyến đường thôn 5 (từ nhà ông Nguyễn Văn Mua đến nhà ông Nguyễn Văn Vinh; từ đường bê tông nhà ông Nguyễn Đình Quy đến nhà ông Lê Đình Chính)		710	710	UBND xã Bình Tân
114	Tuyến đường GT thôn 4(từ nhà Ông Chương đến đường BTXM hiện hữu)	1973/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	425	425	UBND xã Bình Tân
115	Tuyến đường thôn 7 (từ ngã ba trại heo đến nhà Lê Tất Liên)		863	863	UBND xã Bình Tân
116	Tu sửa đường giao thông nông thôn nội thôn tổ 2, thôn 5 (từ nhà Ông Hồi đến hết tổ 2 thôn 6)	1593/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	570	570	UBND xã Bình Tân
117	Tuyến đường GT thôn 7 (từ nhà ông Đoàn Văn Cường đến nhà bà Lê Thị Tuyết)		1.021	1.021	UBND xã Bình Tân
118	Tuyến đường GT các tuyến thôn 5 và thôn 4	1973/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	709	709	UBND xã Bình Tân
119	Tuyến đường thôn 3 (từ nhà ông Chương Hy đến nhà ông Sáu Tân)		1.386	1.386	UBND xã Bình Tân
120	Láng nhựa đường GTNT (Từ ngã ba Hải Lý qua suối đá)	2509/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	1.184	1.184	UBND xã Bình Tân
121	Láng nhựa đường GTNT (từ nhà Diễm Lan đến đường BTXM hiện hữu)	1287/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	2.040	2.040	UBND xã Bình Tân
122	Láng nhựa đường GTNT (đường 327 từ nhà Ông Thọ đến nhà Ông Toàn)	1288/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	1.680	1.680	UBND xã Bình Tân
123	Láng nhựa đường GTNT (từ ngã ba quán Hai Lý đến nối tiếp đường 327)	1592/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	2.099	2.099	UBND xã Bình Tân
124	Láng nhựa đường GTNT (từ ngã ba Long Hằng đến nhà Ông Dũng)	1289/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	2.160	2.160	UBND xã Bình Tân
125	Láng nhựa đường GTNT (từ Nghĩa trang nhân dân nối với đường nhựa đi thôn 3 hướng nhà Ông Bốn Xuyên)	1290/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	2.400	2.400	UBND xã Bình Tân
126	Duy tu, sửa chữa tuyến đường nhựa thôn 5: Đoạn từ nhà ông Hoan Diễm đến tiếp giáp đường quy hoạch số 2				UBND xã Bình Tân
127	Giải phóng mặt bằng và mở rộng đường giao thông từ xã kết nối cầu Long Tân – Long Hà				UBND xã Bình Tân
128	Khoan giếng nước sinh hoạt cho 04 hộ: Điều Kha, Điều Dinh, Điều Đề, Thị Chà				UBND xã Bình Tân
129	Láng nhựa tuyến đường thôn 5: giáp khu hậu cần quốc phòng, kết nối liên thôn 5 - thôn 6				UBND xã Bình Tân
130	Làm mới đường BTXM Thôn Phú Thành: Từ nhà máy nước đến nhà ông Nguyễn Văn Hồng.	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Phú Riềng
131	Làm mới đường BTXM Thôn Phú Hưng: Từ nhà ông Vũ Đức Mạnh đến đường vành đai Suối Dên.	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Phú Riềng
132	Làm mới đường BTXM Thôn Phú Thịnh: Từ nhà Lương Văn Thanh đến nhà ông Trần Đức Kinh	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Phú Riềng
133	Mở rộng đường BTXM Thôn Phú Tân: Từ nhà bà Đinh Thị Lựa đến ông Trần Đình Quyền	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Phú Riềng
134	Mở rộng đường BTXM Thôn Phú Tân: Từ nhà ông Nguyễn Đăng Trụ đến nhà bà Nguyễn Thị Sáu.	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Phú Riềng
135	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn tại thôn Phú Hòa: Đoạn đường suối cầu Ba Mun		176	176	UBND xã Phú Riềng
136	Làm mới đường BTXM Thôn Phú Cường: Từ nhà ông Nguyễn Viết Trung đến nhà ông Dương Minh Hoàng.	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Phú Riềng
137	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hệ thống thoát nước dọc vành đai suối Dên, xã Phú Riềng		2.986	2.986	UBND xã Phú Riềng
138	Công trình phụ trợ				UBND phường Phước Bình
139	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn tại thôn Phú Thuận: Đoạn đường qua dốc bảy trình (01 đường tránh)		460	460	UBND xã Phú Riềng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
140	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn tại thôn Phú Tân: Đoạn từ nhà bà Ninh đến nhà ông Lý (02 đường tránh)		567	567	UBND xã Phú Riềng
141	Đường GTNT thôn Phú An, đoạn 1: Từ nghĩa trang nhân dân xã đến thửa đất ông Trương Long An dài 1000m.		1.029	1.029	UBND xã Phú Trung
142	Đường GTNT thôn Phú Tâm, đoạn 2: Từ đường ĐT 753B đến nhà ông Nguyễn Viết Hường dài 130m.		134	134	UBND xã Phú Trung
143	Đường GTNT thôn Phú Lâm, đoạn 4: từ đường BTXM thôn Phú Lâm đến hết thửa đất nhà ông Hà Duy Minh dài 100m.		147	147	UBND xã Phú Trung
144	Đường GTNT thôn Phú Tâm, đoạn 2: từ nhà ông Trần Bá Tú đến nhà ông Đào Văn Hùng dài 200m.		235	235	UBND xã Phú Trung
145	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Phú Nghĩa và các công trình phụ trợ		1.139	1.139	UBND xã Phú Trung
146	Xây dựng nhà văn hóa thôn Phú Tâm và các công trình phụ trợ		1.139	1.139	UBND xã Phú Trung
147	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn, thôn Phú Nghĩa: Đoạn từ nhà ông Nguyễn Đình Nam đến nhà bà Nguyễn Thị Quyết	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	50	50	UBND xã Phú Trung
148	Đường GTNT từ thôn Phú Nghĩa đến trung tâm xã: - đoạn 1: từ chòi mù đến Nhà Văn Hóa thôn Phú Tín (cũ) dài 1000m		1.500	1.500	UBND xã Phú Trung
149	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Phú Tâm: Đoạn từ nhà bà Dương Thị Hằng đến nhà bà Trương Thị Gấm	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	87	87	UBND xã Phú Trung
150	Tuyến đường BTXM thôn Phú Nghĩa: Đoạn từ thửa đất ông Lê Thành Tâm đến thửa đất ông Lê Hòa Khánh		142	142	UBND xã Phú Trung
151	Đường GTNT từ thôn Phú Tiến đến trung tâm xã: - Đoạn 1: từ nhà ông Lê Văn Khu đến hết nhà ông Sủ A Sầu dài 545m; - Đoạn 2: từ thửa đất ông Hồ Văn Khánh đến nhà ông Đào Văn Dũng dài 1286m		2.747	2.747	UBND xã Phú Trung
152	Đường BTXM thôn Phú An: Đoạn từ ngã ba cây xăng Phú An đến nhà ông Lý Chí Long	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Phú Trung
153	Tuyến đường BTXM thôn Phú Nghĩa: Đoạn từ thửa đất bà Đỗ Thị Như Ý đến thửa đất ông Trần Minh Tú		151	151	UBND xã Phú Trung
154	Tuyến đường BTXM thôn Phú Lâm: Đoạn từ thửa đất ông Nguyễn Văn Dương đến thửa đất bà Trần Thị Hường		166	166	UBND xã Phú Trung
155	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn, tổ 1, thôn Phú Tiến: Đoạn từ nhà ông Cương đến nhà ông Bằng	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	144	144	UBND xã Phú Trung
156	Đường GTNT thôn Phú An, đoạn 2: Từ đường nhựa thôn Phú An đến hết thửa đất ông Đinh Văn Hai dài 200m		235	235	UBND xã Phú Trung
157	Đường BTXM thôn Phú Bình: Đoạn qua Nghĩa trang thôn	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Phú Trung
158	Hoàn thiện công trình phụ trợ các trường học	1522/QĐ-UBND ngày 16/5/2025	863	863	UBND xã Phú Trung
159	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn, tổ 1, thôn Phú Tiến: Đoạn từ nhà ông Quyền đến nhà ông Hà Công Thành	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	231	231	UBND xã Phú Trung
160	Sân BTXM Trường TH&THCS Phú Trung	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Phú Trung
161	Đường GTNT thôn Phú Tiến: Đoạn từ ngã 3 tiếp giáp thửa đất ông Nguyễn Văn Tài đến thửa đất ông Võ Văn Năm		904	904	UBND xã Phú Trung
162	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Phú An: Đoạn từ đường ĐT753B đến nhà ông Nguyễn Doãn Lý	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	287	287	UBND xã Phú Trung

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
163	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn, tổ 1, thôn Phú Tiến : Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Nhỏ đến nhà ông Nguyễn Văn Tịnh	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	332	332	UBND xã Phú Trung
164	Đường thôn Phú An: - đoạn 3: từ thửa đất Cao Xuân Hoa đến thửa đất ông Tuyên dài 500m.		532	532	UBND xã Phú Trung
165	Nâng cấp, láng nhựa đường giao thông nông thôn đầu cầu Bến Tre và đoạn qua thôn Phú Lam, xã Phú Trung, huyện Phú Riềng		1.261	1.261	UBND xã Phú Trung
166	Đường thôn Phú Tâm: đoạn từ thửa đất Ông Nguyễn Anh Đức đến bà Lê Thị Ngân		553	553	UBND xã Phú Trung
167	Đường GTNT thôn Phú Tiến: Đoạn từ thửa đất ông Trung Bách đến thửa đất ông Nguyễn Thái Thuận.		638	638	UBND xã Phú Trung
168	Đường GTNT thôn Phú Tiến: Đoạn từ thửa đất ông Điều Men đến thửa đất bà Hiện		904	904	UBND xã Phú Trung
169	Đường GTNT thôn Phú Tiến: - đoạn 1: từ thửa đất ông Vũ Duy Toàn đến thửa đất ông Vũ Văn Thanh dài 500m. - đoạn 2: từ thửa đất ông Thoa đến thửa đất ông Công đến ông Nguyễn Minh Tiến dài 500m.		1.064	1.064	UBND xã Phú Trung
170	Xây dựng cổng, hàng rào, sân bê tông xi măng trạm y tế xã				UBND xã Phú Trung
171	Đường GTNT thôn Đồng Tháp: Đoạn từ ông Ân đến ông Hoàng		152	152	UBND xã Phú Trung
172	Đường GTNT thôn Đồng Tháp: Đoạn từ ông Nam đến ông Thịnh		267	267	UBND xã Phú Trung
173	Đường BTXM thôn Đồng Tiến: Đoạn từ bà Đoàn Thị Tuyết Dung đến ông Võ Ngọc Ân	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Phú Trung
174	Đường BTXM, giao thông nông thôn, thôn Bình Trung: Đoạn từ nhà ông Điều Bình đến đất ông Cường	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	353	353	UBND xã Phú Trung
175	Đường GTNT thôn Đồng Tháp: Đoạn từ ông Lê - ông Kiệt		722	722	UBND xã Phú Trung
176	Đường BTXM, GTNT Thôn Đồng Tháp: - Đoạn từ giáp đường Phước Tân - Phú Trung đến Bà Vũ Thị Quế 142m; - Đoạn từ giáp đường Phước Tân - Phú Trung đến ông Đào Xuân Dũng 600m.	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Phú Trung
177	Đường BTXM, giao thông nông thôn, thôn Bình Trung: Đoạn từ giáp đường BTXM đi xóm Lu đến ông Tài	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	487	487	UBND xã Phú Trung
178	Đường BTXM, GTNT Thôn Đồng Tháp: - Đoạn từ giáp đường Phước Tân - Phú Trung đến ông Hứa văn Niệm 470m; - Đoạn từ giáp đường Phước Tân - Bù Nho đến ông Lê Văn Lai 356m.	738/QĐ-UBND ngày 21/3/2025		-	UBND xã Phú Trung
179	Đường GTNT thôn Đồng Tiến : Đoạn từ bà Hồng đến bà Dung		846	846	UBND xã Phú Trung
180	Đường BTXM, giao thông nông thôn, thôn Đồng Tiến: Đoạn từ đất ông Dũng đến đất ông Đính	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	974	974	UBND xã Phú Trung
181	Nâng cấp đường N6 (từ đường ĐT 759 đến cổng UBND xã) và đường D2 (sau lưng UBND xã)	3087/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	3.300	3.300	UBND xã Phú Trung
182	Đường BTXM, GTNT thôn Bàu Đĩa: Đoạn từ ông Nguyễn Văn Chi đến ông Hoàng Văn Chung				UBND xã Phú Trung
183	Đường BTXM, GTNT thôn Đồng Tháp: Đoạn từ đường Phước Tân - Phú Trung đến ông Hữu Văn Niệm 270m				UBND xã Phú Trung
184	Sửa chữa hàng rào trường TH&THCS Trần Phú				UBND xã Phú Trung
185	Xây dựng sân BTXM trường Mẫu giáo Phước Tân (điểm chính)				UBND xã Phú Trung
186	Khoan giếng nước sinh hoạt cho hộ nghèo dân tộc thiểu số Thị Khôn				UBND xã Phú Trung
187	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Phước Thịnh: Từ nhà ông Cảnh đến nhà bà Thịnh	4981/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	120	120	UBND xã Bình Tân

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
188	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Phước Tân: Từ nhà ông Phát đến nhà ông Phát	4981/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	543	543	UBND xã Bình Tân
189	Đường thôn 6: Từ nhà ông Đặng Văn Chiến đến vườn nhà ông Văn	1874/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	107	107	UBND xã Bình Tân
190	Đường thôn 10: Từ trường mẫu giáo Tuổi Thơ đến nhà ông Vi Văn Gia; Từ nhà bà Bằng Thị Hạnh đến nhà ông Hoàng Văn Tranh	1874/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	272	272	UBND xã Bình Tân
191	Đường thôn 8: Từ nhà ông Dương Văn Tính đến nhà ông Lý A Sáng	1874/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	501	501	UBND xã Bình Tân
192	Đường thôn 5: Từ ngã 3 ông Năm Tánh đến nhà ông Lưu Phúc Kiên; Từ nhà ông Phạm Văn Khánh đến ngã 3 cầu Sắt)	1874/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	501	501	UBND xã Bình Tân
193	Đường thôn 9: Từ nhà ông Hoàng Ngọc Lý đến nhà ông Chu Quang Hò; - Từ nhà ông Lưu Văn Giang đến nhà Văn hóa thôn 9; Từ nhà ông Ma Văn Sơn đến nhà ông Bể Văn Táo.	1874/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	594	594	UBND xã Bình Tân
194	Đường thôn 9: Từ cầu Thanh niên đến nhà bà Nguyễn Thị Bán	1874/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	809	809	UBND xã Bình Tân
195	Đường thôn 10: Từ nhà ông Lý Oanh đến khu đồng bào S'tiêng	1874/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	1.145	1.145	UBND xã Bình Tân
196	Đường thôn 5: Từ nhà ông Thùng Lý Sáng đến ngã 3 nhà ông Dưỡng Mập và ông Năm Tánh	1874/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	1.216	1.216	UBND xã Bình Tân
197	Xây dựng công, hàng rào, mở rộng nhà văn hóa trung tâm xã	1291/QĐ-UBND ngày 23/7/2021	1.000	1.000	UBND xã Bình Tân
198	Xây dựng Nhà văn hóa và các công trình phụ 11 thôn (Xây mới nhà văn hóa thôn 1, 09 nhà vệ sinh, 09 giếng nước)	1595/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	1.630	1.630	UBND xã Bình Tân
199	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 11: Đoạn từ nhà Trần Ngọc Lưu đến nhà Lê Huy Sắc	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	113	113	UBND xã Long Hà
200	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 4: Đoạn từ đường ĐT757 đến nhà Nguyễn Văn Thực, -Từ nhà Nguyễn Thị Thắm đến nhà Trần Thị Hương	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	145	145	UBND xã Long Hà
201	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn Thanh Long: Đoạn từ nhà Cao Đình Đức đến nhà Nguyễn Ngọc Em	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	436	436	UBND xã Long Hà
202	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 9: Đoạn từ nhà Trần Duy Nam đến nhà Hoàng Minh Phúc	5041/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	799	799	UBND xã Long Hà
203	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 10: - Đoạn ông Thành(80m); - Đoạn nhà ông Sáng (190m); - Đoạn ông Duân (276m); - Đoạn ông Doanh (100m); - Đoạn nhà ông Hoà (205m); -Tuyến nhà bà Hiền(70m).	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	660	660	UBND xã Bình Tân
204	Đường bê tông xi măng, giao thông nông thôn, thôn 10:Tuyến từ liên xã đến nhà ông Dũng	1537/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	853	853	UBND xã Bình Tân
205	Xây dựng nhà văn hóa thôn 2 và công trình phụ	4996/QĐ-UBND ngày 23/11/2021	770	770	UBND xã Long Hà
206	Xây dựng nhà văn hóa thôn 4 và công trình phụ	1226/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	560	560	UBND xã Long Hà
207	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5 và công trình phụ	1225/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	582	582	UBND xã Long Hà
208	Xây dựng nhà văn hóa thôn 1 và công trình phụ	1228/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	630	630	UBND xã Long Hà
209	Sửa chữa nhà văn hóa thôn 3, thôn 6 và công trình phụ	1227/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	677	677	UBND xã Long Hà
210	Xây dựng nhà văn hóa thôn 7 và công trình phụ	1224/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	737	737	UBND xã Long Hà
211	Chưa phân khai			-	UBND xã Long Hà
J	HUYỆN BÙ ĐẮNG		2.337.740	2.102.932	
J1	KHOI HUYỆN		1.404.473	1.221.851	

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		707.742	707.742	
1	Xây dựng khối 10 phòng học lầu và các hạng mục phụ Trường TH Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	1911/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.617	9.617	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
2	Xây dựng Trường THCS Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	1338/QĐ-UBND ngày 16/6/2020	16.800	16.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
3	Xây dựng khối hiệu bộ, các phòng chức năng Trường THCS Bình Minh.	1913/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	15.000	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
4	Sửa chữa mương thoát nước trường Mẫu giáo Hoa Hồng, xã Đăk Nhau	3653/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	750	750	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
5	Xây dựng đường thâm nhập nhựa thôn 4 xã Bình Minh đi Bom Bo (khu 24)	1922/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	12.857	12.857	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
6	Sửa chữa, nâng cấp bê tông nhựa các tuyến đường nội ô TTHC xã Thống Nhất	1225/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
7	Xây dựng Trường TH Xuân Hồng (điểm mới), xã Bình Minh.	1917/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	23.500	23.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
8	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động trường Mẫu giáo Sao Mai, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	1918/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.000	20.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
9	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động Trường MG Hoa Mai.	1909/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.000	20.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
10	Xây dựng mới Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	1910/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	30.000	30.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
11	Xây dựng 10 phòng lầu Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái (điểm thôn 5), xã Đồng Nai	3113/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
12	Xây dựng 2 phòng học, 2 phòng chức năng (điểm Sơn Thọ) Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	3111/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	2.400	2.400	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
13	Xây dựng 6 phòng lầu Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đăk Nhau	3110/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	3.600	3.600	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
14	Mua sắm trang thiết bị khối phòng học và các phòng chức năng Trường tiểu học Bom Bo, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng	3109/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	2.800	2.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
15	Xây dựng 8 phòng học lầu Trường TH&THCS Trần Văn Ôn, xã Bom Bo	3108/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	4.800	4.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
16	Xây dựng 04 phòng học (điểm chính), 02 phòng học (điểm thôn 6), 02 phòng học (điểm thôn 8) Trường TH Tô Vĩnh Diện, xã Bình Minh.	3107/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	4.800	4.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
17	Xây dựng 10 phòng học lầu và hạng mục phụ san lấp mặt bằng Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	3106/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	6.500	6.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
18	Xây dựng 4 phòng lầu (điểm Bù Xa) Trường TH Lê Hồng Phong, xã Phước Sơn	3105/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	2.400	2.400	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
19	Xây dựng Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, xã Thống Nhất	3104/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	14.900	14.900	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
20	Xây dựng 01 phòng học (Điểm thôn 6) Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai	3103/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	600	600	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
21	Mua sắm trang thiết bị Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	2575/QĐ-UBND ngày 11/7/2021	700	700	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
22	Xây dựng 08 phòng học, 06 phòng bộ môn Trường TH Đức Liễu, xã Đức Liễu	3810/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	9.800	9.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
23	Xây dựng 16 phòng học Trường TH Phước Sơn, xã Phước Sơn	3769/QĐ-UBND ngày 25/8/2021	10.277	10.277	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
24	Xây dựng 18 phòng học Trường TH Đức Phong, thị trấn Đức Phong	3990/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 và 4026/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	14.990	14.990	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
25	Xây dựng 15 phòng học THCS Thống Nhất, xã Thống Nhất	3952/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	10.500	10.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
26	Xây dựng 02 phòng học Trường TH Thống Nhất, xã Thống Nhất	3770/QĐ-UBND ngày 25/8/2021	1.400	1.400	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
27	Xây dựng 12 phòng học lầu Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	3771/QĐ-UBND ngày 25/8/2021	8.400	8.400	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
28	Xây dựng 10 phòng học lầu, 10 phòng bộ môn trường THCS Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	3813/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	14.000	14.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
29	Xây dựng 18 phòng học Trường TH Nguyễn Văn Trỗi xã Thống Nhất	4121/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	12.000	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
30	Xây dựng 3 phòng học và 6 phòng bộ môn Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đắk Nhau	3809/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	6.300	6.300	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
31	Xây dựng đường bê tông nhựa (bên cạnh Trụ sở BCHQS huyện) từ QL14 đến đường D1 nối dài	1949/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	3.955	3.955	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
32	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thôn 3, xã Minh Hưng (giai đoạn 2)	3112/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33	XD khối trụ sở UBND xã Bom Bo tại điểm quy hoạch mới	2584/QĐ-UBND ngày 20/11/2020	17.000	17.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
34	Xâm nhập nhựa tuyến đường thôn 6 đi thôn 7, xã Đoàn Kết	5161/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	5.700	5.700	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
35	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng đường từ thôn Sơn Lợi đi Sơn Hòa, xã Thọ Sơn	5162/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	3.900	3.900	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
36	Nâng cấp, sửa chữa đường liên thôn từ khu 21 hộ thôn Đak La đi thôn Đak Xuyên, xã Đắk Nhau	5163/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	5.400	5.400	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
37	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ ngã ba ông Thoại đi xã Đắc Lua, huyện Tân Phú tỉnh Đồng Nai, xã Đăng Hà	5164/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	8.700	8.700	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
38	Nâng cấp, sửa chữa đường DT755 ấp 5 - Nghĩa trang - ấp 4, xã Phước Sơn	5165/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	5.100	5.100	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
39	Nâng cấp, sửa chữa đường liên thôn 7 đi thôn 10 (đoạn bên đò), xã Bom Bo	5169/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	3.906	3.906	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
40	Xây dựng vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước đường nội bộ KDC Đức Lập	5170/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
41	Xây dựng hạ tầng khu đất mở rộng Nghĩa trang nhân dân thị trấn Đức Phong	5171/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
42	Xây dựng đường quanh hồ 7 mẫu thị trấn Đức Phong	2552/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	14.990	14.990	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
43	Nâng cấp thảm BTN đường vào Sóc Buramang - thị trấn Đức Phong	17182/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
44	XD 04 phòng học điểm thôn 2 và thôn 6 trường TH-THCS Đoàn Đức Thái, xã Đồng Nai	QĐ 5172/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	2.800	2.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
45	Xây dựng 4 phòng học (2 điểm lẻ) Trường TH Đoàn Kết, Xã Đoàn Kết	5173/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	2.800	2.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
46	Xây dựng 10 phòng học, 6 phòng bộ môn (điểm chính), các phòng và hạng mục khác trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết	5174/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	14.500	14.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
47	Xây dựng 06 phòng học, 06 phòng bộ môn và các hạng mục khác Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	5175/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	11.100	11.100	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
48	Xây dựng 8 phòng học, 2 phòng bộ môn và các hạng mục khác Trường MN Đăng Hà, xã Đăng Hà	5176/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	10.100	10.100	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
49	XD 02 phòng học điểm lẻ Sơn Lang và 01 phòng học điểm lẻ Sơn Tân Trường MN Hướng Dương, xã Phú Sơn	5177/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	2.550	2.550	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
50	Xây dựng 08 phòng học lầu, 06 phòng bộ môn Trường TH Lê Lợi, thị trấn Đức Phong	5178/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	11.000	11.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
51	Xây dựng 6 phòng học và 02 phòng bộ môn, các phòng và hạng mục khác Trường MG Phước Sơn, xã Phước Sơn	5179/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	6.900	6.900	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
52	Xây dựng Trường Mầm non Hoa Sen, xã Đoàn Kết	5180/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	20.700	20.700	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
53	Xây dựng 03 phòng bộ môn, 01 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Quang Trung, xã Phú Sơn	5297/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	5.500	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
54	Xây dựng 02 phòng học, 05 phòng bộ môn, 01 phòng hỗ trợ học tập và các hạng mục khác Trường THCS Đức Liễu, xã Đức Liễu	5298/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	7.650	7.650	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
55	Xây dựng 09 phòng học bộ môn, 04 phòng học và các hạng mục khác Trường THCS Võ Trường Toản, xã Phước Sơn	5299/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	13.000	13.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
56	Xây dựng 02 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường MG Hoa Hồng, xã Đăk Nhau	1720/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	5.750	5.750	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
57	Xây dựng 11 phòng học, 06 phòng hành chính, 02 phòng hỗ trợ, 03 phòng phụ trợ và các phòng và các hạng mục khác Trường MG Phước Sơn, xã Phước Sơn	1993/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	19.800	19.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
58	Xây dựng 04 phòng học bộ môn, các phòng và hạng mục khác Trường TH Nguyễn Thái Bình, xã Thống Nhất	1722/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	4.800	4.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
59	Xây dựng 14 phòng học, 12 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Chu Văn An, xã Đăk Nhau	2233/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	29.500	29.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
60	Xây dựng 04 phòng bộ môn, các hạng mục khác Trường Tiểu học Xuân Hồng xã Bình Minh.	1724/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	4.150	4.150	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
61	Xây dựng 4 phòng học, 6 phòng học bộ môn và các hạng mục khác Trường THCS Phan Bội Châu, thị trấn Đức Phong	1725/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	9.300	9.300	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
62	Xây dựng 06 phòng khối hành chính, 4 phòng học, 2 phòng giáo dục thể chất nghệ thuật, các phòng và hạng mục khác Trường Mầm non Tuổi Hồng, xã Nghĩa Bình	1994/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	13.350	13.350	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
63	Xây dựng 6 phòng hành chính, 4 phòng hỗ trợ học tập, 3 phòng phụ trợ và các hạng mục khác Trường TH Lê Lợi, thị trấn Đức Phong	1727/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	8.050	8.050	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
64	Xây dựng 6 phòng hành chính, 9 phòng bộ môn, 2 phòng phụ trợ và các hạng mục Trường TH Đức Phong, thị trấn Đức Phong	1920/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	16.200	16.200	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
65	Xây dựng, nâng cấp, mua sắm một số thiết bị và các hạng mục khác các trường học trên địa bàn huyện	2083/QĐ-UBND ngày 04/10/2022	12.800	12.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
66	Nâng cấp sửa chữa Nhà ăn, khuôn viên Huyện ủy	5181/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	2.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
67	Đối ứng công trình: Nâng cấp, cải tạo Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng	1498/QĐ-UBND ngày 14/7/2020	2.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
68	Xây dựng khối các phòng học, bộ môn; khối phòng hành chính, hỗ trợ, phụ trợ; các phòng và hạng mục khác Trường TH&THCS Trần Văn Ôn, xã Bom Bo	2965/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	28.000	28.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
69	Xây dựng đường DH16 đi Chùa Thanh Đức	2700/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	4.500	4.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
70	Thảm nhựa nối tiếp đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến ngã tư Đak Xuyên	2705/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	8.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
71	Đường liên xã khu 24, xã Bình Minh	2655/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
72	Nâng cấp vỉa hè, mương thoát nước, điện chiếu sáng đường Nguyễn Thị Minh Khai - thị trấn Đức Phong	1231/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	12.000	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
73	Xây dựng Nhà ở doanh trại và các hạng mục khác Công an một số xã	480/QĐ-UBND ngày 11/3/2024	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
74	Xử lý cấp bách chống ngập úng và chỉnh trang đô thị thị trấn Đức Phong	466/QĐ-UBND ngày 08/3/2024	14.500	14.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
75	Xây dựng một số cầu cống tại các xã: Bom Bo, Đak Nhau	468/QĐ-UBND ngày 08/3/2024	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
76	Xây dựng đường điện chiếu sáng xã Đức Liễu (Từ ngã ba Sao Bọng đi ngã ba 33)	QĐ 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2024	4.100	4.100	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
77	Sửa chữa và cải tạo cảnh quan Nhà tiếp đón Khu bảo tồn Văn hóa dân tộc S'tiêng Sóc Bom Bo	1349/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
78	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường Sao Bọng - Đăng Hà (đoạn dốc 5 cây)	483/QĐ-UBND ngày 12/3/2024	4.000	4.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		317.495	317.495	
1	Trước ngày 30/6/2025		159.045	159.045	

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
1	Xây dựng Trường TH Đăk Nhau		50.000	50.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
2	Xây dựng các phòng học, các phòng chức năng và các hạng mục khác Trường MN Đăng Hà, xã Đăng Hà		12.000	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
4	Xây dựng 14 phòng học, 12 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác trường THCS Chu Văn An xã Đăk Nhau		29.500	29.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
5	Xây dựng 06 phòng HC, 04 phòng hỗ trợ học tập, 03 phòng phụ trợ, các phòng điểm Thôn 4 và các hạng mục khác Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà		12.000	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
6	Xây dựng đường quanh hồ 7 mẫu, thị trấn Đức Phong		14.990	14.990	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
7	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong		5.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
9	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng dọc QL.14 một số đoạn còn lại xã của Thọ Sơn		4.700	4.700	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
12	Xây dựng đường vào Trường TH Đak Nhau, xã Đak Nhau		1.655	1.655	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
13	Xây dựng một số cầu cống tại các xã: Đường 10, Phước Sơn và Đoàn Kết		11.000	11.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
17	Sửa chữa cải tạo Trung tâm văn hóa huyện		14.700	14.700	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
32	Kế hoạch vốn bố trí thanh toán các công trình quyết toán chưa phân bổ		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.1	Xây dựng 01 phòng học (Điểm thôn 6) Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.2	Xây dựng trường Tiểu Học Xuân Hồng (điểm mới), xã Bình Minh, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.3	Xây dựng Cầu dân sinh trên đường Thọ Sơn đi Đăk Nhau, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.4	Xây dựng 02 phòng học (điểm chính) Trường TH&THCS Trần Văn Ôn, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.5	Xây dựng, sơn sửa hàng rào, cổng trường, bếp ăn Trường Mẫu giáo Đức Liễu, Xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.6	Nâng cấp đường Bù tôm cũ nối dài, thôn 7, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.7	Xây dựng vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước đường nội bộ KDC Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.8	Thảm nhựa đường số 2 TTHC xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.9	Xây dựng Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.10	Xây dựng Trường Mầm non Hoa Sen, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.11	Xâm nhập nhựa tuyến đường thôn 6 đi thôn 7, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.12	Xây dựng trường Trung học Cơ sở Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
33.13	Xây dựng 10 phòng học lầu, 10 phòng học bộ môn trường THCS Thọ Sơn, xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.14	Đường liên xã khu 24, xã Bình Minh, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.15	Xây dựng 6 phòng lầu trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.16	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động trường Mẫu giáo Sao Mai, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.17	Xây dựng, nâng cấp trụ sở, hội trường, nhà truyền thống, xây dựng mới 03 phòng làm việc của Công an xã, xây dựng bếp ăn cho lực lượng Công An - Xã Đội và các hạng mục khác tại khuôn viên UBND xã Thọ Sơn		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.18	Xây dựng 04 phòng học điểm thôn 2 và thôn 6 trường TH-THCS Đoàn Đức Thái, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.19	Xây dựng 02 phòng, 05 phòng bộ môn, 01 phòng hỗ trợ học tập và các hạng mục khác Trường THCS Đức Liễu, xã Đức Liễu		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.20	Xây dựng 02 phòng học, 2 phòng chức năng (điểm Sơn Thọ) Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.21	Xây dựng, nâng cấp, mua sắm một số thiết bị và các hạng mục khác các trường học trên địa bàn huyện		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.22	Xây dựng 18 phòng học Trường TH Đức Phong, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.23	Xây dựng 03 phòng học và 06 phòng bộ môn Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đăk Nhau		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.24	Xây dựng 18 phòng học Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.25	Xây dựng 04 phòng học, 06 phòng bộ môn và các hạng mục khác trường THCS Phan Bội Châu, thị trấn Đức Phong		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.26	Xây dựng đường DH16 đi chùa Thanh Đức, thị trấn Đức Phong		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.27	Xây dựng 06 phòng hành chính, 04 phòng học, 02 phòng giáo dục thể chất nghệ thuật, các phòng và hạng mục khác trường Mầm non Tuổi Hồng, xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.28	Xây dựng mới hội trường và các hạng mục khác UBND xã Thống Nhất		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.29	Xây dựng 15 phòng học Trường THCS Thống Nhất, xã Thống Nhất		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.30	Đường BT nhựa nóng 05 tuyến đường xung quanh trung tâm hành chính xã Đoàn Kết		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.31	Nâng cấp, cải tạo đoạn giữa tuyến ngã ba chung chiều đi thủy điện Đak Glun 1, xã Đường 10		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.32	Xây dựng 08 phòng học, 02 phòng bộ môn và các hạng mục khác trường MN Đăng Hà, xã Đăng Hà		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
33.33	Thâm nhập nhựa tuyến đường liên thôn Thống Nhất đi Đak Wí, xã Đak Nhou		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.34	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thôn 3, xã Minh Hưng (giai đoạn 2)		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.35	Nâng cấp, cải tạo đường từ cổng chào đi xóm người Hoa thôn 3, xã Đường 10		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.36	Xây dựng 02 phòng học điểm lẻ Sơn Lang và 01 phòng học điểm lẻ Sơn Tân Trường MG Hướng Dương, xã Phú Sơn		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.37	Xây dựng một số cầu, cống tại các xã: Bom Bo, Đak Nhou		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.38	Xây dựng đường điện chiếu sáng xã Đức Liễu (từ ngã ba Sao Bọng đi ngã ba 33)		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.39	Xử lý cấp bách chống ngập úng và chỉnh trang đô thị, thị trấn Đức Phong		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.40	Xây dựng đường điện trung thế- hạ thế và trạm biến áp tuyến cây xăng Chung Chiêu đi Đak Nung, xã Đak Nhou		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.41	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường Sao Bọng- Đăng Hà (đoạn dốc 5 cây)		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.42	Xây dựng 04 phòng học bộ môn, các hạng mục khác trường Tiểu học Xuân Hồng, xã Bình Minh		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.43	Nâng cấp, sửa chữa đường liên thôn 7 đi thôn 10 (đoạn bến đò), xã Bom Bo		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.44	Xây dựng 4 phòng học (2 điểm lẻ) Trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.45	Nâng cấp thảm BTN đường vào sóc Buramang, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.46	Xây dựng 06 phòng hành chính trường, 4 phòng hỗ trợ, 3 phòng phụ trợ, và các hạng mục khác Trường THCS Võ Trường Toản, xã Phước Sơn		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.47	Xây dựng 04 phòng học lầu trường mầm non Minh Hưng, xã Minh Hưng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.48	Nâng cấp khối phòng học lầu, xây dựng cổng, tường rào, nhà để xe, nhà vệ sinh, mua sắm thiết bị của Trường THCS Thọ Sơn, xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.49	Xây dựng các phòng làm việc của ban CHQS; hội phụ nữ; hội nông dân; đoàn thanh niên và phòng nghỉ của LLDQTV, xã Thọ Sơn		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.50	Nâng Cấp, mở rộng tuyến đường từ ngã 3 Công An đi thôn Đăng Lang, xã Đak Nhou, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
33.51	Thôn 8, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.52	Xâm nhập nhựa đường từ ngã 3 Cao Nguyên vào đường liên xã Phước Sơn – Thống Nhất, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.53	Mua sắm trang thiết bị khối phòng học và các phòng chức năng Trường Tiểu học Bom Bo, xã Bom Bo		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.54	Xây dựng 11 phòng học, 06 phòng hành chính, 02 phòng hỗ trợ, 03 phòng phụ trợ và các phòng, các hạng mục khác Trường MG Phước Sơn, xã Phước Sơn		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.55	Xây dựng khối trụ sở UBND xã Bom Bo tại điểm quy hoạch mới, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
33.56	Thâm nhập nhựa đường thôn 2 đi thôn 5 nối dài – thôn 5, xã Đường 10		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Nâng cấp, sửa chữa đường DT755 ấp 5 - Nghĩa Trang - ấp 4, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Xây dựng 02 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, xã Đăk Nhau		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Xây dựng bếp ăn và công trình vệ sinh cho Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	: Xây dựng 08 phòng học lầu, 06 phòng bộ môn Trường TH Lê Lợi, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Xây dựng 16 phòng học Trường TH Phước Sơn, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Xây dựng 6 phòng học và 02 phòng bộ môn, các phòng và hạng mục khác trường mẫu giáo Phước Sơn, xã Phước Sơn		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Xây dựng khối hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THCS Minh Hưng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng đường từ thôn Sơn Lợi đến Sơn Hòa, xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Xây dựng 02 phòng học (Điểm Bàu Ghe) Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Thâm bê tông nhựa đường Nguyễn Văn Trỗi		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Xây dựng nhà ở doanh trại và các hạng mục khác Công an một số xã		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Nâng cấp, sửa chữa đường liên thôn từ khu 21 hộ thôn Đak La đi thôn Đak Xuyên, xã Đak Nhau, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Xây dựng tuyến đường từ nhà ông Báng đến ngã ba ông Pèng thôn 5, xã Đăng Hà		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Mua sắm trang thiết bị Trường Tiểu học Đăng Hà, xã Đăng Hà		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
	Sửa chữa, nâng cấp đường liên thôn 7, 8, 9, 10, xã Bom Bo		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Thâm nhập đường từ ngã 3 nhà ông Thế Anh đi cầu ông Mai thôn 5, Xã Đường 10		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Sửa chữa và cải tạo cảnh quan Nhà tiếp đón Khu bảo tồn Văn hóa dân tộc S'tiêng Sóc Bom Bo		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thương mại dịch vụ Phan Bội Châu, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Sửa chữa mương thoát nước Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, xã Đăk Nhau		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Xây dựng 6 phòng hành chính, 4 phòng hỗ trợ học tập, 3 phòng phụ trợ, và các hạng mục khác Trường TH Lê Lợi, thị trấn Đức Phong		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	Xây dựng 08 phòng học và 06 phòng bộ môn trường TH Đức Liễu, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
34	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình MTQG Nông thôn mới (Trong đó đã bố trí cho DA: XD đường thâm nhập nhựa sóc ông La nối tiếp 500 triệu đồng)		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
35	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Thâm nhập tuyến từ ngã 3 đường ĐT 760B đi cầu Đak La, thôn Đak La, xã Đak Nhau (Kết nối với xã Thọ Sơn) 523 trđ)		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
36	KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CSXH CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC		3.000	3.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
37	KINH PHÍ ỦY THÁC NGÂN SÁCH CHO QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN		500	500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
2	Sau ngày 30/6/2025		158.450	158.450	
3	Xây dựng 04 phòng học, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đăk Nhau		14.800	14.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
8	Nâng cấp, mở rộng từ ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Đức Phong		16.000	16.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
10	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong (giai đoạn 2)		40.000	40.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
22	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai		14.500	14.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
23	Xây dựng tuyến đường N3, D2 (đoạn còn lại) trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong.		8.800	8.800	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
25	Xây dựng hệ thống thoát nước chống ngập úng cục bộ tại xã Bom Bo và xã Đak Nhau		2.600	2.600	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
26	Nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Ông Thoại đến tiếp giáp xã Đăk Lua, huyện Tân Phú.		19.950	19.950	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
27	Nâng cấp tuyến đường từ ngã 3 Bông Lãng vào đến đường BTXM đi Dốc Khi thôn 2, xã Đăng Hà.		11.200	11.200	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
30	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bù Đăng		4.400	4.400	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
18	Xây dựng, nâng cấp nhà vệ sinh và các hạng mục khác các trường học năm 2024		6.500	6.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
15	Nâng cấp, sửa chữa các khoa phòng và các hạng mục khác Trung tâm Y tế huyện Bù Đăng		14.500	14.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
20	Xây dựng một số hạng mục các trường học trên địa bàn huyện.		5.200	5.200	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
III	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành sau năm 2025		187.550	187.550	
11	Xây dựng các tuyến đường khu quy hoạch Trường Phổ thông DTNT THCS và THPT Điều Ong, huyện Bù Đăng		25.000	25.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
16	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)		38.000	38.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
21	Xây dựng một số tuyến đường TTHC xã Đăng Hà		16.000	16.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
24	San lấp mặt bằng khu TTHC xã Đăng Hà		25.000	25.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
28	San lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đường kết nối KDC đường Lê Quý Đôn, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng		11.000	11.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
29	Xây dựng Khố trữ sở UBND xã, Công an xã và Ban CHQS xã Đăng Hà		28.000	28.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
31	Nâng cấp, sửa chữa các khoa phòng và hạng mục khác Trung tâm Y tế huyện Bù Đăng (giai đoạn 2)		18.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
14	Xây dựng Hội trường Công an huyện		8.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
19	Xây dựng 09 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Nguyễn Khuyến, xã Đường 10		18.550	18.550	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
A1	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		191.686	9.064	
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		99.238	3.675	
1	Xây dựng mới hội trường và các hạng mục khác UBND xã Thống Nhất		3.200	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
2	Xây dựng các phòng làm việc của Ban CHQS; hội phụ nữ; hội nông dân; đoàn thanh niên và phòng nghỉ của LLDQTT, xã Thọ Sơn		2.000	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
3	Láng nhựa đường Dốc trắng thôn 1, xã Đoàn Kết		6.420	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
4	Xây dựng đường, mương sọc Bù Đăng Srây và cầu sắt thôn 2, xã Đoàn Kết		4.066	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
5	Láng nhựa đường từ cầu Yển Cam đi thôn 3, xã Đoàn Kết		4.300	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
6	Cải tạo, nâng cấp đường thôn 5 xã Đường 10 đi thôn Bù Ghe xã Đak Nhau		3.200	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
7	Đầu tư điện chiếu sáng năng lượng mặt trời các tuyến đường trên địa bàn xã Thọ Sơn		2.040	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
8	Nâng cấp, mở rộng, thảm BTN đường ngã tư Đak Xuyên đi thôn Đak Nung, xã Đak Nhau		5.350	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
9	Đầu tư điện chiếu sáng năng lượng mặt trời các tuyến đường QL14 đi thôn Sơn Thành, xã Phú Sơn		1.320	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
10	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường quanh khu công viên xã Bom Bo		2.750	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
11	Nâng cấp, mở rộng đường từ thôn 2 đi thôn 1, xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng đi qua xã Đak Lua, huyện Tân Phú		8.500	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
12	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ngã ba ông Thọ đi Dốc Đen thôn 3, xã Đăng Hà đi xã Đak Lua		8.000	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
13	Dự phòng (chuyển nguồn năm 2021 sang) (GIẢM 874.698.297 giao cho 03 DA theo QĐ 1397 UBND huyện)		-	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
14	Thâm nhập nhựa tuyến đường liên thôn Thống Nhất đi Đak Wí, xã Đak Nhau		3.900	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
15	XD đường quy hoạch số 4 (đoạn còn lại) xã Đường 10, huyện Bù Đăng		1.800	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
16	Xây dựng hạ tầng các tuyến đường số 7, số 7A và mương thoát nước Thôn 1, xã Đường 10.		2.400	2.400	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
17	XD đường thâm nhập nhựa sóc ông La nối tiếp		4.950	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
18	Thâm nhập nhựa và xây mương, cống thoát nước tuyến đường Thôn 9 (sóc ông La) đi Thôn 6, xã Thống Nhất		5.200	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
19	Nâng cấp, sửa chữa và xây mương, cống thoát nước các tuyến đường Thôn 1, Thôn 2, Thôn 4, Thôn 5 (khu dốc ngầm; Khu Bảy Liếm; Khu Chung triều suối Đak Bui), xã Đường 10		4.055	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
20	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM từ ngã tư hội trường Thôn 4 đến nhà ông Tịnh bỏ, xã Đoàn Kết		2.600	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
21	Nâng cấp, mở rộng đường tránh lũ Thôn 3 đi Thôn 4, xã Đoàn Kết (khu sân bay Vĩnh Thiện cũ)		3.245	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
22	Nâng cấp, mở rộng đường xóm Hồn Việt, Thôn 3, xã Đoàn Kết		3.424	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
23	Xây dựng mái che và nhà tập thể thao Trường TH xã Đoàn Kết		1.605	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
24	Xây dựng mương thoát nước tuyến đường Thọ Sơn đi Đak Nhau (đoạn qua Thôn Sơn Thọ, xã Thọ Sơn)		3.780	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
25	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường số 01, số 2B, số 3 Trung tâm xã Đường 10		6.380	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
26	Thảm bê tông nhựa một số tuyến đường Trung tâm Thôn 3, xã Bom Bo		3.478	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
27	Nâng cấp, sửa chữa đường thôn 3 đi thôn 4 xã Đoàn Kết		1.275	1.275	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI		90.208	4.754	
1	Dự án 1 hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Dự án nước sạch tập trung cụm dân cư số 1, thôn 5, xã Đăng Hà		5.500	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
2	Dự án 2: Dự án thôn 8, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng		17.250	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
3	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư tập trung đồng bào DTTS&MN thôn Đak La, xã Đak Nhau		2.750	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
4	Dự án 4: Thâm nhập nhựa đường thôn 2 đi thôn 5 nối dài – Thôn 5 xã Đường 10		6.570	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
5	Dự án 4: XD tuyến đường từ nhà ông Bàng đến ngã ba ông Pênh thôn 5, xã Đăng Hà		3.500	3.500	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
6	Dự án 4: Thâm nhập nhựa đường từ ngã 3 ông Thế Anh đi cầu ông Mai thôn 5, xã Đường 10		2.800	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
7	Dự án 4: Thâm nhập nhựa đường từ ngã 3 Công an đi cầu công an và xây dựng cầu công an qua suối, thôn Đak Nung, xã Đăk Nhau		4.100	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
8	Dự án 4: Xây cầu suối lớn tổ 4 thôn 5, xã Đăng Hà		3.700	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
9	Dự án 4: Xây dựng đường BTXM nối tiếp từ ngã ba Đồi Thượng đi Dốc 5 tầng, thôn 5, xã Đăng Hà (1,5 km)		3.000	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
10	Dự án 4: Xây dựng đường BTXM từ dốc 5 tầng đến sát đất lâm phần thôn 5, xã Đăng Hà (1,5km)		3.000	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
11	Dự án 4: Xây dựng mở rộng đường BTXM nối tiếp đường nhựa đi Tổ 4 Bàu Tre, thôn 5, xã Đăng Hà (2km).		3.680	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
12	Dự án 4: Xây dựng đường BTXM Bàu Tre Tổ 4, thôn 5, xã Đăng Hà kết nối với xã Thống Nhất (03 km)		4.800	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
13	Dự án 4: Thâm nhập nhựa tuyến từ ngã 3 đường ĐT 760B đi cầu Đak La, thôn Đak La, xã Đak Nhau (Kết nối với xã Thọ Sơn)		12.000	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
14	Dự án 4: Xây dựng cầu Đak La, thôn Đak La, xã Đak Nhau.		8.500	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
15	Dự án 4: Xây dựng đường điện trung thế - hạ thế và trạm biến áp tuyến cây xăng Chung Chiều đi Đak Nung, xã Đak Nhau.		504	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
16	Dự án 5: Xây dựng bếp ăn và công trình vệ sinh cho trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà		2.700	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
17	Dự án 6: Hỗ trợ xây dựng khu du lịch sinh thái S'Tiêng sóc Bom Bo		1.254	1.254	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
18	Dự án 6: Hỗ trợ xây dựng khu bảo tồn Văn hóa S'tiêng Sóc Bom Bo (Dự án: Đầu tư, nâng cấp căn nhà số 3 và căn nhà số 4 và các hạng mục khác tại Khu bảo tồn Văn hóa Dân tộc S'tiêng Sóc Bom Bo, xã Bình Minh, huyện Bù Đăng.)		2.600	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
19	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch - Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng sóc Bom Bo thuộc thôn Bom Bo, xã Bình Minh, huyện Bù Đăng		2.000	-	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG		2.240	635	
1	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1253/QĐ- UBND ngày 12/7/2023	345		Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
2	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	818/ QĐ- UBND ngày 16/04/2025	75		Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
3	Giải quyết tình trạng đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Bình Minh	1253/QĐ- UBND ngày 12/7/2023	510		Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
4	Giải quyết tình trạng đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Bình Minh	153/QĐ- UBND ngày 30/1/2024	120		Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
5	Giải quyết tình trạng đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Bình Minh	818/ QĐ- UBND ngày 16/04/2025	555		Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
6	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1253/QĐ- UBND ngày 12/7/2023	180	180	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
7	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	818/QĐ-UBND ngày 16/04/2025	15	15	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
8	Nhập dữ liệu thông tin người lao động		10	10	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
9	Truyền thông về giảm nghèo		20	20	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
10	Nâng cao năng lực, giám sát đánh giá Chương trình		20	20	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
11	Truyền thông về giảm nghèo	1566/QĐ-UBND ngày 31/08/2023	10	10	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
12	Nhập dữ liệu thông tin người lao động	1567/QĐ-UBND ngày 31/08/2023	20	20	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
13	Nâng cao năng lực, giám sát đánh giá Chương trình	1603/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	360	360	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng
J2	KHỐI XÃ, PHƯỜNG		933.267	881.081	
I	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024		836.670	827.814	
1	Sửa chữa Nhà Văn Hóa Thôn 1 xã Đoàn Kết, Bù Đăng, Bình Phước		350	350	UBND xã Bù Đăng
2	Xây dựng đường BTXM Sáu Lợi thôn 1, (Đoạn đầu), Huyện Bù Đăng. Dài 600 m áp dụng cơ chế đặc thù Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		234	234	UBND xã Bù Đăng
3	Xây dựng đường BTXM Sáu Tầng thôn 1(Đoạn đầu), huyện Bù Đăng. Dài: 250m áp dụng cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.		98	98	UBND xã Bù Đăng
4	Xây dựng đường BTXM Ông Già Lâm đi Sông Lấp thôn 1, Huyện Bù Đăng.		126	126	UBND xã Bù Đăng
5	Xây dựng đường Bê tông xi măng đường Ông Trung thôn 3, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		39	39	UBND xã Bù Đăng
6	Xây dựng đường Bê tông xi măng đường Ông Tuấn thôn 7, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		83	83	UBND xã Bù Đăng
7	Xây dựng đường BTXM Tổ 4 thôn 1, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		178	178	UBND xã Bù Đăng
8	Xây dựng Nhà Văn Hóa Thôn 6 xã Đoàn Kết, Bù Đăng		750	750	UBND xã Bù Đăng
9	Sửa chữa Nhà Văn Hóa Thôn 2 xã Đoàn Kết, Bù Đăng, Bình Phước		650	650	UBND xã Bù Đăng
10	Xây dựng đường BTXM Ông Huỳnh Thôn 1 xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước		58	58	UBND xã Bù Đăng
11	Xây dựng BTXM ông Nước thôn 1, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		102	102	UBND xã Bù Đăng
12	Xây dựng đường BTXM ông Út Bò thôn 1, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		87	87	UBND xã Bù Đăng
13	Xây dựng giếng khoan + đài nước KDC Thôn 1 (điểm cuối thôn), xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		99	99	UBND xã Bù Đăng
14	Xây dựng đường BTXM ông Khiêm, thôn 1 xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		108	108	UBND xã Bù Đăng
15	Xây dựng đường BTXM ông Bốn Xù thôn 4, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		89	89	UBND xã Bù Đăng
16	Xây dựng đường BTXM Ông Cường thôn 6, xã Đoàn Kết, Huyện Bù Đăng.		26	26	UBND xã Bù Đăng
17	Xây dựng đường BTXM Bà Sáu Bắc đoạn đầu thôn 2, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		257	257	UBND xã Bù Đăng
18	Xây dựng đường BTXM ông Vũ thôn 1, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		107	107	UBND xã Bù Đăng
19	Xây dựng đường BTXM Bà Phụng tổ 2 thôn 1, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		60	60	UBND xã Bù Đăng
20	Xây dựng đường BTXM ông Hiền tổ 2 thôn 1, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		55	55	UBND xã Bù Đăng
21	Xây dựng đường BTXM ông Được thôn 1, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		33	33	UBND xã Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
22	Xây dựng đường BTXM ông Vinh thôn 1, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		197	197	UBND xã Bù Đăng
23	Nâng cấp, cải tạo Nhà văn hóa thôn 7 xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		268	268	UBND xã Bù Đăng
24	Xây dựng nhà ăn, nhà vệ sinh, nhà vòm và sân bê tông UBND xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		912	912	UBND xã Bù Đăng
25	Xây dựng đường bê tông xi măng Đắc Ghènh thôn 7, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng.		382	382	UBND xã Bù Đăng
26	Xây dựng BTXM C4 thôn 1, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng	311/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	69	69	UBND xã Bù Đăng
27	Xây dựng BTXM Thác Cọp thôn 6, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		374	374	UBND xã Bù Đăng
28	Xây dựng BTXM Út Nhạn thôn 6, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		354	354	UBND xã Bù Đăng
29	Xây dựng BTXM Ông Vinh nổi dài thôn 1, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng	313/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	22	22	UBND xã Bù Đăng
30	Xây dựng đường Bê tông xi măng đường Ông Tuấn thôn 7, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		83	83	UBND xã Bù Đăng
31	Xây dựng đường BTXM Ông Trúc thôn 2, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng.	176/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	209	209	UBND xã Bù Đăng
32	Xây dựng đường BTXM Ông Cường thôn 6, xã Đoàn Kết, Huyện Bù Đăng.	244/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	15	15	UBND xã Bù Đăng
33	Xây dựng đường BTXM Ông Hòa, thôn 2 xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng	178/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	59	59	UBND xã Bù Đăng
34	Xây dựng nhà ở cho lực lượng dân quân thường trực xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		190	190	UBND xã Bù Đăng
35	Nâng cấp; cải tạo cầu Tân Hòa, xã Đoàn Kết		115	115	UBND xã Bù Đăng
36	Xây dựng đèn đường năng lượng mặt trời từ cầu Tân Minh đi thôn 7, xã Đoàn Kết	76/QĐ-UBND ngày 01/7/2022	128	128	UBND xã Bù Đăng
37	Xây dựng nhà vệ sinh trường tiểu học Đoàn Kết	116/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	400	400	UBND xã Bù Đăng
38	Xây dựng đường bê tông xi măng Út Sỹ thôn 6, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng.		304	304	UBND xã Bù Đăng
39	Xây dựng đường bê tông xi măng Ông Nhân Thôn 6, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		106	106	UBND xã Bù Đăng
40	Xây dựng đường bê tông xi măng Sáu Lợi nổi dài Thôn 1, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		183	183	UBND xã Bù Đăng
41	Xây dựng đường bê tông xi măng 4 Huệ Thôn 1, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		61	61	UBND xã Bù Đăng
42	Xây dựng đường bê tông xi măng 6 Quan Thôn 6, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		217	217	UBND xã Bù Đăng
43	Xây dựng đường bê tông xi măng Nghĩa địa đồng bào Thôn 6, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng.		84	84	UBND xã Bù Đăng
44	Xây dựng đường bê tông xi măng Già Bó Thôn 7, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		91	91	UBND xã Bù Đăng
45	xây dựng đường bê tông xi măng ông Đơ Thôn 5, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		229	229	UBND xã Bù Đăng
46	Xây dựng đường bê tông xi măng Ông Tài Thôn 5, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		62	62	UBND xã Bù Đăng
47	Xây dựng đường bê tông xi măng Ông Được Thôn 3, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		102	102	UBND xã Bù Đăng
48	Xây dựng đường bê tông xi măng Ông Bình Thôn 6, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		54	54	UBND xã Bù Đăng
49	Xây dựng đường bê tông xi măng Ông Tòng Thôn 3, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		151	151	UBND xã Bù Đăng
50	Xây dựng đường bê tông xi măng Ông Tấn Thôn 3, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		64	64	UBND xã Bù Đăng
51	Xây dựng đường bê tông xi măng Ông Sinh Thôn 3, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng		170	170	UBND xã Bù Đăng
52	Xây dựng nhà để xe cán bộ và học sinh trường tiểu học Đoàn Kết	181a/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	213	213	UBND xã Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
53	son mới hàng rào trụ sở + nhà bảo vệ UBND xã Đoàn Kết	100/QĐ-UBND ngày 05/9/2023	176	176	UBND xã Bù Đăng
54	Xây dựng mương thoát nước trước Trường Tiểu học Đoàn Kết	145/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	130	130	UBND xã Bù Đăng
55	Lắp đặt đèn đường năng lượng mặt trời từ cầu thôn 3 đến cầu thôn 5 xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng	175/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	197	197	UBND xã Bù Đăng
56	Lắp đặt đèn đường năng lượng mặt trời từ đường ĐT 755 đến ngã ba Thác Đứng, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng	173/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	166	166	UBND xã Bù Đăng
57	Đường BTXM và sân BTXM bên cổng phụ trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết	219/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	176	176	UBND xã Bù Đăng
58	Xây dựng đường BTXM ông Đông thôn 4, xã Đoàn Kết	245/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	92	92	UBND xã Bù Đăng
59	Xây dựng đường BTXM ông Toàn thôn 1, xã Đoàn Kết	243/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	115	115	UBND xã Bù Đăng
60	Xây dựng đường BTXM ông Xuân thôn 4, xã Đoàn Kết	244/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	63	63	UBND xã Bù Đăng
61	Xây dựng đường BTXM ông Hiền thôn 1, xã Đoàn Kết	242/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	128	128	UBND xã Bù Đăng
62	Xây dựng đường BTXM ông Tụ thôn 2, xã Đoàn Kết	227/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	57	57	UBND xã Bù Đăng
63	Xây dựng đường BTXM Sáu Tạng nối dài thôn 1, xã Đoàn Kết	225/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	138	138	UBND xã Bù Đăng
64	Xây dựng đường BTXM ông Thịnh thôn 6, xã Đoàn Kết	229/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	21	21	UBND xã Bù Đăng
65	Xây dựng đường ông Minh thôn 1 (nối tiếp)	260/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	10	10	UBND xã Bù Đăng
66	Xây dựng đường BTXM ông Bảy thôn 1, xã Đoàn Kết	262/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	18	18	UBND xã Bù Đăng
67	Xây dựng đường BTXM ông Hòa đoạn nhánh thôn 2, xã Đoàn Kết	264/QĐ-UBND ngày 25/12/2024	14	14	UBND xã Bù Đăng
68	Xây dựng đường bà Liên thôn 2, xã Đoàn Kết	266/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	34	34	UBND xã Bù Đăng
69	Xây dựng đường BTXM Ngã 3 ông Hòa thôn 2, xã Đoàn Kết	264/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	26	26	UBND xã Bù Đăng
70	Xây dựng đường Vành đai Nghĩa Trang nhân dân xã thôn 3, xã Đoàn Kết	272/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	177	177	UBND xã Bù Đăng
71	Xây dựng đường ông Sinh nối dài thôn 3, xã Đoàn Kết	278/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	42	42	UBND xã Bù Đăng
72	Xây dựng đường ông Sơn thôn 3, xã Đoàn Kết	277/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	95	95	UBND xã Bù Đăng
73	Xây dựng đường ông Vương thôn 4, xã Đoàn Kết	276/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	33	33	UBND xã Bù Đăng
74	Xây dựng đường Hai Lo thôn 5, xã Đoàn Kết	279/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	28	28	UBND xã Bù Đăng
75	Xây dựng đường ông Ngoạn thôn 1, xã Đoàn Kết	280/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	180	180	UBND xã Bù Đăng
76	Xây dựng công trình mái che sân tập thể dục Trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết	80/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	220	220	UBND xã Bù Đăng
77	Đường nội bộ, khuôn viên trường TH Đoàn Kết	117/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	80	80	UBND xã Bù Đăng
78	Xây dựng hàng rào và nâng cấp sân bóng đá xã	171a/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	350	350	UBND xã Bù Đăng
79	Xây dựng đường BTXM từ ông Khâm đi ông Vũ thôn Đàng lang xã Đak Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		2.076	2.076	UBND Xã Đak Nhau
80	Xây dựng đường BTXM từ khu Thanh Hóa đến rẫy ông Phương, thôn Đak Xuyên		370	370	UBND Xã Đak Nhau
81	Xây dựng đường BTXM từ ông Vinh kéo dài đến suối Đường 10, thôn Thống Nhất		230	230	UBND Xã Đak Nhau

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
82	Xây dựng đường BTXM từ Năm Ràng đi trại heo Japa thôn Đak Wi, xã Đak Nhou, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; Chiều dài: 1.175m		901	901	UBND Xã Đak Nhou
83	Xây dựng đường BTXM từ ông Phóng đi ngã ba ông Động thôn Đak Wi, xã Đak Nhou, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; Chiều dài: 680m		521	521	UBND Xã Đak Nhou
84	Xây dựng đường BTXM từ ông Trọng đi ông Bình thôn Đăng Lang, xã Đak Nhou, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		212	212	UBND Xã Đak Nhou
85	Xây dựng đường BTXM từ bà Lài đi ông Hải thôn Đak Xuyên, xã Đak Nhou, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		2.200	2.200	UBND Xã Đak Nhou
86	Xây dựng đường BTXM nhà thuốc Hải Oanh đi đến nhà ông Thuận thôn Thống Nhất xã Đak Nhou		203	203	UBND Xã Đak Nhou
87	Xây dựng đường BTXM nhà ông Toán đi đến nhà ông Ánh Thủy thôn Đak Wi xã Đak Nhou		809	809	UBND Xã Đak Nhou
88	Xây dựng đường BTXM nhà ông Vĩnh đi đến nhà ông Nông Văn Nhạn thôn Đak Wi Đak Nhou		1.114	1.114	UBND Xã Đak Nhou
89	Xây dựng đường BTXM nhà Ông Sang đi đến nhà Ông Tân Thôn Đak Liên, xã Đak Nhou, huyện Bù Đăng dài 170m		130	130	UBND Xã Đak Nhou
90	Xây dựng đường BTXM nhà Ông Phúc đi đến khu Long An Thôn Đak Nung, xã Đak Nhou, huyện Bù Đăng dài 1650m		1.345	1.345	UBND Xã Đak Nhou
91	Xây dựng đường BTXM từ Cầu tổ 9 đi hướng Đak Xuyên thôn Đak Wi, xã Đak Nhou		715	715	UBND Xã Đak Nhou
92	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba 9 hộ đi chốt mỹ thôn Đak La, xã Đak Nhou.		358	358	UBND Xã Đak Nhou
93	Xây dựng đường BTXM nhà bà Thị Đan đi đến nhà ông Khánh thôn Đăng Lang, xã Đak Nhou		358	358	UBND Xã Đak Nhou
94	Xây dựng đường BTXM nhà ông Hưng đi đến nhà ông Tuấn thôn Đak Liên, xã Đak Nhou		768	768	UBND Xã Đak Nhou
95	Xây dựng đường BTXM nhà ông Thanh đi đến nhà ông Điều Blon thôn Đak La, xã Đak Nhou		129	129	UBND Xã Đak Nhou
96	Xây dựng đường BTXM nhà ông Thuận đi ông Tiến thôn Đak La, xã Đak Nhou.		556	556	UBND Xã Đak Nhou
97	Xây dựng đường BTXM suối Đak Nhou đi đến nhà ông Điều Am thôn Đak Xuyên, xã Đak Nhou		239	239	UBND Xã Đak Nhou
98	Xây dựng đường tiếp giáp đường nhựa tới tiếp giáp đường BTXM “ Cũ” thôn Đak Wi, xã Đak Nhou		467	467	UBND Xã Đak Nhou
99	Hỗ trợ phát triển OCOP xanh theo Quyết định số 1528/QĐ-BNN-VPĐP ngày 14/4/2023		2.130	2.130	UBND Xã Đak Nhou
100	Nâng cấp, cải tạo nhà Bia ghi danh Liệt sỹ, khuôn viên ngã ba đường vào TTHC xã Đak Nhou (Nguồn 49)		700	700	UBND Xã Đak Nhou
101	Xây dựng hành lang trước cổng trường TH Trần Quốc Toàn và đường BTXM vào trường MG Hoa Hồng (điểm Đăng Lang) xã Đak Nhou. (Nguồn 49)		400	400	UBND Xã Đak Nhou
102	Xây dựng 2 phòng học lý thuyết điểm lẻ và hạng mục khác Trường mẫu giáo Hoa Hồng xã Đak Nhou		1.300	1.300	UBND Xã Đak Nhou
103	Xây dựng mương thoát nước tuyến đường thôn Thống Nhất đi cây xăng Chung Chiều xã Đak Nhou		770	770	UBND Xã Đak Nhou
104	Xây dựng mới Nhà văn hóa và các hạng mục khác NVH các thôn: Đak Xuyên, Đak Nung, Đăng Lang, Đak Liên, Thống Nhất; Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đak Wi, xã Đak Nhou		6.000	6.000	UBND Xã Đak Nhou
105	Xây dựng mới Nhà văn hóa và các hạng mục khác Nhà văn hóa thôn Đak La xã Đak Nhou		1.100	1.100	UBND Xã Đak Nhou
106	Sửa chữa trụ sở làm việc xã Đak Nhou		880	880	UBND Xã Đak Nhou

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
107	Giải quyết tình trạng đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Đak Nhou, huyện Bù Đăng		1.378	1.378	UBND Xã Đak Nhou
108	Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số xã Đak Nhou, huyện Bù Đăng		190	190	UBND Xã Đak Nhou
109	Xây dựng đường BTXM nhà ông Tú đi ông Tiến thôn Đak Wi, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		318	318	UBND Xã Đak Nhou
110	Xây dựng đường BTXM Từ ngã ba Năm Ràng hướng đi trại heo, xã Đak Nhou, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		679	114	UBND Xã Đak Nhou
111	Xây dựng đường BTXM nhà ông Điều Buri đi nghĩa địa thôn Đăng Lang, xã Đak Nhou, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		318	83	UBND Xã Đak Nhou
112	Xây dựng đường BTXM nhà ông Đông đi đến nhà ông Điều Srem thôn Đăng Lang, xã Đak Nhou, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		238	238	UBND Xã Đak Nhou
113	Xây dựng sân BTXM nhà văn hóa các thôn		249	249	UBND Xã Đak Nhou
114	Xây dựng đường BTXM tổ 2, thôn 8		514	514	UBND xã Bom Bo
115	Xây dựng đường BTXM tổ2, thôn 7 (Đoạn 2)		711	711	UBND xã Bom Bo
116	Xây dựng đường BTXM vào sân bóng tổ 2, thôn Bom Bo		79	79	UBND xã Bom Bo
117	Xây dựng đường BTXM tổ3, thôn 6		1.028	1.028	UBND xã Bom Bo
118	Xây dựng đường BTXM vào khu bảo tồn, tổ 3, thôn Bom Bo		94	94	UBND xã Bom Bo
119	Xây dựng đường BTXM tổ 4, thôn 5		1.047	1.047	UBND xã Bom Bo
120	Xây dựng đường BTXM tổ 2, thôn 6		705	705	UBND xã Bom Bo
121	Xây dựng đường BTXM tổ 5, thôn 5		287	287	UBND xã Bom Bo
122	Xây dựng đường BTXM tổ 2 đi tổ 5, thôn 7 (bến dò)		362	362	UBND xã Bom Bo
123	Xây dựng đường BTXM tổ 3, thôn 3 (đoạn nối tiếp)		360	360	UBND xã Bom Bo
124	Xây dựng đường BTXM tổ 2, thôn 5(Nhánh 3)		421	421	UBND xã Bom Bo
125	Xây dựng đường BTXM vào nghĩa trang thôn 8		183	183	UBND xã Bom Bo
126	Nâng cấp cải tạo nhà nghỉ của lực lượng Công an xã đội, cải tạo nhà vệ sinh, kho bảo quản tang vật của xã Bình Minh		900	900	UBND xã Bom Bo
127	Xây dựng vỉa hè đường từ cổng vào sân UBND xã Bình Minh		145	145	UBND xã Bom Bo
128	Nâng cấp, sửa chữa đường tổ 5 thôn 8		209	209	UBND xã Bom Bo
129	Nâng cấp, cải tạo hàng rào, làm mới lối đi bê tông trường tiểu học Xuân hồng điểm trường thôn Bom Bo		120	120	UBND xã Bom Bo
130	Xây dựng công trình sân BTXM trạm y tế		71	71	UBND xã Bom Bo
131	Đường BTXM tổ 3 thôn 2 (Nhánh 2)	108/QĐ- UBND ngày 22/9/2022	456	456	UBND xã Bom Bo
132	Đường BTXM tổ 5 thôn 3 (Nối tiếp)	109/QĐ- UBND ngày 22/9/2022	229	229	UBND xã Bom Bo
133	Đường BTXM tổ 4 thôn 4 (Nối tiếp)		916	916	UBND xã Bom Bo

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
134	Đường BTXM tổ 4 thôn 2	109a/QĐ- UBND ngày 22/9/2022	540	540	UBND xã Bom Bo
135	Đường BTXM tổ 6 thôn Bom Bo (đoạn nối tiếp)	173/QĐ- UBND ngày 28/12/2022	55	55	UBND xã Bom Bo
136	Đường BTXM tổ 5 thôn 3 (đoạn nối tiếp nhà bà Đồi)	148/QĐ- UBND ngày 16/11/2022	177	177	UBND xã Bom Bo
137	Đường BTXM tổ 1 thôn 4 (Nhánh 5)		187	187	UBND xã Bom Bo
138	Đường BTXM tổ 4 thôn 7		287	287	UBND xã Bom Bo
139	Đường BTXM nghĩa trang thôn 7(Nhánh 2)		237	237	UBND xã Bom Bo
140	Đường BTXM tổ 3 thôn Bom Bo (Nhánh 2 xuống cầu bê tông khu bảo tồn)	168/QĐ- UBND ngày 12/12/2022	113	113	UBND xã Bom Bo
141	Đường BTXM tổ 6 thôn 4 (Ông Linh)		770	770	UBND xã Bom Bo
142	Xây dựng lát gạch vỉa hè trước UBND xã	55/QĐ- UBND ngày 20/04/2023	460	460	UBND xã Bom Bo
143	Duy tu sửa chữa đường tổ 5 thôn 8 xã Bom Bo	54/QĐ- UBND ngày 20/04/2023	26	26	UBND xã Bom Bo
144	Xây dựng nhà làm việc khối mặt trận, đoàn thể, mái vòm, sân bê tông, nhà vệ sinh UBND xã Bình Minh, huyện Bù Đăng	151/QĐ- UBND ngày 13/11/2023	1.120	1.120	UBND xã Bom Bo
145	Mua sắm thiết bị màn hình Led hội trường xã Bình Minh	79/QĐ- UBND ngày 25/07/2023	99	99	UBND xã Bom Bo
146	Xây dựng đường BTXM tổ 1 thôn 5 (dài 500M)	116/QĐ- UBND ngày 21/12/2023	501	501	UBND xã Bom Bo
147	Xây dựng đường BTXM tổ 1, thôn 4 (Đoạn vào trạm điện)	117/QĐ- UBND ngày 21/12/2023	321	321	UBND xã Bom Bo
148	Xây dựng đường BTXM tổ 2 thôn 4 (Đoạn bà Kiu)	118/QĐ- UBND ngày 21/12/2023	692	692	UBND xã Bom Bo
149	Xây dựng đường BTXM tổ 1 thôn 4 (Dài 906m)	119/QĐ- UBND ngày 21/12/2023	815	815	UBND xã Bom Bo
150	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số	190/QĐ- UBND ngày 31/10/2024	30	30	UBND xã Bom Bo
151	Đường BTXM tổ 5, thôn 4 (Đoạn từ cầu số 5- ngã ba ông Minh) xã Bình Minh	237/QĐ- UBND ngày 13/12/2024	406	406	UBND xã Bom Bo
152	Nâng cấp cải tạo nhà vệ sinh; Nền, hệ thống điện khối 04 phòng học trệt Trường THCS Nguyễn Khuyến, xã Đường 10 (tại điểm chính), huyện Bù Đăng	323/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	340	340	UBND xã Đăk Nhau
153	Xây dựng nhà vệ sinh hội trường xã, cải tạo sân vườn, nhà vệ sinh cũ thành nhà chờ tiếp khách UBND xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	321/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	640	640	UBND xã Đăk Nhau
154	Đường BTXM thôn 3 đi thôn 5 xã Đường 10	193/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	285	285	UBND xã Đăk Nhau
155	Đường BTXM tổ 4 thôn 2 xã Đường 10	176/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	185	185	UBND xã Đăk Nhau
156	Đường BTXM tổ 6 thôn 5 xã Đường 10	266/QĐ-UBND ngày 20/11/2020	184	184	UBND xã Đăk Nhau
157	Dự toán Công trình Xây dựng đường BTXM M250 vào suối lạnh đến nhà máy Thủy điện Đăk Glun2 thôn 6 xã Đường 10	57/QĐ-UBND ngày 23/3/2021	170	170	UBND xã Đăk Nhau
158	Xây dựng đường BTXM ông Thắng thôn 5 xã Đường 10	214/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	84	84	UBND xã Đăk Nhau
159	Xây dựng đường BTXM từ nhà văn hóa đến cây sung thôn 5 xã Đường 10 (nối tiếp đường cũ)	213/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	156	156	UBND xã Đăk Nhau
160	Xây dựng đường BTXM ngã ba An Tôn thôn 5, xã Đường 10 (nối tiếp đường cũ)	315/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	68	68	UBND xã Đăk Nhau
161	Xây dựng đường BTXM bên hông Trung đoàn 719, thôn 4 xã Đường 10	591/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	104	104	UBND xã Đăk Nhau
162	Xây dựng nhà truyền thanh xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	119a/QĐ-UBND ngày 05/05/2021	1.150	1.150	UBND xã Đăk Nhau

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
163	Xây dựng nhà kho, nhà tạm giữ phương tiện; Nâng cấp cải tạo hàng rào UBND xã Đường 10, huyện Bù Đăng; tỉnh Bình Phước	198/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	700	700	UBND xã Đăk Nhau
164	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc xã Đường 10, huyện Bù Đăng, Bình Phước	81/QĐ-UBND ngày 14/06/2022	540	540	UBND xã Đăk Nhau
165	Đầu tư màn hình Led phục vụ chuyển đổi số trong Hội trường và Công trụ sở UBND xã	152/QĐ-UBND ngày 26/09/2023	346	346	UBND xã Đăk Nhau
166	Nâng cấp, sửa chữa sân Trụ sở UBND xã	176/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	200	200	UBND xã Đăk Nhau
167	Xây dựng cống thoát nước chống sạt lở tại tuyến đường ranh giới 02 xã Đăk Nhau - Đường 10	601/QĐ-UBND ngày 18/04/2023	485	485	UBND xã Đăk Nhau
168	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Đường 10		9	9	UBND xã Đăk Nhau
169	Lắp đặt màn hình Led, mua máy Laptop, máy in Trạm Y tế xã Đường 10	195/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	65	65	UBND xã Đăk Nhau
170	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Đường 10		7	7	UBND xã Đăk Nhau
171	Xây dựng đường BTXM M200 tổ 8, thôn 1 (Đường ĐT 753B - rẫy ông Út Nhân), xã Nghĩa Trung	131/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	968	340	UBND xã Nghĩa Trung
172	Xây dựng cống, hàng rào, nhà bảo vệ UBND xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	394/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	1.500	1.500	UBND xã Nghĩa Trung
173	Xây dựng đường BTXM vào sân Nhà văn hoá thôn 3, xã Nghĩa Trung	897/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	94	94	UBND xã Nghĩa Trung
174	Xây dựng đường BTXM tổ 1, thôn 5, xã Nghĩa Trung	907/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	160	160	UBND xã Nghĩa Trung
175	Đường tổ 4, thôn 3 (Đường BTXM tổ 3, thôn 3 – trường MGSM mới) xã Nghĩa Trung	189/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	101	101	UBND xã Nghĩa Trung
176	Đường tổ 8, thôn 3 (trường tiểu học Nghĩa Trung – trường Mẫu Giáo Sao Mai) xã Nghĩa Trung	190/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	468	468	UBND xã Nghĩa Trung
177	Đường tổ 4, thôn 2 (đường BTXM Bà Xá – nhà ông Lê Trung Đoan) xã Nghĩa Trung	130/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	548	548	UBND xã Nghĩa Trung
178	Đường tổ 6, thôn 1 (Đường Quốc lộ 14 – nhà ông Sơn) xã Nghĩa Trung	131/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	212	212	UBND xã Nghĩa Trung
179	Xây dựng đường BTXM tổ 4, thôn 2 (nối tiếp) xã Nghĩa Trung	191/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	311	311	UBND xã Nghĩa Trung
180	Nhà để xe UBND xã	24/QĐ-UBND ngày 08/03/2023	900	900	UBND xã Nghĩa Trung
181	Mua sắm các thiết bị hội trường nhà VH đa năng xã Nghĩa Trung	24/QĐ-UBND ngày 08/03/2023	298	298	UBND xã Nghĩa Trung
182	Sửa chữa cống, mương thoát nước thôn 3 (từ chùa trúc lâm đến đập nước) xã Nghĩa Trung	45/QĐ-UBND ngày 20/04/2023	681	681	UBND xã Nghĩa Trung
183	Xây dựng đường BTXM ấp 4(từ đường ĐT.755 đi tới nhà ông Lương) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8000236	153/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	971	97	UBND xã Phước Sơn
184	Xây dựng đường BTXM ấp 8, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8000239	59/QĐ-UBND ngày 29/08/2022	210	210	UBND xã Phước Sơn
185	Xây dựng đường BTXM ấp 4(đoạn cô Biên) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8003850		53	53	UBND xã Phước Sơn
186	Xây dựng đường BTXM ấp 5(điểm đầu đường ĐT.755, điểm cuối nhà bà Hoàng Thị Hằng), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8003853		27	27	UBND xã Phước Sơn
187	Nâng cấp NVH ấp 1, xây dựng mới NVH và các hạng mục khác NVH các ấp 2,3,4,5,6,7,8, xã Phước Sơn - Chương 800 - 8019385	2456/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	7.000	7.000	UBND xã Phước Sơn
188	Làm mới vỉa hè, nâng cấp cải tạo tượng đài Liệt Sỹ, cảnh quan Trụ Sở UBND xã Phước Sơn - Chương 800 - 8023512		412	412	UBND xã Phước Sơn
189	Giải quyết tình trạng đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Phước Sơn - Chương 800 - 8047202		1.136	1.136	UBND xã Phước Sơn

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
190	Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang chợ xã Phước Sơn - Chương 800 - 8054310	2682/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	1.600	1.500	UBND xã Phước Sơn
191	xây dựng đường BTXM ấp 7 (đoạn nhà cô Thước) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8056138	2682/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	440	440	UBND xã Phước Sơn
192	xây dựng đường BTXM ấp 4 (đoạn nhà ông Lê Thanh Lương) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8063377	2682/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	371	371	UBND xã Phước Sơn
193	Xây dựng đường BTXM ấp 6 (đoạn nhà ông Lê Nguyên Sói) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8067628	147a/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	64	64	UBND xã Phước Sơn
194	Xây dựng đường BTXM ấp 6 (đoạn nhà ông Dương Văn Trào) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8067629	144a/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	94	94	UBND xã Phước Sơn
195	Xây dựng đường BTXM ấp 6 (đoạn nhà chị Trịnh Thị Thuý) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8067631		52	52	UBND xã Phước Sơn
196	Xây dựng đường BTXM ấp 6 (đoạn nhà ông Bùi Văn Lộc) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8067632	165/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	366	366	UBND xã Phước Sơn
197	Xây dựng đường BTXM ấp 4 (đoạn nhà cô Lưu đoạn 3) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8067633	166/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	62	62	UBND xã Phước Sơn
198	Xây dựng đường BTXM ấp 2 (đoạn nhà ông Trần Văn Bảy) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8067634	166/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	54	54	UBND xã Phước Sơn
199	Xây dựng đường BTXM ấp 4 (đoạn nhà cô Lưu đoạn 2) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8067635	163/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	85	85	UBND xã Phước Sơn
200	Xây dựng đường BTXM ấp 4(đoạn nhà cô Lưu đoạn 1) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8068623	164/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	101	101	UBND xã Phước Sơn
201	Xây dựng đường BTXM ấp 2 (đoạn nhà ông Nền) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8068624		178	178	UBND xã Phước Sơn
202	Xây dựng đường BTXM ấp 6 (đoạn nhà ông Lương Đình Quyết, khu Đặc Ty) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8068625	168/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	22	22	UBND xã Phước Sơn
203	Xây dựng đường BTXM Ấp 2(đoạn nhà cô Xum) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8068991	162/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	141	141	UBND xã Phước Sơn
204	Xây dựng đường BTXM Ấp 6(đoạn nhà chị Phan Thị Thuý, khu Đặc Sói) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8069017	146a/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	62	62	UBND xã Phước Sơn
205	Xây dựng đường BTXM Ấp 5(đoạn nhà ông Hoàng Văn Lan, đoạn 2) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8069018	198/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	31	31	UBND xã Phước Sơn
206	Xây dựng đường BTXM Ấp 4(đoạn nhà ông Lương Đình Quyết) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8069019	195/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	110	110	UBND xã Phước Sơn
207	Xay dựng đường BTXM Ấp 7(đoạn nhà ông Hà Văn Sỹ) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8069020	196/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	59	59	UBND xã Phước Sơn
208	Xây dựng đường BTXM Ấp 4(đoạn nhà ông Tạch) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8069022	197/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	78	78	UBND xã Phước Sơn
209	Xây dựng đường BTXM Ấp 5(đoạn nhà ông Hoàng Văn Lan, đoạn 1) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8069049	173/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	31	31	UBND xã Phước Sơn
210	Xây dựng đường BTXM Ấp 5(đoạn nhà ông Hoàng Văn Vệ) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8069163	174/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	378	378	UBND xã Phước Sơn

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
211	Xây dựng đường BTXM ấp 6(đoạn nhà chị Trịnh Thị Kim Nhon, khu Đặc Ty) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8069164	199/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	107	107	UBND xã Phước Sơn
212	Xây dựng đường BTXM Ấp 7(đoạn nhà ông Đào Văn Năm) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8069685	327/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	314	314	UBND xã Phước Sơn
213	Nâng cấp NVH ấp 1, xây dựng mới NVH và các hạng mục khác NVH các ấp 2,3,4,5,6,7,8, xã Phước Sơn - Chương 800 - 8019385		668	668	UBND xã Phước Sơn
214	Xây dựng đường BTXM Ấp 6(đoạn nhà bà Lan đến nhà ông Tằng) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8069434	324/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	53	53	UBND xã Phước Sơn
215	Xây dựng đường BTXM Ấp 6(đoạn nhà ông Thái) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8069435	322/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	77	77	UBND xã Phước Sơn
216	Xây dựng đường BTXM Ấp 5(đoạn Vi Văn Hà) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8069692	326/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	93	93	UBND xã Phước Sơn
217	Xây dựng đường BTXM Ấp 6 (đoạn Đặc Ty) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8124004		164	164	UBND xã Phước Sơn
218	Nâng cấp, cải tạo phòng một cửa, nhà kho, làm mới nhà xe UBND xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 7955199		195	195	UBND xã Phước Sơn
219	Xây dựng đường BTXM ấp 5(NVH), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 7992471		73	73	UBND xã Phước Sơn
220	Xây dựng đường BTXM vào nhà văn hóa ấp 1, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 7993939		331	331	UBND xã Phước Sơn
221	Xây dựng đường BTXM ấp 4(đoạn Chú Dây), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 7998925		314	314	UBND xã Phước Sơn
222	Xây dựng đường BTXM ấp 7(đoạn nhà ông Linh Văn Bào), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 7998926		87	87	UBND xã Phước Sơn
223	Xây dựng đường BTXM ấp 7(đoạn nhà ông Nguyễn Văn Giao), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 7998927		72	72	UBND xã Phước Sơn
224	Xây dựng đường BTXM ấp 7(đường vào nhà ông Hán), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 7998928		131	131	UBND xã Phước Sơn
225	xây dựng đường BTXM tổ 5, ấp 2(điểm đầu ông Nguyễn Đình Thọ, điểm cuối khu nghĩa địa người đồng bào dân tộc X"tiêng) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, - Chương 800 - 8000210		49	49	UBND xã Phước Sơn
226	Xây dựng đường BTXM ấp 3(đoạn Bàu Lác), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8000229		354	354	UBND xã Phước Sơn
227	Xây dựng đường BTXM ấp 3(đoạn ông Vinh) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8000235		158	158	UBND xã Phước Sơn
228	Xây dựng đường BTXM ấp 5(đoạn Bằng Lăng), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8000237		180	180	UBND xã Phước Sơn
229	Xây dựng đường BTXM ấp 4(điểm đầu ông Hoàng Đình Định, điểm cuối ông Lê Văn Nam) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8000238		132	132	UBND xã Phước Sơn
230	Xây dựng đường BTXM ấp 2(đoạn chú Giao) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8000242		335	335	UBND xã Phước Sơn

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
231	Xây dựng đường BTXM ấp 6(đoạn Lưu Văn Trương), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8003846		59	59	UBND xã Phước Sơn
232	Xây dựng đường BTXM ấp 5(đoạn nhà ông Hứa Văn Ít đến nhà ông Triệu Văn Khoa), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8003848		252	252	UBND xã Phước Sơn
233	Xây dựng đường BTXM ấp 5(điểm đầu đường ĐT.755, điểm cuối nhà bà Hoàng Thị Hằng), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8003853		304	304	UBND xã Phước Sơn
234	xây dựng đường BTXM ấp 6(ngã 3 nhà ông Ba Tuồng đi vào), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8004061		252	252	UBND xã Phước Sơn
235	Nâng cấp, sửa chữa đường ấp 1, ấp 2 đi Thống Nhất, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng , tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 8006259		249	249	UBND xã Phước Sơn
236	Xây dựng đường BTXM M250 ấp 8(đoạn 3) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 7898433		224	224	UBND xã Phước Sơn
237	Xây dựng đường BTXM M250 Ấp 8(đoạn 2) xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 7898841		348	348	UBND xã Phước Sơn
238	Xây dựng đường BTXM Ấp 7(đoạn 1), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 7906648		132	132	UBND xã Phước Sơn
239	Xây dựng đường BTXM Ấp 7(đoạn 2), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 7906649		813	813	UBND xã Phước Sơn
240	Xây dựng đường BTXM ấp 7 (đoạn 3), xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Chương 800 - 7925044		914	914	UBND xã Phước Sơn
241	Xây dựng hệ thống thoát nước đường liên thôn từ thôn 4 đi thôn 8, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng - Chương 800 - 7929270		700.000	700.000	UBND xã Phước Sơn
242	Xây dựng nhà vệ sinh nhà văn hóa thôn 2, xã Minh Hưng		4	4	UBND xã Bù Đăng
243	Cải tạo, nâng cấp nhà "Một cửa" nhà để xe UBND xã Minh Hưng huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		450	450	UBND xã Bù Đăng
244	Nâng cấp mở rộng đường vào cổng chính Trường THCS Minh Hưng, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng		912	912	UBND xã Bù Đăng
245	Xây dựng mới phòng tiêm chủng và phục hồi chức năng Trạm y tế xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng		850	850	UBND xã Bù Đăng
246	Nâng cấp mở rộng đường thôn 7, xã Minh Hưng, Huyện Bù Đăng		1.474	1.474	UBND xã Bù Đăng
247	Nâng cấp Nhà Văn Hóa thôn 2 (Kiểu mẫu), xã Minh Hưng, Huyện Bù Đăng,tỉnh Bình Phước		350	350	UBND xã Bù Đăng
248	Xây dựng mới Nhà Văn hóa thôn 3, xã Minh Hưng, Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		569	569	UBND xã Bù Đăng
249	Xây dựng mới Nhà Văn hóa thôn 6, xã Minh Hưng, Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước		588	588	UBND xã Bù Đăng
250	Xây dựng đường BTXM ông Khôi thôn 8 xã Minh Hưng		14	14	UBND xã Bù Đăng
251	xây dựng BTXM đường C8 thôn 8, xã Minh Hưng		34	34	UBND xã Bù Đăng
252	Xây dựng đường BTXM ông Chum thôn 6, xã Minh Hưng		31	31	UBND xã Bù Đăng
253	Xây dựng đường BTXM ông Khương, xã Minh Hưng		46	46	UBND xã Bù Đăng
254	Xây dựng đường BTXM cầu sông nổi dài, xã Minh Hưng		278	278	UBND xã Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
255	Xây dựng đường BTXM ông Thế thôn 8, xã Minh Hưng		533	533	UBND xã Bù Đăng
256	Xây dựng đường BTXM ông Điều thôn 1, xã Minh Hưng		39	39	UBND xã Bù Đăng
257	Xây dựng đường BTXM ông Hợp nổi dài xã Minh Hưng		180	180	UBND xã Bù Đăng
258	Xây dựng đường BTXM ông Điều Lý thôn 5, xã Minh Hưng		30	30	UBND xã Bù Đăng
259	Xây dựng đường BTXM ông Ninh thôn 8 xã Minh Hưng		110	110	UBND xã Bù Đăng
260	Xây dựng BTXM ông Sáu dinh thôn 1, xã Minh Hưng		41	41	UBND xã Bù Đăng
261	Xây dựng đường BTXM vào nhà văn hoá thôn 1 nổi dài, xã Minh Hưng		131	131	UBND xã Bù Đăng
262	Xây dựng đường BTXM ông Tuân thôn 4 xã Minh Hưng		15	15	UBND xã Bù Đăng
263	Xây dựng đường vào Nhà Văn hoá thôn 4, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng		24	24	UBND xã Bù Đăng
264	Xây dựng đường vào Nhà văn hoá thôn 7 , xã Minh Hưng		40	40	UBND xã Bù Đăng
265	Xây dựng đường BTXM xóm ông Định thôn 4 xã Minh Hưng		22	22	UBND xã Bù Đăng
266	Xây dựng đường BTXM xóm ông Điều Tôn thôn 3 xã Minh Hưng		253	253	UBND xã Bù Đăng
267	Xây dựng đường BTXM bà Thảo thôn 6 xã Minh Hưng		62	62	UBND xã Bù Đăng
268	xây dựng đường BTXM Ông Chính xã Minh Hưng		159	159	UBND xã Bù Đăng
269	Xây dựng đường BTXM Xóm ông Thông thôn 1 xã Minh Hưng		39	39	UBND xã Bù Đăng
270	Xây dựng đường BTXM ông Khương, thôn 1 xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng		388	388	UBND xã Bù Đăng
271	Xây dựng đường BTXM ông Bình, thôn 6 xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng		708	708	UBND xã Bù Đăng
272	7920565- Xây dựng đường BTXM tổ 7 thôn 4 xã Bom Bo	271d/QĐ-UBND ngày 18/06/2021	2.215	2.215	UBND xã Bom Bo
273	7933082-Xây dựng đường BTXM tổ 1 thôn 8 xã Bom Bo	2418d/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	370	370	UBND xã Bom Bo
274	7933071 - Xây dựng đường BTXM tổ 4 thôn 4 xã Bom Bo nối tiếp đường vào nhà ông Khang	2417/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	413	413	UBND xã Bom Bo
275	7933074 - Xây dựng đường BTXM đường dốc bà Tư Phi thôn 7, xã Bom Bo	2426/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	114	114	UBND xã Bom Bo
276	7933079- Xây dựng đường BTXM tổ 2 thôn 5 đường nhánh	191A/QĐ-UBND ngày 16/09/2022	83	83	UBND xã Bom Bo
277	7933080- Xây dựng đường tổ 2 thôn 10 xã Bom Bo	2425/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	1.510	1.510	UBND xã Bom Bo
278	7998696- Xây dựng sân BTXM hội trường thôn 3	313/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	58	58	UBND xã Bom Bo
279	7973736-Mua sắm trang thiết bị và vật dụng khối phòng học cấp I xã Bom Bo	182/QĐ-UBND ngày 09/09/2022	100	100	UBND xã Bom Bo
280	7999776-Xây dựng đường BTXM trường Mẫu giáo Vành Khuyên	342b/QĐ-UBND ngày 10/12/2022	27	27	UBND xã Bom Bo
281	8001058 - Xây dựng đường BTXM tổ 1 thôn 5 xã Bom Bo (đoạn nối tiếp nhà ông Dũng)	317/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	148	148	UBND xã Bom Bo
282	8060504-Xây dựng mương thoát nước đường từ sân vận động đi đường liên xã Bom Bo- Đăk Nhau	238b/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	550	550	UBND xã Bom Bo
283	8065187-Mua sắm ti vi cho trường TH Bom Bo và trường THCS Trần Văn Ôn, xã Bom Bo	230c/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	199	199	UBND xã Bom Bo
284	8111145- Mua sắm bàn ghế, dụng cụ thể thao, phong màn sân khấu, khẩu hiệu nhà văn hoá 8 thôn, xã Bom Bo	344c/QĐ-UBND ngày 30/09/2024	421	421	UBND xã Bom Bo

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
285	Nâng cấp, sửa chữa sân, cải tạo công viên và các hạng mục khác nhà bia ghi danh xã Bom Bo	2370/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.500	1.500	UBND xã Bom Bo
286	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Tuấn đi vườn nhà ông Nghiệp thôn 1, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	624		UBND xã Phước Sơn
287	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Tiến đi Dốc Thái Bình thôn 1, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	95		UBND xã Phước Sơn
288	Xây dựng đường BTXM từ đường liên thôn đi vườn ông Ninh thôn 1, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	291		UBND xã Phước Sơn
289	Xây dựng đường BTXM từ đất ông Cường vào nhà ông Tác thôn 3, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	105		UBND xã Phước Sơn
290	Xây dựng đường BTXM từ cầu ông Hiền đi nhà ông Đình thôn 3, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	75		UBND xã Phước Sơn
291	Xây dựng đường BTXM từ đất ông Toàn đi nhà ông Xếp thôn 3, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	77		UBND xã Phước Sơn
292	Xây dựng đường BTXM từ đất ông Dân đi vườn nhà ông Thắng thôn 3, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	64		UBND xã Phước Sơn
293	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Hược đi đến nương thủy lợi thôn 3, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	209		UBND xã Phước Sơn
294	Xây dựng đường BTXM từ vườn ông Thu đi vườn ông Toàn thôn 3, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	72		UBND xã Phước Sơn
295	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Thắng đi nhà ông Tượng thôn 3, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	229		UBND xã Phước Sơn
296	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Đồ đi nhà ông Đăng thôn 3, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	55		UBND xã Phước Sơn
297	Xây dựng đường BTXM từ vườn ông Nghèo đi vườn ông Rậu thôn 3, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	75		UBND xã Phước Sơn
298	Xây dựng đường BTXM từ đường Bàu Địa đi nhà ông Lâm thôn 5, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	271		UBND xã Phước Sơn
299	Xây dựng đường BTXM từ đất ông Đình đi nhà ông Anh thôn 6, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	188		UBND xã Phước Sơn
300	Xây dựng đường BTXM nối tiếp đoạn Nghĩa địa tổ 3 đi vườn ông Dũng thôn 2, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	95		UBND xã Phước Sơn
301	Xây dựng đường BTXM từ cống thoát nước đi nhà ông Cường tổ 4, thôn 2, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	64		UBND xã Phước Sơn
302	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Điền đi nhà ông Dương thôn 2, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	105		UBND xã Phước Sơn
303	Xây dựng đường BTXM từ đường liên thôn đi nhà ông Nừng thôn 2, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	64		UBND xã Phước Sơn
304	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Hiền đi nhà ông Bình thôn 2, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	416		UBND xã Phước Sơn
305	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Hiệp đi nhà ông Hiệu thôn 2, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	quyết định 1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	64		UBND xã Phước Sơn
306	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Minh đi nhà ông Huy thôn 2, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	114		UBND xã Phước Sơn
307	Xây dựng đường BTXM từ đất ông Sèn đi nhà ông Triệu thôn 2, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	55		UBND xã Phước Sơn
308	Xây dựng đường BTXM từ nhà văn hóa đi nhà ông Chung thôn 1, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	167		UBND xã Phước Sơn
309	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba ông Xếp đi vườn ông Toàn thôn 3, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	160		UBND xã Phước Sơn
310	Xây dựng đường BTXM từ Dốc Đen đi nhà ông Ớn thôn 3, xã Đăng Hà, Huyện Bù Đăng.	1792/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	105		UBND xã Phước Sơn
311	Xây dựng đường BTXM tổ 9 thôn 2 nhà ông Lờ xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	500/QĐ-UBND ngày 16/06/2021	298	298	UBND Nghĩa Trung
312	Xây dựng đường BTXM tổ 2 thôn 9 nhà ông Luyến xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	568/QĐ-UBND ngày 24/06/2021	85	85	UBND Nghĩa Trung
313	Xây dựng đường BTXM tổ 1 thôn 1 nhà anh Sầu xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	558/QĐ-UBND ngày 23/06/2021	80	80	UBND Nghĩa Trung

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
314	Xây dựng đường BTXM tổ 1 thôn 1 nhà ông Mận Tý xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	503/QĐ-UBND ngày 16/06/2021	142	142	UBND Nghĩa Trung
315	Xây dựng đường BTXM tổ 7 thôn 9 nhà ông Quang xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	569/QĐ-UBND ngày 24/06/2021	471	471	UBND Nghĩa Trung
316	Xây dựng đường BTXM tổ 1 thôn 1 nhà Anh Triều xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	567/QĐ-UBND ngày 24/06/2021	51	51	UBND Nghĩa Trung
317	Xây dựng đường BTXM tổ 3+4 thôn 1 xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	1869/QĐ-UBND ngày 22/09/2021	305	305	UBND Nghĩa Trung
318	Xây dựng đường BTXM tổ 3+4 thôn 1 (đoạn dưới) xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	1868/QĐ-UBND ngày 22/09/2021	267	267	UBND Nghĩa Trung
319	Xây dựng đường BTXM tổ 4 thôn 8 (nhà ông đông) xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	1871/QĐ-UBND ngày 22/09/2021	475	475	UBND Nghĩa Trung
320	Xây dựng đường BTXM tổ 4 thôn 8 (Khu ông Ngô Dương Huyền) xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	1872/QĐ-UBND ngày 22/09/2021	96	96	UBND Nghĩa Trung
321	Xây dựng đường BTXM tổ 6 thôn 7 xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	1873/QĐ-UBND ngày 22/09/2021	145	145	UBND Nghĩa Trung
322	Xây dựng đường BTXM tổ 5 thôn 7 xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	1870/QĐ-UBND ngày 22/09/2021	126	126	UBND Nghĩa Trung
323	Xây dựng đường BTXM tổ 1a thôn 2 xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	1866/QĐ-UBND ngày 22/09/2021	277	277	UBND Nghĩa Trung
324	Xây dựng đường BTXM tổ 1 thôn 2 (Nhà Anh Tý) xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	1867/QĐ-UBND ngày 22/09/2021	564	564	UBND Nghĩa Trung
325	Xây dựng mương thu nước và kè chắn đất xã Đức liễu	226a/QĐ-UBND 09/11/2020	347	347	UBND Nghĩa Trung
326	Xây dựng đường vào chợ Đức Liễu	216b/QĐ-UBND 02/11/2020	600	600	UBND Nghĩa Trung
327	Xây dựng nhà văn hoá đa năng UBND xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	100/QĐ-UBND ngày 04/03/2022	3.500	3.500	UBND Nghĩa Trung
328	Xây dựng nhà vệ sinh và mua sắm trang thiết bị nhà Văn hoá đa năng xã Đức Liễu	183/QĐ-UBND ngày 15/07/2022	1.500	1.500	UBND Nghĩa Trung
329	Xây dựng hàng rào Nhà văn hoá đa năng và sân lát gạch Tereazzo xung quanh	230/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	1.150	1.150	UBND Nghĩa Trung
330	Xây dựng đường vào và sân lát gạch Terazzo trạm y tế xã	232/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	300	300	UBND Nghĩa Trung
331	Xây dựng đường BTXM tổ 2 thôn2 (Nhà ông Thiện) xã Đức Liễu	151/QĐ-UBND ngày 06/06/2022	216	216	UBND Nghĩa Trung
332	Xây dựng đường BTXM tổ 6 thôn 9 (Đoạn nối tiếp) xã Đức Liễu	150/QĐ-UBND ngày 06/06/2022	61	61	UBND Nghĩa Trung
333	Xây dựng đường BTXM tổ 2 thôn 5 (Đoạn nối tiếp) xã Đức Liễu	152/QĐ-UBND ngày 06/06/2022	302	302	UBND Nghĩa Trung
334	Xây dựng đường BTXM tổ 3b thôn 2 (Nhà ông Đức) xã Đức Liễu	149/QĐ-UBND ngày 06/06/2022	19	19	UBND Nghĩa Trung
335	Xây dựng đường BTXM tổ 3b thôn 2 (Nhà bà Mai) xã Đức Liễu	148/QĐ-UBND ngày 06/06/2022	31	31	UBND Nghĩa Trung
336	Xây dựng đường BTXM tổ 6 thôn1 (Nhà ông Hai Phương) xã Đức Liễu	2693/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	40	40	UBND Nghĩa Trung
337	Xây dựng đường BTXM tổ 4 thôn 7 (nhà bà Thắm) xã Đức Liễu	2688/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	36	36	UBND Nghĩa Trung
338	Xây dựng đường BTXM tổ 1 thôn 9 xã Đức Liễu	2689/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	65	65	UBND Nghĩa Trung
339	Xây dựng đường BTXM tổ 7 thôn 9 (Nhà ông Phan Tý) xã Đức Liễu	2690/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	42	42	UBND Nghĩa Trung
340	Xây dựng đường BTXM tổ 2 thôn 10 (Nhà Ông Khiêm) xã Đức Liễu	2691/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	66	66	UBND Nghĩa Trung
341	Xây dựng đường BTXM tổ 3b thôn 2 xã Đức Liễu	2692/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	24	24	UBND Nghĩa Trung
342	Mua sắm,lắp đặt thiết bị màn hình Led phòng họp cấp uỷ UBND xã Đức Liễu	90/QĐ-UBND ngày 23/05/2023	219	219	UBND Nghĩa Trung
343	Xây dựng công trình cống dẫn dòng đường 33 thôn 6 (Nhà ông Ngọt)xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	77A/QĐ-UBND ngày 11/05/2023	100	100	UBND Nghĩa Trung
344	Công trình xây dựng nhà ở lực lượng UBND xã Đức Liễu	190/QĐ-UBND ngày 06/09/2023	1.000	1.000	UBND Nghĩa Trung

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
345	Xây dựng vòm mái che, nhà xe, lắp đặt dụng cụ thể thao, giếng khoan, trụ đèn năng lượng, hàng rào, sân BTXM thôn 1,3,7 Đức Liễu Huyện Bù Đăng	208/QĐ-UBND ngày 26/09/2023	835	835	UBND Nghĩa Trung
346	Công trình cải tạo sửa chữa hội trường, sân , hàng rào trước, nhà xe và một số hạng mục khác xã Đức Liễu	204/QĐ-UBND ngày 26/09/2023	1.060	1.060	UBND Nghĩa Trung
347	Công trình xây dựng 02 mái che trường mẫu giáo Tuổi Thơ xã Đức Liễu	206/QĐ-UBND ngày 26/09/2023	360	360	UBND Nghĩa Trung
348	Mua sắm hệ thống màn hình led, tủ điện điều khiển hẹn giờ, giàn âm thanh, laptop, webcam họp hội trường xã Đức Liễu	242a/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	256	256	UBND Nghĩa Trung
349	Xây dựng mương thoát nước đầu đường 32 thôn 8 (QL14 cũ) xã Đức Liễu	288/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	600	600	UBND Nghĩa Trung
350	Gia cố, làm nổi mương thoát nước hai bên cống thôn 3 xã Đức Liễu	227/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	600	600	UBND Nghĩa Trung
351	Xây dựng công trình sân BTXM nhà ở lực lượng dân quân thường trực xã Đức Liễu	263/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	477	477	UBND Nghĩa Trung
352	Mua sắm 100 bộ bàn ghế cho 10 nhà văn hoá thôn, xã Đức Liễu	261/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	599	599	UBND Nghĩa Trung
353	Công trình xây dựng chính quyền điện tử xã Đức Liễu	294/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	106	106	UBND Nghĩa Trung
354	Nâng cấp, cải tạo chợ xã Đức Liễu, hạng mục hệ thống PCCC vách tường và hệ thống chiếu sáng	237a/QĐ-UBND ngày 30/09/2019	119	119	UBND Nghĩa Trung
355	Đường BTXM tổ 6 thôn 7 (Nhà Mười Tường-Nhà Tâm Tiên)	300a/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	411	411	UBND Nghĩa Trung
356	Đường BTXM tổ 4 thôn 10 (Nhà Ông Sắc - Nhà Ông Thìn)	298/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	1.267	1.267	UBND Nghĩa Trung
357	Xây dựng đường bê tông xi măng từ dốc bà Đề đến Hoàng-Lý thôn Sơn Phú xã Phú Sơn, chiều dài 285m, rộng 2m, dày 14cm	47/QĐ-UBND ngày 04/06/2021	127	64	UBND Thọ Sơn
358	Xây dựng đường bê tông xi măng từ ranh Tiếng- Vàng đến rẫy ông Ngô thôn Sơn Thành xã Phú Sơn, chiều dài 200m, rộng 1,5m, dày 10cm	42/QĐ-UBND ngày 04/05/2022	51	25	UBND Thọ Sơn
359	Xây dựng đường bê tông xi măng mở rộng từ nhà Sơn đến nhà bà Hoa thôn Sơn Tân xã Phú Sơn, chiều dài 500m, rộng 1,5m, dày 14cm	51/QĐ-UBND ngày 14/06/2021	167	83	UBND Thọ Sơn
360	Xây dựng đường bê tông xi măng từ nhà Hiền Chinh đến rẫy ông Thanh thôn Sơn Phú xã Phú Sơn, chiều dài 500m, rộng 2m, dày 14cm	113/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	204	102	UBND Thọ Sơn
361	Xây dựng đường bê tông xi măng từ rẫy Huy Mại đến rẫy ông Lục thôn Sơn Phú xã Phú Sơn, chiều dài 200m, rộng 2m, dày 14cm	103/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	82	41	UBND Thọ Sơn
362	Xây dựng đường bê tông xi măng từ rẫy ông Điều Kron đến rẫy ông Toàn thôn Sơn Phú xã Phú Sơn, chiều dài 350m, rộng 2m, dày 14cm	109/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	143	72	UBND Thọ Sơn
363	Xây dựng đường bê tông xi măng từ rẫy Huy Lợi đến rẫy Hà Mại thôn Sơn Phú xã Phú Sơn, chiều dài 300m, rộng 2m, dày 14cm	107/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	122	61	UBND Thọ Sơn
364	Xây dựng đường bê tông xi măng từ nhà ông Lượng đến rẫy ông Chúc thôn Sơn Phú xã Phú Sơn, chiều dài 200m, rộng 2m, dày 14cm	105/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	82	41	UBND Thọ Sơn
365	Xây dựng đường bê tông xi măng từ rẫy Hà Mại đến rẫy ông Điều Kron thôn Sơn Phú xã Phú Sơn, chiều dài 200m, rộng 2m, dày 14cm	115/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	82	41	UBND Thọ Sơn
366	Xây dựng đường bê tông xi măng từ nhà Lê Dũng đến nhà Chung-Cương thôn Sơn Quý xã Phú Sơn, chiều dài 150m, rộng 3m, dày 14cm	111/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	64	18	UBND Thọ Sơn
367	Xây dựng đường bê tông xi măng từ đường nhựa Nông trường cao su Thọ Sơn đến rẫy ông Quang thôn Sơn Quý xã Phú Sơn, chiều dài 650m, rộng 4m, dày 16cm	99/QĐ-UBND ngày 05/10/2021	914	457	UBND Thọ Sơn

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
368	Xây dựng đường bê tông xi măng từ Nông trường cao su Thọ Sơn đến rẫy ông Ngô Lam thôn Sơn Tân xã Phú Sơn, chiều dài 770m, rộng 2m, dày 14cm	134/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	315	158	UBND Thọ Sơn
369	Xây dựng đường bê tông xi măng từ nhà Lê Dũng đến nhà Chung-Cương thôn Sơn Quý xã Phú Sơn, chiều dài 150m, rộng 3m, dày 14cm	111/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	28	28	UBND Thọ Sơn
370	Xây dựng đường bê tông xi măng từ Lô CSNT đến rẫy ông Định, thôn Sơn Phú xã Phú Sơn, chiều dài 450m, rộng 3m, dày 14cm	78/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	278	139	UBND Thọ Sơn
371	Xây dựng đường bê tông xi măng từ nhà ông Hôn đến nhà ông Bùi Văn Bản thôn Sơn Tân xã Phú Sơn, chiều dài 200m, rộng 2m, dày 14cm	81/QĐ-UBND ngày 12/11/2022	84	42	UBND Thọ Sơn
372	Xây dựng đường bê tông xi măng cấp từ ngã 3 rẫy ông Danh đến rẫy ông Quân thôn Sơn Phú xã Phú Sơn, chiều dài 200m, rộng 2m, dày 14cm	80/QĐ-UBND ngày 12/11/2022	84	42	UBND Thọ Sơn
373	Xây dựng đường bê tông xi măng từ rẫy ông Định đến rẫy ông Điều Phết thôn Sơn Tân xã Phú Sơn, chiều dài 650m, rộng 4m, dày 16cm	85/QĐ-UBND ngày 12/11/2022	941	471	UBND Thọ Sơn
374	Xây dựng đường bê tông xi măng từ rẫy ông Mạnh đến rẫy bà Nga thôn Sơn Tân xã Phú Sơn, chiều dài 200m, rộng 2m, dày 14cm	105/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	84	42	UBND Thọ Sơn
375	Xây dựng đường bê tông xi măng từ rẫy ông Hà Mai đến rẫy ông Tuấn thôn Sơn Phú xã Phú Sơn, chiều dài 650m, rộng 3m, dày 14cm	106/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	400	200	UBND Thọ Sơn
376	Xây dựng đường bê tông xi măng từ rẫy ông Lượng đến rẫy ông Đắp thôn Sơn Lang xã Phú Sơn, chiều dài 270m, rộng 2m, dày 14cm	107/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	113	56	UBND Thọ Sơn
377	Xây dựng đường bê tông xi măng từ rẫy ông Luân Luận đến rẫy ông Vỹ thôn Sơn Phú xã Phú Sơn, chiều dài 500m, rộng 2m, dày 14cm	108/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	206	103	UBND Thọ Sơn
378	Xây dựng đường bê tông xi măng từ nhà Điều Burl đến nhà Điều KRố thôn Sơn Lang xã Phú Sơn, chiều dài 110m, rộng 2m, dày 14cm	109/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	47	24	UBND Thọ Sơn
379	Xây dựng đường bê tông xi măng từ rẫy ông Huy đến rẫy ông Nhất thôn Sơn Lang xã Phú Sơn, chiều dài 640m, rộng 2,5m, dày 14cm	110/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	330	165	UBND Thọ Sơn
380	Xây dựng đường bê tông xi măng từ rẫy ông Truyền đến rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Tân xã Phú Sơn, chiều dài 200m, rộng 2m, dày 14cm	79/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	84	42	UBND Thọ Sơn
381	Xây dựng đường bê tông xi măng từ rẫy ông Cương đến rẫy ông Quân thôn Sơn Phú xã Phú Sơn, chiều dài 200m, rộng 3m, dày 14cm	84/QĐ-UBND ngày 12/11/2022	125	62	UBND Thọ Sơn
382	Xây dựng đường bê tông xi măng từ đường nội đồng đến rẫy bà Thủy thôn Sơn Tân xã Phú Sơn, chiều dài 200m, rộng 3m, dày 14cm	212/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	75	38	UBND Thọ Sơn
II	Danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 dự kiến hoàn thành năm 2025		10.201	5.838	
1	Trước ngày 30/6/2025		10.201	5.838	
	Xây dựng Công trình vệ sinh phục vụ học bán trú cho Trường TH Nguyễn Bá Ngọc, xã Minh Hưng		-	-	UBND xã Bù Đăng
	Mua sắm bàn ghế, máy tính, mái và các hạng mục khác Trường Tiểu học Minh Hưng		-	-	UBND xã Bù Đăng
	Nâng cấp mở rộng đường thôn 7 xã Minh Hưng huyện Bù Đăng		-	-	UBND xã Bù Đăng
	Nâng cấp, sửa chữa sân, cải tạo công viên và các hạng mục khác Nhà bia ghi danh xã Bom Bo		-	-	UBND xã Bom Bo
	Xây dựng hàng rào, cổng Trường Tiểu học Đức Liễu xã Đức Liễu		-	-	UBND xã Nghĩa Trung
	Xây dựng nhà vệ sinh UBND và mái hiên nhà công an xã Đức Liễu		-	-	UBND xã Nghĩa Trung

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
	Nâng cấp đoạn đường ngã ba 32 ra đường Quốc lộ 14, xã Đức Liễu		-	-	UBND xã Nghĩa Trung
	Xây dựng công, hàng rào, sân vườn, trạm Y tế xã Đường 10, huyện Bù Đăng		-	-	UBND Xã Đak Nhau
	Xây dựng hoàn thiện nhà văn hóa thôn 1 (Sân, giếng nước, nhà vệ sinh) xã Đường 10		-	-	UBND Xã Đak Nhau
	Xây dựng công, làm nhà vòm, giếng nước, mua ẩm Nhà văn hóa thôn 6 (xã Đường 10)		-	-	UBND Xã Đak Nhau
	Xây dựng mới 02 phòng học và nâng cấp, sửa chữa các hạng mục phòng học cũ, hàng rào điểm Trường tiểu học Võ Thị Sáu xã Đường 10		-	-	UBND Xã Đak Nhau
	Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 2 xã Đường 10		-	-	UBND Xã Đak Nhau
	Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 3 xã Đường 10		-	-	UBND Xã Đak Nhau
	Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 4 xã Đường 10		-	-	UBND Xã Đak Nhau
	Cải tạo, nâng cấp điểm Trường Mẫu giáo Thanh Bình (Xây dựng công, bếp ăn, nhà vệ sinh và sửa chữa các hạng mục phòng học cũ) xã Đường 10		-	-	UBND Xã Đak Nhau
6	Đầu tư đường BTXM ngã 3 nội đồng thôn 3 (kéo dài kết nối qua thôn 4), xã Đoàn Kết	703/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	600		UBND xã Bom Bo
7	Đầu tư 30 cụm loa thông minh trên địa bàn xã Đoàn Kết	703/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	900		UBND xã Bom Bo
8	Đầu tư hệ thống đèn năng lượng mặt trời các tuyến đường: Tổ 2, thôn 1; Quốc lộ 14, thôn 2 đi Dốc bà Tham, thôn 5; ông Vệ, thôn 6 xã Đoàn Kết	703/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	600		UBND xã Bom Bo
9	Xây dựng đường BTXM ngã ba Long Thi nối dài thôn 1 - xã Đường 10	1212/QĐ-UBND ngày 25/05/2025	535	535	UBND Xã Đak Nhau
10	Đầu tư điện chiếu sáng Năng lượng mặt trời tuyến đường ấp 3 đi ấp 4, xã Phước Sơn	1206/ QĐ-UBND ngày 23/5/2025	1.303	1.303	UBND xã Phước Sơn
11	Xây dựng nhà Một cửa xã Bom Bo	2370/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	4.000	4.000	UBND xã Bom Bo
12	XD đường BTXM từ nhà bà Hường đi đến vườn nhà ông Hiệu, thôn 3	1076/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	70		UBND xã Phước Sơn
13	XD đường BTXM từ đường ĐT755B đi vườn ông Vành, thôn 4	1076/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	167		UBND xã Phước Sơn
14	XD đường BTXM từ ngã ba Pèng đi vườn ông Long thôn 4	1076/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	271		UBND xã Phước Sơn
15	XD đường BTXM từ đồi Độc Lập đi vườn ông Thái thôn 4	QĐ số 1076/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	138		UBND xã Phước Sơn
16	XD đường BTXM từ nhà ông Điền vào cánh đồng tổ 2 thôn 4	1076/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	75		UBND xã Phước Sơn
17	XD đường BTXM từ đất ông Lễ đi đất ông Bá thôn 5	1076/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	359		UBND xã Phước Sơn
18	XD đường BTXM từ đất ông Phẩm đi nhà ông Mão thôn 5	QĐ số 1076/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	145		UBND xã Phước Sơn
19	XD đường BTXM từ đường ĐT755B đi nhà bà Cường thôn 5	1076/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	448		UBND xã Phước Sơn
20	XD đường BTXM từ đường Bàu Tre đi vườn ông Khánh thôn 5	1076/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	121		UBND xã Phước Sơn
21	XD đường BTXM từ nhà ông Xuân đi nhà ông Bá thôn 5	1076/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	250		UBND xã Phước Sơn
22	XD đường BTXM từ nhà ông Ry đi đất bà Mơ thôn 5	1076/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	151		UBND xã Phước Sơn
23	XD đường BTXM từ Nghĩa địa đi nhà ông Đông thôn 6	1076/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	68		UBND xã Phước Sơn
	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		86.396	47.429	

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		79.780	46.469	
1	Mua sắm trang thiết bị trạm y tế xã Nghĩa Bình		880	-	UBND xã Nghĩa Trung
2	Mua sắm trang thiết bị máy tính Trường TH&THCS Nghĩa Bình		328	-	UBND xã Nghĩa Trung
3	Mua sắm trang thiết bị trạm y tế xã Đồng Nai		550	-	UBND Xã Thọ Sơn
4	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng các thôn xã Đồng Nai		2.200	-	UBND Xã Thọ Sơn
5	Mua sắm bàn ghế thiết bị nhà văn hóa các thôn và nhà văn hóa xã Đồng Nai		2.200	-	UBND Xã Thọ Sơn
6	XD sân và hạng mục khác Nhà văn hóa thôn Sơn Thọ		605	-	UBND Xã Thọ Sơn
7	Nâng cấp đường, làm mương thoát nước đường qua và vào nhà văn hóa Thôn Sơn Lập, xã Thọ Sơn		495	-	UBND Xã Thọ Sơn
8	Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục Trường TH Thọ Sơn (Điểm lẻ Thôn Sơn Lập, điểm lẻ Thôn Sơn Thọ)		2.675	-	UBND Xã Thọ Sơn
9	Xây dựng hệ thống đèn điện chiếu sáng năng lượng mặt trời tuyến đường Thôn 3 xã Đồng Nai		328	-	UBND Xã Thọ Sơn
10	XD một số công thoát nước tại các tuyến đường trên địa bàn xã Đăng Hà		1.500	-	UBND xã Phước Sơn
11	XD, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa thôn 1, 2, 3, 4, 5 và 6 xã Đăng Hà		6.380	6.380	UBND xã Phước Sơn
12	Nâng cấp NVH ấp 1; XD mới NVH và các hạng mục khác NVH các ấp 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 xã Phước Sơn		7.700	-	UBND xã Phước Sơn
13	Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang chợ xã Phước Sơn		1.600	-	UBND xã Phước Sơn
14	Mua sắm trang thiết bị vật dụng cần thiết cho trạm Y tế xã Phước Sơn		240	-	UBND xã Phước Sơn
15	Lắp đặt điện chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời trên tuyến đường ĐT 755 và các trục đường liên thôn xã Phước Sơn		850	-	UBND xã Phước Sơn
16	Xây dựng đường điện chiếu sáng năng lượng mặt trời từ ấp 5 ra ấp 6 trên trục ĐT 755 và Ấp 1 đi Thống Nhất		870	-	UBND xã Phước Sơn
17	Xây dựng công, hàng rào nghĩa trang Thôn 4 xã Đăng Hà		328	-	UBND xã Phước Sơn
18	XD khu thể dục, thể thao xã Đường 10		550	-	UBND xã Đăk Nhau
19	Xây dựng mương thoát nước khu TTHC xã Đường 10		566	-	UBND xã Đăk Nhau
20	Đầu tư hệ thống đèn năng lượng mặt trời các tuyến đường: Thôn 2; Thôn 3; Thôn 4 và Thôn 5 xã Đường 10		428	-	UBND xã Đăk Nhau
21	Đầu tư loa thông minh và Camera an ninh trên địa bàn xã Đường 10		407	-	UBND xã Đăk Nhau
22	Nâng cấp, sửa chữa đường từ nhà văn hóa Thôn Đak Nung đi Thôn Đăng Lang		870	-	UBND xã Đăk Nhau
23	Chống ngập úng đường Đoàn Kết - Đồng Nai (Thôn 2 xã Đoàn Kết)		1.600	1.600	UBND xã Minh Hưng
24	Lắp đặt hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, chống sét chợ Minh Hưng		880	-	UBND xã Minh Hưng
25	Đầu tư đường BTXM ngàba nội đồng Thôn 3 (kéo dài kết nối qua Thôn 4), xã Đoàn Kết		647	-	UBND xã Minh Hưng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
26	Đầu tư hệ thống đèn năng lượng mặt trời các tuyến đường: Tổ 1, Thôn 1; QL 14, Thôn 2; Đi dốc bà Tham Thôn 5; Ông Vệ Thôn 6 xã Đoàn Kết		647	-	UBND xã Minh Hưng
27	Đầu tư 30 cụm loa thông minh trên địa bàn xã Đoàn Kết		963	-	UBND xã Minh Hưng
28	Đầu tư các thiết chế thôn thông minh, loa thông minh, camera an ninh trên địa bàn xã Bom Bo		642	-	UBND Xã Bom Bo
29	Đầu tư mở rộng đường BTXM thôn 8 xã Bom Bo		2.025	-	UBND Xã Bom Bo
30	Mua sắm các thiết bị và xử lý bảo vệ môi trường xã Bom Bo		107	-	UBND Xã Bom Bo
31	XD mương thoát nước TT Thương mại xã Bom Bo		1.230	-	UBND Xã Bom Bo
1	Xây dựng đường BTXM tổ 2, thôn 8		514	514	UBND Xã Bom Bo
2	Xây dựng đường BTXM tổ 2, thôn 7 (Đoạn 2)		711	711	UBND Xã Bom Bo
3	Xây dựng đường BTXM vào sân bóng tổ 2, thôn Bom Bo		79	79	UBND Xã Bom Bo
4	Xây dựng đường BTXM tổ 3, thôn 6		1.028	1.028	UBND Xã Bom Bo
5	Xây dựng đường BTXM vào khu bảo tồn, tổ 3, thôn Bom Bo		94	94	UBND Xã Bom Bo
6	Xây dựng đường BTXM tổ 4, thôn 5		1.047	1.047	UBND Xã Bom Bo
7	Xây dựng đường BTXM tổ 2, thôn 6		705	705	UBND Xã Bom Bo
8	Xây dựng đường BTXM tổ 5, thôn 5		287	287	UBND Xã Bom Bo
9	Xây dựng đường BTXM tổ 2 đi tổ 5, thôn 7 (bến đò)		362	362	UBND Xã Bom Bo
10	Xây dựng đường BTXM tổ 3, thôn 3 (đoạn nối tiếp)		360	360	UBND Xã Bom Bo
11	Xây dựng đường BTXM tổ 2, thôn 5(Nhánh 3)		421	421	UBND Xã Bom Bo
12	Xây dựng đường BTXM vào nghĩa trang thôn 8		183	183	UBND Xã Bom Bo
13	Đường BTXM tổ 3 thôn 2 (Nhánh 2)	108/QĐ- UBND ngày 22/9/2022	456	456	UBND Xã Bom Bo
14	Đường BTXM tổ 5 thôn 3 (Nối tiếp)	109/QĐ- UBND ngày 22/9/2022	229	229	UBND Xã Bom Bo
15	Đường BTXM tổ 4 thôn 4 (Nối tiếp)		916	916	UBND Xã Bom Bo
16	Đường BTXM tổ 4 thôn 2	109a/QĐ- UBND ngày 22/9/2022	540	540	UBND Xã Bom Bo
17	Đường BTXM tổ 6 thôn Bom Bo (đoạn nối tiếp)	173/QĐ- UBND ngày 28/12/2022	55	55	UBND Xã Bom Bo
18	Đường BTXM tổ 5 thôn 3 (đoạn nối tiếp nhà bà Đồi)	148/QĐ- UBND ngày 16/11/2022	177	177	UBND Xã Bom Bo
19	Đường BTXM tổ 1 thôn 4 (Nhánh 5)		187	187	UBND Xã Bom Bo
20	Đường BTXM tổ 4 thôn 7		287	287	UBND Xã Bom Bo
21	Đường BTXM nghĩa trang thôn 7(Nhánh 2)		237	237	UBND Xã Bom Bo
22	Đường BTXM tổ 3 thôn Bom Bo (Nhánh 2 xuống cầu bê tông khu bảo tồn)	168/QĐ- UBND ngày 12/12/2022	113	113	UBND Xã Bom Bo
23	Đường BTXM tổ 6 thôn 4 (Ông Linh)		770	770	UBND Xã Bom Bo
24	Xây dựng đường BTXM tổ 1 thôn 5 (dài 500M)	116/QĐ- UBND ngày 21/12/2023	501	501	UBND Xã Bom Bo

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
25	Xây dựng đường BTXM tổ 1, thôn 4 (Đoạn vào trạm điện)	117/QĐ- UBND ngày 21/12/2023	321	321	UBND Xã Bom Bo
26	Xây dựng đường BTXM tổ 2 thôn 4 (Đoạn bà Kiu)	118/QĐ- UBND ngày 21/12/2023	692	692	UBND Xã Bom Bo
27	Xây dựng đường BTXM tổ 1 thôn 4 (Dài 906m)	119/QĐ- UBND ngày 21/12/2023	815	815	UBND Xã Bom Bo
28	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số	190/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	30	30	UBND Xã Bom Bo
29	Đường BTXM tổ 5, thôn 4 (Đoạn từ cầu số 5- ngã ba ông Minh) xã Bình Minh	237/QĐ- UBND ngày 13/12/2024	406	406	UBND Xã Bom Bo
30	Mua sắm trang thiết bị, vật dụng cần thiết cho Trạm Y tế xã Phước Sơn - Chương 800 - 8108261	1690/QĐ-UBND ngày 31/07/2024	220	220	UBND xã Phước Sơn
31	Lắp đặt điện chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời trên tuyến đường ĐT 755 và các trục đường liên thôn xã Phước Sơn - Chương 800 - 8118347	1690/QĐ-UBND ngày 31/07/2024	780	780	UBND xã Phước Sơn
32	Xây dựng công trình mua sắm bàn ghế, máy tính, mái và các hạng mục khác Trường TH Minh Hưng, xã Minh Hưng		1.000	1.000	UBND xã Bù Đăng
33	Mua sắm thùng thu gom rác thải trên địa bàn xã Minh Hưng		200	200	UBND xã Bù Đăng
34	Lắp đặt hệ thống, thiết bị phòng cháy chữa cháy, chống sét chợ Minh Hưng		800	800	UBND xã Bù Đăng
35	Xy dựng đường BTXM tổ 6 thôn 8 xã Bom Bo (đoạn qua rẫy bà Tuyết Trường)	86a/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	2.323	2.323	UBND xã Bom Bo
36	Xây dựng đường BTXM tổ 2 thôn 4 sau quán Gặt Gù)	139/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	460	460	UBND xã Bom Bo
37	7999777 - Xây dựng đường BTXM vào bãi rác xã Bom Bo	311/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	105	105	UBND xã Bom Bo
38	7998697 - Xây dựng đường BTXM tổ 11 thôn 5 xã Bom Bo (ông Xê)	342c/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	229	229	UBND xã Bom Bo
39	8057617 - Xây dựng đường BTXM tổ 4 thôn 6	342f/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	603	603	UBND xã Bom Bo
40	8057616 - Xây dựng đường BTXM tổ 5 thôn 8	342d/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	265	265	UBND xã Bom Bo
41	8057615 - Xây dựng đường BTXM đường vào khu nghĩa địa đồng bào thôn 5	342g/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	352	352	UBND xã Bom Bo
42	8057619 - Xây dựng đường BTXM tổ 1 thôn 5 (lên Chùa Liên Trì)	342e/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	102	102	UBND xã Bom Bo
43	8065725 - Xây dựng đường BTXM tổ 1 thôn 4 xã Bom Bo	QĐ 246 ngày 31/12/2022	352	352	UBND xã Bom Bo
44	7933066- Xây dựng đường BTXM tổ 5 thôn 6 (đoạn vào nghĩa địa) xã Bom Bo	2422/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	448	448	UBND xã Bom Bo
45	7998698 - Xây dựng đường BTXM tổ 10a thôn 5 xã Bom Bo nối tiếp (đoạn qua nhà ông Sòi)	309/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	76	76	UBND xã Bom Bo
46	7933081 - Xây dựng đường BTXM tổ 2 thôn 6 (đoạn đầu)	2419/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	743	743	UBND xã Bom Bo
47	8001991 - Xây dựng đường BTXM tổ 5 thôn 10 xã Bom Bo	266/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	164	164	UBND xã Bom Bo
48	7933077 - Xây dựng đường BTXM tổ 5 thôn 3 (bên hông nhà máy tôn)	267/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	286	286	UBND xã Bom Bo
49	Nâng cấp mua sắm và các hạng mục khác nhà văn hoá các thôn xã Bom Bo	2237/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	3.760	3.760	UBND xã Bom Bo
50	Đầu tư mới điện chiếu sáng khu trung tâm hành chính xã Bom Bo	2237/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	1.140	1.140	UBND xã Bom Bo
51	Xây dựng đường BTXM tổ 5 thôn 6 (đoạn ngã ba bà Bích đến nhà ông Bào), xã Bom Bo	464/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	1.078	1.078	UBND xã Bom Bo

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
52	Xây dựng đường BTXM tổ 5 thôn 6 (đoạn nối tiếp), xã Bom Bo	447/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	79	79	UBND xã Bom Bo
53	Xây dựng đường BTXM mở rộng tổ 2 thôn 4 (sau quán Gật Gù), xã Bom Bo	456/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	232	232	UBND xã Bom Bo
54	Xây dựng đường BTXM tổ 10A thôn 5 (nối dài), xã Bom Bo	449/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	539	539	UBND xã Bom Bo
55	Xây dựng mới sân bê tông xi măng, bồn hoa trường THCS xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	829/QĐ-UBND ngày 18/04/2022	520	520	UBND xã Nghĩa Trung
56	Xây dựng bờ kè mương nước đường BTXM nhà ông Đông thôn 9 xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 01/06/2022	308	308	UBND xã Nghĩa Trung
57	Nâng cấp cải tạo nhà vệ sinh UBND và mái hiên nhà công an xã Đức Liễu	1229/QĐ-UBND ngày 01/06/2022	220	220	UBND xã Nghĩa Trung
58	Xây dựng hàng rào, cổng trường tiểu học xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	898/QĐ-UBND ngày 25/04/2022	630	630	UBND xã Nghĩa Trung
59	Xây dựng mới nhà vệ sinh trường THCS Nguyễn Trường Tộ xã Đức Liễu Huyện Bù Đăng	890/QĐ-UBND ngày 21/04/2022	530	530	UBND xã Nghĩa Trung
60	Xây dựng mới một số nhà văn hóa và xây dựng, nâng cấp các hạng mục khác nhà văn hóa các thôn (10 thôn) xã Đức Liễu	1569/QĐ-UBND ngày 08/07/2022	6.322	6.322	UBND xã Nghĩa Trung
61	Mua sắm trang thiết bị và các hạng mục khác nhà văn hoá 10 thôn, xã Đức Liễu	2331/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	500	500	UBND xã Nghĩa Trung
62	Nâng cấp đoạn đường 32 ra quốc lộ 14 xã Đức Liễu	2262/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	600	600	UBND xã Nghĩa Trung
	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI		6.616	960	
1	Dự án 1 hỗ trợ xây dựng nhà mới: Xã Phước Sơn		-	-	UBND xã Phước Sơn
2	Dự án 1 hỗ trợ sửa nhà: Xã Thống Nhất		-	-	UBND xã Phước Sơn
3	Dự án 4: Hạ thế điện thôn 5, xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng		1.034	-	UBND xã Phước Sơn
4	Dự án 4: Đường BTXM nối tiếp NVH thôn 10 đi sóc ông La, xã Thống Nhất		1.000	-	UBND xã Phước Sơn
5	Dự án 6: Xã Đăng Hà (Theo QĐ 1802/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh)		1.554	-	UBND xã Phước Sơn
6	Dự án 1 hỗ trợ sửa nhà: Xã Đoàn Kết		-	-	UBND xã Bù Đăng
7	Dự án 5: Xây dựng công trình vệ sinh phục vụ học bán trú cho trường TH Nguyễn Bá Ngọc, xã Minh Hưng		340	-	UBND xã Bù Đăng
8	Dự án 1 hỗ trợ sửa nhà: Xã Đồng Nai		-	-	UBND Xã Thọ Sơn
1	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất , nước sinh hoạt	740/QĐ-UBND ngày 11/05/2023	54		UBND xã Bù Đăng
2	Giải quyết tình trạng đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Bình Minh	153/QĐ- UBND ngày 30/1/2024	35		UBND xã Bom Bo
3	Giải quyết tình trạng đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Bình Minh	740/ QĐ- UBND ngày 11/5/2023	713		UBND xã Bom Bo
4	Giải quyết tình trạng đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Bình Minh	2704/QĐ- UBND ngày 31/12/2024	23		UBND xã Bom Bo
5	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất , nước sinh hoạt xã Đường 10		16	16	UBND Xã Đak Nhau
6	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất , nước sinh hoạt	740/QĐ-UBND ngày 11/05/2023	230	230	UBND xã Bù Đăng
7	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất , nước sinh hoạt	740/QĐ-UBND 11/5/2023	138		UBND xã Bù Đăng
8	Giải quyết tình trạng đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	740/QĐ-UBND ngày 11/5/2023	304	304	UBND xã Bù Đăng
9	Xây dựng công trình vệ sinh phục vụ học bán trú cho Trường TH Nguyễn Bá Ngọc, xã Minh Hưng		340	340	UBND xã Bù Đăng

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
10	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất , nước sinh hoạt xã Bom Bo	740/QĐ-UBND ngày 11/5/2023	322		UBND xã Bom Bo
11	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất , nước sinh hoạt xã Bom Bo	2704/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	92		UBND xã Bom Bo
12	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất , nước sinh hoạt xã Bom Bo	Số 740/QĐ-UBND, ngày11/5/2023	161	7	UBND xã Bom Bo
13	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Số 544/QĐ-UBND, ngày04/4/2023	58	3	UBND xã Bù Đăng
14	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Số 834/QĐ-UBND, ngày19/5/2023	30	30	UBND xã Bù Đăng
15	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Số 1436/QĐ-UBND, ngày03/8/2023	143		UBND xã Bù Đăng
16	Hỗ trợ sửa chữa nhà	Số 2090/QĐ-UBND, ngày14/11/2023	30	30	UBND xã Bù Đăng
K	THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI		2.325.521	1.545.457	-
K.1	KHỐI THÀNH PHỐ		1.943.466	1.194.771	
	BAN QLCĐA THÀNH PHỐ		1.637.038	961.858	
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành trước 31/12/2024		473.672	306.108	
1	Xây dựng trường MN Hoa Huệ (08 phòng học lầu + 08 phòng chức năng + hàng rào)	4453/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	14.253	27	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
2	Xây dựng 10 phòng học lầu trường TH Tân Thành B	380/QĐ-UBND ngày 26/4/2019	5.549	127	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
3	Xây dựng trường Tiểu học Tiến Thành	3129/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	28.215	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
4	Xây dựng 12 phòng học lầu trường MN Hoa Cúc	2876/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	9.261	579	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
5	Xây dựng 12 phòng chức năng trường TH Tân Xuân C	2878/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	10.976	326	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
6	Nâng cấp bê tông nhựa nóng các tuyến đường số 1, 2, 3, 4 và 5 khu TTHC phường Tân Đồng	19/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	12.876	90	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
7	XD trụ sở làm việc Trạm khuyến nông + Bảo vệ thực vật + Thú y	2872/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	5.220	119	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
8	Xây dựng 12 phòng học lầu trường THCS Tân Thiện	2837/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	13.000	8.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
9	Xây dựng 12 phòng học lầu trường Mầm non Hoa Mai, thành phố Đồng Xoài	2918/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	10.000	6.041	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
10	XD 12 phòng học lầu Trường TH Tân Xuân B	5017/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	7.735	7.735	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
11	Xây dựng 18 phòng học lầu Trường Tiểu học Tiến Thành	872/QĐ-UBND ngày 20/4/2021	11.000	10.481	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
12	GPMB + XD đường nối Đặng Thai Mai - Lý Thường Kiệt	895/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	67.649	32.343	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
13	GPMB + XD đường Lý Thường kiệt nối dài đoạn từ đường Phú Riêng Đò đến đường Nguyễn Huệ phường Tân Đồng		43.304	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
14	XD đường QH số 31 (đoạn tiếp giáp đường Phú Riêng Đò)	2871/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	3.604	3.604	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
15	XD hệ thống thoát nước từ đường Quy hoạch số 2, phường Tân Thiện đến Suối Rát	2879/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	9.756	206	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
16	Xây dựng đường Phan Bội Châu	5015/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	58.168	58.168	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
17	Lắp hệ thống điện, cấp thoát nước và san lấp mặt bằng chợ Tân Thành		3.180	3.180	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
18	XD 12 phòng học và nhà thi đấu đa năng trường TH Tân Phú C	5020/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	10.285	10.285	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
19	Cắm mốc và đo vẽ bản đồ các tuyến đường quy hoạch trên địa bàn (đợt 2)	1386/QĐ-UBND ngày 26/06/2023 2236/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	20.000	18.760	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
20	XD 10 phòng chức năng và 08 phòng học lầu trường TH Tân Bình B	5021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	14.590	14.800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
21	Xây dựng 15 phòng học, bộ môn, chức năng trường THCS Tân Đồng	5023/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
22	XD 15 phòng học, bộ môn, chức năng trường THCS Tân Bình	5022/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	17.000	17.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
23	Nâng cấp, cải tạo cống, hàng rào, sân và hệ thống thoát nước Trường THCS Tân Xuân	2784/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	2.963	2.960	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
24	Xây dựng mương thoát nước, lát gạch sân, trồng cây Trường tiểu học Tiến Thành	2475/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	1.531	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
25	Xây dựng hàng rào trường TH và THCS Tân Thành	1748/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	1.623	1.623	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
26	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Thành ủy Đồng Xoài	2416/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	3.800	3.800	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
27	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Khối vận thành phố Đồng Xoài	2471/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	2.339	2.339	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
28	Xây dựng, sửa chữa hàng rào trường TH Tân Phú và Trường MN Hướng Dương	3058/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	1.480	1.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
29	Xây dựng 18 phòng học lầu Trường THCS Tân Xuân	2257/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	19.315	19.315	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
30	Xây dựng Quảng trường thành phố Đồng Xoài	5024/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	50.000	50.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
II	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành năm 2025		403.174	312.535	
	Trước ngày 30/6/2025		51.646	51.146	
1	Xây dựng đường quy hoạch số 11 (đường quy hoạch số 2) đoạn đường Phú Riềng đỏ đến khu TTHC phường Tân Đồng	5018/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.500	15.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
2	Xây dựng đường Lê Trọng Tấn nối dài (đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến tiếp giáp đường Hồ Xuân Hương), phường Tân Phú	1755/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	12.446	12.446	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
3	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc HUBND-UBND và Trụ sở tiếp Công dân thành phố Đồng Xoài	2470/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	8.500	8.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
4	Cải tạo Nhà thi đấu đa năng thành phố Đồng Xoài	1753/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	3.200	3.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
5	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm chính trị thành phố Đồng Xoài	2568/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	6.500	6.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
6	Nâng cấp, cải tạo đường 6 tháng 1 và đường Hùng Vương (đoạn từ đường 6 tháng 1 đến Quốc lộ 14)	3148/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	5.500	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
	Sau ngày 30/6/2025		351.528	261.389	
1	GPMB + Xây dựng đường Quy hoạch số 18 (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Võ Văn Tần), thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài)	3218/QĐ-UBND ngày 09/09/2020	31.917	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
2	XD đường vành đai phía nam Đồng Xoài (đoạn qua phường Tân Bình)	2912/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	73.722	39.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
3	Giải phóng mặt bằng dự án xây dựng kè và nạo vét Hồ Suối Cam	111/HĐND ngày 09/9/2019 2473/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 1007/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	172.000	142.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
4	Xây dựng 10 phòng học, 05 phòng bộ môn và nhà đa năng trường Tiểu học Tân Xuân C	446/QĐ-UBND ngày 26/3/2024	18.659	18.659	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
5	Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất các trường học và mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học	2400/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	18.000	18.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
6	Nâng cấp, mở rộng hẻm nối từ đường Đồng Khởi đến đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Phú	2480/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	7.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
7	Xây dựng Công viên văn hóa Khu phố 5, phường Tân Đồng.	1745/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	5.451	5.451	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
8	Xây dựng Công viên văn hóa khu phố 1, phường Tiến Thành.	1746/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	4.779	4.779	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Bình)	3120/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	20.000	18.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
III	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 hoàn thành sau năm 2025		760.192	343.215	
1	GPMB + XD đường Trường Chinh (đoạn từ QL14 đến đường vành đai khu Công nghiệp Đồng Xoài III)	3969/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	79.800	41.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
2	Xây dựng đường giao thông khu quy hoạch phân lô đất Lâm trường Suối Nhung (cũ), phường Tân Bình	4224/QĐ-UBND ngày 23/12/2020	4.530	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
3	XD 21 phòng học, phòng học bộ môn, chức năng trường THCS Tiến Thành	1743/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	25.000	25.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
4	GPMB + Xây dựng hàng rào mở rộng trường MN Hoa Lan và trường TH Tiến Hưng B	1749/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	8.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
5	Xây dựng 29 phòng học, phòng học bộ môn, chức năng trường THCS Tân Phú	2843/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	30.000	30.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
6	GPMB + XD đường Nguyễn Huệ nối dài (đoạn từ TTVH phường Tân Đồng đến đường Hồ Xuân Hương)		50.000	2.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
7	Xây dựng đường Phạm Ngọc Thạch, phường Tiến Thành (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường vành đai)	2844/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	25.000	25.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
8	Xây dựng đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường số 31 đến đường Trường Chinh)	5014/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	80.000	80.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
9	GPMB + San lấp mặt bằng khu quy hoạch Trụ sở làm việc Công an thành phố, trường Tiểu học Tân Bình và khu dân cư hỗn hợp phường Tân Bình	1994/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	200.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
10	GPMB+ xây dựng phần còn lại đường Lê Lợi và các tuyến đường tiếp giáp Công viên Xoài, phường Tân Phú	5019/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 1237/QĐ-UBND ngày 13/07/2022	16.000	16.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
11	GPMB + chỉnh trang vỉa hè, ngã rẽ đường Hai Bà Trưng	1535/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
12	GPMB + Xây dựng mương thoát nước đường Hùng Vương (đoạn từ đường Hùng Vương đến suối Tâm Vong), phường Tân Bình	2419/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	5.900	5.900	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
13	Cải tạo, nâng cấp đường vào ấp Bung Sê, xã Tân Thành	1751/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	12.965	12.965	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
14	Xây dựng kho và cải tạo khuôn viên trụ sở làm việc phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Xoài	2840/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	5.200	5.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
15	GPMB + xây dựng hàng rào khu vực Bàu Đồng Thê, xã Tiến Hưng	2417/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	5.500	5.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
16	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị Trung tâm Y tế thành phố Đồng Xoài	3211/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	15.000	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
17	Cải tạo khuôn viên Tượng Đài Chiến thắng Đồng Xoài	35/NQ-HĐND ngày 14/10/2024	13.200	8.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
18	Lắp đặt đèn trang trí, led, màn hình một số tuyến đường trục chính trên địa bàn thành phố	3209/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	15.000	9.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
19	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc 05 cơ quan thành phố	3212/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	6.000	6.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
20	Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi ngoài trời, thiết bị dạy học các trường	3219/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	25.000	12.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
21	Lắp đặt hệ thống sân khấu ngoài trời Quảng trường thành phố Đồng Xoài	3210/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	15.000	7.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
22	Lắp biển tên đường, biển báo giao thông; vạch phân làn đường.gờ giảm tốc một số tuyến đường trên địa bàn thành phố (đợt 2)	247/QĐ-UBND ngày 10/02/2025	7.500	6.500	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
23	Xây 07 phòng học, trang thiết bị, hệ thống PCCC và sửa chữa Trường MN Hoa Hồng	3213/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	15.000	5.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
24	Xây dựng đường Nguyễn Văn Linh (từ đường QH số 21 đến đường Võ Văn Tần)	1007/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	19.900	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
25	Cải tạo, nâng cấp, đầu tư mới hệ thống tiêu thoát nước chống ngập trên địa bàn thành phố	1007/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	12.500	5.100	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
26	Khu trung tâm hành chính phường Tân Đồng, thị xã Đồng Xoài	3237/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	62.197	1.050	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
B	TRUNG TÂM PTQĐ TP		21.924	400	
III	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 hoàn thành sau năm 2025		21.924	400	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
1	Xây dựng chợ Tân Thành và khu phân lô dân cư ấp 3, xã Tân Thành	2007/QĐ-UBND ngày 14/7/2009	21.924	400	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
C	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ		225.407	182.443	
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành trước 31/12/2024		136.272	136.272	
1	Duy tu, sửa chữa lớn CSVC các trường MN, TH, THCS công lập trên địa bàn.	190/QĐ-UBND ngày 02/7/2024	13.194	13.194	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
2	Xây dựng đường QH số 4 (từ đường QH18 đến đường Nguyễn Đức Cảnh) và đường Đoàn Thị Điểm (từ đường CMT8 đến đường QH số 4), phường Tân Phú	2931/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	4.311	4.311	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
3	Lắp đặt, cải tạo hệ thống chiếu sáng đường Nguyễn Huệ thuộc các phường Tân Xuân, Tân Thiện, Tân Đồng		2.281	2.281	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
4	Cải tạo, nâng cấp 06 tuyến đường (khu Sờ NN-PTNT tỉnh) trên địa bàn phường Tân Bình	3045/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	6.855	6.855	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
5	Cải tạo, nâng cấp 06 tuyến đường trên địa bàn phường Tân Đồng	3049/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	9.579	9.579	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
6	Cải tạo, nâng cấp đường Lê Quý Đôn (từ Phú Riêng Đò đến ngã ba Sóc Miên) phường Tân Xuân- Tân Thiện	3052/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	10.515	10.515	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
7	Cải tạo, nâng cấp 11 tuyến đường trên địa bàn phường Tân Phú	3047/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	13.245	13.245	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
8	Cải tạo, nâng cấp 07 tuyến đường khu TTTM trên địa bàn phường Tân Bình	3050/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	10.158	10.158	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nhựa (QL14-K23-Thuận Phú) xã Tân Thành	2434/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	4.544	4.544	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
10	Xây dựng chợ xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài	3036/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	5.783	5.783	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
11	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa chợ Đồng Xoài	128/QĐ-UBND ngày 23/01/2022	13.499	13.499	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
12	Lập Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Tiến Thành và phường Tân Bình	2929/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	2.615	2.615	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
13	Quy hoạch tỷ lệ 1:2000 Khu vực Tiến Hưng	1496/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	8.724	8.724	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
14	Quy hoạch tỷ lệ 1:2000 Khu vực Tân Thành	1492/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	9.389	9.389	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
15	Thay thế tấm đan bị hư hỏng, lưới chắn rác ...một số tuyến đường trên địa bàn thành phố	307/QĐ-UBND ngày 15/2/2023	9.410	9.410	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
16	Nạo vét công, hồ ga...một số tuyến đường khu trung tâm thành phố Đồng Xoài	1867/QĐ-UBND ngày 10/8/2023	5.879	5.879	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
17	Lắp đặt biển báo, đèn tín hiệu giao thông, gờ giảm tốc, biển chỉ dẫn trên địa bàn thành phố Đồng Xoài	2478/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	3.436	3.436	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
18	Lắp đặt, cải tạo hệ thống chiếu sáng một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Đồng Xoài	2479/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	2.855	2.855	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
II	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành năm 2025		9.447	9.447	
	Trước ngày 30/6/2025		4.317	4.317	
1	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và Tái định cư Tiến Thành, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	2589/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	825	825	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
2	Nâng cấp, lắp đặt hệ thống chiếu sáng một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Đồng Xoài.	1754/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	3.492	3.492	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
	Sau ngày 30/6/2025		5.130	5.130	
1	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu cảnh quan đô thị kết hợp thoát lũ suối Rạt, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	3202/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	5.130	5.130	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
III	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 hoàn thành sau năm 2025		79.688	36.724	
1	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu kinh tế du lịch gắn liền với phát triển nông nghiệp đô thị và bảo tồn văn hóa dân tộc Bưng Sê, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	3198/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	2.920	2.920	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
2	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị sinh thái kết hợp thoát lũ Suối Cái Bè, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	3205/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	2.130	2.130	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
3	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc tiêu sở khu vực Hồ Bầu Cam, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	3200/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	2.740	2.740	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
4	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công viên cảnh quan kết hợp kinh tế xanh Suối Cam thành phố Đồng Xoài tỉnh Bình Phước.	3199/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	4.525	4.525	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
5	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái cộng đồng ven Sông Bé, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	3201/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	2.485	2.485	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
6	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và Tái định cư Tân Thành, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	3203/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	1.025	1.025	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
7	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo chỉnh trang Khu dân cư khu phố Phú Cường, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	3204/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	1.300	1.300	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
8	PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG		20.000	15.523	
9	San ủi mặt bằng, cắm mốc phân lô lên khuôn nền hạ dự án chợ Tân Thành	1905/QĐ-UBND ngày 27/6/2014	1.221	145	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
10	Xây dựng các tuyến đường khu dân cư ấp 3 xã Tân Thành	2223/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	12.892	3.201	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
11	GPMB+Xây dựng đường số 3 (đường quy hoạch số 12 từ đường PRĐ đến khu TTHC phường Tân Đồng)	444/QĐ-QLCDA ngày 23/5/2019	28.450	730	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành trước 31/12/2024		20.000	15.523	
1	Cắm mốc và đo vẽ bản đồ các tuyến đường quy hoạch trên địa bàn	2424/QĐ-UBND ngày 24/8/2021	20.000	15.523	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
Đ	PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		6.459	6.459	
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành trước 31/12/2024		6.459	6.459	
1	Trang thiết bị phòng học bộ môn còn thiếu	41/QĐ-UBND ngày 16/01/2024	6.459	6.459	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
Đ	VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND TP		9.372	591	
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành trước 31/12/2024		9.372	591	
1	Đầu tư hạ tầng công nghệ phục vụ xây dựng thành phố thông minh Đồng Xoài	4874/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	6.124	476	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
2	Xây dựng chính quyền điện tử và Đô thị thông minh thành phố Đồng Xoài	3936/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	3.248	115	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
E	XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG		15.558	11.008	
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành trước 31/12/2024		6.968	6.968	
1	Xử lý mặt bằng khu đất công Hồ Suối Cam I, cải tạo thành vườn hoa Thành phố Đồng Xoài	4549/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	6.968	6.968	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
II	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành năm 2025		3.090	3.090	
	Trước ngày 30/6/2025		1.000	1.000	
1	Thay thế đèn chiếu sáng bị hư hỏng một số tuyến đường trên địa bàn	3223/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	1.000	1.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
III	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 hoàn thành sau năm 2025		5.500	950	
1	GTĐB Công viên cây xanh xã Tiến Hưng (nghĩa trang xã Tiến Hưng) thị xã Đồng Xoài	01/QĐ-UBND ngày 04/01/2012	5.500	950	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
F	BAN QUẢN LÝ CHỢ ĐỒNG XOÀI		3.200	3.200	
II	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành năm 2025		3.200	3.200	
	Trước ngày 30/6/2025		3.200	3.200	
1	Nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy chợ Đồng Xoài.	3208/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3.200	3.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
G	BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ THÀNH PHỐ		12.200	12.200	
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành trước 31/12/2024		10.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
1	Xây dựng công+ hàng rào phía trước + nhà bảo vệ+ giếng khoan, đường điện trung, hạ thế và TBA khu vực hậu cần kỹ thuật Ban chỉ huy quân sự thành phố	653/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
II	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành năm 2025		2.200	2.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
	Trước ngày 30/6/2025		2.200	2.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
1	Xây dựng sân luyện tập thể dục thể thao Ban Chỉ huy quân sự thành phố	2237/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	2.200	2.200	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
H	CÔNG AN THÀNH PHỐ		1.680	1.680	
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành trước 31/12/2024		1.680	1.680	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
1	XD trụ sở làm việc đội tổng hợp và đội hậu cần Công an thành phố Đồng Xoài		1.680	1.680	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài
K.2	KHỐI XÃ, PHƯỜNG		382.055	350.686	
A	UBND PHƯỜNG TÂN PHÚ		32.439	22.439	
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành trước 31/12/2024		11.939	1.939	
1	XD kè, đường giao thông hai bên suối Mơ	184/QĐ-UBND ngày 07/02/2023	11.939	1.939	UBND phường Bình Phước
II	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 hoàn thành sau năm 2025		15.500	15.500	
1	GPMB+ Xây dựng đường Vành Đai (bên hông Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe) đoạn từ đường Phú Riêng Đỏ đến đường Hồ Xuân Hương, phường Tân Phú.	1744/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	15.500	15.500	UBND phường Bình Phước
III	Vốn hỗ trợ có mục tiêu giao phường quyết định đầu tư dự án		5.000	5.000	
B	UBND PHƯỜNG TÂN BÌNH		16.998	16.787	-
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành năm 2025		6.295	6.295	
	Trước ngày 30/6/2025		6.295	6.295	
1	Sửa chữa hội trường B - UBND phường Tân Bình	2542/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	1.620	1.620	UBND phường Bình Phước
2	Nâng cấp hệ thống thoát nước và mặt đường hẻm 585 (đoạn từ đường ĐT 741 đến đường Võ Văn Tần), phường Tân Bình	2420/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	4.675	4.675	UBND phường Bình Phước

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
II	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 hoàn thành sau năm 2025		2.354	2.354	
1	Xây dựng đường nối từ Mai Thúc Loan đến đường Võ Văn Tần, phường Tân Bình.	1750/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	2.354	2.354	UBND phường Bình Phước
III	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 hoàn thành sau năm 2025		3.349	3.138	
36	Xây dựng đường nối từ đường Trường Chinh đến đường Võ Văn Tần (đường QH N4), phường Tân Bình	672/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	3.349	3.138	UBND phường Bình Phước
IV	Vốn hỗ trợ có mục tiêu giao phường quyết định đầu tư dự án		5.000	5.000	
C	UBND PHƯỜNG TÂN ĐỒNG		30.960	29.960	
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành trước 31/12/2024		3.910	3.910	
1	Chặt hạ cây, vét một số đoạn khơi thông dòng chảy suối Rạt qua phường Tân Đồng	3048/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	2.090	2.090	UBND phường Bình Phước
2	Đường sỏi đỏ từ ngã năm đi khu phố 4, phường Tân Đồng	2433/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	1.820	1.820	UBND phường Bình Phước
II	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành năm 2025		25.960	24.960	
	Trước ngày 30/6/2025		17.260	16.260	
1	Xây dựng hoa viên khu Fafim cũ phường Tân Đồng	3207/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	800	800	UBND phường Bình Phước
2	Xây dựng đường vào nhà văn hoá khu phố 5, phường Tân Đồng	3224/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	14.800	13.800	UBND phường Bình Phước
3	Sửa chữa hội trường UBND phường Tân Đồng	2370/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.660	1.660	UBND phường Bình Phước
	Sau ngày 30/6/2025		8.700	8.700	
1	Đo vẽ, cắm mốc, nạo vét, mở rộng và làm đường sỏi đỏ hai bên suối (từ Phú Riềng Đỏ đến suối Rạt), phường Tân Đồng	2602/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	5.500	5.500	UBND phường Bình Phước
2	Xây dựng nhà văn hóa khu phố 1, phường Tân Đồng	3206/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3.200	3.200	UBND phường Bình Phước
III	Vốn hỗ trợ có mục tiêu giao phường quyết định đầu tư dự án		5.000	5.000	UBND phường Bình Phước
D	UBND PHƯỜNG TÂN THIỆN		19.163	18.997	
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành trước 31/12/2024		5.997	5.997	
1	Chặt hạ cây, vét một số đoạn khơi thông dòng chảy suối Rạt qua phường Tân Thiện	3046/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.557	1.557	UBND phường Bình Phước
2	Nâng cấp hệ thống thoát nước và mặt đường hẻm từ đường QH số 2 đến suối Cạn, phường Tân Thiện	2474/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	4.440	4.440	UBND phường Bình Phước
II	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành năm 2025		5.000	5.000	
	Trước ngày 30/6/2025		5.000	5.000	
1	Sửa chữa hội trường, sân bê tông và trụ sở làm việc UBND phường Tân Thiện	2569/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	5.000	5.000	UBND phường Bình Phước
III	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 hoàn thành sau năm 2025		3.166	3.000	
1	Nâng cấp đường Hoàng Hoa Thám, phường Tân Thiện	890/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	3.166	3.000	UBND phường Bình Phước
IV	Vốn hỗ trợ có mục tiêu giao phường quyết định đầu tư dự án		5.000	5.000	UBND phường Bình Phước
E	UBND PHƯỜNG TÂN XUÂN		81.615	61.623	
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành trước 31/12/2024		51.615	31.623	
1	Xây dựng đường C2 đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến ngã ba đường vào Suối Đá	3283/QĐ-UBND ngày 17/8/2017	8.854	114	UBND phường Bình Phước

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
2	Xây dựng đoạn đường từ cầu tổ 4, khu phố Suối Đá đến đường ĐT 741, phường Tân Xuân	3325/QĐ-UBND ngày 21/8/2017	2.585	84	UBND phường Bình Phước
3	Xây dựng đường vào nhà máy nước thải Đồng Xoài	2523/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	9.458	707	UBND phường Bình Phước
4	Chặt hạ cây, vét một số đoạn khơi thông dòng chảy suối Rạt qua phường Tân Xuân	4723/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	2.000	2.000	UBND phường Bình Phước
5	Nâng cấp, sửa chữa, làm cống hộp đầu tuyến, nạo vét, thu gom nước thải sinh hoạt... mương thoát nước Lê Quý Đôn, khu phố Xuân Lộc và Tân Xuân, phường Tân Xuân	2446/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	7.809	7.809	UBND phường Bình Phước
6	Làm đường BTXM 2 bên mương thoát nước Lê Quý Đôn, khu phố Xuân Lộc và Tân Xuân, phường Tân Xuân	2237/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	7.000	7.000	UBND phường Bình Phước
7	Đường từ Lê Quý Đôn đến ngã 3 (KP Suối Đá, KP Phước Bình), phường Tân Xuân	2240/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	6.500	6.500	UBND phường Bình Phước
8	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, cống và lan can 2 bên mương thoát nước đường Lê Quý Đôn (giai đoạn 2), phường Tân Xuân	2476/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	7.409	7.409	UBND phường Bình Phước
II	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành năm 2025		25.000	25.000	
1	Cải tạo, nâng cấp mở rộng hẻm 588 (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến ngõ 1089) và Ngõ 1089 (đoạn từ ngã ba Suối Đá đến Suối Đá), phường Tân Xuân.	1730/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	25.000	25.000	UBND phường Bình Phước
III	Vốn hỗ trợ có mục tiêu giao phường quyết định đầu tư dự án		5.000	5.000	UBND phường Bình Phước
F	UBND PHƯỜNG TIẾN THÀNH		14.400	14.400	
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành trước 31/12/2024		2.000	2.000	
1	Nâng cấp, cải tạo đường từ KCN Đồng Xoài II đi Tiến Hưng (địa bàn phường Tiến Thành)		2.000	2.000	UBND phường Đồng Xoài
II	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành năm 2025		7.400	7.400	
	Trước ngày 30/6/2025		7.400	7.400	
1	Xây dựng Chợ tự sản, tự tiêu phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài	2847/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	5.500	5.500	UBND phường Đồng Xoài
2	Sửa chữa hội trường UBND phường Tiến Thành	3054/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	1.900	1.900	UBND phường Đồng Xoài
III	Vốn hỗ trợ có mục tiêu giao phường quyết định đầu tư dự án		5.000	5.000	UBND phường Đồng Xoài
G	UBND XÃ TIẾN HƯNG		101.530	101.530	
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành năm 2025		8.530	8.530	
	Trước ngày 30/6/2025		8.530	8.530	
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài	1747/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	8.530	8.530	UBND phường Bình Phước
II	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới		3.000	3.000	UBND phường Bình Phước
III	Vốn hỗ trợ có mục tiêu giao phường quyết định đầu tư dự án		90.000	90.000	UBND phường Bình Phước
H	UBND XÃ TÂN THÀNH		78.950	78.950	
I	Danh mục các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 hoàn thành năm 2025		9.450	9.450	
	Trước ngày 30/6/2025		9.450	9.450	
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài	1756/QĐ-UBND ngày 29/5/2024	7.830	7.830	UBND phường Đồng Xoài
2	Sửa chữa hội trường UBND xã Tân Thành	2634/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	1.620	1.620	UBND phường Đồng Xoài
II	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới		8.500	8.500	UBND phường Đồng Xoài
III	Vốn hỗ trợ có mục tiêu giao phường quyết định đầu tư dự án		55.000	55.000	UBND phường Đồng Xoài

STT	Danh mục dự án, địa danh (cấp huyện, xã cũ)	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư (hoặc cơ quan theo dõi danh mục đối với các dự án đã tắt toán)
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		
1	2	3	4	5	6
IV	Vốn ủy thác ngân hàng chính sách		6.000	6.000	UBND phường Đồng Xoài